



THOMAS HARDY

Nguyễn Thành Nhân dịch

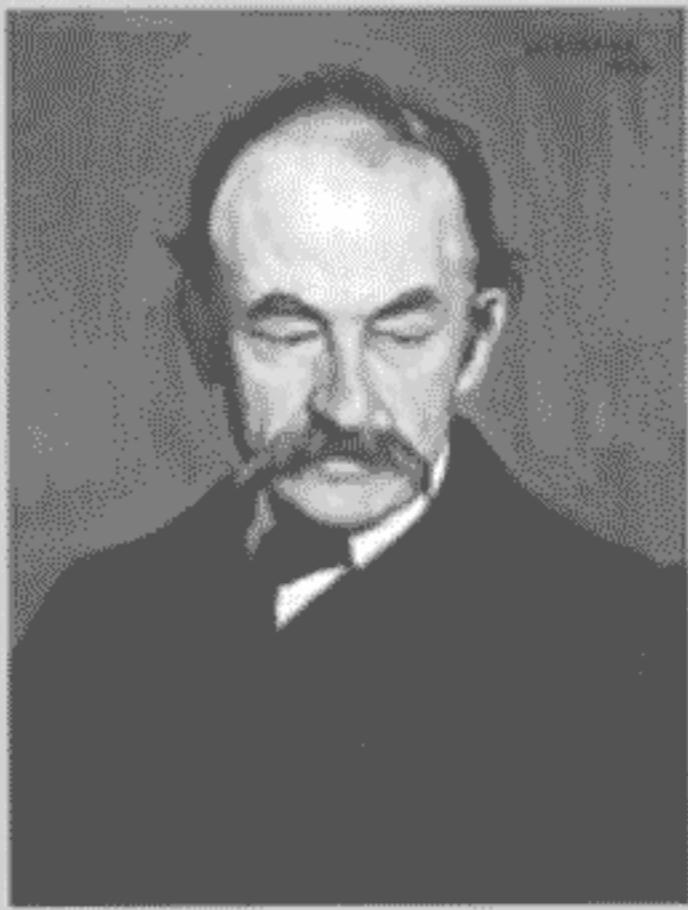
Tess

Một tâm hồn trong trắng

Tess of the d' Urbervilles - A Pure Woman




NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



THOMAS HARDY

(2/6/1840 - 11/1/1928)

Tiểu thuyết gia, nhà thơ và nhà soạn kịch nổi tiếng người Anh - chào đời tại làng quê hẻo lánh Higher Bockhampton.

Tron đời văn nghiệp, ông sáng tác tổng cộng mươi bốn tiểu thuyết (các tác phẩm nổi bật là: *Far From the Madding Crowd*, *The Return of the Native*, *The Mayor of Casterbridge*, *Tess of the d'Urbervilles*, và *Jude the Obscure*), hàng trăm truyện ngắn, hai vở kịch, và chín tập thơ.

Ông được xem là một nhà văn lớn của thế kỷ 19 và nhà thơ lớn của thế kỷ 20. Năm 1910, ông được tặng thưởng Huân chương Công trạng (Order of Merit).

Ngoài ra, ông được vinh hạnh đề cử cho giải Nobel Văn chương nhiều lần (1910 - 1914, 1920, 1923 - 1927).

Tess
Một tâm hồn trong trắng
Tess Of The d'Urbervilles - A Pure Woman
Thomas Hardy
Nguyễn Thành Nhân dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ THANH THỦY

Biên tập: Nguyễn Thị Liên
Trình bày: Hoàng Trung
Bìa: Linh Vũ

Tess

Một tâm hồn trong trắng

Tess of the d'Urbervilles - A Pure Woman

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh
Tess of the d'Urbervilles - A Pure Woman của Thomas Hardy.
Dịch giả giữ bản quyền bản tiếng Việt.

**BIỂU GÌN BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN
ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHU VỰC TP.HCM**

Hardy, Thomas, 1840-1928

Tess - Một tâm hồn trong trắng / Thomas Hardy ; Nguyễn Thành Nhân dịch. - T.P. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp T.P. Hồ Chí Minh, 2020

608 tr. ; 23 cm

Nguyên bản : Tess of the d'Urbervilles - A pure woman

ISBN 9786045855782

1. Tiểu thuyết Anh -- Thể kỵ 19. 2. Văn học Anh -- Thể kỵ 19. L. Nguyễn Thành Nhân. II. Tác. III. Tác: Tess of the d'Urbervilles - A Pure Woman.

823.8 -- ddc 23

H272

THOMAS HARDY

Nguyễn Thành Nhàn dịch

Tess

Một tâm hồn trong trắng

Tess of the d'Urbervilles - A Pure Woman



NHÀ XÃ XÃ HỌC
VĂN HỌC

Giới thiệu

Dù không được xếp hạng trong danh mục 100 tiểu thuyết tiếng Anh hay nhất mọi thời như *Jude - Kẻ vô danh* - vốn đầy những phê phán xã hội và tôn giáo của Thomas Hardy lên đến đỉnh điểm, và tạo nên nhiều phê phán tiêu cực đến độ ông dứt khoát từ bỏ văn xuôi và chuyển sang sáng tác thơ cho đến cuối đời, *Tess - một tâm hồn trong trắng vẫn* được khẳng định rộng rãi là một trong số các kiệt tác của ông.

Có thể nhấn mạnh một điểm đặc biệt khác ở *Tess*: trong số 14 tiểu thuyết của Hardy, nó là tác phẩm được độc giả thuộc mọi tầng lớp yêu thích nhiều nhất, ngay từ thời điểm được công bố lần đầu, dù có những chỉ trích gay gắt về chủ đề tư tưởng từ phía các nhà phê bình cực đoan, cho tới tận hôm nay. Và các tác phẩm chuyển thể từ *Tess* sang sân khấu, điện ảnh lên đến một con số đáng ngạc nhiên so với các tiểu thuyết khác của ông. Về sân khấu, có tổng cộng tám vở kịch hoặc ca nhạc kịch (opera) của các tác giả khác nhau được trình diễn nhiều lần trên những sân khấu lớn ở Luân Đôn, New York, Stratford-upon-Avon (quê hương của Shakespeare). Về điện ảnh, có bảy phim màn ảnh rộng (công diễn vào các năm 1913, 1924, 1967, 1979, 2000, 2011,

2013); bốn phim truyền hình (1952, 1960, 1998, 2008), trong đó tôi đã được xem hai phiên bản: năm 1998, do *London Weekend Television* sản xuất, đạo diễn Ian Sharp, với các diễn viên chính Justine Waddell (Tess), Jason Flemyng (Alec), và Oliver Milburn (Angel); và năm 2008, do *BBC* sản xuất, đạo diễn David Blair, các diễn viên chính gồm Gemma Arterton (Tess), Hans Matheson (Alec), Eddie Redmayne (Angel); cả hai phiên bản có những ưu và khuyết điểm khác nhau, nhưng nhìn chung đều thể hiện được khá chính xác tính cách của các nhân vật như miêu tả của Thomas Hardy⁽¹⁾.

Vì sao như vậy? Bạn đọc sẽ đặt câu hỏi. Và tôi xin được trả lời vấn tắt: so với Eustacia xinh đẹp theo kiểu hoang dã, có nhiều tham vọng vật chất trong *Trở lại cố hương*, và Sue xinh đẹp theo kiểu trí thức, tính nết thắt thường, với những quan điểm về tôn giáo, đạo đức, hôn nhân cực kỳ mâu thuẫn trong *Jude - Kẻ vô danh*, Tess Durbeyfield chỉ là một nàng thôn nữ, học hết lớp sáu trường làng. Nàng xinh đẹp một cách dân dã, như một đóa hoa đồng nội. Cả ba nhân vật nữ trong ba tiểu thuyết này đều có số phận không may: Eustacia tự sát; Sue bị mất ba đứa con và sống một cuộc đời tàn tạ héo hon với Philoston; nhưng số phận của Tess còn thảm thương hơn: nàng bị tử hình bằng cách treo cổ do đâm chết Alec. Số phận của nàng đen tối đến mức cùng cực như vậy, dù nàng chỉ có những mơ ước rất tầm thường, nhò nhoi, rất con người: có một người chồng mà mình yêu và yêu mình, sống

1. Xin tham khảo chi tiết tại: https://en.wikipedia.org/wiki/Tess_of_the_d%27Urbervilles

Độc giả có thể xem phim theo các link sau:

Version 1998: <https://www.youtube.com/watch?v=WIDxVNbyINgY&t=849s>

Version 2008: <https://www.dailymotion.com/video/x2739yo> (Part 1).

<https://www.dailymotion.com/video/x278s23> (Part 2)

<https://www.dailymotion.com/video/x27hc7d> (Part 3)

<https://www.dailymotion.com/video/x27dh3k> (Part 4)

một cuộc sống vừa đù, sẵn sàng làm bất cứ công việc chân tay vất vả nào. Mặt khác, nàng là một thiếu nữ, và sau là một phụ nữ có tâm hồn hoàn toàn trong trắng, nhưng lại bị Alec, một diễn chủ trẻ tuổi, phóng đăng quyến rũ và hãm hiếp từ năm nàng mới mười sáu tuổi, rồi sau đó lại dùng sức mạnh vật chất để chi phổi, nhằm mục đích sờ hữu nàng như sờ hữu một món đồ chơi ưa thích lần nữa, khi nàng đã kết hôn với Angel, nhưng hai vợ chồng đang sống xa nhau. (Nàng đã thú nhận với chồng quá khứ của mình vào đêm tân hôn. Do quan niệm quá cứng nhắc về trinh tiết và nghĩ rằng mình bị lừa, Angel đã rời nước Anh sang Brazil lập nghiệp với tư cách một chủ nông trại, chờ thời gian lảng lại để suy nghĩ kỹ hơn về mối quan hệ của vợ chồng anh.)

Ở tựa sách nguyên bản, ngoài tựa chính *Tess of the D'Urbervilles*, Thomas Hardy chủ tâm đưa thêm một tiểu tựa: *A Pure Woman Faithfully Presented*, chính là muốn nhấn mạnh đặc tính trong trắng thuần khiết này của Tess. Một nhân vật đáng yêu và đáng thương như vậy, đương nhiên sẽ đi vào lòng người đọc, và khơi gợi ở họ những cảm xúc thật sự khó quên.

Tess còn đáng yêu ở nhiều điểm khác: nàng yêu thiên nhiên, yêu cỏ cây hoa lá trong môi trường xung quanh, yêu các loài động vật nhò bé, yếu ớt và vô phuơng tự vệ như nàng.

Thông qua Tess, Thomas Hardy đã thẳng thắn phê phán những quan niệm cổ hủ và cứng nhắc về tín ngưỡng, đạo đức trong tình yêu và hôn nhân của thời kỳ Victorian. Chính vì lẽ đó mà khi nó được công bố lần đầu vào năm 1891 trên tờ họa báo *The Graphic* và sau đó xuất bản dưới hình thức sách (ba tập) cũng trong năm 1891, nó đã bị chỉ trích kịch liệt.

Một tác phẩm lớn đương nhiên sẽ có nhiều cách nhìn nhận và đánh giá khác nhau từ nhiều góc độ. Ở phần giới

thiệu này, tôi xin không nêu tóm tắt cốt truyện vì như thế sẽ rất dài dòng, không cần thiết; cũng không đưa ra những phân tích sâu về chủ đề hay về tính cách của các nhân vật, vì mong muốn độc giả sẽ là người tự có những nhận định của chính mình sau khi đọc tác phẩm. Chỉ xin đưa ra một nhận định nhiều cảm xúc của tôi với tư cách một người đọc, và một người dịch: Khi đọc về những cuộc đời, những con người có tâm hồn mộc mạc, thiện lương, với những mơ ước đơn sơ bình dị lại gặp toàn tai ương, hoạn nạn, một mặt chúng ta xót thương, đồng cảm với họ, mặt khác, chúng ta mơ ước một xã hội trong đó những bi kịch đó không còn tái diễn. Có lẽ đó cũng là ước mơ hoài vọng của tác giả khi viết tác phẩm này.

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 01/2020
Nguyễn Thành Nhân

PHẦN MỘT

Trinh Nữ

Chương 1 - Chương 11

Chương 1

Vào một xế chiều cuối tháng Năm, một người đàn ông trung niên đang từ Shaston đi bộ trở về nhà. Ông ở thôn Marlott, nằm tiếp giáp với Thung lũng Blakemore, hoặc Blackmoor. Đôi chân của ông yếu ớt, và dáng đi của ông có xu hướng hơi nghiêng sang trái. Thỉnh thoảng ông lại gật đầu, như thể xác nhận một ý nghĩ nào đó, dù ông không hề nghĩ tới một điều gì cụ thể. Ông móc lủng lẳng trên tay một cái giò đựng trứng trống rỗng, đội một cái mũ nỉ đã sờn, vành mũ bị rách toạc một mảng to và ông đưa ngón cái lên để giật nó ra. Đúng lúc đó ông nhìn thấy một vị cha xứ lớn tuổi ngồi vắt vẻo trên lưng một con lừa xám, miệng đang ngâm nga một khúc du ca.

“Chúc buổi tối tốt lành” ông cất tiếng chào.

“Chúc buổi tối tốt lành, Ngài John” vị cha xứ đáp lễ.

Kè bộ hành bước thêm một hai bước nữa, rồi dừng chân và quay lại.

“Xin thứ lỗi, thưa ông; chúng ta đã gặp nhau vào phiên chợ lần trước trên con đường này, cũng vào khoảng giờ này, tôi đã nói ‘Chúc buổi tối tốt lành,’ và ông cũng đáp lại ‘Chúc buổi tối tốt lành, Ngài John,’ như hiện giờ.”

“Đúng thế” vị cha xứ đáp.

“Và một lần trước đó nữa, gần một tháng trước.”

“Có lẽ tôi đã chào như thế.”

“Vậy ý của ông là gì khi gọi tôi là ‘Ngài John’ trong những lần này, khi tôi chỉ là Jack Durbeyfield, một người bán dạo quê mùa?”

Vị cha xứ giục lùa tới gần hơn.

“Đó chỉ là sở thích nhất thời của tôi” ông đáp; và nói thêm sau giây lát ngắn ngủi: “Cách đây ít lâu tôi phát hiện ra một việc, trong lúc đang săn lùng những phà hệ cho một cuốn sách lịch sử mới của hạt. Tôi là cha xứ Tringham, nhà khảo cổ, ở làng Stagfoot Lane. Durbeyfield, chẳng lẽ ông thật sự không biết rằng ông là đại diện của dòng tộc hiệp sĩ cổ xưa d’Urberville, vốn là hậu duệ của Ngài Pagan d’Urberville, vị hiệp sĩ lừng danh đến từ Normandy cùng với William - Kẻ Chinh phục, như được ghi trong Văn kiện của Tu viện Battle⁽¹⁾ hay sao?”

“Chưa bao giờ nghe nói tới nó, thưa ông!”

“Vâng, đúng thế đó. Hãy ngẩng cầm ông lên giây lát, để tôi có thể ngắm nét mặt nhìn nghiêng của ông rõ hơn. Phải, đó là cái mũi và cằm của dòng họ d’Urberville, dù hơi kém phẩm chất hơn chút đỉnh. Tổ tiên của ông là một trong mười hai hiệp sĩ của Lãnh chúa xứ Estremavilla ở Normandy trong cuộc chinh phục xứ Glamorganshire. Các nhánh gia tộc của ông có điển trang trên toàn bộ vùng này nước Anh; tên của họ xuất hiện trong Văn kiện vào thời Vua Stephen. Dưới triều Vua John, một người trong số họ đủ giàu để tặng một điển trang cho các Hiệp sĩ dòng Thánh John, và vào

1. Battle Abbey Roll: một bản danh sách tưởng niệm các hiệp sĩ đồng hành với William - Kẻ Chinh phục, được khắc trong một tu viện dòng Biển Đức ở thị trấn Battle, North Sussex.

thời Vua Edward Đệ Nhị, tổ tiên Brian của ông được mời tới Westminster để tham gia Đại hội đồng tại đó. Dòng tộc của ông bị sa sút đôi chút vào thời Oliver Cromwel⁽¹⁾, nhưng không nghiêm trọng lắm, và dưới triều của Charles Đệ Nhị, họ được phong làm Hiệp sĩ Cây Sồi Hoàng gia⁽²⁾ vì lòng trung thành. Phải, đã có những thế hệ Ngài John trong số tổ tiên của ông, và nếu tước hiệp sĩ có thể kế thừa như thuở trước, khi cha có thể truyền lại tước hiệu này cho con trai, giờ ông sẽ là Ngài John.”

“Ông đừng nói như thế!”

“Nói tóm lại,” vị cha xứ kết luận, vứt nhẹ roi vào chân mình với vẻ quả quyết, “khó mà có một gia tộc khác như thế ở nước Anh.”

“Một thông tin choáng cả người, phải không?” Durbeyfield đáp. “Và tôi đã lẩn lóc từ nơi này sang nơi khác, hết năm này sang năm khác, như thể tôi không hơn gì một gã tiểu phu tầm thường nhất trong xứ đạo... Tin tức này về tôi đã được biết từ bao lâu rồi, thưa cha xứ Tringham?”

Vị cha xứ giải thích rằng, trong chừng mực ông biết, thông tin này đã hoàn toàn tuyệt tích từ lâu, và hầu như không ai biết cả. Những điều tra riêng của ông đã được bắt đầu vào mùa xuân năm ngoái. Trong lúc truy tìm dấu tích thăng trầm của gia tộc d’Urberville, ông nhìn thấy cái tên Durbeyfield trên cỗ xe ngựa của Jack, và từ đó đã tiến hành điều tra về cha và ông nội của Jack cho tới khi không còn hỏi nghi gì về vấn đề này nữa.

-
1. Oliver Cromwel (1599-1658): lãnh tụ quân sự và chính trị của Khối Liên hiệp Anh, Wales, Scotland và Ireland.
 2. Royal Oak Knights: các hiệp sĩ có công trong việc khôi phục vương triều của Vua Charles II (1630-1685).

“Thoạt tiên tôi quyết định không quấy rầy ông với một thông tin vô ích như thế” ông nói. “Tuy nhiên, đôi khi những thói thục quá mạnh mẽ so với lý trí của chúng ta. Tôi nghĩ có lẽ lâu nay ông cũng biết đôi điều gì đó về việc này.”

“Vâng, đúng thế, tôi có nghe nói một hai lần, rằng tổ tiên tôi từng có những ngày tháng tốt đẹp hơn trước khi họ tới Blackmoor. Nhưng tôi không chú ý tới nó, nghĩ rằng nó chỉ có nghĩa là chúng tôi từng có thời làm chủ hai con ngựa trong khi bây giờ chỉ có một con. Tôi có một cái muồng bạc, và một con dấu niêm phong ở nhà; nhưng lạy Chúa, một cái muồng và một con dấu là gì chứ?... Và hãy nghĩ rằng tôi và những người cao quý họ d’Urberville này luôn có chung huyết thống mà xem. Tôi nghe nói ông cố của tôi có những bí mật, và không muốn nói về xuất xứ của mình... Và, thưa cha xứ, xin đánh bạo hỏi hiện giờ dòng họ d’Urberville của chúng tôi sống ở đâu?”

“Không ở đâu cả. Dòng họ của ông đã tuyệt tận, với tư cách một gia tộc từng sống trong hạt suốt nhiều thế hệ.”

“Thế thì tệ thật.”

“Phải, đó là cái mà những biên niên sử gia tộc viết sai sự thật gọi là sự tuyệt tự ở phía bên nội, nghĩa là đã chết, đã xuống mồ hết.”

“Vậy chúng tôi nằm ở đâu?”

“Ở Kingsbere-sub-Greenhill, có hàng hàng lớp lớp tổ tiên ông nằm trong những hầm mộ, với những chân dung khắc bên dưới những mái vòm cẩm thạch Purbeck.”

“Thế các dinh thự và thái ấp của gia tộc chúng tôi ở đâu?”

“Không có bất cứ thứ gì cả.”

“Ồ, cả đất đai cũng không?”

“Không; dù họ từng có thừa thãi, như tôi đã nói, vì gia tộc của ông bao gồm rất nhiều nhánh. Trong hạt này từng có một vùng đất của họ ở Kingsbere, một chỗ khác ở Sherton, một chỗ khác ở Millpond, một chỗ khác ở Lullstead, và một chỗ khác ở Wellbridge.”

“Vậy chúng tôi có khám phá trở lại được không?”

“Chà, tôi không thể nói được điều đó!”

“Vậy tốt nhất tôi nên làm gì về việc này, thưa ông?” Durbeyfield hỏi, sau một giây im lặng.

“Ô, không gì cả, không gì cả; ngoại trừ tự kiềm chế bản thân với ý nghĩ kè quyến quý đã suy sụp thế nào. Đây là một thực tế đáng chú ý với sứ gia và nhà phả hệ học địa phương, chỉ thế thôi. Có nhiều gia tộc của những nông dân trong hạt này cũng có gốc tích về vang gần như tương tự. Buổi tối tốt lành.”

“Nhưng ông sẽ quay lại và nhấm nháp một vại bia với tôi chứ, cha xứ Tringham? Có một loại bia rất khá ở quán Giọt Trong Lành, dù chắc chắn nó không ngon bằng ở quán của Rolliver.”

“Không, cảm ơn, chiều nay thì không, Durbeyfield. Ông đã uống đủ rồi.” Sau khi kết luận như thế, vị cha xứ giục lừa đi tiếp, hơi băn khoăn với quyết định của mình trong việc tiết lộ thông tin về gia tộc huyền thoại này.

Khi ông ta đã đi khỏi, Durbeyfield đi vài bước nữa trong trạng thái mơ mộng say sưa, rồi ngồi xuống bờ cỏ ven lộ, đặt cái giờ trước mặt. Vài phút sau, một thiếu niên xuất hiện ở phía xa và đang đi về hướng của ông. Khi nhìn thấy nó, ông giơ tay lên, và nó dần bước tới gần hơn.

“Cậu bé, hãy cầm cái giờ này lên! Ta muốn cậu làm giúp ta một việc vặt.”

Thằng bé gầy như củi cau mày. “John Durbeyfield, ông là ai mà ra lệnh cho tôi và gọi tôi là ‘cậu bé’? Ông biết tên tôi rõ như tôi biết tên ông mà!”

“Vậy sao, vậy sao? Đó là điều bí mật... Đó là điều bí mật! Giờ hãy làm theo lời ta, và đón nhận thông điệp ta sẽ nói với cậu... Ồ, Fred, ta không ngại nói với cậu rằng bí mật đó là ta là hậu duệ của một dòng dõi cao quý, ta mới phát hiện ra nó ngay chiều nay.” Trong lúc tuyên bố như thế, Durbeyfield, ngả người ra và thoải mái nằm duỗi người trên bờ cỏ, giữa những lùm cúc dại.

Thằng bé đứng trước mặt ông, và ngầm nghĩa ông từ đầu tới chân.

“Ngài John d’Urberville, đó chính là ta,” người đàn ông đang nằm nói tiếp, “nếu tước hiệu hiệp sĩ có thể kế thừa, mà đó là lẽ đương nhiên. Toàn bộ những điều về dòng dõi của ta đã được ghi chép trong sử sách. Cậu bé, cậu có biết một nơi gọi là Kingsbere-sub-Greenhill không?”

“Có. Tôi đã tới Hội chợ ở Greenhill.”

“Ồ, bên dưới nhà thờ của thành phố đó là...”

“Nơi tôi muốn nói không phải là một thành phố; ít ra là khi tôi tới đó. Nó là một địa điểm nhỏ xíu.”

“Đừng bạn tâm tới điều đó, cậu bé, đó không phải là vấn đề quan trọng. Năm bên dưới ngôi nhà thờ của giáo xứ đó là những tổ tiên của ta, hàng trăm người, trong những bộ áo giáp đính đầy châu báu, trong những cỗ quan tài bằng chì nặng hàng tấn. Không kẻ nào trong hạt South Wessex có những bộ xương tiên tổ vĩ đại và cao quý hơn ta.”

“Ồ?”

“Giờ hãy cầm lấy cái giò đó, tới thôn Marlott, và khi cậu tới quán Giọt Trong Lành, bảo họ hãy lập tức cho một cỗ xe

ngựa tới để chờ ta về nhà, trong thùng xe phải có thêm một chai rượu rum nhò. Khi làm xong việc đó, cậu hãy mang cái giỏ tới nhà ta, và bảo vợ ta hãy ngưng việc giặt giũ, vì bà không cần hoàn thành nó, và chờ cho tới khi ta về nhà, vì ta có tin tức cần nói với bà.”

Trong lúc cậu bé đứng phân vân, Durbeyfield thò tay vào túi và móc ra một si-ling, một trong số vài đồng ỏi mà ông có.

“Đây là tiền công của cậu, cậu bé.”

Việc này tạo nên một khác biệt trong suy đoán của cậu bé về địa vị của ông.

“Vâng, Ngài John. Cám ơn. Tôi có thể làm gì khác nữa, thưa Ngài John?”

“Bảo với vợ ta rằng ta muốn ăn bữa tối với thịt cừu rán nếu bà có thể kiếm được, còn nếu không có thì dồi tiết heo, và nếu không có món này thì phèo heo cũng được.”

“Vâng, thưa Ngài John.”

Thằng bé cầm lấy cái giỏ, và khi nó cất bước, một điệu kèn đồng vang lên từ hướng ngôi làng.

“Gi thế?” Durbeyfield nói. “Không phải vì ta đó chứ?”

“Đó là đám rước của hội phụ nữ, Ngài John. Con gái của Ngài là một trong số các hội viên của nó.”

“Chắc vậy rồi. Ta quên bằng việc này vì đang nghĩ tới những điều lớn lao hơn. Được rồi, hãy tới Marlott và gọi cỗ xe ngựa, có lẽ ta sẽ đánh xe đi một vòng và kiểm tra cái hội đó.”

Thằng bé lên đường, và Durbeyfield nằm chờ giữa những bụi cỏ và cúc dại dưới ánh nắng chiều. Suốt một hồi lâu không có ai đi ngang qua đó, và điệu kèn đồng văng vẳng là âm thanh con người duy nhất giữa những dãy đồi xanh.

Chương 2

Thôn Marlott nằm giữa những vùng đất nhấp nhô của Thung lũng xinh đẹp Blakemore, hoặc Blackmoor, như đã nói, một khu vực tách biệt với dải núi bao quanh, hầu hết đều chưa từng có một khách lăng du hoặc họa sĩ phong cảnh nào đặt chân tới, dù chỉ cách Luân Đôn một chặng đường chưa tới bốn tiếng đồng hồ.

Người ta có thể nhận biết tốt nhất về Blakemore bằng cách ngắm nhìn nó từ đỉnh của những ngọn đồi bao quanh - ngoại trừ trong những đợt hạn hán của mùa hè. Một cuộc dạo chơi ở những vùng hẻo lánh của nó khi thời tiết xấu có thể mang tới sự bất mãn do những con đường nhỏ hẹp, ngoằn ngoèo và lầy lội.

Vùng quê màu mỡ và được che chở này, trong đó những cánh đồng không bao giờ ngả sang màu nâu và những dòng suối không bao giờ cạn, tiếp giáp với dãy núi đá phấn sừng sững ôm ấp những ngọn đồi Hamledon, Bulbarrow, Nettlecombe-Tout, Dogbury, High Stoy, và Bubb Down ở phía nam. Khách bộ hành từ bờ biển, sau khi tiến về phía bắc hai mươi dặm qua những vùng đất thấp và đồng lúa, sẽ đột nhiên chạm trán rìa của một trong những vách núi này và ngạc nhiên, thích thú khi nhìn thấy một vùng quê mở ra bên dưới như một tấm bàn đỗ, hoàn toàn khác với vùng đất

mà y đã đi qua. Phía sau y là những ngọn đồi, mặt trời tỏa nắng xuống những cánh đồng rộng lớn như chỉ rõ đặc tính phơi mở của phong cảnh; những lối mòn trắng xóa, những bờ rào thấp và dày, bầu không khí trong veo. Tại đây, trong thung lũng, thế giới dường như được xây dựng trên một tỷ lệ nhỏ bé hơn và tinh tế hơn; những cánh đồng chỉ là những mảnh đất nhỏ, bị giảm thiểu đến nỗi từ độ cao này các bờ rào của chúng hiện ra như một mạng lưới những sợi chỉ xanh thẫm trên nền xanh nhạt nhẽo của cỏ. Bầu không khí bên dưới nặng nề, và nhuốm một màu xanh trời dịu vợi mà những họa sĩ gọi là sắc độ của khoảng xa, trong lúc chân trời mé ngoài thẫm một màu xanh biếc sâu thẫm nhất. Đất có thể canh tác rất ít và hạn chế; trừ những ngoại lệ hiếm hoi, toàn cảnh là một tấm thảm rộng sum suê cây cỏ, che phủ những ngọn đồi và thung lũng nhỏ nằm bên trong nó. Đó chính là Thung lũng Blakemore.

Huyện này đáng chú ý cả về mặt lịch sử lẫn địa hình. Hồi thời trước, thung lũng được biết tới dưới cái tên Bạch Lộc Lâm (Forest of White Hart), từ một truyền thuyết vào thời Vua Henry III trị vì. Một người tên là Thomas de la Lynd đã giết chết một con hươu trắng mà nhà vua từng nuôi và đã thả đi khi nó già yếu. Ông ta phải chịu một khoản tiền phạt nặng. Vào thời đó, và đến tận thời gian tương đối gần đây, vùng này là rừng rậm. Thậm chí hiện giờ, người ta vẫn nhìn thấy dấu vết của nó ở những cụm sồi già và khu vực cây thân gỗ còn sót lại trên các sườn đồi, và những cây to rỗng ruột che mát cho nhiều đồng cỏ.

Cánh rừng đã mất, nhưng một số phong tục cũ chịu ảnh hưởng của nó vẫn còn sót lại. Tuy nhiên, nhiều trong số đó chỉ lay lắt tồn tại dưới một hình thức đã biến đổi hoặc trá

hình. Chẳng hạn như cuộc khiêu vũ May Day⁽¹⁾ chiều hôm ấy, dưới cái vỏ ngụy trang một cuộc lễ hội, hoặc đám rước của hội phụ nữ, như tên gọi của nó ở vùng đất này.

Đó là một sự kiện thú vị đối với thôn dân ở Marlott, dù những kẻ tham gia lễ hội không nhận ra sự thú vị thật sự của nó. Tính chất đặc biệt nằm ở chỗ những thành viên đều là nữ chứ không phải là ở chỗ tập tục đi bộ trong đám rước và khiêu vũ vẫn còn lưu giữ được. Trong các hội của đàn ông, những cuộc lè lạt như thế, dù vẫn kéo dài lay lắt, kém phổ biến hơn nhiều; nhưng sự e thẹn của giới tính yếu mềm hơn, hoặc thái độ mỉa mai của đám đàn ông, đã tước khói một vài hội còn lại của phụ nữ (nếu còn bất cứ hội nào) điều từng là niềm vinh dự và sự toàn bích của chúng. Chỉ còn duy nhất hội của thôn Marlott duy trì tập tục lễ hội Cerealia⁽²⁾ của địa phương. Nó đã tồn tại suốt nhiều trăm năm, nếu không phải là một hội vì lợi lộc thì cũng là một dạng hội mang tính chỉ em tương trợ, và nó vẫn còn tồn tại.

Toàn bộ đoàn diễu hành đều mặc áo dài trắng - một tàn tích vui vẻ từ những thời Lịch Kiểu Cũ⁽³⁾, khi niềm vui đồng nghĩa với lễ hội tháng Năm - những ngày trước khi thói quen lo xa cà nghī đã giảm thiểu những cảm xúc xuống một mức bình thường đơn điệu. Cuộc trình diễn đầu tiên của họ là đi thành một đám rước hai hàng đôi vòng quanh xứ đạo. Lý tưởng và thực tế chạm nhau khi mặt trời soi sáng hình dáng nổi bật của họ trên những bờ giậu xanh ngắt và những mặt tiền nhà phủ kín dây leo; bởi, dù toàn thể đều mặc đồ trắng,

1. Ngày lễ mừng mùa xuân diễn ra vào ngày 1 tháng 5.

2. Trong tín ngưỡng La Mã cổ đại, Cerealia là một lễ hội chính để tôn vinh nữ thần mùa màng, nông nghiệp Ceres. Nó được tổ chức trong 7 ngày từ giữa đến cuối tháng Tư, nhưng thời điểm không xác định.

3. Old Style days: thời gian trước năm 1752, khi Anh thay lịch Julian bằng lịch Gregorian.

không có hai màu trắng nào trùng nhau trong số họ. Một số mặc màu trắng đơn thuần; số khác với một sắc trắng ngà sang xanh trời; một số mặc đồ may theo kiểu cũ (vốn nằm im trong tủ suốt nhiều năm), có xu hướng ngà sang một sắc trắng cháo lòng, và may theo kiểu thời Georgia.

Ngoài sự khác biệt của sắc áo, mỗi người đàn bà và thiếu nữ cầm trên tay phải một nhánh liễu đã lột vỏ và trên tay trái một bó hoa trắng. Cách lột vỏ và cách chọn hoa tùy vào ý thích cá nhân.

Trong đoàn cũng có vài phụ nữ trung niên và cao tuổi, mái tóc bạc xơ xác, gương mặt nhăn nheo của họ, dưới sự đè nặng của thời gian cùng những muộn phiền lo lắng, trông có vẻ lố bịch và lạc lõng trong một hoạt cảnh vui tươi như thế. Có lẽ từ một góc nhìn chân thật, còn có nhiều điều hơn nữa để nói về từng bà lão lo âu và giàu kinh nghiệm mà tuổi đời đã gần kết thúc khi bà ta nói, “Ta chả vui thú chút nào trong chuyện này”, so với những bạn đồng hành trẻ trung của bà ta. Nhưng thôi, hãy tạm gác lại những bà lão để nói tới những kè mà bên dưới lớp váy áo của họ cuộc sống đang đập một nhịp rộn ràng và ấm áp.

Thật sự, các cô gái trẻ là thành phần chủ yếu của đám rước, và những mái tóc dày mượt của họ phản chiếu dưới ánh nắng mọi cung bậc của màu vàng, đen, nâu. Một số có đôi mắt đẹp, số khác có chiếc mũi đẹp, số khác có đôi môi và thân hình đẹp; một số ít, nếu có, có tất cả các vẻ đẹp đó. Sự khó khăn rõ rệt trong việc giữ cân bằng mái đầu, tư thế tự nhiên của đôi môi, và sự ngượng ngập trước cái nhìn soi mói của công chúng cho thấy họ là những thôn nữ quê mùa chất phác, chưa quen với ánh mắt của nhiều người.

Mỗi người trong bọn họ được sưởi ấm mà không cần tới ánh mặt trời, vì mỗi người đều có một vầng thái dương riêng

cho tâm hồn để tâm mình trong đó; một giấc mơ, một tình quyến luyến, một sở thích cá nhân, ít nhất một hy vọng xa xôi nào đó, mà dù có lẽ không hướng tới điều gì, vẫn hiện hữu, như những niềm hy vọng vẫn sẽ là như vậy. Tất cả đều vui vẻ, và nhiều người tươi tắn như hoa.

Khi họ đi vòng qua quán Giọt Trong Lành, và ngoặt ra con đường lớn để đi qua một cánh cổng nhỏ mở ra những đồng cỏ, một người trong bọn nói:

“Ôi trời! Sao chứ, Tess Durbeyfield, không phải tía⁽¹⁾ chỉ đang về nhà trong một cỗ xe ngựa đó hay sao!”

Một thành viên trẻ tuổi trong đoàn quay đầu lại khi nghe tiếng cám thán. Nàng là một thiếu nữ xinh xắn. Có thể không xinh hơn một số khác. Nhưng đôi môi như hai cánh mảnh đơn vừa hé nở và đôi mắt to ngây thơ bổ sung thêm sức thuyết phục cho màu sắc và hình thể. Nàng đeo một dải băng đỏ đỏ trên tóc và là người duy nhất trong bọn có thể tự hào với một vật trang sức dễ nhận ra như thế. Khi quay lại, nàng trông thấy Durbeyfield đang ngồi trong một cỗ xe độc mà của quán Giọt Trong Lành, xà ích là một cô gái tóc xoăn rắn rỏi, tay áo xắn cao trên hai khuỷu tay. Đó là cô hầu bàn vui tính trong quán, đôi khi kiêm thêm vai trò người chăm sóc ngựa và đánh xe. Durbeyfield ngồi ngã lưng trên ghế, mắt nhắm tít, vừa giơ tay vẫy vẫy trên đầu vừa chậm rãi ngâm nga:

1. Trong bản tiếng Anh sử dụng rất nhiều phương ngữ. Vì tránh gãy khó chịu cho độc giả, và thật sự rất khó chuyển tải nét độc đáo của phương ngữ tiếng Anh sang tiếng Việt do nhiều bất đồng, người dịch sẽ dịch những phương ngữ trong bản gốc theo từ ngữ thông thường; nhưng, đồng thời, để nhấn mạnh tính địa phương (miền Nam nước Anh), xin sử dụng một số đại từ nhân xưng miền Nam Việt Nam như: Ông, bà, tía, má... thay cho những phương ngữ khác không thể chuyển ngữ như đã nói trên.

“Ta có một hầm mộ gia tộc ở Kingsbere... và những tổ tiên được phong tước hiệp sĩ năm trong những cỗ quan tài bằng chì!”

Cả bọn cười khúc khích, trừ cô gái được gọi là Tess; dường như một ngọn lửa nóng bừng đang bốc lên trong đầu nàng với ý nghĩ rằng cha nàng đã tự biến mình thành một gà ngốc trong mắt họ.

“Ông mệt, chỉ thế thôi” nàng nói vội. “Và ống đã quá giang về nhà, vì hôm nay con ngựa của chúng tôi phải được nghỉ ngơi.”

“Chúa ban phúc cho sự đơn giản của chị, Tess ạ” các bạn của nàng nói. “Ông đã nốc khá nhiều rượu ở chợ. Ha ha!”

“Nè, tôi sẽ không bước thêm bước nào nữa với chị, nếu chị nói bất cứ câu đùa cợt nào về ông!” Tess kêu lên, và màu đỏ trên má nàng lan ra khắp gương mặt, xuống tới cổ. Trong thoáng chốc, mắt nàng ngắn nước, và nàng cúp mắt nhìn xuống đất. Nhận thấy nàng thật sự đau lòng, họ không nói thêm gì nữa, và trật tự lại được vãn hồi. Lòng kiêu hãnh của Tess không cho phép nàng quay lại lần nữa để xem cha mình muốn nói điều gì, nếu có; do đó nàng xoay người đi về phía mảnh đất có rào bao quanh trên bãi cỏ, nơi sẽ diễn ra cuộc khiêu vũ. Khi tới đó, lòng nàng cũng đã bình thản lại; nàng vui nhẹ nhàng liều vào người bên cạnh và nói chuyện như thường lệ.

Vào thời điểm này, Tess Durbeyfield chỉ là một nguồn cảm xúc thuần khiết, chưa bị kinh nghiệm nhuộm đen. Ở một mức độ nào đó, nàng vẫn phát âm với giọng địa phương, dù đã theo học ở trường làng: trong huyện này đặc điểm của thứ phương ngữ đó là âm tiết UR, có lẽ cũng được phát âm đa dạng như bất cứ từ ngữ nào có thể tìm thấy trong cách nói

của loài người. Nàng hơi bùi bờ môi trên đò thẳm và nó hầu như chưa kịp quay lại hình dáng bình thường khi nàng phát ra âm tiết này, còn bờ môi dưới của nàng có xu hướng đẩy vị trí ở giữa môi trên lên, khi chúng khép lại sau một từ.

Những giai đoạn thơ ấu vẫn còn ẩn nấp trong diện mạo của nàng. Hôm nay, trong lúc nàng bước đi, bạn có thể thỉnh thoảng nhìn thấy trên nét mặt thiếu nữ xinh đẹp hồng hào đó tuổi mười hai của nàng trên đồi má, hoặc tuổi lên chín lấp lóe trong đôi mắt; và thậm chí tuổi lên năm đồi khi thoảng gợn trên những đường cong của đôi môi.

Thế nhưng rất ít người biết, và còn ít người hơn nữa nghĩ tới điều này. Một thiểu số nhỏ, chủ yếu là người lạ, sẽ nhìn nàng hơi lâu khi tình cờ bước ngang qua, thầm ngưỡng mộ vẻ tươi tắn của nàng và tự hỏi họ có bao giờ gặp nàng lần nữa hay chẳng. Nhưng với hầu hết mọi người, nàng chỉ là một thôn nữ xinh đẹp, không hơn.

Không ai nhìn thấy hay nghe thấy gì nữa từ Durbeyfield đang ngồi trong cỗ xe khải hoàn dưới sự điều khiển của tay nữ xà ích, và đám rước đã đi vào địa điểm ấn định, cuộc khiêu vũ bắt đầu. Vì trong đoàn không có đàn ông, lúc đầu các cô gái nhảy với nhau, nhưng khi sắp tới giờ nghỉ việc, những cư dân nam giới trong thôn, cùng những người đi bộ và nhàn rỗi khác tụ tập lại quanh sân khiêu vũ và có vẻ muốn bước tới xin làm bạn nhảy.

Trong số khán giả này có ba thanh niên thuộc tầng lớp trên, lưng đeo ba lô và tay cầm gậy chống. Vẻ giống nhau và tuổi tác xê xích gần nhau của họ cho thấy họ có thể là ba anh em ruột, và quả là như thế. Người lớn tuổi nhất đeo một chiếc cà vạt trắng, mặc áo chẽn cao, và đội một cái mũ vành mòng theo kiểu mũ các cha phó hay đội; người thứ hai là một sinh viên bình thường; diện mạo của người thứ ba và trẻ

nhất hẫu như không đủ để xác định đặc điểm của gà; có một vẻ bất cần, thoái mái trong đôi mắt và trang phục của gà cho thấy gà hẫu như chưa bước vào nếp sống chuyên môn. Chỉ có thể đoán gà là một sinh viên còn lưỡng lự chưa dứt khoát chọn nghề nào.

Ba anh em này nói với những kẻ tình cờ quen biết rằng họ đang nghỉ lễ Whitsun và thực hiện một chuyến đi bộ qua Thung lũng Blakemore về phía tây nam từ thị trấn Shaston ở hướng đông bắc.

Họ tựa lưng vào cánh cổng gần đường lớn, và hỏi thăm ý nghĩa của cuộc khiêu vũ, về các cô gái mặc đồ trắng. Rõ ràng hai người lớn tuổi hơn không định nán ná lâu hơn, nhưng cảnh tượng một đám thanh nữ khiêu vũ mà không có bạn nhảy nam đường như lôi cuốn kẻ thứ ba, khiến gà không vội lên đường. Gà tháo ba lô ra, đặt nó và cây gậy lên bờ giậu, và mở cổng.

“Em định làm gì đó, Angel?” người lớn tuổi nhất hỏi.

“Em muốn nhập bọn vui chơi với họ. Sao cả ba chúng ta không tham dự chứ, chỉ một hai phút thôi, nó sẽ không cấm chân chúng ta lâu.”

“Không, không, vớ vẩn” người anh cả nói. “Nhảy múa trước công chúng với một đám thiếu nữ quê mùa lanh chanh, giả sử có ai nhìn thấy chúng ta thì sao! Đi thôi, không trời sẽ tối trước khi chúng ta tới Stourcastle, và không có nơi nào gần hơn chỗ đó để chúng ta ngủ lại; ngoài ra, chúng ta phải nghiên cứu một chương khác trong cuốn *Một luận điểm phản đối Thuyết Bất khả tri* trước khi ngủ. Anh đã cất công mang nó theo.”

“Được rồi, em sẽ đuổi kịp anh và Cuthbert trong năm phút; dừng dừng lại; em hứa mà, Felix.”

Hai ông anh miễn cưỡng bỏ gà lại và cất bước, mang theo cái ba lô của gà để giúp gà dễ đuổi theo hơn, và cậu em út bước vào sân khiêu vũ.

“Thật ngàn lần đáng tiếc” gà lě phép nói với hai ba cô gái gần nhất, ngay khi điệu nhảy tạm dừng. “Các bạn nhảy nam của các cô đâu, các quý cô thân mến?”

“Họ còn đang làm việc” một cô bạo dạn nhất đáp. “Họ sẽ lần lượt tới đây. Cho tới lúc đó, ông sẽ là một bạn nhảy chứ, thưa ông?”

“Tất nhiên rồi. Nhưng một người thì có là gì giữa quá nhiều người!”

“Vẫn tốt hơn là không có ai. Đối diện và nhảy với một người cùng giới thì buồn lắm, vì không có cái ôm nào hết. Giờ hãy chọn đi nào.”

“Suyt, đừng có quá sốt sắng như thế!” một cô gái e thẹn hơn nói.

Khi được mời mọc như thế, chàng trai trẻ nhìn thoáng qua bọn họ, cố phân biệt, nhưng vì nhóm này quá mớm mè, gà không thực hiện tốt lắm việc này. Gà chọn hầu như người đầu tiên tới gần, không phải người phát biểu, như nàng ta mong đợi; cũng không phải Tess Durbeyfield. Phả hệ, những bộ xương của tổ tiên, ghi chép trên bia đá và những đặc điểm diện mạo của dòng họ d'Urberville đều không giúp Tess trong trận chiến của đời nàng, thậm chí ở mức độ thu hút cho mình một bạn nhảy trước tầng lớp nông dân bình thường nhất. Dòng máu Norman thiếu sự trợ giúp tiềm tài của thời đại Victoria cũng chỉ là vô giá trị.

Tên của cô gái nổi trội, bất kể là gì, không được truyền lại đời sau; nhưng nàng bị tất cả ghen tị vì là người đầu tiên được hưởng thụ niềm vui xa xỉ có bạn nhảy đàn ông tối đó.

Thế nhưng đó là một tấm gương mạnh mẽ đến độ các chàng trai trẻ trong thôn, vốn không hấp tấp bước vào cổng khi chưa có kè không mời mà đến, giờ vội vàng nhập cuộc, và chẳng bao lâu các cặp nam nữ chiếm phần đa số, cho tới cuối cùng cô gái xấu xí nhất trong hội cũng không còn buộc phải nhảy với vai trò nam giới.

Khi chuông nhà thờ điểm giờ, gà sinh viên đột ngột nói rằng gà phải đi - gà đã quên mất chính mình - gà phải đuổi kịp các bạn đồng hành. Khi rời khỏi cuộc khiêu vũ, ánh mắt gà bắt gặp Tess Durbeyfield. Thật sự, đôi mắt to của nàng ẩn chứa lời trách móc rằng gà đã không chọn nàng. Khi đó, gà cũng tiếc nuối rằng do nàng ở phía sau, gà đã không nhìn thấy nàng, và với ý nghĩ đó, gà rời khỏi bãi cỏ.

Do đã nán ná lâu, gà bắt đầu đi như chạy xuôi con đường mòn về hướng tây, và chẳng bao lâu đã đi qua cái lùng nhỏ, trèo lên một ngọn đồi khác. Gà vẫn chưa đuổi kịp các anh trai, nhưng gà tạm dừng để thở và ngoái nhìn lại. Gà có thể nhìn thấy những thân hình màu trắng của các cô gái trong mảnh đất xanh bên trong hàng rào đang xoay tròn như đã xoay tròn khi gà còn ở đó. Có vẻ như họ đã hoàn toàn quên gà rồi.

Tất cả, trừ một người, có lẽ. Hình dáng màu trắng này đứng tách biệt một mình cạnh bờ rào. Từ tư thế của nàng, gà biết đó là cô gái xinh đẹp mà gà đã không mời nhảy. Dù đây chỉ là việc vặt, bàn nǎng khiến gà cảm thấy nàng đã bị tổn thương vì sự sơ suất của mình. Gà ước gì đã mời nàng; gà ước gì đã hỏi tên nàng. Nàng quá nhu mì, quá tràn đầy cảm xúc; với chiếc áo dài trắng, trông nàng dịu dàng đến nỗi gà cảm thấy gà đã hành động thật ngu xuẩn.

Dù sao, không thể cứu vãn gì được nữa, và gà quay đi, dần bước, loại bỏ ý nghĩ về nàng khỏi tâm trí.

Chương 3

Về phần Tess Durbeyfield, nàng không dễ xua đuổi sự cố đó khỏi ý nghĩ. Nàng không còn tinh thần để nhảy lại suốt một lúc lâu, dù nàng có thể có nhiều bạn nhảy; nhưng, chao ôi, họ không nói năng lịch thiệp như chàng trai xa lạ đó. Chỉ khi hình dáng của gã đã chìm khuất trong ánh nắng chiều nàng mới xóa bỏ được nỗi buồn nhất thời và quả quyết đáp lại lời mời của những người bạn nhảy.

Nàng ở lại với các bạn cho tới tối, và tham gia khiêu vũ với sự say mê; dù cho tới lúc này vẫn chưa thích ai, nàng thích thú điệu nhảy vì chính nó, không ý thức nhiều lắm về điều mà chính nàng cũng có thể vướng phải, khi nàng nhìn thấy “những sự tra tấn êm đềm, những niềm cay đắng ngọt ngào, những cơn đau thú vị, và những nỗi buồn dễ chịu” của các cô gái đã bị tán tỉnh và chiếm lấy trái tim. Sự cạnh tranh của các chàng trai để được nhảy với nàng một điệu jdg là một niềm vui đối với nàng, chỉ thế thôi; và khi họ tỏ ra quá trớn thì nàng khiển trách họ.

Nàng có thể ở lại thậm chí muộn hơn, nhưng sự xuất hiện cùng thái độ lả lùng của cha nàng quay lại trong tâm trí và nàng bắt đầu lo lắng; vừa tự hỏi về tình trạng của ông, nàng vừa tách khỏi những cặp bạn nhảy và bước về phía cuối thôn, nơi có ngôi nhà tranh của cha mẹ nàng.

Khi chỉ còn cách nhà vài chục mét, nàng nghe thấy những âm thanh nhịp nhàng khác với thứ nhạc nàng vừa rời khỏi, những âm thanh mà nàng biết rõ, rất rõ. Chúng là những chuỗi ồn ào thường xuyên từ bên trong ngôi nhà, thỉnh thoảng do tiếng lắc lư mạnh của một cái nôi trên nền nhà bằng đá, kèm theo là một giọng phụ nữ ca theo nhịp ngựa phi, bài hát ngắn ưa thích về “Con bò cái đốm”:

*“Tôi nhìn thấy nó nằm xuống trong cụm rừng xanh xa xa;
Tôi đây, tình yêu! Và tôi sẽ nói cho nàng biết nơi nào!”*

Tiếng nôi lắc lư và bài ca thường dừng lại cùng lúc trong giây lát, và một giọng ngâm nga với âm độ cao nhất sẽ thế chỗ cho điệu nhạc:

*“Chúa phù hộ cho đôi mắt sáng như kim cương của con!
Và đôi má mịn như sáp của con! Và cái miệng đỏ thắm như
quả anh đào của con! Và cặp đùi mຸm mິm của con! Và từng
phản trên thân thể được ban phúc của con!”*

Sau lời nguyện cầu này, tiếng đưa nôi và tiếng ca lại tái diễn, và “Con bò cái đốm” lại tiếp tục như trước. Tình hình là thế khi Tess mở cửa và dừng lại trên tấm thảm trong nhà, quan sát cảnh tượng bên trong.

Bất chấp điệu nhạc, trước mắt cô gái là một cảnh tượng u buồn àm đạm vô tà. Từ những niềm vui lề hội trên đồng - những chiếc áo dài trắng, những bó hoa tươi, các nhánh liễu, các cử động xoay tròn trên bâi cỏ xanh, một thoáng cảm xúc êm đềm với kẻ xa lạ - tới cảnh tượng àm đạm dưới ánh nến này là một thay đổi lớn lao! Trước sự tượng phản rõ ràng, nàng thảm tự trách mình thậm tệ vì đã không về sớm hơn để giúp mẹ làm những công việc nội trợ, thay vì tự nuông chiều bản thân ngoài kia.

Mẹ nàng đứng giữa một đám trẻ con, như khi Tess rời khỏi nhà, treo mình trên cái chậu giặt quần áo của ngày thứ Hai, mà hiện tại, như lúc nào cũng thế, sẽ bị gác lại cho tới cuối tuần. Ngày hôm trước, được lấy ra từ cái chậu đó - Tess vuốt nhẹ nó với một cảm giác ân hận nhói lòng - chính là cái áo trắng đang mặc trên người mà nàng đã bắt cẩn làm cho vạt áo bị nhuộm xanh nhựa cò. Mẹ nàng đã tự tay vò và úi nó.

Như thường lệ, bà Durbeyfield giữ thăng bằng trên một bàn chân đặt bên ngoài chậu giặt, bàn chân kia đang làm công việc đưa nôi đã nói trên cho đứa con nhỏ nhất. Cái nôi đu đưa đã thực hiện nhiệm vụ nhọc nhằn suốt nhiều năm, dưới sức nặng của nhiều đứa trẻ con, trên cái nền nhà lát đá đó, đến độ nó mòn gần như bẳng phẳng, kết quả là với một cái giật mạnh kèm theo mỗi lần đẩy nôi, em bé đu đưa từ phía này sang phía kia như một con thoi của thợ dệt. Phấn khích với bài ca, bà Durbeyfield đạp cái nôi với toàn bộ sức lực còn lại trong người sau một ngày dài giặt vò quần áo.

Cót két, cót két, cái nôi chuyển động; ngọn lửa của cây nến tự bốc lên cao, và bắt đầu nhún nhảy lên xuống; nước nhỏ giọt từ hai cùi chỏ của người phụ nữ trung niên, và bài ca tiếp tục cho tới câu cuối, trong lúc bà Durbeyfield nhìn cô con gái. Thậm chí tới giờ, với gánh nặng của một gia đình trẻ trên vai, Joan Durbeyfield vẫn say mê ca hát. Không có bài ca ngắn nào lọt vào Thung lũng Blakemore từ bên ngoài mà mẹ của Tess không thuộc lầu nó trong một tuần.

Trên gương mặt của bà vẫn còn đôi nét tươi tắn, thậm chí vẻ xinh xắn của tuổi trẻ; chắc chắn là nét đẹp mà Tess có thể tự hào phần lớn đến từ người mẹ, và do đó không có gì mang tính chất hiệp sĩ hay lịch sử ở nàng.

“Má à, con sẽ đưa nôi giúp má” cô con gái dịu dàng nói. “Hoặc con sẽ cởi cái áo đẹp nhất ra và giúp má giặt nó? Con cứ tưởng má đã xong việc lâu rồi.”

Mẹ Tess không phiền trách gì nàng về việc bò mặc việc nhà cho một mình bà xoay xở lâu như thế; thật sự, Joan chưa từng quở trách nàng vì lý do đó lần nào, chỉ hơi thấy thiếu sự trợ giúp của nàng trong lúc bà dự định sẽ nghỉ ngơi đôi chút. Tuy nhiên, tối nay thậm chí bà còn thanh thản hơn thường lệ. Có một vẻ mơ màng, một mối bận tâm, một vẻ hờ hờ, trong cái nhìn của người mẹ mà Tess không hiểu nổi.

“Ồ, má mừng vì con đã về” mẹ nàng nói, ngay khi kết thúc từ cuối của bài ca. “Má muốn đi đón tía con, nhưng còn hơn thế, má muốn nói với con chuyện gì đã xảy ra. Con sẽ khoái chí⁽¹⁾ lắm khi biết chuyện, bé cưng⁽²⁾ ạ!” (Bà Durbeyfield có thói quen nói phương ngữ; con bà, vốn đã học hết lớp sáu tiêu chuẩn trong Trường Quốc gia⁽³⁾ dưới sự giảng dạy của một cô giáo được đào tạo ở Luân Đôn, nói hai thứ ngôn ngữ: phương ngữ ở nhà, ít hoặc nhiều; tiếng Anh phổ thông ở ngoài và với những người có học thức.)

“Từ khi con ra ngoài à?”

“Phải!”

“Nó có dính dáng gì tới việc tía làm trò hề trong cỗ xe ngựa chiểu nay không? Vì sao vậy không biết? Con đã muốn chui xuống đất vì xấu hổ!”

“Đó là một phần của sự ồn ào! Chúng ta được phát hiện là dòng dõi quý tộc lớn nhất trong toàn vùng, ngược về đời

1. Nguyên văn: *fess* = pleased;

2. Nguyên văn: *poppet* = doll, puppet

3. Sixth Standard in the National School: cấp lớp cao nhất trong trường học do ngân sách nhà nước tài trợ, được điều hành bởi Hội Nâng cao Giáo dục cho người nghèo Quốc gia. Trường đầu tiên được thành lập năm 1811.

xưa trước thời của Oliver Grumble⁽¹⁾, tới tận thời của người Thổ ngoại đạo, với những dài kỳ niệm, hầm mộ, mù sắt, huy hiệu trên khiên, và có Chúa mới biết hết những thứ đó. Vào thời của Thánh Charles chúng ta được phong làm Hiệp sĩ của Cây sồi Hoàng gia, họ thật sự của chúng ta là d'Urberville! Điều đó không làm mũi con phồng lên hay sao? Vì lý do này mà tía con về nhà trên cỗ xe ngựa; chứ không phải vì ống say như mọi người nghĩ."

“Con mừng vì điều đó. Nó có ích gì cho chúng ta không, hả má?”

“Có chứ! Những điều tuyệt vời có thể đến nhờ vào nó. Chắc chắn một đám đông thuộc tầng lớp của chúng ta sẽ đi xe ngựa tới đây ngay khi họ biết điều này. Tía con biết về nó trên đường từ Shaston về nhà và ống đã kể hết đầu đuôi với má.”

“Giờ tía ở đâu?” Tess đột ngột hỏi.

Mẹ nàng đưa ra một câu trả lời trót quót: “Hôm nay ống tới khám bác sĩ ở Shaston. Có vẻ không tổn hao bao nhiêu. Đó là lớp mỡ bao quanh tim của ống, ông bác sĩ nói. Nó giống như vầy nè.” Trong lúc nói, Joan Durbeyfield cong một ngón tay đẫm nước và ngón trở thành hình chữ C, và dùng một ngón khác để chỉ. “Hiện tại, ống nói với tía con, ‘tim ông bị bao quanh ở đó và ở đó; chỗ này vẫn còn hở,’ ống nói. ‘Khi chúng gặp nhau, thế này,’ bà khép hai ngón tay lại thành một vòng tròn - ‘ông sẽ về cháu tiên tổ, ông Durbeyfield.’ Ông có thể sống thêm mười năm, cũng có thể mười tháng, hoặc mười ngày.”

Tess có vẻ bần thần. Cha nàng có thể qua đời rất sớm, bất chấp sự việc lớn lao bất ngờ này!

“Nhưng tía đang ở đâu?” nàng lặp lại.

1. Tức Oliver Cromwell.

Nét mặt mẹ nàng đổi sắc. “Con đừng nỗi giận nhé! Người đàn ông tội nghiệp, ổng bồn chồn sau khi được nâng cao địa vị từ tin tức của ông cha xứ đến độ ổng tới quán Rolliver nửa tiếng trước. Ông muốn lấy lại sức cho chuyến đi ngày mai với mớ tóc ong đó, nó phải được giao, dù có gia tộc lớn hay không. Ông sẽ phải lên đường sau mười hai giờ đêm nay, vì đường rất xa.”

“Lấy lại sức!” Tess gằn giọng, lệ trào lên mắt. “Ôi Trời! Tới một quán rượu để lấy lại sức! Và má cũng đồng ý với ổng hà má!”

Lời trách móc và tâm trạng của nàng dường như phủ kín toàn bộ căn phòng, và nàng bức tức nhìn các thứ đồ đạc, cây nến, lũ em nhòe đang chơi xung quanh và mặt mẹ mình.

“Không,” bà mẹ giận dỗi, “má không đồng ý. Má đã chờ con về trong nhà trong lúc má đi đón ổng.”

“Để con đi.”

“Ô, không, Tess. Con biết mà, không được đâu.”

Tess không đáp lại. Nàng biết lời phản đối của bà mẹ có ý nghĩa gì. Áo khoác và mũ của bà Durbeyfield đã được treo trên một cái ghế bên cạnh, sẵn sàng cho chuyến đi, lý do cho việc bà dứt khoát hơn mức cần thiết.

“Và hãy mang cuốn *Bốc sứ Toàn tập* ra nhà ngoài.” Joan nói tiếp, nhanh nhẹn lau đôi tay và mặc áo khoác, đội mũ.

Bốc sứ Toàn tập là một cuốn sách dày, cũ, nằm trên một cái bàn gần đó, rách tả tơi do thường xuyên nằm trong túi đến độ lề sách rách tới tận lề dòng chữ. Tess cầm nó lên, và mẹ nàng lên đường.

Việc săn lùng ông chồng khờ khạo ở tiệm quán là một trong những thú vui hiện có của bà Durbeyfield giữa sự bẩn

thiú và bế bonen của việc chăm sóc con cái. Việc tìm ra ông ở quán của Rolliver, ngồi đó một hai tiếng cạnh ông, xua đi mọi ý nghĩ và bận tâm về lù con khiến bà sưng sướng. Khi ấy một dạng hào quang, một quang sáng phía tây xuất hiện trong đời. Những phiến toái và các thực tại khác khoác lên chúng một lớp vỏ mông lung, nhấn chúng chìm vào cảm giác bình an thanh thản, không còn là những áp lực nặng nề khiến cơ thể và linh hồn xay xát. Lù trẻ, không ở ngay trong tâm nhìn, dường như trờ nên rực rỡ và đáng ước ao hơn bình thường; ở đó, những sự cố của cuộc sống hàng ngày không phải không có khía cạnh vui vẻ và khôi hài của chúng. Hiện tại, khi ngồi đây với ông chồng đã kết hôn, ở cùng địa điểm, bà có cảm giác như từng có trong lúc ông đang tỏ tình, nhắm mắt trước những nhược điểm trong tính cách của ông, và chỉ nhìn thấy ông trong hình ảnh một tình nhân lý tưởng.

Còn lại ở nhà với đàn em nhỏ hơn, trước tiên Tess mang cuốn sách bói toán ra nhà ngoài và nhét nó lên mái rạ. Một nỗi sợ mang tính chất bái vật giáo lạ lùng đối với cuốn sách phủ đầy bụi này của mẹ nàng ngăn bà cho phép nó ở trong nhà suốt đêm, rồi sau đó khi cần tham khảo bà sẽ mang lại nó vào nhà. Giữa người mẹ, với mớ mê tín dị đoan, dân ca, phương ngữ, cùng những khúc ca ballad truyền khẩu đang nhanh chóng tàn lui, và cô con gái, với học vấn ở trường Quốc gia và kiến thức Tiêu chuẩn theo quy định của một Đạo luật sửa đổi nhiều lần⁽¹⁾, có một khoảng cách hai trăm năm theo cách hiểu thông thường. Khi họ ở cạnh nhau, các thời đại Jacob và Victoria được đặt bên nhau.

Trong lúc quay lại theo lối đi trong vườn, Tess ngầm nghĩ về điều mẹ nàng có thể muốn xác định từ cuốn sách bói toán vào cái ngày đặc biệt này. Nàng phỏng đoán sự phát hiện về

1. Các Đạo luật Giáo dục sửa đổi năm 1862 và 1867.

nguồn gốc tổ tiên vừa rồi có liên quan tới nó, nhưng không thể nhận ra nó chỉ liên quan tới chính nàng. Tuy nhiên, nàng xua đuổi ý nghĩ này, lảng xăng với việc phun nước sốt vài lanh đã phơi khô trong ngày cùng với đứa em trai Abraham chín tuổi, đứa em gái Eliza-Louisa mười hai tuổi rưỡi, gọi là "Liza-Lu", mấy đứa bé nhất đang nằm trên giường. Giữa nàng và các đứa em kế trong nhà có một khoảng cách bốn năm hoặc hơn, hai đứa đã chết khi mới chào đời, và điều này mang tới cho nàng một thứ tình mẫu tử khi ở một mình với lũ em. Sau Abraham là hai đứa bé gái, Hope và Modesty; rồi một bé trai ba tuổi, và em bé vừa tròn tuổi thôi nôi.

Toàn bộ đám trẻ này là những hành khách trên con tàu Durbeyfield, hoàn toàn phụ thuộc vào phán đoán của hai người mang họ Durbeyfield trưởng thành về những niềm vui, nhu cầu, sức khỏe, thậm chí sự tồn tại của chúng. Nếu hai người đứng đầu con tàu này chọn lao vào sự khó khăn, tai họa, đói khát, bệnh tật, suy đồi, cái chết, nửa tá tù nhân dưới hầm tàu buộc phải đi cùng với họ - sáu tạo vật bất lực, chưa từng được hỏi thăm xem chúng có muốn thứ gì ở trên đời hay chăng, nói gì tới việc chúng ước ao điều đó trong những điều kiện khắc nghiệt của gia đình. Một số người muốn biết từ đâu mà nhà thơ, kẻ triết lý rằng thời đại này cũng sâu sắc và đáng tin cậy như bài ca hổ hởi, trong sáng của ông ta, lại có thẩm quyền nói về "kế hoạch thiêng liêng của Tự nhiên."⁽¹⁾

Đêm đã sâu, nhưng cả người cha lẫn người mẹ đều chưa trở lại. Tess nhìn ra cửa, và thực hiện một hành trình tâm trí qua thôn Marlott. Cái thôn nhỏ đang khép mắt. Nến và đèn dầu đang bị thổi tắt ở mọi nơi. Nàng có thể nhìn thấy trong trí tưởng kẻ tắt lửa và bàn tay giơ ra.

1. Từ bài thơ "Lines Written in Early Spring" (dòng 22) của nhà thơ William Wordsworth (1770 - 1850).

Việc mẹ nàng đi đón cha nàng chỉ đơn giản là thêm một lần đón nữa. Tess bắt đầu nhận ra rằng một người có sức khỏe bình thường, dự định xuất phát một hành trình trước một giờ sáng, không nên ở một tiệm quán vào giờ giấc khuya khoắt này để mừng huyết thống cổ xưa của mình.

“Abraham,” nàng nói với cậu em trai, “em sẽ đội nón vào - em không sợ chứ? - và đi lên quán Rolliver để xem chuyện gì đã xảy ra với tía má rồi.”

Thằng bé lập tức rời khỏi ghế và mở cửa, và bóng đêm nuốt chửng nó. Nửa giờ nữa trôi qua; không ai, đàn ông, phụ nữ hay đứa bé, quay lại. Abraham, như cha mẹ nó, dường như đã bị dính nhựa bẫy chim và bị bắt trong cái quán đầy cạm bẫy đó.

“Mình phải tự đi thôi.” Tess nói.

Sau đó Liza-Lu vào giường, và Tess khóa cửa lại, cất bước trên lối mòn hoặc con đường nhỏ tối tăm, quanh co, không dành cho bước chân vội và; một con đường đã được mở trước khi những tấc đất có giá trị, và khi những cái đồng hồ một kim cũng đủ chia nhỏ một ngày.

Chương 4

Quán của Rolliver, cửa quán duy nhất ở đầu cái thôn dài và đứt quãng, chỉ có thể khoe khoang về việc buôn bán không giấy phép; vì không ai có thể uống hợp pháp ở đó, số lượng khách công khai giới hạn nghiêm ngặt ở một tấm bảng nhỏ rộng khoảng sáu phân và dài hai thước Anh, được cố định vào cọc rào với những sợi dây kẽm, tạo thành một cái bàn. Những người khách lạ đặt cốc của mình trên tấm bảng này trong lúc họ đứng trên đường và uống, rồi hắt cặn bia lên nền đất bụi theo hình thù của quần đảo Polynesia, và ước gì họ có thể có một chỗ ngồi thoải mái bên trong.

Khách lạ thì thế. Nhưng cũng có những khách địa phương với ước ao tương tự; và khi có mong muốn, họ sẽ có một cách để thực hiện nó.

Tối hôm đó có gần một tá người tụ tập trong một căn phòng ngủ rộng trên gác, với cửa sổ được che kín bởi một tấm khăn choàng to bằng len mà bà Rolliver, chủ quán, vừa loại bò gần đây, tất cả đều tìm kiếm cảm giác an bình; tất cả đều là những cư dân kỳ cựu ở đầu này của thôn Marlott và đều là những người thường xuyên lui tới nơi ẩn dật này. Không chỉ khoảng cách tới quán Giọt Trong Lành, vì cửa quán có giấy phép đầy đủ nằm ở tận đầu kia của cái thôn nhà cửa rải rác, khiến việc lui tới đó không tiện mấy với cư dân ở

đầu này; mà còn có một vấn đề hệ trọng hơn, chất lượng của rượu, xác nhận cho ý kiến phổ biến rằng uống với Rolliver trong một góc mái nhà vẫn khoái hơn là với chủ quán khác trong một ngôi nhà rộng.

Một cái giường bốn cọc thô sơ trong phòng cung cấp chỗ ngồi cho nhiều người tụ tập quanh ba phía của nó; hai người ngồi chèm chệ trên đầu một cái tủ ngăn; một người khác ngồi trên một cái rương gỗ sồi có chạm trổ; hai trên một cái giá rửa mặt; một người khác trên chiếc ghế đầu; vậy là, theo cách nào đó, tất cả đều ngồi thoải mái. Trạng thái tinh thần dễ chịu mà họ đạt tới vào giờ này là một trạng thái trong đó linh hồn họ mở rộng ra bên ngoài da thịt, và hơi ấm trải rộng tính cách của họ khắp căn phòng. Trong tiến trình này, căn phòng và đồ đạc của nó ngày càng sang trọng và đầy phẩm giá; cái khăn choàng ở cửa sổ khoác lên chính nó sự giàu có của một tấm thảm thêu; những tay nắm bằng đồng của các tủ ngăn trông như thể vàng ròng; và mấy cái cột giường chạm trổ dường như có quan hệ bà con với những cây cột tráng lệ của ngôi đền của Solomon.

Bà Durbeyfield, sau khi chia tay với Tess, vội vã đi tới đó, mở cánh cửa trước, băng qua căn phòng tối mù bên dưới, sau đó mở cái cửa cầu thang như một người rất quen thuộc với trò lừa đảo của những cái then cài. Bà trèo lên cái cầu thang quanh co với một tốc độ chậm chạp hơn, và gương mặt của bà, khi nó lọt vào ánh sáng bên trên nấc thang cuối, đón nhận cái nhìn chăm chặp của mọi thành viên tụ tập trong căn phòng ngủ.

“... Chỉ là vài người bạn thân tôi đã mời tới để duy trì hội diều hành với phí tổn của mình,” bà chủ quán phản bội khi nghe thấy tiếng chán, liền thoáng như một đứa trẻ lặp lại một câu trong cuốn Giáo lý Vấn đáp, trong lúc nhìn ra đầu cầu

thang. “Ồ, ra là bà, bà Durbeyfield... Lạy Chúa tôi, bà làm tôi sợ hết hồn! Tôi tưởng là một quan chức nào đó do chính quyền cử tới.”

Bà Durbeyfield, được chào mừng với những ánh mắt và cái gật đầu từ số còn lại của buổi họp kín, quay sang phía chồng mình đang ngồi. Ông đang lơ đãng ngâm nga nho nhỏ với chính mình: “Ta cũng tốt như một số người đây đó! Ta có một hầm mộ gia tộc lớn ở Kingsbere-sub-Greenhill, và những bộ xương đẹp hơn bất cứ kẻ nào ở Wessex!”

“Tôi có một việc muốn nói với ông, nó vừa nảy ra trong đầu tôi, một kế hoạch lớn!” bà vợ vui vẻ thì thầm. “Nè, John, ông có thấy tôi không?” bà thúc nhẹ cùi chỏ vào người ông, trong lúc ông nhìn xuyên qua bà như xuyên qua một tấm kính cửa sổ, và tiếp tục ngâm nga.

“Suyt! Đừng hát lớn quá, ông bạn tốt của tôi” bà chủ quán nói; “Để phòng khi có viên chức chính quyền nào đó có thể đi ngang qua, và thu giấy phép của tôi.”

“Tôi nghĩ ống đã kể với mọi người chuyện gì đã xảy ra với chúng tôi?” bà Durbeyfield hỏi.

“Phải, theo cách thức nào đó. Bà nghĩ vụ này có mang tới chút ít tiền bạc gì không?”

“À, đó là một bí mật.” Joan Durbeyfield từ tốn đáp. “Tuy nhiên, có quan hệ với một cỗ xe ngựa thì cũng tốt, dù bà không ngồi trong đó.” Bà hạ giọng để nói tiếp với ông chồng: “Tôi đã suy nghĩ từ khi ông mang về cái tin rằng có một quý bà giàu có ở gần Trantridge thuộc huyện The Chase, mang họ d’Urberville.”

“Hả, đó là gì?” Ngài John hỏi.

Bà vợ lặp lại thông tin. “Quý bà đó phải là bà con của chúng ta. Và kế hoạch của tôi là cử Tess tới đó để nhận họ hàng.”

“À, đúng là có một quý bà mang họ đó” Durbeyfield nói. “Cha xứ Tringham không nghĩ tới điều đó. Nhưng bà chả là gì bên cạnh tôi; chỉ là một nhánh phụ của chúng ta, không ngờ gì, kể từ thời Vua xứ Norman.”

Trong lúc thảo luận vấn đề này, không ai trong đôi vợ chồng nhận ra, do đang mải mê trò chuyện, thằng bé Abraham đã len lén vào phòng, và đang chờ cơ hội để đề nghị họ trở về nhà.

“Bà giàu, và chắc chắn bà sẽ chú ý tới con bé” bà Durbeyfield tiếp tục; “Và đó sẽ một việc rất tốt. Tôi thấy không có lý do gì để hai nhánh của một dòng họ không qua lại thăm viếng nhau.”

“Phải; và tất cả chúng ta sẽ nhận họ hàng” Abraham vui vẻ lên tiếng từ dưới cái giường. “Và tất cả sẽ tới thăm bà khi chị Tess đã tới sống với bà; và chúng ta sẽ ngồi trong cố xe ngựa của bà và mặc đồ sang trọng!”

“Con tới đây bằng cách nào vậy, con yêu? Con đừng nói vớ vẩn! Ra ngoài, và chơi trên cầu thang cho tới khi cha mẹ sẵn sàng!... Chà, Tess nên tới thăm người bà con này của chúng ta. Chắc chắn nó sẽ chiếm được cảm tình của quý bà đó, nhất định thế; và có khả năng việc đó sẽ dẫn tới một đám cưới giữa nó và một quý ông. Nói tóm lại, tôi biết thế.”

“Bằng cách nào?”

“Tôi đã thử tìm vận mệnh của nó trong cuốn *Bốc Sứ*, và nó ghi đúng y như vậy!... Ông nên thấy hôm nay trông nó xinh xắn thế nào; da nó mịn như da của một nữ công tước.”

“Bản thân con bé nói gì về việc đi thăm?”

“Tôi chưa bảo với nó. Nó chưa biết có một người họ hàng là quý bà. Nhưng chắc chắn việc này sẽ dẫn nó tới một cuộc hôn nhân tuyệt vời, và nó sẽ không từ chối.”

“Tess nó khác người.”

“Nhưng tính tình nó ngoan ngoãn. Cứ để nó cho tôi.”

Dù đó là câu chuyện riêng giữa họ, vẻ quan trọng của nó đủ để những người xung quanh nhận ra rằng hiện giờ vợ chồng Durbeyfield có những mối quan tâm nặng ký hơn, và Tess, con gái lớn nhất của họ, sắp có một tương lai rạng rỡ.

“Tess là một con bé vui vẻ dễ thương, như hối sáng này tôi đã tự nhủ khi nhìn thấy nó đi vòng quanh xứ đạo với số còn lại.” Một trong số bợm nhậu lớn tuổi khẽ nhận xét. “Nhưng Joan Durbeyfield phải lưu ý để nó đừng vác ba lô ngược trước ngày cưới.”⁽¹⁾ Đó là một cụm từ địa phương có một ý nghĩa đặc biệt, và không có lời đáp lại.

Cuộc trò chuyện giờ mở rộng cho tất cả, ngay sau đó một tiếng chán khác đang băng qua căn phòng bên dưới.

“... Chỉ là vài người bạn thân tôi đã mời tới để duy trì hội diễu hành với phí tổn của mình.” Bà chủ quán nhanh chóng lặp lại công thức mà bà thủ sẵn để đối phó với những kẻ xâm phạm trước khi nhận ra kẻ mới tới là Tess.

Trước ánh mắt của người mẹ, vẻ thanh tân của cô gái lạc lõng một cách đáng buồn giữa hơi rượu nồng nặc ở nơi đây, hoàn toàn không hợp với những gương mặt nhăn nheo ở lứa tuổi trung niên; và hầu như không cần tới một tia mắt trách hờn nào từ đôi mắt đen của Tess, cha mẹ nàng đứng lên, vội vã nốc cạn cốc của mình, rồi theo nàng đi xuống gác. Lời cảnh báo của bà Rolliver đuổi theo sau những bước chân của họ.

“Bạn thân mến của tôi, xin đừng ồn ào, nếu các vị tốt bụng; không thì tôi sẽ mất giấy phép, và bị mời lên làm việc, và không biết còn thứ quái gì sau đó! Chúc ngủ ngon!”

1. Nguyên văn: *get green malt on the floor*. Cụm từ này ám chỉ việc một cô gái có thai trước khi kết hôn.

Họ cùng về nhà, Tess đỡ một cánh tay của cha, và bà Durbeyfield đỡ cánh tay còn lại. Thật sự, ông uống rất ít, chưa tới một phần tư số lượng một tay bơm thứ thiệt có thể nốc vào một chiểu Chủ nhật mà vẫn không gấp chút phiền toái nào trên đường tới nhà thờ hay trong lúc quỳ làm lễ; nhưng thể trạng yếu ớt của Ngài John gây ra cả ngàn điều phiền toái. Khi bước ra bầu không khí trong lành, ông đi đứng loạng choạng đến độ có lúc như thể ba người bọn họ đang đi về phía Luân Đôn, lúc khác lại như thể họ đang đi về phía Bath. Điều này tạo nên một ấn tượng khôi hài, rất thường xảy ra trong các gia đình khi trở về nhà vào ban đêm; và như hầu hết những ấn tượng khôi hài, rốt cuộc lại chẳng hài hước chút nào. Hai người phụ nữ cố kiên trì che đậy những lần buộc phải chuyển hướng trở lui này với Durberfield, nguyên nhân của chúng, với Abraham và với chính họ; cứ thế họ lần từng bước tới cửa nhà mình. Khi gần tới nhà, ông chủ gia đình đột ngột rống lên điệp khúc trước đó, như thể để cung cấp tinh thần khi nhìn thấy nơi cư ngụ nhỏ bé hiện tại của mình:

“Ta có một cái hầm mộ g-i-a tộc ở Kingsbere!”

“Suyt, đừng ngớ ngẩn thế, Jacky” bà vợ nói. “Gia tộc của ông không phải là gia tộc vè vang duy nhất thời xưa. Hãy nhìn gia tộc Anktells, Horseys, và Tringhams, hầu như họ cũng sa sút như ông, dù tổ tiên ông cao hơn họ, điều đó đúng. Tạ ơn Chúa, tôi chưa từng là con dòng cháu giống gì cả, và không có gì phải hổ thẹn về việc đó!”

“Bà đừng quá chắc chắn về việc đó. Từ bản tính của bà, tôi tin rằng bà đã tự hạ thấp phẩm giá hơn bất cứ ai trong số chúng tôi, và tổ tiên bà từng một thời là những ông vua bà chúa.”

Tess đổi đế tài, nói tới điều quan trọng hơn nhiều trong đầu mình lúc đó so với những ý nghĩ về tổ tiên: “Con e rằng mai tía không thể đi quá sớm với mợ tổ ong.”

“Ta ư? Ta sẽ ổn sau một hai giờ nữa” Durbeyfield đáp.

Mãi tới mười một giờ cả nhà mới lên giường, và hai giờ sáng hôm sau là giờ khởi hành muộn nhất với mớ tơ ong vì chúng phải được giao cho những người bán lẻ ở Casterbridge trước khi phiên chợ thứ Bảy bắt đầu; đường tới đó rất tệ hại trên một khoảng cách từ hai mươi tới ba mươi dặm, và con ngựa cùng cỗ xe là loại lạch chật hẹp nhất. Lúc một giờ rưỡi, bà Durbeyfield vào căn phòng lớn nơi Tess và mấy đứa em trai em gái của nàng ngủ.

“Ông lão tội nghiệp không đi nổi” bà nói với Tess. Đôi mắt to của nàng đã mở ngay khi bà mẹ chạm vào cửa.

Tess ngồi dậy trên giường, lạc vào cõi mông lung giữa một giấc mơ và thông tin này.

“Nhưng phải có ai đó đi,” nàng đáp. “Giờ đã trễ rồi. Ông sẽ sớm chia tay trong năm; và nếu chúng ta hoãn tới phiên chợ tuần sau, thời hạn sẽ qua, và chẳng còn gì trong tổ nữa.”

Bà Durbeyfield nhìn vẫn để khẩn cấp theo cách khác. “Có lẽ chàng trai trẻ nào đó sẽ đi? Một trong số những đứa mè tít con sau khi nhảy với con hôm qua” bà để xuất.

“Ô, không. Con không bao giờ làm chuyện đó!” Tess kiêu hãnh tuyên bố. “Và nếu mọi người biết lý do thì thật xấu hổ! Con nghĩ con có thể đi nếu có Abraham đi cùng để bả bạn trên đường.”

Cuối cùng mẹ nàng đồng ý với đề nghị này. Nhóc Abraham đang say ngủ ở một góc của căn phòng bị đánh thức và được giúp mặc quần áo khi đầu óc vẫn mơ màng trong một thế giới khác. Trong lúc đó Tess cung vội vã thay đồ; hai chị em thắp một cái đèn lồng và đi ra chuồng ngựa. Cỗ xe ngựa ọp ẹp đã được chất sẵn hàng, và cô gái dắt con ngựa tên Hoàng Tử ra; nó chỉ kém hom hem hơn cỗ xe chút xíu.

Con vật tội nghiệp ngoi ngác nhìn bóng đêm xung quanh, cái đèn lồng, và hai dáng người, như thể nó không thể tin rằng vào giờ đó, khi mọi sinh vật được ấn định nghỉ ngơi trong một nơi trú ẩn, nó lại bị lôi ra để làm việc. Họ đặt một mói đuôi nến vào cái đèn lồng, treo nó ở mé ngoài mói tổ ong, dắt con ngựa đi, và đi bộ bên cạnh nó vào lúc đầu, trên những đoạn đường lên dốc, để con vật già yếu không phải làm việc quá sức. Để tự động viên tinh thần, họ tạo ra một buổi sáng giả tạo với cái đèn lồng, một ít bánh mì và bơ, và cuộc trò chuyện của chính họ, vì buổi sáng thật sự còn lâu mới đến. Lúc này đã tinh ngủ hơn (vì nó đã đi một quãng khá xa trong trạng thái lơ mơ), Abraham bắt đầu nói về những hình dáng lạ lùng hình thành bởi những vật thể tối nỗi lên trên nền trời: cây nọ trông như con hổ giận dữ lao ra từ một cái hang; hoặc cây khác trông như đầu một gã khổng lồ.

Khi đã đi qua thị trấn nhỏ Stourcastle, đang lặng lẽ thiếp ngủ bên dưới những mái tranh nâu dày, họ tới vùng đất cao hơn. Cao hơn nữa, ở mé bên trái họ, là ngọn đồi Bulbarrow, hoặc Bealbarrow, hầu như là nơi cao nhất ở South Wessex, sừng sững vươn lên bầu trời, bị bao quanh bởi những rãnh nước phía đông. Từ đây trở đi con đường dài khá bằng phẳng trong một quãng. Họ trèo lên phía trước cỗ xe, và Abraham bắt đầu ngầm nghĩ.

“Chị Tess ơi!” nó mở đầu câu chuyện sau một lúc im lặng.

“Ồ, gì thế Abraham?”

“Chị có mừng không khi chúng ta trở thành quý tộc?”

“Không hẳn là mừng.”

“Nhưng chị có mừng vì chị sẽ lấy một quý ông không?”

“Sao?” Tess hỏi, ngẩng mặt lên.

“Người bà con giàu có đó sẽ giúp chị cưới một quý ông.”

“Chị? Người bà con giàu có? Chúng ta không có người bà con nào như thế cả. Em đào đâu ra việc đó vậy?”

“Em đã nghe họ nói chuyện đó ở quán của Rolliver khi tới đó tìm tia. Có một quý bà giàu có trong gia tộc mình ở mé Trantridge, và má bảo rằng nếu chị tới nhận bà con với bà, bà sẽ giúp chị lấy một quý ông.”

Cô chị đột nhiên trở nên trầm tư lặng lẽ. Abraham nói tiếp, vì niềm vui được nói hơn là được nghe, không bận tâm tới sự lơ đãng của bà chị. Nó tựa lưng vào đống tó ong, ngẩng mặt lên quan sát những vì sao lạnh lẽo đang nhấp nháy giữa bầu trời, trong sự tách biệt thanh bình với hai phận người bé nhỏ. Nó tự hỏi những vì sao lấp lánh đó xa đến mức nào, và Chúa Trời có ở cạnh chúng không. Nhưng chẳng mấy chốc thắc mắc trẻ con của nó lại quay về với điều tạo ấn tượng mạnh mẽ nhất trong trí tưởng nó, thậm chí còn hơn cả những tuyệt tác của đấng hóa công. Tess có trở nên giàu có bằng cách lấy một quý ông hay chàng, nàng có đủ tiền để mua một cái kính thiên văn to đến nỗi nó sẽ kéo những vì sao tới gần nàng như ngọn đồi Nettlecombe-Tout hay chàng?

Đề tài này, vốn dường như đã ngấm sâu vào đầu óc của cả gia đình, được hâm nóng lại, khiến Tess bức mình.

“Đừng bận tâm tới nó lúc này!” nàng kêu lên.

“Có phải chị từng nói những vì sao là những thế giới không, chị Tess?”

“Phải.”

“Tất cả đều giống thế giới của chúng ta?”

“Chị không biết; nhưng chị nghĩ thế. Đôi khi chúng giống như những quả táo trên cây táo của chúng ta. Hầu hết đều ngon lành như những vì sao may mắn, một số bị hư thối như những vì sao xấu.”

“Chúng ta sống trên thứ nào, một vì sao may mắn hay xấu?”

“Một vì sao xấu.”

“Thật không may khi chúng ta không sống trên một vì sao may mắn, khi chúng còn rất nhiều như thế!”

“Phải.”

“Có thật sự như thế không, chị Tess?” Abraham quay sang nàng với vẻ rất quan tâm, khi ngầm nghĩ kỹ hơn về thông tin hiểm hoi này. “Giả sử chúng ta sống trên một vì sao may mắn thì sao hả chị?”

“Ồ, có lẽ tía không ho và lụm cụm yếu ớt như hiện giờ và cũng không quá say để thực hiện chuyến đi này; mà sẽ không phải giặt giũ luôn tay, và không bao giờ làm xong việc.”

“Và chắc chị sẽ là một quý cô giàu có từ trong bụng mẹ, không cần phải làm giàu bằng cách cưới một quý ông?”

“Ồ, Aby, em đừng nói gì về việc đó nữa nhé!”

Bị bỏ mặc với những suy nghĩ của mình, chẳng bao lâu Abraham lại ngủ gà gật. Tess không đánh xe giỏi lắm, nhưng nàng nghĩ hiện giờ nàng có thể tự mình gánh vác toàn bộ công việc và để cho Abraham ngủ nếu nó muốn. Nàng lót cho nó một chồ nằm trước mớ tơ ong, sao cho nó không thể bị lột khỏi xe, rồi nằm lấy dây cương và cho xe chạy như trước.

Nàng không cần chú ý nhiều tới Hoàng Tử vì nó thiếu năng lượng cho những cử động thừa thãi. Không còn người bạn đồng hành khiến nàng xao lảng, Tess chìm sâu hơn vào mơ mộng, lưng tựa vào mớ tơ ong. Những hàng cây và bờ giậu im lặng lướt qua vai nàng dần dần gắn với những cảnh tượng mơ màng bên ngoài thực tại, và tiếng gió vi vu thi thoảng trở thành tiếng thở dài của một linh hồn bát ngát

u buồn nào đó, hòa vào vũ trụ trong không gian, và lịch sử trong thời gian.

Sau đó, khi kiểm điểm lại những sự kiện trong đời mình, dường như nàng nhìn thấy sự phù phiếm trong lòng tự hào của cha nàng; kẻ cầu hôn quý phái đang chờ nàng trong trí tưởng tượng của mẹ nàng; nhìn thấy gà đang cười nhăn nhở, chế nhạo sự nghèo nàn và những hiệp sĩ tiễn nhân đã bọc trong vải liệm của nàng. Mọi thứ càng lúc càng trở nên vô lý, và nàng không còn biết thời gian trôi qua thế nào. Chiếc xe chợt rung chuyển mạnh khiến Tess giật mình thoát khỏi giấc ngủ mà cả nàng cũng đã rơi vào.

Trong lúc nàng ngủ quên, họ đã đi được một chặng khá xa, và cỗ xe đã dừng lại. Một tiếng rên trầm trọng, không giống bất cứ thứ gì nàng từng nghe thấy trong đời, đến từ phía trước, tiếp theo là một tiếng la lớn “Ôi chà!”

Cái đèn lồng treo trên xe đã tắt, nhưng một cái khác đang rơi vào mặt nàng, sáng hơn đèn của nàng nhiều. Một chuyện khủng khiếp đã xảy ra. Dây cương vướng vào một vật đang chắn ngang đường.

Tess nhảy xuống trong nỗi kinh hoàng, và phát hiện ra sự thật đáng sợ. Tiếng rên phát ra từ con ngựa Hoàng Tử tội nghiệp của cha nàng. Cỗ xe chờ thư sáng, với cặp bánh êm ru, lướt trên những lối mòn này như một mũi tên, như luôn là thế, đã đâm sầm vào cỗ xe chậm chạp và không ánh sáng của nàng. Cái càng xe nhọn đã đâm vào ngực của Hoàng Tử, không may như một mũi kiếm, từ vết thương, máu của nó đang phun ra như suối, và rơi xèo xèo xuống mặt đường.

Trong cơn tuyệt vọng, Tess lao tới và đặt tay lên cái lỗ, và kết quả duy nhất là những giọt máu đỏ tươi làm nàng ướt

sung từ mặt tới vạt áo. Sau đó nàng đứng nhìn nó một cách bất lực. Hoàng Tử vẫn cố đứng thẳng và bất động một lúc; cho tới khi nó đột ngột quỵ xuống.

Lúc này người đánh xe thư đã tới bên nàng, bắt đầu lôi và tháo bộ dây cương khỏi thân hình còn nóng của Hoàng Tử. Nhưng nó đã chết rồi. Khi thấy không thể làm gì hơn ngay lúc đó, người đánh xe thư quay lại với con ngựa của mình. Nó không bị thương.

“Cô đã đi sai phía” ông ta nói. “Tôi buộc phải đi tiếp với những túi thư, thế nên điều tốt nhất cô nên làm là ở đây với mớ hàng. Tôi sẽ nhờ ai đó tới giúp cô ngay khi có thể. Trời sắp sáng rồi và cô không có gì để sợ.”

Ông ta trèo lên xe và đi tiếp; trong lúc Tess đứng chờ. Bầu không khí trở nên nhợt nhạt, lũ chim giữ lông giữ cánh trong những bờ giậu, bay ra, và hót líu lo; con đường để lộ những đường nét trắng bệch, và Tess cũng thế, còn trắng bệch hơn. Vùng máu lớn trước mặt nàng đã đông lại, phát ra một màu ngũ sắc lóng lánh; và khi mặt trời lên, hàng trăm sắc màu lăng kính phản chiếu từ nó. Hoàng Tử nằm nghiêng một bên, bất động, cứng đờ; mắt nó nhắm hờ, cái lỗ ở ngực nó trông đủ to để toàn bộ máu trong người nó chảy ra hết.

“Tất cả là do lỗi của mình, tất cả!” cô gái kêu lên, nhìn trừng trừng vào con vật. “Mình không có lý do gì để bào chữa cả, không hề có. Giờ tía má sê sống nhờ vào cái gì đây? Aby, Aby!” nàng lay thẳng bé. Nó vẫn ngủ ngon lành trong suốt thời gian xảy ra tai họa. “Chúng ta không thể đi tiếp với mớ tổ ong. Hoàng Tử chết rồi!”

Khi Abraham nhận thức được mọi sự, những nếp nhăn của tuổi năm mươi xuất hiện trên gương mặt trẻ con của nó.

“Vì sao, mới hôm qua mình còn nhảy múa, cười vang!” nàng nói tiếp với chính mình. “Hãy nghĩ xem mình là một đứa ngu ngốc thế nào!”

“Đó là vì chúng ta ở trên một ngôi sao xấu chứ không phải một ngôi sao may mắn, phải không, chị Tess?” thằng bé lầm bầm qua hai hàng lè.

Họ im lặng chờ đợi suốt một quãng thời gian dường như vô tận. Cuối cùng một âm thanh và đối tượng tiến tới gần, chứng minh với họ rằng người đánh xe chờ thư cũng tốt như lời hứa của ông. Một người làm công ở nông trại gần Stourcastle tới, dắt theo một con ngựa lùn khỏe mạnh. Nó được thăng vào cỗ xe chờ tổ ong thay cho Hoàng Tử, và số hàng được đưa tới Casterbridge.

Xế chiều hôm đó, cỗ xe trống lại đi tới địa điểm xảy ra tai nạn. Hoàng Tử đã được lôi xuống một cái rãnh gần đó từ sáng; nhưng vị trí của vũng máu vẫn còn thấy rõ ở giữa con đường, dù đã bị những xe cộ qua lại xéo nát. Tất cả những gì còn lại của Hoàng Tử lúc này được nhắc lên cỗ xe mà trước đó nó đã kéo; với những chiếc móng guốc chĩa lên trời và những cái móng sắt lấp loáng trong ánh hoàng hôn, nó quay trở lại con đường chín dặm tới Marlott.

Tess đã quay về sớm hơn. Nàng bối rối không biết phải báo tin này như thế nào. Nàng cảm thấy nhẹ nhõm hơn khi nhận ra từ nét mặt của cha mẹ rằng họ đã biết về tai nạn, dù điều này không giảm bớt sự tự trách mà nàng tiếp tục chất nặng trong lòng về sơ suất của mình.

Nhưng chính sự ù lì của gia đình này lại khiến cho tai họa ít kinh khủng hơn so với mức nó có thể có đối với một gia đình đang làm ăn phát đạt, dù trong trường hợp hiện tại nó có nghĩa là sự sụp đổ, còn với trường hợp kia nó chỉ có nghĩa là

sự bất tiện. Trên nét mặt của vợ chồng Durbeyfield không có ngọn lửa giận dữ mà hẳn sẽ thiêu cháy cô con gái của những bậc cha mẹ có nhiều tham vọng hơn đối với hạnh phúc của nàng ta. Không ai trách Tess như nàng tự trách mình.

Khi biết rằng người chuyên mua ngựa già để làm thịt và người thuộc da chỉ trả vài si-ling cho cái xác của Hoàng Tử vì nó quá già, Durbeyfield tỏ ra bình thản. Ông bảo:

“Không, ta sẽ không bán xác của nó. Khi họ d’Urberville của chúng ta là những hiệp sĩ trong vùng, chúng ta không bán ngựa của mình để làm thức ăn cho mèo. Cứ để họ giữ lại tiền của họ. Nó đã phục vụ ta rất tốt trong suốt đời mình, và giờ ta sẽ không chia tay với nó.”

Hôm sau, ông đào trong vườn một cái huyệt cho Hoàng Tử, chăm chỉ hơn ông từng làm việc suốt nhiều tháng để trống trọt các thứ cho gia đình mình. Khi cái hố đã sẵn sàng, Durbeyfield và vợ cột một sợi dây thừng quanh con ngựa rồi kéo nó tới đó, bọn trẻ lù lù theo sau lưng như đang dự một đám tang. Abraham và Liza-Lu nức nở, Hope và Modesty bộc lộ niềm đau đớn với những tiếng khóc lớn vang dội lại từ những bức tường; và khi Hoàng Tử được hất xuống hố, cả nhà tập trung quanh cái huyệt. Lao động chính trong nhà đã mất, họ sẽ làm gì?

“Nó có lên thiên đàng không?” Abraham hỏi, giữa những tiếng nức nở.

Sau đó Durbeyfield bắt đầu lấp cái hố lại, và lũ trẻ lại khóc hu hu lần nữa. Tất cả, trừ Tess. Mặt nàng khô và tái nhợt, như thể nàng tự cho mình là một nữ sát nhân.

Chương 5

Việc bán dạo, vốn phụ thuộc chủ yếu vào con ngựa, lập tức trở nên rối bời. Sự thiếu thốn, nếu không phải cảnh khốn cùng, đã lù lù trước mắt. Durbeyfield là kẻ mà dân địa phương gọi là một gã “làm ăn mưa nắng thất thường”; thi thoảng ông đủ sức khỏe để làm việc tốt; nhưng những lúc đó thường không trùng với những giờ giấc cần thiết; và do không quen với sự cần lao đều đặn của một người làm việc hàng ngày, ông không đặc biệt kiên trì mỗi khi có sự trùng hợp đó.

Trong lúc đó, do là kẻ đã đẩy cha mẹ mình vào tình thế khó khăn này, Tess lặng lẽ tự hỏi nàng có thể làm gì để giúp họ thoát khỏi nó; thế rồi mẹ nàng trình bày kế hoạch của bà.

“Chúng ta phải xoay chuyển tình thế, Tess ạ,” bà nói, “và chưa bao giờ dòng máu quý của con lại được phát hiện vào đúng thời điểm hơn thế. Con phải nhờ các bạn của con. Con có biết rằng có một bà d’Urberville rất giàu đang sống ở ngoại ô huyện The Chase, kẻ phải là họ hàng của chúng ta không? Con phải tới gặp bà và nhận bà con, và yêu cầu sự giúp đỡ trong lúc chúng ta gặp khó khăn.”

“Con không màng tới việc đó. Nếu có một quý bà như thế, nếu bà tỏ ra thân thiện với chúng ta cũng quá đùi rồi, đừng mong đợi bà giúp chúng ta.”

“Con có thể chiếm được cảm tình của bà để làm bất cứ điều gì, con yêu. Ngoài ra, có lẽ trong việc này còn có nhiều thứ mà con không biết. Mẹ đã nghe được những gì mẹ muốn nghe, rất tốt đẹp.”

Cảm giác nặng trĩu về tổn hại nàng đã gây ra khiến Tess tôn trọng mong muốn của bà mẹ hơn thường lệ; nhưng nàng không thể hiểu vì sao mẹ nàng lại hài lòng với suy nghĩ về một kế hoạch mà với nàng rất đáng ngờ về mặt lợi ích. Hắn mẹ nàng đã dò hỏi, và biết rằng bà d’Urberville này là một quý bà rất ư tốt bụng và hảo tâm. Nhưng lòng kiêu hành của Tess khiến nàng cực kỳ chán ghét mối quan hệ bà con này.

“Con thà cố tìm việc làm còn hơn” nàng lầm bẩm.

“Durbeyfield, ông có thể giải quyết vụ này” bà mẹ quay sang ông chồng đang ngồi ở phía sau. “Nếu ông bảo nó phải đi, nó sẽ đi.”

“Ta không thích con cái ta tới đó và biến mình thành kẻ chịu ơn của những người bà con xa lạ” ông lầm bẩm. “Ta đứng đầu nhánh cao quý nhất của dòng họ, và ta phải tỏ ra mình xứng đáng với điều đó.”

Với Tess, lý do bác bỏ việc này của ông còn tệ hơn sự phản đối đi gặp quý bà đó của nàng. Nàng buôn râu nói: “Được rồi, má à, vì con đã làm chết con ngựa, con cho là con phải làm gì đó. Con không ngại tới gặp bà, nhưng má phải để con tự giải quyết việc yêu cầu giúp đỡ. Và đừng nghĩ tới việc bà mai mối cho con, việc đó thật ngớ ngẩn.”

“Nói hay lầm, Tess!” cha nàng nhận xét với vẻ kẻ cả.

“Ai bảo má có một ý nghĩ như thế?” Joan hỏi.

“Con nghĩ nó nằm trong đầu má, má à. Nhưng con sẽ đi.”

Sáng hôm sau nàng dậy sớm và đi bộ tới thị trấn vùng đồi Shaston. Ở đó, nàng bắt một chuyến xe ngựa chở khách chạy hai lần một tuần từ Shaston về phía đông, tới Cheshire, băng ngang qua Trantridge, xứ đạo mà bà d'Urberville mơ hồ và bí ẩn đang cư ngụ.

Hành trình của Tess Durbeyfield vào buổi sáng đáng nhớ này nằm giữa vùng đồi nhấp nhô phía đông bắc của Thung lũng nơi nàng chào đời và trải qua suốt quãng đời sau đó. Thung lũng Blakemore là thế giới của nàng, và cư dân của nó là những chủng tộc địa phương ở đó. Từ những cánh cổng và bậc trèo của thôn Marlott, nàng đã nhìn xuống chiềng dài của nó trong những ngày ấu thơ bỡ ngỡ, và những gì bí ẩn đối với nàng hồi đó giờ vẫn không hề kém phần bí ẩn. Nàng đã nhìn thấy mỗi ngày từ cửa sổ phòng mình những tòa tháp, thôn làng, tòa dinh thự trắng mờ mờ; trên tất cả là thị trấn Shaston, đứng sừng sững trên độ cao của nó; những ô cửa sổ ở đó tỏa sáng như ngọn đèn trong ánh chiều tà. Nàng hầu như chưa từng tới nơi đó, và thậm chí chỉ rành rẽ một phần nhỏ thung lũng và các vùng quanh nó. Nói gì tới việc nàng đi xa ra bên ngoài thung lũng. Với nàng, từng đường nét của những ngọn đồi xung quanh cũng mang tính cách cá nhân như gương mặt người thân thuộc của nàng; nhưng đối với thứ năm bên ngoài, xét đoán của nàng phụ thuộc vào những gì học được ở ngôi trường làng, nơi nàng từng giữ vị trí dẫn đầu khi còn học ở đó, một hoặc hai năm trước.

Ngày còn đi học, các bạn gái cùng tuổi rất quý mến nàng, và người ta thường nhìn thấy nàng trong một nhóm ba người - hầu như đều bằng tuổi nhau - đi từ trường về nhà bên nhau; Tess đi giữa, mặc một cái áo khoác không tay màu hồng in hình mắt lưới bên ngoài một cái áo đã mất đi màu nguyên thủy, bước đều trên đôi chân thon dài mang đôi vớ

có những cái lỗ như một cái thang nhỏ ở đầu gối, bị rách do quỳ gối trên đường và những bờ đất để tìm rau củ, khoáng vật; mái tóc màu nâu đất của nàng khi đó loăn xoăn như mấy cái mốc nồi; cánh tay của hai cô gái đi mé ngoài vòng quanh eo của Tess; còn hai cánh tay của nàng đặt trên vai của họ.

Lúc Tess lớn hơn và bắt đầu hiểu chuyện, nàng có một cảm giác phê phán theo kiểu Malthus⁽¹⁾ đối với mẹ vì đã vô tư mang tới cho nàng quá nhiều em trai, em gái; khi việc chăm sóc và nuôi nấng chúng quá khó khăn. Trí khôn của mẹ nàng là trí khôn của một đứa trẻ hạnh phúc: Joan Durbeyfield đơn giản là một đứa trẻ khác, và không phải là đứa trẻ lớn nhất đối với gia đình toàn những kẻ há miệng chờ sung của bà.

Tuy nhiên, Tess rất thương yêu các em, và để giúp chúng càng nhiều càng tốt; ngay khi rời khỏi trường học, nàng đã tham gia phơi cỏ, gặt lúa ở các nông trại lân cận; hoặc, do sở thích, giúp vắt sữa hoặc làm bơ, việc mà nàng đã học được khi cha nàng còn nuôi bò; do khéo tay, nàng rất xuất sắc trong những công việc đó.

Dường như mỗi ngày, đôi vai trẻ trung của nàng lại chịu thêm nhiều gánh nặng gia đình hơn, và việc Tess là đại diện cho gia đình Durbeyfield ở dinh thự của bà d'Urberville là lẽ đương nhiên. Trong trường hợp này, phải thừa nhận rằng vợ chồng Durbeyfield đã cử tới đó đứa con xinh đẹp nhất của mình.

Nàng xuống xe ở Ngã tư Trantridge, và đi bộ lên đồi về hướng huyện The Chase. Như được thông báo, nàng có thể

1. Thomas Robert Malthus (1766 - 1834): giáo sĩ, học giả về chính trị và kinh tế người Anh. Lý thuyết của ông là dân số thế giới tăng nhanh hơn những phương tiện tồn tại của nó nếu không được kiểm soát bởi đạo đức hay bởi dịch bệnh, chiến tranh hay các tai họa khác, kết quả không thể tránh khỏi là sự đói nghèo và suy đói.

tìm thấy The Slopes, tòa nhà của bà d'Urberville, ở nơi tiếp giáp với huyện The Chase. Đó không phải là một diền trang theo nghĩa thông thường, với những cánh đồng và bãi cỏ, và một người tá điền hay càu nhau, kẻ mà từ đó người địa chủ phải vắt ra một khoản thu nhập cho chính mình và gia đình mình. Nó còn hơn thế, hơn nhiều: một ngôi nhà thôn quê được xây dựng vì thú vui đơn thuần, không có một mảnh đất trống nào, ngoài những mảnh đất cần thiết cho mục đích trú ngụ, một nông trại nhỏ do chủ nhân nắm giữ và do người quản gia trông coi.

Ngôi nhà xây bằng gạch đỏ xuất hiện trong tầm mắt, với dày thường xuân um tùm vươn tới tận mái hiên, Tess nghĩ đây chính là tòa dinh thự. Nàng đi qua một cửa rào nhỏ bên hông với đôi chút bối rối, và khi đi tiếp tới một điểm nơi con đường rẽ sang một phía, nàng nhìn thấy toàn cảnh ngôi nhà. Nó mới được xây dựng gần đây - thật sự gần như còn mới - và có cùng màu đỏ thắm tạo nên một sự tương phản rõ rệt với màu xanh của dây thường xuân. Xa phía sau một góc của ngôi nhà - nổi bật như một đóa hoa phong lữ trên những màu sắc dịu hơn xung quanh - trải rộng quang cảnh xanh ngắt của huyện The Chase: một vùng đất rừng thật sự khalkính, một trong rất ít vùng rừng còn sót lại từ thời nguyên thủy của nước Anh, nơi loài tẩm gửi mà các giáo sĩ ngoại giáo người Anh thời cổ đại tôn kính vẫn còn được tìm thấy trên những thân sồi cổ thụ, và nơi những cây thông đỏ khổng lồ không do con người trồng vẫn mọc như chúng đã từng mọc, khi chúng thường bị cắt cành để làm cung. Tuy nhiên, dù có thể nhìn thấy toàn bộ vùng rừng cổ xưa này từ The Slopes, tất cả đều nằm bên ngoài ranh giới của trang viên.

Mọi thứ trên mảnh đất nhỏ xinh xắn này đều tươi tắn, sum sê và được gìn giữ tốt; những mảnh đất nhà kính trải

xuôi tới những bãi trống cây làm chất đốt bên dưới. Mọi thứ đều trông giống như tiền - một đồng tiền vừa được đúc ra từ Sò đúc tiền. Các chuồng ngựa, bị che khuất một phần bởi những cây thông nước Áo, cây sồi xanh, và phù hợp với mọi trang thiết bị mới nhất, trông đầy phẩm giá như mấy ngôi nhà nguyện thuận tiện⁽¹⁾. Trên bài cò rộng có một túp lều trang trí, và cửa lều hướng về phía Tess.

Cô gái đơn giàn Tess Durbeyfield đứng nhìn nó chăm chú, với một thái độ hơi cảnh giác, trên lề lối mòn rải sỏi. Đôi chân nàng đã đưa nàng tới nơi này trước khi nàng hoàn toàn nhận ra mình đang ở nơi nào; và giờ đây tất cả đều trái ngược với mong đợi của nàng.

“Mình nghĩ chúng mình là một gia tộc xa xưa; nhưng toàn bộ chỗ này đều mới toanh!” nàng tự nhủ với bản tính ngày thơ. Nàng ước gì đã không dễ dàng rơi vào kế hoạch “nhận bà con” của mẹ nàng và cố tìm kiếm sự trợ giúp gần hơn tại quê nhà.

Gia đình d’Urberville - hoặc Stoke-d’Urberville, như thoạt tiên họ tự xưng - chủ nhân của toàn bộ khuôn viên này, là một gia đình hơi khác thường tại một vùng quê theo thói cũ như thế này. Cha xứ Tringham đã nói thật khi bảo rằng John Durbeyfield lù đù của chúng ta là đại biểu duy nhất thật sự trực hệ của gia tộc d’Urberville cổ xưa đang tồn tại trong hạt, hoặc vùng phụ cận; lẽ ra ông có thể nói thêm điều mà ông biết rất rõ, rằng gia đình Stoke-d’Urberville không nằm trong cây phả hệ d’Urberville thật sự. Thế nhưng phải thừa nhận rằng gia đình này đã làm ăn rất thành đạt để ghép cái họ quý tộc này vào tên họ của mình.

1. Chappels-of-ease: những nhà nguyện được xây dựng ở vị trí thuận tiện cho các giáo dân ở cách xa nhà thờ chính của giáo xứ.

Khi ông Simon Stoke lớn tuổi, vừa quá cố gân đây, đã làm ăn phát đạt với tư cách một thương gia trung thực (một số người bảo ông là kẻ cho vay nặng lãi) ở miền Bắc, ông quyết định tới miền Nam nước Anh sinh sống với tư cách một người dân trong hạt, lánh xa cái huyện làm ăn của ông trước đó; và khi làm điều này ông cảm thấy cần phải bắt đầu lại với một cái tên không quá dễ đồng nhất ông với tay thương gia khôn khéo của quá khứ, và không tầm thường như những từ đơn giản, trần trụi cũ. Sau một giờ nghiên ngẫm trong Thư viện Anh những trang sách viết về các gia tộc đã tuyệt chủng, tuyệt chủng một phần, trở nên vô danh và sa sút ở một miền của nước Anh nơi ông dự tính tới định cư, ông cho rằng họ *d'Urberville* nghe cũng khá hay ho; và thế là cái họ *d'Urberville* được bổ sung vĩnh viễn vào tên của chính ông và những người thừa kế của ông. Thế nhưng ông không phải là một người quá ngông cuồng trong chuyện này nên chỉ đóng khung cái tên này một cách hợp lý trong hôn nhân và những mối quan hệ nội bộ, không bao giờ gắn thêm cho nó một tước vị cao hơn một tầng lớp khá khiêm tốn.

Đương nhiên là Tess đáng thương và cha mẹ nàng không biết gì về chuyện này; nó quá đáng thất vọng đối với họ; thật sự họ không thể nào biết tới khả năng của sự thêm thắt như thế; họ cho rằng dù xinh đẹp là món quà của vận may, họ của một gia tộc hình thành một cách tự nhiên.

Trong lúc Tess vẫn đứng do dự như một người sắp nhảy úm xuống nước, không biết nên rút lui hay nán lại, một bóng người bước ra từ cánh cửa tối hình tam giác của túp lều. Đó là một thanh niên cao ráo, với điếu thuốc trên môi.

Y có nước da ngăm đen, đôi môi dày, thiếu cân đối, dù đỏ và mịn màng, bên trên là bộ ria đen, rậm, với hai đầu nhọn uốn cong, dù tuổi của y không thể quá hai mươi ba hoặc hai

mươi bốn. Bất chấp những đường nét thô kệch đó, có một sức mạnh khác thường trên gương mặt và đôi mắt sắc sảo của y.

“Chà, người đẹp của tôi, tôi có thể làm gì cho cô?” y nói, bước tới gần. Khi nhận ra nàng đang rất bối rối, y nói thêm: “Đừng để ý tới tôi. Tôi là d’Urberville. Cô tới để gặp tôi hay mẹ tôi?”

Hiện thân này của một người mang họ d’Urberville thậm chí còn khác xa với những gì Tess đã mong đợi hơn cả ngôi nhà và những mảnh đất. Nàng đã tưởng tượng một gương mặt lớn tuổi và đầy phẩm cách, sự thăng hoa từ mọi đường nét đặc trưng của họ d’Urberville, đầy nếp nhăn với những ký ức, hiện thân bằng xương bằng thịt qua các thế kỷ của gia tộc nàng và lịch sử nước Anh. Nhưng nàng cố tự trấn tĩnh với nhiệm vụ phải làm, vì không thể thoát ra khỏi nó, và đáp:

“Tôi tới để gặp mẹ ông, thưa ông.”

“Tôi e rằng cô không thể gặp bà, bà là một người tàn tật” đại biểu hiện tại của ngôi nhà già tạo đáp; vì đó là Alec, con trai độc nhất của quý ông vừa quá cố. “Tôi không thể đáp ứng mục đích của cô sao? Cô muốn đến gặp bà vì việc gì?”

“Đây không phải là công việc... đây là... tôi khó mà nói nó là gì!”

“Thú vui?”

“Ô, không. Nếu tôi nói với ông, nó sẽ có vẻ...”

Ý thức của Tess về một sự lố bịch rõ ràng trong nhiệm vụ của nàng giờ mạnh mẽ đến độ bất chấp cảm giác sợ hãi đối với y, sự khó chịu vì đang ở đây, đôi môi hồng của nàng cong lên tạo ra một nụ cười mỉm, rất quyến rũ đối với Alexander ngăm đen.

“Nó rất ngớ ngẩn” nàng lắp bắp; “Tôi e là tôi không nói với ông được.”

“Không sao đâu; tôi thích những chuyện ngớ ngẩn. Cố lẩn nữa đi, cô thân mến” y tỏ ra tử tế.

“Má tôi bảo tôi tới” Tess tiếp tục; “Và thật sự, trong đầu tôi cũng định làm điều tương tự. Nhưng tôi không nghĩ nó lại như thế này. Thưa ông, tôi tới để nói với ông rằng chúng tôi cùng trong một gia tộc với ông.”

“Ô! Những người bà con nghèo?”

“Phải.”

“Họ Stoke?”

“Không, họ d’Urberville.”

“Vâng, vâng, ý tôi là họ d’Urberville.”

“Họ của chúng tôi đã bị biến đổi thành Durbeyfield; nhưng chúng tôi là người họ d’Urberville. Những nhà khảo cổ xác nhận điều đó... và... và chúng tôi có một con dấu niêm phong cũ, khắc một con sư tử đứng chồm hai chân trước lên một tấm khiên, bên trên nó là một tòa lâu đài. Và chúng tôi có một cái muồng bạc rất cổ, tròn như một cái muồng múa canh nhỏ, cũng khắc tòa lâu đài đó. Nhưng nó đã mòn vẹt đến độ má tôi dùng nó để khuấy súp đậu.”

“Một tòa lâu đài màu bạc chắc chắn là biểu tượng của dòng họ tôi” y ôn tồn nói. “Và huy hiệu của chúng tôi là một con sư tử chồm lên.”

“Vì thế má tôi bảo chúng tôi nên báo cho ông biết... vì chúng tôi đã mất con ngựa do một sự cố tệ hại, và là nhánh xưa nhất của gia tộc.”

“Má cô rất tốt, tôi chắc chắn. Và tôi không chút phiền lòng vì quyết định này của bà” Alec nhìn Tess trong lúc nói,

theo một cách khiến nàng hơi đỏ mặt. “Vậy là, cô gái xinh đẹp của tôi, cô đến để thăm viếng chúng tôi với tư cách những người bà con?”

“Tôi cho là vậy” Tess ấp úng, có vẻ không thoải mái.

“Ồ, không có hại gì trong chuyện đó. Cô sống ở đâu? Cô làm nghề gì?”

Nàng nói cho y biết với những chi tiết ngắn gọn, và đáp lại những câu hỏi khác rằng nàng định quay về bởi cùng một cỗ xe đã đưa nàng tới đây.

“Sẽ mất khá lâu trước khi ông ta trở lại ngang Ngã tư Trantridge. Tôi cho là chúng ta sẽ đi dạo một vòng để giết thời giờ, phải không cô em họ xinh đẹp của tôi?”

Tess muốn thu ngắn thời gian thăm viếng càng nhiều càng tốt; nhưng Alec cứ nài ép, và nàng đành đi với y. Y dẫn nàng đi quanh những bãi cỏ, những luống hoa, và những nhà kính trồng cây; rồi từ đó tới vườn cây ăn quả và nhà kính trồng dâu. Y hỏi nàng có thích dâu không.

“Vâng, nếu chúng có sẵn.”

“Chúng đã có sẵn ở đây.” D’Urberville bắt đầu hái nhiều loại quả cho nàng, ngoại lại trao cho nàng trong lúc y đứng khom người, rồi khi chọn được một quả ngon của giống dâu “Nữ hoàng Anh”, y đứng thẳng lên và cầm cuống của nó đưa tới miệng nàng.

“Không, không” nàng nói nhanh, đưa tay lên chặn lại. “Tôi thích tự tay cầm nó hơn.”

“Vớ vẩn!” y khăng khăng; và với một cảm giác hơi khó chịu, nàng hé môi ra và đón nhận nó.

Họ đi lòng vòng như thế một lúc, Tess ăn trong tâm trạng nửa vui lòng, nửa miễn cưỡng bất cứ thứ gì d’Urberville đưa

cho nàng. Khi nàng không thể ăn thêm dâu nữa, y hái dâu bò vào cái giò nhò của nàng; sau đó cả hai vòng qua những cây hoa hồng, y hái hoa để nàng cài lên ngực. Nàng tuân theo như thể đang trong một giấc mơ, khi ngực nàng đã gắn đầy hoa, y tự tay gắn một hai nụ hoa vào mũi của nàng, và hào phóng chất đầy cái giò những chùm hoa khác. Cuối cùng, y nhìn đồng hồ đeo tay và nói: “Giờ cô sẽ ăn chút gì nhé, sau đó cùng tôi giờ cô ra về, nếu cô muốn bắt chuyến xe tới Shaston. Tới đây, tôi sẽ xem tôi có thể tìm được thứ gì.”

Stoke d'Urberville đưa nàng trở lại bãi cỏ, vào trong căn lều, và để nàng đứng chờ ở đó. Chẳng bao lâu y quay ra với một giò thức ăn nhẹ và tự đặt trước mặt nàng. Rõ ràng y không muốn bị người hầu quấy rầy trong tình huống *tête-à-tête*⁽¹⁾ thú vị này.

“Cô có phiền không nếu tôi hút thuốc?” y hỏi.

“Ô, không đâu, thưa ông.”

Y ngầm nghĩa về đáng yêu và vô tư khi nàng nhai nhóp nhép qua làn khói tỏa ra trong lều. Trong lúc ngây thơ nhìn những bông hồng trên ngực áo của mình, Tess Durbeyfield không thể tiên đoán được rằng sau màn sương mù xanh mê hoặc đó tiêm ẩn “nguồn tai họa” trong tấn bi kịch của nàng - một kẻ rõ ràng sẽ là tia sáng đỏ trong chuỗi quang phổ cuộc đời tươi trẻ của nàng. Ở nàng có một thuộc tính vốn sẽ gây bất lợi cho nàng ngay lúc này; và nó chính là nguyên nhân khiến Alec d'Urberville dán mắt vào nàng. Sức sống căng trào và thân hình đầy đặn khiến vẻ ngoài của nàng ra dáng đàn bà hơn so với tuổi. Nàng đã kế thừa đặc điểm này từ mẹ. Đôi khi nó khiến nàng khó chịu, nhưng các bạn của nàng đã bảo rằng nó là một sai lầm mà thời gian sẽ sửa chữa.

1. Nguyên văn tiếng Pháp trong bản gốc, có nghĩa là một cuộc nói chuyện tay đôi.

Nàng nhanh chóng kết thúc bữa ăn. “Giờ tôi sẽ trở về nhà, thưa ông” nàng nói và đứng lên.

“Họ gọi cô thế nào?” y hỏi, khi đưa nàng đi dọc lối dành cho xe chạy tới khi họ ra khỏi tầm nhìn của ngôi nhà.

“Tess Durbeyfield, ở thôn Marlott.”

“Và cô bảo nhà cô đã mất đi con ngựa?”

“Tôi... đã giết chết nó!” nàng đáp, mắt rưng lệ khi kể lại cái chết của Hoàng Tử. “Và tôi không biết phải làm gì cho tía tôi sau vụ này.”

“Tôi sẽ nghĩ xem có thể làm gì. Mẹ tôi phải tìm cho cô một việc làm. Nhưng Tess này, đừng nói nàng vô lý về ‘d’Urberville’ nữa; chỉ ‘Durbeyfield’ thôi, cô biết đó - hoàn toàn là một cái họ khác.”

“Tôi không ước gì hơn thế, thưa ông” nàng đáp, với lòng tự trọng.

Trong một thoáng - chỉ trong một thoáng - khi họ tới chỗ ngoặt của lối xe chạy, giữa những cây đỗ quyên cao và những cây thông, trước khi ngôi nhà khuất khỏi tầm mắt, y nghiêng mặt về phía nàng như thế... nhưng không, y suy nghĩ lại, và để cho nàng đi.

Sự việc bắt đầu thế đó. Giá như nhận ra ý nghĩa của cuộc gặp gỡ đó hẳn nàng sẽ tự hỏi vì sao số phận khiến xui nàng bị một gà đàn ông không phải là người trong mộng của nàng nhìn thấy và thèm muốn, chứ không phải một người nào đó khác, người phù hợp và đáng ước ao ở mọi phương diện - như nhân loại có thể cung cấp một người phù hợp và đáng ước ao; thế nhưng với anh ta, kè có thể đáp ứng tiêu chuẩn đó trong số những chàng trai nàng từng gặp, nàng chỉ là một ẩn tượng thoáng qua, mang máng trong trí nhớ.

Trong việc thực hiện một cách khờ khạo kế hoạch khôn ngoan, lời kêu gọi hiếu khi mang tới một người; kè để ta yêu thương hiếu khi trùng hợp với thời khắc để yêu thương. Tự nhiên không thường nói rằng “Nhìn kia!” với tạo vật khốn khổ của Người khi việc nhìn có thể dẫn tới niềm hạnh phúc; hoặc đáp “Đây!” cho tiếng thét hỏi “Ở đâu?” của một con người, cho tới khi sự trốn tìm đã trở thành trò chơi mệt nhoài, chán ngán. Chúng ta có thể tự hỏi rằng ở tột điểm tiến trình phát triển của loài người, những sai lầm về thời điểm này có được điều chỉnh bởi một trực giác chính xác hơn, một tương tác gần gũi hơn của cỗ máy xã hội so với thứ hiện đang xoay chúng ta như chong chóng hay chẳng; nhưng sự hoàn thiện đó không được tiên đoán, thậm chí được quan niệm, là khả dĩ. Chỉ biết rằng trong trường hợp hiện tại, cũng như trong nhiều triệu trường hợp, hai nửa của một tổng thể hoàn hảo không hề giáp mặt nhau vào thời khắc hoàn hảo; một nửa tâm hồn thất lạc lang thang khắp địa cầu, mòn mỏi đợi chờ cho đến khi thời điểm muộn màng tới. Sự trì hoãn đáng buồn này mang tới những lo âu khắc khoải, nỗi thất vọng, cú sốc, tai ương, và những định mệnh rất đỗi lả lùng.

Khi d’Urberville về tới túp lều, y ngồi dạng chân trên một cái ghế, nét mặt có vẻ hài lòng. Rồi y bật cười ha ha.

“Ôi, chết tiệt thật! Buồn cười quá đi mất! Ha-ha-ha! Đúng là một cô gái quyến rũ!”

Chương 6

Tess xuống đồi và tới Ngà tư Trantridge, lơ đãng chờ cỗ xe khách quay về Shaston từ Chaseborough. Nàng không biết các hành khách khác nói với mình điều gì khi bước lên xe, dù vẫn trả lời họ; và khi họ bắt đầu câu chuyện mới, nàng ngồi với một con mắt hướng vào nội tâm chứ không phai ra ngoài.

Một trong số bạn đồng hành của nàng nói với nàng, với vẻ mỉa mai hơn bất cứ người nào đã nói trước đó: “Chà, cả người cô toàn những hoa! Và những bông hồng như thế vào đầu tháng Sáu!”

Khi đó nàng mới bắt đầu nhận ra hình ảnh của chính mình trước ánh mắt ngạc nhiên của họ: những đóa hồng cài trên ngực áo; trên nón; những chùm hoa hồng và quả dâu đầy tới miệng giò. Nàng đỏ mặt, và bối rối đáp rằng hoa là do người ta tặng cho nàng. Nhận lúc họ không để ý, nàng len lén gỡ những bông hoa quá nổi bật ra khỏi nón và đặt chúng vào giò, rồi lấy khăn tay trùm lên trên. Sau đó nàng lại rơi vào suy nghĩ miên man, và khi nhìn xuống, một cái gai của bông hồng còn nằm trên ngực tình cờ chọc vào cằm nàng. Như mọi thôn dân trong Thung lũng Blakemore, Tess chìm trong những tưởng tượng hào huyền và những điểm

báo mang tính dị đoan; nàng nghĩ đây là một điểm gờ - điểm gờ đầu tiên mà nàng nhận thấy ngày hôm đó.

Cỗ xe ngựa chỉ tới Shaston, và còn nhiều dặm đi bộ xuống dốc từ thị trấn vùng cao đó tới thôn Marlott trong thung lũng. Mẹ nàng đã dặn nàng ở lại nghỉ đêm tại nhà của một phụ nữ nông thôn mà họ quen biết nếu nàng thấy mệt không đi tiếp được. Tess làm theo lời dặn này, và chiều hôm sau nàng mới về tới nhà.

Khi bước vào nhà, nàng nhận thấy trong chớp mắt từ thái độ đặc thằng của mẹ mình rằng có điều gì đó đã xảy ra trong thời gian nàng đi vắng.

“Ô, phải; má biết hết mọi chuyện! Má đã bảo con việc này sẽ êm xuôi tốt đẹp, và giờ nó đã được chứng minh.”

“Từ lúc con rời khỏi nhà? Chuyện gì vậy má?” Tess mệt nhọc hỏi.

Mẹ nàng ngắm nàng từ trên xuống dưới với vẻ mặt hài lòng và hóm hỉnh, và vui vẻ nói tiếp: “Vậy là con đã được họ thừa nhận!”

“Sao má biết, hả má?”

“Má nhận được một lá thư.”

Lúc đó Tess chợt nhớ ra rằng đã có thời gian đủ cho việc này.

“Họ bảo - bà d’Urberville bảo - rằng bà muốn con tới trông coi một trại gia cầm nhỏ, vốn là thú vui của bà. Nhưng đây chỉ là cung cách ranh ma của bà để kéo con tới đó mà không nhen nhóm những hy vọng của con. Bà sẽ nhận con là bà con, ý nghĩa của điều này là vậy.”

“Nhưng con không gặp bà.”

“Má nghĩ con đã gặp một người nào đó?”

“Con gấp con trai bà.”

“Cậu ta có thừa nhận con không?”

“À, ông ta gọi con là Em họ.”

“Má đã biết trước điều này! Ông à, cậu ta đã gọi nó là Em họ!” Joan la lên với ông chồng. “Chà, dĩ nhiên cậu ta đã nói với bà má, và bà muốn con tới đó.”

“Nhưng con không biết con có khả năng chăm sóc gia cầm hay chăng.” Tess nói với vẻ hổ nghi.

“Thế thì má không biết ai mới là người có khả năng. Con đã sinh ra trong môi trường làm việc này, và lớn lên trong đó. Những người sinh ra trong một môi trường làm việc luôn biết nhiều về nó hơn bất cứ người học việc nào. Ngoài ra, công việc đó chỉ là cái cớ để con không cảm thấy phải chịu ơn.”

“Con không muốn đi chút nào hết má à.” Tess trầm ngâm đáp. “Ai viết lá thư đó vậy? Con muốn đọc nó. Có được không má?”

“Bà d’Urberville viết. Đây nè.”

Lá thư viết với ngôi thứ ba, vẫn tắt thông báo với bà Durbeyfield rằng sự phục vụ của con gái bà sẽ hữu ích cho quý bà đó trong công việc quản lý trại gia cầm, một căn phòng tiện nghi sẽ được bố trí cho nàng nếu nàng có thể tới, và tiền công sẽ khá cao nếu họ thích nàng.

“Ồ, chỉ có thể!” Tess nói.

“Con không thể mong đợi bà vòng tay ôm con, hôn con và gọi con là bà con ngay lập tức.”

Tess nhìn ra cửa sổ.

“Con muốn ở đây với tía má hơn” nàng nói.

“Nhưng vì sao chứ?”

“Con không nói được, má à. Thật sự con hoàn toàn không biết vì sao.”

Một tuần sau đó, nàng bước vào nhà khi trời đã xế chiều, sau cuộc tìm kiếm vô hiệu quả một công việc vặt nào đó trong thôn. Ý định của nàng là kiếm đủ tiền trong mùa hè để mua con ngựa khác. Hầu như ngay khi nàng bước qua ngưỡng cửa, một đứa trong đám trẻ con đang nhảy múa tung tăng quanh phòng cất tiếng: “Hồi nãy quý ông đó đã tới đây!”

Mẹ nàng vội giải thích, những nụ cười như hé nở trên từng phần cơ thể của bà. Con của bà d’Urberville đã ghé thăm nhà khi có dịp cưới ngựa đi ngang thôn Marlott. Nhận danh mẹ mình, cậu ta muốn biết thật sự Tess có thể tới để quản lý trại gia cầm của bà cụ hay không; cậu trai trẻ giữ việc coi sóc nông trại cho tới lúc đó đã tỏ ra không đáng tin cậy. “Cậu d’Urberville bảo con phải là một cô gái ngoan hiền nếu tính nết con cũng giống ngoại hình con; cậu ta biết con phải đáng giá ngang với cân nặng của con tính theo vàng. Nói thật lòng, cậu ta rất quan tâm tới con.”

Dường như trong khoảnh khắc đó Tess thật sự hài lòng khi nghe nói rằng nàng đã được một người xa lạ đánh giá cao như thế trong lúc lòng tự trọng của chính nàng đã xuống rất thấp.

“Ông ta rất tốt khi nghĩ vậy” nàng lẩm bẩm. “Và nếu con hoàn toàn chắc chắn cuộc sống ở đó sẽ như thế nào, con sẽ tới bất cứ lúc nào.”

“Cậu ta là một anh chàng bảnh trai cao lớn!”

“Con không nghĩ như thế” Tess lạnh lùng đáp.

“Ồ, dù sao đó cũng là cơ hội của con, dù cậu ta có bảnh hay không; và má chắc chắn cậu ta đeo một chiếc nhẫn kim cương rất đẹp!”

“Đúng vậy” nhóc Abraham hổn hển phụ họa, từ cái ghế dài cạnh cửa sổ. “Và em đã nhìn thấy nó! Nó sáng lấp lánh khi ống đưa tay lên vuốt ria. Má à, vì sao người bà con giàu có của chúng ta cứ đưa tay lên sờ ria mép hoài vậy?”

“Hãy nghe thằng bé nói kia!” bà Durbeyfield nói, với vẻ ngưỡng mộ rõ rệt.

“Có lẽ để khoe chiếc nhẫn kim cương của cậu ta” Ngài John mơ màng nói từ chỗ đang ngồi.

“Con nghĩ chuyện này xong rồi” Tess nói và rời khỏi phòng.

“Ông nè, Tess nó đã chiếm được cảm tình của nhánh họ hàng trẻ hơn của chúng ta, ngay lập tức” Joan nói với ông chồng, “Và nó thật ngu ngốc nếu không theo đuổi kết quả đó.”

“Tôi hoàn toàn không thích con mình đi xa nhà” người bán đạo nói. “Với tư cách ông chủ gia đình, cả nhà phải nghe theo tôi.”

“Nhưng hãy để cho nó đi, Jacky à” bà vợ khù khờ tội nghiệp nói. “Cậu ta đã chết mê con bé, ông có thể thấy điều đó. Cậu ta gọi nó là Em họ! Cậu ta sẽ cưới nó, rất có khả năng này, và biến nó thành một quý bà; và khi đó nó sẽ có địa vị cao như tổ tiên của nó.”

John Durbeyfield có nhiều lòng tự phụ hơn là năng lượng hoặc sức khỏe, thế nên giả thiết này khiến ông thích thú.

“Ồ, có lẽ đó là điều cậu d’Urberville muốn” ông thừa nhận. “Và chắc chắn cậu ta phải có những ý nghiêm túc về việc nâng cao huyết thống của mình bằng cách kết nối với dòng dõi lâu đời hơn. Cái con bé Tess này! Có thật nó đã tới thăm họ là vì mục đích này?”

Trong lúc đó Tess đang vừa tàn bộ vừa suy nghĩ giữa những lùm lý gai trong vườn, bên trên ngôi mộ của con ngựa Hoàng Tử. Khi nàng bước vào nhà, mẹ nàng lên tiếng trước.

“Nè, con tính sẽ làm gì?”

“Con ước gì đã gặp bà d’Urberville” Tess đáp.

“Má nghĩ con đã xử lý tốt chuyện này. Sau này con sẽ sớm gặp bà thôi.”

Cha nàng ho khúc khắc trên ghế.

“Con không biết phải nói gì!” Tess áy náy. “Tía má cứ quyết định đi. Con đã làm chết con ngựa già, con nghĩ con phải làm gì đó để kiếm một con ngựa mới. Nhưng... nhưng... con không ưa cậu d’Urberville ở đó!”

Lũ trẻ, vốn đã quen xem việc Tess được những người bà con giàu có của chúng đón nhận (chúng tưởng tượng như thế) như một phương thuốc giảm đau sau cái chết của con ngựa, bắt đầu la lên khi thấy vẻ miền cương của Tess, trêu ghẹo và trách móc sự do dự của nàng.

“Chị Tess sẽ không đi và không được biến thành một quý bà! Không, chỉ nói chì không đi!” chúng há to miệng gào lên. “Và chúng ta sẽ không có một con ngựa mới xinh đẹp, và thật nhiều tiền vàng để mua sắm các thứ quà! Và trong chị Tess sẽ không còn xinh đẹp với cái áo dài đẹp nhất nữa!”

Mẹ nàng cũng hưởng ứng theo chúng: cách thức làm cho những công việc nội trợ trông có vẻ nặng nhọc hơn so với thực tế bằng cách kéo dài chúng vô hạn định của bà cũng khá nặng ký trong lập luận. Chỉ có cha nàng vẫn giữ nguyên một thái độ trung lập.

Cuối cùng Tess nói: “Con sẽ đi.”

Mẹ nàng không thể kềm lại ý nghĩ về viễn cảnh hôn nhân xuất hiện cùng với sự ưng thuận của nàng.

“Làm thế là đúng! Với một cô bé xinh xắn như con, đây là một cơ hội tốt!”

Tess gượng cười.

“Con nghĩ đây là một cơ hội để kiếm tiền chứ không gì khác. Tốt hơn mà đừng nói gì về chuyện vớ vẩn đó trong xứ đạo.”

Bà Durbeyfield không hứa. Bà không hoàn toàn chắc rằng bà có cảm thấy tự hào đủ hay chưa sau những nhận xét của người khác để không đem chuyện này khoe khoang khắp chốn.

Sự việc được ấn định như thế; và cô gái trẻ viết một lá thư, đồng ý sẵn sàng lên đường vào bất cứ ngày nào nàng được yêu cầu. Nàng được phúc đáp rằng bà d'Urberville rất vui với quyết định của nàng, một cỗ xe hai bánh sẽ được cử tới để đón nàng ở đầu thung lũng vào ngày mốt, và nàng nên chuẩn bị sẵn sàng. Chữ viết của bà d'Urberville trông khá giống nét chữ của đàn ông.

“Một cỗ xe hai bánh?” Joan Durbeyfield lẩm bẩm với vẻ ngờ vực. “Phải là một cỗ xe bốn bánh cho người bà con của bà mới đúng!”

Khi đã chấp nhận ra đi, Tess không còn áy náy và lơ đãng mấy. Nàng lảng xăng chuẩn bị và tự trấn an với ý nghĩ sẽ kiếm được một con ngựa khác cho cha nàng bằng một công việc không mấy nặng nhọc. Nàng từng hy vọng trở thành cô giáo, nhưng dường như định mệnh đã lái nàng theo hướng khác. Già hơn về mặt tinh thần so với mẹ mình, nàng không hề xem những hy vọng của bà Durbeyfield đối với hôn sự là một vấn đề nghiêm túc. Người phụ nữ nhẹ dạ này đã tìm kiếm những mối hôn sự tốt đẹp cho con gái của mình hầu như từ khi Tess mới chào đời.

Chương 7

Vào buổi sáng đã ấn định cho việc khởi hành, Tess dậy trước khi rạng sáng, vào thời khắc bản lề giữa bóng tối và ánh bình minh, khi khu rừng nhò vắn còn thinh lặng, trừ một chú chim đóng vai trò tiên tri duy nhất cất tiếng hót lúi lo với niềm tin tưởng rằng ít nhất nó cũng biết rõ thời điểm chính xác của ngày, số còn lại vẫn lặng im như thể tin tưởng không kém rằng nó đã lầm. Tess ở lại trên gác để đóng gói đồ đạc cho tới giờ ăn sáng, rồi đi xuống trong bộ y phục thường ngày, bộ đồ Chủ nhật của nàng đã được cẩn thận gấp lại và đặt vào rương.

Mẹ nàng nhận xét: “Con định không bao giờ tới gấp những người bà con với bộ y phục kha khá hơn thế một chút hay sao?”

“Nhưng con sẽ làm việc mà!” Tess đáp.

“Ồ, đúng” bà Durbeyfield nói; và khe khẽ nói thêm, “Lúc đầu có thể giả vờ là thế... Nhưng má nghĩ sẽ khôn ngoan hơn nếu con diện bộ đồ đẹp nhất.”

“Được rồi. Con nghĩ là má hiểu biết nhất” Tess bình thản nhượng bộ.

Và để làm vui lòng cha mẹ, nàng hoàn toàn đặt bản thân vào đôi tay của Joan, dịu dàng nói: “Cứ làm điều mà má muốn ở con, má à.”

Bà Durbeyfield rất vui trước sự ngoan ngoãn này. Trước hết bà mang tới một cái chậu lớn và gội đầu cho Tess với sự tỉ mỉ đến độ khi đã hong khô và chải, trông nó dày gấp đôi những lúc khác. Bà cột nó lại với một dải băng màu hồng to hơn mức bình thường. Sau đó bà khoác lên người Tess chiếc áo dài trắng mà nàng đã mặc trong đám rước. Tấm áo thướt tha, cộng thêm mái tóc xõa bênh bồng, khiến thân hình đang phát triển của nàng trông đầy đặn hơn, tạo ấn tượng sai lầm về tuổi của nàng, và có thể khiến cho người khác đoán nàng là phụ nữ trưởng thành trong lúc nàng không lớn hơn một bé gái bao nhiêu.

“Có một cái lỗ ở gót chiếc vớ của con đó má à!” Tess nói.

“Đừng thèm để ý tới những cái lỗ trên vớ của con, chúng không biết nói! Khi má còn là con gái, miễn là má đội một cái nón đẹp, chỉ có quỷ sứ mới nhìn xuống gót chân của má!”

Niềm tự hào của bà mẹ đối với vẻ đẹp của cô con gái khiến bà lùi lại, như một họa sĩ lùi ra xa cái giá vẽ, và ngắm nghía toàn bộ tác phẩm của bà.

“Con phải nhìn thấy chính mình!” bà kêu lên. “Con xinh hơn nhiều so với những ngày khác.”

Vì tấm gương chỉ đủ lớn để phản ánh một phần rất nhỏ trên người Tess mỗi lần, bà Durbeyfield treo một tấm áo choàng đen bên ngoài khung cửa sổ để tạo một tấm gương to hơn trên những tấm kính như thói quen của những phụ nữ nông thôn. Sau đó bà đi xuống gác, tới chỗ ông chồng đang ngồi trong căn phòng bên dưới.

“Tôi nói ông nghe nè, Durbeyfield” bà hớn hở. “Cậu ta sẽ không có lòng dạ để không yêu nó. Nhưng bất kể ông làm gì, đừng nói quá nhiều với Tess về việc đó, và cơ hội mà nó đã có. Nó trái tính trái nết đến nỗi việc đó có thể khiến cho

nó chống lại cậu ta, hay chống lại việc đi tới đó, ngay cả lúc này. Nếu mọi sự êm xuôi trót lọt, chắc chắn tôi sẽ làm gì đó để đến ơn ông cha xứ ở Stagfoot Lane vì đã nói cho chúng ta biết chuyện. Một người rất tốt bụng!"

Tuy nhiên, khi thời khắc xuất phát của cô gái tới gần, và sự phẫn khích của việc chuẩn bị y phục đã qua, một thoáng lo âu gợn lên trong tâm trí của Joan Durbeyfield. Nó thôi thúc bà phải đi tiễn chân nàng một đoạn - tới địa điểm nơi con dốc từ thung lũng bắt đầu ngược lên thế giới bên ngoài. Ở đỉnh dốc, Tess sẽ được đón bởi cỗ xe do gia đình Stoke-d'Urberville cưng tới, và rương hành lý của nàng đã được một thiếu niên đẩy lên đó trước bằng xe cút kít.

Khi thấy bà mẹ đội nón, đám em của nàng ôn ào đòi đi theo bà.

"Con muốn đi một đoạn với Tessy. Giờ Tessy sắp lấy quý ông anh họ của chúng con, và sẽ mặc quần áo đẹp!"

"Nè," Tess quay nhanh lại, và đỏ mặt "Chị không muốn nghe thêm về chuyện đó nha! Má à, sao má có thể nhồi nhét những thứ như thế vào đầu chúng chứ?"

"Cứ đi làm việc cho người bà con giàu có của chúng ta, con gái yêu, và giúp kiếm đủ tiền để mua một con ngựa mới" bà Durbeyfield bình thản nói.

"Tạm biệt tí" Tess nghẹn ngào.

"Tạm biệt, con gái của ta" Ngài John đáp, ngẩng đầu lên khi tạm ngưng giấc ngủ gà gật do niềm vui hơi thái quá sáng hôm đó mang tới. "Ồ, ta hy vọng anh bạn trẻ của ta sẽ thích một cô gái xinh xắn cùng dòng máu với cậu ta. Và nhớ nói với cậu ta, Tess à, dù đã hoàn toàn sa sút so với tổ tiên vĩ đại của chúng ta, ta sẽ bán cho cậu ta tước hiệu đó, phải, ta sẽ bán nó, với một cái giá hợp lý."

“Không ít hơn một ngàn bảng!” Phu nhân Durbeyfield nói lớn.

“Hãy nói với cậu ta, ta sẽ nhận một ngàn bảng. Không, ta sẽ lấy ít hơn, khi suy nghĩ tới điều này. Cậu ta có thể vinh danh nó tốt hơn một người bán đạo như ta. Hãy nói rằng cậu ta sẽ có nó với một trăm bảng. Nhưng ta sẽ không để ý tới những điều nhỏ nhặt - hãy nói rằng cậu ta sẽ có nó với năm mươi bảng, với hai mươi bảng! Phải, hai mươi bảng, đó là giá thấp nhất. Chết tiệt, danh dự gia tộc là danh dự gia tộc, và ta sẽ không bớt một xu nào!”

Mắt Tess tràn ngập lệ và giọng nói của nàng bị nghẹn đến độ nàng không tài nào nói được những cảm xúc của mình. Nàng vội quay đi và bước ra ngoài.

Các bé gái cùng đi với Tess. Nàng đi giữa, mỗi đứa em một bên; chúng nắm chặt tay nàng và thỉnh thoảng lại trầm ngâm nhìn nàng, như nhìn một kè sáp sửa thực hiện những điều to tát; mẹ nàng theo sau với đứa nhỏ nhất. Cả nhóm tạo thành một bức tranh của vẻ đẹp chân chất ngây thơ trên cái nền phù phiếm của tâm hồn đơn giản. Họ đi theo con đường cho đến khi tới chân dốc. Cỗ xe từ Trantridge tới đón nàng sẽ dừng tại đó để giúp con ngựa bớt cực nhọc ở con dốc cuối cùng. Xa xa phía sau những ngọn đồi đầu tiên, những ngôi nhà như nằm trên vách đá của thị trấn Shaston nổi lên trên đường viền đồi núi. Không có ai trên con đường vắt ngang qua đinh đồi trừ cậu bé đầy hành lý đi trước. Nó đang ngồi trên càng của chiếc xe chứa toàn bộ tài sản trong đời của Tess.

“Hãy nghỉ lại đây một chút, chắc chắn chiếc xe ngựa sẽ tới ngay thôi” bà Durbeyfield nói. “Kia rồi, má nhìn thấy nó ở đằng kia.”

Nó đã tới - bất ngờ xuất hiện từ phía sau mũi đất của ngọn đồi gần nhất, và dừng lại bên cạnh thằng bé với chiếc xe cút kít. Bà mẹ và lũ trẻ quyết định không đi xa hơn nữa. Tess vội chào từ giã họ, rồi cầm cui đi ngược lên đồi.

Họ nhìn thấy hình dáng trắng trắng của nàng tới gần cỗ xe hai bánh, trên đó đã có sẵn rương hành lý của nàng. Nhưng trước khi nàng tới sát bên nó, một cỗ xe khác lao ra từ một khóm cây trên đỉnh đồi, vòng tới con đường ở đó, ngang qua cỗ xe chờ hành lý, và dừng lại bên cạnh Tess. Nàng ngạc nhiên ngẩng lên nhìn nó.

Mẹ nàng nhận ra, lần đầu tiên, rằng cỗ xe thứ hai không phải là một phương tiện chuyên chờ khiêm tốn như cỗ xe đầu, mà là một cỗ xe mới toanh, đánh véc-ni bóng lộn và được thiết kế sang trọng. Xà ích là một thanh niên khoảng hai mươi ba, hai mươi bốn tuổi, ngậm một điếu xì gà; với một cái nón bành chọe trên đầu, mặc một cái áo khoác xám, cái quần ống túm cùng màu, đeo cổ cồn cứng và cà vạt trắng, và mang một đôi găng tay đánh xe nâu. Nói tóm lại, cậu ta chính là anh chàng đẹp trai đi ngựa đà ghé nhà bà một hai tuần trước đó để hỏi thăm về Tess.

Bà Durbeyfield vỗ tay như một đứa trẻ. Bà nhìn xuống, rồi lại nhìn lên. Có thể nào bà bị lừa về ý nghĩa của điếu này?

“Có phải đó là quý ông họ hàng sẽ biến chị Tess thành một quý bà không má?” đứa bé nhất hỏi.

Trong lúc đó có thể thấy thân hình dưới lớp áo muslin đứng bất động, lưỡng lự, bên cạnh cỗ xe mới. Chủ nhân của nó đang nói chuyện với nàng. Thật ra, sự lưỡng lự của nàng không phải là lưỡng lự: nó là sự lo sợ. Nàng thích cỗ xe khiêm tốn hơn. Gã trai trẻ bước xuống, và có vẻ như đang thuyết phục nàng lên xe. Nàng quay mặt xuống phía những người

nhà của mình, và nhìn họ. Dường như có cái gì đó thúc đẩy nàng đi tới một quyết định, có lẽ là ý nghĩ rằng nàng đã làm chết con ngựa Hoàng Tử. Nàng đột ngột bước lên xe. Alec bước lên ngồi cạnh nàng, và lập tức vung roi quất con ngựa. Trong chớp mắt, họ đã chạy ngang qua cỗ xe chậm chạp hành lý và biến mất sau lưng đồi.

Ngay khi Tess khuất dạng và sự thú vị của diễn tiến như một vở kịch đã hạ màn, mắt của những đứa bé rưng rưng lệ. Đứa nhỏ nhất nói, “Con ước chị Tess tội nghiệp không đi xa để làm một quý bà!” rồi cái miệng méo xệch đi và nó khóc òa. Quan điểm mới có tính lây lan, và đứa bé kế tiếp cũng khóc, rồi đứa kế tiếp, cho tới khi cả ba đứa đều khóc hu hu.

Đôi mắt của Joan Durbeyfield cũng ướt nhòa khi bà quay lưng trở về nhà. Nhưng khi về tới thôn, bà cố tin vào khía cạnh tốt đẹp của sự cố này. Tuy nhiên, bà thở dài sườn sượt khi nằm trên giường đêm đó, và chồng bà hỏi bà có vấn đề gì.

“Ô, tôi không biết đích xác” bà đáp. “Tôi đang nghĩ có lẽ sẽ tốt hơn nếu Tess không đi.”

“Sao bà không nghĩ về điều này trước đó chứ?”

“Đây là một cơ hội cho con bé. Tuy nhiên, nếu có thể làm lại từ đầu, tôi sẽ không để nó đi cho tới khi tôi biết quý ông đó có thật là một chàng trai tốt và có chọn nó làm bà con hay không.”

“Phải, có lẽ bà phải làm như thế.”

Joan Durbeyfield luôn xoay xở để tìm được sự an ủi ở đâu đó: “Ồ, với tư cách một trong những kẻ có dòng dõi chính thống, nó phải tới với họ, nếu nó chơi đúng lá bài chủ của mình. Và trước sau gì cậu ta cũng sẽ cưới nó thôi. Bất cứ con mắt nào cũng có thể thấy cậu ta mê nó như điếu đổ.”

“Lá bài chúa của nó là gì? Ý của bà là dòng dõi d'Urberville?”

“Không, ngốc ạ. Gương mặt của nó, vì đó là gương mặt của tôi.”

Chương 8

Sau khi trèo lên ngồi cạnh Tess, Alec d'Urberville vừa cho xe chạy nhanh dọc theo ngọn đồi thứ nhất vừa nói với nàng những lời tâng bốc; cỗ xe chở hành lý bị bỏ lại xa phía sau. Vẫn dốc ngược lên, một quang cảnh bao la trải ra từ phía xung quanh; ở phía sau là thung lũng nơi nàng chào đời, ở phía trước là một vùng quê màu xám mà nàng không biết gì về nó trừ vài thứ trong chuyến viếng thăm Trantridge ngắn ngủi đầu tiên. Cứ thế, họ tới đầu một con dốc nơi con đường đi xuống trải dài thành một đường thẳng suốt gần một dặm.

Dù có bản tính can đảm một cách tự nhiên, từ sau sự cố con ngựa của cha nàng, Tess Durbeyfield trở nên cực kỳ nhút nhát khi ngồi trên xe. Nàng bắt đầu thấy khó chịu với cách đánh xe bất cẩn của Alec.

“Tôi nghĩ là ông sẽ đi chậm lại, phải không?” nàng cố nói với vẻ dửng dưng.

D'Urberville quay sang nhìn nàng, cắn nhẹ điếu xì gà giữa hai chiếc răng cửa trắng, và cho phép đôi môi của y mỉm một nụ cười chậm rãi.

“Sao vậy Tess,” y trả lời, sau một hơi thuốc, “không phải một cô gái bạo gan như cô hỏi câu đó đấy chứ? Sao, tôi

luôn luôn cho ngựa phi hết tốc độ xuống dốc. Không gì khác khiến cho tâm hồn phán chấn như thế.”

“Nhưng có lẽ giờ ông không cần điều đó?”

“Chà,” y nói, lắc đầu, “có hai nhân vật phải tính đến nhỉ. Không chỉ một mình tôi. Phải để ý tới Tib, và nó có một tính khí rất kỳ cục.”

“Ai?”

“Con ngựa cái này. Tôi tưởng tượng ngay lúc này nó đang quay sang nhìn tôi với vẻ rất đáng sợ. Cô có nhận thấy thế không?”

“Đừng cỗ dọa tôi, thưa ông” Tess cứng cỏi.

“Ô, không đâu. Nếu bất cứ một người còn sống nào có thể trị con ngựa này thì tôi có thể. Tôi không nói bất cứ người còn sống nào có thể làm điều đó, nhưng nếu có người có khả năng như thế, tôi chính là người đó.”

“Vì sao ông có một con ngựa như thế?”

“À, cô nên hỏi câu này. Tôi cho rằng đây là số phận của tôi. Tib đã giết chết một người; và ngay sau khi tôi mua nó nó suýt giết chết cả tôi. Và sau đó, hãy tin tôi, tôi cũng suýt giết chết nó. Nhưng nó vẫn nhạy cảm, rất nhạy cảm; và đôi khi cuộc sống của một người khó lòng an toàn khi ở phía sau nó.”

Họ chỉ mới bắt đầu xuống dốc; và rõ ràng con ngựa, dù do ý thích của chính nó hay của Alec (kẻ nói sau có nhiều khả năng hơn), biết rõ điều mà người ta mong đợi ở nó đến độ nó không cần tới một sự gợi ý từ phía sau.

Họ lao xuống, lao xuống, đôi bánh xe rít lên như một con quay, cỗ xe ngả nghiêng qua phải và qua trái, trực xe hơi nghiêng đi so với mặt đường; thân hình con ngựa liên tục

chồm lên hạ xuống trước mắt họ; đôi khi một hòn đá bị hất tung qua bờ rào, và những tia lửa xẹt ra từ bộ móng của con ngựa lóe sáng dưới ánh nắng. Con đường càng lúc càng mở rộng ra trước họ, hai bờ đất rẽ ra như một chiếc que bị chẻ đôi; mỗi bên vùn vút lướt qua vai của mỗi người.

Gió thổi luôn qua tấm áo dài trắng mỏng của Tess, tới tận lớp da nàng, và mái tóc vừa được gội của nàng bay ngược ra sau. Nàng quyết định không tỏ ra sợ sệt, nhưng nàng nắm chặt cánh tay cầm cương của d'Urberville.

“Đừng chạm vào cánh tay tôi! Nếu cô làm thế, chúng ta sẽ bị hất khỏi xe! Hãy ôm lấy eo tôi!”

Nàng bám chặt eo của y, và cứ thế họ xuống tới chân dốc.

“An toàn, tạ ơn Chúa, dù ông thật là ngu xuẩn!” nàng nói, mặt đỏ bừng bừng.

“Tess, thật xấu hổ cho tính khí đó!” d'Urberville nói.

“Đó là sự thật.”

“Chà, cô không cần buông tay ra khỏi người tôi một cách vô ơn như thế ngay khoảnh khắc cô cảm thấy an toàn.”

Nàng đã không xét tới những gì nàng đã làm; dù y là đàn ông hay đàn bà, gãy chổng hay đá tảng, nàng đã bất giác bám vào y. Trở lại sự dè dặt ban đầu, nàng ngồi im không đáp, và cứ thế họ đi tới đỉnh của một con dốc khác.

“Nào, một lần nữa nhé!” d'Urberville nói.

“Không, không! Xin hãy tỏ ra có lý trí nhiều hơn.”

“Nhưng khi mọi người nhận ra họ đang ở trên một trong những điểm cao nhất hạt, họ phải đi trở xuống” y bè lại.

D'Urberville thả lỏng tay cương, và họ xuống dốc lần thứ hai. Y quay mặt sang phía nàng trong lúc họ đu đưa qua lại, và nói với vẻ giễu cợt: “Nào, giờ hãy vòng hai tay

quanh eo của tôi lần nữa, như cô đã làm lúc nãy, Người đẹp của tôi.”

“Không bao giờ!” Tess quả quyết, cố hết sức bám chặt vào xe, không chạm tới y.

“Hãy cho tôi đặt một nụ hôn nhỏ trên đôi môi mọng đó nhé Tess, hay thậm chí trên gò má ấm áp đó, và tôi sẽ dừng lại. Tôi sẽ, xin hứa danh dự!”

Ngạc nhiên ngoài mức có thể đo lường, Tess lùi lại xa hơn trên chỗ ngồi. Thế là y thúc con ngựa lồng lên, khiến thân hình nàng lắc lư dữ dội.

“Thứ gì khác có được không?” rốt cuộc nàng hét lên, trong tuyệt vọng, đôi mắt to của nàng trừng trừng nhìn y như mắt của một con thú hoang. Rõ ràng việc mẹ nàng cho nàng ăn mặc đẹp đã dẫn tới kết quả thảm thương này.

“Không gì khác hết, Tess thân mến ạ” y đáp.

“Ô, tôi không biết... được rồi; tôi không bận tâm!” nàng thở dốc một cách khốn khổ.

D’Urberville giật dây cương, và khi cỗ xe chậm lại y nghiêng người sang phía nàng, đầy khao khát. Hầu như không ý thức, nàng né người sang một bên. Do đang bận bịu với hai sợi dây cương, đôi tay của y không còn khả năng ngăn cản cử chỉ thoái thác của nàng.

“Chết tiệt thật, giờ tôi sẽ bẻ gãy cổ của cả hai chúng ta!” người bạn đường sôi nổi thất thường của nàng nguyền rủa. “Cô có thể thất hứa như thế hả, mụ phù thủy nhò?”

“Được rồi, tôi sẽ không nhúc nhích vì ông quá quả quyết! Nhưng tôi đã nghĩ... ông sẽ đối xử tốt với tôi và bảo vệ tôi, với tư cách là một người họ hàng của tôi!”

“Họ hàng con khi mốc! Ngay bây giờ!”

“Nhưng tôi không muốn bắt cứ ai hôn tôi, thưa ông!” nàng van nài, một giọt lệ to bắt đầu lăn xuống mặt nàng, và hai khóm miệng nàng run rẩy khi nàng cố không bật khóc. “Và giá như biết chuyện sẽ như thế này tôi sẽ không đi!”

Y vẫn chằng động lòng, và nàng ngồi im. D’Urberville hôn nàng với thái độ của một chủ nhân ôn. Ngay sau đó, nàng đỏ mặt xấu hổ, lấy cái khăn tay ra và chùi chỗ gò má đã bị môi y chạm vào. Nhiệt tình của y bị công kích mạnh trước cảnh tượng đó, bởi về phần nàng, hành động đó đã được thực hiện một cách vô ý thức.

“Cô quá nhạy cảm so với một cô gái quê!” y nói.

Tess không đáp lại nhận xét này. Thật ra nàng không hoàn toàn hiểu ý nghĩa của nó, không để ý tới sự sỉ nhục nàng đã thực hiện khi chùi gò má một cách bẩn nắp. Nàng đã gỡ bỏ nụ hôn đó, thật vậy, trong chừng mực tác động có thể có về mặt thể chất của một nụ hôn như thế. Với cảm giác lờ mờ rằng y đang bức tức, nàng bình thản nhìn về phía trước trong lúc họ đi tiếp quàng đường gần Melbury Down và Wingreen, cho tới khi nàng nhìn thấy, với sự kinh hoàng, rằng một cuộc xuống dốc khác sắp diễn ra.

“Cô sẽ phải hối tiếc vì điều đó!” y nói tiếp, vẫn còn sự tồn thương trong giọng nói, trong lúc quất một nhát roi khác. “Trừ phi cô sẵn lòng chấp nhận cho tôi thực hiện nó lần nữa, và không lau chùi gì hết.”

Nàng thở dài. “Được rồi!... Ô, hãy để tôi lấy lại cái nón của tôi!”

Trong lúc nàng nói, nón của nàng đã bị thổi bay xuống đường. Tốc độ hiện tại của họ trên vùng cao không hề chậm chút nào. D’Urberville dừng xe lại và bảo y sẽ lấy nó giùm nàng, nhưng Tess đã xuống xe ở mé bên kia.

Nàng đi ngược lại và nhặt cái nón lên.

“Trông cô xinh hơn khi bỏ nón ra, nói thật lòng, nếu cô có thể không đội nón” y nói, ngắm nàng qua hông của cỗ xe. “Nào, lên xe đi! Có chuyện gì thế?”

Cái nón đã nằm trên đầu và được cột chặt, nhưng Tess không bước tới.

“Không, thưa ông” nàng nói, để lộ màu đỏ thắm và trắng như ngà của khuôn miệng trong lúc mắt nàng lóe lên sự thắng lợi đầy thách thức. “Không lần nào nữa, theo như tôi biết!”

“Giùm chứ... cô sẽ không lên xe ngồi cạnh tôi sao?”

“Không, tôi sẽ đi bộ.”

“Còn năm sáu dặm nữa mới tới Trantridge.”

“Một chục dặm tôi cũng không quan tâm. Ngoài ra, xe chờ hành lý đang ở phía sau.”

“Cô đúng là đồ láo cá! Nè, nói cho tôi biết, có phải cô đã cố tình để cho cái nón đó bay xuống hay không? Tôi sẽ là cô đã làm như vậy!”

Sự im lặng có tính chiến lược của nàng xác nhận ngờ vực của y.

Thế là d’Urberville nguyễn rùa và chửi nàng, gọi nàng bằng đủ thứ tên y có thể nghĩ ra vì mánh lới đó. Y đột ngột cho ngựa vòng lại để cố ép nàng giữa cỗ xe và bờ giậu. Nhưng y không thể làm nàng bị thương theo cách đó.

“Ông nên tự cảm thấy xấu hổ khi sử dụng những lời lẽ xấu xa đó!” Tess phẫn chấn hét lớn, từ định của bờ giậu mà nàng đã trèo lên. “Tôi không thích ông chút nào! Tôi ghét và ghê tởm ông! Tôi sẽ trở về với má tôi!”

Cơn tức giận của d’Urberville tan biến khi y nhìn thấy nàng như thế; và y cười vui vẻ.

“Chà, tôi lại càng thích cô hơn. Thôi nào, hãy giảng hòa đi nhé. Tôi sẽ không bao giờ làm gì trái ý cô nữa. Xin hứa với cô!”

Y không thể dụ Tess lên xe trở lại. Tuy nhiên, nàng không phản đối việc y cho cỗ xe đi bên cạnh nàng; và theo cung cách này, với một tốc độ chậm rì rì, họ tiến về ngôi làng ở Trantridge. Thỉnh thoảng d'Urberville lại bày tỏ sự đau buồn ghê gớm vì cách hành xử xấu xa của y đã khiến cho nàng phải lặn lội đường xa. Thật sự, giờ nàng có thể tin tưởng y một cách an toàn; nhưng y đã đánh mất lòng tin của nàng trước đó, và nàng tiếp tục trầm ngâm đi bộ, như thể đang tự hỏi phải chăng nàng sẽ khôn ngoan hơn nếu quay trở về nhà. Tuy nhiên, nàng đã hạ quyết tâm, và có vẻ như sẽ thiếu dứt khoát, thậm chí trẻ con nếu từ bỏ nó lúc này, trừ phi vì những lý do nghiêm trọng hơn. Làm sao nàng có thể đổi diện với tía má nàng, lấy lại cái rương hành lý, và phá hỏng toàn bộ kế hoạch khôi phục gia đình vì những lý do thuộc về cảm xúc như thế?

Vài phút sau, những ống khói của tòa nhà The Slopes đã hiện ra trong tầm mắt, và ở một góc kín gió bên phải là trại gia cầm cùng ngôi nhà tranh nơi Tess sẽ tới.

Chương 9

Cộng đồng gia cầm mà Tess được chỉ định làm giám sát, nhà cung cấp thực phẩm, người chăn giữ, nhà phẫu thuật và bạn bè của nó đặt trụ sở trong một ngôi nhà tranh cũ kỹ tọa lạc ở một khu vực có tường rào trước kia từng là một khu vườn, nhưng hiện giờ là một bãi đất hình vuông trải cát và chằng chít dấu chân gà đi lại. Đây thường xuân um tùm phủ kín ngôi nhà. Những nhánh cây ăn bám cũng mờ rộng cái ống khói, biến nó trở thành một tòa tháp suy tàn. Những căn phòng bên dưới được giao phó hoàn toàn cho lũ gia cầm. Chúng đi lại trong đó với thái độ độc quyền, như thể đây là nơi do chúng tự xây dựng nên chứ không phải do những người chủ đất theo giấy ủy quyền đã trở thành tro bụi đang nằm rải rác trong nghĩa trang. Hậu duệ của những chủ nhân đã qua đời đó cảm thấy việc ngôi nhà - mà họ từng rất mến thương, từng khiến cho tiền nhân của họ tiêu tốn khá nhiều tiền, từng thuộc quyền sở hữu của nhiều thế hệ trước khi gia đình d'Urberville tới và xây dựng ở đây - bị ông Stoke-d'Urberville dừng đứng biến thành một trại gia cầm ngay khi nó lọt vào tay ông ta theo luật pháp, hầu như là một sự khinh miệt đối với gia đình họ. "Nó đủ tốt cho những người Thiên Chúa giáo hồi thời của ông nội," họ nói⁽¹⁾.

1. Tác giả nhấn mạnh sự biến chuyển của đời sống. Ngôi nhà mà vào thời "của ông nội" dù tốt và là một kỷ niệm êm đềm đối với hậu duệ của những người chủ cũ chỉ là một nơi dành để nuôi gia cầm đối với ông Stoke-d'Urberville.

Những căn phòng trong đó nhiều chục trẻ sơ sinh từng khóc đòi bú giờ ồn ào tiếng chiêm chiếp của lũ gà con mới nở. Đám gà mái lơ đãng trong chuồng chiêm chỗ của những cái ghế nơi các nông phu từng ngồi cà riềng cà tòi. Góc ống khói và lò sưởi từng một thời đò lửa giờ đây nghẹt những cái tổ ong đặt lộn ngược, nơi lũ gà mái đẻ trứng; trong lúc đó, những mảnh đất bên ngoài, nơi mỗi người chủ kế tục của ngôi nhà từng cẩn thận vun xới với cái mai, giờ bị lũ gà trống đào bới tan hoang.

Khu vườn nơi ngôi nhà tọa lạc có một bức tường bao quanh, và chỉ có thể vào đó qua một cánh cửa.

Sáng hôm sau, khi Tess đã bận rộn khoảng một giờ để sắp xếp lại mọi thứ theo những ý tưởng giàu kinh nghiệm của con gái một người bán gia cầm, cánh cửa rào mở ra và một người hầu đội nón trắng mang tạp để bước vào. Cô ta đến từ ngôi nhà chính.

“Bà d’Urberville muốn những con gà như thường lệ” cô ta nói; nhưng khi nhận thấy có vẻ như Tess không hiểu, cô ta giải thích, “Bà chủ là một cụ già, và bị mù.”

“Mù à!”

Hầu như trước khi nỗi e ngại của nàng đối với tin này có đủ thời gian để hình thành, theo hướng dẫn của người hầu gái, nàng bắt hai con gà giống Hamburgs đẹp nhất. Cô ta cũng bắt hai con khác rồi dẫn Tess tới tòa dinh thự liền kề. Dù trang trí đẹp đẽ và đường bê, mọi nơi ở phía này để lộ những vết tích chỉ ra rằng một kè ngụ cư nào đó trong những căn phòng của nó có thể dành tình yêu cho những sinh vật không biết nói: lông vũ bay lơ lửng khắp mặt tiền ngôi nhà, và những lồng gà đặt trên bãi cỏ.

Trong một căn phòng khách ở tầng trệt, ngồi thu lu trong một cái ghế bành, quay lưng về phía ánh sáng, là vị chủ nhân

của điền trang, một bà lão tóc bạc không hơn sáu mươi, thậm chí ít hơn, với một cái nón vải rộng trên đầu. Bà sở hữu một gương mặt hay biến đổi thường có ở những người mà thị lực bị sụt giảm theo năm tháng, đã cố khôi phục nó sau đó, và miễn cưỡng chịu thua, thay vì vẻ mặt lờ đờ của những người bị mù lâu năm hay bẩm sinh. Tess bước tới gần quý bà này với hai con gà, mỗi con trên một cánh tay.

“À, cô là cô gái trẻ tới để chăm sóc bầy gà của ta đó hả?” bà d’Urberville lên tiếng khi nhận ra tiếng bước chân mới. “Ta hy vọng cô sẽ tốt với chúng. Quản gia của ta nói rằng cô hoàn toàn là người thích hợp. Sao, chúng đâu rồi? Ồ, đây là con Khệnh Khạng! Hôm nay nó không lanh lợi lắm, phải không? Nó cảnh giác vì bị một người lạ mang tới đây, ta cho là vậy. Và con Phượng Hoàng nữa... phải, chúng hơi sợ, phải không, các con cưng? Nhưng chúng sẽ sớm quen với cô.”

Trong lúc bà lão đang nói, Tess và cô gái kia, theo ra hiệu của bà, đã đặt một lượt bốn con gà trên đùi bà, và bà sờ soạng chúng từ đầu tới đuôi, kiểm tra mỏ, mào, cánh, vuốt, và lông bờm ở cổ của lũ gà trống. Chỉ cần sờ chúng, bà có thể lập tức nhận ra chúng, và phát hiện ngay nếu có một cọng lông nào bị gãy hoặc xé xuỗng. Bà sờ diều của chúng, và biết chúng đã ăn thứ gì, quá nhiều hay quá ít; nét mặt bà là một vở kịch cảm sống động của những nhận xét lướt qua trong đầu bà.

Lũ gà mà hai cô gái đã mang tới được trả về sân, và quá trình này lặp lại cho tới khi mọi con gà trống và gà mái cưng đã được bà lão kiểm tra; những con gà này thuộc nòi Hamburgs, Bantams, Cochins, Brahma, Dorkings, và những nòi gà thời thượng khác vào thời điểm đó. Nhận định của bà với từng vị khách hiếm khi sai lệch khi bà đón nhận nó trên đầu gối của mình.

Điều này khiến Tess nhớ tới một buổi lễ Kiên tín, trong đó bà d'Urberville là vị giám mục, lù gà là những thiếu niên có mặt, còn bản thân nàng và người hầu gái là vị cha xứ và cha phó đã đưa chúng tới. Vào cuối buổi lễ, bà d'Urberville bất ngờ hỏi Tess, nét mặt nhăn lại và giãn ra theo từng đợt: “Cô huýt gió được không?”

“Huýt gió sao, thưa bà?”

“Phải, huýt gió những điệu nhạc.”

Tess có thể huýt gió như hầu hết những cô gái quê khác, dù nàng không thích thực hành nó trước mặt một kẻ thương lưu. Tuy nhiên, nàng ôn tồn thừa nhận thực tế đó.

“Vậy thì cô sẽ phải thực hành nó mỗi ngày. Tôi từng có một thằng nhóc huýt gió rất khá, nhưng nó đã đi khỏi. Tôi muốn cô huýt gió với lù chim sẻ ức đò của tôi; vì tôi không thể nhìn thấy chúng, tôi muốn nghe chúng hót, và chúng ta dạy chúng hót theo cách đó. Hãy chỉ chỗ đặt lồng chim cho cô ta nhé, Elizabeth. Cô phải bắt đầu ngay ngày mai, không thì chúng sẽ quay lại với điệu hót luýt chuýt của chúng. Chúng đã bị bỏ mặc nhiều ngày.”

“Hồi sáng cậu d'Urberville đã huýt gió với chúng, thưa bà” Elizabeth nói.

“Nó à! Xì!”

Nét mặt của bà lão nhăn lại thành những nếp đáy ác cảm, và bà không nói thêm gì nữa.

Việc tiếp đón Tess của người bà con tưởng tượng của nàng kết thúc như thế đó, và lù gà được mang về chuồng trở lại. Tess không mấy ngạc nhiên trước thái độ của bà d'Urberville; vì từ khi nhìn thấy kích thước của ngôi nhà nàng không còn mong đợi gì nữa. Nhưng nàng thấy rõ ràng bà lão chưa từng nghe nói từ nào về cái gọi là họ hàng. Nàng đoán rằng tình cảm

giữa bà lão mù và cậu con trai không đậm đà mấy. Nhưng nàng cũng đã lầm trong chuyện đó. Bà d'Urberville không phải là bà mẹ đầu tiên buộc phải yêu con đẻ của mình một cách căm ghét, và mến thương nó một cách đắng cay.

Bất chấp sự khởi đầu không vui của ngày hôm trước, sáng hôm sau, khi mặt trời lên, Tess hướng tới sự tự do và mới mẻ của vị trí mới một khi đã bị đặt vào đó; và nàng nôn nao muốn tự kiểm tra khả năng theo chiều hướng bất ngờ đã được yêu cầu, nhằm xác định cơ may tiếp tục công việc của nàng. Ngay khi chỉ còn một mình trong khu vườn có tường bao, nàng ngồi lên một cái chuồng gà, và nghiêm túc chúm môi thử lại bài thực hành đã bỏ quên từ lâu. Nàng nhận ra khả năng lúc trước của mình đã giảm sút đến mức chỉ tạo ra một tiếng gió phếu phào qua đôi môi, chứ không thành một nốt nhạc rõ ràng nào cả.

Nàng tiếp tục huýt, huýt mãi một cách vô hiệu quả, tự hỏi vì sao nàng lại có thể đánh mất nghệ thuật vốn đã đến một cách tự nhiên, cho tới khi nàng nhận ra một chuyển động giữa những nhánh trường xuân, vốn sum sê phủ kín bức tường rào không kém chi ở ngôi nhà tranh. Khi nhìn về hướng đó, nàng trông thấy một hình dáng ló lên trên đầu bức tường. Đó là Alec d'Urberville, kẻ mà nàng không hề gặp lại từ khi y đặt nàng tới cửa ngôi nhà tranh nơi nàng đang ở. Y la lên:

“Nói thật lòng, chưa bao giờ trước đó có một thứ xinh đẹp trong Tự nhiên hay Mỹ thuật như cô đâu, ‘Em họ’ Tess ạ! (từ ‘Em họ’ nhuốm chút vẻ cợt đùa). Tôi đã quan sát cô từ sau bức tường: ngồi nôn nóng trên một đài kỷ niệm,⁽¹⁾ và đôi môi

1. Phỏng theo câu thoại của nhân vật Viola ở Hồi 2 Cảnh 4, vở *Twelfth Night* của Shakespeare: “She sat like patience on a monument”. Ở đây Alec sửa thành “Impatience”.

xinh đó chum lại để huýt sáo, rồi cứ ái chà ái chà mãi, rồi lặng lẽ nguyễn rùa, và không bao giờ có thể huýt được nốt nhạc nào. Còn sao nữa, cô rất bức mình vì không thể huýt gió."

"Tôi có thể bức, nhưng tôi không nguyễn rùa."

"À! Tôi hiểu vì sao cô đang cố - lũ chim nhài nhép đó! Mẹ tôi muốn cô dạy chúng âm nhạc. Bà thật là ích kỷ! Như thế việc chăm sóc lũ gà trống và gà mái đáng nguyễn rùa đó vẫn chưa đủ bận rộn cho bất cứ cô gái nào. Nếu tôi là cô, tôi sẽ từ chối thẳng thừng."

"Nhưng bà rất muốn tôi làm việc đó, và sẵn sàng cho sáng mai."

"Vậy à? Thôi được rồi... tôi sẽ dạy cô một hai bài học."

"Ô, không, không đâu!" Tess đáp, rút lui về phía cửa.

"Vớ vẫn; tôi không muốn chạm vào cô. Nhìn nè - tôi sẽ đứng bên này hàng rào, và cô có thể ở mé bên kia; thế nên cô có thể cảm thấy hoàn toàn an toàn. Giờ nhìn nè; cô đã chum môi thái quá. Nên như thế này nè."

Y chum môi làm mẫu, và huýt gió một đoạn trong bài "Hày mang, ô, hãy mang đôi môi đó đi đi."⁽¹⁾ Nhưng Tess không nhận ra ý tứ bóng gió của y.

"Giờ thử xem nào" d'Urberville nói.

Nàng cố tỏ ra dè dặt và khoác lên mặt vẻ nghiêm trang của một pho tượng. Nhưng y vẫn khăng khăng một mực. Rốt cuộc, để tống khứ y, nàng chum môi làm theo hướng dẫn của y; thất bại, cười buồn, rồi đỏ mặt vì đã cười.

Y khuyến khích nàng: "Thử lại lần nữa nào!"

Lần này Tess hoàn toàn nghiêm túc, nghiêm túc một cách đau đớn; cuối cùng và bất ngờ, nàng đã cố tạo được một

1. Hồi 4, Cảnh 1, vở *Measure For Measure* của William Shakespeare.

âm thanh thật sự tròn trịa. Niềm vui tạm thời của sự thành công khiến nàng cảm thấy thoải mái hơn; mắt nàng mở to, và nàng bất giác mỉm cười với y.

“Đúng rồi! Giờ cô đã nắm được cách rồi đó, cô sẽ tiếp tục êm xuôi. Đó... tôi đã nói tôi sẽ không tới gần cô; và bất chấp sự quyến rũ như chưa từng có trước đó đối với một người phàm tục, tôi sẽ giữ lời... Tess nè, cô có nghĩ mẹ tôi là một bà già kỳ lạ hay không?”

“Tôi chưa biết nhiều về bà, thưa ông.”

“Cô sẽ nhận ra bà là thế; bà phải là thế, mới bắt cô học cách huýt gió với lũ chim sẻ. Tôi muốn thoát khỏi mấy cuốn sách của bà ngay bây giờ, nhưng cô sẽ hoàn toàn có lợi nếu cô đối xử tốt với lũ gà và chim chóc của bà. Tạm biệt. Nếu cô gặp bất cứ khó khăn nào và cần sự giúp đỡ ở đây, đừng tới gặp người quản gia, hãy tới gặp tôi.”

Tess Durbeyfield đã hạ quyết tâm phải chiếm một vị trí trong nền kinh tế ở đây. Những trải nghiệm của nàng trong ngày đầu tiên khá tiêu biểu cho những gì diễn ra suốt nhiều ngày sau đó. Việc trở nên quen thuộc với sự hiện diện của Alec d'Urberville - điều mà gà đòn ông trẻ tuổi đó cần thận vun bồi cho nàng bằng lối đối thoại trêu cợt và bằng cách nửa đùa nửa thật gọi nàng là em họ khi chỉ có hai người bọn họ - đã làm giảm bớt rất nhiều sự rụt rè ban đầu của nàng trước mặt y, tuy vậy, nó không gây ra bất cứ cảm giác nào có thể mang tới một dạng rụt rè mới hơn và tếu nhị hơn. Nhưng nàng tỏ ra dễ bảo dưới quyền lực của y hơn mức một tình bạn đơn thuần có thể mang tới, do sự phụ thuộc không thể tránh khỏi của nàng vào y, và thông qua sự bất lực tương đối của quý bà đó, vào chính y.

Nàng sớm nhận ra rằng việc huýt gió với lũ chim sẻ trong phòng của bà d'Urberville không phải là một công việc khó

nhọc khi đã có lại nghệ thuật này, vì nàng học được từ bà mẹ yêu âm nhạc của mình vô số giai điệu rất phù hợp với những chàng ca sĩ lồng vũ đó. Thời điểm dễ chịu hơn nhiều so với khi thực hành trong vườn là khi nàng huýt gió cạnh mấy cái lồng vào buổi sáng. Không bị cản trở bởi sự có mặt của Alec, nàng chum môi lại, kẽ miệng vào sát những thanh chấn song và thoải mái huýt các giai điệu êm ái với những chú chim đang lắng nghe chăm chú.

Bà d'Urberville ngủ trên một cái giường bốn cọc to với những tấm màn vài hoa Damacus nồng nense, và lũ chim sẻ cũng chiếm lĩnh cùng căn phòng đó, nơi chúng tự do bay nhảy vào những giờ nhất định, và tạo nên những chấm trắng nhỏ trên đồ đạc, thảm, màn che. Có lần, trong lúc đứng cạnh cửa sổ nơi treo những cái lồng để dạy lũ chim như thường lệ, Tess nghĩ nàng đã nghe thấy một tiếng sột soạt ở phía sau giường. Bà lão không có mặt ở đó, và khi quay lại nàng có ấn tượng rằng mũi của một đôi ửng lấp ló bên dưới mép của những tấm màn. Sau đó tiếng huýt gió trở nên ngắt ngứ đến độ kẻ nghe lén, nếu có, phải nhận ra nàng đã nghi ngờ về sự hiện diện của y. Sau sự kiện đó, nàng kiểm tra những tấm màn mỗi sáng, nhưng không bao giờ tìm thấy bất cứ người nào nấp sau chúng. Rõ ràng Alec d'Urberville đã nghĩ rằng tốt hơn đứng nên làm nàng hoảng sợ với lối phục kích dí homet đó.

Chương 10

Mỗi làng đều có đặc thù, cấu trúc, và thường là có quy tắc đạo đức riêng của nó. Rất dễ thấy sự nhẹ dạ khinh suất của một số phụ nữ trẻ tuổi hơn trong khu vực Trantridge, và có lẽ đây cũng là đặc điểm của vị chủ nhân cai quản tòa nhà The Slopes trong khu vực lân cận. Nơi này còn có một nhược điểm lâu đời hơn; đó là rất ưa thích việc chè chén say sưa. Đề tài trò chuyện chủ yếu ở những nông trại gần đấy thường là sự vô ích của việc dành dum tiễn bạc; và các nhà toán học khoác áo choàng nông dân, khi tựa người vào cái cà hay cái cuốc của mình, sẽ tính toán chí ly để chứng minh rằng khoản tiền cứu tế của xứ đạo dành cho một người già cả còn nhiều hơn bất cứ khoản tiền nào có thể có được từ việc dành dum tiễn công trong cả một đời người.

Lạc thú chủ yếu của những triết gia này là tới Chaseborough - một thị trấn - chợ đã suy tàn, cách đó hai ba dặm - khi đã xong xuôi công việc; và trở về nhà lúc trời gần sáng, trải qua ngày Chủ nhật trong giấc ngủ, để đẩy lùi hậu quả khó tiêu từ thứ hồn hợp kỳ lạ gọi là bia bởi các nhà độc quyền cung cấp của những lữ quán từng một thời độc lập.

Suốt một thời gian dài Tess không tham gia vào những chuyến hành hương hàng tuần đó. Nhưng dưới sức ép của những phụ nữ có chồng không lớn tuổi hơn nàng nhiều lăm - vì tiền công của một nông dân làm việc trên đồng hai mươi mốt tuổi cũng ngang với một người bốn mươi tuổi, hôn nhân ở đây được tiến hành hơi sớm - cuối cùng Tess cũng băng lòng đi với họ. Trải nghiệm đầu tiên của chuyến đi mang tới cho nàng nhiều thích thú hơn mức nàng đã mong đợi, sự vui vẻ của những người khác hoàn toàn dễ lây lan sau sự tập trung đơn điệu của nàng vào trại gia cầm suốt cả tuần. Nàng đi lần nữa, rồi lần nữa. Duyên dáng và nổi bật, ngoài ra còn đang ở ngưỡng cửa đầu đời của một phụ nữ, ngoại hình của nàng thu hút cái nhìn tinh quái từ những kẻ lang thang trên các con đường của Chaseborough; do đó, dù đôi khi nàng cũng ra thị trấn vì việc riêng vào ban ngày, nàng luôn luôn tìm kiếm bạn đồng hành khi đi vào ban đêm, để có sự bảo vệ của họ trên đường trở về nhà.

Mọi sự vẫn diễn tiến như thế trong một hoặc hai tháng; cho tới một thứ Bảy nọ trong tháng Chín, hôm đó có một hội chợ và một phiên chợ mờ trùng ngày; và những người đến từ Trantridge tìm kiếm niềm vui gấp bội trong dịp đó. Công việc của Tess khiến nàng phải lên đường muộn, thế nên các bạn của nàng đã tới thị trấn trước nàng khá lâu. Đó là một chiều tháng Chín đẹp trời, ngay trước lúc mặt trời lặn, khi ánh nắng vàng pha lẩn giữa những bóng râm xanh lơ mờ mịt như sợi tóc, và bầu khí quyển tự tạo nên một quang cảnh mà không cần tới sự trợ giúp của những vật thể rắn khác, ngoại trừ vô số côn trùng có cánh nhảy múa bên trong nó. Tess thong thả đi qua làn sương mù nhờ đó.

Mãi tới khi đến nơi, nàng mới phát hiện ra sự trùng hợp của phiên chợ và hội chợ; bấy giờ trời cũng vừa sụp tối. Việc

mua sắm hạn chế của nàng nhanh chóng hoàn thành; và như thường lệ, nàng bắt đầu nhìn quanh để tìm kiếm vài người quen ở Trantridge.

Thoạt tiên nàng không tìm thấy họ, nhưng nàng đã được thông báo rằng hầu hết đã tới nhà của một người thợ bó cỏ khô kiêm buôn bán than bùn vốn có những giao dịch với nông trại của họ để tham gia một cuộc nhảy jig riêng tư. Anh ta sống trong một góc xa của thị trấn, và trong lúc tìm đường tới đó nàng bắt gặp d'Urberville đang đứng ở góc phố.

“Sao, Người đẹp của tôi? Cô tới muộn thế?” y hỏi.

Nàng nói với y rằng nàng chỉ chờ có bạn để cùng về nhà.

“Tôi sẽ gặp lại cô” y nói với theo khi nàng đi tiếp theo lối nhỏ phía sau.

Khi tới gần nhà của người thợ bó cỏ khô, nàng có thể nghe thấy tiếng đàn vĩ cầm đang chơi một điệu nhảy vòng tròn từ ngôi nhà nào đó ở phía sau, nhưng chẳng có âm thanh nào của cuộc khiêu vũ - một trạng thái khác thường của các cuộc khiêu vũ ở vùng này, nơi tiếng đậm chân luôn nhấn chìm tiếng nhạc. Cánh cửa trước đang mở nên nàng có thể nhìn thẳng qua ngôi nhà vào khu vườn ở phía sau, xa tới mức bóng đêm cho phép. Không ai xuất hiện khi nàng gõ cửa. Nàng băng qua ngôi nhà và đi theo lối mòn tới ngôi nhà ngoài, nơi từ đó âm thanh vọng lại.

Đó là một ngôi nhà không có cửa sổ dùng làm kho chứa, và từ cánh cửa mở, một làn sương mù vàng vọt lan vào bóng tối mà thoát tiên Tess nghĩ đó là khói dưới ánh đèn. Nhưng khi tới gần hơn nàng nhận thấy đó là một đám bụi, được soi sáng bởi những ngọn nến bên trong. Những tia sáng xuyên qua màn bụi hắt đường viền của khung cửa vào bóng đêm mênh mang của khu vườn.

Khi tới gần và nhìn vào, nàng nhìn thấy những thân hình mờ mờ đang di động tới lui theo điệu nhảy, sự im lặng của tiếng chân là do họ đang nhảy trên một lớp “thảm bụi” - nghĩa là những lớp bụi dày hình thành từ việc chúa than bùn và những sản phẩm khác. Sự khuấy động của những đôi chân di chuyển liên tục đã tạo nên một đám mây bụi bao trùm lên mọi thứ. Xuyên qua lớp bụi than bùn và bụi cỏ khô mù mịt, hôi mốc hòa lẫn với mồ hôi và hơi nóng của những người khiêu vũ, tạo thành một dạng phấn thực vật-con người, giai điệu của những cây đàn yếu ớt vang lên, tương phản hoàn toàn với tinh thần của nhịp nhảy rộn ràng. Họ ho hùng hổ trong lúc nhảy, và cười khanh khách trong lúc ho. Hầu như không thể nào phân biệt rõ mặt mũi của những đôi đang hối hả xoay tròn. Tình trạng nhập nhằng này biến họ thành những thần rừng đang ôm chặt những nữ thần sông núi cỏ cây - vô số thần Pan đang xoay quanh vô số nữ thần Syrinx; Lotis đang cố lảng tránh Priapus, và luôn thất bại.⁽¹⁾

Vào những lúc tạm nghỉ, một đôi bạn nhảy sẽ bước ra cửa để hít thở khí trời, và làn sương bụi không còn che lấp những đặc điểm của họ, những bán thần lại hóa thành những người hàng xóm cạnh nhà nàng. Giá mà trong một hai giờ ngắn ngủi, Trantridge cũng có thể tự biến đổi chính nó một cách điên rồ như thế!

Một số thần Silenus⁽²⁾ trong đám đông ngồi trên những cái ghế dài và những bó cỏ khô cạnh tường; và một trong số đó nhận ra nàng.

1. Pan là thần đồng áng trong thần thoại Hy Lạp, luôn theo đuổi nữ thần Syrinx (một nữ thần cây cỏ). Các thương thần biến nàng thành cây sậy và Pan dùng nó để làm ống sáo; nữ thần Lotis cũng bị thần Priapus theo đuổi, và nàng tự biến mình thành cây sen.
2. Thần rừng, đồ đệ của thần Bacchus.

“Mấy cô gái nghĩ rằng nhảy ở quán Hoa Huệ không thích hợp,” anh ta giải thích. “Họ không thích để cho mọi người nhìn thấy người đàn ông trong mộng của mình. Ngoài ra, đôi khi quán đó đóng cửa đúng lúc chân họ bắt đầu trở nên dèo dai. Vì thế chúng tôi tới đây và cử người ra ngoài mua thức uống.”

“Nhưng khi nào mới có ai đó trong số các anh ra về?” Tess hỏi với đôi chút lo âu.

“Bây giờ, hầu như ngay lập tức. Đây là điệu jig cuối.”

Nàng chờ. Vòng xoay sắp kết thúc, và một số trong bọn đang muốn ra về. Nhưng số khác thì không, và một cuộc nhảy khác diễn ra. Chắc chắn đây là cuộc kết thúc, Tess nghĩ. Nhưng nó lại hòa vào một cuộc khác. Nàng trở nên khó chịu, bồn chồn; thế nhưng, vì đã chờ khá lâu, nàng cần phải chờ thêm, vì do có hội chợ, những con đường đầy những nhân vật lang thang và có khả năng có mưu đồ đen tối; và dù không sợ những nguy hiểm có thể đo lường được, nàng sợ điều chưa biết. Giá như được ở gần Marlott chắc nàng ít sợ hơn.

“Cô đừng quá lo lắng, cô gái thân mến,” một chàng trai lên tiếng giữa cơn ho. Mặt anh ta ướt đẫm và cái nón rơm của anh ta bị tụt hẳn ra phía sau, khiến vành nón bao quanh đầu anh ta trông như vầng hào quang của một vị thánh. “Sao cô phải vội thế? Mai là Chủ nhật, Tạ ơn Chúa, và chúng ta có thể ngủ bù trong giờ đi lễ. Nào, nhảy với tôi một bản nhé?”

Nàng không ghét khiêu vũ, nhưng nàng không muốn nhảy ở đây. Sự chuyển động càng lúc càng sôi nổi: mấy tay nhạc công sau những cột bụi sáng rực thỉnh thoảng thay đổi bầu không khí bằng cách chơi trên phần phía sau của ngựa đàn hay với lưng của cái vị. Nhưng điều đó không quan trọng; những cặp nhảy thở không ra hơi vẫn xoay tròn, xoay mải.

Họ không đổi bạn nhảy vì khuynh hướng của họ là gắn bó với bạn nhảy trước đó. Việc đổi bạn nhảy chỉ đơn giản có nghĩa là một chọn lựa hài lòng chưa xảy ra ở người này hoặc người kia trong cặp, và tới lúc này mỗi cặp đều rất hợp nhau. Chính lúc đó trạng thái mê ly và giấc mơ bắt đầu, trong đó cảm xúc là vật chất của vũ trụ, và một sự xâm nhập tình cờ có khả năng ngăn cản bạn xoay tròn trong lúc bạn muốn xoay tròn.

Đột nhiên có tiếng uỳnh uỳch trên mặt đất: một cặp đã bị ngã, và nằm thành một đống. Cặp kế tiếp, do quán tính, giẫm lên chướng ngại vật. Một đám mây bụi bốc lên quanh những thân hình nằm sóng soài giữa đám mây bụi chung của căn phòng, trong đó có thể nhìn thấy một mớ cánh tay, chân cẳng vướng vào nhau.

“Anh sẽ bị phạt vì chuyện này, ông xã à, khi anh về tới nhà!” một giọng nữ cất lên từ cái đống bốn người - giọng của người bạn nhảy không may của gã đàn ông vụng về đã gây ra sự cố; thật ngẫu nhiên, nàng ta cũng chính là cô vợ vừa mới cưới của gã. Lời đe dọa của nàng không có gì là bất bình thường ở Trantridge miễn là vẫn còn chút tình cảm giữa đôi vợ chồng; và, thật sự, việc tránh tạo ra nhiều cuộc kết hợp không hoàn hảo giữa những kẻ độc thân mà ở họ có thể có một sự cảm thông nồng ấm, không phải là điều bất bình thường trong cuộc đời sau đó của họ.

Một tiếng cười lớn vang lên từ sau lưng Tess, trong bóng tối của khu vườn, hòa vào tiếng cười khúc khích trong căn phòng. Nàng quay lại, và nhìn thấy đốm lửa của một điếu xì gà: Alec d’Urberville đang đứng đó một mình. Y ra hiệu cho nàng, và nàng miễn cưỡng đi về phía y.

“Sao, Người đẹp của tôi, cô đang làm gì ở đây vậy?”

Nàng mệt mỏi sau một ngày dài làm việc và đi bộ đến độ nàng thú nhận rắc rối của mình với y - rằng nàng đã chờ từ lúc y gặp nàng để cùng đi với họ về nhà, vì con đường ban đêm quá xa lạ đối với nàng. “Nhưng có vẻ như họ sẽ không bao giờ ra về, và tôi thật sự nghĩ tôi sẽ không chờ thêm nữa.”

“Đi nhiên là không. Hôm nay tôi chỉ có một con ngựa ở đây; nhưng hãy tới quán Hoa Huệ, tôi sẽ thuê một cỗ xe và chờ cô về.”

Dù được tôn lên, Tess không bao giờ hoàn toàn quên được mối ngờ vực ban đầu về y, và bất chấp sự chậm chạp của đám người làm công, nàng thích đi về với họ hơn. Vì thế nàng trả lời rằng nàng rất biết ơn y, nhưng sẽ không làm phiền y. “Tôi đã bảo rằng tôi sẽ chờ họ, và giờ họ sẽ mong tôi làm như vậy.”

“Tốt lắm, quý cô Độc Lập. Cứ làm theo ý cô... Vậy tôi sẽ không vội gì... Ôi Trời, họ đang có vụ lộn xộn gì ở đó vậy!”

Y không ló ra ánh sáng, nhưng một số người đã nhận ra y, và sự có mặt của y dẫn tới một lúc tạm dừng ngắn ngủi để cân nhắc xem thời gian đang trôi nhanh thế nào. Ngay khi y đốt lại một điếu xì gà và cất bước, người ở Trantridge bắt đầu tụ họp lại giữa những kẻ đã đến từ các nông trại khác, và chuẩn bị cùng nhau ra về. Những bó đồ cùng giỏ xách của họ được gom lại và nửa giờ sau, khi chuông đồ mười một giờ mười lăm, họ lũ lượt đi theo lối mòn dẫn lên ngọn đồi về phía nhà của họ.

Đó là một cuộc đi bộ ba dặm, dọc theo con đường trắng khô ráo, đêm nay càng trắng hơn dưới ánh trăng.

Trong lúc đi trong đoàn người, khi bên cạnh người này, khi bên cạnh kẻ khác, Tess sớm nhận ra rằng bầu không khí đêm trong lành đang khiến cho những tay đàn ông quá chén

trở nên loạng choạng, chân nam đá chân chiêu; một số phụ nữ ham vui hơn cũng đi đứng xiêu qua xiêu lại. Trong đó có cô nàng da bő quân hung dữ Car Darch, tự xưng là Quân Đầm Bích, cho tới gần đây vẫn là người mà d'Urberville ưa thích nhất; Nancy, em gái của nàng ta, có biệt danh là Quân Đầm Rô; và người phụ nữ trẻ có chồng vừa mới bị ngã lúc nãy. Nhưng bất kể vẻ bề ngoài của họ ngay lúc này thô tục và khó coi đến đâu đối với con mắt bình thường tinh táo, đối với chính họ trường hợp lại hoàn toàn khác. Họ đi dọc theo con đường với cảm giác rằng họ đang bay liệng trong một cõi chân không, sở hữu những ý tưởng nguyên sơ và sâu sắc, bản thân họ và môi trường tự nhiên xung quanh tạo thành một tổng thể mà trong đó mọi thành phần đều quyện chặt vào nhau một cách vui vẻ hài hòa. Họ siêu phàm thoát tục như trăng sao trên đầu họ, và trăng sao cũng cháy bùng nhiệt tình như họ.

Tuy nhiên, Tess đã trải qua nhiều kinh nghiệm đau thương loại này trong nhà cha mình, vì thế, khi phát hiện ra tình trạng của họ, cảm giác vui thú trong chuyến đi dưới ánh trăng của nàng bị phá hỏng hoàn toàn. Thế nhưng nàng vẫn bám theo đoàn, vì những lý do đã nêu bên trên.

Trên đường lộ, họ đã đi một cách rải rác lonen xộn; nhưng lúc này họ phải đi qua một cánh cổng mở vào cánh đồng, và do người đi đầu gặp khó khăn khi mở nó, họ tập trung lại gần nhau.

Người dẫn đầu này chính là Car Quân Đầm Bích. Car mang theo một cái giò đan bằng cành liễu chứa những thứ tạp hóa của bà mẹ, vài vóc của chính nàng, và những thứ đã mua khác để sử dụng trong tuần. Vì cái giò to và nặng, để tiện mang đi, nàng đặt nó trên đầu và nó nằm ở đó trong tình trạng có thể mất cân bằng vào bất cứ lúc nào trong khi Car bước đi với đôi tay chống nạnh.

“Ô, cái quái gì đang bò xuống lưng chị vậy, Car Darch?” một người trong nhóm đột ngột cất tiếng.

Mọi người đều nhìn Car. Áo dài của nàng may bằng vải in hoa mỏng, và từ sau gáy nàng, có thể thấy một loại dây thừng đang buông thõng xuống tới bên dưới eo, giống như một bím tóc của đàn ông Trung Quốc.

“Đó là tóc của cô ta xõa xuống” một người khác nhận xét.

Không. Đó không phải là tóc của nàng. Nó là một dòng chảy màu đen của thứ gì đó đang rỉ ra từ cái giò, và nó sáng lấp loáng như một con rắn nhảy nhuencia dưới những tia sáng lạnh lẽo của vầng trăng.

“Đó là mật đường” một phu nữ đà có chồng lên tiếng.

Nó chính là mật đường. Bà nội già tội nghiệp của Car rất thích những món ăn ngọt. Mật ong thì bà có nhiều từ những tổ ong của chính bà, nhưng mật đường là món mà bà luôn ao ước, và Car muốn mang đến cho bà một sự ngạc nhiên thú vị. Vội vã hạ cái giò xuống, cô gái da bő quan nhận ra cái bình đựng mật đường đã bị vỡ.

Lúc này, một tràng cười rộ nở lên vì hình ảnh ngộ nghĩnh trên lưng Car. Tiếng cười khiến cô gái có nước da màu bő quan nổi cáu và muốn lập tức thủ tiêu nó bằng phương tiện bất ngờ có sẵn đầu tiên, không cần tới sự giúp đỡ của đám đông đang cười nhạo mình. Nàng hậm hực vọt ra cánh đồng mà họ sắp băng qua, ngã lưng nằm dài trên đam cỏ và bắt đầu cố hết sức chùi sạch chiếc áo dài bằng cách chà lưng trên mặt cỏ.

Tiếng cười càng thêm lớn; mọi người bám vào cánh cổng, vào những cây cột, ngồi nghỉ trên những chiếc gậy chống, mệt nhoài với cơn cười thắt ruột trước cảnh tượng đó. Nhân vật chính của chúng ta, cho tới lúc đó vẫn bình thản, không

thể nào không bật cười cùng số còn lại trong khoảnh khắc điên rồ đó.

Đó là một tai họa - theo nhiều cách khác nhau. Ngay khi Car nghe thấy âm thanh dịu dàng trong trào của Tess giữa tiếng cười của những người làm công khác, một cảm giác thù địch đã âm ỉ từ lâu chợt bùng cháy, khiến nàng nổi điên lên. Car đứng phắt lên và lao tới đối mặt với tình địch của mình.

“Sao mà dám cười nhạo tao, con nhỏ mắt nết kia!” Car la lên.

“Thật sự tôi không thể nín được khi thấy những người khác cười” Tess tạ lỗi, vẫn còn cười khúc khích.

“À, mà nghĩ là mà ăn đứt mọi người, phải không nào, vì hiện giờ mà là người anh ta ưa thích nhất! Nhưng hãy dừng lại một chút, dừng lại một chút! Tao tốt gấp đôi những thứ như mà! Nhìn nè... mà hãy nhìn nè!”

Trước sự kinh hoàng của Tess, cô gái da bőn bắt đầu cởi cái vạt trên của chiếc áo dài ra - tình trạng lố bịch hiện thời của nó khiến Car chỉ thêm mừng khi thoát khỏi nó - cho tới khi nàng đã phơi trần cái cổ, đôi vai và đôi cánh tay tròn trĩnh dưới ánh trăng. Và dưới ánh trăng, trông chúng lung linh, đẹp đẽ như một tác phẩm của Praxiteles⁽¹⁾. Car khép nắp đầm lại và bước tới đối mặt với Tess.

“Nè, tôi sẽ không đánh nhau đâu!” Tess nghiêm trang nói. “Và nếu tôi biết chị là loại như thế, tôi sẽ không hạ mình đi với một đám không khác gì gái điếm như đám người này!”

Câu nói quá “vơ đũa cả nắm” đó mang tới một tràng chửi rủa ập lên đầu của Tess không may mắn từ mọi hướng, đặc biệt từ Quận Đầm Rô, vốn từng có quan hệ tình cảm với d’Urberville, và cả Car cũng đã nghi ngờ về chuyện đó. Cả

1. Nhà điêu khắc Hy Lạp nổi tiếng ở thời cổ đại (395 - 330 TCN).

hai đoàn kết lại để chống kẻ thù chung. Nhiều phụ nữ khác cũng hùa theo, với một ác cảm mà không ai trong số họ quá ngốc nghếch để biểu lộ trong buổi tối vui nhộn họ vừa trải qua. Ngay sau đó, nhận thấy Tess bị bắt nạt một cách không công bằng, những ông chồng và các già tình nhân cố gắng hòa bằng cách bảo vệ nàng; nhưng nỗ lực đó chỉ khiến cho cuộc chiến thêm ác liệt.

Tess phản nộ và xấu hổ. Nàng không còn quan tâm tới sự quạnh vắng của con đường và thời giờ khuya khoắt; mong muốn của nàng là tránh xa toàn bộ đám người này càng nhanh càng tốt. Nàng biết rất rõ rằng ngày mai những người tốt hơn trong số họ sẽ ăn năn về thái độ của mình. Lúc này tất cả đều đang ở trên cánh đồng, và khi nàng lùi sang một phía để bỏ đi một mình, một kỵ sĩ xuất hiện hầu như lặng lẽ từ góc bờ giậu ven đường, và Alec d'Urberville đưa mắt nhìn quanh tất cả mọi người.

“Toàn bộ vụ om sòm này là cái quái quỷ gì đây, mọi người?” y hỏi.

Không dễ đưa ra lời giải thích; và, thật sự, y không cần bắt cứ lời giải thích nào. Khi nghe thấy giọng của họ từ một khoảng cách xa, y đã cho ngựa lặng lẽ tới gần, và đã hiểu khá đầy đủ về tình huống đó.

Tess đang đứng tách rời khỏi số còn lại, gần cánh cổng. Y cúi người về phía nàng. “Hãy nhảy lên sau lưng tôi,” y thì thầm, “và chúng ta sẽ tránh xa lũ mèo đang gào thét này trong chớp mắt!”

Nàng cảm thấy gần như muốn xiu, ý thức của nàng đối với tình huống khủng hoảng này rất rõ ràng. Hầu như vào bất cứ thời điểm nào khác trong đời, nàng sẽ khước từ sự trợ giúp của tình bạn tự nguyện đó, như nàng đã khước từ

chúng nhiều lần trước đó; và hiện giờ sự lè loi tự nó không buộc nàng phải hành động khác đi. Nhưng lời mời mọc đã đến đúng vào thời điểm đặc biệt này, khi sự hoảng sợ và căm phẫn đối với những kẻ thù này có thể trở thành một thắng lợi trước họ chỉ nhờ một cú nhảy; và nàng từ bỏ bàn thân để chiều theo thoi thúc đó, trèo lên cánh cổng, đặt đầu mấy ngón chân lên mu bàn chân của y, và trườn lên cái yên sau lưng y. Cả hai lao vọt vào khoảng xa mờ tối trước khi những kẻ ham vui và thích gây sự ý thức được điều gì đã xảy ra.

Quân Đầm Bích quên đi vết bẩn ở vạt áo trên của mình, đứng cạnh Quân Đầm Rô và người phụ nữ mới kết hôn vẫn còn đang lảo đảo - cả ba nhìn đầm đầm về hướng nơi tiếng vó ngựa đang nhòa dần vào im lặng trên đường.

“Các cô nhìn gì thế?” một người không nhìn thấy sự kiện đó hỏi.

“Hô-hô-hô!” Car da bỗn cười lớn.

“He-he-he!” cô dâu bơm nhậu cũng cười, trong lúc cô ta lấy lại thăng bằng trong vòng tay của đức ông chồng yêu dấu.

“He-he-he!” mẹ của Car vừa cười vừa vuốt hàng ria mép của mình trong lúc bà giải thích ngắn gọn: “Tránh vỏ dưa gấp vỏ dừa!”

Sau đó, đám con cái của ruộng đồng - những kẻ dù uống “bất thùng chi thịnh” vẫn hiếm khi bị thương vĩnh viễn - lẩn mò tiến vào lối mòn của cánh đồng; khi họ đã tới đó, cùng di chuyển với họ, quanh bóng của đầu mỗi người, là một vòng ánh sáng màu trắng đục, hình thành bởi ánh trăng chiếu trên những mảng tóc điểm sương lấp lánh. Mỗi khách bộ hành không thể nhìn thấy vầng hào quang nào khác ngoài của chính mình, vốn không bao giờ rời khỏi bóng của cái

đầu, bất kể nó lảo đảo lắc lư đến mức nào; vầng hào quang đó dính liền với nó, và liên tục làm đẹp nó; cho tới khi những chuyển động thất thường dường như là một thành phần vốn có của vầng hào quang, và khói tỏa ra từ hơi thở của họ là một thành phần của sương đêm; và linh hồn của cảnh vật, của ánh trăng, của Tự nhiên, dường như trộn lẫn một cách hài hòa vào hơi men của rượu bia.

Chương 11

Tren lưng con ngựa chạy nước kiệu, cả hai im lặng không nói gì suốt một hồi lâu. Trong lúc bám chặt vào Alec, Tess vẫn thở hổn hển vì thắng lợi của mình, nhưng hãy còn ngờ vực ở những khía cạnh khác. Nàng đã nhận thấy con ngựa này không phải là con ngựa hay dờ chứng mà đôi khi y cũng cười, và cảm thấy an tâm về mặt đó, dù bất kể nàng ôm y chặt đến mấy thế ngồi của nàng vẫn rất bấp bênh. Nàng năn nỉ y cho con ngựa đi chậm lại và Alec đồng ý làm theo lời nàng.

“Hành động thật gọn gàng, phải không, Tess thân mến?” cuối cùng y lên tiếng.

“Phải! Tôi chắc chắn tôi nên biết ơn ông.”

“Vậy cô có biết ơn không?”

Nàng không trả lời.

“Tess à, vì sao cô luôn ghét việc tôi hôn cô?”

“Tôi cho là vì... vì tôi không yêu ông.”

“Cô hoàn toàn chắc chứ?”

“Đôi khi tôi rất giận ông!”

“Chà, tôi cũng e là vậy.” Dù sao, Alec không phản đối lời tự thú đó. Y biết rằng bất cứ điều gì cũng tốt hơn thái độ

lạnh lùng. “Vì sao cô không nói cho tôi biết khi tôi làm cho cô tức giận?”

“Ông biết rất rõ vì sao. Vì tôi không thể tự giúp mình tại đây.”

“Tôi có thường xúc phạm cô bằng cách tán tỉnh không?”

“Có, đôi khi.”

“Bao nhiêu lần?”

“Ông biết rõ không kém gì tôi - quá nhiều lần.”

“Mỗi lần tôi đã cố gắng?”

Nàng im lặng, và con ngựa tiếp tục chạy nước kiệu một chặng đường dài, cho tới khi một làn sương mù sáng nhờ nhở, vốn đã lơ lửng trên những lũng nhỏ suốt chiều hôm, bắt đầu lan rộng ra và bao trùm lên họ. Đường như nó khiến ánh trăng ngưng đọng lại, khiến ánh trăng lan tỏa nhiều hơn so với khi bầu không khí trong trẻo. Vì lý do này, hoặc do lơ đãng, hoặc do buồn ngủ, nàng không nhận ra rằng từ lâu họ đã đi qua địa điểm nơi con đường mòn về Trantridge tách ra khỏi đường lớn, và người cầm cương đã không chọn con đường về Trantridge.

Nàng mệt không thể tả. Nàng đã thức dậy từ năm giờ mỗi buổi sáng trong tuần đó, đã đi bộ suốt mỗi ngày, và chiều hôm nay đã đi thêm ba dặm tới Chaseborough, chờ những người bạn láng giềng suốt ba giờ không ăn uống thứ gì, sự nôn nóng mong muốn họ xuất phát của nàng đã ngăn cản cả hai việc đó; sau đó nàng đã đi bộ một dặm trên đường về, và đã chịu đựng sự kích động của cuộc cãi vã, và do tốc độ chậm rãi của con ngựa, lúc này đã gần một giờ sáng. Tuy nhiên, chỉ có một lần nàng bị cơn buồn ngủ thật sự đánh bại. Trong khoảnh khắc quên lảng đó, đầu nàng đã tựa nhẹ vào lưng y.

D'Urberville cho ngựa dừng lại, rút chân ra khỏi bàn đạp, nghiêng người sang một phía trên yên ngựa, và đưa tay ôm eo nàng để đỡ nàng.

Điều này lập tức đặt nàng vào thế phòng ngự, và với một trong những thoi thúc đột ngột muốn trả đũa vốn luôn áp ủ trong lòng, nàng đẩy nhẹ y một cái. Do đang ở tư thế không vững, y bị mất thăng bằng và suýt chút nữa đã té lăn cù xuống mặt đường; con ngựa, dù rất sung sức, may thay lại là con thuần tính nhất y từng cưỡi.

“Hành động đó thật xấu xa tai ác!” y nói. “Tôi đâu có ý đồ gì, chỉ muốn giữ cho cô khỏi bị ngã thoi mà.”

Nàng ngầm nghĩ với vẻ nghi ngờ, cho tới khi, nghĩ rằng nói cho cùng điều này có thể đúng, nàng dịu lại, và nói rất nhún nhường: “Tôi xin lỗi, thưa ông.”

“Tôi sẽ không tha thứ cho cô trừ phi cô cho thấy một sự tin tưởng nào đó ở tôi. Lạy Chúa nhân từ!” y bùng nổ. “Tôi là gì chứ, để bị một cô bé như cô cự tuyệt như thế? Suốt gần ba tháng nay cô đã coi thường những cảm giác của tôi, tránh né tôi, và làm nhục tôi; tôi sẽ không chịu đựng thêm nữa.”

“Ngày mai tôi sẽ rời khỏi nhà ông.”

“Không, mai cô sẽ không rời khỏi nhà tôi! Tôi hỏi lại lần nữa, cô có chịu cho tôi thấy sự tin tưởng ở tôi bằng cách cho tôi vòng tay ôm lấy cô hay không? Nào, giữa hai chúng ta và không có ai khác. Chúng ta biết rõ về nhau; cô biết rằng tôi yêu cô, và nghĩ cô là cô gái xinh đẹp nhất trần đời, và quả thật cô là vậy. Tôi có thể cư xử với cô như một người tình hay không?”

Nàng hít nhanh một hơi chứa đầy sự bực tức và phản đối, oắn người một cách khó chịu trên chỗ ngồi, nhìn xa xăm về phía trước, và lầm bẩm: “Tôi không biết... Tôi ước gì... Làm sao tôi có thể nói có hay không khi...”

Y giải quyết vấn đề bằng cách vòng tay quanh eo nàng như đã nói, và Tess không thể hiện sự phản đối nào khác nữa. Cứ thế họ chậm chạp tiến tới cho tới khi nàng sức nghĩ ra thời gian họ đã mất trên đường không hợp lý chút nào - lâu hơn nhiều so với thời gian phải mất cho quãng đường ngắn từ Chaseborough, thậm chí ở tốc độ chậm như đi bộ này, và họ không còn ở trên con đường lộ, mà trên một lối mòn nhò xíu.

“Sao, chúng ta đang ở đâu?” nàng kêu lên.

“Đang đi ngang qua một khu rừng.”

“Một khu rừng? Khu rừng nào? Chắc chắn chúng ta đã ra khỏi đường lộ.”

“Một phần của The Chase - khu rừng cổ nhất ở nước Anh. Đêm nay thật đáng yêu, vậy tại sao chúng ta không kéo dài cuộc dạo chơi thêm một chút?”

“Sao ông có thể xảo trá như thế chứ!” Tess nói, tức tối và thất vọng, cố thoát khỏi vòng tay của y bằng cách gỡ từng ngón tay của y ra, dù với nguy cơ trượt ra khỏi chỗ ngồi. “Đúng vào lúc tôi đặt lòng tin vào ông, biết ơn ông và muốn làm ông hài lòng, vì tôi nghĩ tôi đã xử sự không đúng khi xô ông lúc này! Xin cho tôi xuống, và cứ để mặc tôi đi bộ về nhà.”

“Cô không thể đi bộ về, cô thân yêu, thậm chí nếu trời quang đãng. Chúng ta đang ở cách Trantridge nhiều dặm, phải nói thế, và trong màn sương mù đang càng lúc càng dày cô có thể lang thang suốt nhiều giờ giữa những hàng cây này.”

“Không sao cả” nàng năn nỉ. “Xin hãy cho tôi xuống, thưa ông. Tôi không quan tâm đây là đâu; chỉ cần cho tôi xuống, xin ông!”

“Tốt lắm, tôi sẽ cho cô xuống, với một điều kiện. Một khi đã đưa cô tới chỗ xa lạ này, tôi cảm thấy có trách nhiệm đối

với việc cô trở về nhà an toàn, bất kể cô cảm thấy thế nào về chuyện đó. Việc để cho cô về Trantridge mà không có người hộ tống hoàn toàn không thể xảy ra. Bởi vì, xin nói thật, cô thân mến, do màn sương mù che đậy hết mọi thứ này, chính tôi cũng hoàn toàn không biết chúng ta đang ở đâu. Nếu cô hứa sẽ chờ bên cạnh con ngựa trong lúc tôi đi bộ qua những bụi cây này cho đến khi gặp một con đường hoặc ngôi nhà nào đó, và biết chắc chúng ta đang ở đâu, tôi sẽ sẵn sàng cho cô xuống ngựa tại đây. Khi quay trở lại tôi sẽ báo cho cô biết đây đủ về hướng đi, và nếu cô khăng khăng đòi đi bộ, cô có thể đi; hoặc cô có thể ngồi trên lưng ngựa, tùy ý thích của cô.”

Nàng chấp nhận những điều kiện đó, và trượt xuống từ phía của mình, dù chỉ sau khi y đã đánh cắp một nụ hôn vội. Y nhảy xuống từ mé bên kia.

“Tôi có cần giữ con ngựa hay không?” nàng hỏi.

“Ô, không, không cần thiết” Alec đáp, vỗ về con vật đang thở dốc. “Tối nay nó đã đủ mệt rồi.”

Y quay đầu con ngựa vào những bụi cây, cột nó vào một nhánh cây, và chuẩn bị cho nàng một chỗ nằm trong đống lá chết.

“Giờ cô ngồi ở đó,” y nói. “Lá khô chưa bị ẩm. Chỉ cần để ý tới con ngựa, thế là đủ lắm rồi.”

Y đi vài bước, rồi quay lại nói thêm: “Nhân tiện, Tess à, hôm nay cha cô đã có một con ngựa mới. Một người nào đó đã tặng ông ta.”

“Một người nào đó? Là ông!”

D’Urberville gật đầu.

“Ô, ông thật tốt bụng!” nàng cảm thán, với một cảm giác đau đớn và ngượng nghẹn khi phải cảm ơn y ngay lúc đó.

“Và lù trè cũng có một ít đồ chơi.”

“Tôi không biết rằng... ông từng gửi cho chúng bất cứ thứ gì!” nàng lầm bầm, khá xúc động. “Tôi hầu như mong ông đã không làm như thế... phải, tôi hầu như mong muốn vậy!”

“Vì sao, cô thàn mến?”

“Nó... khiến tôi rất khó xử.”

“Tessy, giờ cô có yêu tôi dù chỉ rất ít hay không?”

“Tôi biết ơn,” nàng miễn cưỡng thừa nhận. “Nhưng tôi e là tôi không...” Ý tưởng bất ngờ rằng sự say đắm y dành cho nàng chính là một nhân tố trong kết quả này khiến nàng đau khổ đến độ rung rưng nhò lè, giọt này nối giọt kia, rồi khóc òa lên.

“Đừng khóc, em yêu, em yêu dấu! Giờ hãy ngồi xuống đây, và chờ cho tới khi tôi quay lại.” Nàng ngồi xuống một cách thụ động giữa đống lá y đã chuẩn bị, và khẽ run rẩy. “Cô thấy lạnh à?” y hỏi.

“Không nhiều lắm, chỉ chút xíu thôi.”

Y chạm những ngón tay vào nàng. Chúng chìm vào nàng, lặng lẽ. “Cô chỉ có cái áo muslin mỏng manh này, vì sao thế?”

“Nó là cái áo mùa hè đẹp nhất của tôi. Trời rất ấm khi tôi lên đường, và tôi không biết tôi sẽ cưới ngựa, và sẽ ở ngoài ban đêm.”

“Đêm tháng Chín đang trở lạnh. Để tôi xem” y cởi cái áo khoác nhẹ đang mặc ra, và dịu dàng trùm lên người nàng. “Thế mới phải chứ... giờ cô sẽ cảm thấy ấm hơn. Người đẹp của tôi, giờ hãy nghỉ ngơi ở đây; tôi sẽ quay lại nhanh thôi.”

Sau khi gài nút cái áo khoác trùm quanh vai nàng, y băng mình vào tấm mạng hơi nước mà khi đó đã tạo thành màn

che giữa những thân cây. Nàng có thể nghe thấy tiếng sột soạt của những nhánh cây khi y trèo lên con dốc bên cạnh, cho tới khi những chuyển động không lớn hơn tiếng nhảy chuyển cảnh của một con chim và cuối cùng tắt lịm. Do trăng đang lặn, ánh sáng nhợt nhạt giảm dần, và Tess trở nên vô hình trong lúc nàng dần dần rơi vào trạng thái mơ màng trên đống lá khô.

Trong lúc đó, Alec d'Urberville đã lèn tới đầu dốc để xác định họ đang ở khu vực nào của The Chase. Thật sự, y đã cưỡi ngựa hoàn toàn ngẫu nhiên trên một giờ, theo bất cứ chỗ ngoặt nào gần nhất để kéo dài thời gian gần gũi với Tess, và tập trung sự chú ý vào thân hình đầm ánh trăng của nàng hơn bất cứ vật thể nào bên đường. Một chút nghỉ ngơi cho con vật đã kiệt sức là điều cần thiết, y không vội gì trong việc tìm kiếm những cột mốc. Y trèo qua ngọn đồi, tiến vào thung lũng tiếp giáp và đi tới hàng rào của một con đường lộ mà y từng biết, và xác định được địa điểm của họ hiện giờ. Sau đó d'Urberville quay lại; nhưng lúc này trăng đã lặn hoàn toàn, và một phần do sương mù, khu rừng The Chase chìm trong bóng tối dày đặc, dù bình minh không còn xa nữa. Y buộc phải dò đầm tiến lên với đôi tay dang rộng để tránh va phải những nhánh cây, và nhận ra rằng việc tìm tới điểm chính xác nơi y đã xuất phát hoàn toàn nằm ngoài khả năng của y. Lang thang lên xuống, vòng tới vòng lui, cuối cùng y cũng nghe thấy một cử động khe khẽ của con ngựa ở gần bên; và bàn chân y bất ngờ vướng phải tay áo chiếc áo khoác của y.

“Tess!” d'Urberville gọi khẽ.

Không có lời đáp. Bóng tối hiện giờ đen kịt đến mức y hoàn toàn không nhìn thấy gì cả ngoài một khối mờ mờ dưới chân. Đó chính là thân hình mặc chiếc áo muslin trắng y đã để lại trên đống lá khô. Mọi thứ khác đều đen như mực.

D'Urberville cúi xuống; và nghe thấy một tiếng thở nhẹ đều đẽu. Y quỳ xuống và cúi thấp hơn, cho tới khi hơi thở của nàng sưởi ấm mặt của y, và trong khoảnh khắc, gò má của y tiếp xúc với gò má của nàng. Nàng đang say ngủ, và trên đôi hàng mi những giọt lệ vẫn còn đọng lại.

Bóng tối và thinh lặng bao trùm khắp xung quanh. Bên trên họ, sừng sững những cây thông đỏ và sồi của khu rừng The Chase; những đàn chim chóc đang thụ hưởng giấc ngủ ngắn cuối cùng của chúng; và quanh chúng, lũ thỏ rừng đang len lén nhảy từ nơi này sang nơi khác. Nhưng người ta có thể hỏi, thiên thần hộ mệnh của Tess đang ở nơi đâu? Đáng Toàn năng của niềm tin giản dị của nàng đang ở nơi đâu? Có lẽ, như vị thần của những kẻ mà Tishbite⁽¹⁾ đầy mỉa mai đã nói, ông ta đang trò chuyện, hoặc ông ta đang theo đuổi, hoặc ông ta đang trong một hành trình, hoặc Ông ta đang ngủ và chưa được đánh thức.

Vì sao trên tấm vải xinh đẹp đầy nữ tính, dẻ hòng như tơ nhện, và trắng ngần gần như tuyết này, lại có một hoa văn thô kệch như nó đã được ấn định phải đón nhận; vì sao thứ thô kệch thường chiếm đoạt thứ đẹp đẽ hơn, người đàn ông không phù hợp lại chiếm đoạt người phụ nữ, người phụ nữ không phù hợp lại chiếm đoạt người đàn ông? Trong suốt nhiều ngàn năm, triết lý phân tích đã thất bại trong việc lý giải cho ý thức về trật tự của chúng ta. Thật sự, người ta có thể thừa nhận khả năng rằng có một sự trùng phạt ẩn nấp trong tai họa hiện thời. Chắc chắn một số tổ tiên mặc áo giáp đang vui vẻ trở về nhà sau một trận đánh của Tess d'Urberville đã từng hành xử theo cùng cách thức đó với những thôn nữ vào

1. Tức nhà tiên tri Elijah. Biệt danh Tishbite có nguồn từ địa danh Tishbe, nơi ông chào đời. Trong *1 Các Vua 18*, Elijah đã chế nhạo những tu sĩ thờ thần Baal bằng những câu tương tự như những câu cuối của đoạn văn này.

thời của họ. Nhưng dù việc bắt con cháu phải chịu sự trừng phạt vì những tội lỗi của tiền nhân có thể là một luân lý dù tốt đối với những thần linh, nó bị bản chất con người khinh miệt; và do đó nó không cải sửa được vấn đề.

Như nhiều người quen biết của Tess trong những nơi trú ẩn dưới kia không bao giờ biết mệt khi nói với nhau theo cung cách tin vào số phận của họ: “Nó đã là thế.” Điều đáng tiếc nằm ở đó. Một hố sâu vô hạn sẽ phân cách nữ nhân vật chính của chúng ta sau này với con người trước đó của nàng, kẻ đã bước ra khỏi cửa của mẹ mình để thử thời vận ở trại gia cầm Trantridge.

PHẦN HAI

Không còn là trình nữ

Chương 12 - Chương 15

Chương 12

Cái giờ khá nặng và bọc đồ khá to, nhưng nàng cố mang chúng đi như một người không nhận ra gánh nặng khác thường của mình trong thế giới vật chất. Thỉnh thoảng nàng dừng lại để nghỉ mệt một cách máy móc cạnh một cánh cổng hoặc cây cột nào đó; rồi sau đó lại nhấc chúng lên trên cánh tay tròn lẳn, và đều đều bước tiếp.

Đó là một buổi sáng Chủ nhật cuối tháng Mười, khoảng bốn tháng sau khi Tess Durbeyfield tới Trantridge, và vài tuần sau cái đêm cưỡi ngựa ở khu rừng The Chase. Thời điểm rạng đông vừa mới qua không lâu lắm, và ánh sáng vàng rực ở chân trời sau lưng nàng chiếu sáng ngọn đồi đối diện - rào chắn của cái thung lũng mà đạo gần đây nàng đã trở thành người lạ. Nàng phải vượt qua nó để tới nơi chôn nhau cắt rún của mình. Dốc lên thoai thoái ở phía bên này, và đất đai cùng phong cảnh của nó rất khác so với bên trong Thung lũng Blakemore. Thậm chí tính cách và giọng nói của hai nhóm người cũng có những sắc thái khác nhau, bất chấp những ảnh hưởng pha trộn của một đường tàu hỏa quanh quẹo; thế nên, dù chỉ cách nơi tạm trú của nàng ở Trantridge chưa đầy hai mươi dặm, cái thôn nhỏ quê nhà của nàng dường như là địa điểm rất xa. Nông dân sống khép kín trong đó đi về phía bắc và phía tây để giao dịch mua bán, đi về phía bắc và phía

tây để du lịch, tán tỉnh và kết hôn, cả suy nghĩ của họ cũng hướng về hai phía đó; còn những người dân ở mé bên này chủ yếu hướng năng lượng và sự chú ý của họ vào phía đông và phía nam.

Con dốc này chính là con dốc mà d'Urberville đã đánh xe chờ nàng xuôi xuống một cách điên rồ vào cái ngày đó của tháng Sáu. Tess đi một mạch suốt chặng đường còn lại, và khi đi tới rìa của đinh dốc, nàng đăm đăm nhìn ra thế giới xanh ngắt bên ngoài, lúc này đang bị sương mù che lấp nửa phần. Từ chỗ này, trông nó lúc nào cũng đẹp; nó đẹp kinh khủng đối với Tess hôm nay, bởi từ khi đôi mắt của nàng đặt lên nó lần cuối nàng đã biết rằng con rắn phun phì phì ở nơi các chú chim đáng yêu đang hót, và những quan điểm về cuộc đời của nàng đã thay đổi hoàn toàn sau bài học đó. Quả thật, giờ nàng đã trở thành một cô gái khác chứ không phải cô gái giản đơn nàng từng là khi còn ở nhà. Nàng cúi đầu suy nghĩ, đứng yên tại đó, và ngoái nhìn lại phía sau. Nàng không chịu nổi việc nhìn về hướng thung lũng.

Tess trông thấy một cỗ xe ngựa hai bánh đang đi lên theo con đường trắng dài mà nàng vừa vất và vượt qua, bên cạnh là một người đi bộ. Y đang giơ tay lên để kêu gọi sự chú ý của nàng.

Nàng tuân theo dấu hiệu, bình thản chờ y. Vài phút sau, người và ngựa dừng lại bên cạnh nàng.

“Sao cô lén lút bỏ đi như vậy?” d'Urberville vừa trách vừa thở dốc. “Vào một buổi sáng Chủ nhật nữa, khi mọi người còn đang ngủ! Tôi chỉ tình cờ phát hiện ra, và tôi đã đánh xe như quỷ sứ để bắt kịp cô. Cứ nhìn con ngựa thì biết. Vì sao bỏ đi như vậy? Cô biết rằng không ai muốn干涉 việc cô đi mà. Cô cũng không cần phải đi bộ vất vả và tự làm khổ mình với cái gánh nặng này! Tôi đã đuổi theo cô như một gã

điên, chỉ để chờ cô trong quãng đường còn lại, nếu cô không quay lại.”

“Tôi sẽ không quay lại.”

“Tôi cũng đã nghĩ như thế, tôi đã nói như thế! Được rồi, hãy chất hành lý lên xe, và để tôi giúp cô đi tiếp.”

Nàng thở ơ đặt cái giò và bọc đố vào xe, và bước lên ngồi cạnh y. Giờ nàng không còn sợ y, và nỗi u sầu của nàng nằm trong nguyên cớ của sự tự tin đó.

D’Urberville tự động đốt một điếu xì gà, và cuộc hành trình được tiếp tục với những lời đồi thoại ngắt quãng, vô cảm về những đối tượng bình thường ven đường. Y đã hoàn toàn quên đi nỗ lực để hôn nàng hồi đầu hè, khi họ ngồi xe ngựa theo hướng ngược lại trên cùng một con đường. Nhưng nàng không quên, và lúc này nàng ngồi như một con búp bê, đáp lại những nhận xét của y bằng những từ đơn âm. Sau vài dặm, họ tới gần một khóm cây, ở phía ngoài nó là thôn Marlott. Chỉ khi đó gương mặt bất động của nàng mới để lộ chút xíu cảm xúc, một hai giọt lệ bắt đầu nhỏ xuống.

“Cô khóc vì cái gì chứ?” y lạnh lùng hỏi.

“Tôi chỉ nghĩ rằng tôi đã chào đời ở đó” Tess lầm bầm.

“Tất cả chúng ta đều phải chào đời ở một nơi nào đó.”

“Tôi ước gì mình chưa bao giờ chào đời, ở đó hay bất cứ nơi nào khác!”

“Xì! Được rồi, nếu cô không muốn tới Trantridge, vì sao cô lại tới?”

Nàng không đáp.

“Cô không tới vì yêu tôi, tôi dám thế điều đó.”

“Hoàn toàn đúng. Nếu tôi tới vì yêu ông, nếu có bao giờ tôi yêu ông chân thành, nếu tôi vẫn còn yêu ông, tôi sẽ không

cảm ghét và kinh tởm chính mình như lúc này!... Tôi đã bị ông làm cho hoa mắt trong một lúc, tất cả chỉ có thể.”

Y nhún vai. Nàng nói tiếp :

“Tôi đã không hiểu ý định của ông cho tới khi quá muộn.”

“Đó là điều mà mọi người đàn bà đều nói.”

“Sao ông dám dùng những từ đó!” nàng kêu lên, quay phắt sang y, mắt nàng lóe lên khi tinh thần vẫn đang âm thầm ngủ (một ngày nào đó y sẽ nhìn thấy nó nhiều hơn) chợt bừng tinh giác trong nàng. “Lạy Chúa! Tôi có thể hất ông ra khỏi xe! Chẳng lẽ ông chưa bao giờ nghĩ ra rằng điều mọi người đàn bà đều nói một số đàn bà có thể cảm thấy hay sao?”

“Hay lắm” y nói, bật cười. “Tôi xin lỗi đã làm tổn thương cô. Tôi đã sai, tôi xin thừa nhận.” Y tỏ ra hơi cay đắng khi nói tiếp: “Chỉ có điều cô không cần liên tục ném nó vào mặt tôi như vậy. Tôi sẵn sàng trả tới cái giá cao nhất. Cô biết cô không cần làm việc trên đồng hay trong những trại bò sữa nữa. Cô biết cô có thể mặc những y phục đẹp nhất thay vì những thứ đồ đơn giản dạo gần đây, như thể cô không thể có một dải ruy băng mắc hơn tiền cô kiếm được.”

Mỗi nàng hơi nhếch lên, dù có chút khinh miệt, như một nguyên tắc, trong bản chất rộng rãi và bốc đồng của nàng.

“Tôi đã nói tôi sẽ không nhận bất cứ thứ gì khác từ ông nữa, và tôi sẽ không nhận... Tôi không thể! Tôi sẽ là người của ông nếu tiếp tục làm điều đó, và tôi sẽ không như thế!”

“Thiên hạ sẽ nghĩ cô là một nàng công chúa từ cung cách của cô, ngoài một d’Urberville thật sự, con dòng cháu giống - ha-ha! Được rồi, Tess thân yêu, tôi không thể nói thêm. Tôi cho rằng tôi là một gã tồi tệ - một gã tồi tệ chết tiệt. Tôi sinh ra tồi tệ, tôi đã sống tồi tệ, và tôi sẽ chết tồi tệ, trong mọi kh

nắng. Nhưng tôi xin hứa tôi sẽ không xử tệ với cô lần nữa, Tess à. Và nếu một tình huống cụ thể nào này sinh - cô hiểu mà - khi cô có một nhu cầu tối thiểu, một khó khăn tối thiểu, hãy gửi cho tôi một dòng thư, và cô sẽ có bất cứ thứ gì cô cần. Tôi có thể không ở Trantridge. Tôi sẽ tới Luân Đôn một thời gian. Tôi không thể chịu nổi bà cụ. Nhưng tất cả những lá thư sẽ được chuyển tới đó."

Nàng bảo rằng nàng không muốn y chờ nàng xa hơn nữa, và họ dừng lại ngay dưới khóm cây. D'Urberville xuống xe, và bế nàng xuống, sau đó đặt các thứ của nàng lên mặt đất cạnh nàng. Nàng hơi nghiêng người chào y, mắt nàng chỉ thoáng gấp mắt y, sau đó nàng quay lại, xách đồ đạc lên để đi tiếp.

Alec d'Urberville nhấc điếu xì gà khỏi miệng, cúi người về phía nàng và nói:

"Cô sẽ không quay đi như thế chứ! Tới đây nào!"

"Nếu ông muốn" nàng thờ ơ đáp. "Hãy xem ông đã khống chế tôi như thế nào!"

Nàng quay lại và ngẩng mặt lên, và giữ nguyên tư thế như một pho tượng đá bán thân trong lúc y đặt một nụ hôn lên má nàng - nửa chiếu lệ, nửa như thể sự say mê chưa hoàn toàn tắt hẳn. Mắt nàng mơ hồ đặt trên những hàng cây xa nhất trên con đường trong lúc y hôn, như thể nàng gần như vô thức về hành động của y.

"Giờ tới phía bên kia, vì tình quen biết cũ."

Nàng quay đầu với cùng cung cách thụ động trước đó, như một người có thể quay đầu theo yêu cầu của một người vẽ phác họa hoặc một thợ cắt tóc, và y hôn phía bên kia. Mỗi y chạm vào đôi má ấm, mịn, và mát lạnh, như vỏ của những cây nấm trong các cánh đồng xung quanh.

“Cô không cho tôi hôn môi và không hôn đáp lại tôi. Cô không bao giờ sẵn lòng làm điều đó, tôi e là cô sẽ không bao giờ yêu tôi.”

“Tôi đã nói như thế, thường xuyên. Đúng vậy. Tôi chưa bao giờ thật sự và chân thành yêu ông, và tôi nghĩ tôi không bao giờ có thể” nàng buồn bà nói thêm. “Có lẽ trong tất cả mọi điều, một lời nói dối về chuyện này sẽ mang lại lợi ích cao nhất cho tôi hiện giờ; nhưng tôi còn đủ danh dự, dù là ít ỏi, để không nói lời dối trá đó. Nếu tôi yêu ông, tôi có thể có những lý do tốt nhất để nói cho ông biết điều đó. Nhưng tôi không yêu.”

Y thở một hơi nặng nhọc, như thể cảnh tượng này đang trở nên quá nặng nề đối với quả tim, hoặc lương tâm, hoặc địa vị tôn quý của y.

“Cô đang buồn rầu một cách phi lý, Tess à. Giờ tôi không có lý do gì để tâng bốc cô, và tôi có thể nói thẳng rằng cô không cần quá buồn như thế. Cô có thể dùng sắc đẹp của mình chống lại bất cứ người phụ nữ nào quanh đây, dù là trung lưu hay thường dân; tôi nói điều này với tư cách một người thiết thực và có thiện chí. Nếu khôn ngoan, cô sẽ phô bày nó với thế gian nhiều hơn nữa trước khi nó phai tàn... Và còn nữa, Tess này, cô quay lại với tôi nhé! Nói thật lòng, tôi không thích để cho cô đi như thế này!”

“Không bao giờ, không bao giờ! Tôi đã quyết định ngay khi tôi nhìn thấy... điều mà đáng lẽ tôi phải nhìn thấy sớm hơn; và tôi sẽ không tới đó.”

“Vậy chào cô nhé, cô em họ bốn tháng của tôi... tạm biệt!”

Y nhẹ nhàng nhảy lên xe, sửa soạn dây cương, và biến mất giữa những bờ giậu cao trống bằng cây quả mọng đó.

Tess không nhìn theo y mà chậm chạp xuôi theo con đường mòn quanh co. Trời vẫn còn sớm, và dù mép dưới của mặt trời vừa ló dạng trên đồi, những tia sáng của nó, gay gắt và soi mói, khiến con mắt khó chịu còn hơn bị chạm vào. Không có người nào gần đó. Tháng Mười u buồn và bàn thân buồn hơn của nàng đường như là hai sự hiện hữu duy nhất có mặt trên con đường mòn đó.

Tuy nhiên, trong lúc nàng thả bước, có tiếng chân đang tới gần sau lưng nàng, tiếng chân của một người đàn ông; và do đi nhanh, gà đã tới sát gót nàng và cất tiếng “Chào buổi sáng” trước khi nàng nhận thấy sự gần gũi của gà. Trông gà có vẻ như một dạng thợ thủ công nào đó; trên tay cầm một cái lọ thiếc đựng sơn đỏ. Gà mau mắn hỏi gà có thể xách giùm nàng cái giò hay không. Nàng đồng ý, và đi bên cạnh gà.

“Còn quá sớm để trở dậy vào buổi sáng lê xa-ba này!” gà vui vẻ nói.

“Phải.”

“Khi hầu hết mọi người còn đang nghỉ ngơi sau một tuần làm việc.”

Nàng cũng đồng ý với điều này.

“Dù hôm nay tôi làm nhiều việc thật sự hơn cả một tuần làm việc khác.”

“Vậy sao?”

“Suốt cả tuần tôi làm việc cho sự vê vang của con người, và vào Chủ nhật cho sự vê vang của Chúa. Việc đó thật hơn việc kia, phải không nào? Tôi có chút ít việc phải làm ở đây, tại cái buô trèo này.” Trong lúc nói, gà quay về phía một khoảng trống ở ven đường dẫn vào một cánh đồng cỏ. “Xin cô chờ một lát,” gà nói thêm, “không lâu đâu.”

Vì gà đang giúp xách cái giò, nàng không thể làm gì khác; và nàng vừa chờ vừa quan sát gà. Gà đặt cái giò của nàng và lọ sơn xuống, khuấy sơn với cây cọ nằm sẵn trong lọ rồi bắt đầu vẽ những chữ hoa to trên tấm bảng ở giữa trong số ba tấm tạo thành cái buc trèo, đặt một dấy phẩy sau mỗi từ, như thể tạm dừng trong lúc từ đó đang được chuyển tải tới tâm hồn của người đọc:

TỘI LỖI, CỦA, NGƯỜI, KHÔNG, NGÚ.

2 PET. II. 3.⁽¹⁾

Những từ màu đỏ son lỗ lộ này tỏa sáng trên phong cảnh thanh bình, sắc màu nhợt nhạt, hư hao của những bãi trống cây làm chất đốt, bầu không khí xanh lơ của chân trời, và những tấm bảng ghép thành cái buc trèo phủ kín địa y. Đường như chúng đang hét to và làm chấn động bầu không khí. Một số người có thể kêu lên “Ôi trời, thuyết thân học khốn khổ!” trước sự mất thể diện ghê gớm này - cụm từ lố bịch cuối cùng của một giáo điều từng phục vụ tốt nhân loại vào thời của nó. Nhưng những từ này đi vào đầu Tess với một nỗi kinh hoàng. Như thể người đàn ông này đã biết tiểu sử gần đây của nàng; thế nhưng gà là một người hoàn toàn xa lạ.

Viết xong, gà nhặt cái giò lên, và nàng tự động bước tiếp bên cạnh gà.

“Ông có tin những gì ông viết không?” nàng khẽ hỏi.

“Tin câu đó hả? Tôi tin vào sự tồn tại của chính mình!”

“Nhưng,” nàng run run nói, “giả sử tội lỗi của ông không phải do chính ông tìm kiếm thì sao?”

1. Nguyễn văn: “THEY, DAMNATION, SLUMBERETII, NOT”; một đoạn trích dẫn từ Kinh Thánh (2 Peter 2:3)

Gã lắc đầu.

“Tôi không thể chè sợi tóc làm tư về câu hỏi quan trọng đó” gã đáp. “Tôi đã đi bộ hàng trăm dặm trong mùa hè vừa rồi, viết những chữ này trên từng bức tường, cánh cổng và bức trèo ở mọi nơi trong huyện này. Tôi nhường việc tìm hiểu ý nghĩa của chúng cho quả tim của những người đọc chúng.”

“Tôi nghĩ chúng thật khùng khiếp” Tess nói. “Nghiền nát! Gây chết chóc!”

“Đó chính là cái chúng được dự định là!” gã đáp với vẻ chuyên nghiệp. “Nhưng cô nên đọc những từ cột cán nhất của tôi - tôi để dành chúng cho mấy khu nhà ổ chuột và những hẻm càng. Chúng sẽ khiến cô quắn quại! Dù sao đây là một đoạn trích rất tốt cho những huyện nông thôn... À, có một khoảng tường trắng cạnh cái kho thóc đang bị lèng phí. Tôi phải đặt một đoạn ở đó - một đoạn mà những cô gái trẻ nguy hiểm như cô nên lưu ý. Cô sẽ đợi chứ, cô gái?”

“Không” nàng đáp, và tiếp tục lê bước sau khi lấy lại cái giỏ. Đi được một quãng ngắn, nàng quay đầu lại. Bức tường cũ xám xịt bắt đầu phô bày một dòng chữ này lửa tương tự như dòng đầu tiên, với một sắc thái lạ lùng và hiếm thấy, như thể đau khổ với những bốn phận nó chưa từng bị buộc phải thực hiện. Nàng đột nhiên đỏ mặt khi đọc và nhận ra dòng chữ mà lúc này gã đang viết dở dang:

NGƯỜI, KHÔNG, ĐƯỢC, THỰC HIỆN...⁽¹⁾

Người bạn vui tính của nàng trông thấy nàng đang nhìn, dừng cọ lại, và la lớn:

1. Nguyên văn: “THY, SHALL, NOT, COMMIT (adultery)...” (Người không được ngoại tình): một trong Mười Điều Răn của Kinh Thánh.

“Nếu cô muốn hỏi để soi sáng những câu phù du này, có một người đàn ông rất tốt bụng, đứng đắn sẽ giảng một bài thuyết giáo về lòng nhân ái vào hôm nay ở xứ đạo cô sắp tới, ông Clare ở Emminster. Giờ tôi chưa phải là người tin tưởng ông ta, nhưng ông ta là một người tốt, và ông ta sẽ giải thích tốt như bất cứ cha xứ nào tôi biết. Chính ông ta đã gợi ý cho tôi về công việc này.”

Nhưng Tess không đáp; nàng đi tiếp, tim đập mạnh, mắt dán xuống đất. “Xì... mình không tin Chúa Trời nói những điều như thế!” nàng lầm bẩm với vẻ khinh thị khi vết ửng đỏ trên mặt nàng đã tan đi.

Một làn khói đột ngột tỏa lên từ ống khói nhà nàng. Cảnh tượng đó khiến tim nàng đau nhói. Tình cảnh bên trong, khi nàng tới cửa, khiến tim nàng càng đau hơn nữa. Mẹ nàng, vừa mới xuống nhà dưới, quay lại chào nàng từ bếp lò, nơi bà đang nhóm lửa những miếng vò sôi dưới ấm nước. Các em nàng vẫn còn ở bên trên, cả cha nàng cũng vậy. Vì đang là sáng Chủ nhật, ông cảm thấy có lý do chính đáng để nằm thêm nửa giờ nữa.

“Ô! Tess yêu của má!” bà mẹ ngạc nhiên kêu lên, bước vội tới và hôn con gái. “Con có khỏe không? Lâu nay má không gặp con cho tới khi con thình lình xuất hiện trước mặt! Con về nhà để chuẩn bị kết hôn à?”

“Không. Con về không phải vì chuyện đó, má à.”

“Vậy cho một kỳ nghỉ phép?”

“Phải, cho một kỳ nghỉ; một kỳ nghỉ dài.”

“Gi chú, không phải anh họ con sắp thực hiện cái việc tốt đẹp đó sao?”

“Ông ta không phải anh họ của con, và ông ta sẽ không cưới con đâu.”

Mẹ nàng nheo mắt.

“Nào, con chưa kể hết với má.”

Thế là Tess tới bên mẹ, áp mặt vào cổ bà, và kể.

“Thế mà con không buộc cậu ta phải lấy con!” bà mẹ lặp lại. “Bất cứ người phụ nữ nào cũng sẽ làm điều đó, ngoài con, sau chuyện đó!”

“Có lẽ là như vậy.”

“Chúng ta sẽ còn quay lại câu chuyện này, nếu sự tình là vậy!” bà Durbeyfield nói tiếp, sẵn sàng khóc òa lên vì tức tối. “Sau tất cả những gì đã tới tai mọi người ở đây về con và cậu ta, ai mà nghĩ nó lại kết thúc như vậy! Vì sao con không nghĩ tới việc làm một điều gì đó có ích cho gia đình thay vì chỉ nghĩ tới bản thân con? Hãy nhìn xem má đã vất vả như tôi mọi thế nào, và người tía ốm yếu tội nghiệp của con với quả tim bị lấp kín như một cái khay hứng mỡ thịt quay. Má đã hy vọng về một kết quả tốt đẹp! Hãy nghĩ xem con và cậu ta là một cặp đáng yêu biết chừng nào vào hôm đó, khi con ngồi lên xe đi xa hồi bốn tháng trước! Hãy nghĩ xem cậu ta đã cho chúng ta những gì - tất cả, như chúng ta nghĩ, vì chúng ta là họ hàng của cậu ta. Nhưng nếu không phải vậy, cậu ta đã làm điều đó vì tình yêu dành cho con. Thế mà con không buộc cậu ta phải lấy con!”

Buộc Alec d'Urberville phải nghĩ tới việc lấy nàng! Y lấy nàng! Y chưa bao giờ nói lời nào về vấn đề hôn nhân. Và nếu có thì sao chứ? Nàng không thể nói việc hối hả chộp lấy một sự cứu giúp về mặt xã hội có thể buộc nàng phải trả lời y như thế nào. Nhưng bà mẹ ngốc nghếch tội nghiệp của nàng biết quá ít về cảm giác hiện tại của nàng đối với người đàn ông đó. Có lẽ nó bất bình thường trong các tình huống, không may mắn, không thể lý giải; nhưng nó có thật; và điều này,

như nàng đã nói, là cái khiến nàng căm ghét chính mình. Nàng chưa bao giờ hoàn toàn quan tâm tới y; hiện giờ nàng không hề quan tâm tới y. Nàng đã khiếp sợ y, nhăn mặt trước y, chịu thua cách y khéo léo lợi dụng sự bất lực của nàng; sau đó, nhất thời mù quáng vì thái độ nồng nhiệt của y, nàng đã bị đẩy tới chỗ lúng túng đầu hàng trong một thời gian; đã đột ngột khinh bỉ và không ưa y, và bỏ chạy. Tất cả chỉ có thể. Nàng không hoàn toàn ghét y; nhưng với nàng y chỉ là tro bụi, và thậm chí vì cái tên của mình, nàng hối như không hề mong muốn lấy y.

“Lẽ ra con phải cẩn trọng hơn nếu con không định buộc cậu ta lấy con!”

“Ôi trời, má ơi, má của con ơi!” cô gái đau khổ kêu lên, quay phắt sang mẹ mình như thể quả tim khốn khổ của nàng sẽ vỡ tan. “Làm sao má mong con có thể biết chứ? Con chỉ là một đứa trẻ khi rời khỏi nhà bốn tháng trước. Vì sao má không nói cho con biết có những nguy cơ ở bọn đàn ông? Vì sao má không cảnh báo con? Các quý cô biết phải né tránh cái gì, vì họ đọc những cuốn tiểu thuyết vốn nói cho họ biết những trò lừa đảo đó; nhưng con chưa bao giờ có cơ hội hiểu biết theo cách đó, và má đã không giúp con!”

Mẹ nàng dịu lại.

“Má nghĩ nếu má nói về những cảm giác ưa thích của cậu ta và điều chúng có thể dẫn tới, con sẽ tỏ ra kiêu ngạo với cậu ta và đánh mất cơ hội của mình” bà lẩm bẩm, đưa vạt tạp dề lên lau nước mắt. “Được rồi, má cho là chúng ta phải tận dụng những gì tốt đẹp trong chuyện này. Nói cho cùng, đó là tự nhiên, và điều làm hài lòng Thiên Chúa!”

Chương 13

Sự kiện Tess Durbeyfield trở về từ điền trang của những người bà con già hiệu được đồn ra bên ngoài, nếu lời đồn không phải là một từ quá to tát đối với không gian một dặm vuông. Chiều hôm đó, nhiều thiếu nữ ở Marlott - các bạn học và người quen cũ của Tess - tới thăm nàng với những bộ đồ đẹp nhất đã được hổ bột và ủi để xứng với tư cách những vị khách của một kẻ đã thực hiện một cuộc chinh phục vô tiền khoáng hậu (như họ nghĩ). Họ ngồi quanh căn phòng và tò mò nhìn nàng. Chính cái thực tế rằng kẻ mà người ta bảo là ông anh họ đó, quý ông d'Urberville, đã phải lòng nàng, một quý ông không hoàn toàn là người địa phương, rồi tai tiếng của anh ta với tư cách một gã nịnh đầm táo bạo và sờ khanh đang bắt đầu lan ra khỏi những ranh giới của vùng Trantridge, đã mang tới cho địa vị già định của Tess, bởi tính chất đáng sợ của nó, một sức mê hoặc cao hơn nhiều nếu nó không nguy hiểm.

Sự quan tâm của họ sâu sắc đến độ những cô gái thì thầm với nhau khi nàng quay lưng lại:

“Chỉ thật xinh đẹp; và cái áo đẹp đó làm tôn thêm vẻ đẹp ấy biết bao nhiêu! Tôi tin là nó đáng giá cả một món tiền to, và là một món quà của ông ta.”

Do đang đi lấy các thứ để chuẩn bị trà từ cái tủ ngăn ở góc phòng, Tess không nghe thấy những nhận xét này. Giá như nàng nghe được, có lẽ nàng sẽ sớm giải thích cho các bạn của mình hiểu đúng vấn đề. Nhưng mẹ nàng đã nghe thấy, và tính tình phù phiếm giàn đơn của Joan, sau khi đã khước từ niềm hy vọng về một cuộc hôn nhân chớp nhoáng, cố tự nuôi dưỡng chính nó càng nhiều càng tốt bằng cảm giác về một cuộc tán tỉnh chớp nhoáng. Nói chung bà cảm thấy hài lòng, dù một thắng lợi hạn chế và chóng tàn như thế sẽ liên lụy tới thanh danh của con gái bà; nó vẫn có thể kết thúc bằng hôn nhân, và với mong muốn nhiệt tình đắp lại sự ngưỡng mộ của họ, bà mời họ ở lại dùng trà.

Tiếng trò chuyện râm ran, tiếng cười, những lời bóng gió vui vẻ của họ, và trên hết, những cảm xúc ghen tị không thể che giấu của họ đã giúp Tess lấy lại tinh thần; khi buổi chiều tối với dân, sự phẫn khích của họ cũng lây nhiễm sang nàng, và nàng hâu như trở nên vui vẻ. Vẻ mặt lạnh lùng như đá biến mất, nàng xúc động khi nhớ lại bước chân chim sáo tung tăng của thời thiếu nữ xa rồi, và đỏ mặt, với toàn bộ vẻ đẹp thanh xuân của mình.

Thỉnh thoảng, dù đang suy nghĩ, nàng trả lời những câu hỏi của họ với thái độ của một kẻ bể trên, như thể thừa nhận rằng những trải nghiệm của nàng trong lĩnh vực ái tình thật sự đáng ghen tị. Nhưng, như lời của Robert South⁽¹⁾, nàng còn cách xa tình trạng “yêu sự băng hoại của chính mình”, đến độ ảo tưởng đó ngắn ngủi như tia chớp; lý trí lạnh lùng quay lại để chế giễu sự yếu đuối bất chợt của nàng; sự kinh khủng từ niềm tự hào nhất thời của nàng kết án nàng, và nhắc nàng quay lại với thái độ lành đạm.

1. Robert South (1634 - 1716) là mục sư và nhà thơ viết bằng tiếng Latin người Anh.

Và bình minh sáng hôm sau thật đáng chán chường, khi ngày Chủ nhật không còn nữa, mà là ngày thứ Hai, và không còn những quần áo đẹp; và các vị khách vui nhộn đã đi rồi; nàng thức giấc một mình trên cái giường cũ, lù em ngày thơ thở nhẹ nhẹ quanh nàng. Thay cho sự phấn khích khi được trở về nhà, và sự thú vị nó khơi gợi ra, nàng nhìn thấy phía trước mình một con đường dài sỏi đá mà nàng phải bước qua, không có sự trợ giúp nào, và rất ít cảm thông. Sự chán nản khi đó thật kinh khủng, đến độ nàng có thể ẩn mình trong một ngôi mộ.

Trong vòng vài tuần, Tess đã lấy lại tinh thần, đủ để xuất hiện ở nhà thờ vào sáng Chủ nhật, vì đó là điều cần thiết. Nàng thích nghe hát thánh ca - như đã từng thích - cùng những bài Thánh thi cũ, và tham gia hát bài Tụng ca Buổi sáng. Tình yêu giai điệu bẩm sinh kế thừa từ người mẹ thích hát ballad của nàng mang đến cho thứ âm nhạc đơn giản nhất một quyền năng đối với nàng. Đôi lúc, hầu như nó có thể lôi tim nàng ra khỏi lồng ngực.

Để tránh bị quan sát càng nhiều càng tốt vì những lý do riêng, cũng như để thoát khỏi sự ve vãn của đám thanh niên, nàng xuất phát trước khi chuông đổ, chọn một chỗ ngồi phía sau, bên dưới hành lang, gần đống gò xè, nơi chỉ có những người lớn tuổi tới, và nơi dựng đứng cái bục kê quan tài giữa những khí cụ tang lễ khác.

Những giáo dân trong xứ đạo lần lượt tiến vào theo từng nhóm hai hoặc ba người, quỳ xuống thành từng hàng trước mặt nàng, tựa trán lên nền nhà khoảng ba phần tư phút như thể đang cầu nguyện, dù họ không cầu nguyện; rồi ngồi dậy, và nhìn quanh. Khi những bài Thánh ca được cất lên, một trong những bài nàng thích nhất tình cờ được chọn trong

số còn lại - bài Thánh ca hai đoạn cũ “Langdon”⁽¹⁾ - nhưng nàng không biết nó được gọi là gì, dù nàng rất muốn biết. Nàng nghĩ, không diễn đạt chính xác bằng từ ngữ, quyền năng của một nhạc sĩ thật lạ lùng và giống như thần thánh. Từ huyệt mộ, ông ta có thể dẫn dắt qua những chuỗi cảm xúc, mà thoát tiên chỉ mình ông cảm nhận được, một cô gái như nàng, kẻ chưa bao giờ nghe thấy tên ông ta, và chưa bao giờ biết chút manh mún nào về con người của ông ta.

Những người đã quay đầu về phía sau lại quay đầu lần nữa khi buổi lễ tiếp tục; và cuối cùng khi quan sát nàng, họ thì thào với nhau. Nàng biết họ đang thì thào về chuyện gì, cảm thấy đau khổ, và cảm thấy nàng không thể tới nhà thờ được nữa.

Căn phòng ngủ mà nàng chia sẻ với một số đứa em thường xuyên trở thành nơi ẩn dật của nàng hơn bao giờ hết. Tại đây, dưới vài thước vuông mái tranh, nàng quan sát đầy đủ những làn gió, trận tuyết và cơn mưa, những buổi hoàng hôn rực rỡ, và những chu kỳ của mặt trăng. Nàng sống khép kín đến nỗi rốt cuộc hầu như mọi người đều nghĩ rằng nàng đã đi xa.

Hoạt động duy nhất của Tess ở thời điểm này diễn ra sau khi trời tối; và chính lúc đó, khi ở trong rừng, đường như nàng ít cô độc nhất. Nàng biết cách xác định gần như chính xác thời điểm đó của chiều hôm, khi ánh sáng và bóng tối ngang bằng nhau đến mức sự cầu thúc của ngày và sự chờ đợi của đêm vô hiệu hóa lẫn nhau, để lại sự tự do tinh thần tuyệt đối. Chính lúc đó tình cảnh tuyệt vọng của việc đang hiện hữu tan loãng tới những chiều kích tối thiểu có thể có

1. Nguyên văn: double chant, một dạng Thánh ca trong nhà thờ Anh giáo; gồm hai đoạn ca từ và có độ dài gấp đôi bình thường. Trong trường hợp này bài Thánh ca được gọi theo tên của nhạc sĩ, Robert Langdon (1730 - 1803).

của nó. Nàng không hề sợ bóng tối; dường như ý tưởng duy nhất của nàng là tránh xa loài người - hoặc đúng hơn là cái khối kết tập lạnh lẽo gọi là thế giới, vốn rất kinh khủng khi xét trên tổng thể, nhưng lại không đáng sợ chút nào, thậm chí còn đáng thương hại, ở những đơn vị của nó.

Trên những ngọn đồi và thung lũng quanh quẽ này, bước đi thinh lặng của nàng trở thành một với môi trường mà nàng tiến vào. Hình dáng uyển chuyển và rón rén của nàng trở thành một thành phần không thể thiếu của cảnh vật. Đôi khi trí tưởng tượng phong phú của nàng gia tăng ý nghĩa cho những quá trình tự nhiên xung quanh cho tới khi chúng có vẻ như là một phần câu chuyện riêng của nàng. Đúng hơn, chúng trở thành một phần của nó; bởi thế gian chỉ là một hiện tượng tâm lý, và chúng chính là những gì chúng có vẻ là. Những cơn gió và trận cuồng phong, rên rỉ giữa các chồi non chưa hé và vỏ của những nhánh cây mùa đông, là lời trách móc đắng cay. Một ngày mưa gió là biểu hiện của nỗi đớn đau vô phương cứu chữa về sự yếu đuối của nàng trong tâm trí của một đấng đạo đức mơ hồ nào đó, kẻ mà nàng không thể xác định có phải là Thần linh thời thơ ấu của nàng hay không, và không thể hiểu thấu như bất kỳ người nào khác.

Nhưng sự bao gồm này về hình ảnh và tính cách của chính nàng, dựa trên các mảnh vụn của quy ước, đầy những ảo ảnh và giọng nói có ác cảm với nàng, là một sáng tạo lầm lạc và đáng buồn trong trí tưởng tượng của Tess - một bầy yêu tinh đạo đức khiến nàng kinh hãi không vì lý do gì. Chính chúng mới bắt hài hòa với thế giới thật sự, chứ không phải nàng. Khi bước đi giữa lũ chim đang thiếp ngủ trong những hàng giậu, quan sát lũ thỏ nhảy tung tăng trên những cái hang thỏ sáng ánh trăng, hoặc đứng dưới một cành cây trùi nặng những con chim trĩ, nàng thấy mình giống như hình ảnh của

Tội Lỗi đang xâm nhập vào những nơi lui tới của Sự Vô Tội. Nhưng suốt thời gian đó, nàng chỉ tạo ra một khác biệt ở nơi không có khác biệt nào. Tự cảm thấy mình nằm trong sự đối kháng, nàng hoàn toàn nằm trong sự hòa hợp. Nàng được tạo nên để phá vỡ một quy luật xã hội đã được thừa nhận, nhưng môi trường trong đó nàng hình dung mình là một kẻ dị thường không hề biết đến quy luật nào cả.

Chương 14

Đó là một ngày sương mù ủ nắng. Hơi nước ban đêm dày đặc hơn, bị những tia nắng ấm tấn công, phân ly và co lại thành những cụm lẻ loi trong những lũng nhỏ và lùm cây, nơi chúng chờ đợi cho tới khi bị hong khô rồi tan biến hết.

Vì sương mù, trông mặt trời có vẻ như một cá nhân có tri giác, đòi hỏi một danh xưng giống đức phù hợp với biểu hiện của nó. Hiện trạng này, cộng thêm sự thiếu vắng hình dáng con người của cảnh vật, trong khoảnh khắc lý giải cho tục thờ mặt trời thuở xa xưa. Người ta có thể cảm thấy rằng một tín ngưỡng thiêng liêng hơn chưa bao chiếm ưu thế bên dưới bầu trời. Vì sao sáng này là một sinh thể giống như thần linh, có một mái tóc vàng, đôi mắt dịu hiền, tỏa sáng, đang say sưa hăm hở nhìn xuống địa cầu, nơi trở nên đầy thú vị đối với nó.

Giây lát sau, ánh sáng của nó luồn qua khe hở của mấy cánh cửa chớp, hắt những dải giống như chiếc que cời lửa nóng đỏ lên tủ chạn, tủ ngăn và các thứ đồ đặc khác bên trong, rồi đánh thức những người thợ gặt chưa sẵn sàng trở dậy.

Nhưng trong số mọi thứ bừng lên sắc đỏ sáng hôm đó, rực rỡ nhất là hai thanh gỗ rộng quét sơn nhô lên từ rìa của cánh đồng lúa mì cạnh thôn Marlott. Cùng với hai thanh bên

dưới, chúng tạo thành cánh quạt hình thập tự Maltese của cái máy gặt lúa đã được mang ra đồng vào chiều hôm trước để sẵn sàng cho những hoạt động hôm nay. Màu sơn của chúng được ánh nắng tăng cường thêm sắc độ, khiến chúng trông như thể được nhúng trong lửa lỏng.

Cánh đồng đã được “mở”; nghĩa là thôn dân đã cắt lúa mì quanh chu vi của cánh đồng để mở một con đường rộng vài bộ dành cho ngựa và máy móc.

Hai nhóm, một gồm đám đàn ông và trai tráng, một toàn là phụ nữ, đi xuôi theo con đường vừa đúng lúc bóng của đầu bờ giậu hướng đông đã kéo dài được nửa phần đường tới bờ giậu phía tây, khiến đầu họ tiếp nhận được ánh nắng trong lúc chân họ vẫn còn chìm trong ánh ban mai. Họ biến mất khỏi con đường giữa hai cột đá nằm bên sườn của cánh cổng ra đồng gần nhất.

Ngay sau đó, từ mé bên trong nổi lên tiếng lao xao như tiếng gọi bạn tình của lũ châu chấu. Cỗ máy bắt đầu hoạt động. Ba con ngựa được nối vào nhau và cỗ máy lung lay nổi trên xuất hiện bên trên cánh cổng, một người lái máy ngồi trên lưng một trong số đàn ngựa kéo máy, và một phụ lái trên ghế của cỗ máy. Nó di chuyển dọc theo một phía của cánh đồng, những cánh quạt của cái máy gặt quay chầm chậm, cho tới khi nó đi qua mé dưới đồi và hoàn toàn ở bên ngoài tầm nhìn. Giây lát sau, nó lại xuất hiện ở phía khác của cánh đồng, với tốc độ đều đều như cũ; ngôi sao đồng lấp lánh gần trên trán của con ngựa đi đầu lọt vào tầm quan sát khi nó hiện ra bên trên những gốc rạ, tới các cánh quạt sáng chói, rồi toàn bộ cỗ máy.

Con đường hẹp đầy gốc rạ bao quanh cánh đồng mở rộng ra sau từng vòng, và lượng cây lúa mì dần dần thu hẹp thành một khu vực nhỏ hơn khi buổi sáng trôi đi. Lũ thỏ rừng, rắn,

chuột đồng, và chuột nhắt rút lui vào phía trong như lui vào một pháo đài, không biết nơi ẩn náu của chúng chỉ là tạm bợ và cái chết đang chờ đón chúng; nơi lẩn trốn của chúng ngày càng co nhỏ lại, và chúng dồn sát vào nhau, dù là bạn hay thù, cho tới khi vài thước lúa mì chưa cắt cuối cùng cũng gục xuống dưới bộ răng của cồ máy luôn chính xác, chúng lần lượt bị giết chết bằng gậy và đá của những người thợ gặt.

Cồ máy gặt lúa bỏ lại phía sau nó những đống lúa nhỏ, mỗi đống dù để cột thành một bó. Những người bó lúa chủ yếu là phụ nữ, nhưng cũng có vài người đàn ông mặc áo sơ mi vải và quần dài cài dây da quanh eo, chừa lại hai cái nút vô dụng phía sau, và chúng sáng lấp lánh dưới ánh nắng theo từng cử động của mỗi cá nhân, như thể chúng là một đôi mắt trên eo lưng của anh ta.

Nhưng những người thuộc giới tính kia mới là người thợ bó lúa thú vị nhất, do sự quyến rũ mà một phụ nữ thu đắc khi nàng ta trở thành một phần thiết yếu của thiên nhiên, và không đơn giản là một đối tượng hiện diện ở đó như những lúc bình thường. Một người đàn ông làm đồng là một cá nhân cụ thể trên đồng; người phụ nữ làm đồng lại là một phần của cảnh đồng; theo cách nào đó, cô ta đã đánh mất ranh giới của chính mình, hấp thu tinh túy của môi trường, và đồng hóa bản thân với nó. Những người phụ nữ - hay đúng hơn, những cô gái, vì hầu hết đều còn trẻ - đội nón vải hoa với những tấm vải màn pháp phoi để ngăn ánh nắng, và mang găng tay để tránh bị thương bởi gốc rạ. Người này mặc áo khoác màu hồng nhạt, người kia mặc áo dài tay bó màu kem, người thứ ba mặc váy dài đỏ như các cánh quạt của máy gặt; những người khác, lớn tuổi hơn, mặc áo liền quần nâu nhạt - thứ trang phục lâu đời và phù hợp của phụ nữ làm đồng mà đám trẻ hơn đã từ bỏ. Sáng nay những con mắt bắt

giác quay sang cô gái mặc áo khoác vải màu hồng, nàng là người có thân hình uyển chuyển và cân đối nhất trong số họ. Nhưng cái nón của nàng bị kéo sụp xuống, sâu đến độ không ai có thể nhìn thấy mặt nàng trong lúc nàng bó lúa, dù người ta có thể đoán nước da của nàng từ một hai lọn tóc nâu sầm ló ra bên dưới tấm vải màn của cái nón. Có lẽ nàng thu hút sự chú ý ngẫu nhiên là vì nàng không bao giờ màng tới nó, dù những cô gái khác thường đưa mắt nhìn ngó xung quanh.

Nàng làm việc với sự đều đẽu đơn điệu của một cái đồng hồ. Nàng rút ra từ bó lúa vừa cột một nắm thán lúa, đưa lòng bàn tay vỗ nhẹ để đầu của chúng đều nhau. Rồi nàng lom khom bước tới, bàn tay trái đeo găng thọc vào dưới một bó lúa khác và nắm chặt bàn tay phải, giữ bó lúa trong vòng tay như ôm một người tình. Nàng quỳ gối trên bó lúa để cột hai đầu dây lại, và thỉnh thoảng kéo vạt váy xuống khi gió nâng nó lên. Một phần nhỏ cánh tay trần của nàng lộ ra giữa cái găng tay bằng da bò và ống tay áo; và khi ngày dần trôi, làn da mịn của nó trở nên xây xước, rỉ máu vì gốc rạ.

Vào những lúc giải lao, nàng đứng lên, sửa lại tấm tạp dề xộc xệch, hay kéo thẳng cái nón. Khi đó người ta có thể nhìn thấy gương mặt trái xoan của một cô gái trẻ xinh đẹp, với đôi mắt đen sâu thẳm và những lọn tóc dày nặng mà dường như ôm chặt lấy bất cứ thứ gì chúng rù lên theo một cách thức đượm vẻ van nài. Đôi má hơi xanh xao hơn, hai hàm răng đều hơn, và đôi môi mỏng hơn so với một cô gái sinh trưởng ở thôn quê bình thường.

Đó chính là Tess Durbeyfield, hoặc d'Urberville, đã hơi thay đổi chút xíu - cũng vẫn vậy, nhưng lại không phải vậy; hiện tại nàng sống như một người xa lạ tại đây, dù Marlott không phải là miền đất lạ. Sau một thời gian dài ẩn dật, nàng đã quyết định ra ngoài làm việc, ngay trong thôn nhà

của mình. Mùa bận rộn nhất trong năm của thế giới nông nghiệp đã tới, và không việc gì nàng có thể làm trong nhà mang tới thu nhập hậu hĩnh trong thời điểm đó bằng gặt lúa trên đồng.

Cử động của những phụ nữ khác cũng ít nhiều giống như của Tess, toàn nhóm tập trung gần nhau như những vũ công trong một vũ điệu bốn cặp; mỗi người hoàn tất bó lúa của mình và đặt nó ở đầu số bó lúa còn lại, cho tới khi đủ một đồng, hoặc một “chục”, như nó được gọi, gồm khoảng mười tới mười hai bó lúa.

Họ nghỉ tay ăn sáng, rồi quay lại, và công việc tiếp diễn như trước. Khi gần tới mười một giờ, một người nào đó đang quan sát Tess có thể nhận thấy thỉnh thoảng nàng liếc mắt nhìn lên sườn đồi, dù vẫn không ngơi tay cột lúa. Gần suýt soát giờ đó, đầu của một đám trẻ con từ sáu tới mười bốn tuổi ló dạng trên sườn đồi nhấp nhô.

Mặt của Tess hơi ửng đỏ, nhưng nàng vẫn không ngưng làm việc.

Đứa lớn nhất trong số đám trẻ tới nơi, một bé gái choàng khăn tam giác, với góc khăn kéo lê trên gốc rạ, bế trên tay một thứ thoát nhín giống như một con búp bê, nhưng thật ra là một em bé sơ sinh mặc quần áo hơi dài. Một đứa khác mang tới thức ăn trưa. Những người thợ gặt ngưng làm việc, lấy thức ăn ra và ngồi tựa lưng vào đống lúa của mình. Đàn ông lôi ra một cái vại bằng đá, và chuyển tay nhau cốc bia.

Tess Durbeyfield là một trong những người cuối cùng ngưng làm việc. Nàng ngồi xuống ở cuối đống bó lúa, hơi xoay mặt về phía không có các bạn thợ gặt. Một người đàn ông đội nón da thò, với một cái khăn tay đù nhét vào thắt

lưng, giơ một ly bia qua đinh đống lúa mòi nàng, nhưng nàng từ chối. Ngay khi bữa ăn trưa được bày ra, nàng gọi đứa em gái lớn tới trao em bé cho mình. Mừng vì thoát được gánh nặng, nó đi sang đống lúa kế bên để tham gia với đám trẻ khác đang chơi ở đó. Với một cử động len lén nhưng quả cảm, và với nét ửng đỏ nhiều hơn trên mặt, Tess cởi nút áo ra và bắt đầu cho em bé bú.

Những người đàn ông ngồi gần nhất ý tứ quay mặt về phía đầu kia của cánh đồng, một vài người bắt đầu hút thuốc; một người lơ đãng vuốt ve cái vại không còn giọt bia nào. Tất cả phụ nữ trừ Tess vừa chuyện trò rôm rả vừa chỉnh lại những nút thắt bị lệch của mái tóc.

Khi em bé đã bú no nê, người mẹ trẻ đặt nó ngồi thẳng trên đùi mình và nhìn về phía xa xa, nhẹ nhàng đưa nó với vẻ thờ ơ chán nản, gần như ghét bỏ; rồi đột nhiên nàng hôn nó chùng chực, cả chục cái mỗi lần, như thể nàng không bao giờ có thể lìa xa nó; em bé òa khóc trước những cái hôn mạnh bạo kết hợp một cách lạ lùng giữa tình yêu thắm thiết và sự khinh rẻ.

“Chi yêu mến đứa bé, dù chi có thể già vờ ghét nó, và nói rằng chi ước gì nó và cả chi nằm trong nghĩa trang” người phụ nữ mặc váy đỏ nói.

“Cỗ sê sớm từ bỏ câu nói đó” người mặc áo liền quần đáp. “Thật kỳ diệu khi một cơ thể có thể quen với chuyện đó vào đúng lúc!”

“Tôi cho là trong vụ này có chút tính chất cưỡng ép ngoài việc thuyết phục. Có những người nghe thấy tiếng khóc nức nở vào một đêm nọ năm ngoái trong rừng The Chase; và có thể sẽ khó xảy ra chuyện đó nếu mọi người cùng đi với chi.”

“Ồ, ít hay nhiều là thế, thật ngàn lần đáng tiếc khi nó xảy ra với chỉ, trong số tất cả những người khác. Nhưng nó luôn xảy ra với người xinh đẹp nhất! Những người xấu xí có thể an toàn như những nhà thờ - phải không, Jenny?” cô ta quay sang một cô gái trong nhóm, kẻ chắc chắn không bị đánh giá là xấu xí.

Đúng vậy, thật ngàn lần đáng tiếc; thậm chí một kẻ thù cũng không thể cảm thấy khác hơn khi nhìn Tess đang ngồi đó, với đôi môi như hoa nở và đôi mắt to hiền dịu, không đen, cũng không xanh lơ, xám hay tím; đúng hơn nó là sự tổng hợp của tất cả các màu sắc đó, và một trăm sắc thái khác, mà người ta có thể nhìn thấy khi nhìn vào đôi tròng đen của nó - sắc thái này sau sắc thái khác; sắc độ này sau sắc độ khác - quanh đôi đồng tử sâu không đáy; một cô gái gần như chuẩn mực, ngoại trừ tính cách hơi khinh suất kế thừa từ nòi giống của nàng.

Một quyết định mà chính nàng cũng phải ngạc nhiên đã đưa nàng tới những cánh đồng trong tuần này lần đầu tiên trong suốt nhiều tháng. Sau khi lãng phí và bào mòn quả tim thao thức của nàng với mọi tiếc nuối mà trải nghiệm cô đơn có thể mang tới, lý trí đã soi sáng cho nàng. Nàng cảm thấy cần phải làm việc để giúp đỡ gia đình, để nếm trải một lần nữa sự độc lập ngọt ngào bằng bất cứ giá nào. Quá khứ là quá khứ, nó đã qua rồi. Bất kể những hậu quả của nó là gì, thời gian có thể khép lại bên trên chúng; trong vài năm nữa, tất cả sẽ dường như chưa từng xảy ra, rồi bàn thân nàng sẽ vùi chôn và quên lăng chung. Trong lúc đó, cây cối vẫn xanh ngắt như trước; chim vẫn hót và mặt trời vẫn tỏa nắng trong veo như tự thuở nào. Môi trường quen thuộc xung quanh không trở nên tăm tối vì niềm thống khổ của nàng, cũng không ốm o gầy mòn vì nỗi đau đớn của nàng.

Hắn nàng đã nhìn thấy điều khiến nàng từng cúi đầu buồn khổ - ý nghĩ về sự quan tâm của thế gian - chỉ được hình thành trên một ảo tưởng. Nàng không phải là một sự hiện hữu, một kinh nghiệm, một cơ cấu cảm xúc, đối với bất cứ người nào ngoài chính bản thân. Với toàn thể nhân loại bên ngoài, Tess chỉ là một ý nghĩ thoáng qua. Thậm chí với bạn bè, nàng cũng không hơn gì một ý nghĩ thường xuyên thoáng qua. Nếu nàng tự gây buồn khổ cho mình, ngày đêm của một đời người, nàng chỉ khiến cho họ nghĩ thế này là cùng: "Chà, cô ta tự làm khổ chính mình." Nếu nàng cố tỏ ra vui vẻ, loại bỏ mọi quan tâm, vui thú với ánh nắng, cỏ hoa, em bé, nàng chỉ có thể gợi cho họ ý nghĩ này: "Chà, cô ta chịu đựng nó rất tốt." Ngoài ra, nếu chỉ có một mình trên một đảo hoang, nàng có đau khổ vì những gì đã xảy đến với mình không? Không nhiều lắm. Nếu nàng có thể suy nghĩ đúng đắn, để tự nhận ra mình với tư cách một bà mẹ đơn thân, không có kinh nghiệm gì về cuộc đời ngoại trừ việc là mẹ của một đứa trẻ không tên họ, tình thế này có mang tới sự tuyệt vọng cho nàng? Không, nàng sẽ bình tĩnh đón nhận nó, và tìm ra niềm vui trong đó. Hầu hết nỗi bất hạnh này sinh từ cách suy nghĩ theo quy ước của nàng, không phải từ những cảm xúc bẩm sinh.

Bất kể Tess đã lập luận thế nào, một tinh thần nào đó đã thôi thúc nàng ăn mặc chỉnh tề như đạo trước, và đi ra đồng, khi đó rất gần tới những người thu hoạch. Đây là lý do vì sao nàng đã bước ra đồng với phẩm cách, và thỉnh thoảng bình thản nhìn mặt mọi người, thậm chí khi đang bế em bé trên tay.

Những thợ gặt nam đứng lên, duỗi tay chân, và dập tắt tẩu thuốc. Lũ ngựa, đã được tháo yên cương và cho ăn, lại được thăng vào cỗ máy đò rực. Sau khi kết thúc nhanh bữa

ăn, Tess ra hiệu cho đứa em gái lớn nhất tới để bế em bé về, cài nút áo và mang lại đôi găng tay, và một lần nữa rút một nắm lúa từ bó lúa cuối cùng để cột bó kế tiếp.

Vào buổi chiều và xế chiều, công việc của buổi sáng vẫn tiếp tục. Tess ở lại cho tới chạng vạng với đám thợ gặt. Rồi cả bọn cùng về nhà trên một trong những cỗ xe lớn nhất, với sự đồng hành của vầng trăng lớn lu mờ vừa nhô lên ở hướng đông. Trong nó giống như vầng hào quang dát vàng xơ xác của tượng một vị thánh người Tuscany⁽¹⁾ đã xuống lỗ từ lâu. Các bạn nữ của Tess cất tiếng hát véo con, tỏ ra rất cảm thông và vui mừng với sự tái xuất hiện của nàng, dù họ không thể kẽm được sự tinh quái với vài câu ballad về một cô gái đi vào rừng xanh và trở về với chút đổi khác. Có những đổi âm và sự bù đắp trong cuộc đời; và sự kiện đã biến nàng thành một cảnh báo xã hội cũng biến nàng trở thành nhân vật đáng chú ý nhất trong thôn đối với nhiều người ở thời điểm đó. Sự thân tình của họ kéo nàng xa khỏi bản thân, tinh thần sôi nổi của họ có tính lây lan, và nàng gần như trở nên vui vẻ.

Nhưng lúc này, khi những nỗi buồn tinh thần tan biến, một nỗi buồn mới thuộc phương diện tự nhiên, vốn không biết tới luật tắc xã hội của nàng lại nảy sinh. Vừa về tới nhà, nàng đau khổ khi biết rằng em bé đã đột ngột mắc bệnh từ chiều. Một sự suy sụp như thế là điều tất yếu, vì thể trạng của nó quá yếu ớt; nhưng dù sao sự kiện này cũng là một cú sốc đối với nàng.

Cô gái-bà mẹ đã quên bằng tính chất xúc phạm chống lại xã hội trong việc bước vào cõi trần ai của đứa bé, nàng mong muốn tiếp tục sự xúc phạm đó bằng cách duy trì sự sống của nó. Tuy nhiên, sự tình sớm trở nên rõ ràng rằng thời khắc giải phóng tên tù nhân bé nhỏ của xác thịt đó tới sớm hơn

1. Một vùng đất ở nước Ý.

phỏng đoán đáng sợ nhất của nàng. Khi phát hiện ra điều này, nàng vô cùng đau khổ, không chỉ vì việc mất đi đứa bé: con của nàng chưa được rửa tội.

Tâm hồn Tess chìm trong một ngọn lửa bùng bùng; nàng chấp nhận một cách thụ động ý tưởng rằng nếu nàng phải bị thiêu sống vì những gì đã làm, nàng đáng gánh chịu điều đó, và mọi chuyện sẽ kết thúc. Như tất cả những thôn nữ khác, nàng thuộc lòng Kinh Thánh, đã nghiên cứu về tiểu sử của Aholah và Aholibah⁽¹⁾ theo bốn phật, và biết những kết luận rút ra từ đó. Nhưng khi vấn đề tương tự liên quan tới em bé này sinh, nó có một màu sắc khác. Đứa con yêu dấu của nàng sắp chết, và không có sự cứu rỗi nào.

Đã gần tới giờ ngủ, nhưng nàng chạy xuống nhà dưới và hỏi nàng có thể mời vị cha xứ tới không. Tình cờ đó là lúc ý thức của cha nàng về dòng dõi cao quý xa xưa của gia tộc đang ở mức cao nhất, và ý thức đối với vết nhơ mà Tess gây ra cho sự cao quý đó trở nên rõ rệt nhất, vì ông vừa mới trở về từ cuộc chè chén hàng tuần ở quán rượu của Rolliver. Ông tuyên bố sẽ không cha xứ nào được bước vào nhà của ông, soi mói việc nhà ông, vào ngay đúng thời điểm cần phải che giấu những điều đáng hổ thẹn của nàng hơn bao giờ hết. Ông khóa cửa lại và nhét chìa khóa vào túi.

Sau đó ông đi ngủ, và Tess cũng trở lên gác, cực kỳ đau khổ. Nàng nằm thao thức mãi, và vào khoảng nửa đêm nhận thấy em bé vẫn rất yếu. Rõ ràng nó đang hấp hối, lặng lẽ và không đau đớn, nhưng chắc chắn là sẽ chết.

Nàng vật vã trên giường trong cơn đau khổ. Đóng hố điểm một giờ, cái giờ mà trí tưởng tượng vượt khói lý trí, và những khả năng hiểm ác hiện ra sừng sững như những thực

1. Hai chị em hành nghề gái điếm; Ezekiel, nhà tiên tri Do Thái, đã tiên đoán rằng không chỉ họ mà cả con cái của họ cũng bị trừng phạt (Ezekiel 23).

tế. Nàng nghĩ về việc đứa bé bị chuyển tới góc dưới cùng địa ngục, vì sự bạc phận gấp đôi của nó, thiếu cả sự rửa tội và sự hợp pháp; nhìn thấy quỷ sứ hất nó lên với cái chĩa ba, như một hòn than người ta sử dụng cho việc đốt lò nướng bánh; nàng bổ sung vào hình ảnh đó nhiều chi tiết lạ lùng kỳ quặc khác của sự hành hạ mà đôi khi trẻ con được dạy ở vùng quê theo Thiên Chúa giáo này. Hình ảnh kinh khủng đó tác động mạnh trí tưởng tượng của nàng đến nỗi trong sự thịnh lặng của ngôi nhà đang thiếp ngủ, chiếc váy ngủ của nàng ướt đẫm mồ hôi, và cái giường rung động theo từng nhịp đập dồn dập của tim nàng.

Hơi thở của em bé mỗi lúc một khó khăn hơn, và thần kinh của người mẹ cũng ngày càng căng thẳng hơn. Việc hôn ngấu nghiến đứa bé cũng chẳng ích lợi gì; không thể ngồi trên giường được nữa, nàng lính quýnh đi lại trong phòng.

“Ôi Chúa nhân từ, hãy thương xót, hãy thương xót cho đứa con tội nghiệp của con!” nàng bật khóc. “Hãy dồn sự tức giận của người lên con, và con sẵn sàng đón nhận; nhưng hãy xót thương đứa bé!”

Nàng tựa người vào cái tủ ngăn, và lẩm bẩm những khẩn cầu rời rạc một hồi lâu, rồi đột ngột đứng thẳng lên.

“À! Có lẽ có thể cứu được em bé! Có lẽ nó cũng giống nhau thôi!”

Nàng thốt lên câu đó với vẻ vui mừng đến nỗi dường như gương mặt nàng bừng sáng trong bóng tối nhờ nhờ xung quanh. Nàng thắp một cây nến, rồi đi tới cái giường thứ hai và thứ ba nằm sát tường, đánh thức mấy đứa em trai, em gái, tất cả đều nằm ngủ trong căn phòng đó. Nàng kéo cái giá bồn rửa mặt ra để có thể bước ra phía sau nó, rót ra một ít nước từ một cái bình, và bảo chúng quỳ gối vòng quanh, đặt

tay chúng lén nhau với những ngón tay xòe rộng. Trong lúc mấy đứa trẻ mới vừa thức giấc mở to mắt kinh ngạc và giữ nguyên tư thế đó, nàng bế em bé lên - một đứa con của một đứa trẻ, còn non nớt đến nỗi dường như chưa đủ khả năng để trao cho người tạo ra nó danh xưng người mẹ. Sau đó nàng đứng thẳng người với em bé trên tay cạnh cái bồn; đứa em gái kế giữ cuốn Kinh Cầu nguyện mở ra trước mặt, giống như viên thư ký ở nhà thờ giữ nó trước mặt vị cha xứ; và Tess tiến hành rửa tội cho con mình như vậy đó.

Trông nàng cao và oai nghiêm lạ thường khi đứng đó trong chiếc áo ngủ trắng, một suối tóc đen dày lượn sóng xõa xuống tới eo nàng. Ánh nến lờ mờ yếu ớt loại bỏ khỏi thân hình và nét mặt của nàng những nhược điểm nhỏ mà ánh mặt trời có thể hé lộ - những vết trầy xước vì gốc rạ trên hai cổ tay, vẻ mệt mỏi trong đôi mắt - nhiệt tình cao độ khiến gương mặt vốn tiêu tụy của nàng bừng sáng, biến nó thành một vẻ đẹp hoàn toàn thanh khiết, với một phẩm cách gần như thuộc hàng vương giả. Các em nàng quỳ gối xung quanh, những đôi mắt ngái ngủ đỏ hoe nhấp nháy, chờ đợi sự chuẩn bị của nàng với vẻ kinh ngạc sững sờ mà đầu óc mụ mị của chúng vào giờ đó không cho phép trở nên linh hoạt.

Đứa em bồn chồn nhất trong đám lên tiếng:

“Chị định làm phép rửa tội cho nó thật sao, chị Tess?”

Cô gái-bà mẹ nghiêm trang khẳng định điều đó.

“Chị sẽ đặt tên của nó là gì?”

Nàng chưa nghĩ tới việc đó, nhưng một đoạn trong Sáng Thế Ký đã gợi ý cho nàng cái tên trong lúc tiếp tục tiến hành phép rửa tội, và nàng tuyên bố:

“SORROW, má rửa tội cho con nhân danh Cha, và Con và Thánh Thần.”

Nàng rẩy nước trong bầu không khí im lặng như tờ.

“Hãy nói ‘Amen’ đi các em.”

Những giọng lí nhí ngoan ngoãn đáp lời: “Amen!”

Tess nói tiếp:

“Chúng tôi đón nhận đứa bé này” - vân vân - “và đánh dấu nó với dấu hiệu của Thánh Giá.”

Nói đoạn, nàng nhúng bàn tay vào chậu nước, và giơ ngón trỏ về một chiếc thánh giá lớn bên trên em bé, tiếp tục với những câu nghi thức về việc nó sẽ quả cảm chống lại tội lỗi, trần gian, và quỷ dữ, là một chiến sĩ, người phụng sự tận tâm cho tới cuối cuộc đời. Nàng tiếp tục với bài Kinh Lạy Cha, bọn trẻ ngọng nghịu nói theo nàng với giọng lí nhí như tiếng muỗi vo ve. Cuối cùng, chúng cất cao giọng “Amen!” rồi lại rơi vào im lặng.

Sau đó, với lòng tin được nâng cao vào hiệu quả của bí tích này, Tess thốt ra từ tận đáy lòng lời cảm tạ, một cách táo bạo và đắc thắng, bằng chất giọng du dương một khi nàng đặt hết tâm hồn vào lời nói, một chất giọng vốn không bao giờ có thể quên được đối với những ai biết nàng. Trạng thái tin tưởng mạnh mẽ này khiến nàng trở nên thoát tục; nó khiến gương mặt nàng bừng lên rạng rỡ, và một vệt ửng hồng ở giữa mồi gò má; trong lúc ánh nến lộn ngược nhòe xíu trong đôi đồng tử của nàng lóe sáng như một hạt kim cương. Lú trè đăm đăm nhìn nàng với sự sùng kính ngày càng tăng, và không còn mong muốn cật vấn nàng. Lúc này với chúng, nàng không giống như chị Tess thường ngày, mà là một kẻ vĩ đại, siêu phàm, khả kính - một nữ thánh không có điểm chung nào với chúng.

Chiến dịch chống lại tội lỗi, trần gian và quỷ dữ của Sorrow tội nghiệp đã kết thúc chóng vánh - có lẽ đó là điều may cho nó, nếu xét tới những điều kiện ban đầu của nó.

Trong ánh sáng ban mai xanh nhạt, chàng chiến sĩ và người phụng sự bé nhỏ yếu ớt đó thở hơi thở cuối cùng. Mấy đứa trẻ khóc sướt mướt khi thức giấc và nài nỉ Tess có một em bé xinh đẹp khác.

Tâm trạng bình thản của Tess từ khi làm phép rửa tội vẫn còn nguyên vẹn trước cái chết của em bé. Thật sự, dưới ánh sáng ban ngày, nàng cảm thấy những nỗi hoảng sợ của nàng dành cho linh hồn của nó có hơi cường điệu; dù có cơ sở hay không, lúc này nàng không còn bứt rứt, khi lập luận rằng nếu Đấng Toàn Năng không chuẩn y một hành động mô phỏng như thế, nàng, nếu không còn ai khác, không màng tới việc đánh mất thiên đàng do sự làm trái quy tắc này - dù với bản thân nàng hay với con nàng.

Sorrow, đứa con không mong muốn, tạo vật không mời mà đến, món quà đáng ghét của Tự nhiên không biết hổ thẹn, kẻ không tôn trọng quy tắc xã hội, đã lia đời như thế; một em bé tội nghiệp mà với nó Thời gian vĩnh cửu chỉ là vấn đề của những ngày, không hề biết tới những thứ như năm và thế kỷ; kẻ mà với nó không gian bên trong ngôi nhà tranh chính là vũ trụ, thời tiết trong tuần là khí hậu, quãng thời gian ngắn ngủi của trẻ sơ sinh là sự tồn tại của con người, và bàn nǎng bú sữa là kiến thức của nhân loại.

Trong khi suy nghĩ về lễ rửa tội, Tess tự hỏi về mặt lý thuyết nó có dù để đảm bảo việc chôn cất một đứa trẻ theo nghi thức Thiên Chúa giáo hay chăng. Không ai có thể nói được điều này trừ vị cha xứ của giáo xứ, và ông là người mới tới nên không biết nàng. Nàng tới nhà ông lúc trời chạng vạng, đứng cạnh cổng, nhưng không dù can đảm để bước vào. Hắn nàng sẽ từ bỏ việc này nếu không tình cờ gặp ông đang trở về nhà khi nàng quay lại. Trong ánh sáng nhò nhờ, nàng không ngại nói thẳng thừng:

“Thưa ông, cháu muốn nhờ ông một chuyện.”

Vị cha xứ sẵn lòng lắng nghe, và nàng kể lại chuyện đứa bé bị bệnh và buổi lễ đồi phó tạm thời. Nàng thành khẩn nói thêm: “Thưa ông, giờ xin ông cho cháu biết điều này: có thể xem buổi lễ đó giống như thể ông đã rửa tội cho nó hay không?”

Với những cảm giác tự nhiên của một người giao hàng khi nhận thấy một công việc mà lẽ ra mình phải tiến hành đã được thực hiện một cách vụng về bởi chính khách hàng, ông toan đáp không. Thế nhưng phẩm cách và sự cẩn thảng lợn lùng trong giọng nói của cô gái đã tác động tới những thỏi thúc cao cả hơn của vị cha xứ - đúng hơn, đó là những thỏi thúc còn sót lại trong ông sau mươi năm nỗ lực ghép niềm tin mang tính chất chuyên môn vào sự hoài nghi trên thực tế. Trong lòng ông diễn ra cuộc đấu tranh giữa một con người và một giáo sĩ, và phần thắng nghiêng về phía con người.

“Cô gái thân mến,” ông đáp, “nó cũng sẽ tương tự vậy.”

“Vậy ông sẽ cho phép nó được chôn cất theo nghi thức Thiên Chúa giáo chứ?” nàng vội hỏi.

Vị cha xứ cảm thấy mình bị dồn vào góc tường. Khi nghe thấy em bé bị bệnh, ông đã tận tâm đi tới ngôi nhà đó sau khi đêm xuống để tiến hành lễ rửa tội, và do không biết rằng chính cha của Tess đã khước từ lòng tốt của ông chứ không phải nàng, ông không thể chấp nhận lời khẩn cầu này vì tính chất không hợp thức của nó.

“À, đó lại là vấn đề khác” ông đáp.

“Một vấn đề khác? Vì sao?” Tess hỏi lại.

“À, tôi sẽ sẵn sàng làm như thế nếu vụ việc chỉ liên quan tới hai người chúng ta. Nhưng tôi không thể, vì những lý do nhất định.”

“Chỉ một lần thôi, thưa ông!”

“Thật sự tôi không thể.”

“Ô, xin ông!” nàng nói và nắm chặt tay ông.

Ông rút nó lại, lắc đầu.

“Vậy thì cháu không thích ông!” nàng bật thốt. “Và cháu sẽ không bao giờ tới nhà thờ của ông nữa!”

“Đừng nói bừa như thế.”

“Có lẽ nó sẽ tương tự vậy nếu ông không đứng ra làm lẽ?... Nó sẽ tương tự vậy, phải không? Vì Chúa, đừng nói như một vị thánh nói với một tội nhân, mà với tư cách bản thân ông với bản thân cháu, một kẻ khốn khổ!”

Việc vị cha xứ dung hòa câu trả lời của mình với những quan điểm nghiêm ngặt mà ông tự cho rằng mình phải duy trì về những vấn đề này như thế nào nằm ngoài khả năng để nói của một người thế tục, dù có thể hiểu được lý do. Hơi xúc động, trong trường hợp này ông cũng đáp:

“Nó sẽ tương tự vậy.”

Thế là đêm đó em bé được mang tới nghĩa trang giáo xứ trong một cái thùng nhỏ bằng gỗ thông, dưới một cái khăn choàng phụ nữ cũ, và được chôn dưới ánh đèn lồng, với phí tổn một si-ling và một panh⁽¹⁾ bia cho người quản trang của nhà thờ, ở một góc hèn mọn trong mảnh đất của Chúa Trời, nơi Ngài để mặc cho những bụi tẩm ma tha hổ mọc, và nơi an nghỉ của mọi đứa trẻ sơ sinh chưa rửa tội, những tay bơm nhậu khét tiếng, những kẻ tự tử, và những kẻ bị đọa dày khác. Tuy nhiên, bất chấp môi trường xung quanh bất tiện thế nào, Tess táo bạo làm một cây thánh giá nhỏ từ hai thanh gỗ mỏng và một đoạn dây. Một tối nọ, khi đã cột vào đó

1. Pint: đơn vị đo dung tích, bằng 0,568 lít.

những nhánh hoa, nàng cầm nó ở đầu của ngôi mộ khi có thể vào nghĩa trang mà không bị nhìn thấy. Nàng cũng đặt ở chân ngôi mộ một bó hoa cùng loại trong một cái lọ có chứa nước để giữ chúng tươi lâu. Có gì quan trọng nếu con mắt của sự quan sát đơn thuần nhận thấy ở phía ngoài của cái lọ có những từ “Keelwell’s Marmalade”?⁽¹⁾ Con mắt của tình mẫu tử không nhìn thấy chúng mà chỉ nhìn thấy những điều cao đẹp hơn.

1. Mứt (cam, chanh...) của hàng Keelwell.

Chương 15

Roger Ascham⁽¹⁾ nói: “Bằng kinh nghiệm, chúng ta tìm thấy một con đường tắt sau một hồi lâu quanh quẩn.” Không hiếm khi cuộc quanh quẩn kéo dài khiến chúng ta không đủ sức để đi xa hơn, và khi đó kinh nghiệm của chúng ta còn có ích gì cho chúng ta nữa? Kinh nghiệm của Tess Durbeyfield thuộc dạng này. Rốt cuộc nàng đã biết cần phải làm gì; nhưng giờ đây ai sẽ chấp nhận cho nàng làm điều đó?

Nếu trước khi tới nhà của gia đình d'Urberville nàng mạnh mẽ làm theo sự hướng dẫn của những cụm từ tạp nhам nhưng thâm thúy mà nàng và nhân thế nói chung đều biết này, chắc chắn nàng sẽ không bao giờ bị lợi dụng. Nhưng Tess - và bất cứ người nào khác - không có khả năng nhận ra toàn bộ sự thật của những ý kiến quý như vàng ròng trong khi chúng có thể có lợi cho họ. Hắn nàng - và biết bao người nữa - có thể đã nói một cách mỉa mai với Chúa Trời bằng những lời của Thánh Augustine: “Người đã khuyên một điều tốt hơn điều Người từng cho phép.”⁽²⁾

1. Roger Ascham (khoảng 1515 - 1568): học giả, nhà lý thuyết sư phạm người Anh.
2. Từ một trong những câu mở đầu của Chương 30, cuốn *Thú nhận* (*Confessions*) của Thánh Augustine. Augustine nói về phẩm hạnh của sự trong trắng, và vị trí của các quan hệ giới tính đối với phẩm hạnh đó. Chúa Trời cho phép nhân loại kết hôn và có quan hệ tình dục trong phạm vi

Nàng ở trong nhà của cha mình suốt những tháng mùa đông, vặt lông gia cầm, vỗ béo lù gà tây và ngỗng, hoặc may quần áo cho các em từ những bộ đồ đẹp Alec đã tặng và nàng đã khinh bỉ từ chối. Nàng không thèm xin xò y. Nhưng nàng thường đan hai bàn tay sau gáy và suy nghĩ khi được cho là đang làm việc chăm chỉ.

Nàng bình thản ghi nhận những ngày quá vắng trong sự luân chuyển của năm; cái đêm tai họa đã hủy hoại đời nàng ở Trantridge, trên nến rừng The Chase tăm tối; ngày sinh và chết của con nàng; cả ngày sinh của chính nàng; và từng ngày khác, được cá thể hóa bởi những sự cố nàng có dự phán trong đó. Chiều nọ, khi nhìn thấy vẻ xinh đẹp của mình trong gương, nàng đột nhiên nghĩ rằng còn có một ngày khác, quan trọng đối với nàng hơn những ngày đó - ngày chết của chính nàng, khi mọi mê hoặc này biến mất; một ngày năm kín đáo và vô hình giữa tất cả những ngày khác của năm, không để lộ một âm thanh hay dấu hiệu nào khi nàng lướt ngang qua nó mỗi năm; nhưng chắc chắn vẫn ở đó. Nó là ngày nào? Vì sao nàng không cảm thấy rợn người khi chạm trán hàng năm với người bà con lành đạm đó? Nàng có suy nghĩ giống như tư tưởng của Jeremy Taylor⁽¹⁾, rằng một ngày nào đó trong tương lai, những ai từng biết nàng sẽ nói: “Đây là ngày... Cái ngày mà cô gái Tess Durbeyfield tội nghiệp đó qua đời.” Và câu nói đó không để lại trong đầu họ ấn tượng gì đặc biệt. Nàng không hề biết cái ngày được ấn định là điểm chung cuộc của mình đó nằm ở tuần, tháng, mùa, hay năm nào cả.

hôn nhân mà không phạm lỗi đạo đức. Tuy nhiên, “Chúa Trời” khuyên tốt hơn nên sống trong trắng và không kết hôn. (Khi viết những câu trên, Thánh Augustine nghĩ tới lời của Thánh Paul trong Thư của Sứ đồ Thủ nhất, Chương 7, câu 25-28.)

1. Ám chỉ tác phẩm *The Rule and Exercises of Holy Dying* (1651) của Jeremy Taylor, một giáo sĩ người Anh ở thế kỷ 17.

Gần như Tess đã thay đổi với một bước nhảy vọt từ một thiếu nữ đơn giản thành một phụ nữ phức tạp. Những biểu tượng của suy tư lướt qua nét mặt nàng, và một nốt nhạc bí ai thi thoảng trong giọng của nàng. Đôi mắt nàng mờ to hơn và chất chứa nhiều hơn. Nàng trở thành cái mà thiên hạ gọi là một tạo vật xinh đẹp; dung mạo nàng đẹp và lôi cuốn; tâm hồn nàng là tâm hồn của một phụ nữ mà những trải nghiệm bất thường của hai năm trước đó hoàn toàn không thể làm cho băng hoại. Nhưng theo cách nhìn của người đời, hẳn những trải nghiệm đó chỉ đơn giản là một sự giáo dục chung chung.

Dạo sau này nàng sống ẩn dật đến độ rắc rối của nàng, vốn chưa có nhiều người biết, hầu như đã bị dân Marlott lãng quên. Nhưng với nàng, rõ ràng nàng không bao giờ có thể thật sự thoải mái trở lại ở một nơi đã nhìn thấy sự sụp đổ của nỗ lực nhận bà con của gia đình nàng - và thông qua nàng, thậm chí ở mức độ gần gũi hơn - với gia đình d'Urberville giàu có. Ít nhất nàng cũng không thể thoải mái tại đây cho tới khi những năm dài đã xóa mờ ký ức sâu đậm của nàng về nó. Thế nhưng, thậm chí ngay lúc này, Tess vẫn cảm nhận được nhịp đập ấm áp của cuộc sống tràn đầy hy vọng bên trong lồng ngực; nàng có thể hạnh phúc ở một góc khuất nào đó, nơi không có những ký ức. Để thoát khỏi quá khứ cùng tất cả những thứ thuộc về nó phải thù tiêu nó, và để làm điều đó nàng phải rời khỏi quê nhà.

Nàng thường tự hỏi mình, có đúng thật là sự trong trắng đã mất một lần sẽ mãi mãi không. Nàng có thể chứng minh nó sai nếu nàng giấu kín được những ngày quá vắng. Khả năng hồi phục tràn ngập trong nàng chắc chắn không từ chối bản chất vốn trong trắng của nàng.

Nàng chờ suốt một thời gian dài nhưng vẫn chưa tìm được cơ hội cho một chuyến khởi hành mới. Một mùa xuân

rất đẹp sắp tới gần, và người ta hầu như nghe thấy tiếng cựa quậy xôn xao của những chồi non; nó khiến nàng phấn khích, như đã khiến cho lũ thú hoang phấn khích, và giục già nàng cất bước. Cuối cùng, một ngày đầu tháng Năm, nàng nhận được thư từ một người bạn cũ của mẹ nàng, người mà nàng chưa từng gặp, nhưng khá lâu trước đó đã viết thư nhờ bà ta xin việc giúp. Lá thư cho biết một trại bò sữa xa nhiều dặm về phía nam đang cần một thợ vắt sữa lành nghề, và ông chủ trại sẽ vui mừng nhận nàng làm việc trong những tháng hè.

Nơi đó không xa như mong muốn; nhưng chắc chắn nó cũng đủ xa, phạm vi di chuyển của nàng rất nhỏ để những lời đồn đại lan xa. Với những kè sống trong phạm vi hạn chế, vài dặm đã là xa, xứ đạo to như hạt, và hạt to như tinh và vương quốc.

Nàng đã quyết định một điều: sẽ không có những tòa lâu đài bằng không khí trong những giấc mơ và hành động của cuộc đời mới. Nàng sẽ là Tess thợ vắt sữa bò, không gì khác hơn. Mẹ nàng biết rõ cảm giác của nàng về vấn đề này, dù không có lời nào đổi trao giữa họ, vì hiện giờ nàng không bao giờ nhắc tới những tổ tiên hiệp sĩ.

Thế nhưng con người mới mâu thuẫn làm sao: một trong những mối quan tâm của nàng đối với nơi ở mới là nó tình cờ nằm gần quê hương của tổ tiên nàng (bởi họ không phải là dân Blakemore, dù mẹ nàng là dân Blakemore thứ thiệt). Cái trại bò sữa gọi là Talbothays đó cách một số diền trang cũ của gia tộc d'Urberville không xa lắm, và ở gần những hầm mộ của ông bà tổ tiên nàng. Nàng sẽ có thể nhìn thấy họ, và nghĩ rằng không chỉ dòng họ d'Urberville đã lui tàn, giống như Babylon, mà cả một cá thể vô tội của đám hậu duệ hèn mọn cũng có thể lặng lẽ lui tàn như họ. Đồng thời nàng tự hỏi có thể có bất kỳ điều tốt đẹp lạ lùng nào xảy đến

với nàng ở vùng đất tổ tiên này hay chăng; và một tinh thần nào đó bất giác trỗi dậy trong nàng như nhựa trong những nhánh cây non. Đó là sức sống trẻ trung, bất ngờ trào dâng sau khi bị tạm thời cản trở, mang theo cùng với nó niềm hy vọng và bản năng sâu xa luôn hướng tới niềm vui hiện hữu của chính nàng.

PHẦN BA

Hồi phục

Chương 16 - Chương 24

Chương 16

Một buổi sáng tháng Năm, mùa chim nở và cỏ xạ hương thơm ngát, hơn hai năm sau khi trở về từ Trantridge - những năm lặng lẽ, hồi phục đối với Tess Durbeyfield - nàng rời khỏi nhà lần thứ hai.

Sau khi đóng gói hành lý để người nhà gửi tới sau, nàng lên đường tới thị trấn nhỏ Stourcastle trong một cỗ xe ngựa hai bánh cho thuê. Đó là nơi cần phải đi qua trong hành trình, lần này theo hướng hâu như ngược chiều với cuộc phiêu lưu đầu tiên của nàng. Ở khúc quanh của ngọn đồi gần nhất, nàng bùi ngùi nhìn lại thôn Marlott và ngôi nhà của cha nàng, dù đã rất nôn nóng ra đi.

Người thân của nàng chắc chắn sẽ tiếp tục cuộc sống hàng ngày như từ trước tới giờ, với tâm trạng vui vẻ không giảm đi nhiều lắm, dù nàng sống xa nhà và họ sẽ thiếu vắng nụ cười của nàng. Chỉ trong vài hôm, lũ em nàng sẽ vui vẻ tham gia những trò chơi như trước, không có cảm giác gì về khoảng trống mà nàng để lại. Nàng đã xác định việc rời khỏi nhà là tốt nhất cho các em nàng; nếu nàng ở lại, chắc chắn chúng sẽ không tiếp nhận được bao nhiêu điều tốt từ những lời giáo huấn của nàng, nhưng lại bị tấm gương của nàng làm hại.

Nàng đi ngang qua Stourcastle, không dừng lại, cho tới khi gặp một ngã tư lớn, nơi nàng có thể chờ một cỗ xe chở khách xuống mé tây nam; vì những đường tàu quanh vùng đất này chưa bao giờ băng ngang qua nó. Tuy nhiên, trong lúc nàng chờ, có một nông dân đánh xe ngựa theo đúng hướng sắp tới của nàng. Dù ông ta là một người lạ, nàng chấp nhận để nghị cho qua giang, làm ngơ động cơ của ông ta, vốn chỉ vì sắc đẹp của nàng. Ông ta đang trên đường tới Weatherbury, và băng cách qua giang tới đó, nàng có thể đi bộ trong phần đường còn lại thay vì ngồi xe khách chạy theo con đường của Casterbridge.

Tess không nghỉ lại ở Weatherbury sau chặng đường dài này, ngoài bữa ăn trưa sơ sài ở ngôi nhà mà người nông dân đã giới thiệu với nàng. Sau đó nàng bắt đầu đi bộ, tay xách giỏ, để tới cánh đồng hoang thạch nam nằm trên cao, phân cách huyện này với những đồng cỏ thấp của một thung lũng xa hơn, nơi tọa lạc của trại bò sữa, mục tiêu và đích đến của chuyến đi.

Trước đó, Tess chưa bao giờ tới vùng này, thế nhưng nàng cảm thấy rất thân quen với cảnh vật ở đây. Nàng có thể nhìn thấy ở mé trái, không xa lắm, một dải sàm màu trên nền phong cảnh; sau khi hỏi thăm, nàng biết chắc đó là những cây cối bao quanh Kingsbere. Trong nhà thờ xứ đạo, xương cốt của tổ tiên nàng - những vị tiên nhân vô dụng - đang nằm trong hầm mộ.

Giờ nàng không còn ngưỡng mộ họ nữa; hầu như căm ghét họ vì tình cảnh đau thương họ đã xô đẩy nàng vào; nàng chẳng lưu giữ được bất cứ thứ gì của họ ngoài cái muỗng và con dấu cũ. “Chao ôi, mình thừa hưởng nhiều thứ từ má không kém gì từ tía!” nàng nói. “Mọi vẻ đẹp của mình là từ má, và bà chỉ là một thợ vắt sữa bò.”

Hành trình băng qua những vùng đất cao thấp đan xen của Egdon, khi nàng đi tới đó, là một cuộc đi bộ khó khăn hơn nàng dự đoán, dù khoảng cách thật sự chỉ có vài dặm. Mất hai giờ, do những chỗ ngoặt linh tinh sai lối, nàng mới đi tới một đỉnh đồi nhìn xuống toàn cảnh cái thung lũng đã tìm kiếm khá lâu, Thung lũng của những Trại bò sữa lớn, nơi sữa và bơ rất dồi dào, và được sản xuất đại trà hơn, dù ít khéo léo hơn quê nhà của nàng; vùng bình nguyên xanh tươi có thừa nguồn nước từ dòng sông Var hoặc Froom.

Nó thật sự khác với Thung lũng của những Trại bò sữa nhỏ, Blackmoor, nơi mà trừ quãng thời gian tạm trú đầy tai họa ở Trantridge, nàng biết rất tận tường cho tới lúc này. Thế giới ở đây được vẽ ra theo một khuôn mẫu rộng lớn hơn. Những khu đất có rào rộng tới năm mươi mẫu thay vì mươi, những trang trại được mở rộng hơn nhiều, các đàn gia súc đông đảo; với lèo tèo vài gia đình. Những đàn bò nhiều vô số này trải ra trước mắt nàng từ đầu đông xa tít tới đầu tây xa tít, đông đảo hơn bất cứ số lượng nào nàng từng nhìn thấy trước đây. Cánh đồng cỏ đầy gia súc trông như một bức tranh của Van Alsloot hoặc Sallaert⁽¹⁾ đối với những thị dân. Sắc lông đỏ và nâu sẫm của lũ bò cái thấm đậm ánh hoàng hôn, còn những con có bộ lông trắng hoàn trả lại sắc trắng đó cho con mắt trong những tia sáng hẫu như chói lóa, thậm chí từ nơi nàng đang đứng, cao và xa cách.

Toàn cảnh nhìn từ trên cao trước mặt nàng có lẽ không đẹp bằng một phong cảnh khác mà nàng biết rất rõ; thế nhưng nó vui tươi hơn. Nó thiếu bầu khí quyển xanh thẳm của thung lũng quê nhà, và sự đậm đà của đất đai mùi vị;

1. Denis val Alsloot (1570 - 1626) và Altoon Sallaert (1594 - 1650): hai họa sĩ người Bỉ theo trường phái hội họa Hà Lan (Flemish) thường vẽ những bức tranh về dâm dông.

bầu không khí mới này trong trẻo, tinh tế và gây phấn chấn tinh thần. Bản thân dòng sông nuôi dưỡng đồng cỏ và lù bò của các trang trại nổi tiếng này không chảy như dòng suối ở Blackmoor, vốn là những dòng nước chậm, lặng lẽ, thường là ngẫu đục, chảy qua các thàm bùn sâu mà người lội không cảnh giác có thể bị chìm xuống và biến mất không ai hay biết. Dòng sông Froom trong veo như Dòng sông Sự sống tinh khiết mà thiên sứ chỉ cho tác giả sách Phúc âm⁽¹⁾, chảy nhanh như bóng của một vầng mây, với những chỗ cạn đáy sỏi suốt ngày phản chiếu bóng mây trời. Loài hoa mọc dưới nước là hoa huệ; ở đây còn có hoa mao lương nữa.

Sự thay đổi phẩm chất của bầu không khí từ nặng nề sang nhẹ nhàng, hoặc ý thức về việc đang ở giữa những cảnh vật mới, không có con mắt ác cảm nào dán vào mình khiến tinh thần nàng cực kỳ phấn chấn. Những niềm hy vọng của nàng hòa vào ánh nắng trong một bầu khí quyển lý tưởng bao quanh nàng khi nàng dần bước ngược chiều với làn gió nam man mác. Nàng nghe thấy một giọng nói vui vẻ trong từng làn gió, và trong tiếng hót của mỗi con chim dường như ẩn chứa một niềm vui.

Dạo sau này nét mặt nàng cũng đã thay đổi theo những đổi thay của tâm trạng, tiếp tục chao động giữa vẻ đẹp và sự tẻ nhạt, tùy theo suy nghĩ vui tươi hay nghiêm nghị. Có hôm nàng hồng hào và hoàn mỹ; hôm khác lại xanh xao và buồn bã. Khi sắc mặt hồng hào, nàng ít suy tư hơn khi xanh xao; tâm trạng càng ít phẫn khích, vẻ đẹp của nàng càng hoàn hảo; tâm trạng càng căng thẳng, vẻ đẹp của nàng càng giảm sút. Nét mặt của nàng khi đối diện với làn gió phương nam hiện thời ở trong trạng thái hoàn mỹ nhất.

1. "Rồi thiên sứ chỉ cho tôi dòng sông của sự sống, trong như pha lê, chảy ra từ Ngôi của Chúa Trời và Con chiên." (Khải huyền 22:1)

Khuynh hướng tự động, phô quát, không thể cưỡng lại trong việc tìm kiếm từ đâu đó niềm vui êm ái vốn tràn ngập toàn thể sự sống, từ kè hèn mọn nhất tới người cao quý nhất, cuối cùng đã làm chủ Tess. Chỉ là một cô gái hai mươi tuổi, với tinh thần và cảm xúc vẫn còn đang phát triển, bất kỳ sự kiện nào cũng không thể để lại cho nàng một ấn tượng mà thời gian không thể nào hoán cải.

Thế nên tâm trạng phấn chấn của nàng, lòng biết ơn của nàng và những niềm hy vọng của nàng càng lúc càng lên cao. Nàng thử hát nhiều bài ballad, nhưng nhận thấy chúng không phù hợp; cho tới khi nhớ tới bài thánh thi mà đôi mắt nàng thường đọc lướt qua vào một buổi sáng Chủ nhật trước khi nàng nếm mùi trái cẩm, nàng ngâm nga: “Hời Nhật Nguyệt... Hời những vì Tinh tú... Hời muôn loài Cây cò trên Địa cầu... Chim muông trên trời... Thú hoang và Gia súc... Con cái của Loài người... Chúa ban phước cho các ngươi, hãy ngợi ca Ngài và tán dương Ngài mãi mãi!”⁽¹⁾

Nàng đột ngột dừng lại và lẩm bẩm: “Nhưng có lẽ mình chưa hoàn toàn biết Chúa.”

Có lẽ khúc ca nửa phần vô thức này là một phát biểu có tính chất bái vật giáo trong một môi trường tín ngưỡng Nhất Thân; những phụ nữ, mà bầu bạn chủ yếu của họ là những hình thức và lực lượng Tự nhiên bên ngoài, lưu giữ trong tâm hồn họ hình ảnh có tính chất ngoại giáo về tổ tiên xa xưa nhiều hơn là thứ tín ngưỡng hệ thống hóa được dạy cho nòi giống họ vào thời điểm muộn hơn. Tuy nhiên, Tess tìm được ít ra là sự thể hiện gần đúng cho những cảm giác của nàng trong bài Kinh Tạ Ông cũ mà nàng đã ngẫu hứng ngâm nga, và thế là đủ. Sự mẫn nguyện cao độ với cuộc biểu diễn

1. Trích trong Kinh Tạ Ông (Benedicite).

sơ sài đó về sự khởi đầu hướng tới một cuộc sống độc lập vốn là một phần tính cách của gia đình Durbeyfield. Tess thật sự muốn thẳng lưng bước tới, trong lúc cha nàng không làm điều gì giống như thế; nhưng nàng giống ông ở việc tự hài lòng với những thành tựu nhỏ nhặt trước mắt, và ở việc không bận tâm nghĩ tới nỗi lực gian nan nhằm đạt được một sự thăng tiến nhỏ nhoi về mặt xã hội, vốn chỉ có thể được thực hiện bởi gia tộc d'Urberville một thời quyền thế nhưng hiện đã xuống dốc trầm trọng.

Có thể nói năng lượng tiềm tàng của dòng tộc bên mẹ, cũng như năng lượng tự nhiên trẻ trung của Tess đã được nhen nhởm lại sau trải nghiệm từng áp đảo nàng một thời gian. Hãy để sự thật được nói ra: như một quy luật, phụ nữ vẫn tồn tại sau những nỗi ô nhục như thế, lấy lại tinh thần, và một lần nữa nhìn quanh mình với con mắt quan tâm. Còn sống thì còn hy vọng; đó là một niềm tin không phải hoàn toàn không được biết đến đối với “kẻ bị phụ bạc” như một số lý thuyết gia tử tế muốn làm cho chúng ta tin.

Sau đó, với quả tim tràn đầy niềm tin, lạc quan và hy vọng vào cuộc sống, Tess Durbeyfield đi xuôi xuống những con dốc Egdon, về phía trại bò sữa mà nàng định tới.

Lúc này, điểm khác biệt nổi bật cuối cùng giữa hai vùng thung lũng trái ngược nhau đã tự hé lộ bản thân. Người ta có thể phát hiện dễ nhất những bí mật của Blackmoor từ những ngọn đồi cao xung quanh; còn để thấu hiểu đúng cái thung lũng trước mặt nàng, người ta cần phải đi xuống giữa trung tâm của nó. Khi đã hoàn thành chiến tích này, Tess nhận ra mình đang đứng trên một dải đất bằng phẳng như tấm thảm, trải dài mút mắt về hướng đông và hướng tây.

Dòng sông đã lấy trộm đất đai màu mỡ từ những vùng đất cao hơn và chở tới đây bồi đắp cho thung lũng; rồi hiện

tại, mỏi mòn, già nua và thu hẹp lại, nó nằm ngoằn ngoèo giữa những chiến tích trước đây của nó.

Không biết chắc hướng cần đi, Tess đứng yên ở rìa của dải bình nguyên xanh tốt mênh mông, như một con ruồi trên một cái bàn bi-a dài dằng dặc, và không quan trọng gì hơn con ruồi đó đối với môi trường xung quanh. Cho tới lúc này, tác động duy nhất về sự hiện diện của nàng trên vùng đất yên tĩnh là sự chú ý của một con diệc lè loi. Sau khi đáp xuống đất cách chỗ nàng không xa mấy, nó đứng vươn thẳng cổ nhìn nàng.

Đột nhiên từ mọi phía của vùng đất thấp nổi lên một tiếng gọi kéo dài, lặp đi lặp lại: “Nào! Nào! Nào!”

Tiếng gọi trôi ra từ đầu phía đông tới đầu phía tây như thế lây lan, trong một số trường hợp kèm theo tiếng sủa của một con chó. Đó không phải là biểu hiện của thung lũng rằng nó biết Tess xinh đẹp đã tới, mà là một thông báo bình thường cho giờ vắt sữa - bốn giờ rưỡi, khi những người thợ ra đồng để lùa bò về trại.

Đàn bò đò và trắng ở gần nhất, vốn đã thản nhiên chờ đợi tiếng gọi, giờ đùng đinh đi về phía trang trại ở phía sau, những cái vú đầy sữa lúc lỉu dung đưa dưới bụng trong lúc chúng bước đi. Tess chậm rãi đi theo sau chúng, tiến vào sân trại qua cánh cổng mở rộng. Những dãy nhà dài mái tranh phủ kín rêu xanh nằm vây quanh khu trại; những cây cột gỗ chống đỡ mái hiên bị chà xát đến mức trở nên nhẵn nhụi bóng loáng bởi sườn của vô số con bò cái và gia súc của những năm quá vắng mà giờ đã trôi vào quên lãng. Lũ bò đứng thành hàng giữa những cây cột, lúc này mỗi con hiện ra trước con mắt giàu tưởng tượng ở phía sau như một vòng tròn trên hai nhánh cây, bên dưới chỗ giữa của nó là một bầu sữa dung đưa qua lại như quả lắc đồng hồ; trong lúc mặt trời

hạ thấp phía sau đàn gia súc nhẵn nai, hắt một cách chính xác bóng của chúng lên bức tường. Mỗi chiếu tà, nó vẫn cứ hắt bóng của những con vật vô danh xấu xí này như thế, với sự quan tâm tới từng đường viền như thể đó là bóng của một giai nhân chốn cung đình trên bức tường cung điện; cẩn mẫn sao chép chúng như đã sao chép các vị thần núi Olympus trên mặt tiền bằng cẩm thạch của những công trình kiến trúc xa xưa, hoặc đường viền cơ thể của Alexander, Caesar, và các vị Pharaoh.

Lũ bò cái hay ngọ nguậy nhất mới bị nhốt vào chuồng. Những con tự ý đứng yên sẽ được vắt sữa ở giữa sân, nơi lúc này nhiều con bò thuần tính hơn đang đứng chờ - tất cả đều là những con bò sữa hạng nhất, vốn hiếm khi nhìn thấy ở bên ngoài thung lũng này, và không phải lúc nào cũng có, thậm chí ngay tại đây; được nuôi dưỡng bằng thứ cỏ thơm mọng nước của những đồng cỏ ngập nước vào mùa này của năm. Những con bò đốm trắng phản chiếu lại ánh mặt trời với thứ ánh sáng chói lòa cả mắt, và những cái núm đồng được đánh bóng trên sừng chúng sáng lấp lánh như thiết bị quân sự. Những cái vú to nồi gân trĩu nặng như những túi cát, núm vú căng mọng nhô ra; trong lúc mỗi con chờ tới lượt của mình, sữa rì ra và nhò giọt lên mặt đất.

Chương 17

Những người thợ vắt sữa nam cũng như nữ đã lũ lượt bước ra từ nhà họ và trang trại khi lũ bò trở về từ đồng cỏ; đám phụ nữ mang giày gót thêm để gót cao, không phải vì thời tiết xấu, mà để giữ cho giày của họ ở bên trên lớp mùn phù của sân trang trại. Mỗi cô gái ngồi trên một cái ghế đầu ba chân, mặt nghiêng sang một bên, gò má phải tì vào con bò và đăm chiêu nhìn dọc theo sườn của nó về phía Tess khi nàng tới gần. Những thợ vắt sữa nam, với vành nón lật xuống, ngồi cúi đầu nhìn xuống đất, không quan sát nàng.

Một trong số này là một người đàn ông trung niên cường tráng, với tấm tạp dề trắng đẹp hơn và sạch hơn tạp dề của những người khác đôi chút, và cái áo khoác bên dưới cũng khá chỉnh tề. Đó là ông chủ trại, người nàng đang tìm kiếm. Vai trò của ông với tư cách một thợ vắt sữa và thợ làm bơ suốt sáu ngày trong tuần tại đây, và với tư cách một quý ông ăn mặc bảnh bao ở hàng ghế dành riêng cho gia đình ông tại nhà thờ vào ngày thứ Bảy, rõ ràng đến độ nó gợi cảm hứng cho một câu vè:

Cả tuần là gã thợ vắt sữa Dick

Nhưng vào những ngày Chủ nhật lại là ông Richard Crick.

Khi trông thấy Tess đang đứng nhìn dáo dác, ông bước về phía nàng.

Phần lớn những người thợ vắt sữa nam đều có thái độ cau có vào giờ vắt sữa, nhưng ông Crick rất mừng khi có một người làm mới, vì giờ đang là thời điểm rất bận rộn, và ông nồng nhiệt đón nhận nàng; hỏi thăm mẹ nàng và những người khác trong gia đình (dù việc này chỉ có tính chất hình thức, vì thật sự ông không biết gì về sự tồn tại của bà Durbeyfield cho tới khi nhận được một lá thư ngắn tắt về Tess.)

“Ô, phải, hồi còn trẻ tôi biết rất rõ vùng quê của cô,” ông khẳng định. “Dù sau này tôi không tới đó nữa. Và một bà cụ chín mươi tuổi từng sống gần đây nhưng đã qua đời khá lâu nói với tôi rằng một gia đình có tên như tên cô ở Thung lũng Blackmoor vốn có gốc gác ban đầu ở vùng này, và có một dòng họ rất xa xưa đã chết sạch hết, dù các thế hệ mới không biết điều đó. Nhưng Lạy Chúa, tôi không để ý tới những câu chuyện lan man của bà cụ, không hề.”

“Ô, không sao, không sao cả,” Tess đáp.

Sau đó cuộc trò chuyện chỉ để cập tới công việc.

“Cô có thể vắt sữa tốt chứ, cô gái trẻ? Tôi không muốn lũ bò của tôi bị tắt sữa vào thời điểm này của năm.”

Nàng bảo đảm với ông về điểm này, và ông nhìn nàng từ trên xuống dưới. Nàng đã ở trong nhà một thời gian dài nên nước da rất mịn màng trắng trèo.

“Hoàn toàn chắc chắn chứ? Ở đây cũng khá tiện nghi cho những người lao động, nhưng chúng tôi làm việc rất cực nhọc.”

Nàng tuyên bố nàng có thể chịu đựng được. Dường như sự sốt sắng và sẵn sàng của nàng đã chiếm được cảm tình của Crick.

“Ồ, tôi cho là cô muốn một tách trà, hoặc chút thức ăn gì đó, phải không? Chưa cần? Tốt, cứ làm theo ý của cô về việc đó. Nhưng nói thật, nếu là tôi, tôi sẽ trở thành một nhánh cây khô khi đi xa như thế.”

“Tôi sẽ bắt đầu vắt sữa ngay, để giúp một tay” Tess nói.

Nàng uống một chút sữa bò tươi để lấy lại sức trước sự ngạc nhiên - thật sự là hơi coi thường - của ông chủ trại Crick. Rõ ràng ông không bao giờ nghĩ rằng sữa bò tươi đủ tốt để làm thức uống.

“Ồ, nếu cô có thể nuốt trôi thứ đó, thì cứ thế đi.” Ông lạnh lùng nói trong lúc cầm cái xô mà nàng vừa uống sữa từ đó. “Nhiều năm nay tôi không dung tới nó, không hề. Nó phá bụng; nó sẽ nằm trùi nặng trong ruột tôi như chì. Cô có thể thử với con này.” Ông hất đầu về phía con bò gần nhất. “Dù sao thì nó hơi khó ra sữa. Chúng tôi có con khó vắt và con dễ vắt, như những nơi khác. Tuy nhiên, cô sẽ sớm nhận ra điều đó.”

Khi Tess đã thay cái mũ của nàng bằng một cái mũ trùm đầu, thật sự ngồi trên ghế bên dưới con bò, và sữa đã vọt từ tay nàng vào cái xô, nàng chợt nghĩ rằng nàng đã thật sự đặt một nỗi mong mới cho tương lai của mình. Niềm tin này nuôi dưỡng sự bình an, nhịp tim nàng chậm lại, và nàng có thể nhìn quanh.

Những người thợ vắt sữa, cả nam lẫn nữ, tạo thành một tiểu đoàn nho nhỏ. Đám đàn ông vắt những con khó, đám phụ nữ vắt những con dễ hơn. Đây là một trang trại lớn. Có gần một trăm thợ vắt sữa thuộc quyền quản lý của ông

Crick; và ông tự tay vắt sữa cho sáu hoặc tám con, trừ những lúc rời khỏi nhà. Đó là những con bò cái khó vắt sữa nhất; vì những người thợ nam lang thang đây đó được thuê khá tinh cờ, ông không thể giao số bò này cho họ, e rằng do lơ đãng, họ sẽ không vắt hết sữa của chúng; với đám phụ nữ cũng thế, vì họ có thể làm hỏng việc theo cùng cách do các ngón tay thiếu lực; kết quả sau một thời gian là lũ bò sẽ bị “tắt sữa”, tức là không tiết ra sữa nữa. Không phải tổn thất trước mắt khiến cho việc vắt sữa còn sót trở nên nghiêm trọng, mà do sự giảm sút ở yêu cầu sản lượng sẽ khiến cho lượng sữa ngày càng giảm, và cuối cùng là con bò không tiếp tục cung cấp sữa nữa.

Sau khi Tess ngồi xuống vắt sữa, trong sân không có tiếng trò chuyện một lúc lâu, và không có âm thanh nào xen vào tiếng phì phọp của những tia sữa bắn vào những cái xô, trừ một mệnh lệnh ngắn ngủi với con bò này hay con khác, yêu cầu nó quay lại hoặc đứng yên. Những cử động duy nhất là bàn tay chuyển động lên xuống của đám thợ và những cái đuôi bò ve vẩy. Tất cả cứ tiếp tục làm việc như thế, xung quanh là cánh đồng cỏ bát ngát và băng phẳng chạy dài tới hai đầu dốc của thung lũng - một cảnh quan được hợp nhất từ những phong cảnh cũ đã bị quên lãng từ lâu và chắc chắn khác hẳn với hiện tại.

“Tôi nghĩ rằng,” Crick lén tiếng, đột ngột đứng lên sau khi vắt xong sữa cho con bò, một tay xách cái ghế ba chân, tay kia xách cái xô, và di chuyển tới một con bò khó vắt sữa kế tiếp gần đó, “tôi nghĩ rằng, lũ bò ngày nay không cho sữa như bình thường. Nói thật lòng, nếu Nhảy Mắt bắt đầu giữ lại sữa như thế này, sẽ không đáng để vắt sữa nó vào giữa mùa hè.”

“Đó là do có một người mới trong số chúng ta,” Jonathan Kail nói. “Trước đây tôi từng nhận thấy những việc như thế.”

“Chắc vậy rồi. Có thể là thế. Tôi đã không nghĩ tới điều đó.”

“Tôi nghe nói rằng sữa chạy ngược lên sừng của chúng vào những lúc như thế,” một cô gái vắt sữa nói.

“Chà, về việc sữa chạy lên sừng thì tôi không thể nói.” Crick đáp với vẻ hổ nghi, như thể ngay cả ma thuật cũng có thể bị giới hạn bởi những khả năng thuộc về giải phẫu học. “Tất nhiên tôi không thể. Nhưng vì lũ bò không có sừng cũng giữ lại sữa như lũ có sừng, tôi không hoàn toàn đồng ý với cách giải thích này. Anh có biết câu đố về lũ bò không có sừng không, Jonathan? Vì sao bò không có sừng cho sữa ít hơn bò có sừng trong một năm?”

“Tôi không biết” cô gái lúc này xen vào. “Vì sao vậy?”

“Vì số bò không sừng không có nhiều,” Crick đáp. “Dù sao thì chắc chắn hôm nay mấy con bò này đã giữ lại sữa. Các bạn nè, chúng ta phải hát một hai bài, đó là cách chữa trị duy nhất.”

Các bài ca thường được sử dụng trong những trại bò sữa vùng này như một cách dỗ dành lũ bò khi chúng cho thấy dấu hiệu giảm sút sản lượng bình thường; và theo yêu cầu này, đám thợ bắt đầu cất tiếng hát - với những giai điệu đơn thuần vì công việc, đúng là như thế, và có vẻ kém thoải mái tự nhiên; kết quả là, theo tin tưởng của họ, đã có một sự cải thiện rõ rệt trong lúc bài ca tiếp tục. Khi họ hát được mười bốn hoặc mười lăm câu của một bản ballad vui nhộn về một gã sát nhân sợ hãi lên giường trong bóng tối vì nhìn thấy những đốm lửa lưu huỳnh ở xung quanh, một thợ vắt sữa nam lên tiếng: “Tôi ước gì việc hát hò thế này không

dùng tới quá nhiều hơi sức của con người! Ông nên mang cây đàn hạc xuống, thưa ông; tuy nhiên, một cây vĩ cầm là tốt nhất."

Nghe thấy câu này, Tess nghĩ nó hướng tới ông chủ trại, nhưng nàng đã lầm. Một lời đáp "Vì sao?" phát ra từ bụng của một con bò cái nâu trong chuồng; người nói là một thợ vắt sữa ở phía sau con vật. Cho tới lúc đó, nàng không nhìn thấy người này.

"Ồ, đúng, không có gì bằng một cây vĩ cầm," ông chủ trại nói. "Dù tôi nghĩ lũ bò đực khoái âm nhạc hơn là lũ bò cái, ít ra đó là kinh nghiệm của tôi. Trước đây có một người đàn ông lớn tuổi ở Mellstock tên là William Dewy, dòng họ của ông từng hành nghề bán rong ở vùng này. Jonathan, anh còn nhớ không? Nói theo cách nào đó, tôi có thể nhận ra ông dễ dàng như nhận ra anh ruột của mình. Ồ, một đêm trăng sáng nọ, ông đang trên đường trở về nhà từ một đám cưới, nơi ông đã chơi đàn vĩ cầm. Để đi tắt, ông cắt ngang cánh đồng Bốn Mươi Mẫu nằm ở hướng đó. Trên đồng có một con bò đực đang gặm cỏ. Ôi trời, nó nhìn thấy William, và rượt theo ông, cặp sừng chĩa xuống đất; dù William cố chạy nhanh hết sức, và chưa say m嚴重 (hãy xét tới việc đó là một đám cưới, và mọi người say lăn lóc cà), ông nhận ra ông không bao giờ tới được bờ rào và nhảy qua kịp thời để tự cứu lấy mình. Ồ, rốt cuộc ông sực nghĩ ra một việc, ông vừa chạy vừa rút cây đàn ra, và chơi một điệu jig, rồi quay mặt về phía con bò, lưng hướng vào một góc. Con bò dịu lại và đứng im, trừng trừng nhìn ông. Ông cứ tiếp tục kéo đàn như thế, cho tới khi một kiểu nụ cười xuất hiện trên mặt của con bò. Nhưng ngay khi William ngưng đàn và quay lại để nhảy qua bờ rào, con bò thôi cười và hạ thấp cặp sừng về phía mông của ông. Thế là William phải quay lại và chơi tiếp, dù muốn hay không; lúc

đó chỉ mới ba giờ sáng, ông biết rằng sẽ không có ai đi qua chỗ đó suốt nhiều giờ nữa, ông hoảng hốt và mệt đến độ không còn biết phải làm gì. Khi đã kéo đàn tới bốn giờ, ông cảm thấy quả thật ông sẽ phải sớm ngưng đàn, và ông tự nhủ: “Chỉ còn điệu nhạc cuối giữa mình và hạnh phúc vĩnh cửu! Xin Trời cao cứu con, không thì con tiêu đời.” Lúc đó ông sực nhớ ra ông đã nhìn thấy lũ gia súc quỳ gối vào lúc nửa đêm trước lề Giáng sinh. Lúc bấy giờ không phải là đêm trước lề Giáng sinh, nhưng ông chợt nghĩ phải đánh lừa con bò một vố. Thế là ông chơi bài Thánh ca Giáng sinh, như đang chơi trong một ca đoàn hát mừng lề Giáng sinh; và, coi kia, con bò đực ngốc nghếch khuỵ gối xuống, như thể lúc đó là đêm và giờ khắc Giáng sinh thật sự. Ngay khi anh bạn có sừng quỳ xuống, William quay lại và ba chân bốn cẳng bò chạy, rồi nhảy qua bờ rào an toàn trước khi con bò đang cầu nguyện đứng lên trở lại để rượt theo ông. William thường nói rằng ông đã nhiều lần gặp một gã đàn ông trông như một gà ngốc, nhưng chưa bao giờ có gã ngốc nào trông giống như con bò đực đó khi nó nhận ra sự sùng đạo của mình đã bị chơi khăm, và đó không phải là đêm trước lề Giáng sinh. Phải, William Dewy, đó là tên của ông; và tôi có thể nói với các bạn chính xác tới từng bộ nơi ông đang nằm ở nhà thờ Mellstock ngay lúc này - ngay giữa cây thông đò thứ hai và gian nhà thờ phía bắc.”

“Đó là một câu chuyện lạ lùng; nó đưa chúng ta trở lại thời kỳ trung cổ, khi đức tin là những điều sống động!”

Lời nhận xét, rất khác thường đối với một sân trang trại nuôi bò sữa, được lăm băm bởi giọng nói ở phía sau con bò cái nâu; nhưng vì không ai hiểu nó ám chỉ cái gì nên không ai chú ý tới nó, ngoại trừ người kể chuyện. Dường như ông nghĩ rằng nó hàm ý nghe câu chuyện của mình.

“Nó hoàn toàn đúng thế, thưa ông, chắc chắn là thế. Tôi biết rất rõ người đó.”

“Ô, vâng; tôi không hề nghi ngờ gì về nó,” người ngồi phía sau con bò cái nâu đáp.

Tess bắt đầu chú ý tới người đối đáp với ông chủ trại. Nàng chỉ nhìn thấy một phần nhỏ của anh ta, do anh ta cúi đầu vào sườn của con bò sữa. Nàng không hiểu vì sao anh ta được gọi bằng “ông”, thậm chí bởi chính ông chủ trại. Nhưng không có lý giải nào khả dĩ; anh ta vẫn ở bên dưới con bò, dù lâu để vắt sữa được ba con, thỉnh thoảng thốt lên một từ cảm thán, như thể anh ta không thể làm tiếp nữa.

“Cứ làm thật nhẹ nhàng, thưa ông, thật nhẹ nhàng,” ông chủ trại nói. “Hiệu quả là ở sự khéo léo chứ không phải sức mạnh.”

“Tôi cũng nhận ra điều đó,” người kia đáp, rốt cuộc cũng đứng và duỗi thẳng đôi tay. “Tôi nghĩ dù sao tôi cũng đã vắt xong, dù nó khiến những ngón tay của tôi đau nhừ.”

Lúc này Tess có thể nhìn rõ anh ta. Anh ta đeo một tấm tạp dề bình thường, mang đôi xà cạp da của một chủ trại bò sữa khi vắt sữa, và đôi ủng của anh ta chìm trong lớp mùn phủ của sân trại; nhưng đó là toàn bộ những gì gần gũi với địa phương của anh ta. Bên dưới lớp y phục là một con người có học thức, kín đáo, tinh tế, buồn bã, khác biệt.

Nhưng các chi tiết bể ngoài của anh ta tạm thời bị đẩy lùi sang bên bởi phát hiện rằng anh ta là một người nàng từng gặp trước đây. Tess đã trải qua nhiều thăng trầm kể từ dạo ấy đến độ nàng không thể nhớ ra ngay đã gặp anh ta ở đâu; rồi nàng suy nghĩ ra anh ta là người khách bộ hành đã tham gia cuộc khiêu vũ lễ hội ở Marlott - người khách lạ đi ngang mà nàng không biết từ đâu đến, đã nhảy với những người khác

nhưng không nhảy với nàng, và đã nhanh chóng lên đường, tiếp tục hành trình với các bạn của mình.

Dòng hồi ức cuồn cuộn quay về cùng với sự cố xảy ra trước khi nàng gặp nạn khiến nàng tạm thời mất tinh thần, vì e rằng nhờ phương tiện nào đó anh ta sẽ phát hiện ra câu chuyện của mình. Nhưng nó tan biến đi khi nàng nhận thấy không có dấu hiệu ghi nhớ nào ở anh ta. Nàng dần dần thấy rằng từ lần gặp đầu tiên và duy nhất đó, gương mặt dễ thay đổi của anh ta đã trở nên trâm tư hơn, đã có thêm một hàng ria mép và bộ râu quai nón của một thanh niên. Bộ râu có màu rơm nhạt ở điểm bắt đầu của nó trên hai gò má, và chuyển sang màu nâu thẫm ở phía dưới cằm. Dưới tẩm tạp để vắt sữa bằng vải lanh, anh ta mặc áo khoác nhung màu sẫm, áo sơ mi trắng hổ bột, quần dài và mang một đôi ghê. Nếu không có những thứ công cụ vắt sữa, không ai có thể đoán ra anh ta làm nghề gì. Anh ta có khả năng tương đương để là một địa chủ hay một chủ nông trại. Nàng sớm nhận ra anh ta chỉ là một người học việc từ thời gian anh ta phải bỏ ra để vắt sữa một con bò.

Trong lúc đó, nhiều cô thợ vắt sữa khác đã thi thào với nhau về người mới tới: "Chị ấy thật xinh đẹp!" với sự rộng lượng và ngưỡng mộ thật sự, dù ngầm ngầm hy vọng rằng số còn lại sẽ phản đối; và thật sự họ đã phản đối, vì xinh đẹp là một định nghĩa không chính xác về sự quyến rũ của Tess. Khi công việc buổi chiều kết thúc, họ đi rải rác vào nhà, nơi bà Crick, vợ ông chủ trại - người quá khà kinh để ra ngoài vắt sữa, mặc một cái áo ấm bằng len trong tiết trời ấm áp chỉ vì mấy cô thợ vắt sữa mặc áo vải in hoa - đang để mắt tới việc chế biến sữa và những việc linh tinh khác.

Tess được biết chỉ có hai cô gái ngủ trong ngôi nhà của trang trại ngoài nàng; hầu hết số còn lại đều về nhà của

họ. Trong bữa ăn tối, nàng không nhìn thấy bóng dáng của chàng trai vắt sữa có địa vị xã hội cao, người đã nhận xét về câu chuyện đâu cà, nhưng không hỏi gì về anh ta. Thời gian còn lại của buổi tối, nàng dành cho việc chuẩn bị chở ngủ trong căn phòng ngủ. Đó là một căn phòng rộng, dài khoảng ba mươi bộ; giường của ba cô thợ khác trong nhà cũng đặt trong đó. Họ là những cô gái đang độ thanh xuân, và lớn tuổi hơn nàng một chút, trừ một người. Khi tới giờ ngủ, Tess mệt nhừ cả người, và lập tức rơi vào giấc ngủ.

Nhưng một trong số các cô gái, người đang chiếm cái giường bên cạnh, còn tỉnh ngủ hơn Tess và cứ nhất quyết kể cho nàng nghe nhiều đặc điểm khác nhau của ngôi nhà mà nàng vừa bước vào. Những lời thì thầm của nàng ta trộn lẫn vào những cái bóng, và với đầu óc đang lơ mơ ngủ của Tess dường như chúng được tạo nên bởi bóng đêm và trôi bồng bồng trong đó.

“Anh Angel Clare - người đang học cách vắt sữa và biết chơi đàn hạc - không bao giờ nói nhiều với bọn tôi. Anh là con trai của một vị cha xứ, và quá chìm đắm vào những ý nghĩ của mình nên không để ý tới các cô gái. Anh là học trò của ông chủ trại, đang học hỏi tất cả các lĩnh vực trong nông trại. Anh đã học cách nuôi cừu ở một nơi khác, và giờ anh đang học cách vắt sữa... Phải, anh đúng là một quý ông bẩm sinh. Ba anh là Đức Cha Clare ở Emminster, cách đây khá nhiều dặm.”

“À, tôi có nghe nói về ông.” Tess đáp, giờ nàng đã tinh ngủ. “Một linh mục rất nghiêm chỉnh, phải không?”

“Phải, ông đúng là thế, người đàng hoàng nhất trong toàn vùng Wessex, thiên hạ nói thế. Người cuối cùng của Hạ Giáo hội cổ xưa, họ nói với tôi như thế, vì quanh vùng này toàn là

linh mục của Thượng Giáo hội⁽¹⁾. Tất cả con trai của ông, trừ anh Clare, cũng được phong làm cha xứ.”

Vào giờ khắc này, Tess không đủ tò mò để hỏi vì sao Clare không được phong làm cha xứ như các anh của mình, và dần rơi vào giấc ngủ trở lại. Những lời của cô bạn bên cạnh đến với nàng cùng với mùi pho mát trong căn gác chứa pho mát kế bên, và tiếng nhỏ giọt đều đều của nước sữa từ quá trình chế biến bơ ở tầng dưới.

1. Hai nhánh giáo phái đối lập trong Giáo hội Anh giáo. Hạ Giáo hội (*The Low Church*) ít nhấn mạnh tới các nghi thức, bí ẩn và thẩm quyền của linh mục, ngược với chủ trương của Thượng Giáo hội (*The High Church*).

Chương 18

Angel Clare tái xuất hiện từ quá khứ không hoàn toàn như một nhân vật nổi bật, mà như một giọng nói dễ nghe, một cái nhìn lâu, chăm chú của đôi mắt lơ đãng, cái miệng linh động, hơi quá nhò và thanh mảnh đối với một người đàn ông, dù thỉnh thoảng bờ môi dưới bất ngờ mím chặt với vẻ dứt khoát; dù để bác bỏ bất cứ suy luận nào về sự thiếu quả quyết. Dù sao, một cái gì đó mơ hồ, không rõ rệt, thiếu tập trung trong thái độ và ánh mắt của anh cho thấy hầu như chắc chắn rằng anh không có một mục tiêu hay mối quan tâm xác định nào đối với tương lai vật chất của mình. Thế nhưng mọi người có thể nói về anh rằng đây là một thanh niên có khả năng làm bất cứ điều gì nếu cố gắng.

Anh là con trai út của một cha xứ nghèo ở đầu kia của hạt, và đã tới trại bò sữa Talbothays với tư cách một người học việc sáu tháng, sau khi đã ghé qua một số nông trại khác. Mục đích của anh là thủ đắc một kỹ năng thiết thực trong nhiều hoạt động nông trại khác nhau để tới làm ăn sinh sống ở những vùng thuộc địa hoặc làm chủ một trang trại gia đình, tùy theo hoàn cảnh.

Việc anh bước vào lĩnh vực nông nghiệp và chăn nuôi là bước đi trong sự nghiệp của một chàng trai mà cả chính anh hay những người khác đều không thể dự đoán trước.

Khá lâu sau khi bà vợ đầu tiên qua đời và để lại một cô con gái, ông Clare lớn tuổi cưới bà vợ thứ hai. Điều khá bất ngờ là quý bà này sinh cho ông ba cậu con trai, thế nên giữa Angel, cậu con út, và vị cha xứ dường như có khoảng cách một thế hệ. Trong số những người con trai, Angel, đứa con ở tuổi già của ông, là kẻ duy nhất không có một bằng cấp đại học, dù anh là người duy nhất trong số họ có một tương lai đầy hứa hẹn đối với học vấn bậc cao.

Một ngày nọ, khoảng hai hoặc ba năm trước khi Angel xuất hiện ở cuộc khiêu vũ trong thôn Marlott, khi anh đã rời trường trung học và đang theo đuổi các nghiên cứu tại nhà, một gói hàng được chuyển tới nhà của vị cha xứ từ hiệu sách địa phương, và được giao cho Đức Cha James Clare. Vị cha xứ mở gói hàng ra, thấy nó chứa một cuốn sách; ông đọc thử vài trang rồi đứng bật dậy và đi thẳng tới hiệu sách với cuốn sách dưới cánh tay.

“Vì sao cuốn sách này được gửi tới nhà tôi?” ông vừa cau có hỏi vừa giơ cuốn sách ra.

“Nó đã được đặt mua, thưa ông.”

“Không phải tôi hay bất cứ người nào trong nhà tôi, tôi vui mừng nói thế.”

Người chủ hiệu sách nhìn vào cuốn sổ đặt hàng.

“Ô, nó đã bị giao nhầm, thưa ông. Nó do cậu Angel Clare đặt mua, và lẽ ra phải được giao cho cậu ta.”

Ông Clare nhăn mặt như thể bị đấm. Ông quay về, tái mét và thất vọng, gọi Angel vào thư phòng của mình.

“Con hãy nhìn cuốn sách này xem” ông nói. “Con biết gì về nó?”

“Con đã đặt mua nó” Angel đáp đơn giản.

“Để làm gì?”

“Để đọc.”

“Làm sao con có thể nghĩ tới việc đọc nó chứ?”

“Làm sao con có thể ư? Sao chứ, nó là một hệ thống triết học. Không có tác phẩm đã xuất bản nào có tinh thần đạo đức, thậm chí có tính chất tôn giáo hơn thế.”

“Phải, khá đạo đức; ta không phù nhận điều đó. Nhưng tính chất tôn giáo! Và với con, kè dự định trở thành một linh mục rao giảng Phúc âm!”

“Thưa cha, vì cha đã ám chỉ tới vấn đề đó, con muốn nói, một lần và mãi mãi, rằng con không muốn trở thành giáo sĩ.” Người con trai nói, với vẻ băn khoăn hiện rõ trên nét mặt. “Con e là con không đủ tận tâm để làm điều đó. Con yêu Giáo hội như một người yêu cha mẹ mình. Con sẽ luôn có tình cảm nồng ấm nhất dành cho nó. Con không ngưỡng mộ sâu sắc lịch sử của một thể chế nào hơn thế; nhưng thật tình con không thể thụ phong để trở thành giáo sĩ như các anh của con, khi việc đó khước từ sự giải phóng tâm trí con khỏi việc thờ cúng một Chúa Trời hứa hẹn sự cứu rỗi.”

Vị cha xứ thẳng tính và chất phác chưa bao giờ nghĩ rằng một trong những đứa con huyết nhục của mình có thể quan niệm như thế! Ông choáng váng, bị sốc và đờ người ra. Nếu Angel không muốn vào giáo hội, việc gửi anh tới Cambridge còn có ích lợi gì? Trường đại học đó, với ý nghĩa dường như không gì khác ngoài bước tiến tới sự phong chức giáo sĩ, với ông là một ý tưởng xác định, một lời nói đầu không cần tới nội dung cuốn sách. Ông không chỉ là một tín hữu mà còn là một người sùng đạo; một tín đồ kiên trung - không phải theo nghĩa một cụm từ hiện giờ được giải thích một cách lăng tránh bởi những kẻ bịa bợm trong và ngoài Giáo hội,

mà theo nhận thức xưa cũ và nồng nhiệt của trường phái Phúc âm: một người có thể

Thật sự cho rằng

Sự VĨnh cửu và Thiêng liêng

Cách nay mười tám thế kỷ

Đã nằm trong chân lý...⁽¹⁾

Ông cố lý luận, thuyết phục, nài nỉ con trai.

“Không, thưa cha, con không thể tán thành Tín Điều Thứ Tư⁽²⁾ (chưa nói tới số còn lại), khi hiểu nó ‘theo nghĩa đen và ngữ pháp’ như được yêu cầu bởi Bản Tuyên Ngôn; và do đó con không thể là linh mục trong tình trạng này.” Angel nói. “Toàn bộ bản năng của con về vấn đề tôn giáo đều là hướng tới việc tái kiến thiết; xin trích dẫn Thư của Sứ Đô gửi người Hebrew mà cha ưa thích, ‘hãy bỏ đi những thứ hư hoại trong số những thứ được [Chúa Trời] tạo nên, hãu giữ nguyên những thứ không thể hư hoại.’”⁽³⁾

Cha anh tỏ ra đau khổ đến độ Angel không nỡ nhìn ông.

“Việc ta và mẹ con chắt bóp tằn tiện để cho con một nền giáo dục đại học còn có ích lợi gì, nếu nó không được sử dụng cho việc làm sáng danh đức Chúa Trời?” cha anh lặp lại.

“Sao chứ, nó có thể được sử dụng để làm sáng danh con người, thưa cha.”

Có lẽ nếu Angel kiên nhẫn, anh đã có thể tới Cambridge như các anh của mình. Nhưng quan điểm của vị cha xứ, vốn chỉ xem sự học như một bàn đạp để đi tới Sự thụ phong,

1. Trích từ bài thơ “Easter Day” của nhà thơ Anh Robert Browning (1812 - 1889).

2. Một trong 39 Tín Điều của Giáo hội Anh (được soạn thảo năm 1563); khẳng định sự phục sinh thật sự của Chúa Jesus.

3. Hebrews 12:27

hoàn toàn là một truyền thống gia đình; và ý tưởng đó ăn sâu vào tâm trí ông đến độ đối với cậu con trai nhạy cảm sự kiên nhẫn có vẻ giống như một toan tính lạm dụng lòng tin, và một cách đối xử bất công với đầu óc sùng đạo của cha mẹ mình. Như cha anh nói, họ đã phải sống rất tằn tiện để thực hiện kế hoạch giáo dục như nhau cho ba cậu con trai.

Cuối cùng Angel nói: “Con sẽ ổn mà không cần phải vào Cambridge. Con cảm thấy con không có quyền tới đó trong hoàn cảnh thế này.”

Hậu quả của cuộc tranh luận mang tính chất quyết định này xảy ra rất nhanh chóng. Anh đã dành nhiều năm cho những nghiên cứu, công việc và suy tư rời rạc; anh bắt đầu tỏ ra khá thờ ơ với các hình thức và quy ước xã hội. Anh ngày càng coi thường những khác biệt về tầng lớp và gia sản. Thậm chí cái “gia đình cũ tốt đẹp” (một cụm từ được ưa chuộng tại địa phương vào thời điểm đó) cũng chẳng có ý nghĩa gì với anh trừ phi có những quyết tâm mới tốt đẹp ở những người đại diện của nó. Như một sự cân bằng với những quan niệm khắc khổ này, khi tới sống ở Luân Đôn để xem cuộc đời ra sao, và để làm một nghề chuyên môn hoặc kinh doanh tại đó, anh đã mất tự chủ rồi suýt sập bẫy của một phụ nữ lớn tuổi hơn anh nhiều, dù anh may mắn thoát được mà không phải trả một cái giá quá lớn cho kinh nghiệm đó.

Sự ghen gùi từ thời thơ ấu với những miền quê hiu quạnh đã hình thành trong anh một ác cảm không thể kiểm chế và hầu như phi lý đối với đời sống thị dân hiện đại, và ngăn anh đạt được thành công mà anh mong mỏi bằng cách đi theo tiếng gọi thế tục thay vì tiếng gọi tinh thần không thiết thực. Nhưng anh phải làm một cái gì đó; anh đã lãng phí nhiều năm quý báu; và do có người quen vừa bắt đầu cuộc sống phát đạt với tư cách chủ nông trại ở thuộc địa, Angel chợ

nghĩ rằng đây có thể là hướng đi đúng đắn. Làm nông, ở các nước thuộc địa, Mỹ, hoặc tại quê nhà - làm nông, với bất cứ giá nào, sau khi trở nên đủ khả năng cho công việc này bằng cách học nghề cẩn thận - đó là một nghề nghiệp hầu như chắc chắn đảm bảo cho một sự độc lập mà không cần phải hy sinh điều anh đánh giá thậm chí còn cao hơn khoản thu nhập đủ để sống sung túc: sự tự do trí tuệ.

Vì thế chúng ta gặp lại quý ông Angel Clare hai mươi sáu tuổi tại nông trại Talbothays này, với tư cách một người học nghề chế biến sữa bò, và vì không tìm được nơi trọ thích hợp ở một nhà nào khác gần đó, anh ở trọ tại nhà của ông chủ trại.

Phòng của anh là căn gác mái rộng rãi chạy suốt chiều dài của ngôi nhà. Chỉ có thể lên đó bằng cái thang từ kho chứa pho mát; nó đã bị đóng cửa một thời gian dài cho tới khi anh tới và chọn nó làm nơi ở. Ở đây Clare có nhiều không gian, và những người trong trại thường nghe thấy tiếng chân anh tới lui khi cả nhà đã đi nghỉ. Có một tấm màn ngăn căn phòng thành hai phần, phía sau nó là cái giường của anh, phần phía ngoài được trang bị đồ đạc như một căn phòng khách đơn giản.

Lúc đầu anh sống hoàn toàn trên đó, đọc khá nhiều, và chơi một cây đàn hạc cũ mà anh đã mua trong một cuộc bán hạ giá. Anh thường nói với vẻ khôi hài pha cay đắng rằng một ngày nào đó anh có thể kiếm sống trên đường phố nhờ cây đàn này. Nhưng ít lâu sau anh muốn tìm hiểu bản chất con người bằng cách dùng bữa trong phòng ăn chung ở nhà bếp cùng với ông chủ trại, vợ ông, và một số thợ nam nữ, tất cả hình thành một nhóm vui vẻ; vì dù khá ít thợ ngủ trong ngôi nhà đó, nhiều người tham gia các bữa ăn cùng gia đình. Càng sống lâu ở đây, Clare càng quý mến các bạn anh, và càng thích chia sẻ nơi ăn ở chung với họ.

Anh khá ngạc nhiên khi tìm được một niềm vui thật sự ở tình bạn của họ. Hình ảnh người nông dân truyền thống trong trí tưởng của anh - được hình tượng hóa trong báo chí bởi một nhân vật đần độn đáng thương gọi là “Nông phu” - đã bị xóa tan sau vài ngày sống ở đây. Khi sống gần gũi với họ, anh không nhìn thấy một Nông phu dốt nát nào hết. Quả thật, thoát tiên khi hiểu biết của Clare từ một xã hội tương phản còn mới mè, những người bạn mà hiện giờ anh trở nên thân thiết có vẻ hơi lạ lùng. Việc ngồi với tư cách một thành viên bình đẳng của gia đình ông chủ trại hổ đấu đường như là một hành động hạ thấp phẩm giá. Những quan niệm, lối sống và môi trường xung quanh có vẻ lạc hậu và vô nghĩa. Nhưng khi sống ở đó ngày này sang ngày khác, kẻ tạm trú có đầu óc sâu sắc bắt đầu ý thức được một phương diện mới của hoàn cảnh. Dù không có bất cứ thay đổi khách quan nào, sự đa dạng thế chỗ cho sự đơn điệu. Ông chủ nhà và vợ ông, những người thợ nam và nữ, khi trở nên quen biết thân tình với Clare, bắt đầu trở thành những cá thể khác nhau như trong một quá trình hóa học. Anh hiểu rõ hơn ý tưởng của Pascal: “*À mesure qu'on a plus d'esprit, on trouve qu'il y a plus d'hommes originaux. Les gens du commun ne trouvent pas de différence entre les hommes.*”⁽¹⁾ Hình ảnh người Nông phu dốt nát diễn hình và cố định không còn tồn tại. Y đã bị phân hủy thành những cá thể khác nhau - những con người có tâm hồn vô cùng khác biệt; một số người hạnh phúc, nhiều người thanh thản, một vài người ưu phiển, đôi khi có một người thông tuệ thậm chí tới mức thiên tài, một số ngốc nghếch, số khác tinh quái, số

1. Trích trong tác phẩm *Pensees* (Suy tưởng) của Blaise Pascal (1602 - 1674), triết gia và nhà toán học người Pháp. Có nghĩa là: “Ở mức độ một người có trí thông minh, người ta thấy rằng các cá thể có những phẩm chất khác biệt nhau. Những người bình thường không nhận thấy sự khác biệt của họ.”

khác nữa khắc khốc; một số lặng lẽ theo kiểu Milton, một số tiếc ẩn khí chất của Cromwell⁽¹⁾ - phân hủy thành những con người có quan điểm riêng về nhau, như quan điểm của anh đối với các bạn của mình; những kẻ có thể ủng hộ hoặc coi thường nhau, cảm thấy vui vẻ hay buồn bã khi nhìn thấy những nhược điểm hoặc thói xấu của nhau; những kẻ mà từng người trong số họ bước đi theo cách thức riêng biệt của mình trên con đường tới cái chết và tro bụi.

Anh đột nhiên thích cuộc sống ngoài trời vì chính nó, và vì những điều nó mang tới, ngoài mối liên quan giữa nó với mục đích nghề nghiệp của anh. Khi xét về vị trí của mình, anh thoát một cách diệu kỳ khỏi nỗi buồn thâm căn cố để đang xâm chiếm những chủng tộc văn minh với sự sụt giảm niềm tin vào một Quyền năng từ ái. Lần đầu tiên trong suốt những năm gần đây anh có thể đọc tùy sở thích, không bận tâm tới một nghề nghiệp chuyên môn, vì vài cuốn sổ tay nghề nông mà anh cho là cần nắm vững chỉ chiếm của anh chút ít thời gian.

Anh trở nên độc lập với những quan hệ cũ, nhìn thấy một cái gì đó mới mẻ trong cuộc sống và con người. Tiếp đến, anh kết bạn thân tình với những hiện tượng mà anh chỉ biết một cách mù mờ trước đó - trạng thái của những mùa, sớm mai và chiều tối, đêm và sáng trăng, những làn gió với tính cách khác nhau, cây cối, những dòng nước và làn sương, bóng tối và sự thịnh lặng, rồi tiếng nói của vạn vật vô tri.

Những buổi sớm mai vẫn còn khá lạnh và cần có một lò sưởi vừa phải trong căn phòng rộng mà họ ăn sáng; và theo lệnh của bà Crick, vốn khăng khăng rằng anh là người quá quý phái nên không thể ngồi chung bàn với họ, Angel Clare

1. John Milton (1608 - 1674): nhà thơ, học giả, nhà hùng biện nổi tiếng người Anh. Oliver Cromwell (1599 - 1658): lãnh tụ quân sự và chính trị Anh.

có thói quen ngồi trong góc ống khói vào bữa ăn, tách, đĩa lót và đĩa thức ăn đặt trên một cái bàn gấp có bàn lề. Ánh sáng từ khung cửa sổ dài rộng có chấn song hắt ngược vào chỗ anh ngồi, được bổ sung bởi ánh sáng thứ hai có sắc xanh trời lạnh lẽo rơi xuống từ ống khói, cho phép anh đọc dễ dàng vào bất cứ lúc nào. Giữa Clare và khung cửa sổ là cái bàn mà các bạn anh ngồi, nét mặt nghiêm trong lúc đang nhai của họ nổi rõ trên những tấm kính; cửa kho chứa sữa nằm ở một phía, qua đó có thể nhìn thấy những cái bồn bằng chì hình chữ nhật chứa đầy tràn tới miệng số sữa vắt được của buổi sáng. Ở đầu xa hơn là cái thùng đánh bơ đang xoay tròn, phát ra âm thanh nhóc nhách, với nguồn lực chuyển động là một con ngựa lùi dù di chuyển theo một đường tròn dưới sự điều khiển của một cậu bé ở mé ngoài cửa sổ.

Suốt nhiều ngày sau khi Tess tới, Clare vẫn ngồi đó, lơ đãng đọc một cuốn sách nào đó, một tạp chí định kỳ, hoặc một bản nhạc vừa được bưu điện chuyển tới, hầu như không nhận thấy sự hiện diện của nàng ở bàn ăn. Nàng nói rất ít, các cô gái khác nói nhiều đến độ anh không hề chú ý những tiếng chuyện trò ríu rít và vẫn giữ thói quen làm ngơ trước những diễn biến xung quanh. Tuy nhiên, một hôm nọ, sau khi nghiên ngắm một trong những bản nhạc, và do tác động của trí tưởng tượng, anh nghe thấy một giai điệu trong đầu và ngồi thử người ra, bản nhạc lăn tới gần lò sưởi. Anh nhìn ngọn lửa đang xoay tròn trên đinh trong một vũ điệu hấp hối sau giờ nấu thức ăn và nước sôi cho bữa điểm tâm, dường như nó đang nhảy múa theo giai điệu trong tâm trí của anh; hai cái móc ống khói thòng xuống từ thanh ngang bám đầy bồ hóng cũng rung động theo giai điệu đó; cả cái ấm nước đã với phần nửa cũng vui vẻ reo lên khúc nhạc đệm. Cuộc trò chuyện ở bàn trộn lẫn vào bàn hòa tấu tưởng tượng của anh

cho tới khi anh sực nghĩ: “Giọng của một trong các cô thợ vắt sữa này thật là thánh thót! Chắc là giọng của một người mới.”

Clare quay lại nhìn nàng; nàng đang ngồi giữa những người khác.

Nàng không nhìn về phía anh. Thật sự, vì anh đã im lặng rất lâu, mọi người hầu như quên mất sự có mặt của anh trong phòng.

“Tôi không biết về những hồn ma” nàng đang nói. “Nhưng tôi biết linh hồn của chúng ta có thể đi ra khỏi cơ thể khi chúng ta đang sống.”

Ông chủ trại quay sang nàng, miệng đầy thức ăn, đôi mắt chứa đầy nghi vấn, con dao và cái nĩa to của ông (bữa ăn sáng ở đây đúng nghĩa là bữa ăn sáng) cầm thẳng trên bàn, như hai thanh dọc của một cái giá treo cổ.

“Giùm chứ? Thật thế à? Có thật vậy không, cô gái?”

“Một cách rất dễ để cảm thấy chúng đi” Tess nói tiếp, “là nằm trên cỏ vào ban đêm và nhìn thẳng vào một vì sao lớn nào đó; bằng cách gần tâm trí vào nó, ông sẽ sớm nhận ra rằng ông đang ở cách xa thân thể của mình nhiều vạn dặm, điều mà đường như ông không muốn chút nào.”

Ông chủ trại rời mắt khỏi Tess và nhìn sang vợ mình.

“Đó là một điều kỳ quặc, phải không? Khi nghĩ tới nhiều dặm mà tôi đã trãi qua vào những đêm sao sáng trong suốt ba mươi năm qua, để hẹn hò, đi công việc, mời bác sĩ hay y tá, thế nhưng chưa bao giờ nghĩ gì về chuyện đó cho tới tận bây giờ, hoặc cảm thấy linh hồn tôi bay lên quá một phân bên trên cổ áo của tôi.”

Sự chú ý chung hướng vào nàng, bao gồm đôi mắt của ông chủ trại. Tess đỏ mặt và nhận xét với vẻ lảng tránh rằng đó chỉ là một tưởng tượng, và tiếp tục bữa ăn.

Clare tiếp tục quan sát nàng. Không lâu sau đó nàng kết thúc bữa ăn, và khi nhận ra Clare đang nhìn mình, nàng bắt đầu đưa ngón tay trò lẩn theo những hoa văn tưởng tượng trên tấm khăn trải bàn với sự e dè của một con gia súc biết rằng nó đang bị theo dõi.

“Cô thợ này đúng là một nàng con gái tươi tắn và trinh bạch của Tự nhiên!” Clare tự nhủ.

Sau đó, dường như anh nhận ra ở nàng một nét quen thuộc nào đó, một nét gì đó đưa anh quay lại một quá khứ vui tươi và không biết lo xa, trước khi sự cẩn thiết của việc suy tư đã làm xám xịt bầu trời. Anh kết luận rằng anh đã nhìn thấy nàng trước đó; nhưng không biết là ở đâu. Chắc chắn đó là một cuộc gặp gỡ tình cờ trong lúc lang thang ở miền quê, và anh không còn ngờ gì về điều đó. Nhưng hoàn cảnh đủ để dẫn anh tới việc chọn Tess trong số những cô thợ vắt sữa xinh đẹp khác khi anh muốn ngắm nhìn nữ giới ở gần mìn.

Chương 19

Nói chung, lũ bò được vắt sữa khi chúng về trại, không theo sở thích hay chọn lựa. Nhưng một số con nhất định tỏ ra thích một đôi bàn tay cụ thể hơn, và đôi khi đưa sự ưa thích này xa tới mức chúng từ chối không chịu đứng yên trừ khi được người chúng ưa thích vắt sữa, và sẽ không ngần ngại đá văng cái xô của một người lạ.

Nguyên tắc của ông chủ trại Crick là cương quyết xóa bỏ những sở thích và ác cảm này bằng cách thường xuyên đổi chỗ cho nhau, vì nếu không làm như thế, khi một thợ vắt sữa nam hay nữ vắng mặt ở trang trại, ông sẽ gặp khó khăn. Tuy nhiên, mục đích của các cô thợ lại trái ngược với nguyên tắc của ông, việc chọn lựa tám hay mười con bò mà mỗi cô gái đã trở nên quen thuộc giúp cho công việc với những cái vú săn lòng của chúng trở nên dễ dàng và không cần cố gắng đến mức đáng ngạc nhiên.

Như các bạn của mình, Tess sớm nhận ra những con bò nào ưa thích cách thao tác của mình, và do những ngón tay của nàng đã trở nên yếu ớt từ cuộc tự nhốt mình trong nhà kéo dài khi không có việc làm trong hai ba năm vừa qua, nàng rất vui mừng khi đáp ứng được quan điểm của những con bò về khía cạnh này. Trong số tổng cộng chín mươi lăm con bò sữa có tám con cụ thể: Im Im, Dễ Thương, Kiêu Kỳ,

Sương Mù, Đẹp Lào, Mỹ Nữ, Sạch Sẽ và To Mồm. Dù đâu vú của một hai con cứng như những củ cà rốt, chúng tạo điều kiện dễ dàng cho nàng, biến việc vắt sữa thành việc đơn giản chạm những ngón tay vào mấy cái vú. Tuy nhiên, do biết mong muôn của ông chủ trại, nàng cố gắng tiếp nhận một cách ngẫu nhiên một số con để vắt sữa ngay khi chúng về tới, trừ những con rất khó chịu mà nàng chưa thể xoay xở được.

Nhưng nàng sớm nhận ra một sự tương ứng lạ lùng giữa vị trí có vẻ tình cờ của lũ bò và mong muôn của nàng trong vấn đề này, cho tới khi nàng cảm thấy trật tự của chúng không thể là kết quả của sự ngẫu nhiên. Dạo sau này, người học trò của ông chủ trại đã góp một tay trong việc gom lũ bò lại, và khi quay mặt sang phía anh lần thứ năm hoặc thứ sáu, trong lúc tựa vào con bò, ánh mắt của nàng chứa đầy những câu hỏi thầm kín.

“Ông Clare, ông đã sắp xếp thứ tự của lũ bò!” nàng nói, đỏ mặt; và khi đưa ra lời cáo buộc, những dấu hiệu của một nụ cười nhẹ nhàng nâng môi trên của nàng lên bất chấp ý muôn của nàng, để lộ đầu của hai hàm răng, dù bờ môi dưới của nàng vẫn nghiêm trang bất động.

“À, việc đó cũng không tạo ra khác biệt nào” anh đáp.
“Cô sẽ luôn ở đây để vắt sữa chúng.”

“Ông nghĩ thế à? Tôi hy vọng tôi sẽ! Nhưng tôi không biết.”

Sau đó nàng tự giận bản thân, nghĩ rằng do không biết những lý do chủ yếu của nàng đối với ý thích tách biệt với mọi người này, có thể anh đã hiểu lầm ý của nàng. Nàng đã nói rất nghiêm túc với anh, như thể sự hiện diện của anh theo cách nào đó là một nhân tố trong mong muôn của nàng. Nỗi lo buồn của nàng là thế đó khi trời sụp tối và việc vắt sữa

đã kết thúc. Nàng thơ thẩn trong vườn một mình, tiếp tục hối tiếc vì đã tiết lộ với Clare việc nàng phát hiện ra sự quan tâm của anh.

Đó là một buổi chiều hè điển hình trong tháng Sáu, bầu không khí ở trạng thái cân bằng vi tế và có tính chất truyền dẫn đến độ dường như những vật thể vô tri cũng được phú cho hai hoặc ba giác quan, nếu không phải năm. Không có sự phân biệt giữa gần và xa, và một người lắng nghe cảm thấy gần gũi với mọi thứ trong phạm vi chân trời. Sự thịnh lắng gày cho nàng ấn tượng về một thực thể xác thực hơn là một sự phủ nhận đơn thuần của tiếng động. Và nó bị phá vỡ bởi tiếng đàn réo rắt.

Tess từng nghe những khúc nhạc đó từ trong căn gác mái trên đầu nàng. Mơ hồ, vắng vắng, bị bóp nghẹt bởi tình trạng bị giam hãm, chúng chưa bao giờ thu hút nàng như lúc này, khi chúng lan tỏa trong bầu không khí yên tĩnh với một phẩm chất trần trụi như tranh khỏa thân. Nói đúng ra, cả nhạc cụ và khả năng chơi đàn đều kém cỏi, nhưng tiếng đàn rất hài hòa với cảnh vật bấy giờ, và trong lúc lắng nghe, Tess, như một con chim thích thú, không thể rời khỏi nơi đang đứng. Chẳng những thế, nàng còn tiến về phía người chơi đàn, nấp sau bờ giậu để anh không thể đoán ra sự hiện diện của nàng.

Phản đất bên ngoài khu vườn, nơi Tess đang đứng, đã bị bỏ hoang một số năm, và hiện giờ trở nên ẩm ướt, um tùm cỏ tươi xanh, luôn tung lên những đám bụi phấn hoa khi bị chạm vào; những lùm cỏ cao đang ra hoa tỏa ra một mùi hăng nồng - những loài cỏ mà sắc đỏ, vàng và tím của chúng tạo thành một hình ảnh nhiều màu, rực rỡ không kém chi những loài hoa được trồng. Nàng bước rón rén như một con mèo qua tấm thảm thực vật um tùm này, vạt vẩy bám đầy

bọt lá, những con ốc sên vờ răng rắc dưới chân, hai bàn tay dính đầy nhựa cây kế và nhớt sên; nàng phùi khỏi hai cánh tay trần những con bọ vừng nhớp nháp mà dù trắng như tuyết trên thân cây táo lại tạo nên những vết bẩn màu tím đỏ trên da nàng. Cứ thế nàng tới rất gần Clare, và vẫn chưa bị nhìn thấy.

Tess không còn ý thức gì về thời gian hay không gian. Cảm giác hạnh phúc mà nàng đã mô tả là có thể tùy ý tạo nên bằng cách nhìn chăm chú vào một vì sao giờ lại xuất hiện, không cần tới bất kỳ quyết định nào của nàng. Nàng trôi dạt bển bồng trên âm điệu khẽ khàng của cây đàn hạc cũ, và các hợp âm của nó lướt qua nàng như những làn gió nhẹ, khiến mắt nàng rưng rệ. Phấn hoa bay lảng đãng khắp không gian đường như là những nốt nhạc hữu hình của Clare, và sự ẩm ướt của khu vườn là do nước mắt cảm thương của nó. Dù màn đêm gần sụp xuống, những bông hoa đại thơm nồng vẫn tỏa sáng như thể chúng sẽ không khép lại vì đang mê mải, và những lượn sóng sắc màu hòa lẫn vào những lượn sóng âm thanh.

Ánh sáng vẫn còn nán lại chùy yếu xuất phát từ một khoảng trống lớn trong tầng mây phía tây. Nó giống như một mảnh nhỏ của ngày tinh cờ bị bỏ lại, trong khi bóng tối đã khép lại ở những nơi khác. Clare kết thúc khúc nhạc u buồn, một giai điệu rất giản đơn, không đòi hỏi nhiều kỹ thuật; và nàng chờ đợi, nghĩ anh có thể bắt đầu một bài khác. Nhưng vì đã mệt, anh ngẫu nhiên đi vòng qua hàng rào, và tiến tới phía sau nàng. Hai má nóng bừng như lửa đốt, Tess di chuyển thật rón rén, gần giống như không cử động.

Tuy nhiên Angel đã nhìn thấy chiếc áo dài mùa hè của nàng, và anh lên tiếng; giọng nói khẽ của anh vang tới chỗ nàng, dù anh còn cách hơi xa.

“Sao cô bò đi theo lối đó vậy Tess?” anh nói. “Cô sợ à?”

“Ô, không, thưa ông, tôi không sợ những thứ ở ngoài trời; nhất là ngay lúc này, khi hoa táo đang rụng và mọi thứ đều rất xanh tươi.”

“Nhưng cô có những nỗi sợ trong nhà, đúng không?”

“À, đúng vậy.”

“Sợ cái gì?”

“Tôi không thể nói.”

“Sữa bị hóa chua?”

“Không.”

“Cuộc sống nói chung.”

“Phải.”

“Chà, tôi cũng vậy, rất thường xuyên. Sống cuộc sống khó khăn này là một việc khá hệ trọng, cô có nghĩ vậy không?”

“Đúng vậy, nếu ông muốn nói theo cách đó.”

“Dù sao, tôi không nghĩ một cô gái trẻ như cô lại nhìn cuộc sống như vậy. Tại sao chứ?”

Nàng ngân ngừ, rồi lặng thinh không đáp.

“Nào, hãy giải bày tâm sự với tôi đi Tess.”

Nàng nghĩ Angel muốn nói về quan niệm của nàng đối với các sự vật, và e thẹn đáp:

“Cây cối có những con mắt tò mò, phải không? Nghĩa là dường như chúng có. Và dòng sông nói, ‘Vì sao anh làm tôi khó chịu với cái nhìn của anh?’ Và dường như ông nhìn thấy một số ngày mai xếp thành một hàng dài. Đầu tiên trong số chúng to nhất và rõ nhất, số còn lại ngày càng nhỏ đi khi càng lúc chúng càng đứng xa hơn; nhưng dường như tất cả chúng nó đều rất dữ dằn độc ác và như thể chúng nói, ‘Ta đang tới!’

Hãy coi chừng ta! Hãy coi chừng ta!... Nhưng ông, thưa ông, ông có thể dựng lên những giấc mơ với âm nhạc của mình, và xua đi tất cả những tưởng tượng kinh khủng đó!"

Anh ngạc nhiên khi nhận ra cô gái trẻ này, dù chỉ là một cô thợ vắt sữa, lại có một khả năng rất hiếm hoi, có thể khiến cho những cô thợ khác sống chung nhà ghen tị: khả năng mô tả những hình ảnh tưởng tượng u buồn như thế. Nàng đã diễn tả những cảm giác hẫu như có thể gọi là những cảm giác của thời đại - cách nhìn đời hiện đại đầy đau đớn - bằng những cụm từ bàn địa, được nâng cao chút ít bởi trình độ Lớp Sáu theo Tiêu chuẩn quốc gia.

Quan điểm đó ít lôi cuốn anh hơn khi anh ngầm nghĩ rằng thật ra cái được mệnh danh là những tư tưởng tiến bộ phần lớn chỉ là thời thượng mới nhất trong định nghĩa - một cách diễn tả chính xác hơn, bởi các từ có tiếp vĩ ngữ *logy* và *ism*, về những cảm giác mà đàn ông và đàn bà đã mơ hồ nắm bắt được trong suốt nhiều thế kỷ.

Tuy nhiên, thật lạ lùng khi chúng đến với nàng trong lúc còn trẻ như thế; còn hơn cả lạ lùng; nó gây ấn tượng, thú vị, và cảm động. Do không đoán được nguyên do, không có gì để nhắc cho anh nhớ rằng kinh nghiệm liên quan tới độ mảnh liệt chứ không phải độ dài. Tai họa cụ thể đã qua của Tess chính là vụ thu hoạch về mặt tinh thần của nàng.

Về phần mình, Tess không thể hiểu vì sao một người thuộc một gia đình giáo sĩ, trí thức và ở bên trên nhu cầu vật chất lại xem việc sống trong đời là một nỗi bất hạnh. Đối với bản thân, một kẻ lưu lạc như nàng có những lý do rất xác đáng. Nhưng vì sao chàng trai đáng ngưỡng mộ và giống như một nhà thơ này lại tụt xuống Thung lũng Ô Nhục⁽¹⁾, và

1. Một địa danh, nơi Christian chạm trán Apollyon trong tác phẩm *Pilgrim's Progress*, của nhà văn Anh John Bunyan (1628 - 1688).

cảm thấy như người đàn ông ở xứ Uz⁽¹⁾ - như chính bản thân nàng đã cảm thấy hai ba năm trước - “Tâm hồn tôi chọn việc bị nghẹt thở và chết hơn là cuộc sống. Tôi căm ghét nó; tôi sẽ không sống nữa.”⁽²⁾

Đúng là hiện tại anh không còn ở trong tầng lớp của mình nữa. Nhưng nàng biết đó chỉ là vì, như Peter Đại Đế trong một xưởng đóng tàu⁽³⁾, anh đang học hỏi điều anh muốn biết. Anh vắt sữa bò không phải vì buộc phải làm công việc này, mà vì anh đang học cách trở thành một chủ trại bò sữa, địa chủ, nhà nông học và người nuôi gia súc lớn giàu có, thành công. Anh có thể trở thành một Abraham⁽⁴⁾ ở Mỹ hoặc Úc, kiểm soát các đàn gia súc, những con bò đốm bò khoang, và nam nữ đầy tớ của mình như một ông vua. Tuy nhiên, đôi khi nàng không thể hiểu vì sao một chàng trai thông minh, yêu âm nhạc sách vở và quyết đoán như thế lại cố tình chọn trở thành một chủ nông trại chứ không phải một giáo sĩ, như cha và các anh của mình.

Không có chút manh mún nào về bí mật của mỗi bên, họ bối rối trước những gì người kia để lộ, rồi chờ đợi hiểu biết mới về tính cách và tâm trạng của nhau mà không cố dò hỏi về tiểu sử của nhau.

Mỗi ngày, mỗi giờ lại mang tới cho Angel thêm một nét nhỏ về bản chất của Tess, và mang tới cho nàng một nét nhỏ về tính cách của anh. Tess đang cố sống một cuộc sống thu

-
1. Chỉ Job trong Kinh Thánh. Sách của Job bắt đầu với câu: “Có một người đàn ông ở miền đất Uz tên là Job.”
 2. Trích Kinh Thánh (Job 7:16).
 3. Peter I, Sa hoàng của Nga (1672 - 1725). Ông đã sang Luân Đôn và nghiên cứu cách đóng tàu ở các xưởng đóng tàu gần Deptford từ tháng 1 đến tháng 4 năm 1698.
 4. Abraham: nhân vật trong Sách Thủ Ký; là cội nguồn của ba tôn giáo lớn trên thế giới: Thiên Chúa giáo, Hồi giáo và Do Thái giáo.

mình, nhưng nàng nhận biết rất ít về sức sống mạnh mẽ của chính mình.

Thoạt tiên dường như Tess nhìn nhận Angel Clare như là một khả năng trí tuệ hơn là một người đàn ông. Nàng tự so sánh anh với mình theo đúng nghĩa của từ đó; và với mỗi phát hiện về những ưu điểm có thừa của anh, về khoảng cách giữa quan điểm tinh thần khiêm tốn của nàng với tầm cao không thể đo lường như dãy núi Andes của anh, nàng trở nên hoàn toàn thất vọng, chán nản không muốn thực hiện bất cứ nỗ lực nào nữa về phía mình.

Một hôm anh nhận ra sự buồn nản của nàng, khi tình cờ nói với nàng đôi điều về cuộc sống đồng quê ở Hy Lạp cổ đại. Nàng đang hái những nụ hoa gọi là “các lãnh chúa và phu nhân”⁽¹⁾ từ bờ đất trong lúc anh nói.

“Vì sao đột nhiên trông cô có vẻ buồn rầu quá vậy?” anh hỏi.

“Ô, chỉ vì chính bản thân tôi thôi” nàng vừa đáp, với một tiếng cười khẽ buồn bã, vừa lột vỏ bọc của một đóa hoa “phu nhân”. “Chỉ là một cảm giác về điều có thể xảy đến với tôi! Có vẻ như cuộc đời tôi đã bị phí hoài vì mong muốn những cơ may! Khi tôi nhìn thấy những gì ông biết, những gì ông đã đọc, đã nhìn thấy và đã suy nghĩ, tôi cảm thấy mình chẳng là gì cả! Tôi giống như Hoàng hậu xứ Sheba trong Kinh Thánh. Tôi không còn chút tinh thần nào nữa.”

“Ôi trời, đừng lo về chuyện đó!” anh nói, nhiệt tình. “Tess thân mến, tôi sẽ rất vui khi được giúp cô bắt cứ điều gì về lịch sử, hay bắt cứ cuốn sách nào cô chọn...”

1. “Lords and ladies”, tên thường gọi là arum, một loại hoa hoa kèn đại. Ở Việt Nam, loài hoa này được gọi là hoa rum hay hoa chén bát. “Lãnh chúa” là những bông có lớp áo trùm màu sẫm, “phu nhân” là những bông có lớp áo trùm màu sáng.

“Lại là một phu nhân nữa” nàng cắt ngang, giơ ra nụ hoa nàng vừa lột.

“Cái gì?”

“Ý tôi là luôn có nhiều phu nhân hơn lãnh chúa khi ông lột cái áo trùm của chúng.”

“Đừng để ý tới những lãnh chúa và phu nhân. Cô có muốn tiến hành một khóa học nào không, lịch sử chẳng hạn?”

“Đôi khi tôi cảm thấy tôi không muốn biết thêm về bất cứ thứ gì hơn điều tôi đã biết.”

“Vì sao vậy?”

“Vì học hỏi có ích gì khi tôi chỉ là một trong số rất nhiều người; việc nhận ra rằng có một ai đó được nhắc tới trong một cuốn sách cũ nào đó cũng giống như tôi và biết rằng tôi sẽ chỉ đóng vai trò của cô ta khiến tôi thêm buồn, chỉ thế thôi. Tốt nhất là không nhớ rằng bản chất và những việc làm trong quá khứ của mình giống như của hàng vạn người khác, rằng sự chào đời và những hành động của mình cũng sẽ giống như của hàng vạn người khác.”

“Thế sao, vậy cô thật sự không muốn tìm hiểu bất cứ thứ gì?”

“Tôi sẽ không phiền nếu biết vì sao... Vì sao mặt trời tỏa sáng như nhau trên những người công chính và những người không công chính” nàng đáp, giọng hơi run rẩy. “Nhưng những cuốn sách không nói cho tôi biết điều đó.”

“Tess, thật đáng xấu hổ với sự cay đắng đó!” Dĩ nhiên anh chỉ nói với một ý thức theo quy ước về bốn phận, bởi trong quá khứ anh chưa từng biết tới kiểu suy tư đó. Và khi nhìn cái miệng và đôi môi thiếu kinh nghiệm đó, anh nghĩ rằng một nàng con gái của đất đai như thế chỉ có thể nói như

vết về quan điểm này. Nàng tiếp tục lột áo trùm của những bông hoa lãnh chúa và phu nhân cho tới lúc Clare ngẩn ngờ bỏ đi, sau khi ngắm nhìn hồi lâu hai hàng mi cong vút như lượn sóng của nàng trong lúc chúng hạ xuống theo ánh mắt. Khi Angel đi mất, nàng đứng một lúc, trầm ngâm lột nụ hoa cuối cùng; rồi đột nhiên sức tinh khôi trạng thái mơ màng, vất nó và toàn bộ số hoa có cái tên vương giả xuống đất trong cơn tức giận bắn thân sôi sục vì sự ngốc nghếch của mình, và một cảm giác nóng ấm chợt bùng lên trong đáy tim nàng.

Hắn anh phải nghĩ nàng rất ngu ngốc! Trong nỗi khát khao mong mỏi một ý kiến tốt đẹp của anh, nàng nhớ lại những gì gần đây nàng đã cố quên đi, những điều không có gì thú vị - quan hệ giữa gia đình nàng và các hiệp sĩ họ d'Urberville. Dù nó có rất ít điểm chung, dù theo nhiều cách khác nhau việc phát hiện ra nó là một tai họa, có lẽ Clare, với tư cách một quý ông và một sinh viên ngành lịch sử, sẽ tôn trọng nàng một cách thích đáng cũng như quên đi cách hành xử trẻ con của nàng với những bông hoa lãnh chúa và phu nhân, nếu anh biết rằng những phiến cẩm thạch Purbeck cùng những pho tượng thạch cao trong nhà thờ Kingsbere thật sự đại diện cho dòng dõi tổ tiên của chính nàng; rằng nàng không phải là thứ d'Urberville giả mạo, được kết hợp giữa bạc tiền và tham vọng như những kè ở Trantridge, mà là một người họ d'Urberville đến tận xương.

Nhưng trước khi đánh bạo tiết lộ bí mật này, nàng Tess hoài nghi gián tiếp đánh tiếng với ông chủ trại để tìm hiểu tác động khà dī của nó đối với Clare, bằng cách hỏi ông xem Clare có bất cứ tôn trọng nào đối với những gia tộc cổ xưa trong hạt khi họ đã mất hết bạc tiền và đất đai hay chăng.

Ông chủ trại nhấn mạnh: "Clare là một trong những trí thức có đầu óc rối loạn nhất cô từng biết, không giống chút

nào với những người khác trong gia đình anh ta; và nếu có điều gì anh ta căm ghét hơn một người khác, đó là ý nghĩ về cái gọi là một gia tộc cổ xưa. Anh ta nói rằng đó là vì những gia tộc cũ đã phá tan thành quả của họ trong quá khứ, và hiện tại không thể còn lại bất cứ thứ gì ở họ. Các dòng họ Billet, Drenkhard, Grey, St Quintin, Hardy và Goulds từng làm chủ nhiều dặm đất trong thung lũng này; hiện giờ cô có thể mua đứt tất cả với hâu như một bài ca cũ. Sao chứ, cô nàng Retty Priddle bé nhỏ ở đây, cô biết đó, là một người trong họ Paridelle, dòng họ cổ xưa từng làm chủ nhiều vùng đất gần King's Hintock, giờ do Bá tước xứ Wessex làm chủ, trước đây chẳng ai nghe nói tới ông ta hoặc tên của ông ta. Clare phát hiện ra chuyện đó, nói chuyện với cô gái tội nghiệp với vẻ coi thường rõ rệt suốt nhiều ngày. Anh ta nói: 'Chà, cô sẽ không bao giờ trở thành một thợ vắt sữa giỏi! Mọi kỹ năng của cô đã bị sử dụng hết từ rất lâu rồi ở Palestine, và cô phải nắm bắt động cả ngàn năm để có sức mạnh làm nhiều việc hơn!' Một lần khác có một cậu trai trẻ tới đây tìm việc, bảo tên của mình là Matt, và khi chúng tôi hỏi cậu ta họ gì, cậu ta đáp cậu ta chưa bao giờ nghe nói cậu ta có một cái họ, khi chúng tôi hỏi vì sao, cậu ta đáp cậu ta nghĩ rằng gia tộc cậu ta chưa hình thành đủ lâu. 'À! Cậu chính là người tôi cần,' Clare nói, đứng lên và bắt tay cậu ta; 'Tôi rất hy vọng ở cậu' và cho cậu ta nửa đồng curon. Ô, không đâu! Anh ta không ưa những gia tộc cổ xưa!"

Sau khi nghe câu chuyện châm biếm này về quan điểm của Clare, Tess tội nghiệp mừng rằng nàng đã không nói lời nào về gia tộc của mình trong một khoảnh khắc yếu lòng, mặc dù nó cổ xưa một cách khác thường đến độ gần như đi một vòng tròn và trở thành một gia tộc mới. Ngoài ra, dường như một cô gái vắt sữa khác cũng không kém cạnh gì nàng

ở khía cạnh đó. Nàng giữ kín câu chuyện về cái hầm mộ của dòng họ d'Urberville và vị hiệp sĩ của Kẻ Chinh phục, người mà nàng mang họ. Hiểu biết sâu sắc này về tính cách của Clare cho nàng thấy anh chú ý tới nàng chính là vì tính chất mới mè phi truyền thống già định của nàng.

Chương 20

Mùa hè chuyển dịch và đạt tới đỉnh điểm. Hoa lá, lũ chim họa mi, chim hét, chim sẻ và những sinh vật phù du xuất hiện ở nơi một năm trước không có gì ngoài những mầm thực vật và những phân tử vô cơ. Ánh nắng thúc hối chồi non nhú ra và kéo dài chúng thành các nhánh, đầy những dòng nhựa lặng thầm chảy khắp thân cây, mở tung cánh hoa và trải rộng mùi thơm cây lá.

Đám thợ của ông chủ trại sống thoải mái, bình yên, thậm chí vui vẻ. Có lẽ vị trí của họ là vị trí hạnh phúc nhất trong nấc thang xã hội, bên trên mức kết thúc các nhu cầu, bên dưới mức mà từ đó những quy ước xã hội bắt đầu câu thúc các cảm giác tự nhiên và sức ép của thời trang sáo mòn là không đáng kể.

Mùa xanh lá, khi dường như cây cối bên ngoài chính là thứ người ta chú ý tới, đã trôi qua như vậy. Tess và Clare tìm hiểu về nhau một cách vô thức, luôn mấp mé bên lề tình cảm đắm say, nhưng rõ ràng chưa vượt qua giới hạn này. Trong suốt thời gian đó, họ cùng chuyển dịch về phía nhau, dưới một quy luật không thể chống lại, như hai dòng suối trong một thung lũng chắc chắn sẽ hợp nhất với nhau.

Chưa bao giờ Tess hạnh phúc đến thế trong cuộc sống của nàng dạo sau này, có lẽ sẽ không bao giờ hạnh phúc như

thể thêm lần nữa. Vì một lý do là cả tinh thần và thể chất của nàng đều phù hợp với môi trường mới này. Cái cây non đã đâm rễ xuống một lớp đất nhiễm độc tại địa điểm nó được gieo giờ được chuyển tới một tầng đất sâu hơn. Ngoài ra, cho tới lúc này, nàng và cả Clare, đã đứng trên một vùng đất tranh chấp giữa sự ưa thích và tình yêu; nơi họ chưa chạm được tới độ sâu; họ chưa từng suy nghĩ và tự hỏi lòng, “Dòng cảm xúc mới mẻ này sẽ đưa mình tới đâu? Nó có ý nghĩa gì với tương lai của mình? Nó có quan hệ gì với quá khứ của mình?”

Cho tới lúc này, Tess chỉ là một hiện tượng lạc lõng không đáng kể đối với Angel Clare - một sự xuất hiện tươi vui, ấm áp vừa xuất hiện trong ý thức của anh. Vì thế anh cho phép nàng xâm chiếm tâm trí mình, cho rằng mỗi bạn tâm của mình chỉ là sự quan tâm của một triết gia đối với một mẫu phụ nữ cực kỳ mới mẻ, tân thời và thú vị.

Họ tiếp tục gặp nhau; họ không thể cưỡng lại điều đó. Họ gặp nhau hàng ngày vào khoảnh khắc lạ lùng, trang nghiêm của thời điểm rạng đông, trong ánh sáng tím hoặc hồng; vì mọi người ở đây cần phải thức dậy sớm, rất sớm. Việc vắt sữa được thực hiện sớm; và trước khi vắt sữa họ phải hót váng sữa, công việc này bắt đầu vào lúc hơn ba giờ một chút. Thông thường, người này hay người khác trong số họ có nhiệm vụ đánh thức số còn lại, và mọi người sớm nhận ra có thể dựa vào nàng; do tình ngù hơn, nàng thường xuyên nhận lãnh công việc này. Ngay khi đồng hồ điểm ba giờ, nàng rời khỏi phòng và chạy tới cửa, rồi trèo lên thang tới phòng của Angel, khe khẽ gọi anh. Sau đó đánh thức những cô thợ vắt sữa bạn nàng. Khi Tess thay xong y phục, Clare đã xuống dưới và bước ra bầu không khí ẩm ướt. Ông chủ trại cùng những cô thợ khác thường cố ngủ nướng thêm một chút và khoảng mười lăm phút sau mới xuất hiện.

Sắc xám của rạng đông không giống sắc xám của hoàng hôn, dù độ tối của chúng có thể như nhau. Trong buổi sớm mai, ánh sáng có vẻ chủ động, còn bóng tối thì thụ động; còn khi chạng vạng, chính bóng tối là yếu tố chủ động và tăng dần, trái lại ánh sáng trở nên uể oải.

Do thường xuyên - chắc chắn không phải lúc nào cũng tình cờ - là hai người đầu tiên thức giấc trong nhà, họ cứ tưởng như mình là hai người đầu tiên thức giấc trên toàn cõi thế. Trong những ngày đầu sống ở đây, Tess không vớt váng sữa, mà bước ra cửa ngay sau khi thức dậy, và thường thường anh đang đứng đợi nàng ngoài đó. Ánh sáng nhở nhờ, đầm hơi nước tràn ngập đồng cỏ mang tới cho họ một cảm giác quạnh hiu, như thể họ là Adam và Eve. Ở thời điểm mờ tối đầu ngày này, với Clare dường như Tess để lộ một sự lớn lao đây phẩm giá cả về tâm tính lẫn thể chất, gần như một quyền lực đang ngự trị, có lẽ vì anh biết rằng vào thời khắc siêu nhiên này, hầu như không có bất kỳ người phụ nữ nào có phẩm chất như nàng có thể bước đi ngoài trời trong phạm vi những ranh giới nhận thức của anh; rất ít trong toàn thể nước Anh. Những phụ nữ xinh đẹp thường đang say ngủ vào những sớm mai mùa hè. Nàng ở ngay bên cạnh anh, và không còn ai khác.

Thứ ánh sáng pha lẫn bóng tối lạ lùng mà trong đó họ cùng bước bên nhau tới nơi lù bò nằm thường khiến cho anh nghĩ tới thời khắc của Sự phục sinh. Anh tưởng như Magdalene⁽¹⁾ đang ở bên cạnh mình. Trong khi toàn thể cảnh vật đang nằm trong trạng thái tranh tối tranh sáng, bên trên gương mặt nổi bật giữa màn sương của nàng, vốn là tiêu điểm của đôi mắt anh, dường như có một loại lân tinh nào

1. Theo Thánh Kinh, Mary Magdalene là một cô gái diêm hoàn lương, trở thành môn đồ của Chúa Jesus và đã chứng kiến sự phục sinh của Người.

đó. Trông nàng như một bóng ma, như thể nàng chỉ là một linh hồn. Thật ra, gương mặt nàng phản chiếu ánh sáng lạnh lẽo của ngày từ hướng đông bắc; gương mặt của chính anh, dù anh không nghĩ tới điều này, cũng tương tự như vậy.

Như đã nói, đây chính là lúc nàng tạo cho anh ấn tượng sâu sắc nhất. Nàng không còn là cô thợ vắt sữa, mà là một hình ảnh lý tưởng của phụ nữ - toàn bộ một giới tính ngưng tụ thành một hình thức điển hình. Anh nửa đùa nửa thật gọi nàng là Artemis, Demeter⁽¹⁾ và những cái tên ngẫu hứng khác mà nàng không thích vì không hiểu chúng.

“Hãy gọi tôi là Tess” nàng nói với vẻ ngờ vực. Và anh làm theo lời nàng.

Sau đó trời sáng hơn, và những đường nét của nàng chỉ còn mang tính chất phụ nữ đơn thuần; chúng đã biến đổi từ đường nét của một nữ thần có thể ban tặng hạnh phúc sang đường nét của một kẻ khao khát nó.

Vào những giờ khắc không có con người này, họ có thể ở rất gần loài thủy điểu. Những con diệc bay tới, với một tiếng động lớn như tiếng mở cửa ra vào và cửa chớp, từ một cành cây trong khu vườn ở mé kia đồng cỏ mà chúng thường lui tới; hoặc nếu đã có mặt sẵn ở đó, chúng vẫn gan lì đứng nguyên tại chỗ khi họ bước ngang qua, quan sát họ bằng cách xoay đầu theo chiều ngang một cách chậm rãi, điềm tĩnh, như những con rối xoay theo sự điều khiển của bộ máy bên trong.

Họ có thể nhìn thấy những lớp sương mù mùa hạ mờ ảo, mềm mại như len, rõ ràng không dày hơn mấy tấm vải phủ giường, lan trải khắp các đồng cỏ trong những mảng

1. Hai nữ thần trong Thần thoại Hy Lạp được xem là thần bảo hộ cho nông nghiệp, cây cỏ.

rời rạc. Trên lớp cỏ xám ẩm ướt là dấu vết nơi lù bò nằm ngủ trong đêm - những hòn đảo bằng cỏ xanh thẳm có kích thước bằng thân hình của chúng trong biển sương chung. Một lối mòn ngoằn ngoèo bắt đầu từ mỗi hòn đảo, hình thành lúc con bò thơ thẩn gặm cỏ sau khi thức dậy, và họ tìm thấy nó ở cuối lối mòn này; hơi thở phì phì thoát ra từ lỗ mũi khi nó nhận ra họ tạo thành một đám sương mù nhò dày đặc hơn giữa làn sương chung của tự nhiên. Sau đó họ lùa lùa gia súc trở lại sân trại, hoặc ngồi xuống vắt sữa của chúng ngay tại chỗ trong trường hợp cần thiết.

Cũng có khi làn sương mù mùa hạ dày hơn, và những cánh đồng trải ra như một biển cà màu trắng, từ đó các cây to rải rác nhú lên như những tảng đá to nguy hiểm. Chim chóc bay xuyên qua nó hướng lên nguồn ánh sáng bên trên và lơ lửng giữa không trung để phơi nắng, hoặc đậu xuống những thanh hàng rào ẩm ướt chia nhò cánh đồng, lúc đó sáng lóe như những thanh pha lê. Những hạt kim cương li ti của hơi nước đọng lại từ sương cũng đáp xuống hai hàng mi của Tess, và nhò giọt lên tóc nàng, như những hạt ngọc trai bé xíu. Khi ánh ngày dù mạnh, chúng bốc hơi và tan biến; ngoài ra, khi đó Tess mất đi vẻ đẹp lạ lùng thoát tục; hai hàm răng, đôi môi và đôi mắt của nàng sáng lấp loáng trong những tia nắng và một lần nữa nàng chỉ là một cô thợ vắt sữa xinh đẹp, kẻ phải đứng vững để chống lại những phụ nữ khác trên đời.

Khoảng giờ này, họ thường nghe thấy giọng của ông chủ trại Crick đang giảng “moral” cho những thợ vắt sữa ở nơi khác tới muộn, và gắt gỏng với người thợ lớn tuổi Deborah Fyander vì bà không chịu rửa tay.

“Vì Trời cao, hãy thò đôi tay của bà xuống dưới cái máy bơm đi Deb! Nói thật, nếu dân Luân Đôn biết về bà và cung cách cẩu thả của bà, họ sẽ nuốt sữa và bơ của họ một cách

màu mè điệu bộ hơn họ đã thực hiện từ trước tới giờ; và điều đó chẳng có gì hay ho cả.”

Việc vắt sữa tiếp tục, cho tới khi Tess và Clare, cùng với số còn lại có thể nghe thấy tiếng bà Crick kéo cái bàn ăn sáng nặng nề ra xa bức tường trong bếp, đây là sự mở đầu cố định cho mỗi bữa ăn; tiếng kéo lê kinh khủng đó lại diễn ra lần nữa trên hành trình trở về của cái bàn, khi nó đã được lau sạch.

Chương 21

Có một sự bất ổn lớn trong xưởng chế biến sữa ngay sau bữa ăn sáng. Cái máy khuấy bơ vẫn xoay tròn như thường lệ, nhưng bơ không xuất hiện. Bất cứ khi nào xảy ra chuyện này, trại sữa bị té liệt. Sữa vẫn phát ra tiếng nhóc nhách trong cái thùng to hình trụ, nhưng không hề có âm thanh mà họ mong đợi.

Ông chủ trại Crick, vợ ông, các cô thợ Tess, Marian, Retty Priddle, Izz Huett, những người đã kết hôn từ các nhà khác, cả Clare, Jonathan Kail, bà Deborah, và số còn lại, đứng nhìn cỗ máy với ánh mắt vô vọng. Thằng bé điếu khiếu con ngựa đang đi bên ngoài trọn tròn đôi mắt để biểu lộ cảm giác của mình về tình huống đó. Ngay cả con ngựa u buồn dường như cũng nhìn vào cửa sổ với sự thắc mắc tuyệt vọng sau mỗi bước đi.

“Đã nhiều năm từ khi tôi tới gặp con trai của pháp sư Trendle ở Egdon... nhiều năm!” ông chủ trại cay đắng nói. “Và ông ta chẳng là gì so với người cha. Tôi đã nói năm mươi lần, nếu từng nói thế, rằng tôi không tin ông ta; dù ông ta đoán nước tiểu mọi người rất đúng. Nhưng tôi sẽ phải tới tìm ông ta nếu ông ta còn sống. Phải, tôi sẽ phải tới gặp ông ta nếu chuyện này tiếp diễn.”

Ngay cả Clare cũng bắt đầu cảm thấy buồn vì sự tuyệt vọng của ông chủ trại.

“Khi tôi còn bé, pháp sư Fall, ở mé Casterbridge, mà họ thường gọi là ‘Wide-O’ là một người rất giỏi,” Jonathan Kail nói. “Nhưng giờ ông ta đã quá già.”

“Ông nội tôi thường tới nhờ pháp sư Mynterne ở Owlscombe. Ông ta là một người thông minh, tôi nghe ông tôi nói thế,” ông Crick tiếp tục. “Nhưng ngày nay không có những người tài giỏi như thế nữa!”

Tâm trí của bà Crick tập trung nhiều hơn vào vấn đề trước mắt. Bà phỏng đoán:

“Có lẽ ai đó trong nhà đang yêu. Khi còn trẻ tôi từng nghe nói rằng điều đó sẽ gây ra sự cố này. Ông Crick à, ông có nhớ cô gái chúng ta thuê nhiều năm trước không, và khi đó bơ cũng không ra...”

“Ô, nhớ chứ! Nhưng đó không phải là lý do. Nó không liên quan gì tới chuyện yêu đương. Tôi còn nhớ rất rõ, đó là do cái máy bị hỏng.”

Ông quay sang Clare.

“Ông ạ, Jack Dollop, một già chết già mà có dạo chúng tôi thuê làm thợ vắt sữa ở đây đã tan tỉnh một cô gái ở Mellstock, và lừa gạt cô ta như đã lừa gạt nhiều người trước đó. Nhưng lần này hắn gấp phải một dạng phụ nữ khác, và đó không phải là bản thân cô gái. Một ngày thứ Năm tuần Thánh⁽¹⁾ nọ trong số tất cả các ngày trong niên lịch, khi chúng tôi đang ở đây như hiện giờ, chỉ có điều lúc đó không đánh sữa, chúng tôi nhìn thấy mẹ cô gái xuất hiện ở cửa, tay cầm một cây dù lớn gọng đồng có thể hạ gục một con bò đực. Bà nói, ‘Jack

1. Holy Thursday: ngày thứ Năm trước lễ Phục sinh.

Dollop làm việc ở đây phải không? Tôi muốn gặp hắn! Tôi có một chuyện phải giải quyết với hắn, tôi cam đoan như thế!' Sau lưng bà mẹ vài bước là cô gái trẻ của Jack, đang khóc tức tưởi sau chiếc khăn tay. 'Chúa ơi, chết tôi rồi!' Jack nói, nhìn họ qua cửa sổ. 'Bà sẽ giết tôi! Tôi sẽ trốn ở đâu, ở đâu đây? Đừng nói với bà nơi tôi trốn!' nói xong hắn trườn người vào trong cái thùng đánh bơ qua cánh cửa sập, rồi đóng cửa lại, vừa đúng lúc bà mẹ của cô gái bước vào xưởng. 'Tền lửa đảo đó đâu rồi?' bà nói. 'Tôi sẽ đập nát mặt nó, chỉ cần tôi tóm được nó!' Ái chà, bà lùng sục khắp nơi, chửi rủa Jack không còn nước non gì. Jack nằm gần như cứng đơ trong cái thùng, và cô gái, hay đúng hơn là người phụ nữ trẻ tội nghiệp, đứng ở cửa khóc sưng cả mắt. Tôi sẽ không bao giờ quên chuyện đó, không bao giờ! Nó có thể làm tan chảy cả một phiến cẩm thạch. Nhưng bà không tìm được hắn."

Ông chủ trại dừng lại, và các thính giả đưa ra vài lời bình luận.

Những câu chuyện của ông chủ trại Crick thường có vẻ như kết thúc trong khi thật sự không phải vậy, và những người lạ bị lửa sẽ đưa ra những thán từ không chín chắn về chung cuộc; dù các bạn cũ của ông quá rành rẽ chiêu này. Người kể chuyện tiếp tục:

"Ồ, tôi không thể nói vì sao bà cụ lại đủ thông minh để đoán ra, nhưng bà phát hiện được hắn đang ở trong cái thùng sưa đó. Không thèm nói lời nào, bà chộp cái tay quay (khi đó nó được quay bằng tay), và quay tận lực. Jack bắt đầu tung lên rót xuống bên trong. 'Ôi Trời! Dừng lại! Cho tôi ra!' hắn kêu la và thò đầu ra. 'Tôi sẽ bị dồn như táo ngâm rượu!' (Hắn là một gà có bản chất hèn nhát, như hầu hết những tên thuộc loại đó). 'Không, cho tới khi mi sửa sai việc cướp đoạt sự ngày thơ trong trắng của con ta!' bà cụ nói. 'Hãy dừng lại

đi mụ phù thủy già!" hắn hét lên. 'Mi gọi ta là phù thủy già, phải không, tên lừa đảo!' bà nói, 'Khi lẽ ra mi phải gọi ta là mẹ vợ từ năm tháng trước!' Cái máy đánh bơ tiếp tục chạy, và xương cốt Jack lại bị dẫn tới tà lần nữa. Chà, không ai trong số chúng tôi dám can thiệp; cuối cùng hắn hứa với bà cụ sẽ sửa sai. 'Phải, tôi sẽ tốt như lời hứa của tôi!' hắn nói. Và sự việc hôm đó kết thúc."

Trong lúc các thính già mỉm cười và đưa ra những lời bình luận, có một chuyển động nhanh sau lưng họ, và họ quay lại. Tess đã đi tới cửa, mặt tái mét.

"Trời hôm nay nóng quá!" nàng nói, hầu như không thể nghe được.

Trời nóng thật, và không ai trong số họ kết nối sự rút lui của nàng với hối ức của ông chủ trại. Ông bước tới và mở cửa cho nàng, dịu dàng nói đùa:

"Sao chứ, cô bé," (ông thường thân mật gọi nàng như thế, với sự mỉa mai không cố ý), "cô thợ vắt sữa xinh đẹp nhất trại sữa của tôi; cô không được kiệt sức như thế này với hơi thở đầu tiên của tiết hè, không thì chúng tôi sẽ thiếu cô vào những ngày tiết trời nóng nhất, phải không, ông Clare?"

"Tôi thấy chóng mặt... và tôi nghĩ tôi sẽ ổn hơn ở bên ngoài," nàng nói một cách máy móc; và biến mất ở bên ngoài.

May cho nàng, ngay lúc đó sữa trong cổ máy bắt đầu chuyển sang âm thanh lục lục thường lệ.

"Bơ sắp ra rồi!" bà Crick kêu lên, và sự chú ý của mọi người rời khỏi Tess.

Kẻ đau khổ xinh đẹp sớm lấy lại tinh thần khi ở bên ngoài; nhưng nàng vẫn còn buồn bã suốt chiều hôm đó. Khi việc vắt sữa buổi chiều kết thúc, nàng không muốn ở trong nhà với những người kia, và lại ra ngoài, đi lang thang vô

phương hướng. Nàng đau khổ, vô cùng đau khổ - khi nhận thức rằng với các bạn của nàng, câu chuyện của ông chủ trại chỉ là một câu chuyện khôi hài, không ai biết nó đã chạm vào vết thương cũ của nàng một cách tàn ác thế nào. Lúc này với nàng, mặt trời hoàng hôn thật xấu xí, như một vết thương bùng cháy trên bầu trời. Chỉ có một con chim sẻ sảy lè loi mới vỡ giọng chào nàng từ những bụi sậy ven sông, với một tiếng hót máy móc, giống như tiếng hót của một người bạn cũ mà nàng không còn gặp lại.

Vào những ngày dài tháng Sáu này, các cô thợ vắt sữa, thật sự là hầu hết mọi người trong nhà, đều lên giường khi mặt trời lặn hoặc sớm hơn, công việc buổi sáng trước giờ vắt sữa rất sớm và nặng nhọc vào một thời điểm thu hoạch nhiều sữa. Tess thường đi cùng các bạn lên gác. Tuy nhiên, hôm nay nàng là người đầu tiên bước vào căn phòng chung của họ; và nàng đã ngủ lơ mơ khi những cô gái khác bước vào. Nàng nhìn thấy họ thay đồ trong ánh sáng màu cam của vầng thái dương đã lặn; nó nhuộm hồng hình dáng của họ; nàng nhắm mắt ngủ tiếp, nhưng bị giọng nói của họ đánh thức lần nữa, và lặng lẽ đưa mắt về phía họ.

Chưa ai trong số ba người bạn cùng phòng của nàng lên giường. Họ đang đứng sát cạnh nhau ở cửa sổ với chiếc váy ngủ và đôi chân trần. Những tia sáng đỏ cuối cùng từ hướng tây vẫn còn sưởi ấm mặt và cổ họ, và những bức tường xung quanh. Cả ba đang quan sát ai đó trong vườn với sự chú ý cao độ. Ba gương mặt kế sát nhau: một vui vẻ và tròn trĩnh, một hơi xanh xao với mái tóc đen; và một xinh xắn với những lọn tóc hung hung.

“Đừng xô đẩy! Hai chị có thể nhìn rõ như tôi,” Retty nói. Cô gái có mái tóc hung và trẻ nhất này không rời mắt khỏi cửa sổ.

“Không ích gì với cả em lẫn chị khi đem lòng yêu thương anh ta, Retty Priddle ạ,” Marian, cô gái có gương mặt vui vẻ và lớn tuổi nhất nói đùa. “Những ý nghĩ của anh ta hướng tới một đôi má khác chứ không phải đôi má của em!”

Retty Priddle vẫn nhìn, và hai người kia nhìn lần nữa.

“Anh lại xuất hiện!” Izz Huett, cô gái xanh xao với mái tóc đen ẩm ướt và đôi môi sắc sảo kêu lên.

“Chị không cần nói gì hết, Izz à” Retty đáp. “Vì em đã thấy chị hôn cái bóng của anh.”

“Em đã nhìn thấy cô ấy làm gì?” Marian hỏi.

“Sao, anh đang đứng ở bình nước sữa để mờ vòi cho chúng chảy ra, và bóng gương mặt của anh hiện lên bức tường phía sau, gần với Izz, đang đứng đó đổ sữa vào một cái chum. Chỉ đặt môi lên bức tường và hôn bóng miệng của anh. Em đã nhìn thấy, dù anh thì không.”

“Ôi, Izz Huett!” Marian nói.

Một chấm màu hồng hiện lên giữa gò má của Izz Huett.

“Ồ, đâu có hại gì trong chuyện đó” nàng tuyên bố, cố tỏ vẻ thản nhiên. “Và nếu tôi yêu anh thì Retty cũng vậy; và cả chị cũng vậy, Marian, nếu phải nói thẳng ra.”

Gương mặt tròn vành vạnh của Marian không thể ửng hồng hơn nữa trên màu hồng muôn thuở của nó.

“Tôi ư!” nàng nói. “Đúng là chuyện cổ tích! A, anh lại xuất hiện! Đôi mắt thân yêu... gương mặt thân yêu... anh Clare thân yêu!”

“Thấy chưa, chị đã thừa nhận điều đó.”

“Cô cũng vậy... cả ba chúng ta đều như nhau” Marian nói, với sự thẳng thắn dứt khoát, hoàn toàn làm ngơ các ý kiến. “Thật ngốc nghếch nếu chúng ta vờ như không phải

vậy, dù chúng ta không cần thú nhận nó với những người khác. Tôi ước gì cưới được anh ngay ngày mai!"

"Tôi cũng vậy, và hơn thế nữa" Izz Huett lầm bầm.

"Cả em nữa" cô gái Retty e thẹn thì thầm.

Kẻ đang lắng nghe thấy người nóng bừng lên.

"Chúng ta không thể lấy anh" Izz nói.

"Chúng ta sẽ không thể, không ai trong số chúng ta; tệ nhất là điều đó." Cô gái lớn tuổi nhất nói. "Anh lại ra kia!"

Cả ba gửi cho Clare một nụ hôn thầm lặng.

"Vì sao?" Retty vội hỏi.

"Vì anh thích Tess Durbeyfield nhất" Marian đáp, hạ thấp giọng. "Chị đã theo dõi anh hàng ngày, và nhận ra điều đó."

Một sự im lặng chất chứa suy tư rơi xuống.

"Nhưng chỉ đâu có để ý gì tới anh?" cuối cùng Retty thở ra.

"Ờ, đôi khi chị cũng nghĩ thế."

"Nhưng toàn bộ chuyện này thật ngu ngốc!" Izz Huett mắt kiên nhẫn. "Dĩ nhiên anh sẽ không cưới bất cứ người nào trong số chúng ta, cả Tess cũng vậy. Anh là con của một quý ông, và sẽ trở thành một địa chủ, chủ nông trại lớn ở nước ngoài! Có khả năng hơn là anh mời chúng ta đi theo anh với tư cách người giúp việc, trong cao lâm một năm."

Một cô gái thở dài, cô khác cũng thở dài, và Marian có thân hình mêm mỉm thở dài lớn nhất. Một người đang nằm trên giường bên cạnh cũng thở dài. Lệ đắng ngập đôi mắt của Retty Priddle, cô gái đẹp trẻ nhất có mái tóc hung đỏ - chồi non cuối cùng của gia tộc Paridelle, rất quan trọng trong biên niên sử của hạt này. Họ lặng lẽ quan sát một lúc nữa, ba

gương mặt vẫn kề sát nhau như trước, và màu tóc của cả ba hòa lẫn vào nhau. Nhưng chàng Clare vô tình đã bước vào nhà, và họ không nhìn thấy anh nữa. Bóng tối bắt đầu sâu hơn. Họ trở về giường. Vài phút sau, họ nghe tiếng chân anh ta bước lên thang về phòng của mình. Chẳng bao lâu sau đó Marian cất tiếng ngay, nhưng Izz không rơi vào trạng thái lǎng quên suốt một thời gian dài. Retty Priddle lặng lẽ khóc cho tới khi ngủ thiếp đi.

Tess, kẻ đắm say hơn, thậm chí tinh như sáo. Cuộc chuyện trò này là một viên khác trong số những viên thuốc đắng mà nàng buộc phải nuốt xuống ngày hôm đó. Trong lòng nàng hầu như không có chút cảm giác ghen tuông nào. Về vấn đề này, nàng biết nàng được ưa thích nhiều hơn. Xinh đẹp hơn, có học thức hơn, trẻ nhất, trừ Retty ra, và giàu nữ tính hơn cả, nàng nhận ra rằng chỉ cần một sự quan tâm bình thường nhỏ nhất, nàng sẽ chiếm được quả tim của Angel Clare, chiến thắng những cô bạn chát phác của mình. Nhưng câu hỏi quan trọng nhất là: nàng có nên làm điều này hay không? Nếu suy nghĩ nghiêm túc, chắc chắn gần như không có chút cơ may nào cho bất cứ người nào trong số họ; nhưng có thể, hoặc đã có thể, có cơ may cho người này hay người khác để gợi ở Clare một sự ưa thích nhất thời, và tận hưởng niềm vui được anh chú ý trong lúc anh còn ở đây. Những tình cảm quyến luyến chênh lệch về địa vị như thế từng dẫn tới hôn nhân; và nàng đã nghe từ ông Crick rằng một hôm Clare đã cười cợt hỏi liệu có ích gì khi anh lấy một tiểu thư xinh đẹp, trong lúc phải chăm sóc mười ngàn mẫu đất thuộc địa để lấy cỏ, phải nuôi những đàn gia súc, và phải thu hoạch mùa màng. Một cô gái nhà nông sẽ là loại người duy nhất phù hợp để làm vợ của anh. Nhưng dù Clare có nói nghiêm túc hay không, vì sao nàng, kẻ không bao giờ có thể toàn

tâm cho phép bất cứ người đàn ông nào lấy nàng vào lúc này, kè đã đưa ra một quyết định có tính chất tôn giáo rằng nàng sẽ không bao giờ bị cám dỗ để thực hiện điều này, lại phải lôi kéo sự chú ý của anh khỏi những cô gái khác, chỉ vì niềm hạnh phúc ngắn ngủi được sưởi ấm bởi đôi mắt của anh trong lúc anh còn ở lại Talbothays?

Chương 22

Sáng hôm sau, họ vừa xuống thang vừa ngáp dài ngáp ngắn; nhưng việc vớt váng sữa và vắt sữa vẫn được tiến hành như thường lệ, sau đó họ vào nhà ăn sáng. Họ phát hiện ra ông chủ trại Crick đang bức bối đi qua đi lại trong phòng. Ông đã nhận một lá thư than phiền của khách hàng về việc bơ có một mùi lạ.

“Và ôi trời, nó đúng là vậy!” ông chủ trại nói, tay trái cầm một mảnh gỗ trên đó dính một cục bơ. “Phải, các bạn tự nếm thử đi!”

Nhiều người bu quanh ông, và Clare nếm, Tess nếm, các cô thợ khác trong nhà, một hai thợ vắt sữa nam cũng nếm, cuối cùng là bà Crick, vừa bước ra từ cái bàn ăn đang chờ đợi. Hiển nhiên là có một mùi lạ.

Ông chủ trại, vẫn đang tập trung mọi chú ý để cố nhận ra thứ mùi đó và xác định loại cỏ độc hại có chứa nó, đột nhiên kêu lên: “Nó là mùi tỏi! Tôi cứ nghĩ là không còn sót một nhánh tỏi nào trong cánh đồng đó!”

Sau đó, tất cả những người thợ cũ nhớ ra rằng có một đồng cỏ khô mà gần đây vài con bò được thả vào gặm cỏ đã từng làm hỏng bơ giống hệt vậy hồi nhiều năm trước. Lần đó ông chủ trại không nhận ra mùi tỏi, và nghĩ rằng bơ bị yếm bùa.

“Chúng ta phải kiểm tra kỹ toàn bộ đồng cỏ đó” ông nói tiếp; “việc này không được tiếp diễn.”

Tất cả tự trang bị cho mình những con dao nhọn cũ rỗi cùng tiến ra đồng. Vì loài thực vật có hại chỉ có thể hiện diện với kích thước rất nhỏ để thoát khỏi sự quan sát bình thường, có vẻ như việc tìm ra nó là một nỗ lực vô vọng trong biển cỏ mênh mông trước mặt họ. Tuy nhiên, họ tập trung thành hàng, hỗ trợ cho nhau, do tầm quan trọng của công việc. Ông chủ trại ở đầu trên với Clare, vốn tình nguyện giúp sức; rồi tới Tess, Marian, Izz Huett, và Retty; rồi tới Bill Lewell, Jonathan, và hai cô thợ đã kết hôn - Beck Knibbs, với mái tóc đen loăn xoăn như len cùng đôi mắt linh hoạt; và Frances tóc nâu, bị mắc bệnh lao do hơi ẩm mùa đông của các cánh đồng ngập nước - những người sống tại nhà của họ.

Mắt dán xuống đất, họ chậm chạp lần bước ngang qua một dài đất của cánh đồng, quay lại, nhích sang một chút, theo cung cách mà khi họ hoàn thành công việc sẽ không còn sót một phần nào của đồng cỏ thoát khỏi mắt của một ai đó trong số họ. Đó là thứ công việc buôn tè nhất, vì chỉ có thể phát hiện được không quá nửa chục bụi tòi trong cả cánh đồng; thế nhưng loài thực vật này hăng nồng đến độ chắc chắn chỉ cần có một con bò gặm phải nó, toàn bộ sản phẩm trong ngày đó sẽ có mùi tòi.

Rất khác nhau về tính cách và tâm trạng, nhưng họ cùng lom khom lại thành một hàng người giống nhau lạ lùng - máy móc, không tiếng ồn; một quan sát viên xa lạ đi ngang qua lối mòn bên cạnh có thể bị cáo buộc về việc đánh giá chung họ với tư cách “Nông phu”. Trong lúc họ chậm rãi tiến tới, lưng cúi thấp để phát hiện ra bụi tòi, một tia sáng vàng mềm mại phản chiếu lên gương mặt sẫm tối của họ từ những cây hoàng mao lương, mang tới cho họ một vẻ mặt ma quái,

giống như được nhuộm ánh trăng, dù mặt trời đang trút xuống lưng họ ánh nắng trưa gay gắt.

Angel Clare, kè luôn giữ vững nguyên tắc phải tham gia với số còn lại trong mọi việc, thỉnh thoảng lại ngẩng lên. Dĩ nhiên, việc anh bước bên cạnh Tess không phải là một sự tình cờ.

“Thế nào, cô ổn chứ?” anh thì thào.

“Rất ổn, cảm ơn ông” nàng dè dặt đáp.

Trong lúc họ thảo luận về một số vấn đề cá nhân chỉ nửa giờ trước đó, cung cách mở đầu câu chuyện này dường như hơi thừa thãi. Nhưng sau đó họ không nói thêm gì nữa. Họ bò, và bò, dường viễn cái váy của nàng chạm vào ghệt của anh, và đôi khi cùi chỏ anh chạm nhẹ vào nàng. Cuối cùng ông chủ trại, người vừa tới bên cạnh họ, không thể chịu nổi nữa.

“Nói có linh hồn và thể xác của tôi làm chứng, việc cúi lom khom này khiến lưng tôi muốn gãy rời!” ông cầm thán, chậm rãi đuổi người ra với vẻ đau đớn, cho tới khi hoàn toàn đứng thẳng lưng. “Và cô, cô bé Tess, một hai hôm nay cô không khỏe, công việc này sẽ khiến cho đâu cô đau như búa bẩy! Đừng làm thêm nữa nếu cô thấy chóng mặt; cứ để những người còn lại hoàn thành nó.”

Ông rút lui, và Tess bị bỏ lại phía sau. Clare cũng bước ra khỏi hàng, và bắt đầu chỉ huy việc săn lùng tội. Khi nhận ra anh đang ở gần nàng, tâm trạng căng thẳng đối với những gì nàng đã nghe thấy đêm trước khiến nàng là người đầu tiên lên tiếng.

“Trông họ có xinh không?” nàng nói.

“Ai?”

“Izzy Huett và Retty.”

Tess đã quyết định rằng một trong hai cô gái đó sẽ là một người vợ nông dân tốt, rằng nàng nên giới thiệu họ, và che đậy những nét duyên dáng mang tới sự khổ khốn của chính mình.

“Xinh à? Ủ, phải, họ là hai cô gái xinh đẹp, trông tươi tắn lắm. Tôi cũng thường nghĩ như thế.”

“Dù vậy, các bạn thân mến tội nghiệp của tôi, sự xinh xắn không kéo dài lâu.”

“Ô, đúng vậy, thật không may.”

“Họ là hai cô thợ xuất sắc.”

“Phải, dù không giỏi hơn cô.”

“Họ vớt vang sữa giỏi hơn tôi.”

“Vậy à?”

Clare vẫn đang quan sát họ, và họ cũng đang quan sát anh.

“Cô ta đang đò mặt” Tess quả cảm nói tiếp.

“Ai?”

“Retty Priddle.”

“Ô! Vì sao vậy?”

“Vì ông đang nhìn cô ta.”

Dù đang trong tâm trạng tự hy sinh, Tess không thể tiếp tục thêm, nàng kêu lên, “Hãy cưới một người trong số họ, nếu ông thật sự cần một phụ nữ biết vắt sữa chứ không phải một tiểu thư; và đừng nghĩ tới việc cưới tôi!” Nàng đi theo ông chủ trại Crick, và có một cảm giác mãn nguyện đau đớn khi thấy Clare vẫn ở lại phía sau.

Từ hôm nay, nàng tự buộc mình gánh chịu nỗi đau để tránh mặt anh - không bao giờ tự cho phép mình, như lúc

trước, ở lại lâu cạnh anh, dù việc ở gần nhau chỉ đơn thuần là sự ngẫu nhiên. Nàng trao cho ba người kia mọi cơ hội.

Khi nghe họ thú nhận, bàn nǎng phụ nữ của Tess giúp nàng hiểu ra rằng Angel Clare chiếm được cảm tình của tất cả những cô thợ vắt sữa, và khi biết anh đã cẩn thận để không làm mất danh dự cũng như phá hỏng hạnh phúc của họ, Tess rất tôn trọng sự tự chủ và ý thức về bốn phận của anh, một phẩm chất mà nàng không bao giờ mong đợi tìm thấy ở một trong số những người khác giới. Nếu Clare không có phẩm chất đó, hẳn những cô gái giàn dị sống chung nhà với anh đã có thể vừa đi vừa khóc trên con đường mà nàng đã đi qua.

Chương 23

T hời tiết nóng tháng Bảy đã len lén bao trùm lên họ, và bầu khí quyển của thung lũng bằng phẳng treo nặng như một thứ không khí chứa thuốc phiện bên trên những người trong trang trại, lũ bò, và cây cối. Những cơn mưa tản hơi nóng rơi thường xuyên, làm cho đồng cỏ thêm rậm rạp tốt tươi, và ngăn cản việc phơi cỏ khô trên các cánh đồng khác.

Đó là một sáng Chủ nhật; việc vắt sữa đã xong; những người thợ ở bên ngoài đã trở về nhà. Tess và ba cô gái khác đang vội vàng thay đồ; cả nhóm đã đồng ý cùng tới nhà thờ Mellstock, nằm cách trại bò sữa chừng ba bốn dặm. Tới lúc này nàng đã sống ở Talbothays được ba tháng, và đây là chuyến dạo chơi đầu tiên của nàng.

Suốt buổi chiều và đêm hôm trước, những cơn mưa dông lớn đã ụp xuống những cánh đồng và cuốn một số cỏ khô xuống dòng sông; nhưng sáng nay mặt trời càng tỏa nắng chói chang hơn sau cơn mưa, và bầu không khí trong veo, mát dịu.

Con đường mòn quanh quẹo chạy từ xứ đạo của họ tới Mellstock băng qua những vị trí thấp nhất suốt một phần của chặng đường, và khi các cô gái tới chỗ đọng nước nhất, họ nhận ra mưa đã khiến cho con đường ngập sâu một quàng

khoảng năm mươi thước. Điều này không phải là một trở ngại nghiêm trọng vào một ngày trong tuần; họ sẽ lội qua nó với những đôi ủng cao có gân để gỗ không chút bận tâm; nhưng vào cái ngày trang trọng này, ngày của Mặt trời, khi người ra ngoài để làm duyên với người trong lúc đánh đồng một cách đạo đức già chuyện yêu đương với những điều có tính chất tinh thần; một dịp để mang những đôi vớ trắng và giày mỏng, mặc những chiếc váy hồng, trắng và tím hoa cà, trên đó mỗi chấm bùn đều lỗ lộ hiện ra, vũng nước đó là một trở ngại to lớn. Họ có thể nghe thấy tiếng chuông nhà thờ đổ, cách đó chưa đầy một dặm.

“Ai mà mong đợi một đợt triều cường như thế này trong mùa hè chớ!” Marian nói, từ đình của bờ đất ven lộ nơi họ đã trèo lên, và đang tạm thời nghỉ chân với hy vọng sẽ lẩn theo dốc của nó cho tới khi qua khỏi vũng nước.

“Dù sao chúng ta cũng không thể tới đó nếu không đi thẳng qua nó, hoặc đi vòng theo lối Lộ lớn; và điều đó sẽ khiến cho chúng ta tới rất muộn!” Retty nói, dừng lại với vẻ tuyệt vọng.

“Và tôi sẽ đờ bừng cả mặt mày khi bước vào nhà thờ muộn, và bị tất cả mọi người xung quanh nhìn chòng chọc,” Marian nói, “đến độ tôi khó mà bình tĩnh lại cho tới khi buổi lễ kết thúc.”

Trong lúc đứng trên bờ đất trơn trượt, họ nghe thấy tiếng chân lội nước qua khúc ngoặt của con đường, và sau đó Angel Clare xuất hiện, đang đi theo lối mòn băng qua vũng nước về phía họ.

Bốn quả tim đập rộn lên cùng một lúc.

Anh không mặc bộ y phục dành cho ngày lễ mà con trai của một vị cha xứ thuần thành thường mặc; anh chỉ mặc bộ y phục vắt sữa hàng ngày, đi đôi ủng cao lội nước, anh lót bên

trong mũ một chiếc lá cài bắp đẽ làm mát đầu, và một cây thuồng giầy cò là trang bị duy nhất của anh. “Anh không tới nhà thờ” Marian nói.

“Phải. Tôi ước gì ảnh tới đó!” Tess lầm bầm.

Thật ra, dù đúng hay sai (tôi xin chọn cụm từ an toàn của những nhà bút chiến hay lẩn tránh) Angel vẫn thích bài giảng trên đá hơn bài giảng trong nhà thờ và nhà nguyện vào những ngày đẹp trời mùa hạ. Ngoài ra, sáng nay anh đã ra ngoài để xem dòng nước lũ có gây tổn hại đáng kể cho cò khô hay chǎng. Trên đường, anh đã nhìn thấy các cô gái từ xa, mà do bận tâm với những khó khăn trên đường họ không nhận ra anh. Anh biết rằng nước đã dâng tới chỗ đó, và nó sẽ thật sự cản trở họ. Vì thế anh vội vã tới gần, với một ý tưởng mơ hồ về cách anh có thể giúp họ - đặc biệt là một trong số họ.

Bốn cô gái má hồng mắt sáng trông đáng yêu trong y phục nhẹ mùa hè khi đứng cheo leo trên bờ đất ven đường như những con chim bồ câu trên một mái nhà dốc đến độ anh dừng lại một lúc để ngắm họ trước khi tới gần. Gấu váy mỏng manh của họ đã xua lén từ cò vò sổ ruồi và bướm, do không thể tẩu thoát, chúng vẫn bị cấm tù sau lớp vải trong suốt như trong một cái lồng chim. Cuối cùng ánh mắt của Angel hướng vào Tess, người ở phía xa nhất trong số họ. Nàng, dù đang cố nín cười vì tình thế lưỡng nan của họ, không thể không tươi tắn đáp lại cái nhìn của anh.

Anh tới bên dưới họ, trong vũng nước không lên cao quá mép đôi ủng của anh, đứng nhìn những con ruồi và bướm bướm bị sa bẫy.

“Các cô đang cố tới nhà thờ phải không?” anh nói với Marian, người đứng ở phía trước, và cả hai người kế tiếp, nhưng tránh nhìn Tess.

“Phải, thưa ông; và đang muộn rồi; mặt tôi sẽ đỏ bừng đến mức...”

“Tôi sẽ đưa các cô qua vũng nước, từng người một.”

Toàn thể bốn cô gái đều đỏ mặt như thể họ có cùng một quả tim.

“Tôi nghĩ ông không thể, thưa ông” Marian nói.

“Đây là con đường duy nhất để các cô đi qua. Hãy đứng yên. Vớ vẩn. Các cô đâu có quá nặng! Tôi có thể bế cả bốn người các cô cùng lúc. Nào, Marian, đứng im, và đặt hai cánh tay của cô quanh vai tôi, như thế. Nào! Giữ chặt nhé. Làm tốt lắm.”

Marian đã hạ thấp người trên đôi cánh tay và vai của anh như lời hướng dẫn, và Angel bế nàng đi. Thân hình mảnh khảnh của anh, nhìn từ phía sau, trông như cái cuống của một bó hoa lớn, tức là thân hình của nàng. Họ biến mất sau khúc quanh, và chỉ tiếng bước chân bì bõm của anh cùng dải ruy băng trên mũ của Marian cho biết họ đang tới đâu. Vài phút sau, anh lại xuất hiện. Izz Huett là người kế tiếp theo thứ tự trên bờ đất.

“Anh tới rồi” nàng lầm bầm, và họ có thể nhận ra đôi môi của nàng khô đi vì xúc động. “Và tôi phải đặt hai cánh tay của mình quanh cổ anh và nhìn vào mặt anh như Marian lúc này.”

“Chuyện đó chẳng có gì quan trọng” Tess vội nói.

“Có một thời cho mọi thứ” Izz tiếp tục, không để ý tới nàng. “Một thời để ôm chặt, và một thời để kiểm chế không ôm; thời đầu tiên sẽ là của tôi.”

“Thật xấu hổ. Đó là lời trong Kinh Thánh, Izz!”

“Phải” Izz đáp. “Tôi luôn lắng nghe những vần thơ êm dịu ở nhà thờ.”

Lúc này Angel Clare đã tới gần Izz. Với anh, ba phần tư của công việc này chỉ là một hành động tốt bụng bình thường. Nàng lảng lẽ và mơ màng hạ thấp người vào đôi tay của anh, và Angel cẩn thận bế nàng đi. Khi nghe thấy anh quay lại lần thứ ba, có thể thấy rõ nhịp tim của Retty khiến thân hình nàng run rẩy. Anh bước tới gần cô gái tóc hung, và trong lúc ôm lấy nàng, anh liếc nhìn Tess. Có vẻ như đôi môi anh đang thăng thẳn tuyên bố, “Sẽ sớm tới lúc của cô và tôi.” Nét mặt nàng cho thấy nàng biết anh muốn nói gì; nàng không thể ngăn được nó. Có một sự thấu hiểu giữa họ.

Retty bé nhò tội nghiệp, dù tới giờ là người nhẹ nhặt, lại là gánh nặng rắc rối nhất của Clare. Marian giống như một túi thịt, một khối lượng chết tròn trĩnh khiến anh loạng choạng theo đúng nghĩa đen. Izz thì biết điều và bình tĩnh. Còn Retty là một bó dây thần kinh vô cùng nhạy cảm.

Tuy nhiên, anh cũng bế cô gái bỗn chồn đó tới nơi, đặt nàng xuống, và quay lại. Tess có thể nhìn thấy qua bờ rào phía xa cả ba đứng tump tum bên nhau, như lúc anh đặt họ lên chỗ đất cao. Giờ tới lượt nàng. Nàng bối rối nhận ra sự phẫn khích khi gần gũi với hơi thở và đôi mắt của anh, điều mà nàng coi thường ở các bạn, lại rất mạnh mẽ trong nàng; và như thể sợ để lộ bí mật của mình, nàng cố thoái thác vào phút cuối.

“Có lẽ tôi có thể trèo dọc theo bờ đất. Tôi có thể trèo tốt hơn họ. Hắn là ông mệt làm rồi, ông Clare ạ!”

“Không, không đâu, Tess” anh vội đáp. Và hầu như trước khi nàng nhận biết, nàng đã ngồi trong đôi tay của anh và tựa vào vai anh.

“Đổi ba Leah để có một Rachel”⁽¹⁾ anh thì thầm.

“Họ là những phụ nữ tốt hơn tôi” nàng đáp, bám chặt vào quyết tâm của mình một cách bao dung.

“Với tôi thì không” Angel nói.

Anh thấy thân thể nàng nóng lên sau câu đó; và họ đi thêm vài bước trong im lặng.

“Tôi hy vọng tôi không quá nặng?” nàng e thẹn nói.

“Ô, không đâu. Cô nên nhắc thử Marian lên! Cô ta mới nặng. Cô giống như một lượn sóng nhấp nhô được mặt trời sưởi ấm. Và những nếp vài muslin bao quanh cô là bọt nước.”

“Hình ảnh đó rất đẹp, nếu với ông tôi giống như thế.”

“Cô có biết tôi đã thực hiện ba phần tư công việc này hoàn toàn là vì phần tư cuối cùng hay chăng?”

“Không.”

“Tôi đã không mong đợi một sự kiện như hôm nay.”

“Tôi cũng vậy... Nước dâng quá đột ngột.”

Hơi thở dồn dập của nàng cho thấy việc nàng nghĩ rằng nước dâng là điều anh muốn nói không phản ánh đúng sự thật. Clare đứng im và nghiêng mặt về phía mặt nàng.

“Ô, Tessy!” anh cảm thán.

Đôi má của cô gái nóng bừng, và nàng không thể nhìn vào mắt anh vì xúc động. Nó nhắc cho Clare nhớ rằng theo

1. Theo Sáng Thế Ký 29, Leah và Rachel là hai chị em ruột, con của Laban. Jacob yêu và muốn cưới Rachel, Laban hứa nếu Jacob làm cho ông dù 7 năm ông sẽ già Rachel cho chàng. Đến hạn, Laban tổ chức đám cưới nhưng đánh tráo Leah làm cô dâu thay vì Rachel. Hôm sau, Jacob nhận ra sự thật và hỏi Laban. Ông ta đáp vì phong tục nơi này không thể già em trước chị, nếu Jacob muốn lấy Rachel thì phải sống với Leah một tuần, sau đó ông sẽ tổ chức đám cưới cho Jacob và Rachel, ngoài ra Jacob phải làm việc cho ông thêm 7 năm nữa. Jacob làm theo lời ông để lấy Rachel.

cách nào đó anh đã lợi dụng quá đáng một tình thế ngẫu nhiên; và anh không đi xa hơn nữa. Chưa hề có lời nào xác định về tình yêu lọt qua môi họ, và sự trì hoãn đường như là điều đáng mong muốn ở khoảnh khắc đó. Tuy nhiên, anh đi thật chậm rãi để kéo dài phần còn lại của đoạn đường càng lâu càng tốt; nhưng cuối cùng họ cũng tới chỗ ngoặt, và từ đó trở đi họ nằm trong tầm nhìn rất rõ của ba người kia. Họ tới chỗ đất khô, và anh đặt nàng xuống.

Các bạn của nàng đang nhìn cả hai với đôi mắt tròn xoe, chứa đầy suy nghĩ, và nàng có thể thấy rằng họ đã nói về nàng. Anh vội vã chào tạm biệt họ, và lôm bôm bước dọc theo con đường bị ngập.

Bốn người cùng đi tiếp như trước, cho tới khi Marian phá vỡ sự im lặng:

“Không, với tất cả sự thật; chúng ta không có cơ hội chống lại cô!” nàng nhìn Tess với ánh mắt ghen tị.

“Chị muốn nói gì?” Tess hỏi.

“Anh thích cô nhất! Bọn tôi có thể nhìn thấy điều đó khi anh bế cô. Hắn anh đã hôn cô nếu cô khuyến khích anh, chỉ cần chút xíu thôi.”

“Không, không.”

Theo cách nào đó, sự vui vẻ lúc họ khởi hành đã biến mất; thế nhưng giữa họ không có sự thù hận hay ác ý. Họ là những tâm hồn trẻ trung phóng khoáng; họ đã lớn lên trong những vùng quê hẻo lánh nơi thuyết định mệnh là một quan điểm chiếm ưu thế, và họ không trách nàng: phải có một người thắng cuộc.

Tim Tess nhói đau. Nàng không che đậy thực tế rằng nàng yêu Angel Clare, có lẽ càng say đắm hơn khi biết rằng những người kia cũng yêu anh. Có sự lây lan trong tình cảm

này, đặc biệt là ở phụ nữ. Nhưng dù khao khát tình yêu, nàng rất cảm thông với các bạn của mình. Với bản chất trung thực, Tess chống lại tình yêu đó, nhưng quá yếu ớt, và kết quả tự nhiên đã sớm xảy ra.

“Tôi sẽ không bao giờ cản đường chị, hay bắt cứ người nào trong số các chị!” Tối hôm đó nàng tuyên bố với Retty trong phòng ngủ (nước mắt nàng lăn trên má). “Tôi không thể không làm như thế, bạn thân mến ạ! Tôi không nghĩ ành tính chuyện cưới xin, nhưng nếu ành cầu hôn, tôi sẽ từ chối ành, như tôi sẽ từ chối bất cứ người đàn ông nào.”

“Ồ, thật thế à? Vì sao chứ?” Retty băn khoăn.

“Không thể có chuyện đó! Nhưng tôi sẽ nói thẳng. Hoàn toàn gạt tôi sang một bên, tôi nghĩ ành cũng sẽ không chọn ai trong số các chị.”

“Em chưa bao giờ mong đợi nó... nghĩ tới nó” Retty rên rỉ. “Nhưng ôi! Em ước gì em chết phúc cho rồi!”

Cô bé tội nghiệp, bị xâu xé bởi một cảm giác mà nàng hầu như không hiểu, quay sang hai người kia khi họ lên gác đúng vào lúc đó.

“Chúng ta sẽ lại là bạn của chỉ” nàng nói với họ. “Chỉ không nghĩ tới việc kết hôn với ành đâu.”

Thế là ngờ vực tan biến, họ vốn là những cô gái cả tin và nồng nhiệt.

“Có vẻ như tôi không màng tới việc tôi làm hiện giờ” Marian nói. Tâm trạng của nàng đang ở vị trí thấp nhất. “Tôi sẽ lấy một thợ vắt sữa ở Stickleford, ành đã cầu hôn tôi hai lần; nhưng chao ôi, giờ tôi sẽ tự kết liễu đời mình còn hơn là vợ của ành! Vì sao cô không nói gì đi, Izz?”

“Vậy thì tôi thú nhận” Izz lẩm bẩm. “Hôm nay tôi đã chắc chắn ành sẽ hôn tôi khi đang bế tôi; và tôi nằm im dựa vào

ngực ành, hy vọng, và hy vọng, và không cục cưa chút nào. Nhưng ành không hôn. Tôi không thích sống ở Talbothays này nữa! Tôi sẽ về nhà."

Bầu không khí của căn phòng ngủ dường như rung động pháp phỗng với tinh cảm vô vọng của các cô gái. Họ thao thức trăn trở dưới sự đè nén của một cảm xúc đâm xộc vào họ bởi quy luật Tự nhiên - một cảm xúc họ không mong đợi hay ao ước. Sự cố hôm đó đã thổi bùng ngọn lửa đang thiêu đốt tâm can họ, và nỗi đau hẫu như quá sức chịu đựng của họ. Sự đam mê đã xóa bỏ các cá tính riêng, và mỗi người bọn họ chỉ là một phần tử của cơ thể duy nhất gọi là giới tính. Họ rất chân tình và không hề ghen tức lẫn nhau vì họ không còn chút hy vọng nào. Mỗi cá nhân là một cô gái có lương tri trong sáng và không tự lừa dối bản thân với những tưởng tượng lố lăng, hoặc phù nhận tình yêu của họ, hoặc tự đe cao mình và làm lu mờ kẻ khác. Nhận thức đầy đủ về tính chất phù phiếm của tình yêu cuồng dại của họ từ một quan điểm xã hội; sự khởi đầu vô mục đích của nó; tầm nhìn tự giới hạn của nó; sự thiếu khả năng phán xét nó theo quan điểm của một xã hội văn minh (trong lúc không hề thiếu khả năng theo quan điểm của Tự nhiên); thực tế rằng nó đã từng hiện hữu, vốn mang tới cho họ một niềm vui đau đớn - tất cả những điều này truyền cho họ một sự cam chịu, một phẩm giá để xóa bỏ niềm hy vọng được kết hôn với Clare.

Họ trăn trở trên những cái giường bé xíu, và ở tầng dưới, hệ thống chê biến pho mát vẫn nhỏ giọt đều đều, đơn điệu.

"Chị còn thức không, Tess?" nửa giờ sau có tiếng thì thào. Đó là giọng của Izz Huett.

Tess trả lời có, thế là cả Retty và Marian cùng đột ngột hất tung tấm chăn khỏi người và thở dài.

“Bạn tôi cũng thế!”

“Tôi tự hỏi cổ như thế nào. Vị tiểu thư mà họ nói gia đình ành đã chọn cho ành!” Marian nói.

“Tôi cũng vậy” Izz nói.

“Một tiểu thư được chọn cho ành à?” Tess thở dốc, lên tiếng. “Tôi chưa từng nghe nói về chuyện đó!”

“Ồ, có đấy... nó được kể thầm thôi. Một tiểu thư trẻ cùng giai tầng với ành, do gia đình ành chọn; con gái một Tiến sĩ Thần học ở gần xứ đạo Emminster của cha ành. Ành không mấy quan tâm tới cổ, họ nói. Nhưng chắc chắn ành sẽ cưới cổ.”

Họ đã nghe rất ít về chuyện này; thế nhưng nó đủ để dựng lên những giấc mơ đau buồn trong màn đêm tối. Họ hình dung mọi chi tiết về việc Clare cuối cùng sẽ ưng thuận, về những chuẩn bị cho lễ cưới, về vẻ mặt hạnh phúc của cô dâu, về y phục và mạng che mặt của cô ta, chuyển về nhà hạnh phúc với anh ta. Cứ thế họ khe khẽ nói với nhau, đau nhói tâm can, và lặng lẽ khóc cho tới khi giấc ngủ xua đi nỗi buồn của họ.

Sau phát hiện này, Tess không còn nuôi dưỡng bất cứ ý tưởng ngu xuẩn nào rằng sự quan tâm Clare dành cho nàng là thật sự nghiêm túc. Nó chỉ là một tình yêu mùa hè thoảng qua vì gương mặt xinh đẹp của nàng, vì chính bản thân tình yêu tạm bợ - không còn gì khác. Và cái vương miện băng gai của nhận thức đáng buồn này là nàng, kẻ mà Clare thật sự thích hơn số còn lại theo một cách thức nhất thời, kẻ tự biết mình có bản chất say đắm hơn, thông minh hơn, xinh đẹp hơn họ, trong con mắt của xã hội ưa chuộng chuẩn mực còn kém giá trị hơn anh nhiều so với những cô gái tầm thường mà anh đã làm ngơ.

Chương 24

Giữa Thung lũng Froom màu mỡ phì nhiêu và xôn xao sức sống, vào một mùa khi người ta hầu như có thể nghe thấy những dòng nhựa chảy miên man bên dưới lớp phân bón, ngay cả một tình yêu mơ mộng phi thực tế nhất cũng không thể nào không trở nên đầm đuối. Những quả tim sẵn sàng đón nhận nó nằm dưới quyền lực của môi trường xung quanh.

Tháng Bảy trôi qua trên đầu họ, và thời tiết tháng Thermidor⁽¹⁾ vừa tinh giấc dường như là một nỗ lực của Tự nhiên để cạnh tranh với tình cảm đắm say đang thiêu đốt những quả tim ở trang trại Talbothays. Không khí của nơi này, vốn rất trong lành vào mùa xuân và đầu mùa hạ, hiện giờ trở nên uể oải lù đù. Những mùi hương đậm đặc của nó đè nặng lên mọi người, và vào giữa trưa cảnh vật dường như nằm trong một trạng thái im lìm bất động. Hơi nóng như rán nâu những con dốc phía trên của các đồng cỏ, nhưng ở nơi có nước chảy qua vẫn có những thảm cây cỏ xanh tươi. Clare cảm thấy rất ngọt ngạt với nhiệt độ bên ngoài, bởi lòng anh cũng đang cháy bùng ngọn lửa tình yêu dành cho nàng Tess dịu hiền và lặng lẽ.

1. Ở đây chỉ những tháng hè. Thermidor là tháng thứ 11 trong niên lịch Pháp (kéo dài từ 19 tháng 7 tới 17 tháng 8), được xây dựng năm 1793 sau cuộc Cách mạng Pháp. Từ này bắt nguồn từ Hy Lạp “thermos” có nghĩa là nóng.

Những cơn mưa đã đi qua, vùng đất cao trở nên khô hạn. Khi ông chủ trại vội vã đánh xe ngựa từ chợ trở về, đôi bánh xe hất tung lớp đất mìn của mặt đường lên, và cuốn theo sau một làn bụi mù trắng xóa, như thể chúng đã tạo nên một con tàu bằng bụi mòng trên ngọn lửa. Lũ bò phóng ào qua cổng sân trại, nổi điên lên vì bị mòng chích. Ông chủ trại Crick luôn xắn tay áo sơ mi lên khỏi cùi chỏ từ thứ Hai tới thứ Bảy; những cánh cửa sổ mờ cũng không đem lại chút thông thoáng nào nếu không mở cửa chính, và trong khu vườn của trang trại, lũ quạ và chim hét đi lại quanh quẩn bên dưới những bụi lý chua, giống cung cách của loài thú bốn chân hơn loài có cánh. Đám ruồi lười nhát, rầy rà và quen thuộc trong nhà bếp bò quanh những nơi ít khi nhìn thấy chúng, trên nến nhà, trong tủ ngăn, và trên lưng bàn tay của mấy cô thợ vắt sữa. Những cuộc chuyện trò thường liên quan tới việc bị say nắng; trong lúc việc chế biến và bảo quản bơ chỉ là một việc làm vô vọng.

Họ chỉ vắt sữa trong đồng cỏ vì ở đó mát mẻ và tiện hơn, không cần phải lùa bò về trại. Trong ngày, lũ gia súc khúm núm đi theo bóng của những cây cối nhỏ nhất khi nó di chuyển quanh thân cây theo hướng mặt trời; và khi tới đó, những người thợ hầu như không thể đứng yên với lũ ruồi.

Vào một trong những buổi chiều này, tình cờ có bốn năm con bò chưa vắt sữa đứng tách rời khỏi đàn lớn, sau góc của một bờ rào. Trong số chúng có Im Im và Đẹp Lão, vốn thích được Tess vắt sữa hơn. Khi nàng đứng lên từ cái ghế đầu bên dưới một con bò đã được vắt sữa xong, Angel Clare, kẻ vẫn thỉnh thoảng quan sát nàng, hỏi nàng có muốn chọn vắt hai con bò kề trên không. Nàng lặng lẽ đồng ý, đi về phía chúng đang đứng, xách theo cái ghế và cái xô. Giây lát sau, tiếng sữa của Đẹp Lão bắn vào cái xô vọng qua bờ rào, và Angel cũng

muốn vòng qua góc đó để vắt sữa một con bò khó tính đã lang thang tới đó. Hiện giờ anh có thể vắt sữa nó không thua gì ông chủ trại.

Khi vắt sữa, tất cả những người đàn ông, và một số phụ nữ, thường tì trán vào con bò và nhìn vào cái xô. Nhưng một vài người, chủ yếu là những cô gái trẻ, lại nghiêng đầu sang một phía. Đây là thói quen của Tess Durbeyfield, một bên thái dương của nàng áp vào sườn con bò, đôi mắt trầm tư lặng lẽ dán vào đầu kia của cánh đồng. Nàng cũng đang vắt sữa cho Đẹp Lão theo cách đó, và tình cờ mặt trời cũng ở bên mé vắt sữa. Nó tỏa nắng lên thân hình mặc áo dài hồng, cái nón trắng có mạng che của nàng, và lên đường nét nhìn nghiêng của nàng, khiến nó trông tựa như một nét chạm nổi trên cái nền là thân hình nâu xám của con bò.

Nàng không biết rằng Clare đã vòng qua theo nàng, và anh đang ngồi dưới con bò quan sát nàng. Sự bất động của đầu và các đặc điểm của nàng rất đáng chú ý: có thể nàng đang trong một trạng thái xuất thần; mắt nàng mờ, nhưng không nhìn thấy gì cả. Không có thứ gì trong hình ảnh đó chuyển động trừ cái đuôi của Đẹp Lão và đôi bàn tay hồng hồng của Tess; chúng nhẹ nhàng lênh xuống theo một nhịp điệu, như thể chúng đang tuân theo một tác nhân kích thích, giống như một quả tim đang đập.

Với anh, gương mặt nàng đáng yêu biết bao. Thế nhưng ở nó không có gì là siêu phàm cả; tất cả đều là sức sống thật sự, sự nồng ấm thật sự, hiện thân thật sự. Và điều này đạt tới đỉnh điểm ở cái miệng của nàng. Đôi mắt vẫn sâu thẳm và như biết nói, đôi má vẫn ửng hồng, đôi lông mày vẫn cong, cái cằm và cắn cổ vẫn thanh tú như anh đã từng nhìn thấy trước đây; nhưng không đôi môi nào trên một gương mặt trần thế

có thể sánh ngang với đôi môi này. Đối với một chàng trai có chút xíu nhiệt tình, một cái nhếch rất khẽ ở giữa bờ môi trên đòn thầm đó dù khiến tâm hồn anh ta đờ đẫn, mê đắm, điên cuồng. Anh chưa bao giờ nhìn thấy trước đó đôi môi và hàm răng phụ nữ nào buộc tâm trí anh phải lặp đi lặp lại câu so sánh xưa cũ hồi thời nữ hoàng Elizabeth như thế: Trông chúng giống như hai đóa hồng trên tuyết trắng. Với tư cách một kẻ đang yêu, anh có thể lập tức bảo rằng chúng là vẻ đẹp hoàn mỹ. Nhưng không, chúng không hoàn mỹ. Và chính yếu tố không hoàn mỹ ở cái lẽ-ra-phải-hoàn-mỹ mang tới sự ngọt ngào, vì nó đậm chất con người.

Clare đã nghiên cứu những đường cong của đôi môi đó nhiều lần đến nỗi anh có thể dễ dàng hình dung ra chúng trong tâm tưởng. Và lúc này, vì chúng đang ở trước mặt anh, với sắc màu và sức sống, chúng gửi tới da thịt anh một làn hương, gửi tới những dây thần kinh của anh một cơn gió nhẹ, hầu như có thể tạo nên một nỗi bâng khuâng; và đây thật sự tạo nên, thông qua một quá trình sinh lý bí ẩn nào đó, một cái hắt hơi không chút gì là thơ mộng.

Lúc này nàng mới nhận ra rằng anh đang quan sát nàng; nhưng nàng không để lộ sự nhận biết đó bằng bất cứ thay đổi tư thế nào, dù ánh mắt xa xăm mơ màng đã biến mất, và một cái nhìn gần có thể dễ dàng phát hiện ra rằng màu hồng trên mặt nàng trở nên đậm hơn, rồi sau đó phai dần cho tới khi chỉ còn lại một sắc hồng phơn phớt.

Tác động đã xâm nhập vào Clare như một tia sét từ bầu trời không hề lịm tắt. Những quyết tâm, những dè dặt, những cẩn trọng, những e sợ, đều rút lui như một tiểu đoàn đại bại. Anh đứng lên, bỏ mặc cho cái xô bị đá đổ nếu con bò muốn thế, anh đi nhanh về phía nỗi khát khao của lòng mình, và quỳ xuống cạnh nàng, ôm chặt nàng trong vòng tay.

Tess hoàn toàn kinh ngạc, và không kịp suy nghĩ, nàng đầu hàng cái ôm của anh như một điểu không thể tránh khỏi. Sau khi thấy rằng kẻ đang ôm nàng đúng là người yêu của nàng chứ không phải ai khác, đôi môi nàng hé mở, và nàng áp sát vào anh trong niềm vui vô tả, với một tiếng kêu khẽ đê mê.

Anh đã toan hôn lên đôi môi cảm dỗ đó, nhưng cố kiềm chế, vì lương tâm không cho phép.

“Hãy tha thứ cho tôi, Tess thân yêu” anh thì thầm. “Lẽ ra tôi phải xin phép. Tôi... không biết mình đang làm gì nữa. Tôi không cố tình làm điểu đó. Tôi dâng cho em trọn trái tim này, Tess yêu quý ạ, với tất cả sự chân thành!”

Lúc này Đẹp Lão quay sang nhìn họ với vẻ thắc mắc; và khi nhìn thấy hai người núp bên dưới nó, nơi mà theo tập tục từ xưa chỉ nên có một người, nó cúi kinh nhắc chân sau lên.

“Nó đang tức giận, nó không biết chúng ta muốn gì, nó sẽ đá đổ xô suds!” Tess kêu lên, cố thoát khỏi vòng tay của anh một cách nhẹ nhàng, đôi mắt nàng tập trung vào thái độ của con vật, nhưng quả tim nàng quan tâm tới chính nàng và Clare hơn.

Nàng trườn người khỏi ghế, và họ cùng nhau đứng lên, tay anh vẫn ôm quanh eo nàng. Đôi mắt của Tess, vẫn với cái nhìn xa xăm, bắt đầu rưng rệ.

“Vì sao em khóc vậy, em yêu?”

“Ô... tôi không biết!” nàng khẽ đáp.

Khi nhìn thấy và cảm nhận rõ hơn về tình thế của mình, nàng trở nên bối rối và cố rút lui.

“Cuối cùng tôi đã phản bội cảm giác của mình, Tess ạ” anh nói, với một tiếng thở dài tuyệt vọng lả lùng, biểu lộ một

cách vô thức rằng tim anh đang vượt quá trí suy xét của anh. “Tôi không cần nói tôi yêu em thật sự và tha thiết. Nhưng tôi... chuyện này sẽ không đi xa hơn nữa vào lúc này... Nó đã làm em đau khổ... Tôi cũng ngạc nhiên như em. Em sẽ không nghĩ là tôi đã lợi dụng sự không có khả năng tự vệ của em, đã hành động quá vội vàng và khinh suất, phải không?”

“Không... tôi không nói được.”

Anh buông nàng ra; và giây lát sau việc vắt sữa của mỗi người lại tiếp tục. Không ai nhìn thấy họ ôm nhau; vài phút sau, khi ông chủ trại đi tới cái góc bị che khuất đó, không có dấu hiệu gì để lộ ra rằng đôi nam nữ đang ngồi tách rời nhau một cách rõ ràng này không chỉ là hai người quen bình thường của nhau. Thế nhưng trong khoảng thời gian kể từ khi Crick gặp họ lần cuối, một điều gì đó đã xảy ra và làm thay đổi trực vū trụ của hai người. Một sự kiện mà, nếu biết về tính chất của nó, hẳn ông chủ trại sẽ xem nhẹ, vì ông là một người thiết thực; thế nhưng nó dựa trên một xu hướng ngoan cố và không thể cưỡng lại hơn là dựa trên toàn bộ những cái gọi là điều kiện thực tế. Tấm mạng che mặt đã bị giật ra; từ nay trở đi, mỗi người trong bọn họ đã mờ ra một chân trời mới để tiến lên - trong một thời gian ngắn ngủi hoặc lâu dài.

PHẦN BỐN

Hậu quả

Chương 25 - Chương 34

Chương 25

Clare bỗn chồn bước ra ngoài khi màn đêm sụp xuống, Tess, kè chiếm trọn quả tim anh đã lui về phòng ngủ nghỉ.

Đêm cũng nóng giây như ban ngày. Không có chút không khí dịu mát nào sau khi trời tối ngoại trừ trên mặt cỏ. Những con đường, các lối nhỏ trong vườn, phía trước những ngôi nhà, các bức tường sân trại nóng ấm như mặt trước lò sưởi, và phản chiếu nhiệt độ của ban trưa vào gương mặt của kè đi đêm.

Anh ngồi trên cánh cổng hướng đông của sân trại, không biết phải nghĩ gì về chính bản thân mình. Ngày hôm đó, cảm giác đã thật sự bóp nghẹt trí phán đoán.

Từ cái ôm bất ngờ ba giờ trước đó, cả hai đã duy trì sự cách biệt. Nàng có vẻ lặng lẽ, thậm chí cảnh giác, về những gì đã xảy ra, trong lúc sự mờ mè, không suy tính trước, và sức mạnh áp đảo của tình huống khiến anh phải băn khoăn lo nghĩ. Hiện giờ, anh hầu như không thể nghĩ ra mối quan hệ giữa họ nên như thế nào khi tiếp xúc riêng tư và khi có sự hiện diện của những người khác.

Khi tới trại chẽ biển sữa này để học nghề, Angel cho rằng việc cư trú tạm thời ở đây chỉ là giai đoạn đơn giản nhất trong đời, sẽ sớm trôi qua và bị lãng quên; anh nghĩ rằng từ

nơi này, như từ một hốc tường có màn che, anh có thể bình thản quan sát thế giới cảm dỗ bên ngoài, và trò chuyện trong trí tưởng với Walt Whitman:

*Những đám đông đàn ông và phụ nữ ăn mặc bình thường,
Nhưng với tôi các bạn kỳ lạ biết bao!...*⁽¹⁾

đồng thời vạch ra kế hoạch để thâm nhập vào nó một lần nữa. Nhưng một điều không thể tin nổi đã xảy ra. Cái từng là thế giới thu hút toàn bộ tâm trí đã tan rã thành vở kịch cảm tè nhạt; trong khi ở đây, một nơi chốn rõ ràng rất buồn tẻ và xa lạ với mọi đam mê này, một sự mới mẻ lạ thường đã bùng nổ trong anh như ngọn núi lửa, điều chưa từng xảy ra ở nơi nào khác.

Mọi cửa sổ của ngôi nhà đang mở rộng, anh có thể nghe ngang qua mảnh sân từng âm thanh vặt vãnh của những người đang chuẩn bị nghỉ ngơi. Ngôi nhà trong trang trại, rất khiêm tốn, rất tầm thường, rất đơn giản, với anh chỉ là một nơi tạm trú miễn cưỡng mà cho tới nay anh không bao giờ nghĩ có chút gì nổi bật trên bối cảnh xung quanh; giờ nó có ý nghĩa ra sao? Những cây cột bằng gạch lâu năm, địa y phủ kín như thi thoảng “Hãy ở lại!” Những ô cửa sổ mím cười, cánh cửa ra vào vồ về và ra hiệu, những dây leo như bảy tỏa đến độ dù khiến cho gạch, vữa và toàn thể bầu trời lơ lửng cháy bùng lên trong nỗi đam mê. Con người đầy quyền lực đó là ai? Một cô thợ vắt sữa bò.

Quả là đáng kinh ngạc khi nhận ra cuộc sống ở cái trại sữa vô danh này đã trở thành một vấn đề trọng đại thế nào đối với anh. Và dù tình yêu mới có một phần vai trò trong đó,

1. Hai câu trong khổ đầu bài thơ *Crossing Brooklyn Ferry* của nhà thơ Mỹ Walt Whitman (1819 - 1892).

nó không phải là nguyên nhân duy nhất. Nhiều người ngoài Angel đã hiểu rằng tâm quan trọng của cuộc đời không nằm ở những chuyến biển bên ngoài, mà ở các trải nghiệm khách quan. Một nông dân nhạy cảm sống cuộc đời rộng lớn, tràn đầy, kịch tính hơn một ông vua trơ trơ vô cảm. Khi nhìn theo cách đó, anh nhận ra cuộc sống ở đây cũng quan trọng không kém so với bất cứ nơi nào khác.

Dù có những quan điểm dị biệt, những sai lầm và nhược điểm, Clare là một người có lương tâm. Tess không phải là một thứ đồ chơi để chơi vui rồi rủ bò, mà là một cô gái đang sống cuộc đời quý báu của mình. Một cuộc đời mà với chính nàng, kẻ chịu đựng hay tận hưởng nó, có một chiểu kích lớn lao không kém cuộc đời của những kẻ quyền thế nhất. Toàn cõi thế phụ thuộc vào Tess, vào những cảm xúc của nàng; với nàng, tất cả bạn hữu của nàng tồn tại thông qua sự tồn tại của nàng. Với nàng, bàn thân vũ trụ chỉ khởi đầu vào cái ngày cụ thể của cái năm cụ thể khi nàng cất tiếng khóc chào đời.

Nhận thức này về Tess, mà anh đã linh hội được, là cơ hội tồn tại duy nhất từng được ban cho nàng bởi một Căn nguyên Thứ nhất⁽¹⁾ lạnh lùng - tất cả những gì nàng có; điều kiện tiên quyết cho sự hiện hữu của nàng. Vậy làm sao anh có thể xem nàng như một kẻ kém quan trọng hơn mình; như một món đồ xinh đẹp để vuốt ve rồi chê chán; và làm sao anh có thể không cực kỳ nghiêm túc trong việc xử lý tình cảm mà anh biết anh đã đánh thức ở nàng - nàng nồng nhiệt và nhạy cảm biết bao bên dưới vẻ dè dặt đó - để nó không làm nàng đau khổ và hủy diệt nàng?

Việc gặp gỡ nàng mỗi ngày theo cách thức quen thuộc sẽ phát triển những gì đã chớm nở. Trong điều kiện sống gần gũi như thế, gặp nhau có nghĩa là sẽ càng mến yêu nhau;

1. Tức Thượng đế.

xác thịt không thể cưỡng lại điều đó; và khi không tìm ra giải pháp nào cho vấn đề này, anh quyết định tạm tránh xa những công việc mà họ cùng làm chung với nhau. Cho tới lúc này, vẫn chưa có tổn hại lớn nào.

Nhưng việc thực hiện quyết tâm không bao giờ tới gần nàng không dễ chút nào. Anh bị lái về phía nàng bởi từng nhịp đập của con tim.

Anh nghĩ anh sẽ đi thăm các bạn của mình và lắng nghe ý kiến của họ về vấn đề này. Không đầy năm tháng nữa, thời hạn học nghề của anh sẽ kết thúc, sau vài tháng nữa dành cho các hoạt động nông trại khác, anh sẽ được trang bị đầy đủ kiến thức về nông nghiệp và có thể bắt tay vào công việc của chính mình. Một người chủ nông trại có cần một cô vợ hay không, và vợ của anh ta có nên là một pho tượng sáp trong phòng khách hay không, hay nên là một phụ nữ thấu hiểu nghề nông? Màn đêm thinh lặng đã đưa ra cho anh câu trả lời mong muốn, nhưng dù sao anh cũng quyết định thực hiện chuyến đi.

Một sáng nọ, khi ngồi xuống để ăn điểm tâm ở trại bò sữa Talbothays, một cô gái nhận xét rằng cô ta không thấy bóng dáng của Clare đâu cả.

“À, anh Clare đã về nhà ở Emminster để thăm gia đình vài hôm.”

Với bốn cô gái đang yêu quanh bàn ăn, ánh nắng ban mai như đột nhiên lịm tắt, và chim chóc ngừng tiếng hót. Nhưng không ai trong số họ nói lời nào hay có cử chỉ nào để lộ nỗi đau khổ của mình. “Anh ta sắp kết thúc thời hạn với tôi” ông chủ trại thản nhiên nói thêm, với sự tàn nhẫn vô tình, “và vì thế tôi nghĩ rằng anh ta bắt đầu sắp đặt kế hoạch của mình ở nơi nào đó khác.”

“Anh còn ở đây bao lâu?” Izz Huett hỏi. Nàng là người duy nhất trong số những cô gái đang đau khổ dám lên tiếng.

Mấy người kia chờ đợi câu trả lời của ông chủ trại như thể cuộc đời của họ bị treo lên đó. Retty, với đôi môi hé mờ, nhìn chăm chắp vào tấm khăn trải bàn, Marian thấy người nóng ran, dù lúc nào gương mặt của nàng cũng ửng hồng. Tim Tess đập liên hồi, và nàng nhìn ra những cánh đồng.

“Chà, tôi không nhớ ngày chính xác nếu không xem lại cuốn sổ ghi nhớ” Crick đáp, với vẻ thờ ơ khó mà tha thứ như trước. “Nó có thể thay đổi chút ít. Chắc chắn anh ta sẽ ở lại để học cách chăm sóc bê ở sân rơm. Tôi nghĩ anh ta sẽ lưu lại cho tới cuối năm.”

Khoảng bốn tháng của niềm vui thống khổ với sự có mặt của Clare - của “niềm vui giữa nỗi đau”. Sau đó là bóng tối của đêm đen vô tà.

Cũng vào lúc này, Angel Clare đang cưỡi ngựa trên một con đường hẹp, cách những người đang ăn sáng chừng mươi dặm, đi về hướng nhà của cha anh ở Emminster; mang theo một cái giỏ nhỏ đựng vài cái dồi tiết lợn và một chai rượu mật ong, do bà Crick trân trọng gửi cho cha mẹ anh. Con đường trắng xóa trải dài trước mặt anh, và anh đặt mắt lên đó, nhưng chúng đang nhìn xa vào năm tới chứ không phải con đường. Anh yêu nàng, anh có nên cưới nàng không? Anh có dám cưới nàng không? Mẹ và các anh của anh sẽ nói gì? Hai năm sau đó bàn thân anh sẽ nói gì? Điều này tùy thuộc vào việc có những mầm mống của tình cảm lâu dài bên dưới cảm xúc tạm thời hay chặng, hay nàng chỉ mang tới cho anh một niềm vui do sự quyến rũ ngoại hình, vốn không thể lâu bền mãi mãi.

Cái thị trấn nhỏ với những ngọn đồi vây quanh của cha anh, tòa tháp nhà thờ đá đờ thời kỳ Tudor, khóm cây gần

ngôi nhà cha xứ, rốt cuộc đã hiện ra bên dưới anh, và anh cho ngựa phi về phía cánh cổng nổi tiếng. Khi nhìn thoáng về phía nhà thờ trước khi vào nhà mình, anh trông thấy một nhóm thiếu nữ đứng cạnh cửa phòng áo lê, tuổi từ mười hai tới mười sáu, rõ ràng đang đợi ai đó tới. Chỉ giây lát sau người này xuất hiện. Một nhân vật hơi lớn hơn các cô bé học trò chút ít, đội một cái nón rộng vành, mặc một cái áo dài buổi sáng may bằng vải lanh và hổ bột kỵ, tay cầm hai cuốn sách.

Clare biết rõ nàng ta. Anh không chắc nàng có nhìn thấy mình không; anh hy vọng là không, vì anh không cần phải tới nói chuyện với nàng; một cô gái không chê vào đâu được. Sự miễn cưỡng không muốn chào hỏi nàng khiến anh quyết định là nàng không nhận ra mình. Đó là tiểu thư Mercy Chant, con gái rượu của người bạn láng giềng của cha anh, người mà cha mẹ anh vẫn ngầm hy vọng anh sẽ cưới một ngày nào đó. Nàng rất xuất sắc trong các lớp về Thuyết chống Luân lý và Kinh Thánh, và rõ ràng lúc này đang dự một lớp. Tâm hồn Clare quay về với những cô gái ít học, sôi nổi đang dầm mình trong nắng hạ ở Thung lũng Var, gương mặt ửng hồng của họ lấm tấm phân bò; và với một người nông nhiệt nhất trong số họ.

Anh đã quyết định phi ngựa về Emminster trong một cơn bốc đồng, và do đó chưa viết thư thông báo cho cha mẹ. Tuy nhiên, anh dự định về tới nhà vào giờ ăn sáng, trước khi họ ra ngoài đi lè. Anh hơi muộn một chút, và họ đã ngồi vào bàn ăn. Nhóm người ở bàn đứng lên để chào mừng anh ngay khi anh bước vào, bao gồm cha mẹ, và một người anh của anh, Cha Felix, cha phó ở một thị trấn của hạt bên cạnh, đang về chơi nhà hai tuần; một người anh khác là Cha Cuthbert, học giả cổ điển, Ủy viên Giám đốc kiêm Trưởng khoa ở trường

đại học của anh ta, trở về từ Cambridge trong dịp nghỉ lễ dài hạn. Mẹ anh xuất hiện, đội nón vải, mang kính gọng bạc, và cha anh trông thật sự đúng là ông - một người nghiêm chỉnh, kính Chúa, hơi gầy, khoảng sáu mươi lăm tuổi. Gương mặt xanh xao của ông đầy những nếp nhăn suy tư và tính toán. Bên trên đầu họ treo bức tranh chị của Angel, người con cả trong nhà, lớn hơn anh mười sáu tuổi, đã lấy một nhà truyền giáo và sang châu Phi.

Cụ Clare là một dạng giáo sĩ mà, trong suốt hai mươi năm qua, đã gần như rút lui khỏi cuộc sống đương thời. Một hậu duệ tinh thần theo trực hệ của Wycliff, Huss, Luther, Calvin; một trong số những giáo sĩ theo phái Phúc âm, người có cuộc đời và tư tưởng nghiêng về phía sự giản dị của Tông đồ. Khi còn trẻ trung non nớt, ông đã quyết định trọn đời theo đuổi những vấn đề sâu sắc hơn về sự tồn tại, và không chấp nhận lập luận nào khác về chúng kể từ đó. Ngay cả bạn bè cũ và những người theo trường phái của ông cũng xem ông là một kẻ cực đoan; mặt khác, những kẻ hoàn toàn phản đối ông phải miễn cưỡng ngưỡng mộ sự thẳng thắn cùng khả năng đáng chú ý của ông trong việc loại bỏ mọi ngờ vực và đưa vào thực hành những nguyên tắc của mình. Ông yêu Thánh Paul xứ Tarsus, thích Thánh John, ghét Thánh James trong chừng mực ông dám, và có một cảm giác pha trộn đối với các Thánh Timothy, Titus, và Philemon. Với ông, Kinh Tân Ước nghiêng về lý thuyết của Thánh Paul hơn là lời dạy của Chúa Jesus - là một sự gây nhiễm độc hơn là một lập luận. Niềm tin của ông vào thuyết định mệnh gần như điên cuồng và ở khía cạnh phủ định của nó, hoàn toàn tương đồng với dạng triết lý phủ định của Schopenhauer và Leopardi. Ông coi thường những kinh sách được coi là xác thực và những chuyên mục, tin tưởng Các Tín điều, cho rằng mình kiên định với toàn

bộ các tín điều này, theo cách nào đó, có thể ông là như thế. Chắc chắn một điều: ông rất chân thành.

Với niềm vui có tính chất ngoại giáo, thiên về giác quan và thẩm mĩ đối với đời sống tự nhiên cùng vẻ đẹp phái nữ mà con trai Angel của ông vừa trải nghiệm gần đây ở Thung lũng Var, hẳn ông sẽ có một ác cảm cao độ nếu biết được sự thật thông qua chất vấn hay tưởng tượng. Có một lần, Angel đã không may nói với ông trong cơn tức giận rằng sẽ tốt hơn nhiều cho nhân loại nếu Hy Lạp trở thành nguồn cội tín ngưỡng của nền văn minh hiện đại thay vì Palestine; và người cha phản nộ không thể nào nhận ra rằng nhận định này có thể chứa đựng một phần ngàn sự thật, nói gì tới một nửa sự thật hay toàn bộ sự thật. Ông chỉ đơn giản giảng giải với Angel sau đó một thời gian. Nhưng quả tim ông hiền dịu đến độ ông không bao giờ căm ghét lâu bấy lâu thứ gì, và hôm nay ông chào đón con trai mình với nụ cười ngọt ngào dung dị như nụ cười của một đứa trẻ.

Angel ngồi xuống, cảm thấy mình đang một lần nữa ngồi dưới mái nhà xưa; nhưng anh không cảm thấy mình là một người trong cái gia đình đang tể tựu ở đây như trước. Mỗi lần trở về nhà, anh ý thức được trạng thái phân ly này, và kể từ lần cuối anh chia sẻ cuộc sống dưới mái nhà cha xứ, rõ ràng nó đã trở nên xa lạ hơn nhiều đối với anh. Những ước vọng mơ hồ của nó - vẫn vô thức dựa trên quan điểm xem trái đất là trung tâm, bên trên là thiên đàng, bên dưới là địa ngục - trở nên xa lạ với anh đến mức như thể chúng là giấc mơ của những người trên một hành tinh khác. Đạo gần đây anh chỉ nhìn thấy Cuộc sống, chỉ cảm nhận nhịp đập lớn lao mãnh liệt của sự hiện tồn, không bị làm cho sai lệch, biến dạng, không bị kìm hãm bởi những tín điều vốn cố gắng cản trở một cách vô hiệu quả cái mà kẻ mình triết sẽ vui lòng cải sửa.

Về phần mình, gia đình của Clare cũng nhìn thấy một sự khác biệt lớn ở anh, một sự phân cách đang lớn dần với Angel Clare của thời gian trước. Chủ yếu, nó là một khác biệt trong cách hành xử của anh mà họ, nhất là hai ông anh của anh, vừa mới nhận ra. Anh đang cư xử như một nông dân; anh ngồi dang rộng chân; các cơ trên mặt anh đã trở nên giàu biểu cảm hơn; đôi mắt anh trông có vẻ như chưa đựng nhiều thông tin không kém những gì anh nói, nhiều hơn là đằng khác. Cung cách của một học giả đã gần như biến mất; cung cách của một thanh niên trong phòng khách còn mất đi nhiều hơn. Một kẻ hờn mèn hẳn sẽ nói rằng anh đã đánh mất văn hóa, và một kẻ đoan trang vờ vịt sẽ nói rằng anh đã trở nên thô lỗ. Đó là kết quả của sự giao tiếp cận kề với những cô gái chàng trai ở Talbothays.

Sau bữa ăn sáng, anh đi dạo với hai người anh, những chàng trai không theo phái Phúc âm, học thức cao, đúng chuẩn tới tận những thớ sợi xa nhất trong cơ thể, những kiểu mẫu không chê vào đâu được, được đào tạo hàng năm bởi một hệ thống nhà trường. Cả hai đều cận thị nhẹ, và khi việc đeo kính một tròng với dây đeo là thời trang, họ đeo kính một tròng với dây đeo; khi thời trang là đeo kính hai tròng, họ đeo ngay kính hai tròng, không quan tâm tới điều mà đôi mắt của họ thật sự cần tới. Khi Wordsworth được tôn vinh, họ luôn mang theo những cuốn thơ bò túi của ông; và khi Shelley bị hạ bệ họ bò mặc cho tác phẩm của ông đóng đầy bụi trên kệ sách. Khi *Những Gia đình Thần thánh* của Correggio được hâm mộ, họ hâm mộ nó; khi ông bị những kẻ ủng hộ Velasquez chê bai, họ lập tức chạy theo, không hề có một phản đối cá nhân nào.

Nếu hai người này nhận ra sự lạc lõng ngày càng tăng trong quan hệ xã hội của Angel, anh cũng nhận ra những hạn

chế tinh thần ngày càng tăng của họ. Với anh, Felix dường như là toàn thể Giáo hội; Cuthbert là toàn thể các trường đại học. Nếu Hội nghị tôn giáo của giáo phận và những chuyến thanh tra là động lực của thế giới đối với người này; Cambridge là động lực của thế giới đối với người kia. Mỗi ông anh đều thẳng thắn thừa nhận rằng có khoảng vài chục triệu kẻ ngoài lề không quan trọng trong xã hội văn minh, những cá nhân không phải là người của trường đại học cũng không phải là giáo sĩ; nhưng những người này nên được khoan dung thay vì tôn kính và coi trọng.

Cả hai đều là những người con chu đáo ngoan ngoãn, và thường xuyên về thăm cha mẹ. Với tư cách một lý thuyết gia, Felix hiện đại hơn cha mình nhiều, nhưng không có khuynh hướng quên mình và bất vụ lợi bằng ông. Khoan dung hơn cha đối với những quan điểm trái ngược, nhưng chỉ ở mức độ nguy hiểm chúng có thể mang tới cho chính những người chủ trương chúng, anh không sẵn lòng tha thứ nếu chúng coi thường học thuyết của anh. Nhìn chung, Cuthbert có đầu óc phóng khoáng hơn, dù xét ở mức độ vi tế hơn anh khá nhẫn tâm.

Trong lúc họ thả bước trên sườn đồi, cảm giác trước đó của Angel sống lại trong anh - rằng bất kể họ có những tiến bộ nào so với anh, không ai trong hai người họ nhìn thấy hoặc thấu hiểu cuộc đời. Có lẽ, như với nhiều người khác, cơ hội quan sát của họ không tốt như cơ hội thể hiện. Không ai trong hai người có một ý niệm thích đáng về những lực lượng phức tạp đang hoạt động bên ngoài dòng chảy êm đềm dịu nhẹ mà trong đó họ và những người thuộc tầng lớp họ trôi nổi bênh bõng. Không ai trong hai người nhìn thấy sự khác biệt giữa sự thật cục bộ và sự thật phổ quát; rằng những quan điểm hẹp hòi của giới giáo sĩ và học thuật hoàn toàn khác với những quan điểm của thế giới bên ngoài.

“Anh cho rằng với em hoặc là làm nông hoặc là không làm gì hết, em thân mến.” Felix nói với cậu em út, trong lúc nhìn qua đôi kính về phía những cánh đồng xa với vẻ u buồn khắc khổ. “Và do đó, chúng ta phải tận dụng hết các khả năng tốt nhất của nó. Nhưng anh năn nỉ em nên cố duy trì tiếp xúc càng nhiều càng tốt với những tư tưởng luân lý. Dĩ nhiên làm nông nghĩa là có một bể ngoài thô kệch; nhưng dù sao tư tưởng cao xa vẫn có thể song hành với cuộc sống giản đơn.”

“Dĩ nhiên là vậy” Angel đáp. “Không phải nó đã được chứng minh từ mười chín thế kỷ trước hay sao - nếu em có thể xâm phạm vào lãnh địa của anh một chút? Vì sao anh nghĩ rằng em có khả năng đánh mất những ý tưởng sâu xa và liên quan tới đạo đức của mình vậy, Felix?”

“Ồ, anh tưởng tượng, từ cách nói trong những lá thư của em và cuộc trò chuyện của chúng ta - có thể nó chỉ là tưởng tượng - rằng theo cách nào đó em đang mất đi khả năng phát triển trí tuệ. Cậu có nghĩ thế không, Cuthbert?”

“Anh Felix này” Angel khô khan nói. “Chúng ta là những người bạn rất tốt với nhau, và mỗi chúng ta bước theo con đường chúng ta đã chọn; nhưng nếu nói về khả năng trí tuệ, em nghĩ một người có bản chất giáo điều như anh tốt hơn nên mặc kệ sự phát triển của em, và nên nghĩ về chính sự phát triển của mình.”

Họ xuống đồi, quay về để ăn trưa, vốn được ấn định vào bất cứ lúc nào công việc của cha mẹ họ trong xứ đạo kết thúc. Đôi vợ chồng vị tha này hầu như không quan tâm chút nào tới sự tiện nghi của ba người khách; dù về vấn đề này cả ba cậu con đều đồng lòng mong muốn rằng cha mẹ họ sống theo một lối suy nghĩ hiện đại hơn.

Cuộc đi dạo khiến họ thấy đói. Nhất là Angel, giờ đã trở thành một người sống ngoài trời, quen với những *dapes inemptae*⁽¹⁾ thừa thãi của cái bàn ăn được bày biện khá ngổn ngang của ông chủ trang trại chế biến sữa. Nhưng không ai trong hai người họ xuất hiện, và chỉ khi mấy cậu con trai phát mệt vì chờ, họ mới bước vào nhà. Đôi vợ chồng vị tha này đã bận rộn vỗ về một số bệnh nhân trong xứ đạo của họ chịu cho chút gì vào bụng, trong khi, khá là mâu thuẫn, họ quên khuấy mất sự ngon miệng của chính mình.

Cả nhà ngồi vào bàn, và một bữa ăn thanh đạm với những thức ăn lạnh được bày ra trước họ. Angel nhìn quanh để tìm mớ dôi tiết lợn của bà Crick, mà anh đã được dặn phải nướng kỹ như bà đã làm ở trại sữa, và anh mong muốn cha mẹ anh cũng tán thưởng những hương vị thảo mộc tuyệt vời như chính bàn thân mình.

“À, con đang tìm những cái dôi tiết lợn phải không, con yêu?” bà mẹ lên tiếng. “Nhưng mẹ chắc rằng con sẽ không bận tâm nếu không có chúng như cha mẹ, khi con biết lý do. Mẹ đã đề nghị với cha con rằng chúng ta sẽ mang món quà tốt bụng của bà Crick cho lũ con cái của một người đàn ông ngay lúc này không kiểm được chút tiền nào vì đang nằm hôn mê, và cha con đã đồng ý rằng đó sẽ là một niềm vui lớn đối với họ; và chúng ta đã làm như thế.”

“Dĩ nhiên” Angel vui vẻ đáp, nhìn quanh để tìm chai rượu mật ong.

“Mẹ nhận thấy rượu mật ong có nhiều cồn quá” bà mẹ nói tiếp, “nên nó hoàn toàn không phù hợp để dùng làm nước giải khát, mà có giá trị như rượu rum hay rượu mạnh trong tình thế khẩn cấp; vì thế mẹ đã cất nó vào tủ thuốc.”

1. Thức ăn nấu nướng tại nhà (tiếng Latin).

“Về mặt nguyên tắc, chúng ta không bao giờ uống rượu ở cái bàn này” cha anh nói thêm.

“Nhưng con phải nói thế nào với vợ của ông chủ trại đây?” Angel nói.

“Đĩ nhiên là sự thật” cha anh đáp.

“Con muốn nói rằng chúng ta đã rất thích thú khi dùng món dồi tiết lợn và rượu mật ong hơn. Bà ta là một mẫu người tốt bụng, vui tính, và chắc chắn sẽ lập tức hỏi ngay khi con quay lại đó.”

“Con không thể nói thế, nếu chúng ta không làm như thế” ông Clare trả lời rõ ràng.

“Chà... phải; dù rượu mật ong đó là một thứ rượu ngon tuyệt cú mèo.”

“Một cái gì?” cà Cuthbert lẩn Félix lên tiếng.

“Ô... đó là cách nói của những người ở Talbothays” Angel đáp, đỏ mặt. Anh cảm thấy cha mẹ mình đúng trong cách thực hành dù sai trong nhu cầu tình cảm của họ, và không nói gì thêm.

Chương 26

Mãi tới chiều tối, sau buổi cầu nguyện của gia đình, Angel mới có cơ hội để cập cùng cha anh một hai để tài gán gùi với tâm hồn anh. Anh đã chuẩn bị cho cuộc đối thoại này trong lúc quỳ gối sau hai ông anh trên tấm thảm, quan sát những chiếc đinh nhỏ trên gót ủng của họ. Khi buổi lễ kết thúc, họ rời khỏi phòng cùng bà mẹ, chỉ còn lại ông Clare và anh.

Trước tiên, anh thảo luận với cha mình những kế hoạch để trở thành một chủ nông trại cỡ lớn - ở Anh hoặc ở các xứ thuộc địa. Người cha nói với anh rằng, vì không tồn khoản chi để gửi anh tới Cambridge, ông cảm thấy có bốn phận dành ra một số tiền hàng năm để cuối cùng Angel có thể mua hoặc thuê một mảnh đất và không cảm thấy bị bỏ mặc.

Cha anh nói tiếp: “Về mặt sản nghiệp, chắc chắn con sẽ vượt xa hai anh của con trong vài năm.”

Sự quan tâm ân cần của ông Clare lớn tuổi giúp Angel hướng tới một đế tài khác thiết thân hơn. Anh nói với cha rằng giờ anh đã hai mươi sáu, và khi bắt tay vào nghề nông anh cần có một đôi mắt sau lưng để coi sóc mọi việc - một người cần thiết để quán xuyến những công việc nội trợ trong nhà khi anh ở ngoài đồng. Do đó, anh có nên cưới vợ hay chăng?

Có vẻ như cha anh nghĩ rằng ý tưởng này khá hợp lý; và Angel đưa ra câu hỏi: “Cha nghĩ loại vợ nào tốt nhất cho con với tư cách một người chủ nông trại cẩn kiêm?”

“Một người phụ nữ Thiên Chúa giáo chân thật, có thể giúp đỡ và an ủi con mọi việc trong ngoài. Ngoài ra, đó thật sự là chuyện nhỏ. Có thể tìm được một người như thế; thật sự, người bạn láng giềng đứng đắn của cha, Tiến sĩ Chant...”

“Nhưng phải chăng cô ta nên biết cách vắt sữa bò, làm bơ và pho mát, biết cách nuôi gà và gà tây, điều hành nhân công khi cần thiết, cũng như biết đánh giá cừu và gia súc?”

“Phải, vợ một người chủ nông trại; phải, tất nhiên. Đó là điều đáng mong muốn.” ông Clare chưa từng nghĩ tới những điểm này trước đó. Ông nói: “Cha sẽ nói thêm rằng con sẽ không tìm được cô gái nào trong trắng và thánh thiện hơn, đương nhiên là hợp ý mẹ con và chính ta hơn Mercy bạn của con, người mà con từng tỏ ra quan tâm. Quả thật lúc sau này con gái ông bạn Chant của ta đã bắt chước cung cách của các giáo sĩ trẻ tuổi trong việc trang trí cho bàn làm lễ ban thánh thể - bàn thờ, như cha đã bị sốc hôm nọ khi nghe con bé gọi nó như thế, với hoa và các thứ dành cho các dịp lễ hội. Nhưng cha con bé, vốn hoàn toàn phản đối những chuyện tào lao đó cũng như cha, bảo rằng có thể khắc phục được việc này. Đó chỉ là sự bộc phát của tuổi trẻ mà cha chắc chắn sẽ không kéo dài mấy.”

“Vâng, vâng, Mercy tốt và sùng đạo, con biết. Nhưng cha à, cha có nghĩ rằng một cô gái trẻ cũng trong trắng và đức hạnh như cô Chant, nhưng thay vì quan tâm tới công việc của giới giáo sĩ thì hiểu rõ những công việc ở nông trại ngang với người chủ trại, sẽ phù hợp với con hơn nhiều hay chăng?”

Cha anh khăng khăng giữ ý kiến rằng kiến thức của vợ một người chủ trại phải xếp thứ hai sau việc nghiêm túc thực hiện những lời dạy của Thánh Paul; và chàng trai Angel bốc đồng, vừa muốn đạt được ý nguyện, vừa không muốn làm cha anh phật ý, bắt đầu cố thuyết phục ông bằng mọi lý lẽ. Anh nói rằng số phận hoặc trời cao đã run rủi cho anh gặp người phụ nữ có đủ mọi phẩm chất để trở thành bạn đời của một người chủ nông trại, và đã đi đến quyết định cực kỳ nghiêm túc. Anh không biết nàng có theo Hạ Giáo hội của cha anh hay chăng, nhưng chắc chắn nàng sẽ sẵn lòng tin tưởng nó; nàng là một tín đồ giản dị thường xuyên đi lễ nhà thờ; có tấm lòng chân thật, linh hội mau, thông minh, thanh nhã, trong trắng như một nữ đồng trinh, và ngoài ra còn rất xinh đẹp nữa.

“Gia thế của cô ta có phù hợp với con không, nói ngắn gọn, cô ta có phải là một tiểu thư không?” mẹ anh ngạc nhiên hỏi, bà vừa nhẹ nhàng bước vào phòng trong lúc họ trò chuyện.

“Theo cách nghĩ thông thường, nàng không phải là một tiểu thư” Angel điểm nhiên đáp, “Vì nàng là con gái của một người nhà quê, như con gọi một cách tự hào. Nhưng dù sao nàng vẫn là một tiểu thư, về cảm xúc và bản chất.”

“Mercy Chant xuất thân từ một gia đình rất tốt.”

“Chà! Thế thì có gì hay ho đâu mẹ?” Angel vội đáp. “Gia thế của vợ một kẻ sẽ phải làm lụng vất vả như con thì có ích lợi gì?”

“Mercy được nuôi dạy tốt và có học thức. Và học thức cũng có mặt tốt của nó” bà mẹ đáp, nhìn anh qua đôi kính gọng bạc.

“Những thành tích bê ngoài thì có ích lợi gì trong cuộc sống con sắp hướng tới? Còn về việc giáo dục nàng, con có

thể tự thực hiện. Nàng sẽ là một người học trò giỏi, như mẹ sẽ nói nếu mẹ biết nàng. Nàng đảm chất thơ, thực sự là hiện thân của thơ ca, có thể nói thế. Nàng *sống* những thứ mà các nhà thơ chỉ viết ra trên giấy... Và nàng là một tín đồ Thiên Chúa hoàn hảo, con chắc chắn; có lẽ thuộc về loại người mà cha mẹ ưa thích nhất."

“Ô, Angel, con đang chế giễu chúng ta đấy!”

“Mẹ, con xin lỗi. Nhưng vì nàng thật sự đi lễ nhà thờ hầu như mỗi sáng Chủ nhật, và là một cô gái ngoan theo đạo, con chắc chắn cha mẹ sẽ rộng lượng với bất kỳ thiếu sót nào về mặt vị thế xã hội vì phẩm chất đó, và đồng ý rằng sự chọn lựa của con không tệ chút nào.” Angel hăng hái ca ngợi lòng mộ đạo của Tess (không bao giờ ngờ rằng nó có thể có ích cho anh) mà anh từng coi thường khi quan sát nó được nàng và các cô thợ vắt sữa khác thực hành, vì tính chất hào huyền hiền nhiên của nó giữa những niềm tin chủ yếu bắt nguồn từ tự nhiên.

Ông bà Clare hổ nghi không chắc con trai họ có nói đúng về những phẩm chất mà anh khẳng định ở cô gái trẻ chưa quen biết hay chăng, nhưng bắt đầu cảm thấy sự sùng đạo của nàng là một lợi thế không nên bỏ qua; nhất là việc đôi bên gặp gỡ hẳn phải do Đấng Hóa công run rủi, bởi Angel vốn chưa bao giờ coi niềm tin chính thống là một điều kiện trong chọn lựa của mình. Rốt cuộc họ bảo tốt hơn không nên hành động vội vàng, nhưng họ sẽ không phản đối gấp nàng.

Do đó, Angel kiềm chế không nói thêm ngay những chi tiết. Anh cảm thấy dù chuyên tâm và sống quên mình, cha mẹ anh vẫn có những định kiến tiềm tàng nhất định như những người khác thuộc tầng lớp trung lưu, và anh cần phải khéo léo một chút để vượt qua trở ngại này. Bởi dù về mặt pháp lý anh được tự do chọn lựa, và dù những phẩm chất của

nàng đâu có thể không tạo ra khác biệt nào trên thực tế đối với cuộc sống của họ, vì chắc chắn rằng nàng sẽ sống cách xa họ, vì lý do tình cảm anh không muốn làm tổn thương họ với quyết định trọng đại nhất của đời mình.

Anh nhận thấy sự mâu thuẫn của mình khi anh nhấn mạnh vào những sự cố trong cuộc đời Tess như thể chúng là những điểm trọng yếu. Anh yêu Tess vì chính bản thân nàng; tâm hồn nàng, tấm lòng nàng, con người nàng, chứ không phải các kỹ năng làm việc của nàng, khả năng trở thành học trò giỏi của nàng, và chắc chắn không phải vì lòng mộ đạo đơn giản mang tính hình thức của nàng. Sự hiện hữu ngoài trời đơn giản của nàng không cần tới một lớp sơn phết nào khác để anh cảm thấy dễ chịu hơn. Anh nghĩ rằng học vấn chỉ ảnh hưởng chút ít tới những nhịp đập thõi thúc của cảm xúc mà trên đó hạnh phúc gia đình dựa vào. Chắc hẳn trong suốt nhiều thời đại, những hệ thống luân thường đạo lý được cải thiện và sự rèn luyện trí tuệ đã nâng cao một cách đáng kể những bản năng vô tình, thậm chí vô thức của bản chất con người; nhưng cho tới lúc này, nền văn hóa, trong chừng mực anh có thể nhìn thấy, có thể nói chỉ tác động tới lớp vỏ ngoài tinh thần của những cuộc sống diễn ra bên dưới tầm ảnh hưởng của nó. Niềm tin này được khẳng định bởi kinh nghiệm về phụ nữ của anh, vốn đã được mở rộng thêm sau này, từ tầng lớp trung lưu trí thức sang cộng đồng nông thôn, đưa anh tới kết luận rằng sự khác biệt thực chất giữa một phụ nữ tốt, thông minh thuộc階层 xã hội này với một phụ nữ tốt, thông minh thuộc階层 khác ít hơn rất nhiều so với sự khác biệt giữa người tốt và xấu, người thông minh và ngu xuẩn, trong cùng một階层.

Đã tới ngày anh phải lên đường. Các anh của Angel đã rời nhà vị cha xứ để tiếp tục chuyến đi bộ lên phía bắc, rồi

từ đó một người trở về trường đại học, người kia về với công việc cha phó của mình. Angel có thể cùng đi với họ, nhưng muốn gặp lại người yêu ở Talbothays hơn. Có lẽ làm thế là tốt nhất; bởi dù là kẻ tán thường chủ nghĩa nhân văn nhất, có lý tưởng tôn giáo nhất, thậm chí thông thạo về Chúa Jesus nhất trong ba anh em, anh có một cảm giác xa lạ bắt nguồn từ ý thức rằng sự thẳng thắn của anh sẽ không phù hợp với cái khuôn mẫu đã được chuẩn bị cho anh. Anh không dám đề cập về Tess với Felix hoặc Cuthbert.

Mẹ anh làm bánh sandwich cho anh, và cha anh cưỡi lừa tiễn chán anh một đoạn ngắn. Trong lúc họ rong ruổi qua những lối mòn rợp bóng cây, vì đã an tâm phần nào về việc riêng của mình, Angel sẵn lòng im lặng lắng nghe cha anh kể về những khó khăn trong giáo xứ, và sự lành đậm của những đạo hữu mà ông yêu mến, do những diễn dịch Kinh Tân Ước nghiêm ngặt của ông dưới ánh sáng của cái mà họ cho là một học thuyết Calvin độc hại.

“Độc hại!” ông Clare nói, với vẻ coi thường; và ông tiếp tục kể những kinh nghiệm chỉ ra sự ngớ ngẩn của ý tưởng đó. Ông kể về những chuyến biến kỳ diệu của kẻ xấu mà ông tham gia thực hiện, không chỉ với người nghèo mà cả người giàu có khá giả; và ông cũng thẳng thắn thừa nhận nhiều thất bại.

Để ví dụ về một trong những thất bại này, ông nhắc tới trường hợp của một địa chủ trẻ mới phất tên là d’Urberville, sống cách đó chừng bốn mươi dặm, gần huyện Trantridge.

“Chắc không phải là một người thuộc dòng họ d’Urberville cổ xưa ở Kingsbere và nhiều nơi khác hả cha?” người con trai hỏi. “Cái gia tộc lịch sử đã suy vong với truyền thuyết ma quái về cỗ xe tứ mã?”

“Ô, không. Gia tộc d’Urberville nguyên thủy đã tàn lui và biến mất cách nay sáu hoặc tám mươi năm, ta tin là thế. Có vẻ như đây là một gia đình mới đã lấy cái họ đó, vì uy tín của dòng dõi hiệp sĩ trước đây, ta hy vọng họ là kẻ giả danh, ta chắc chắn thế. Nhưng thật lạ khi con tỏ ra quan tâm tới những gia tộc cổ. Ta nghĩ con đánh giá chúng còn thấp hơn ta nữa.”

“Cha đã hiểu lầm con, thưa cha, cha thường như vậy.” Angel nói với đôi chút khó chịu. “Về mặt chính trị con hổnghi phẩm chất cổ xưa của chúng. Thậm chí một số người thông minh trong số đó còn ‘chống lại quyền thừa kế của mình’ như cách nói của Hamlet, nhưng về tính trữ tình, tính bi kịch, thậm chí tính lịch sử, con khá gần bó với chúng.”

Sự khác biệt này, dù chắc chắn không phải là một khác biệt tinh tế, thế nhưng vẫn rất tinh tế đối với cha xứ Clare, và ông tiếp tục câu chuyện đang kể; rằng sau khi người cha lấy cái họ d’Urberville qua đời, cậu con trai đã nhiễm phải những thói xấu đáng trách nhất, dù y có một bà mẹ mù, lẽ ra tình trạng của bà phải giúp y hiểu biết tốt hơn. Ông Clare đã nghe nói về y khi đang giảng đạo ở vùng đó, và đã năm lăm dịp đó để nói với kẻ có lỗi về tình trạng tinh thần của y. Dù là người lạ, đang chiếm bục giảng của một cha xứ khác, ông cảm thấy đây là bỗn phận của mình để nói với y những lời của Thánh Luke: “Hỡi kẻ ngu dại, đêm nay linh hồn ngươi sẽ bị đòi lại!” Chàng trai đó rất căm tức cuộc tấn công trực diện này, và trong cuộc chiến ngôn từ khi họ gặp lại sau đó, y không ngần ngại công khai sỉ nhục ông, không chút tôn trọng mái tóc bạc của ông.

Angel đỏ mặt, anh buồn bã nói:

“Cha thân yêu, con mong cha đừng đứng ra hứng chịu sự đau khổ vô cớ từ những tên vô lại như thế!”

“Đau khổ ư?” cha anh đáp, gương mặt nghiêm trang của ông bừng sáng trong sự quen mìn. “Nỗi đau duy nhất của ta là đau khổ vì cậu ta, chàng trai không may, khờ dại đó. Con nghĩ là những lời lè khinh suất, hoặc thậm chí những cú đấm của cậu ta có thể khiến cho ta đau khổ hay sao? ‘Khi bị rủa sả chúng tôi chúc phước; khi bị bắt bớ chúng tôi nhịn nhục; khi bị phỉ nhổ, chúng tôi van cầu; chúng tôi là rác rến của thế gian, là cặn bã của vạn vật cho tới tận ngày nay.’⁽¹⁾ Những lời cổ xưa và cao quý trong sách Cô-rin-tô đó rất đúng với thời khắc hiện tại này.”

“Không phải những cú đấm chứ cha? Hắn ta có đấm cha không?”

“Không, cậu ta không làm điều đó. Dù ta đã ăn đấm của nhiều người trong trạng thái nỗi điên vì say rượu.”

“Không!”

“Cả chục lần, con trai ạ. Thế thì sao chứ? Bằng cách đó ta đã cứu họ thoát khỏi tội lỗi làm tổn hại huyết nhục của chính mình; và họ đã sống sót để biết ơn ta, và ca tụng Chúa.”

“Có thể chàng trai đó cũng làm điều tương tự!” Angel nồng nhiệt tán thành. “Nhưng con e là không được như thế, từ những gì cha nói.”

“Dù sao thì chúng ta cũng hy vọng” Ông Clare đáp. “Và ta tiếp tục cầu nguyện cho cậu ta, dù ở mé bên này huyết mội chắc chắn ta sẽ không bao giờ gặp lại cậu ta. Nhưng, nói cho cùng, một trong những lời thô thiển của ta có thể này mầm trong tim cậu ta như hạt giống tốt một ngày nào đó.”

Lúc này, như mọi lúc, cha của Angel tỏ ra lạc quan như một đứa trẻ; dù anh không thể chấp nhận niềm tin hạn hẹp của cha mình, anh kính trọng việc làm của ông và nhận ra

1. Corinthians 4: 12-13.

một người hùng bên dưới con người ngoan đạo. Có lẽ lúc này anh kính trọng việc làm của cha anh hơn bao giờ hết, khi thấy rằng, trong vấn đề liên quan tới việc anh muốn cưới Tess, cha anh không hề nghĩ tới việc hỏi thăm xem nàng dư dật hay nghèo xơ xác. Sự cao cả tương tự nằm ở khoản tiền cẩn thiết để anh thực hiện giấc mộng chủ nông trại của mình, và việc này chắc chắn sẽ khiến cho hai người anh khá eo hẹp về tiền bạc trong những hoạt động của họ; thế nhưng dù sao Angel cũng ngưỡng mộ điều đó. Thật sự, bất chấp tư tưởng phi chính thống của mình, Angel thường cảm thấy rằng anh gần với cha anh ở phương diện con người hơn hai ông anh trai.

Chương 27

Sau hơn hai mươi dặm ngồi xe lên dốc xuống đồi qua
bầu không khí ban trưa chói chang, Angel tới một
ngọn đồi lè loi ở phía tây Talbothays chừng một hai dặm,
nơi anh nhìn xuống vùng đất trũng xanh ngắt, ẩm ướt và
đầy sức sống, thung lũng Var hoặc Froom. Ngay khi anh
bắt đầu xuôi dốc xuống vùng đất phù sa màu mỡ bên dưới,
bầu không khí trở nên nặng nề hơn; vào giờ khắc này, mùi
thơm thoang thoảng của hoa quả mùa hè, những làn sương,
những đống cỏ khô, và các loài hoa tạo thành một cái ao
hương thơm mênh mông khiến cho lũ gia súc và những đàn
ong bướm dường như đang lơ mơ ngủ. Hiện giờ Angel quen
thuộc với địa điểm này đến độ anh biết tên của từng con bò;
và từ một khoảng cách xa, anh thấy chúng đứng rải rác trên
khắp những cánh đồng. Anh hân hoan nhận ra mình có khả
năng quan sát cuộc sống ở đây từ bên trong, theo một cách
hoàn toàn lạ lẫm với anh vào thời sinh viên; và dù rất yêu
cha mẹ, anh không thể không nhận thấy rằng việc trở lại đây,
như hiện giờ, sau những ngày sống tại gia đình, dường như
đã rũ bỏ khỏi anh những thanh nẹp và những lớp vải băng;
thậm chí sự kìm hãm thông thường đối với tâm trạng vui vẻ
của nông dân Anh quốc cũng vắng mặt tại đây; không hề có
những ông địa chủ ở Talbothays.

Tại trang trại, không có ai ở bên ngoài. Mọi người đang chớp mắt khoảng một giờ do phải dậy từ rất sớm vào mùa hè. Ở cửa, những cái xô nẹp vành gỗ trắng xóa do vô số lắn cọ rửa treo lủng lẳng như những chiếc mù trên cái giá đặt trên chạc ba của một cây sồi; tất cả đều khô ráo, sẵn sàng cho buổi vắt sữa chiều. Angel bước vào, và đi qua những hành lang vàng lặng của ngôi nhà ra phía sau. Anh đứng đó lắng nghe một lúc. Tiếng ngáy khe khẽ phát ra từ nhà để xe, nơi một số đàn ông đang nằm; tiếng ủn ỉn của lũ heo nhẽ nhại mồ hôi vọng lại từ xa. Những cây đại hoàng và cây cọ lá to cũng đang thiếp ngủ, bể mặt trải rộng của chúng phơi ra dưới nắng như những cái dù khép nửa phần.

Anh tháo yên cương ra khỏi con ngựa và cho nó ăn, khi anh trở vào nhà lại, đồng hồ điểm ba tiếng. Ba giờ là thời điểm hót bọt vàng buổi chiều, và cùng với tiếng đồng hồ điểm giờ, Angel nghe thấy tiếng cọt kẹt của những tấm ván sàn bên trên, rồi tiếng chân bước xuống thang. Đó là tiếng chân của Tess, và trong chớp mắt, nàng xuất hiện trước mắt anh.

Nàng không nghe thấy anh bước vào, và hầu như không nhận ra sự có mặt của anh ở đó. Nàng ngáp, và anh nhìn thấy màu đỏ hồng bên trong miệng của nàng. Nàng duỗi một cánh tay lên trên mái tóc cuộn tròn, cao đến độ anh có thể nhìn thấy lớp vải satin mỏng manh bên trên làn da rám rắng; mặt nàng đỏ ửng do giấc ngủ, và hai hàng mi nặng trĩu rủ xuống đôi mắt. Từ nàng toát ra sức sống căng tràn. Đó là một khoảnh khắc khi linh hồn của người phụ nữ hiện rõ hơn bao giờ hết; khi vẻ đẹp tinh thần xác nhận bản thân nó là xác thịt; và giới tính hiển lộ ra ngoài.

Rồi đôi mắt đó tỏa sáng qua hàng mi trĩu nặng, trước khi phản còng lại của gương mặt nàng thật sự tinh táo. Với

một biểu hiện lạ lùng kết hợp giữa sự vui mừng, e thẹn và ngạc nhiên, nàng kêu lên: “Ô, ông Clare! Ông làm tôi sợ hết hồn... tôi...”

Thoạt tiên, không có thì giờ để nàng nghĩ tới những thay đổi trong mối quan hệ mà Angel từng tuyên bố; nhưng ý thức trọn vẹn về vấn đề đó hiện rõ trên mặt nàng khi nàng bắt gặp ánh mắt dịu dàng của anh khi anh bước về phía chân cầu thang.

“Tessy thân yêu!” anh nói khẽ, vòng tay quanh eo nàng, và kề mặt vào gò má đỏ bừng của nàng. “Lạy Trời, đừng gọi tôi là ông nữa. Tôi đã vội vã quay lại sớm như thế là vì em!”

Quả tim phấn khích của Tess đập mạnh hòa theo nhịp tim anh thay cho lời đáp; và họ đứng đó, trên nền gạch đỏ của lối vào, ánh nắng chiếu xiên qua cửa sổ sau lưng anh, trong lúc anh ghì nàng vào ngực mình, hôn lên gương mặt nghiêng nghiêng của nàng, lên những mạch máu xanh trên thái dương nàng, lên cánh tay trần và cổ nàng, và luồn tay vào mái tóc của nàng. Khi đã nằm xuống, nàng ấm áp như một con mèo vừa sưởi nắng. Thoạt tiên nàng không nhìn thẳng vào anh, nhưng không lâu sau đó nàng ngược mắt lên, và mắt anh chìm vào chiếu sâu của đôi đồng tử luôn biến chuyển, với những sợi mảnh màu xanh trời, đen, xám và tím, trong lúc nàng nhìn anh như Eve nhìn Adam khi thức giấc lần thứ hai.

“Tôi phải đi vớt bọt váng” nàng nài nỉ. “Và hôm nay chỉ có bà Deb giúp tôi. Bà Crick đã ra chợ với ông Crick, Retty không được khỏe, còn những người khác đã đi đâu đó ra ngoài, và sẽ không về nhà cho tới giờ vắt sữa.”

Khi họ rút lui vào kho chứa sữa, Deborah Fyander xuất hiện trên cầu thang.

“Tôi đã quay lại, bà Deborah” Angel nói, ngược lên. “Vì thế tôi có thể giúp Tess hớt váng sữa; và vì bà rất mệt, tôi chắc chắn, bà không cần đi xuống cho tới giờ vắt sữa.”

Chắc chắn sữa bò ở trại Talbothays không được hớt bọt kỹ cho lắm vào chiều hôm đó. Tess như đang sống trong một giấc mơ, những đối tượng quen thuộc hiện ra với ánh sáng, bóng và vị trí, nhưng không có đường viền cụ thể. Mỗi lần nàng giơ cái thia hớt bọt ra dưới vòi nước để làm nguội nó, bàn tay nàng run rẩy, tình cảm của Angel sôi nổi mãnh liệt đến độ dường như nàng co lại bên dưới nó giống một loài cây dưới ánh nắng như thiêu.

Sau đó, anh lại ôm chặt nàng, và khi nàng đưa ngón trỏ quanh miệng thùng đánh kem để gợt cạnh kem, anh kề miệng mút sạch nó; bởi những cung cách tự nhiên của trại bò sữa Talbothays giờ bỗng trở nên thuận tiện.

“Tôi có thể nói điều đó ngay bây giờ cũng như sau này, em thân yêu nhất” anh khẽ nói. “Tôi muốn hỏi em một điều rất thiết thực, điều mà tôi đã nghĩ đến kể từ hôm ở trong đồng cỏ hồi tuần trước. Tôi muốn sớm kết hôn, và do sẽ là một người chủ nông trại, tôi cần một người phụ nữ biết mọi thứ trong việc quản lý nông trại để làm vợ mình, em thấy đó. Em sẽ là người phụ nữ đó chứ, Tessy?”

Anh nêu vấn đề theo cách đó để nàng không nghĩ rằng anh nhượng bộ một thõi thúc mà lý trí của anh sẽ không tán thành.

Nàng trở nên hoàn toàn suy sụp. Nàng đã đầu hàng kết quả không thể tránh khỏi của sự gần gũi, sự cần thiết phải yêu anh; nhưng nàng không tính đến hệ lụy bất ngờ này, thực sự, Clare đã nêu ra một vấn đề mà anh hoàn toàn không có ý định đưa ra quá sớm như vậy. Với nỗi đau giống như sự tan

rà đầy cay đắng, nàng lầm bầm những từ trả lời trịnh trọng và tất yếu của mình với tư cách một người phụ nữ chính trực.

“Ôi, anh Clare, tôi không thể làm vợ anh được, tôi không thể!”

Dường như âm thanh của quyết định từ chính nàng đang làm cho tim nàng tan vỡ, và nàng cúi mặt trong niềm đau khổ.

“Nhưng, Tess à!” anh nói, ngạc nhiên vì câu trả lời của nàng, và thầm thiết ôm chặt nàng hơn. “Có phải em từ chối không? Chắc chắn là em yêu tôi mà?”

“Ô, phải, phải! Và tôi muốn là của anh hơn của bất cứ người nào khác trên đời” cô gái khốn khổ đáp lại với giọng dịu dàng và trung thực. “Nhưng tôi không thể lấy anh được!”

“Tess,” anh nói, vòng tay ôm chặt nàng, “em đã đính hôn với một người khác rồi sao!”

“Không, không!”

“Vậy thì vì sao em từ chối tôi?”

“Tôi không muốn kết hôn! Tôi không nghĩ gì về chuyện đó. Tôi không thể! Tôi chỉ muốn yêu anh thôi.”

“Nhưng vì sao?”

Bị đẩy tới chỗ phải lần tránh câu trả lời thẳng thắn, nàng lấp bấp:

“Cha anh là một cha xứ, và mẹ anh sẽ không thích anh lấy một người như tôi. Bà sẽ muốn anh lấy một tiểu thư.”

“Vớ vẩn. Tôi đã nói chuyện với cả hai người. Đó là một phần lý do vì sao tôi trở về nhà.”

“Tôi cảm thấy tôi không thể - không bao giờ, không bao giờ!” nàng lặp lại.

“Có phải lời cầu hôn như thế quá bất ngờ không, Người đẹp của tôi?”

“Phải, tôi không hề mong đợi nó.”

“Nếu em cho qua chuyện này, Tessy à, tôi sẽ cho em thời gian” anh nói. “Việc trở về nhà và lập tức nói với em là quá đột ngột. Tôi sẽ không nói gì tới chuyện này nữa trong một thời gian.”

Nàng cầm lấy cái thia hót kem, giơ nó ra bên dưới cái bơm, và bắt đầu lại công việc. Nhưng nàng không thể, như những lần khác, chạm đúng bể mặt dưới của lớp kem với sự khéo léo cẩn thiết, dù cố gắng cỡ nào; khi thì nàng xắn sâu vào lớp kem, khi thì quơ thia trong khoảng không. Nàng hầu như không nhìn thấy gì, đôi mắt nàng đã nhòa lệ, do nỗi đau khổ mà nàng không bao giờ có thể giải thích với người bạn thân yêu nhất này.

“Tôi không thể hót kem - tôi không thể!” nàng nói, quay mặt sang chỗ khác.

Không muốn cản trở và làm cho nàng thêm bối rối, chàng trai chu đáo Clare bắt đầu nói một cách chung chung hơn: “Em hoàn toàn hiểu lầm cha mẹ tôi. Họ là những người có đầu óc đơn giản nhất, và hoàn toàn không có tham vọng. Họ là hai trong số vài người theo phái Phúc âm đang còn sống. Tessy, em có phải người theo phái Phúc âm không?”

“Tôi không biết.”

“Em đi lễ nhà thờ rất thường xuyên, và cha xứ của chúng ta ở đây không quá nghiêng theo Thượng Giáo hội, họ bảo với tôi thế.”

Những ý tưởng của Tesss về các quan điểm của vị cha xứ, người mà nàng nghe giảng đạo hàng tuần, dường như còn

mơ hồ hơn cả những ý tưởng của Clare, kẻ chưa nghe ông giảng lần nào.

“Tôi ước gì mình có thể thấu hiểu chắc chắn hơn về những gì từng nghe được.” Nàng đưa ra một nhận xét chung chung an toàn. “Nó thường là một nỗi buồn lớn đối với tôi.”

Nàng nói với vẻ thản nhiên đến độ Angel chắc chắn trong tim rằng cha anh sẽ không phản đối nàng về nền tảng tôn giáo, dù nàng không biết những phương châm xử thế của mình là Cao, Thấp, hay Rộng. Bản thân anh biết rằng, trên thực tế, những niềm tin lộn xộn mà rõ ràng nàng đã bị tiêm nhiễm hồi thời thơ ấu có tính chất tôn giáo Anh cài cách về cách biểu lộ, và có tính chất phiếm thán về bản chất. Dù mơ hồ lộn xộn hay chăng, anh không muốn đụng chạm tới chúng:

*Hãy để yên cho em gái của người, khi nàng cầu nguyện
Cõi Trời ban sơ, những quan điểm hạnh phúc của nàng;
Cùng đừng làm xáo trộn với những gợi ý tối tăm
Một cuộc đời đang sống những ngày êm ái⁽¹⁾*

Đôi khi anh nghĩ lời khuyến cáo này có tính chất âm nhạc nhiều hơn là chân thật; nhưng giờ anh vui vẻ tuân theo nó.

Anh kể thêm về những sự cố trong chuyến thăm nhà, về nếp sống của cha mình, về nhiệt tâm đối với những nguyên tắc của ông; nàng trở nên thanh thản hơn, việc hớt kem của nàng cũng chính xác hơn; khi nàng hoàn tất một thùng và chuyển sang thùng khác, anh đi theo nàng, và rút những cái nút chặn cho sữa chảy xuống.

1. Trích trong bài thơ *In Memoriam* của nhà thơ Anh Alfred Tennyson (1809 - 1892)

“Tôi nghĩ rằng trông anh hơi chán nản khi anh bước vào” nàng đánh bạo nhận xét, nôn nóng muốn chuyển đề tài khỏi bản thân mình.

“À, phải, cha tôi đã nói với tôi khá nhiều về những rắc rối khó khăn của ông, và để tài này luôn khiến tôi buồn bã. Ông khư khư làm theo ý mình đến độ bị nhiều người có cách suy nghĩ khác ông đánh đập và sỉ nhục, tôi không thích nghe những sự hạ nhục như thế đối với một người ở tuổi ông, nhất là vì tôi nghĩ sự sốt sắng không có ích lợi gì khi được đưa đi quá xa như thế. Ông đã kể cho tôi nghe một tình huống rất không vui mới xảy ra gần đây. Ông tới với tư cách phó ban của một hội truyền giáo để giảng đạo ở vùng Trantridge, một nơi cách đây bốn mươi dặm, và xem bốn phận của mình là vạch ra sai trái của một thanh niên hay nhạo báng mà ông gặp ở gần đấy, con của một địa chủ vùng đó, anh ta có một bà mẹ bị mù. Cha tôi nói năng rất thẳng thừng và đã xảy ra chuyện. Cha tôi thật ngốc, tôi phải nói thế, khi phí lời với một người lạ mà mọi khả năng đều rõ ràng là vô ích. Nhưng ông sẽ làm bất kỳ điều gì mà ông nghĩ là bốn phận của mình, dù có đúng lúc hay không; và dĩ nhiên là ông đã tạo ra nhiều kẻ thù, không chỉ trong số những kẻ hoàn toàn xấu xa, mà cả những người dễ chịu nhưng không thích bị quấy rầy. Ông bảo ông tự hào với những gì đã xảy ra, rằng điều thiện có thể được thực hiện một cách gián tiếp, nhưng tôi ước gì ông không tự dày dặn bắn thân vào lúc tuổi già thế này, và cứ mặc cho lũ lợn đó đầm mình trong tội lỗi.”

Vẻ mặt của Tess trở nên căng thẳng hơn, và đôi môi đỏ mọng có vẻ buồn phiến; nhưng nàng không còn tỏ ra bối rối. Những hối ức về cha của Clare khiến anh không để ý tới nét mặt nàng; và cứ thế họ đi xuôi xuống hàng thùng đựng sữa trắng cho tới khi mọi việc xong xuôi, khi những cô gái khác

quay lại, cầm lấy xô của họ, và Deb tới tráng nước sôi nhường cái thùng để đựng sữa mới. Khi Tess chuẩn bị ra đồng tới chỗ đàn bò, anh dịu dàng nói với nàng:

“Còn câu hỏi của tôi thì sao, Tessy?”

“Ô, không, không!” nàng đáp với vẻ cực kỳ tuyệt vọng, như một kẻ vừa nghe lại dĩ vãng rỗi rãm của chính mình trong lời ám chỉ về Alec d’Urberville. “Không thể được!”

Nàng chạy ra phía đồng cỏ, đuổi theo các bạn, như thể hy vọng rằng bầu không khí thoảng đãng sẽ xua tan nỗi phiền muộn của mình. Tất cả các cô gái tiến về địa điểm nơi lù bò đang gặm cỏ trong cánh đồng cỏ xa hơn. Họ đi thành đoàn với sự mạnh mẽ duyên dáng của loài thú hoang - cách di chuyển thoái mái của những người phụ nữ quen với không gian rộng lớn, thả mình vào không gian như một người đang bơi thả mình vào ngọn sóng. Khi lại nhìn thấy nàng, việc chọn một người bạn đời từ Thiên nhiên vô hạn chứ không phải từ những nơi Nghệ thuật ngũ cung đường như rất tự nhiên đối với anh.

Chương 28

Đù bất ngờ, sự khước từ của nàng không làm cho Clare nản lòng. Kinh nghiệm về phụ nữ của anh đủ nhiều để biết rằng thông thường sự khước từ không có nghĩa gì khác ngoài một sự khởi đầu để đi tới một lời chấp nhận; và nó cũng khá ít để anh không biết rằng sự từ chối của nàng không phải do rụt rè e lệ. Anh hiểu việc nàng cho phép anh làm tình với nàng như một sự đam bảo bổ sung, không suy nghĩ thấu đáo rằng trong những cảnh đồng lúa và đồng cỏ “yêu mà không cần đến đáp” không hề có ý nghĩa là sự phí hoài; việc làm tình ở vùng này thường được chấp nhận một cách vô tư và vì chính sự ngọt ngào của nó hơn là ở những ngôi nhà của kẻ hay lo cả nghĩ, nơi sự khao khát của một cô gái đối với một quan hệ hôn nhân chính thức yêu làm tê liệt suy nghĩ lành mạnh của cô ta về sự đam mê.

“Tess, vì sao em nói ‘không’ một cách dứt khoát như thế?” vài hôm sau đó anh hỏi nàng.

Nàng giật mình.

“Đừng hỏi tôi. Tôi sẽ nói cho anh biết vì sao, chỉ một phần thôi. Tôi không đủ tốt, không đủ xứng đáng.”

“Như thế nào? Không đủ là một tiểu thư ngoan hiền?”

“Phải, đại loại là thế” nàng lầm bẩm. “Các bạn của anh sẽ khinh rẻ tôi.”

“Thật sự em đã hiểu lầm họ - cha mẹ tôi. Còn về phần các anh của tôi, tôi không quan tâm...” anh đưa tay níu lưng áo nàng để nàng không bò đi. “Nói đi, ý của em không phải vậy, đúng không, em yêu? - Tôi chắc chắn là em không có ý đó! Em đã làm cho tôi bồn chồn đến nỗi tôi không thể đọc sách, vui chơi, hay làm bất cứ thứ gì. Tôi không vội Tess ạ, nhưng tôi muốn biết - muốn nghe từ chính đôi môi ấm áp của em - rằng một ngày nào đó em sẽ là của tôi, bất cứ lúc nào em chọn; nhưng một ngày nào đó?”

Nàng chỉ có thể lắc đầu và nhìn sang chỗ khác.

Clare chăm chú nhìn nàng, nghiến ngầm về những dấu hiệu trên nét mặt của nàng như thể chúng là những chữ tượng hình. Sự khước từ dường như rất thật.

“Vậy là tôi không nên giữ em theo cách này, phải không? Tôi không có quyền gì đối với em - không có quyền tìm xem em đang ở nơi nào, hay đi dạo với em! Hãy nói thật, Tess ạ, em có yêu người nào khác hay không?”

“Sao anh có thể hỏi thế?” nàng đáp, vẫn cố tự kiềm chế.

“Tôi hầu như biết rằng em không có. Nhưng nếu vậy, vì sao em cự tuyệt tôi?”

“Tôi không cự tuyệt anh. Tôi muốn anh... nói với tôi rằng anh yêu tôi; và anh luôn có thể nói với tôi điều đó khi anh đi dạo với tôi, và không bao giờ xúc phạm tôi.”

“Nhưng em sẽ không chấp nhận tôi với tư cách một người chồng?”

“À - chuyện đó thì khác - đó là vì lợi ích của anh, thật đấy, người tôi yêu dấu nhất! Ô, hãy tin tôi, đó chỉ là vì chính anh

thôi! Tôi không muốn tự trao cho mình niềm hạnh phúc lớn lao của việc hứa hẹn sẽ là của anh theo cách đó, bởi vì... bởi vì tôi *chắc chắn* tôi không được làm như thế."

"Nhưng em sẽ làm cho tôi hạnh phúc!"

"À, anh nghĩ như thế, nhưng anh không biết đâu!"

Vào những lúc thế này, cảm thấy các lý do từ chối của nàng là do cảm giác khiêm nhường về vị thế kém cỏi của nàng trong các vấn đề xã hội và sự lịch thiệp, anh bảo rằng nàng cực kỳ thấu hiểu và tháo vát - quả thật là thế, sự nhanh trí tự nhiên và sự ngưỡng mộ mà nàng dành cho anh khiến nàng nắm bắt từ ngữ, ngữ điệu và những mẫu kiến thức của anh ở một mức độ đáng ngạc nhiên. Sau những cuộc tranh luận nhẹ nhàng và thắng lợi này của nàng, nàng sẽ một mình đi tới con bò xa nhất, nếu vào giờ vắt sữa, hoặc đi vào đồng cỏ hay vào phòng mình, nếu đó là giờ giải lao, rồi lặng lẽ khóc thầm khá lâu sau một sự khước từ rõ ràng rất bình thản.

Cuộc đấu tranh này rất đáng sợ; tim nàng nghiêng về phía tim anh một cách mạnh mẽ - hai trái tim nồng cháy chống lại một lương tâm nhỏ bé tội nghiệp - đến độ nàng cố gắng cùng cố quyết tâm bằng mọi cách trong khả năng của mình. Nàng đã đến Talbothays với một quyết tâm. Vì bất cứ lý do gì, nàng không thể nào đồng ý với một bước tiến mà sau đó có thể gây ra sự hối tiếc đắng cay cho chồng nàng vì đã mù quáng kết hôn với nàng. Và nàng nghĩ rằng lương tâm của nàng đã quyết định giùm nàng khi tâm trí nàng không còn đủ khả năng tự kiểm soát.

"Vì sao không có ai nói với anh ta về mình?" nàng nói. "Nơi đó chỉ cách đây bốn mươi dặm, vì sao tin tức đó không tới đây? Phải có ai đó biết!"

Thế nhưng đường như không ai biết cả; không ai nói với anh cả.

Trong hai ba ngày sau đó họ không nói gì thêm. Nàng đoán từ vẻ mặt buồn bã của những bạn cùng phòng rằng họ xem nàng không chỉ là người được ưa thích nhất, mà còn là người được chọn; nhưng họ có thể tự nhìn thấy rằng nàng không chẵn ngang con đường của Clare.

Trước đây, Tess chưa từng biết tới một thời điểm trong đó sợi chỉ đời nàng bị xoắn thành hai tao rất khác nhau, niềm vui tuyệt đối và nỗi đau tuyệt đối. Vào lần làm bơ kế tiếp, cả hai lại có dịp ở cạnh nhau một mình lần nữa. Trước đó, ông chủ trại hay giúp họ, nhưng gần đây đường như cà ông Crick lắn vợ ông đã này sinh lòng ngờ vực về mối quan tâm lắn nhau của đôi nam nữ này; dù họ hành động dè dặt đến độ mỗi nghi ngờ chỉ rất mong manh. Dù sao đi nữa, ông chủ trại cũng để mặc họ muốn làm gì thì làm.

Họ đang đập vỡ những khối sữa đông trước khi bỏ chúng vào bể chứa. Việc làm này tương tự như việc nghiền vụn một lượng bánh mì lớn; và giữa màu trắng tinh khiết của những cục sữa đông, đôi bàn tay của Tess ửng hồng như hai đóa hoa. Đang trút những vụn sữa đông bỏ vào bể chứa, Angel đột nhiên dừng lại, và áp đôi tay lên tay nàng. Hai ống tay áo của nàng được xắn cao bên trên cùi chỏ, và anh nghiêng người hôn lên mạch máu phía bên trong cánh tay mềm mại của nàng.

Dù thời tiết đầu tháng Chín khá oi bức, cánh tay nàng, do nhúng sâu trong những khối sữa đông, lạnh và ẩm đỗi với đôi môi của anh như một cây nấm vừa mới hái, và có mùi vị của nước sữa. Nhưng nàng nhạy cảm đến độ nhịp tim nàng đập rộn lên bởi sự va chạm, máu nàng chảy mạnh khắp châu thân, và cánh tay trở nên nóng bừng, ửng đỏ. Thế rồi,

dù tim nàng đã tự nhủ, “Liệu sự rụt rè có còn cần thiết nữa hay không? Sự thật là sự thật giữa đàn ông và đàn bà, cũng như giữa đàn ông và đàn ông,” nàng ngược mắt lên đăm đuối nhìn vào mắt Clare, trong lúc đôi môi hồng nhoèn một nụ cười dịu dàng.

“Em có biết vì sao tôi làm như thế không Tess?” anh hỏi.

“Vì anh rất yêu tôi.”

“Phải, và như một sự mờ đầu cho một lời cầu khẩn mới.”

“Không lần nào nữa!”

Trông có vẻ như nàng đột nhiên sợ rằng sự phản kháng của nàng có thể bị bẻ gãy dưới nỗi khao khát của chính nàng.

“Ô, Tessy!” Clare nói tiếp. “Tôi không thể hiểu vì sao em cứ giày vò tôi như vậy. Vì sao em cứ làm cho tôi thất vọng như vậy? Có vẻ như em hành động không khác chi một người phụ nữ hay ve vãn đối với đời tôi - một người phụ nữ hay ve vãn vào bậc nhất của vùng đô thị. Khi thì tỏ ra nồng ấm, khi thì lạnh lêo, hệt như cách thức của em, và đó là điều ít ai ngờ tới nhất ở một nơi hẻo lánh như Talbothays... Thế nhưng, em yêu dấu,” anh nhanh chóng nói thêm, nhận ra lời chỉ trích đó đã làm nàng đau đớn thế nào, “tôi biết em là người trung thực nhất, trong sạch nhất trần đời. Thế nên làm sao tôi có thể coi em là một người thích ve vãn đàn ông? Tess à, vì sao em không thích ý tưởng trở thành vợ của tôi, nếu em yêu tôi như tôi nhận thấy?”

“Tôi đã nói tôi không thích ý tưởng đó, và tôi không bao giờ có thể giải thích; bởi vì nó không đúng!”

Lúc này áp lực đã vượt quá sức chịu đựng, môi nàng run rẩy, và nàng buộc phải bỏ đi. Clare đau đớn và bối rối đến độ anh chạy theo và đuổi kịp nàng trong hành lang.

“Hãy nói với tôi, nói đi em!” anh nói, nồng nhiệt nắm chặt đôi tay của nàng, quên khuấy rằng đôi tay của anh dính đầy sữa dê, “Hãy nói với tôi rằng em sẽ không thuộc về bất cứ người nào khác ngoài tôi!”

“Tôi sẽ, tôi sẽ nói với anh!” nàng cảm thán. “Và tôi sẽ đưa ra câu trả lời trọn vẹn, nếu bây giờ anh để cho tôi đi. Tôi sẽ kể cho anh nghe những trải nghiệm của tôi - tất cả mọi thứ về tôi - tất cả.”

“Những trải nghiệm của em sao, em yêu; được, dĩ nhiên; bất cứ con số nào.” Anh bày tỏ sự tán thành theo một cách thức mai mỉa thương yêu, nhìn vào mặt nàng. “Chắc chắn Tess của tôi cũng có nhiều trải nghiệm như dây bìm bìm dài ở trên bờ rào khu vườn ngoài kia, sáng nay đã tự hé lộ bản thân lần đầu tiên. Hãy nói với tôi bất cứ điều gì, nhưng đừng sử dụng cách thức đáng thương đó về việc không xứng đáng với tôi nữa.”

“Tôi sẽ cố gắng không! Và tôi sẽ cho anh biết những lý do của tôi vào ngày mai - tuần tới.”

“Hãy nói là vào Chủ nhật?”

“Phải, vào Chủ nhật.”

Cuối cùng nàng bỏ đi, và không dừng lại cho tới khi nàng đứng trong bụi liễu xén ngọn ở mé dưới sân nông trại, nơi nàng hoàn toàn không bị nhìn thấy. Nàng gieo người lên thảm cỏ vũ mao bên dưới tán cây như thể đó là một cái giường, và nằm đó trong nỗi đau khổ thỉnh thoảng bị phá vỡ bởi niềm vui bất chợt, mà những nỗi e sợ của nàng về kết cục không thể hoàn toàn đè nén được.

Trên thực tế, nàng đang trôi dạt vào sự chấp thuận. Từng chuyển động của hơi thở phập phồng, từng đợt sóng của máu nàng, từng nhịp đập âm vang trong tai nàng, là một

giọng nói đang kết hợp với tự nhiên trong cuộc nổi loạn chống lại sự thận trọng của nàng. Cứ chấp nhận anh một cách khinh suất, liều lĩnh; đứng sát bên anh trước bàn thờ, không tiết lộ gì cả, và đánh liều với sự phát hiện; vỗ lấy niềm vui chín mọng trước khi hàm răng thép của nỗi đau có thể khép lại bên trên nàng; đó là điều mà tình yêu khuyên bảo; và trong một trạng thái hầu như kinh hoàng cùng cực, Tess tiên đoán rằng, bất chấp nhiều tháng cô đơn để tự trừng phạt, những đấu tranh vật vã, những kế hoạch để sống một cuộc đời cô đơn khổ hạnh từ giờ trở đi, lời khuyên của tình yêu sẽ chiến thắng.

Buổi chiều dần trôi, và nàng vẫn nằm dưới bụi liễu. Nàng nghe tiếng lanh canh khi những cái xô đặt trên giá được lấy xuống; tiếng kêu “Nào! Nào! Nào!” để tập hợp đàn bò. Nhưng nàng không tới nơi vắt sữa. Họ sẽ nhìn thấy sự lo lắng của nàng; và ông chủ trại, nghĩ rằng nguyên do chỉ có thể là tình yêu, sẽ vui vẻ trêu nàng; và sự quấy rầy đó khó mà chịu đựng.

Hắn người yêu của nàng sẽ đoán được trạng thái căng thẳng của nàng, và nghĩ ra lý do nào đó cho sự vắng mặt của nàng, vì không ai hỏi han hay cất tiếng gọi nàng. Vào sáu giờ rưỡi mặt trời hạ xuống và chân trời bùng lên như một lò rèn đang cháy; ngay sau đó, một vầng trăng to như quả bí rợ mọc lên ở phía kia. Bụi liễu, bị biến dạng bởi việc liên miên bị đốn, trở thành những con quái vật lông ngạnh nổi lên dưới bóng trăng. Nàng quay về và bước lên gác trong bóng tối.

Giờ là thứ Tư, thứ Năm tới, và Angel đăm chiêu nhìn nàng từ một khoảng cách, nhưng không bước tới gần nàng. Những cô gái vắt sữa trong nhà, Marian và số còn lại, dường như đoán được điều gì đó rõ ràng đang diễn ra, vì họ không đưa ra lời nhận xét nào dành cho nàng trong phòng ngủ. Thứ Sáu trôi qua; rồi tới thứ Bảy. Ngày mai là ngày đã hẹn.

“Mình sẽ nhượng bộ - mình sẽ đồng ý - mình sẽ cho phép mình lấy ành - mình không thể không làm điều đó!” Đêm hôm đó nàng thở hồn hển với sự ghen tuông, áp gương mặt nóng bừng vào gối, khi nghe một trong số các cô gái khác thì thầm tên Clare trong giấc ngủ. “Mình không thể chấp nhận cho bất cứ ai có được ành ngoài mình! Thế nhưng đó là một hành động sai quấy đối với ành, và nó có thể giết chết ành nếu ành biết! Ôi trái tim của tôi, ôi, ôi, ôi!”

Chương 29

“Nè, mọi người nghĩ là tôi đã nghe tin tức về ai hồi sáng này?” ông chủ trại Crick nói trong lúc ngồi ăn điểm tâm ngày hôm sau, với một cái nhìn bí hiểm quanh những người đàn ông và các cô gái. “Hả, các cô các cậu nghĩ đó là ai?”

Người này đoán, rồi người khác đoán. Bà Crick không đoán, vì bà đã biết rồi.

“Thôi được,” ông chủ trại nói, “đó là cái gã nhèo nhợt và chơi bời trác táng Jack Dollop. Hắn ta vừa kết hôn với một bà góa.”

“Không phải Jack Dollop đấy chứ? Một tên lừa đảo, nếu nghĩ về chuyện đó!” một người thợ vắt sữa nói.

Cái tên này nhanh chóng đi vào ý thức của Tess Durbeyfield, bởi đó là tên của gã đàn ông đã đối xử tệ bạc với người yêu của hắn, rồi sau đó đã bị bà mẹ của cô gái đó trừng trị đích đáng trong cái thùng đánh bơ.

“Thế hắn có cưới con gái của bà cụ quà cầm như hắn đã hứa không?” Angel Clare lơ đãng hỏi, trong lúc anh ngồi lật tờ báo đang đọc ở cái bàn nhỏ được bà Crick dành riêng vì địa vị cao quý của anh.

“Không, thưa ông. Không bao giờ có ý định đó” ông chủ trại đáp. “Như tôi đã nói, đó là một bà già, và có vẻ như cô ta có tiền - khoảng năm mươi bàng hàng năm; và đó là tất cả những gì hắn theo đuổi. Họ lấy nhau rất vội vàng; và sau đó cô ta nói với hắn rằng do lấy hắn cô ta đã đánh mất năm mươi bàng hàng năm của mình. Cứ tưởng tượng cái gã đó đã nổi khùng thế nào khi nghe cô ta nói thế! Từ đó họ sống với nhau cứ như chó với mèo! Hắn thì đáng kiếp rồi. Nhưng người phụ nữ xui xẻo đáng thương đó mới là người gánh hậu quả tệ hại nhất.”

“Chà, lẽ ra cô gái ngốc nghếch đó nên sớm nói cho hắn biết rằng vong hồn của ông chồng trước của cô ta sẽ gây rắc rối cho hắn ta” bà Crick nói.

“Ồ, ồ” ông chủ trại lưỡng lự đáp. “Tuy nhiên, mọi người có thể nhìn thấy chính xác cớ sự do đâu. Cô ta muốn có một mái ấm gia đình, và không muốn đánh liều mất đi hắn ta. Các cô có nghĩ duyên cớ là vậy không, các cô gái?”

Ông liếc mắt qua phía các cô gái.

“Cô ta nên nói với hắn ngay trước khi họ tới nhà thờ, khi hắn hầu như không còn đường thoái lui” Marian cám thán.

“Phải, cô ta nên làm thế” Izz đồng ý.

“Hắn cô ta phải nhìn thấy hắn theo đuổi cái gì, và lẽ ra nên từ chối hắn” Retty kêu lên với vẻ bốc đồng.

“Thế cô nghĩ thế nào, cô bé thân mến của ta?” ông chủ trại hỏi Tess.

“Tôi nghĩ cô ta nên - phải nói cho hắn biết tình trạng thật sự của mọi thứ - hoặc là từ chối hắn - tôi không biết nữa” Tess đáp, bánh mì và bơ khiến nàng nghẹn cổ.

“Tôi sẽ không làm điều nào trong hai điều đó” Beck Kniff lên tiếng, cô ta là một người thợ đã từng kết hôn sống trong

làng. “Tất cả đều công bằng trong tình yêu và chiến tranh. Hắn là tôi cũng có thể lấy hắn giống như cô ta, và nếu hắn nói lời nào với tôi về việc không nói trước cho hắn biết bất cứ điều gì về người tình đầu của tôi, điều mà tôi không muốn nói, tôi sẽ choảng hắn với cái trục gỗ cán bột - một gà nhỏ con yếu xiu như hắn! Bất cứ người phụ nữ nào cũng có thể làm như thế.”

Tiếng cười sau câu nói hóm hỉnh này chỉ được Tess hưởng ứng bằng một nụ cười gượng gạo. Điều là hài kịch đối với họ lại là bi kịch đối với nàng; và nàng hầu như không chịu nổi sự vui vẻ của họ. Nàng nhanh chóng rời khỏi bàn, và với ẩn tượng rằng Clare sẽ sớm đi theo mình, nàng đi dọc một con đường mòn nhỏ ngoằn ngoèo, khi bước ở bờ bên này của những con mương dẫn nước, khi ở bờ bên kia, cho tới khi nàng đứng cạnh dòng chảy chính của sông Var. Dân làng đã cắt rong lá liễu ở đầu nguồn, và những đống rong lớn đang lênh bếnh trôi ngang qua nàng - những hòn đảo xanh đang di động, mà hầu như nàng có thể đứng bên trên; các bó rong được dựng thành đống để ngăn lũ bò băng qua dòng sông.

Phải, có nỗi đau trong đó. Câu hỏi này về một người phụ nữ kể câu chuyện của mình - cây thập giá nặng nề nhất đối với chính cô ta - dường như chỉ là chuyện vui đùa đối với những người khác. Như thế mọi người sẽ cười chê giễu sự đau đớn giày vò.

“Tessy!” có tiếng gọi ở phía sau, và Clare phóng qua cái mương, đáp xuống cạnh chân nàng. “Vợ tôi - không bao lâu nữa!”

“Không, không; tôi không thể. Vì chính anh, anh Clare ạ; vì chính anh, tôi nói không!”

“Tess!”

“Tôi vẫn nói không!” nàng lặp lại.

Không mong đợi điều này, anh đã nhẹ nhàng vòng tay quanh eo của nàng sau khi nói, ngay bên dưới mái tóc buông xõa. (Những cô thợ vắt sữa trẻ, bao gồm Tess, ăn sáng với mái tóc để xõa vào những buổi sáng Chủ nhật trước khi ván cao nó lên để đi lễ nhà thờ, một phong cách mà họ không thể áp dụng khi vắt sữa vì phải áp sát đầu vào bụng lũ bò.) Nếu nàng nói “Đồng ý” thay vì “Không”, hẳn anh đã hôn nàng; rõ ràng ý định của anh là vậy; nhưng sự khước từ dứt khoát của nàng đã làm quả tim thận trọng của anh thất vọng. Cuộc sống bên dưới một mái nhà và sự gặp gỡ thường xuyên giữa họ đã đặt nàng, với tư cách một phụ nữ, vào thế bất lợi đến nỗi anh cảm thấy thật bất công nếu tạo ra bất kỳ áp lực tình cảm nào mà hẳn anh sẽ vận dụng một cách thẳng thắn nếu nàng có thể tránh né anh tốt hơn. Anh buông vòng tay khỏi eo nàng, và kẽm lại nụ hôn.

Điều này quyết định tất cả. Cái đã mang tới cho nàng sức mạnh để từ chối anh lần này chỉ là câu chuyện ông chủ trại đã kể về người đàn bà góa; hẳn nó sẽ bị đánh bại vào một khoảnh khắc khác. Nhưng Angel không nói gì nữa; nét mặt của anh đầy vẻ bối rối; và anh bỏ đi.

Ngày lại ngày họ gặp nhau - hơi ít thường xuyên hơn trước, hai hoặc ba tuần trôi qua như thế. Đã gần cuối tháng Chín, và nàng có thể nhìn thấy trong mắt anh rằng anh có thể cầu hôn nàng lần nữa.

Anh thay đổi chiến thuật - dù chắc chắn rằng nói cho cùng sự khước từ của nàng chỉ do bản tính rụt rè của tuổi trẻ, hoảng hốt trước sự mới mẻ của lời cầu hôn. Cung cách lảng tránh của nàng khi thảo luận về đề tài này khẳng định cho phỏng đoán đó. Vì thế anh áp dụng một biện pháp mang tính chất dỗ dành nhiều hơn; và trong khi không bao giờ vượt ra

khỏi những ngôn từ hay cố gắng mơ mơn trốn nàng, anh cố gắng thuyết phục nàng.

Clare kiên trì thuyết phục nàng theo cách thức này, như dòng chảy êm đềm của sữa - trong lúc nàng đang ngồi vắt sữa, hớt váng sữa, làm pho mát, làm bơ, đang đứng giữa lũ gà mái đòi ấp hay lũ heo đang đẻ - vì chưa có cô thợ vắt sữa nào từng được tán tỉnh bởi một người đàn ông như thế.

Tess biết rằng nàng phải khuất phục. Cả một ý thức tôn giáo về sự hợp pháp mang tính chất đạo đức của mỗi quan hệ trước đó, lẫn một mong muốn cháy bỏng được sống thẳng ngay đều không thể cưỡng lại được điều này lâu hơn nữa. Nàng yêu Clare say đắm, trong mắt nàng anh giống như một vị thần; dù học vấn thấp, bản chất tốt đẹp tự nhiên của nàng thét gào mong mỏi sự dẫn dắt bảo bọc của anh. Và do vậy, dù Tess luôn lặp đi lặp lại với chính mình, “Mình không bao giờ có thể là vợ của anh”, những từ này vô hiệu quả. Chúng chỉ chứng tỏ sự yếu đuối của nàng, bởi ý thức về sức mạnh của chúng không cản tới những ngôn từ. Mỗi âm thanh trong giọng nói của Clare khi anh bắt đầu nhắc tới để tài cũ khuấy động nàng với niềm vui sướng đáng sợ, và nàng thèm muốn sự công khai chấp nhận mà nàng e sợ.

Thái độ của anh - mà người đàn ông nào lại không như thế? - là thái độ của một kẻ sê yêu thương, bảo vệ nàng dưới bất kỳ hoàn cảnh, đổi thay, sự cáo buộc hay phát hiện nào, đến độ nỗi u buồn của nàng dịu lại khi nàng ngâm mình trong nó. Trong lúc đó, thời điểm phân mùng ngày càng tới gần hơn, và dù trời vẫn đẹp, những ngày ngắn hơn nhiều. Một lần nữa nông trại phải làm việc bằng ánh nến vào buổi sáng suốt một thời gian dài; một sáng nọ, vào giữa ba và bốn giờ, Clare lại van nài lần nữa.

Nàng đã chạy tới cửa phòng của anh trong chiếc váy ngủ để đánh thức anh như thường lệ; sau đó đã quay về để thay đồ và gọi những người khác; rồi mười phút sau bước tới đầu cầu thang với cây nến trong tay. Cùng lúc đó anh bước xuống từ tầng trên, chỉ mặc áo sơ mi, đưa tay chấn ngang lối xuống cầu thang.

“Giờ, cô Ve Văn, trước khi em bước xuống” anh nói với vẻ dứt khoát. “Đã nửa tháng từ khi tôi nói, và chuyện này sẽ không kéo dài thêm nữa. Em phải nói với tôi em định thế nào, hoặc tôi sẽ rời khỏi ngôi nhà này. Ngay lúc này cửa phòng tôi chỉ khép hờ, và tôi đã nhìn thấy em. Vì sự an toàn của chính em tôi phải ra đi. Em không biết đâu. Sao? Rốt cuộc em có đồng ý hay không?”

“Tôi chỉ mới thức dậy, ông Clare, và còn quá sớm để buộc tôi làm việc!” nàng bùi môi. “Và ông không được gọi tôi là Ve Văn. Nó độc ác và không đúng sự thật. Hãy chờ ít lâu nữa. Xin hãy chờ ít lâu nữa! Tôi sẽ thật sự suy nghĩ một cách nghiêm túc về chuyện này từ giờ cho tới khi đó. Hãy để cho tôi đi xuống!”

Trông nàng hơi giống như một cô gái thích ve vãn, trong lúc cầm nghiêng cây nến, nàng cố mỉm cười để xoa dịu sự nghiêm túc của mình.

“Vậy hãy gọi tôi là Angel, đừng gọi là Ông Clare.”

“Angel.”

“Angel thân yêu nhất, tại sao không?”

“Nó sẽ có nghĩa là tôi đồng ý, phải không?”

“Nó chỉ có nghĩa là em yêu tôi, thậm chí khi em không thể lấy tôi; và em tốt đến nỗi em đã chấp nhận điều đó từ lâu.”

“Tốt lắm, vậy thì ‘Angel thân yêu nhất’, nếu tôi phải gọi.” nàng nói khẽ, nhìn vào cây nến, một đường cong tinh nghịch xuất hiện trên miệng của nàng, bất chấp sự kiềm chế.

Clare đã quyết tâm không bao giờ hôn nàng nữa cho tới khi nhận được lời hứa của nàng; nhưng theo cách nào đó, khi Tess đứng đó trong chiếc áo choàng vắt sữa xinh xắn, mái tóc được bới qua quýt trên đầu, chờ được vắn lại gọn gàng sau khi đã hoàn thành công việc hớt váng sữa và vắt sữa, anh phá vỡ quyết tâm của mình, và áp môi vào má nàng một lúc. Nàng đi nhanh xuống thang, không hề ngoảnh lại hay nói thêm một lời nào. Những cô gái khác đã xuống trước đó, và cuộc đối thoại tạm dừng. Ngoại trừ Marian, tất cả đều nhìn họ với vẻ đăm chiêu và ngờ vực, trong ánh sáng vàng vọt buồn bã của những ngọn nến buổi sáng, tương phản với dấu hiệu lạnh lẽo đầu tiên của bình minh ở bên ngoài.

Khi công việc hớt váng sữa đã xong, vì lượng sữa giảm đi khi mùa thu sắp tới, công việc này cũng giảm dần theo từng ngày một, Retty và số còn lại bước ra ngoài. Đôi tinh nhàn đi theo họ.

“Những trải nghiệm của chúng ta rất khác so với cuộc sống của họ, đúng không?” anh đăm chiêu nhận xét với nàng trong lúc nhìn ba hình dáng phía trước đang băng qua ánh ngày xanh xao lạnh giá.

“Tôi nghĩ không khác nhau nhiều lắm” nàng đáp.

“Vì sao em nghĩ như vậy?”

“Hầu hết những người phụ nữ đều có những trải nghiệm” Tess đáp, dừng lại ở từ đó như thể nó gây ấn tượng cho nàng. “Có nhiều thứ ở ba cô gái đó hơn anh nghĩ.”

“Có gì ở họ?”

“Hầu như bất kỳ ai trong số họ cũng sẽ trở thành, có lẽ sẽ trở thành, một người vợ thích hợp hơn tôi. Và có lẽ họ cũng yêu anh giống như tôi - hầu như là vậy.”

“Ô, Tessy!”

Có những dấu hiệu cho thấy nàng vô cùng vui mừng và nhẹ nhõm khi nghe thấy lời cảm thán có vẻ sốt ruột đó, dù nàng đã quyết tâm hành xử một cách độ lượng trái với mong muốn của mình. Giờ điều đó đã được thực hiện, và nàng không có khả năng tự hy sinh bản thân như thế lần thứ hai. Một người thợ vắt sữa đến từ một trong những ngôi nhà trong thôn nhập bọn với họ, thế là điều mà họ quan tâm rất sâu sắc không được đề cập tới nữa. Nhưng Tess biết rằng ngày hôm đó sẽ quyết định nó.

Vào buổi chiều, nhiều người thợ và những người sống trong trại đi xuống các cánh đồng cỏ như thường lệ, một chặng đường dài từ nông trại, nơi nhiều con bò được vắt sữa mà không cần lùa về. Lượng sữa đang giảm đi vì đàn bò sắp đẻ con, và những người thợ dư thừa vào mùa hè trước đó đã được cho nghỉ việc.

Công việc diễn ra một cách nhẹ nhàng. Mỗi xô sữa được trút vào những thùng sữa cao chất trên một cỗ xe lớn đã được đưa tới đó; sau khi được vắt sữa, lũ bò lững thững bò đi. Ông chủ trại Crick, với tấm áo choàng trắng tỏa sáng một cách diệu kỳ trên nền trời xám buổi chiều, chợt nhìn vào cái đồng hồ đeo tay to nặng của mình.

“Sao, đã muộn hơn tôi nghĩ” ông nói. “Ôi trời! Nếu không vội lên chúng ta sẽ không tới nhà ga kịp. Hôm nay không có thời gian để về chờ thêm số sữa ở nhà. Nó phải được chờ thẳng tới nhà ga từ đây. Ai sẽ đảm nhiệm việc đánh xe nào?”

Clare tình nguyện đánh xe, dù đó không phải là việc của anh, và đề nghị cho Tess đi cùng. Vào buổi chiều, dù thiếu ánh mặt trời, mùa này khá oi bức, Tess chỉ ra đồng với tấm áo choàng để vắt sữa, hai cánh tay để trán và không có áo khoác, không phải là thứ y phục để ngồi xe. Do đó nàng đáp lại bằng cách đưa mắt nhìn bộ y phục thiếu thốn của mình; nhưng Clare nhẹ nhàng thúc giục nàng. Nàng giao lại cái xô và cái ghế ba chân cho ông chủ trại mang về nhà rồi leo lên xe ngồi bên cạnh Clare.

Chương 30

Trong nắng chiều đang dần tàn, họ đi theo con đường lộ băng phẳng băng qua những đồng cỏ ảm đạm trải dài nhiều dặm, ở tít phía xa sau lưng là những ngọn đồi dốc ảm u của Egdon Heath. Trên đỉnh của nó là những bụi cây và cụm linh sam với ngọn cây trông như các tòa tháp có lỗ chậu mai bao quanh những tòa lâu đài đen bí hiểm.

Họ chìm đắm trong cảm giác đang ở gần bên nhau đến độ không ai bắt chuyện suốt một hồi lâu, sự im lặng chỉ bị phá vỡ bởi tiếng nhóc nhách của sữa trong những thùng sữa cao sau lưng họ. Con đường họ đang đi vắng vẻ đến nỗi hạt phi vẫn còn nguyên trên nhánh cho tới khi chúng trượt ra khỏi lớp vỏ, và quả mâm xôi lúc lìu trên những lùm cây nặng trĩu. Thỉnh thoảng Angel vung roi quật mạnh vào một trong những nhánh cây trĩu quả này, bẻ gãy nó và trao nó cho người bạn đồng hành.

Bầu trời ảm đạm bắt đầu thể hiện ý nghĩa của nó bằng cách trút xuống những cơn mưa nặng hạt, bầu không khí uể oải trong ngày chuyển thành một cơn gió nhẹ thổi theo từng đợt, vuốt ve gương mặt họ. Mặt nước lóng lánh như bạc trên dòng sông và ao nước tan biến dần; từ tấm gương ánh sáng lớn chúng chuyển thành tấm chì tối xỉn, với bề mặt giống như một cái giũa. Nhưng quang cảnh đó không ảnh hưởng

tới mối ưu tư của Tess. Mưa tạt vào mặt nàng, chuyển màu hoa cẩm chướng tự nhiên vốn được nhuộm bởi mùa sang một sắc độ tươi hơn; và mái tóc nàng, vốn rối tung do phải áp vào sườn của lũ bò khi vắt sữa, lõa xõa bay quanh cái mũ may bằng vài trúc bâu của nàng, rồi bị mưa làm cho ẩm ướt, hår như không khác chi một mớ rong biển.

“Tôi cho là lẽ ra tôi không nên đi” nàng khẽ nói, nhìn lên bầu trời.

“Tôi rất tiếc vì cơn mưa” Clare nói. “Nhưng tôi vui sướng biết bao khi có em bên cạnh!”

Vùng Egdon xa xôi biến mất dần sau màn nước. Buổi xế chiều ngày càng tối hơn, và những con đường bị cắt ngang bởi các cánh cổng, nên để giữ an toàn, cỗ xe chỉ lăn bánh với tốc độ của một người đi bộ. Bầu không khí se se lạnh.

“Tôi e là em sẽ bị cảm lạnh vì đôi vai và hai cánh tay đê trán” Clare nói. “Hãy nhích sát vào tôi, và có lẽ mưa sẽ không tạt tới chỗ của em. Tuy nhiên, tôi vẫn thấy tiếc nếu tôi không nghĩ rằng có thể cơn mưa đang giúp cho tôi.”

Nàng lảng lặng nhích sát vào anh hơn, và anh trùm lên cả hai một tấm vài buồm lớn, vốn đôi khi được dùng để che nắng cho những thùng sữa. Tess nắm lấy nó để giữ cho nó khỏi trượt khỏi cả hai, vì hai tay của Clare đang bận điều khiển dây cương.

“Giờ chúng ta lại ổn rồi. Chà, chưa đâu! Mưa chảy xuống cổ tôi chút ít, và hẳn nó chảy xuống cổ em nhiều hơn. Thế này thì tốt hơn. Hai cánh tay của em giống như đá cẩm thạch ướt vậy đó, Tess ạ. Hãy chùi nó vào tấm vài. Giờ nếu em ngồi yên, em sẽ không dính phải một giọt mưa nào nữa. Nào, em yêu, về câu hỏi của tôi, câu hỏi đưa ra đã lâu của tôi thì thế nào?”

Lời đáp duy nhất anh có thể nghe thấy trong một lúc là tiếng móng ngựa gỗ trên con đường đầm ướt, và tiếng nhóc nhách của sữa trong những cái thùng sau lưng họ.

“Em có nhớ em đã nói gì không?”

“Có” nàng đáp.

“Em có thể trả lời tôi trước lúc chúng ta về tới nhà không?”

“Tôi sẽ cố.”

Anh không nói thêm gì nữa. Trong lúc cỗ xe tiếp tục lăn bánh, một phần của tòa trang viên cũ từ thời Hoàng hậu Caroline nổi lên trên nền trời, sau khoảnh khắc bị lướt ngang qua và bỏ lại sau lưng.

Anh lên tiếng nhận xét để giúp nàng giải khuây: “Đó là một địa điểm xưa thú vị - một trong nhiều vị trí từng thuộc về một gia tộc cổ Norman thuở trước có ảnh hưởng lớn ở hạt này, d’Urberville. Tôi chưa bao giờ đi ngang qua những nơi cư ngụ của họ mà không suy nghĩ về họ. Có cái gì đó thật u buồn trong sự tuyệt diệt của một gia tộc lẫy lừng, thậm chí nếu nó nổi tiếng về sự tàn ác, hách dịch, phong kiến.”

“Vâng” Tess đáp.

Trong bóng tối, họ chậm rãi tiến tới, ánh sáng lờ mờ xuất hiện ở phía xa, nơi mà vào ban ngày một dải khói trắng sẽ bốc lên trên cái nến xanh thẫm, một dấu hiệu chỉ ra rằng có sự nối kết không liên tục giữa thế giới hèo lánh của họ và đời sống hiện đại. Đời sống hiện đại vươn cái xúc tu bằng hơi nước của nó tới điểm này ba hoặc bốn lần mỗi ngày, chạm vào sự tồn tại của cư dân bản địa, rồi nhanh chóng co cái xúc tu trở lại, như thể thứ mà nó chạm vào không có gì thú vị.

Họ tới chỗ có ánh sáng yếu ớt, vốn phát ra từ một ngọn đèn dầu ám khói của cái ga xép; một vì sao khá đáng thương trên mặt đất, thế nhưng ở một ý nghĩa nào đó lại quan trọng hơn nhiều đối với Trại bò sữa Talbothays và nhân loại so với những thứ thuộc về bầu trời, mà với chúng nó tương phản một cách bê bàng. Những cái thùng đựng sữa tươi được dỡ khỏi cỗ xe dưới cơn mưa. Tess đứng nấp mưa dưới một cây nhựa ruồi gần đó.

Sau đó có tiếng rít của một đoàn tàu đang tiến tới hồn như lặng lẽ trên đường ray ướt sũng, và số sữa được nhanh chóng chuyển từng thùng vào toa tàu. Ánh đèn của đầu tàu lóe lên giây lát trên hình dáng bất động bên dưới tán cây nhựa ruồi to lớn của Tess Durbeyfield. Không vật thể nào có thể trông xa lạ với những cái quay tay máy hơi nước và những bánh xe lấp loáng hơn cô gái chất phác này, với đôi cánh tay tròn tròn trĩnh, gương mặt và mái tóc ướt mưa, cái váy dày vài hoa đã lỗi thời, cái mũ vài bông rũ xuống trán, trông nàng như một con báo thân thiện đang ngơi nghỉ.

Nàng lại trèo lên xe ngồi cạnh người yêu, với sự tuân phục lặng lẽ vốn đôi khi là tính cách của những bản chất sôi nổi; sau khi đã trùm tấm vài buồm lên người, họ lại lao vào màn đêm giờ đây như quanh lại. Tess dễ bị gây ấn tượng đến nỗi vài phút tiếp xúc với sự tiến bộ của công nghệ vẫn còn vương vấn trong suy nghĩ của nàng.

“Dân Luân Đôn, những kẻ xa lạ mà chúng ta chưa bao giờ gặp sẽ uống sữa vào bữa ăn sáng ngày mai của họ, phải không?” nàng hỏi.

“Phải, tôi cho là thế. Dù không theo hình thức như khi chúng ta giao nó.”

“Những người đàn ông và phụ nữ quý phái, những viên đại sứ và sĩ quan, những quý bà và nữ doanh nhân, và những em bé chưa từng nhìn thấy một con bò.”

“À, phải, có lẽ thế, nhất là những viên sĩ quan.”

“Những kẻ không biết gì về chúng ta, và nơi sửa được đưa tới; hoặc nghĩ về việc hai chúng ta đã đánh xe nhiều dặm qua đồng cỏ đêm nay dưới cơn mưa sẽ trút lên mái nhà của họ vào đúng lúc?”

“Chúng ta không hoàn toàn đánh xe vì những người Luân Đôn sang trọng này; chúng ta đi có một phần vì chúng ta nữa - vì vấn đề đáng lo nghĩ mà tôi chắc là em sẽ giải quyết êm đẹp, Tess thân yêu ạ. Giờ hãy cho phép tôi trình bày nó theo cách này. Em đã thuộc về tôi, em biết đấy. Ý tôi là con tim của em. Có phải không?”

“Anh cũng biết rõ điều đó như tôi. Ô, vâng, vâng!”

“Vậy nếu tim em thuộc về tôi, tại sao tay em thì không?”

“Lý do duy nhất của tôi là vì anh - vì một vấn đề. Tôi có một điều phải nói với anh...”

“Nhưng có thể cho là nó hoàn toàn vì hạnh phúc của tôi, và cả sự thuận lợi trong đời của tôi nữa?”

“Ô, vâng; nếu nó vì hạnh phúc và sự thuận lợi trong đời của anh. Nhưng cuộc đời tôi trước khi tôi đến đây... tôi muốn...”

“Tốt, nó vì sự thuận lợi cũng như hạnh phúc của tôi. Nếu tôi có một nông trại rất lớn, ở Anh hoặc ở một thuộc địa, em sẽ là một người vợ vô giá đối với tôi; hơn hẳn bất kỳ người phụ nữ nào xuất thân từ dinh thự to nhất trong vùng. Thế nên, Tessy thân yêu ạ, hãy xóa bỏ khỏi đầu óc của em cảm giác rằng em sẽ cản trở tôi.”

“Nhưng tôi muốn anh biết về tiểu sử của tôi - anh phải để cho tôi kể với anh - khi đó anh sẽ không còn ưa thích tôi nhiều lắm!”

“Hãy kể với tôi nếu em muốn, em yêu. Vậy nó hẳn là một tiểu sử quý giá. Phải, tôi ra đời thế này thế nọ, sau Công nguyên...”

“Tôi chào đời ở Marlott” nàng nói, xem những lời của anh như một sự trợ giúp, nhẹ nhàng như nó được thốt ra. “Tôi lớn lên ở đó. Và tôi rời khỏi trường sau lớp Sáu tiêu chuẩn, rồi họ bảo tôi rất có năng khiếu, sẽ trở thành một cô giáo giỏi, và tôi được xác định sẽ là một cô giáo. Nhưng có rắc rối trong gia đình tôi; tía tôi không siêng năng cho lắm, ông hay nhậu nhẹt.”

“Phải, phải. Đứa con tội nghiệp! Không có gì mới cả” anh kéo nàng sát vào mình hơn.

“Thế rồi... có một chuyện rất khác thường xảy ra... về tôi. Tôi...”

Tess thở nhanh.

“Vâng, em yêu. Cứ nói đi.”

“Họ của tôi không phải là Durbeyfield, mà là d’Urberville - tôi là dòng dõi của gia tộc đã từng làm chủ tòa nhà cổ mà chúng ta đã đi ngang qua. Và... chúng tôi đã trở nên nghèo khổ!”

“Một người thuộc gia tộc d’Urberville! Thật là! Và có phải tất cả rắc rối là thế không, Tess thân yêu?”

“Phải” nàng yếu ớt trả lời.

“Chà, vì sao em lại nghĩ tôi ít yêu em hơn sau khi biết điều đó?”

“Ông chủ trại nói với tôi rằng anh ghét những gia tộc cổ xưa.”

Clare bật cười.

“Chà, đúng thế, ở một khía cạnh nào đó. Tôi ghét nhất những quý tộc đặt sự thuần túy của huyết thống lên hàng đầu, với tư cách một kẻ hay lý luận tôi nghĩ rằng chúng ta chỉ nên kính trọng những phẩm chất tinh thần - đạo đức và minh triết, chứ không phải dòng dõi cao quý. Nhưng tôi cực kỳ thích thú với thông tin này, em không biết tôi thích thú thế nào đâu! Em không cảm thấy thích thú khi là một người thuộc dòng dõi nổi tiếng đó hay sao?”

“Không. Tôi nghĩ là nó rất đáng buồn, nhất là từ khi tới đây, biết rằng nhiều ngọn đồi và cánh đồng tôi nhìn thấy từng thuộc về cha ông của mình. Nhưng còn có những ngọn đồi và cánh đồng khác từng thuộc về gia tộc của Retty, có lẽ một số khác thuộc về gia tộc của Marian, thế nên tôi thấy chuyện đó không có gì đặc biệt.”

“Phải, thật đáng ngạc nhiên khi có biết bao nồng dân vùng này từng là những chủ nhân của nó, đôi khi tôi tự hỏi vì sao đại diện của những phe phái chính trị không tận dụng nó; nhưng dường như họ không biết... Tôi ngạc nhiên vì đã không nhận ra sự giống nhau giữa họ của em với họ d’Urberville, rồi truy tìm nguồn gốc của sự suy vong. Và đây là một bí mật kinh khủng!”

Nàng đã không nói được gì. Và vào giây phút cuối nàng không còn can đảm để nói; nàng sợ Clare sẽ trách sao nàng không nói cho anh biết sớm hơn; và bản năng tự vệ của nàng mạnh mẽ hơn sự trung thực của nàng.

“Dĩ nhiên,” Clare vô tình nói tiếp, “hắn tôi sẽ rất vui khi biết em xuất thân từ một giai tầng gánh chịu nhiều khổ ải, câm lặng, không được ghi chép trong sử sách nước Anh chứ không phải từ một vài kẻ vị kỷ nắm lấy quyền lực với cái giá

phải trả của số còn lại. Nhưng tôi đã bị làm hỏng bởi tình yêu dành cho em, Tess à (anh cười to khi nói) và cũng tự biến mình thành một người vị kỷ. Vì chính em, tôi vui mừng khi biết dòng dõi của em. Xã hội hơm hĩnh một cách ngu xuẩn, và sự thật này về nguồn gốc của em tạo nên một sự khác biệt đáng kể trong việc chấp nhận em làm vợ tôi sau khi tôi đã biến em thành một phụ nữ hiểu biết nhiều theo dự định của tôi. Bà mẹ đáng thương của tôi cũng sẽ nghĩ tốt hơn nhiều về em nhờ có chuyện này. Tess à, kể từ hôm nay em phải nói đúng họ của mình, d'Urberville."

“Tôi thích cái họ kia hơn nhiều.”

“Nhưng em *phải*, em thân yêu! Lạy trời, hàng tá triệu phú mới nổi hẳn sẽ chộp lấy cơ hội này! Nhân tiện, có một gã thuộc loại đó đã cuỗm lấy cái họ này, tôi đã nghe nói hẳn ta ở đâu nhỉ? - Ở khu vực The Chase, tôi nghĩ. Đúng rồi, hẳn chính là cái gã gây gổ với cha tôi mà tôi đã kể với em. Một sự trùng hợp lạ lùng!”

“Angel, tôi nghĩ tôi không nên theo cái họ đó! Có lẽ nó rất xui xèo!”

Nàng trở nên căng thẳng.

“Nào, cô Teresa d'Urberville, tôi có em. Hãy theo họ của tôi, và thế là em rủ bỏ được cái họ của em! Bí mật đã được vén lên, thế nhưng vì sao em vẫn tiếp tục khước từ tôi?”

“Nếu tôi chắc chắn sẽ làm cho anh hạnh phúc khi lấy tôi làm vợ, và anh cảm thấy rằng anh mong muốn lấy tôi, rất, rất mong muốn...”

“Đĩ nhiên là tôi rất mong muốn, em thân yêu!”

“Ý tôi là chỉ khi anh rất muốn có tôi, và hầu như không thể sống thiếu tôi, bất kể tôi có xúc phạm thế nào. Điều đó sẽ khiến cho tôi có cảm giác tôi nên nói tôi sẽ nhận lời.”

“Em sẽ - em sẽ nhận lời, tôi biết! Em sẽ là vợ tôi mãi mãi.”

Anh ôm chặt nàng và hôn nàng.

“Vâng!”

Ngay khi thốt ra từ đó, nàng bật khóc nức nở, khóc đến nỗi đường như nó xé nát nàng ra. Tess không phải là một cô gái quá khích động ở bất cứ giá nào, và Clare ngạc nhiên.

“Tess thân yêu, vì sao em khóc?”

“Em... không thể nói - hoàn toàn! Em rất vui mừng khi nghĩ tới việc là vợ của anh, và mang tới cho anh hạnh phúc!”

“Nhưng thái độ này có vẻ như không phải là sự vui mừng, Tessy của tôi!”

“Ý của em là... em khóc vì em đã phá vỡ lời thề của mình! Em đã nói là em sẽ không kết hôn cho tới chết!”

“Nhưng nếu em yêu tôi em phải muốn tôi là chồng của em chứ?”

“Vâng, vâng, vâng! Nhưng chao ôi, đôi khi em ước gì em không bao giờ được sinh ra!”

“Nào, Tess thân yêu của tôi, nếu tôi không biết rằng em rất khích động, và rất thiếu kinh nghiệm, tôi sẽ nói rằng nhận định đó không mấy làm tôi vui vẻ. Làm sao em mong muốn điều đó nếu em quan tâm tới tôi chứ? Em có quan tâm tới tôi không? Tôi ước gì em sẽ chứng minh điều này bằng cách nào đó.”

“Làm sao em có thể chứng minh nó nhiều hơn so với những gì em đã làm?” nàng bối rối. “Điều này có chứng minh được hay không?”

Nàng ôm choàng lấy cổ anh và lần đầu tiên Clare biết nụ hôn của một phụ nữ sôi nổi là như thế nào trên đôi môi của kẻ mà nàng yêu với toàn bộ trái tim và tâm hồn, như Tess yêu anh.

“Đó, giờ anh đã tin chưa?” nàng hỏi, đỏ mặt, và chùi nước mắt.

“Vâng. Thật sự tôi chưa bao giờ nghi ngờ. Chưa bao giờ, chưa bao giờ!”

Họ cứ ngồi như thế qua bóng tối mịt mù, tạo thành một khối bên trong tấm vải buồm, con ngựa cứ đi theo lối cũ, và mưa ồ ạt tạt vào họ. Nàng đã ưng thuận. Lê ra nàng nên đồng ý ngay từ đầu. “Nỗi khao khát đối với niềm vui” vốn tràn ngập bên trong mọi con người, cái sức mạnh lớn lao đẩy loài người tới mục đích của nó, như thủy triều cuốn cọng cỏ đại yếu ớt, không thể bị kiểm chế bởi những suy ngẫm mơ hồ về định kiến của xã hội.

“Em phải viết thư cho má em” nàng nói. “Anh không phiền chứ?”

“Đi nhiên không, em bé thân yêu của tôi. Em là một đứa bé đối với tôi, Tess ạ, không biết rằng viết cho mẹ của em vào lúc này là một việc đúng đắn thế nào, và tôi sẽ sai như thế nào nếu phản đối. Bà sống ở đâu?”

“Ở cùng một chỗ - Marlott. Ở đầu kia của Thung lũng Blackmoor.”

“À, vậy ra tôi đã gặp em vào mùa hè trước đó...”

“Phải; trong buổi khiêu vũ trên bãi cỏ; nhưng anh không nhảy với em. Ôi, giờ em hy vọng điều đó không phải là điểm rủi cho chúng ta!”

Chương 31

Ngay hôm sau, Tess viết một lá thư xúc động cho mẹ mình, và vào cuối tuần, hối âm tối, với nét chữ viết tay cổ lỗ ngoằn ngoèo của bà Joan Durbeyfield:

TESS THÂN YÊU,

Má viết mấy dòng này hy vọng con vẫn khỏe, như má hiện giờ vẫn khỏe, và ta ơn Chúa vì điều đó. Tess thân yêu, cả nhà đều mừng khi nghe nói con sắp sửa thật sự kết hôn. Nhưng với sự tôn trọng đối với câu hỏi của con, Tess ạ, má chỉ nói giữa chúng ta với nhau, hoàn toàn riêng tư nhưng vô cùng nhấn mạnh, rằng dù với bất cứ lý do gì con đừng nói lời nào về rắc rối đã qua của mình với cậu ta. Má không nói mọi thứ với tía con, ống rất tự hào vì thuộc một dòng dõi khả kính, và có lẽ cả con cũng vậy. Nhiều người phụ nữ - một số thuộc đẳng cấp cao nhất trong vùng - đã gặp rắc rối vào thời của họ và họ không nhắc gì tới nó, vì thế con cũng đừng nhắc gì tới rắc rối của mình. Không có cô gái nào ngu ngốc như thế cả, nhất là khi chuyện xảy ra đã lâu, và không hề là lỗi của con. Má sẽ trả lời tương tự nếu con có hỏi má năm mươi lần đi nữa. Ngoài ra, con phải nhớ rằng má vẫn biết rõ tính

tình trẻ con, đơn giản của con, luôn nói ra tất cả những gì có trong trái tim con. Má yêu cầu con hứa với má là không bao giờ để lộ chuyện đó qua lời nói hay hành động, khi đã tìm được bình an tâm trí; và con cũng đã nghiêm trang hứa điều đó khi rời khỏi nhà ta. Má không nói gì với tía con về câu hỏi đó cũng như cuộc hôn nhân sắp tới của con, vì ống sê ba hoa khoe khoang khắp chốn, cái ông già giàn đơn tội nghiệp đó.

Tess thân yêu, hãy giữ vững tinh thần nha con, và chúng ta định gửi cho con một thùng rượu táo lớn để thết đãi trong ngày cưới, vì ở chỗ của con không có nhiều thứ đó, nếu có thì cũng nhẹ và chua. Hiện tại má chỉ viết thế thôi, và gửi lời yêu thương tới chồng chưa cưới của con. Từ má yêu thương của con,

J. DURBEYFIELD

“Ôi, má ơi, má ơi!” Tess lầm bẩm.

Nàng nhận ra những sự kiện buồn thảm có ít ảnh hưởng tới tinh thần linh hoạt của bà Durbeyfield như thế nào. Mẹ nàng không nhìn thấy cuộc sống giống như nàng. Thời kỳ đầy ám ảnh của những ngày đã trôi qua với mẹ nàng chỉ là một sự cố qua rồi. Nhưng có lẽ mẹ nàng đúng về quãng đời sắp tới, bất kể lý do của bà là gì. Xét trên bề mặt, sự im lặng là tốt nhất cho hạnh phúc của người yêu nàng, vậy nàng sẽ im lặng.

Nhận được lệnh từ người duy nhất trên đời ít ra cũng có quyền kiểm soát hành động của mình, Tess trở nên bình thản hơn. Trách nhiệm đã được giải phóng, và tim nàng nhẹ nhõm hơn so với nhiều tuần trước đó. Những ngày cuối thu sau khi nàng nhận lời cầu hôn, bắt đầu từ tháng Mười, tạo

thành một mùa trong đó nàng sống với trạng thái gần niêm hạnh phúc tốt cùng hơn so với bất cứ giai đoạn nào khác trong đời.

Hầu như không có chút gì trấn túc trong tình yêu của nàng dành cho Clare. Với niềm tin tuyệt đối của nàng, anh là tất cả những gì tốt đẹp nhất - biết tất cả những gì một người hướng dẫn, một triết gia và một người bạn nên biết. Nàng nghĩ từng đường nét trong tính cách của anh đều chứa đựng sự hoàn hảo của vẻ đẹp nam tính, tâm hồn anh là tâm hồn của một vị thánh, trí tuệ của anh là trí tuệ của một nhà tiên tri. Trở nên sáng suốt vì tình yêu dành cho anh, nàng hành xử một cách đầy phẩm cách và dường như đang đội một cái vương miện. Lòng thương cảm trong tình yêu anh dành cho nàng, như nàng nhìn thấy, khiến nàng muốn dâng hiến cho anh trọn trái tim của mình. Thỉnh thoảng anh bắt gặp đôi mắt to, sâu thẳm, đầy vẻ tôn thờ của nàng đang nhìn anh từ những chiểu sâu của chúng, như thể nàng nhìn thấy thứ gì đó bất tử trước mặt nàng.

Nàng xóa bỏ quá khứ - giẫm lên nó và gạt nó đi, như người ta đối xử với một mẩu than đang cháy và nguy hiểm.

Nàng chưa từng biết rằng những người đàn ông có thể vô tư, hào hiệp, bảo bọc trong tình yêu dành cho phụ nữ như anh. Angel Clare còn vượt xa hơn tất cả những gì nàng nghĩ về anh ở khía cạnh này; vượt xa một cách phi lý, thật vậy; nhưng thật sự ở anh khía cạnh tinh thần chiếm ưu thế hơn so với phần thú tính; anh biết tự kiểm soát bản thân và không bao giờ tỏ ra thô lò. Dù không phải là người có bản tính lạnh lùng, anh đa cảm hơn là nóng bỏng - giống Shelley nhiều hơn giống Byron; có thể yêu một cách tuyệt vọng; tình yêu của anh thiên về sự thuần khiết, về mặt tinh thần; đó là một cảm xúc lạ lùng có thể khiến anh bảo vệ một cách

ghen tuông người yêu của mình để chống lại chính bản thân anh. Điều này khiến Tess, vốn đã trải qua nhiều bất hạnh cho tới lúc này, ngạc nhiên và mê mẩn; và từ chở căm phẫn giới đàn ông nói chung nàng chuyển sang cực kỳ kính trọng đối với Clare.

Họ công khai kề cận bên nhau; với niềm tin trung thực, nàng không che giấu mong muốn được ở gần anh. Do bản năng, nàng nhận thấy sự lảng tránh vốn là một phẩm chất thu hút đàn ông của nữ giới sẽ khiến một người đàn ông hoàn hảo như Clare khó chịu sau khi nàng đã thừa nhận tình yêu của mình đối với anh, vì bản chất của sự lảng tránh là giả tạo.

Theo tập quán ở vùng quê, đôi vợ chồng sắp cưới có thể tự do ở gần bên nhau, đó là tập quán duy nhất mà nàng biết, và nó không hề xa lạ với nàng, dù dường như đối với Clare nó có vẻ đi trước thời điểm, cho tới khi anh nhận thấy nàng, cũng như tất cả những người khác trong nông trại, xem nó là một chuyện rất bình thường. Do vậy, trong những chiều tuyệt diệu của tháng Mười này, họ rong chơi trên đồng cỏ cạnh những con đường mòn quanh co men theo bờ của mấy nhánh phụ lưu của dòng sông, băng qua những chiếc cầu gỗ nhỏ sang mé bên kia, rồi quay lại. Họ luôn có thể nghe thấy tiếng rì rào của nước ở một cái đập nào đó, hòa vào tiếng thì thầm của chính họ, trong lúc những tia nắng, hầu như ngang bằng với cánh đồng cỏ, khoác lên cảnh vật một lớp bụi phấn lấp lánh. Họ nhìn thấy những đám sương mù nhô xanh lam trong bóng râm của cây cối và hàng rào trong lúc mọi nơi khác vẫn ngập tràn ánh nắng. Cả mặt trời cũng xuống gần sát mặt đất, và bãi cỏ băng phẳng đến độ bóng của Clare và Tess kéo dài khoảng một phần tư dặm ở phía trước của họ, như hai ngón tay dài chỉ về phía xa xa nơi

mảnh đất phù sa xanh ngắt tiếp giáp với sườn đồi bao quanh thung lũng.

Mọi người làm việc khắp nơi trên đồng - bởi đây là mùa “đại tu” đồng cỏ, vết sâu những mương nước nhỏ để dẫn nước vào mùa đông, và vá lại những chỗ bờ bị lũ bò phá vỡ. Những khối đất bùn đen nhánh đã được dòng sông chở tới đó khi chiều rộng của nó còn trải ra khắp thung lũng, về cơ bản là đất của những cánh đồng xưa, bồi đắp, làm màu mỡ đất đai, khiến cho đồng cỏ trở nên xanh tốt, và lũ bò đang gặm cỏ ngày càng mập mạp.

Clare vẫn giữ nguyên vòng tay đặt quanh eo nàng trước mắt những người thợ, với dáng vẻ của một người đã quen suông sà trước công chúng, dù thật ra cũng e thẹn như Tess. Với đôi môi hé mở và đôi mắt liếc nhìn những người đang lao động, nàng có vẻ ngoài của một con thú đang cảnh giác.

“Anh không mặc cờ khi thể hiện em là của anh trước mặt họ sao!” nàng vui vẻ nói.

“Ô, không đâu!”

“Nhưng nếu việc anh đi dạo với em, một cô thợ vắt sữa bò, tới tai những người thân của anh ở Emminster thì...”

“Một cô thợ vắt sữa bò xinh đẹp nhất trần đời.”

“Họ có thể cảm thấy phẩm giá của mình bị tổn thương.”

“Cô gái thân yêu của tôi - một người họ d’Urberville làm tổn thương phẩm giá của một người họ Clare! Việc em thuộc về một gia tộc lớn là một lá bài chủ, và khi chúng ta kết hôn tôi sẽ công khai chuyện này để tạo ra một tác động lớn với bằng chứng từ cha xứ Tringham. Ngoài ra, tương lai của tôi hoàn toàn xa lạ với gia đình tôi - nó sẽ không ảnh hưởng tới thậm chí bề mặt cuộc sống của họ. Chúng ta sẽ rời khỏi vùng đất này của nước Anh, có lẽ chính bản thân nước Anh nữa,

và việc mọi người ở đây nhìn chúng ta ra sao có gì là quan trọng? Em sẽ thích ra đi mà, phải không?"

Nàng chỉ có thể trả lời với một lời đồng ý ngắn gọn, cực kỳ xúc động với ý nghĩ sẽ đi khắp thế giới cùng Clare với tư cách một người gần gũi thân yêu nhất của anh. Những cảm xúc đó hầu như phủ đầy tai nàng như những lượn sóng rì rầm, rồi tràn dâng lên đôi mắt. Nàng đặt đôi bàn tay vào tay anh, và họ cứ thế tiếp tục đi, tới một địa điểm nơi hình ảnh phản chiếu của mặt trời đang tỏa sáng từ dòng sông, bên dưới một chiếc cầu, với một thứ ánh sáng giống như kim loại nấu chảy khiến họ hoa cả mắt, dù bản thân mặt trời bị chiếc cầu che khuất. Họ đứng im. Lũ thủy điểu đang lặn bên dưới mặt nước êm à ngóc đầu lên, nhưng khi nhận ra những kè quay rầy đã dừng lại và không chịu đi qua, chúng lại biến mất. Họ nán ná trên bờ sông cho tới khi sương mù bắt đầu vây quanh họ. Vào thời điểm này của năm, buổi chiều hôm vẫn còn rất sớm. Sương mù đọng trên mi nàng, trên lông mày và mái tóc của Clare như những giọt pha lê.

Họ đi dạo muộn hơn vào những ngày Chủ nhật, khi trời đã tối hoàn toàn. Một người thợ vắt sữa, trên đường trở về nhà vào Chủ nhật đầu tiên sau khi họ đính hôn, nghe thấy những lời nồng nhiệt của nàng, và dù họ ở quá xa nên anh ta không thể nghe rõ, nhận thấy giọng nói của nàng bị ngắt quãng thành những phụ âm bởi cảm xúc sôi nổi, trong lúc nàng vừa thả bước vừa tựa vào cánh tay của Clare; những khoảnh khắc im lặng đầy hạnh phúc, tiếng cười khẽ thi thoảng của nàng, nghĩ dường như linh hồn nàng đang bay lên cùng với nó - tiếng cười của một phụ nữ đang sóng bước với người đàn ông nàng yêu và đã giành được từ tất cả những người phụ nữ khác - không có thứ gì khác trong tự nhiên có thể sánh với những tiếng cười này. Chúng đánh dấu niềm

vui sôi nổi của nàng, như một con chim sà cánh nhưng chưa hoàn toàn đáp xuống.

Tình yêu của Tess đối với Clare giờ là hơi thở và cuộc sống của nàng; nó bao bọc nàng như một bầu khí quyển sáng trắng (photosphere), hướng nàng tới sự quên lâng những nỗi buồn quá vãng, ngăn chặn những bóng ma àm đạm vốn vẫn kiên trì trong việc cố chạm vào nàng - sự hổn hỉ, sợ hãi, buồn rầu, lo lắng, tủi hổ. Nàng biết rằng chúng đang chờ nàng như những con sói chỉ ngay ở mé ngoài vùng ánh sáng xung quanh, nhưng nàng có những câu thần chú quyển năng để giữ chúng trong tình trạng khuất phục đầy khát thèm tại đó.

Trạng thái lâng quên về mặt tinh thần này đồng tồn tại với một ký ức về mặt trí tuệ. Nàng bước đi trong ánh sáng, nhưng nàng biết rằng ở phía sau những bóng tối đó luôn trải rộng. Có thể chúng đang lùi xa dần, cũng có thể đang dần tiến tới, một trong hai trường hợp đó, mỗi ngày một chút.

Một tối nọ, Tess và Clare buộc phải ngồi giữ nhà, tất cả mọi người đều ra ngoài có việc. Trong lúc chuyện trò, nàng trầm ngâm nhìn anh, và bắt gặp đôi mắt ngưỡng mộ của anh.

“Em không xứng đáng với anh, ô, không đâu!” nàng bật thốt, rời khỏi cái ghế đầu ba chân như thể vừa kinh hoàng với sự tôn kính của anh, vừa cảm thấy vui mừng tột độ.

Nghĩ rằng nguyên do cơ bản của sự khích động đó chỉ là một phần nhỏ của lý do này, Clare nói: “Tôi không thích em nói như thế đâu, Tess thân yêu! Phẩm giá con người không nằm ở việc sử dụng một cách dễ dàng những quy ước đáng khinh mà nằm ở những con người chân chính, trung thực, công bằng, trong trắng, đáng yêu, và đáng tôn trọng như em, Tess ạ.”

Nàng cố kẽm những tiếng nức nở. Trong những năm qua, tim nàng thường đau nhói mỗi khi các phẩm chất đó được nêu ra trong nhà thờ và lạ lùng làm sao khi giờ đây Clare nhắc lại chúng.

“Vì sao anh không ở lại và yêu em khi em mười sáu tuổi; đang sống với những em gái em trai, còn anh khiêu vũ trên bãi cỏ? Ôi, vì sao anh đã không làm điều đó, vì sao?” nàng nói, siết chặt đôi tay vào nhau.

Angel bắt đầu an ủi vỗ về nàng, thầm nghĩ nàng quá dễ khích động, thật vậy, và anh phải đối xử thận trọng với nàng ra sao khi nàng hoàn toàn đặt hạnh phúc của mình vào anh.

“Chà, vì sao tôi không ở lại!” anh nói. “Đó cũng chính là điều mà tôi cảm thấy. Giá mà tôi biết được! Nhưng em đừng quá cay đắng vì tiếc nuối, đâu cần phải thế!”

Với bàn tay che giấu của đàn bà, nàng vội vàng khóa lấp:

“Lẽ ra em đã có được tình yêu của anh từ bốn năm trước thay vì bây giờ. Nếu được như vậy thì em đã không lãng phí thời gian - đáng lẽ em đã hạnh phúc hơn nhiều!”

Không có người phụ nữ trưởng thành nào có một dĩ vàng đen tối sau lưng lại đau khổ như nàng, một cô gái sống cuộc đời đơn giản, chưa tới hai mươi mốt tuổi, như một con chim sa bẫy trong những ngày chưa chín chắn. Để cố bình tĩnh trở lại, nàng đứng lên và rời khỏi phòng, cái ghế bị lật ngược lại vì vướng vào váy của nàng.

Clare ngồi cạnh ánh lửa tỏa ra từ một mớ gỗ tần bì còn xanh, những que cùi reo lên vui vẻ và nhựa cây sùng sục sùi bọt từ đầu của chúng. Khi quay trở lại, Tess đã trở nên bình thản.

“Em có nghĩ là mình hơi thắt thường và bốc đồng không Tess?” anh vui vẻ hỏi, trải một tấm nệm lên cái ghế cho nàng,

và ngồi xuống cạnh nàng. “Tôi vừa muốn hỏi em một chuyện thì ngay khi đó em bỏ ra ngoài.”

“Vâng, có lẽ em thất thường” nàng khẽ đáp. Nàng đột nhiên nhích lại gần anh, đặt hai tay lên hai cánh tay anh. “Không, Angel, em không thật sự như thế, ý của em là về bản chất!” Muốn bảo đảm với anh rằng nàng không như vậy nàng ép sát người vào anh, tựa đầu lên vai anh. “Anh muốn hỏi em điều gì? Chắc chắn là em sẽ trả lời” nàng nhún nhường nói tiếp.

“Tess, em yêu tôi, và đã đồng ý lấy tôi, vậy tôi xin hỏi, chừng nào chúng ta làm lễ cưới?”

“Em thích sống như thế này.”

“Nhưng tôi phải nghĩ tới việc bắt đầu công việc của mình vào đầu năm mới, hoặc muộn hơn chút ít. Và trước khi bắt tay vào vô số công việc lặt vặt, tôi muốn bảo đảm về hôn sự của chúng ta.”

“Nhưng,” nàng e thẹn đáp, “xét cho thực tế, không phải sẽ tốt hơn chúng ta kết hôn sau việc đó hay sao? Dù em không thể chịu nổi ý nghĩ rằng anh sẽ đi xa và bỏ em lại đây!”

“Đĩ nhiên là em không thể, và đó không phải là điều tốt nhất trong trường hợp này. Tôi muốn em giúp tôi nhiều thứ trong công việc khởi nghiệp? Khi nào hờ Tess? Nửa tháng nữa nhé?”

“Không” nàng đáp, trở nên nghiêm nghị. “Em có nhiều thứ phải suy nghĩ trước.”

“Nhưng...”

Anh dịu dàng kéo nàng sát vào mình.

Khi chuyện kết hôn tới quá gần, nàng bỗng thấy e sợ. Trước khi cả hai có thể tiếp tục câu chuyện, ông chủ trại

Crick, vợ ông và hai cô thợ vắt sữa bước vòng qua góc của cái ghế tủ.

Tess vội đứng bật dậy, mặt đỏ bừng, đôi mắt long lanh trong ánh lửa.

“Tôi biết chuyện gì sẽ xảy ra nếu tôi ngồi quá gần anh ấy!” nàng bức bối kêu lên. “Tôi đã tự nhủ chắc chắn họ sẽ tới và bắt gặp chúng tôi! Nhưng tôi không thật sự ngồi trong lòng anh ấy, dù có vẻ như thể tôi đang ngồi theo cách đó!”

“Chà, nếu cô không nói gì với chúng tôi, tôi chắc chắn chúng tôi không nhìn thấy hai người đang ngồi ở bất cứ chỗ nào trong thứ ánh sáng này” ông chủ trại đáp. Ông nói tiếp với vợ, với sắc mặt đứng đằng của một kẻ không hiểu gì về những cảm xúc yêu đương. “Bà nó ạ, người ta không bao giờ đoán được kẻ khác nghĩ gì khi họ không nghĩ gì ráo. Ô, không, tôi không hề nghĩ gì tới việc cô bé đang ngồi ở đâu, nếu cô ta không nói với tôi, không hề.”

“Chúng tôi sắp sửa kết hôn” Clare bình thản nói.

“Ô, vậy sao! Hay lắm, tôi thật sự vui mừng khi nghe tin này, thưa ông. Tôi đã nghĩ hai người sẽ thực hiện điều này, sớm hoặc muộn. Cô ấy là một thợ vắt sữa rất giỏi, tôi đã nói thế ngay ngày đầu tiên gặp cô ấy, và là một phán thường đối với bất kỳ người đàn ông nào; hơn thế nữa, một phụ nữ tuyệt vời để làm vợ của một quý ông chủ trang trại; với sự giúp đỡ của cô ấy, ông ta sẽ không cần tới viên quản đốc nào cả.”

Tess đã biến mất từ hồi nào. Nàng thậm chí còn mắng cỡ hơn trước ánh mắt của các cô gái so với lời ca ngợi thẳng thừng của Crick.

Sau bữa tối, khi nàng về tới phòng, tất cả bọn họ đều có mặt. Một cây đèn đang cháy, và mỗi cô gái đang ngồi trên

giường, với cái váy ngủ trắng, chờ đợi Tess, như một đám hồn ma muốn báo thù.

Nhưng chỉ trong chớp mắt, nàng nhận thấy không có ác ý nào trên sắc mặt của họ. Họ hầu như không cảm thấy mắt mát thứ mà họ không bao giờ mong có được. Vẻ mặt của họ chỉ có vẻ trầm ngâm, đăm chiêu.

“Anh sẽ lấy chi!” Retty lẩm bẩm, không rời mắt khỏi Tess. “Vẻ mặt của chi cho thấy điều đó!”

“Cô sẽ lấy ảnh phải không?” Marian hỏi.

“Phải” Tess đáp.

“Chừng nào?”

“Một ngày nào đó.”

Họ nghĩ đây chỉ là một sự lăng tránh.

“Phải, sẽ lấy ảnh, một quý ông!” Izz Huett lặp lại.

Do một sự mê hoặc nào đó, ba cô gái, lần lượt từng người, bò ra khỏi giường và bước tới đứng chân trần xung quanh Tess. Retty đặt hai tay lên vai của Tess, như thể nhận ra tính chất hữu hình của bạn mình sau một phép màu như thế, và hai cô gái kia vòng tay quanh eo nàng, tất cả đều nhìn vào gương mặt của nàng.

“Thật lạ lùng! Hầu như hơn cả những gì tôi có thể nghĩ tới!” Izz Huett nói.

Marian hôn Tess và lẩm bẩm sau nụ hôn: “Phải.”

“Đó có phải là vì tình yêu dành cho chi, hay vì đôi môi khác đã chạm vào đó?” Izz nói tiếp với Marian.

“Tôi không nghĩ tới điều đó” Marian trả lời đơn giản. “Tôi chỉ cảm thấy sự lạ lùng của nó - rằng cô ấy sẽ là vợ của ảnh, chứ không phải ai khác. Tôi không phản đối chuyện này,

không ai trong chúng ta cả, vì chúng ta không nghĩ tới nó - chỉ yêu ảnh thôi. Tuy nhiên, sẽ không có ai khác trên đời lấy được ảnh, không tiểu thư xinh đẹp nào, không ai với quần áo lụa là, mà chỉ cô ấy thôi, kẻ sống hệt như chúng ta."

"Chị có chắc là chị không ghét tôi vì điều đó?" Tess trầm giọng hỏi.

Họ vây quanh nàng trong những chiếc váy ngủ trước khi trả lời, như thể họ cho rằng câu trả lời có thể nằm ở vẻ mặt của nàng.

"Tôi không biết, tôi không biết. Retty Priddle lẩm bẩm. "Tôi muốn ghét chị, nhưng tôi không thể!"

"Tôi cũng cảm thấy như thế," Izz và Marian tiếp lời "Tôi không thể ghét chị. Dù chỉ cản trở tôi!"

"Anh nên lấy một trong số các chị" Tess khẽ nói.

"Vì sao?"

"Các chị tốt hơn tôi."

"Bạn tôi tốt hơn chị ư?" các cô gái thì thào. "Không, không đâu Tess thân mến ạ!"

"Đúng là vậy mà!" Tess nghiêm trang phản đối. Rồi nàng đột ngột vùng ra khỏi họ, khóc òa, gục đầu vào cái tủ quần áo và không ngừng lặp lại. "Ồ, phải, phải, phải!"

Một khi đã òa khóc, nàng không thể nào dừng lại.

"Anh nên lấy một trong số các chị!" nàng kêu lên. "Thậm chí ngay bây giờ tôi nên nói với ảnh như vậy! Các chị sẽ tốt cho ảnh hơn tôi, ồ, tôi không biết mình đang nói gì nữa! Hu hu!"

Họ bước tới gần nàng và ôm lấy nàng, nhưng nàng vẫn khóc nức nở.

“Hãy lấy một ít nước” Marian nói. “Chúng ta đã làm cho cô ấy phiền lòng, cô gái tội nghiệp!”

Họ nhẹ nhàng dịu dàng tới cạnh giường của nàng và hôn nàng thăm thiết.

“Cô là người tốt nhất đối với ảnh” Marian nói. “Giống như tiểu thư hơn, và có học thức hơn bọn tôi, nhất là vì ảnh đã dạy cô rất nhiều thứ. Nhưng thậm chí như thế cô nên tự hào. Cô tự hào, tôi chắc chắn!”

“Phải, tôi tự hào” Tess đáp. “Và tôi xấu hổ vì đã khóc lóc như thế.”

Khi tất cả đã lên giường và đèn đã tắt, Marian nghiêng qua thì thào với nàng:

“Cô sẽ nghĩ tới chúng tôi khi đã là vợ của ảnh, Tess à, hãy nhớ rằng chúng tôi đã nói với cô chúng tôi yêu ảnh như thế nào, đã cố không ghét cô như thế nào, và đã không ghét cô, không thể nào ghét cô, vì cô là sự chọn lựa của ảnh, còn chúng tôi không bao giờ hy vọng được ảnh chọn.”

Họ không biết rằng, khi nghe những lời đó, những giọt nước mắt mặn đắng xót xa lại ướt đầm cái gối của Tess, và nàng đã quyết định, với quả tim tan vỡ, sẽ nói toàn bộ tiểu sử của nàng với Angel Clare, bất chấp mệnh lệnh của mẹ nàng - mặc cho anh, sự sống và hơi thở của nàng, khinh miệt nàng, nếu muốn, rồi mẹ nàng sẽ xem nàng là một đứa con gái ngu ngốc, thay vì giữ im lặng, một hành động có vẻ là một sự lừa dối đối với anh, theo cách nào đó đường như là một cách hành xử tồi tệ đối với những cô gái này.

Chương 32

Tâm trạng ăn năn này ngăn cản nàng tuyên bố ngày tiến hành lễ cưới. Tới đầu tháng Mười một, ngày này vẫn bị trì hoãn lại, dù Clare thường xuyên thúc giục nàng. Nhưng đường như mong muốn của Tess là một cuộc đính hôn kéo dài mãi mãi, và mọi thứ cứ được giữ nguyên như thế.

Hiện tại những cánh đồng cỏ đang thay đổi; nhưng trời vẫn đủ ấm vào đầu giờ chiều trước khi vắt sữa để mọi người nghỉ ngơi một lúc, và tình trạng công việc vào thời điểm này trong năm cho phép họ nghỉ suốt một giờ. Khi nhìn ra mặt đồng cỏ ấm ướt theo hướng mặt trời, họ có thể nhìn thấy những cái màng nhện lấp loáng trong làn ánh sáng, như những vệt ánh trăng trên biển. Lũ muỗi mắt, không hề biết tới sự vinh quang ngắn ngủi của chúng, lang thang bay qua làn ánh sáng nhờ nhờ của con đường mòn, tỏa ra ánh sáng như thể chúng đang mang lửa trong mình, rồi bay vút khỏi con đường, và rơi xuống chết. Trước những cảnh tượng này, anh thường nhắc nàng rằng ngày cưới vẫn còn là một câu hỏi.

Hoặc vào ban đêm, khi cùng nàng làm một công việc nào đó do bà Crick giao phó để tạo cơ hội cho anh, anh cũng hỏi nàng câu đó. Công việc này chủ yếu là một chuyến đi tới nông trại có sân rơm ở sườn đồi bên trên thung lũng, để xem tình hình của đàn bò đã được chuyển tới đó ra sao. Bởi

đó là thời điểm có những thay đổi lớn lao trong thế giới của lũ bò. Từng đợt gia súc được chuyển tới cái nhà hộ sinh đó hàng ngày, và chúng sống nhờ rơm cho tới khi đẻ con. Sau đó, ngay khi lũ bê có thể bước đi, cả mẹ lẫn con được chuyển về trại bò sữa trở lại. Dĩ nhiên, trong quãng thời gian trước khi bán lũ bê, thu hoạch sữa giảm đi, nhưng ngay sau khi chúng được đưa đi, những người thợ lại bắt tay vào việc như thường lệ.

Một lần, trong lúc quay về trong đêm tối, họ đi tới một vách sỏi lớn ngay bên trên vùng đất bằng. Họ đứng im tại đó và lắng nghe. Lúc này nước trong những dòng suối dâng cao, vọt qua những đập nước và chảy ống ộc bên dưới các cống nước, những rãnh nước nhỏ nhất cũng đầy tràn; không còn lối nào để đi tắt nữa, và khách bộ hành buộc phải đi theo các lối đi thường lệ. Từ toàn bộ chiều dài của cái thung lũng mờ tối phát ra vô số tiếng rì rầm; họ tưởng chừng như một thành phố lớn đang nằm bên dưới họ, và tiếng rì rầm đó là tiếng ồn ào của những cư dân ở đó.

“Dường như có cả vạn người đang tụ họp với nhau trong những khu chợ búa, tranh cãi, rao giảng, cự nự nhau, khóc nức nở, rên rỉ, cầu nguyện và nguyện rủa” Tess nói.

Clare không mấy quan tâm tới câu nói của nàng.

“Em yêu, hôm nay ông Crick có nói với em về việc ông không cần nhiều thợ lâm trong những tháng mùa đông hay chăng?”

“Không.”

“Đàn bò đang nhanh chóng cạn sữa.”

“Phải. Hôm qua có sáu bảy con được chuyển tới sân rơm, và ba ngày trước trên sân đã có gần hai mươi con. Chà, phải chăng ông chủ trại không cần em giúp trong mùa bò

để? Ôi, em không muốn ở đây chút nào nữa! Em đã rất cố gắng để..."

"Ông ấy không nói chính xác rằng ông ấy không còn cần tới em nữa. Nhưng do biết mối quan hệ của chúng ta ở đây, ông ấy đã nói một cách vui vẻ và tôn trọng là ông ấy cho rằng khi tôi về nhà nghỉ lễ Giáng sinh, tôi sẽ đưa em đi cùng. Và khi tôi hỏi ông ấy sẽ làm gì nếu em vắng mặt ông ấy chỉ đơn giản đáp rằng, thật sự thì đây là một thời điểm trong năm khi ông ấy có thể làm việc mà không cần nhiều thợ nữ cho lắm. Tôi e rằng tôi khá là tội lỗi khi cảm thấy vui mừng vì ông ấy buộc em phải có quyết định theo cách này."

"Em không nghĩ là anh nên cảm thấy vui mừng đâu, Angel ạ. Sự việc luôn đáng buồn nếu chúng ta không muốn nó, ngay cả khi nó cũng là một sự thuận lợi."

"À, nó thuận lợi, em đã thừa nhận điều đó" anh đưa ngón tay chạm nhẹ vào má nàng. "Chà!" Anh nói.

"Gi thế?"

"Tôi cảm thấy màu đỏ đang dâng lên má của em! Nhưng sao tôi lại để ý tới chuyện vặt vãnh như thế nhỉ! Chúng ta sẽ không đùa cợt nữa - cuộc sống rất hệ trọng."

"Đúng thế. Có lẽ em đã nhìn thấy điều đó trước anh."

Nàng đang nhìn thấy nó. Nói cho cùng, nàng sẽ từ chối kết hôn với anh, để tuân theo cảm xúc tối qua của nàng, và rời khỏi trại bò sữa, tìm tới một nơi xa lạ, không phải là một trại bò sữa; bởi không ai cần tới thợ vắt sữa khi mùa bò sinh sản đang diễn ra. Nàng sẽ tìm tới một trang trại trống trọt nơi không có một con người hoàn mĩ như Angel Clare. Nàng ghét ý nghĩ đó, và nàng còn ghét nhiều hơn nữa cái ý nghĩ phải trở về nhà mình.

“Thế nên, Tess thân yêu ạ, tôi nói một cách nghiêm túc,” anh nói tiếp, “vì chắc chắn em phải rời khỏi trại vào lễ Giáng sinh, xét theo mọi lẽ đây là lúc đáng mong ước và thuận tiện để tôi đưa em đi với tư cách vợ tôi. Ngoài ra, nếu em không phải là cô gái không biết cân nhắc nhất trần đời, em phải biết rằng chúng ta không thể tiếp tục như thế này mãi được.”

“Em ước gì chúng ta có thể. Ước gì chỉ luôn là mùa hè và mùa thu, và anh luôn tán tỉnh em, luôn suy nghĩ về em nhiều như anh đã suy nghĩ suốt mùa hè vừa rồi!”

“Tôi sẽ luôn như thế.”

“Ô, em biết anh sẽ!” nàng kêu lên, với một niềm tin nồng nhiệt bất ngờ dành cho Clare. “Angel, em sẽ ăn định ngày em sẽ luôn luôn thuộc về anh!”

Rốt cuộc, họ đã đồng ý với nhau như vậy, trong chuyến đi bộ trở về nhà trong bóng tối đó, giữa vô số giọng nói của nước ở bên phải và bên trái.

Khi họ về tới trại, ông bà Crick được thông báo ngay lập tức, với đề nghị họ giữ kín việc này, vì cả hai kẻ yêu nhau đều muốn giữ cho cuộc hôn nhân càng riêng tư càng tốt. Dù đã sớm nghĩ tới việc cho nàng thôi việc, giờ ông chủ trại rất quan tâm tới việc mất nàng. Ông sẽ làm sao với công việc hớt váng sữa? Ai sẽ làm những lát bơ trang trí cho các phu nhân Anglebury và Sandbourne? Bà Crick chúc mừng Tess về việc rốt cuộc sự do dự cũng đi tới một kết cuộc, và bảo rằng khi nhìn thẳng vào Tess bà đã nghĩ nàng sẽ được một ai đó không phải là một nông dân bình thường chọn làm vợ; trong Tess rất lộng lẫy khi bước qua sân nông trại vào buổi chiều nàng tới đó, rằng bà có thể thấy rằng nàng xuất thân từ một gia đình tốt. Nói thật lòng, bà Crick nhớ bà đã nghĩ rằng

Tess rất xinh đẹp và duyên dáng khi nàng tới gần; nhưng tư cách cao hơn có thể là sự phát triển của trí tưởng tượng được bổ sung bởi kiến thức sau đó.

Giờ Tess được chờ đợi trên đôi cánh của thời gian, không còn ý thức về ý chí. Lời hứa đã đưa ra, con số của ngày đã được viết ra. Trí thông minh sáng láng tự nhiên của nàng bắt đầu chấp nhận những niềm tin mang tính chất định mệnh rất phổ biến đối với nông dân và những kẻ sống gần gũi với các hiện tượng tự nhiên nhiều hơn là với những hàng xóm của họ; do đó nàng đáp lại mọi đề xuất của người yêu với trạng thái tâm lý thụ động này.

Nàng viết một lá thư khác cho mẹ mình, bê ngoài là thông báo về ngày cưới; nhưng thật ra nhằm cầu xin lời khuyên của bà lần nữa. Một quý ông đã chọn nàng, một điều mà có lẽ mẹ nàng chưa từng nghĩ tới. Một lời giải thích sau hôn nhân có thể được nhẹ nhàng chấp nhận bởi một người đàn ông cứng rắn hơn, cũng có thể không được anh ta chấp nhận với cùng cảm giác đó. Nhưng thông tin này không nhận được phúc đáp nào từ bà Durbeyfield.

Dù Angel Clare khăng khăng đòi tiến hành ngay lề cưới, và đưa ra những lý lẽ hợp lý, việc này có hơi vội vã, như đã trở nên rõ ràng vào một thời điểm sau đó. Anh yêu nàng, dù có lẽ nghiêng về mặt lý tưởng và tưởng tượng hơn là vì thấu hiểu tình cảm tha thiết nàng dành cho anh. Khi chọn một cuộc sống diễn viên không nghiêng về trí óc, cho tới khi gặp Tess anh không hề ngờ rằng anh lại tìm thấy sự quyến rũ ở cô gái chất phác này. Sự đơn giản là một yếu tố thu hút; nhưng anh không biết nó thật sự mạnh mẽ như thế nào cho đến khi anh tới đây. Thế nhưng anh chưa hề nhìn thấy rõ chặng đường tương lai của mình, và có lẽ phải mất một hoặc hai năm trước khi anh có thể cho rằng mình đã bắt đầu một

cuộc sống tốt đẹp. Bí mật nằm ở sự khinh suất gắn liền với sự nghiệp và tính cách của anh cùng cảm giác rằng anh buộc phải bỏ lỡ định mệnh thật sự của mình do những thành kiến của gia đình.

“Anh không nghĩ là sẽ tốt hơn cho chúng ta nếu chờ cho tới khi anh hoàn toàn ổn định trong trang trại ở miền trung du của mình hay sao?” có lần nàng nhò nhẹ hỏi anh. (Một trang trại trung du là ý tưởng ngay lúc đó).

“Tess à, nói thật lòng tôi không thích để cho em ở cách xa sự bảo vệ và đồng cảm của tôi.”

Lý lẽ này rất thuyết phục. Anh có tầm ảnh hưởng quan trọng đối với nàng đến độ nàng đã bắt chước theo cung cách và thói quen của anh, lời lẽ và những cụm từ của anh, những thị hiếu và sở thích của anh. Nếu anh bỏ nàng ở lại, nàng sẽ quay về với những thói quen cũ và mối liên kết giữa họ sẽ bị phá vỡ. Anh muốn nàng nằm dưới sự bảo bọc của mình còn vì một nguyên do khác. Theo lẽ tự nhiên, cha mẹ anh mong muốn gặp nàng ít nhất một lần trước khi anh đưa nàng tới một nơi định cư xa xôi, ở nước Anh hay thuộc địa; và vì anh không muốn thay đổi dự định của mình theo ý của họ, anh cho rằng việc nàng sống với anh vài tháng trong lúc tìm kiếm một cơ hội thuận lợi sẽ là một sự hỗ trợ tinh thần cho điều mà nàng có thể cảm thấy là một thử thách - giới thiệu nàng với cha mẹ anh.

Kế đến, anh muốn xem xét hoạt động của một nhà máy xay bột, nghĩ rằng anh có thể kết hợp nó với việc trống trọt lúa mì. Ông chủ một cối xay nước cũ ở Wellbridge, trước kia thuộc về một tu viện, đã đề nghị anh tới xem qua truyền thống lâu đời của nhà máy, và tham gia vào hoạt động của nó vài hôm, vào bất cứ lúc nào anh chọn. Một hôm, Clare

đã tới nơi đó, cách chỗ anh vài dặm, để sắp xếp các chi tiết, và quay trở về Talbothays vào chiều tối. Tess nhận thấy anh đã quyết định bỏ ra một thời gian ngắn ở nhà máy xay Wellbridge. Điều gì đưa anh tới quyết định đó? Việc muốn tìm hiểu hoạt động xay xát tại đó xuất phát từ một thực tế tinh cù, rằng nó từng là nơi cư ngụ của một nhánh gia tộc d'Urberville. Cách thức giải quyết những vấn đề thiết thực của Clare luôn là thế; do một cảm xúc không liên quan gì tới chúng cả. Họ quyết định đi ngay sau hôn lễ, ở lại đó nửa tháng, thay vì lang thang tới những thị trấn và lữ quán trong tuần trăng mật.

“Sau đó chúng ta sẽ lên đường để tham quan vài nông trại ở mé kia Luân Đôn mà tôi đã nghe nói tới” anh nói, “Và vào tháng Ba hoặc tháng Tư chúng ta sẽ về thăm cha mẹ tôi.”

Những vấn đề như thế thường xuyên này sinh và trôi qua, rồi cái ngày không thể tin được đó, ngày mà nàng trở thành vợ của Clare, đã lù lù hiện ra trước mắt. Ngày ba mươi mốt tháng Mười hai, ngày giao thừa, là ngày hôn lễ. Là vợ của anh ấy, nàng tự nhủ; nó sẽ tới thật hay sao? Hai người bạn họ sống bên nhau, không có gì chia cách, cùng chia sẻ cho nhau mọi thứ; vì sao không chứ? Thế nhưng nó có thể là sự thật hay chăng?

Một sáng Chủ nhật, Izz Huett từ nhà thờ trở về, và nói riêng với Tess.

“Hồi sáng này chị không được nhà thờ rao hôn phối hả?”

“Sao chứ?”

“Lẽ ra hôm nay là ngày rao hôn phối đầu tiên” Izz trả lời, lặng lẽ nhìn Tess. “Chị định cưới vào ngày giao thừa phải không?”

Tess gật đầu.

“Phải có ba lần rao. Và giờ chỉ còn có hai ngày Chủ nhật.”

Tess cảm thấy đôi má mình đang tái đi. Izz nói đúng; dĩ nhiên phải có ba lần. Có lẽ Clare đã quên! Nếu thế, hôn lễ phải bị hoãn lại một tuần, và đó là điểm rủi. Làm sao nàng có thể nhắc Clare? Nàng, kẻ luôn rất ngần ngại, đột nhiên cháy bùng với sự sốt ruột và cảnh giác, sợ rằng nàng có thể đánh mất những gì đã giành được.

Một sự cố tự nhiên xoa dịu nỗi lo của nàng. Izz nhắc tới việc bỏ sót lễ rao hôn với bà Crick, và bà lấy tư cách của một phụ nữ lớn tuổi để nói với Angel về việc đó.

“Ông đã quên việc đó sao, ông Clare? Ý tôi là những lễ rao hôn phối.”

“Không, tôi không quên.”

Ngay khi gặp Tess một mình, anh trấn an nàng.

“Đừng để họ trêu ghẹo em về những lễ rao hôn phối. Một tờ giấy phép sẽ lặng lẽ hơn đối với chúng ta, và tôi đã quyết định xin giấy phép mà không hỏi ý của em. Vì thế nếu em tới nhà thờ vào sáng Chủ nhật em sẽ không nghe nhắc tới tên mình, nếu em muốn nghe.”

“Em không muốn nghe nó, anh yêu” nàng đáp với vẻ tự hào.

Dù sao đi nữa, khi biết mọi sự vẫn êm xuôi, Tess cảm thấy cực kỳ nhẹ nhõm. Nàng đã sợ rằng sẽ có ai đó đứng lên và cản trở việc rao hôn phối do tiểu sử của nàng. Số phận đã ủng hộ nàng!

“Mình không yên lòng chút nào” nàng tự nhủ. “Mình đã gặp may, nhưng có thể sau này mình sẽ phải trả giá. Đó thường là cách thức hành động của Trời cao. Mình ước gì mình được rao hôn phối như bình thường!”

Nhưng mọi thứ trôi qua êm đẽ. Nàng tự hỏi Clare có muốn nàng làm lễ với chiếc váy dài trắng đẹp nhất nàng đang có hay chẳng, hay nàng nên mua một cái mới. Vấn đề được giải quyết với dự tính trước của anh, và một số gói lớn đã được gửi tới cho nàng. Bên trong là trọn bộ y phục, từ mũ tới giày, và một chiếc váy buổi sáng hoàn hảo, rất phù hợp với lễ cưới đơn giản mà họ dự định. Giây lát sau khi mấy gói hàng tới nơi, Clare bước vào nhà, và nghe thấy tiếng chân nàng bước lên gác để mở chúng ra.

Một phút sau nàng quay xuống, mặt ửng hồng và mắt rưng rưng.

“Anh thật là chu đáo!” nàng lẩm bẩm, áp má vào vai anh. “Thậm chí có cả găng tay và khăn tay nữa! Tình yêu của em, anh thật tốt với em!”

“Không có gì đâu Tess; chỉ một đơn đặt hàng gửi cho một nữ thương gia ở Luân Đôn, thế thôi mà.”

Và để lái nàng khỏi suy nghĩ quá cao về mình, anh bảo nàng đi lên gác mặc thử đồ, để xem tất cả có vừa vặn hay không; nếu không thì sẽ nhờ người thợ may trong thôn sửa lại.

Nàng quay trở lên gác, khoác lên người tấm áo choàng. Nàng đứng một mình giây lát trước tấm gương, nhìn chiếc áo xinh xắn; và khi đó vang lên trong tai nàng những câu ca của bản ballad về chiếc áo choàng huyền bí⁽¹⁾ mà bà Durbeyfield thường hát ru nàng khi nàng còn bé, một cách hóm hỉnh và vô tình, với một bàn chân đặt trên nôi và đưa đẩy nó theo lời bài hát:

1. Một bản ballad truyền thống kể về một chiếc áo choàng được dâng lên cho Vua Arthur. Chiếc áo này sẽ đổi màu nếu được khoác lên mình một phụ nữ không chung thủy. Sự kiện này đã xảy ra với Hoàng hậu Guinevere, vợ của Vua Arthur, vì nàng đã ngoại tình với Hiệp sĩ Lancelot.

*Kẻ đã từng phạm phải lỗi lầm
Sẽ không bao giờ trở thành người vợ.*

Nếu cái áo choàng này sẽ phản bội nàng bằng cách đổi màu như cái áo choàng của Hoàng hậu Guinevere thì sao nhỉ? Từ khi đến sống ở trại bò sữa tới giờ, nàng chưa từng nghĩ tới những lời ca này lần nào nữa.

Chương 33

Clare muốn trải qua một ngày với nàng ở đâu đó cách xa trại bò sữa, một chuyến dạo chơi lần cuối với tư cách một cặp tình nhân; một ngày lãng mạn, trong những hoàn cảnh sẽ không bao giờ lặp lại, vì cái ngày trọng đại đó đã sát gần bên. Do đó, trong tuần trước hôn lễ, anh đã nghị nàng cùng đi mua sắm vài thứ ở thị trấn gần nhất.

Ở trại bò sữa, Clare đã sống một cuộc đời ẩn dật, không tiếp xúc với những người cùng giai tầng với anh. Trong suốt nhiều tháng, anh chưa từng tới gần một thị trấn, và do không có phương tiện di chuyển nào, anh thường thuê một con ngựa hoặc một cỗ xe ngựa của ông chủ trại nếu cần đi xa. Hôm đó, họ khởi hành trên một cỗ xe.

Đây là lần đầu tiên trong đời họ cùng đi mua sắm cho cả hai. Hôm đó là ngày trước lễ Giáng sinh, khắp nơi trang hoàng những nhánh nhựa ruồi và tẩm gửi, thị trấn đông nghẹt những người lạ, đến từ khắp nơi trong vùng. Cùng sánh bước bên Clare tay trong tay, Tess ngất ngây trong niềm hạnh phúc, và trông nàng càng thêm xinh đẹp, khiến nhiều người phải quay lại ngắm nhìn.

Khi chiều xuống, họ tìm tới một lữ quán để nghỉ tạm qua đêm. Tess chờ ở cửa trong lúc Angel đi kiểm tra con ngựa và

cỗ xe. Phòng chờ đầy nghẹt khách trọ và họ liên tục ra vào. Khi cánh cửa mở ra và đóng lại mỗi lần có người đi qua, ánh sáng trong phòng hắt lên gương mặt Tess. Hai người đàn ông đi ra và bước ngang qua nàng. Một trong số họ nhìn nàng từ trên xuống dưới với vẻ ngạc nhiên, và nàng nghĩ rằng ông ta là một người ở Trantrigde, dù ngôi làng này nằm cách xa nhiều dặm đến nỗi dân cư ở đó hiếm khi tới đây.

“Một cô gái xinh đẹp” người kia nói.

“Phải, khá xinh đẹp. Nhưng trừ phi tôi nhầm lẫn...” và ông ta thể hiện sự ngờ vực về việc nàng có còn là con gái hay không.

Vừa mới quay lại từ chỗ chuồng ngựa, Clare chạm trán ông ta ở ngưỡng cửa, nghe thấy những lời nhận xét đó và nhìn thấy Tess đang co rúm lại. Anh tức giận lên với sự sỉ nhục đó, và trước khi kịp suy nghĩ anh dốc hết sức đấm vào cằm người đàn ông đó, khiến ông ta loạng choạng lùi về phía sau.

Khi lấy lại thăng bằng, ông ta lao tới, và Clare, khi đó đã bước tới cửa, đứng chắn trước mặt Tess để bảo vệ nàng. Nhưng đối thủ của anh suy nghĩ lại. Ông ta nhìn Tess khi bước ngang qua và nói với Clare:

“Tôi xin lỗi, thưa ông; tôi đã nhìn nhầm. Tôi tưởng cô ấy là một người khác, cách đây bốn mươi dặm.”

Cảm thấy mình đã quá hấp tấp, hơn nữa cũng có lỗi vì đã để cho nàng đứng trong một hành lang lữ quán, Clare đưa cho người đàn ông đó năm si-ling để đền bù cho cú đấm; và họ chúc nhau một đêm an bình rồi chia tay nhau. Khi Clare nhận lại cỗ xe từ người chăm sóc chuồng ngựa và đôi tình nhân trẻ đánh xe đi, hai người đàn ông kia cũng đi theo hướng khác.

“Vậy ra anh đã nhầm thật à?” người thứ hai hỏi.

“Không nhầm chút nào. Nhưng tôi không muốn làm tổn thương cảm giác của quý ông đó.”

Trong lúc đó, đôi tình nhân tiếp tục tiến về phía trước.

“Chúng ta có thể dời lề cưới muộn hơn một chút không anh?” Tess hỏi với giọng khô khan buồn bã. “Ý em là nếu chúng ta muộn?”

“Không, em yêu ạ. Hãy bình tĩnh lại. Phải chăng em muốn nói rằng cái gà đó có thể có thời gian để trả đũa tôi?” anh vui vẻ hỏi.

“Không, em chỉ muốn nói có nên hoãn nó lại không.”

Ý của nàng không rõ lắm, anh bảo nàng nên xóa bỏ những ý tưởng như thế khỏi tâm trí, và nàng cố gắng nghe theo lời của anh. Nhưng nàng buồn bã, rất buồn, trên suốt quãng đường về; cho tới khi nàng nghĩ, “Chúng mình sẽ đi xa, một khoảng cách rất dài, cách vùng này hàng trăm dặm, rồi chuyện như thế sẽ không bao giờ có thể xảy ra một lần nữa, và không có bóng ma quá khứ nào đi tới đó.”

Đêm đó họ nhẹ nhàng chia tay trên cầu thang, và Clare trèo lên căn gác mái. Tess ngồi sửa soạn một số món cần thiết vì e sẽ không đủ thời gian trong vài ngày còn lại. Trong lúc đang ngồi, nàng nghe thấy tiếng động trong căn phòng của Clare ở bên trên, một âm thanh va chạm thịnh thích. Mọi người khác trong nhà đã ngủ sâu, do lo rằng có thể Clare bị bệnh, nàng chạy lên và gõ cửa, hỏi anh có chuyện gì.

“Ô, không có gì đâu em yêu” anh đáp từ trong phòng. “Xin lỗi đã làm phiền em! Nhưng lý do khá buồn cười, tôi ngủ thiếp đi và mơ thấy tôi đang đánh nhau với cái gà đã sỉ nhục em, tiếng động mà em nghe thấy là tiếng tôi đấm vào

cái va li đựng quần áo mà tôi đã kéo ra để xếp đồ đạc vào đó. Thỉnh thoảng tôi hay có những giấc mơ kỳ cục như vậy. Hãy về phòng ngủ và đừng nghĩ tới chuyện đó nữa nhé.”

Đây là giọt nước cuối cùng làm tràn cái cốc thiếu quâ quyết của nàng. Nàng không thể trực tiếp nói với anh về quá khứ; nhưng còn có một cách khác. Nàng ngồi viết một lá thư dài bốn trang lược thuật những sự cố của bốn năm trước, bỏ nó vào một phong bì, ghi người nhận là Clare. Sau đó, sợ là mình sẽ không còn đủ quyết tâm nếu cứ dùng dằng, nàng đi chân trần lên gác và luôn lá thư bên dưới cửa phòng anh.

Đêm đó nàng trằn trọc không yên, nằm lắng nghe tiếng động mơ hồ đầu tiên trên đầu. Nó tới, như thường lệ; Clare đi xuống, như thường lệ. Nàng cũng đi xuống. Anh gặp nàng ở chân cầu thang và hôn nàng. Chắc chắn là nó vẫn nồng nhiệt như từ trước tới giờ!

Trong anh hơi bồn chồn và mệt mỏi, nàng nghĩ. Nhưng anh không nói lời nào về tiết lộ của nàng, ngay cả khi chỉ có mình họ. Anh có đọc nó hay chưa? Nhưng trừ phi anh mờ lời về chuyện đó, nàng cảm thấy nàng không thể nói gì hết. Ngày hôm đó trôi qua, và rõ ràng rằng bất kể anh nghĩ thế nào anh chỉ giữ nó cho riêng mình. Thế nhưng anh vẫn thảng thắn và trìu mến như trước. Có lẽ nào những nghi ngại của nàng là quá trẻ con? Và anh đã tha thứ cho nàng, vẫn yêu nàng vì con người của nàng, chính con người của nàng, và mim cười trước sự băn khoăn của nàng, như trước một cơn ác mộng ngốc nghếch? Anh đã thật sự nhận lá thư của nàng chưa? Nàng nhìn vào phòng của anh và không thấy lá thư đâu cả. Có lẽ anh đã tha thứ cho nàng. Nhưng ngay cả khi anh chưa nhận được nó, nàng có một niềm tin nồng nhiệt bất ngờ rằng chắc chắn anh sẽ tha thứ cho nàng.

Mỗi buổi sáng và buổi tối anh vẫn như trước đó, và ngày giao thừa đến - ngày hôn lễ.

Họ không dậy vào giờ vắt sữa, trong suốt tuần cuối cùng họ ở trại bò sữa với địa vị hai người khách, và Tess được dành riêng cho một phòng. Khi xuống nhà để ăn sáng, họ ngạc nhiên khi thấy gian nhà bếp lớn đã được chuẩn bị chu đáo ra sao từ lần cuối họ nhìn thấy nó. Vào thời khắc nào đó của buổi sáng, ông chủ trại đã sơn trắng cái góc ống khói, sơn đỏ cái lò sưởi gạch, và một tấm màn vài hoa sặc sỡ treo ngang khung cửa tờ vò thay cho tấm màn xanh dương cũ đầy bụi với những hoa văn hình nhánh cây màu đen trước đó. Sự trang hoàng này khiến một phần của căn phòng nơi mọi người tập trung vào buổi sáng mùa đông lạnh giá trở nên tươi vui rạng rỡ.

“Tôi đã quyết định làm một điều gì đó để vinh danh ngày này” ông chủ trại nói. “Và vì các bạn không muốn nghe một điều nhạc khiêu vũ với tiếng đàn sáo vang lừng, như hồi thời của chúng tôi, đây là tất cả những gì không có tiếng ồn mà tôi có thể nghĩ ra.”

Bạn bè của Tess sống quá xa nên không ai có thể tới dự lễ, dù có được mời đi nữa; và thực tế là không ai ở Marlott được mời. Còn về phần gia đình của Angel, anh đã viết thư báo cho họ biết ngày giờ, và bảo đảm với họ rằng anh sẽ rất vui mừng nếu có ít nhất một người tới dự. Hai người anh không hề hối âm, dường như tức giận anh; còn cha mẹ anh thì viết một lá thư khá buồn, phàn nàn về việc anh quá hấp tấp đối với hôn sự, nhưng cố giảm nhẹ hết mức vấn đề, dù một cô thợ vắt sữa là cô con dâu mà họ ít mong đợi nhất, con trai của họ đã tới lứa tuổi được cho là có khả năng xem đoán tốt nhất.

Clare không mấy buồn phiền vì sự lạnh nhạt của những người thân, vì anh nắm trong tay lá bài chủ mà anh nghĩ

không bao lâu nữa sẽ khiến cho họ ngạc nhiên. Anh cảm thấy việc giới thiệu Tess, vừa mới bước chân khỏi trại bò sữa, với tư cách một cô gái thuộc dòng họ d'Urberville và một tiểu thư, là một điều khá táo bạo, liều lĩnh; do đó anh phải che giấu thân phận của nàng; khi nàng đã quen thuộc những cung cách xã hội sau vài tháng du lịch và đọc sách với anh, anh có thể đưa nàng về thăm cha mẹ rồi công bố thông tin đó, đồng thời giới thiệu nàng với tư cách xứng đáng của một dòng tộc lâu đời. Đó là một giấc mơ đẹp của những kẻ đang yêu, nếu không là gì khác. Có lẽ dòng dõi của Tess có giá trị với chính anh hơn với bất kỳ người nào khác trên đời.

Khi nhận thấy thái độ của Angel đối với mình vẫn không thay đổi, nàng ngờ rằng có thể anh chưa nhận được lá thư. Nàng đứng lên rời khỏi bàn ăn sáng trước khi anh xong bữa, và vội vã lên thang gác. Nàng nghĩ phải xem xét căn phòng kỳ lạ giống như một cái tổ chim của anh một lần nữa. Nàng đứng trước cánh cửa mở, nhìn quanh quẩn, rồi quỳ xuống ngưỡng cửa, nơi nàng đã đặt lá thư vài hôm trước, vô cùng hối hận. Tấm thảm nằm sát với ngưỡng cửa, và bên dưới mép của nó nàng nhìn thấy cái rìa trắng của phong bì chứa đựng lá thư gửi cho anh. Rõ ràng là anh chưa bao giờ nhìn thấy nó, vì trong lúc vội vàng nàng đã nhét nó vào bên dưới tấm thảm nằm sát cửa.

Nàng cầm lá thư lên, cảm thấy muốn ngất đi. Nó ở đó - vẫn còn phong kín, như khi rời khỏi tay nàng. Ngọn núi vẫn chưa được dời đi. Giờ thì nàng không thể để cho anh đọc nó, vì cả nhà đang hối hả chuẩn bị các thứ. Nàng trèo xuống thang, trở về phòng mình và đốt lá thư.

Khi Clare gấp lại nàng, nàng xanh xao đến nỗi anh vô cùng lo lắng. Việc đốt nhầm chỗ lá thư có vẻ như là một sự trì hoãn lời thú nhận, nhưng trong thâm tâm nàng biết

không nhặt thiết là như thế, vẫn còn thời gian. Thế nhưng mọi người đang lăng xăng bận rộn, mọi thứ nhanh chóng diễn ra, tất cả những thứ trang phục phải khoác lên người, và Clare đang đế nghị ông bà Crick cùng đi với tư cách nhân chứng. Đây không phải là lúc để suy nghĩ hay giải thích, giây phút duy nhất nàng có thể ở một mình với Clare là lúc họ gặp nhau ở đầu cầu thang.

“Em rất nôn nóng muốn nói với anh... em muốn thú nhận mọi lỗi lầm của mình!” nàng cố nói một cách nhẹ nhàng.

“Không, không. Chúng ta không thể có lỗi gì để nói cả. Ít nhất hôm nay ai cũng cho rằng em rất tuyệt, em yêu dấu của tôi!” anh kêu lên. “Tôi hy vọng sau này chúng ta sẽ có nhiều thời gian để nói tới những sai lầm của mình. Tôi cũng sẽ thú nhận những sai lầm của tôi.”

“Nhưng em nghĩ sẽ tốt hơn cho em nếu nói nó ngay lúc này, thế nên anh đừng...”

“Em yêu, em sẽ nói với tôi bất cứ điều gì, ngay khi chúng ta đã ổn định nơi ăn ở, không phải lúc này. Khi đó tôi cũng sẽ nói với em những lỗi lầm của tôi. Nhưng chúng ta đừng làm hỏng ngày hôm nay vì chúng. Đó sẽ một đê tài trao đổi quan trọng khi chúng ta không có việc gì để làm.”

“Vậy anh không muốn em nói phải không, anh yêu?”

“Tôi không muốn Tessy, thật đấy.”

Vì phải vội thay đồ và xuất phát, họ không còn thời gian để nói thêm gì khác. Có vẻ như những lời của Clare đã giúp nàng an tâm hơn và không muốn suy nghĩ nữa. Nàng bị cuốn đi suốt hai giờ trọng đại sau đó bởi đợt triều mạnh mẽ của tình yêu dâng hiến dành cho Clare, và nó chặn đứng mọi suy tư. Mọi lo sợ và linh tính về sự rủi ro cuối cùng đã bị dập tắt

bởi niềm khao khát từ lâu bị kìm nén - trở thành vợ của anh, gọi anh là chồng, là người yêu dấu của riêng mình, và, nếu cần, chết vì anh. Trong bộ váy áo ngày cưới, nàng di chuyển như một vầng mây lóng lánh sắc màu, xóa nhòa mọi suy nghĩ không hay bởi ánh sáng huy hoàng của nó.

Nhà thờ cách hơi xa, lại đang là mùa đông nữa, nên họ buộc phải ngồi xe. Họ thuê một cỗ xe của một lữ quán ven đường, cỗ xe bốn bánh thuộc loại cổ xưa. Nó có những cái bánh xe kẽm càng với những bánh to nặng, khung xe cong vút, những dây cương và nhíp xe cũng to kẽm, và cái gọng xe trông như một phiến gỗ nặng để công phá cổng thành. Xà ích là một "chàng trai" sáu mươi tuổi khà kính - một bệnh nhân thấp khớp kinh niên, kết quả của sự dầm mưa dài nắng thời còn trẻ cộng với chứng ghiền rượu nặng. Ông ta đã đứng chờ không ở cửa quán suốt hai mươi lăm năm, như thể đang mong đợi những ngày xa xưa quay lại thêm lần nữa, vì không còn được yêu cầu với tư cách một xà ích chuyên nghiệp. Ông ta có một vết thương vĩnh viễn không lành trên mé ngoài chân trái do liên tục cọ sát vào cái gọng xe cũ kỹ suốt nhiều năm phục vụ thường xuyên ở lữ quán King's Arms, Casterbridge.

Bốn vị hành khách - vợ chồng ông chủ trại Crick, cô dâu và chú rể - ngồi bên trong cái cấu trúc cổng kẽm kêu cọt kẹt này, sau lưng người xà ích già. Angel rất mong có ít nhất một ông anh hiện diện với tư cách phù rể, nhưng sự im lặng của họ sau lá thư ẩn chứa hàm ý nhẹ nhàng của anh về việc đó chứng tỏ rằng họ không hề muốn tới. Họ phản đối cuộc hôn nhân này, và không thể mong đợi sự ủng hộ của họ. Có lẽ họ cũng sẽ không thèm tới. Họ không phải là hai thanh niên thế tục, sự kết thân với những người thợ vát sưa hẳn sẽ làm tổn thương định kiến về thế diện của họ, chưa kể tới quan điểm của họ về sự tương xứng.

Phấn khích vì thời điểm trọng đại sắp tới gần, Tess không hề biết gì về điều này, cũng không nhìn thấy bất cứ thứ gì, ngay cả con đường họ đang đi qua để tới nhà thờ. Nàng chỉ biết Angel đang ngồi bên cạnh mình, tất cả những gì còn lại chỉ là một màn sương mù sáng chói. Nàng là dạng phụ nữ thoát tục, con người của thi ca - một trong những nữ thần cổ điển mà Clare thường nhắc tới với nàng khi họ cùng nhau đi dạo.

Vì là một cuộc hôn nhân theo giấy phép, chỉ có khoảng hơn chục người trong nhà thờ; giá như có một ngàn người, hẳn họ cũng chẳng tạo được chút ấn tượng nào đối với nàng. Họ ở cách xa thế giới hiện tại của nàng như những vì sao. So với sự nghiêm trang pha lẫn ngây ngất của nàng khi nàng thể chung thủy với chồng mình, những phụ nữ bình thường trông có vẻ như hơi khiếm nhã. Ở một thời điểm trong buổi lễ, trong lúc họ đang quỳ bên nhau, nàng nghiêng sang Clare một cách vô thức, chạm vai vào cánh tay của anh; nàng đã sợ hãi với một ý nghĩ thoáng qua, và cử chỉ đó là tự động, để tự trấn an rằng anh thật sự ở đó, và để củng cố niềm tin của nàng rằng sự tin cậy của anh sẽ là chứng cứ chống lại mọi thứ.

Clare biết nàng rất yêu anh - toàn bộ con người nàng toát ra hơi thở của tình yêu - nhưng vào lúc đó anh không biết chiều sâu trọn vẹn sự dâng hiến của nàng, sự thủy chung như nhất, sự trung thực, nhẫn耐, niềm tin bất biến của nó, cũng như nỗi đau khổ kéo dài mà nàng phải gánh chịu.

Họ bước ra khỏi nhà thờ trong tiếng chuông ngân vang, và chúng chỉ vang lên ba nốt nhạc khiêm tốn. Những người xây dựng nhà thờ cho rằng số lượng nốt nhạc hạn chế đó đã đủ để thể hiện niềm vui trong một xứ đạo bé nhỏ như thế. Khi sánh bước bên chồng trên con đường mòn ngang qua

gác chuông để ra cổng, nàng có thể cảm thấy những vòng sóng âm thanh xuất phát từ lớp ván dội của gác chuông trong bầu không khí rung động xung quanh họ, và nó thật hài hòa với bầu không khí tinh thần căng thẳng mà trong đó nàng đang sống.

Tâm trạng hạnh phúc ngất ngây vốn khiến nàng cảm thấy như thể đang tôn vinh bởi một thứ ánh sáng không phải của chính mình, như vị thiên sứ mà Thánh John đã nhìn thấy trong mặt trời, kéo dài tới khi âm thanh cuối cùng của những tiếng chuông lịm tắt, và những cảm xúc trong lễ cưới đã dịu lại. Giờ đôi mắt của nàng có thể nhìn rõ những chi tiết xung quanh hơn: ông bà Crick đang chờ cỗ xe ngựa của chính họ tới đó để rước họ về, để nhường cỗ xe thuê cho đôi vợ chồng trẻ; và tới giờ nàng mới nhận ra những đặc điểm của nó. Nàng ngồi im lặng và nhìn nó một hồi lâu.

“Tess à, hình như em có vẻ buồn bã” Clare lên tiếng.

“Phải” nàng đáp, đặt tay lên trán. “Em run rẩy trước nhiều thứ. Tất cả đều rất nghiêm túc, Angel ạ. Trong số những thứ khác, dường như lúc trước em đã từng nhìn thấy cỗ xe này, rất quen thuộc với nó. Thật lạ lùng, hẳn là em đã nhìn thấy nó trong một giấc mơ.”

“À, chắc em đã nghe truyền thuyết về cỗ xe ngựa của dòng họ d’Urberville - câu chuyện mê tín của hạt này về gia tộc của em khi họ còn rất đông đúc ở đây, và cỗ xe cũ ì ạch này nhắc em nhớ tới nó.”

“Em chưa bao giờ nghe câu chuyện đó” nàng đáp. “Nó như thế nào, anh kể cho em nghe đi.”

“Được, tôi sẽ không kể cặn kẽ ngay lúc này. Một người họ d’Urberville cụ thể hồi thế kỷ mười sáu hoặc mười bảy đã thực hiện một tội ác đáng sợ trong cỗ xe ngựa của gia đình

ông ta và kể từ đó các thành viên của gia tộc này nhìn thấy hoặc nghe thấy tiếng lăn bánh của cỗ xe cũ bất cứ khi nào... Nhưng tôi sẽ kể cho em nghe vào một ngày khác. Nó khá ám đạm. Rõ ràng một ký ức mơ hồ nào đó đã quay lại trong tâm trí của em khi nhìn thấy cỗ xe đáng kính này."

"Em không nhớ đã nghe về nó trước đây" nàng lẩm bẩm. "Angel, có phải những thành viên trong gia tộc của em nhìn thấy nó khi sắp chết phải không, hay là khi bọn em phạm một tội ác?"

"Thôi mà, Tess!"

Anh làm cho nàng im lặng bằng một nụ hôn.

Khi họ về tới nhà, nàng hoàn toàn mất hết tinh thần và bị dằn vặt bởi sự ăn năn. Quả thật nàng là bà Angel Clare, nhưng về mặt đạo đức nàng có bất kỳ quyền nào đối với cái họ này không? Người ta có nên gọi nàng là bà Alexander d'Urberville hay không? Tình yêu vô hạn có phán xét cái mà những con người thẳng thắn xem là sự im lặng tội lỗi hay không? Nàng không biết người ta mong đợi gì ở người phụ nữ trong những trường hợp đó; và nàng không có ai để hỏi ý kiến.

Tuy nhiên, khi nhận thấy nàng đang ở một mình trong phòng trong vài phút - đây là ngày cuối cùng nàng có dịp bước vào đó - nàng quỳ xuống và cầu nguyện. Nàng cố cầu nguyện Chúa Trời, nhưng chồng nàng mới thật sự là người mà nàng phải thỉnh cầu. Sự sùng bái Clare như thần tượng khiến nàng sợ rằng đó sẽ là một điểm gờ. Nàng nhớ tới lời nhận xét của tu sĩ Laurence: "Những đam mê mãnh liệt này có những kết thúc tàn khốc."⁽¹⁾ Có lẽ nó quá kinh khủng đối

1. Lời cảnh báo của tu sĩ Laurence với Romeo trước lúc làm lễ cưới cho chàng và Juliet, trích trong Hồi 2, Cảnh 5 vở kịch *Romeo và Juliet* của Shakespeare.

với điều kiện của con người - quá dữ dội, quá điên cuồng, quá chết chóc.

“Ôi, tình yêu của em, sao em yêu chàng như thế!” nàng thì thầm một mình; “Bởi kè mà anh yêu không phải là chính em, mà chỉ là một kè trong hình ảnh của em, kè mà lẽ ra em có thể là!”

Buổi chiều đến, sau đó là thời khắc phải lên đường. Họ đã quyết định hoàn thành kế hoạch tới ở trong ngôi nhà nông trại cũ gần Cối xay Wellbridge, nơi anh dự định ở lại để nghiên cứu quá trình xay bột. Lúc hai giờ họ không còn việc gì để làm ngoài việc khởi hành. Mọi thợ thuyền trong trại đang đứng ở cánh cổng gạch đỏ để tiễn họ, vợ chồng ông chủ trại đi theo họ tới cửa. Tess nhìn thấy ba người bạn cùng phòng đứng thành hàng dựa vào tường, cúi đầu buồn bã. Nàng đã tự hỏi họ có xuất hiện vào giây phút chia tay hay chăng; nhưng họ đang ở đó, không than vãn và trung thành cho tới phút cuối. Nàng biết vì sao trông Retty thanh mảnh lại gầy gò đến thế, Izzu buồn đến thế, Marian thẫn thờ đến thế; và trong khoảnh khắc nàng quên đi cái bóng đèn đang lấp ló của chính mình khi đăm chiêu nhìn họ. Nàng nói khẽ với Clare:

“Anh có muốn hôn tất cả bọn họ, những cô gái tội nghiệp đó, lần đầu và lần cuối hay không?”

Clare không phản đối việc mà anh xem là một nghi thức chia tay đơn thuần, và khi đi ngang qua họ, anh lần lượt hôn và nói lời tạm biệt với từng người. Khi họ ra tới cửa, theo bản năng phụ nữ, Tess ngoái nhìn lại để xem tác động của cái hôn thương hại đó; không có sự thắng lợi trong ánh mắt của nàng như nó có thể xảy ra. Nếu có đi nữa, nó cũng biến mất khi nàng thấy tất cả ba cô gái đang xúc động như thế nào. Rõ ràng cái hôn đó có hại vì nó đánh thức những cảm giác mà họ đang cố kiềm chế.

Clare không hề biết tất cả những chuyện đó. Khi đi ngang qua cánh cổng phụ anh bắt tay với vợ chồng ông chủ trại, và nói lời cảm ơn vì sự quan tâm của họ; sau đó là một khoảnh khắc im lặng trước khi họ lên đường. Nó bị phá vỡ bởi tiếng gáy của một con gà trống. Con gà trống trắng mào đỏ đà nhảy lên đậu trên dây cọc rào phía ngoài nhà, cách họ vài thước, và tiếng gáy của nó đâm xuyên qua tai họ, nhòe dần như tiếng vọng trong một thung lũng.

“Chà, một tiếng gáy buổi chiều!” bà Crick nói.

Hai người đàn ông đang đứng cạnh cổng chính mở rộng nó ra.

“Đó là điểm xấu” một người thì thầm với người kia, không nghĩ rằng nhóm người đứng ở cánh cổng phụ có thể nghe thấy những lời đó.

Con gà trống lại cất tiếng gáy, hướng thẳng về phía Clare.

“Chà!” ông chủ trại nói.

“Em không thích nghe tiếng gáy!” nàng nói với chồng. “Hãy bảo người xà ích xuất phát. Tạm biệt, tạm biệt!”

Con gà trống lại gáy.

“Xùy! Hãy cút đi, gà tổ, không thì tao vặt cổ mày!” ông chủ trại nói với vẻ bức mình, quay sang con gà và xua nó đi, rồi nói với bà vợ khi họ đi vào nhà:

“Sao chuyện đó lại xảy ra đúng vào hôm nay! Tôi chưa bao giờ nghe nó gáy vào buổi chiều suốt năm vừa rồi.”

“Đó là do thời tiết thay đổi, chứ không như ông nghĩ đâu. Không thể như thế được!” bà Crick đáp.

Chương 34

Họ đi qua con đường băng phẳng dọc thung lũng tới Wellbridge cách đó vài dặm, rồi từ ngôi làng này rẽ sang trái, băng qua chiếc cầu lớn thời Elizabeth đã mang tới cho địa điểm này phân nửa cái tên của nó. Ngay phía sau chiếc cầu là tòa nhà nơi họ đã thuê phòng. Những đặc điểm bên ngoài của nó rất quen thuộc với tất cả những du khách đi ngang qua thung lũng Froom; trước kia nó là một phần của một dinh thự xinh đẹp thuộc một người họ d'Urberville, sau đó bị phá bỏ một phần và trở thành một nông trại.

“Chào mừng tới một trong những dinh thự của tổ tiên em!” Clare nói, đỡ nàng xuống xe. Nhưng anh sớm hối hận vì đã nói đùa như thế; nó gần như một lời mai mỉa.

Khi bước vào, họ nhận thấy, dù họ chỉ đặt hai phòng, người chủ nông trại đã tận dụng sự có mặt của họ trong những ngày tới để đi thăm vài người bạn nhân dịp Năm Mới, giao việc phục vụ những nhu cầu nho nhỏ của họ cho một phụ nữ ở ngôi nhà tranh gần đó. Toàn bộ ngôi nhà được giao phó cho họ hoàn toàn, và họ rất vui sướng với điều này, như thể họ đang ở dưới mái nhà riêng của chính mình.

Nhưng Clare sớm nhận ra ngôi nhà cũ kỹ làm cho cô vợ của anh trở nên buồn bã. Khi cỗ xe ngựa đã chạy đi, họ lên

cầu thang để rửa tay, người phụ nữ giúp việc dẫn đường cho họ. Ở đầu cầu thang, Tess dừng lại, giật mình.

“Có chuyện gì thế?” anh hỏi.

“Những phụ nữ kinh khủng này!” nàng đáp với một nụ cười. “Họ khiến em sợ chết khiếp.”

Anh nhìn lên, và trông thấy hai bức tranh chân dung vẽ trên ván to bằng người thật, được gắn chặt vào tường. Như mọi du khách tới ngôi nhà này biết, những bức tranh này thể hiện những phụ nữ trung niên, cách nay khoảng hai trăm năm. Một khi đã nhìn thấy nét mặt của họ, người xem tranh không thể nào quên được. Cái cằm nhọn, đôi mắt ti hí và nụ cười nhếch mép, chứng tỏ sự tàn nhẫn và giả trá của một người; cái mũi khoằm, hàm răng to và đôi mắt trơ tráo chứng tỏ sự ngạo mạn đến độ tàn bạo của người kia; chúng ám ảnh kẻ nhìn thấy ngay trong những giấc mơ của họ.

“Đó là chân dung của ai vậy?” Clare hỏi người phụ nữ giúp việc.

“Mấy cụ già nói với tôi rằng họ là các phu nhân của gia tộc d’Urberville, những ông chủ xa xưa của tòa nhà này” bà ta đáp, “Do được gắn vào tường, người ta không thể dời họ đi được.”

Sự khó chịu của tình huống này là ngoài tác động của hai bức tranh đối với Tess, có thể thấy sự giống nhau rõ rệt giữa những đường nét xinh đẹp của nàng và những đường nét cường điệu của chúng. Tuy nhiên, Clare không nói gì về chuyện này, chỉ thầm tiếc rằng anh đã lầm chọn ngôi nhà này cho tuân trăng mặt của mình. Họ tiếp tục đi vào căn phòng bên cạnh. Nó được chuẩn bị cho họ một cách vội vã, sau đó họ rửa tay trong một cái chậu. Clare chạm vào bàn tay nàng bên dưới mặt nước.

“Những ngón nào là của tôi và những ngón nào là của em?” anh hỏi, ngẩng lên. “Chúng lẩn lộn cả vào nhau.”

“Tất cả đều là của anh” nàng dịu dàng đáp, và cố tỏ ra vui vẻ. Anh không hề phật ý trước sự đăm chiêu của nàng vào một dịp như thế này; đó là cái mà mọi phụ nữ nhạy cảm sẽ thể hiện, nhưng Tess biết rằng nàng đã quá trầm tư, và cố gắng chống lại tình trạng đó.

Vào buổi chiều cuối ngắn ngủi đó của năm, mặt trời xuống thấp đến độ nó rọi nắng vào phòng qua một khe hờ nhỏ và tạo thành một dải vàng lướt ngang qua váy nàng, tạo ra trên đó một vệt sáng khác màu. Họ đi vào phòng khách cũ kỹ để dùng trà, và tại đây họ cùng ăn bữa ăn chung đầu tiên với nhau. Họ, hoặc đúng hơn là anh, trẻ con đến độ anh cảm thấy rất thích thú khi cùng dùng chung *dĩa* bánh mì và bơ với nàng, rồi phết những vụn bánh trên môi nàng bằng môi của mình. Anh thầm tự hỏi nàng có tận hưởng niềm vui phù phiếm này với sự say mê của chính anh hay không.

Clare lặng lẽ nhìn nàng một lúc lâu, thầm nghĩ, như một người đang quyết định cấu trúc đúng đắn của một đoạn văn khó: “Nàng là Tess rất, rất thân yêu. Mình có thật sự nhận ra một cách nghiêm túc người phụ nữ nhỏ bé này chính là kẻ tạo nên niềm tin và tương lai tốt hoặc xấu của mình hay không? Mình nghĩ là không, mình nghĩ là mình không thể, trừ phi bản thân mình là một phụ nữ. Mình thuộc tầng lớp nào trên cõi đời này thì nàng cũng vậy. Mình trở thành cái gì thì nàng sẽ phải trở thành cái đó. Cái mình không thể là, nàng cũng không thể là. Và mình sẽ không bao giờ bỏ mặc nàng, làm tổn thương nàng, hay thậm chí quên không quan tâm tới nàng. Chúa ngăn cấm một tội ác như thế!”

Họ ngồi ở bàn uống trà chờ mờ hành lý mà ông chủ trại bò sữa đã hứa sẽ chuyển tới trước khi trời tối. Bóng tối bắt

đầu ập xuống, nhưng hành lý vẫn chưa tới, và họ chỉ có mỗi một bộ đồ mặc trên người. Khi mặt trời đã lặn, trạng thái mát mẻ của mùa đông thay đổi. Bên ngoài bắt đầu có những tiếng động như tiếng lụa chà vào nhau sột soạt; những chiếc lá thu đang nằm im bị khuấy động và hồi sinh lần nữa, bay lả tả khắp nơi một cách miên cưỡng, rồi đập vào những cánh cửa chớp. Không lâu sau đó trời đổ mưa.

“Con gà trống đó biết rằng thời tiết sắp thay đổi” Clare nói.

Người phụ nữ giúp việc đã trở về nhà, nhưng bà ta đã đặt một mớ nến trên bàn, và họ thắp nến lên. Mỗi ngọn lửa nến đều bị hút về phía lò sưởi.

“Những ngôi nhà cũ này có rất nhiều gió lùa” Clare nói tiếp, nhìn những ngọn lửa nến và những dòng sáp nóng chảy xuống. “Tôi tự hỏi mớ hành lý đang ở đâu. Chúng ta không có thậm chí một cái bàn chải đánh răng và một cái lược chải tóc.”

“Em không biết” nàng lơ đãng đáp.

“Tess à, tối nay trông em không vui chút nào, không hề giống em trước đó. May bà già hom hem trên ván ở tầng trên đã làm cho em bất an. Tôi rất tiếc đã đưa em tới đây. Tôi tự hỏi nói cho cùng em có thật sự yêu tôi hay không?”

Anh biết rằng nàng có, và những lời này không có chút gì nghiêm trọng; nhưng nàng lại cực kỳ khích động, và nhăn mặt như một con thú bị thương. Dù cố không khóc, nàng không thể ngăn được một hai giọt lệ.

“Tôi không có ý đó!” anh nói, hối hận. “Em đang lo âu vì không có những món đồ của mình, tôi biết. Tôi không thể hiểu vì sao già Jonathan chưa mang chúng tới. Đà bảy giờ rồi phải không? Ô, ông ta đây rồi!”

Một tiếng gõ vang lên ở cánh cửa, và vì không có ai khác để trả lời nó, Clare bước ra. Anh quay vào phòng với một cái gói nhỏ trên tay.

“Rốt cuộc đó không phải là Jonathan” anh nói.

“Thật bức mình!” Tess nói.

Gói hàng do một sứ giả đặc biệt mang tới. Ông ta đã đi từ ngôi nhà cha xứ ở Emminster tới Talbothays ngay sau khi đôi vợ chồng mới cưới khởi hành, và đã theo họ từ lúc đó, làm đúng chi thị là phải giao nó đến tận tay của họ. Clare mang nó tới gắn ánh nến. Nó dài chưa tới một bộ, được gói lại trong lớp vải dày, niêm phong bằng sáp đỏ với con dấu của cha anh, với thủ bút của cha anh gửi tới “Ông Angel Clare.”

“Nó là một món quà cưới nhỏ cho em, Tess à” anh nói, trao nó cho nàng. “Họ thật là chu đáo!”

Tess hơi đỏ mặt khi cầm lấy nó.

“Em nghĩ em thích anh mở nó ra hơn, anh yêu” nàng nói, đưa trả anh gói quà. “Em không thích phá vỡ những dấu niêm phong này; trông chúng quá nghiêm trọng. Hãy mở nó ra giùm em!”

Clare mở gói quà. Bên trong là một cái hộp da dê thuộc, trên hộp có một lá thư ngắn và một cái chìa khóa.

Lá thư gửi cho Clare, nội dung như sau:

Con trai yêu,

Có lẽ con đã quên rằng vào hôm mẹ đỡ đẻ của con, bà Pitney qua đời, khi con vẫn còn là một chú bé, bà - một phụ nữ tốt bụng - để lại cho cha một phần các món châu báu của bà để gửi lại cho vợ con sau này, nếu như con có vợ, như một dấu hiệu của tình yêu bà dành cho

con và bất cứ người nào con sẽ chọn. Cha đã chấp nhận sự ủy thác này, và số kim cương đã được cất giữ ở ngân hàng của cha từ道教 ấy. Dù cha cảm thấy đây là một hành động không mấy thích hợp với hoàn cảnh, cha vẫn, như con sẽ thấy, buộc phải trao lại các món này cho người phụ nữ mà kể từ giờ có quyền chính đáng để sử dụng chúng, và do đó chúng đã được gửi đi ngay. Cha tin chúng sẽ trở thành tài sản gia truyền, nói một cách nghiêm túc, theo ý nguyện từ mẹ đõ đầu của con. Các món liên quan được gửi kèm theo đây.

“Giờ thì tôi nhớ, nhưng trước đây tôi hoàn toàn quên mất” Clare nói.

Khi mở cái hộp ra, họ thấy nó chứa đựng một sợi dây chuyền, với mặt dây chuyền, những cái vòng tay, bông tai; và một số vật trang sức nhỏ khác.

Thoạt tiên, Tess có vẻ sợ chạm vào chúng, nhưng mắt nàng lóe sáng trong giây lát, không khác gì những viên đá quý, khi Clare bày những món đồ trang sức lên bàn.

“Chúng là của em sao?” nàng hỏi với vẻ nghi ngờ.

“Đĩ nhiên chúng là của em.”

Anh nhìn về phía ngọn lửa trong lò sưởi. Giờ anh nhớ ra, khi anh còn là một cậu bé mười lăm tuổi. Mẹ đõ đầu của anh, vợ của người diễn chủ - người giàu có duy nhất mà anh từng giao tiếp - đã tin chắc rằng anh sẽ thành đạt; đã tiên đoán rằng anh sẽ có một sự nghiệp rõ ràng. Và nếu anh có một tương lai tốt đẹp như thế, việc giữ gìn những món trang sức phô trương này cho vợ anh và vợ của con cháu anh cũng là lẽ tự nhiên. Theo cách nào đó, lúc này chúng tỏa sáng một cách mỉa mai. “Thế nhưng tại sao?” anh tự hỏi. Toàn bộ chỉ là

sự phù phiếm, và nếu điều đó đã được một bên chấp nhận thì nó cũng nên được bên kia chấp nhận. Vợ anh là một người họ d'Urberville: chúng có thể là của người nào tốt hơn nàng?

Đột nhiên anh nói với vẻ nồng nhiệt:

“Tess à, hãy đeo chúng vào, hãy đeo chúng vào!” và anh quay lại để giúp nàng.

Nhưng như thế do phép lạ, nàng đã đeo chúng sẵn rồi - vòng cổ, hoa tai, vòng tay, các thứ.

“Nhưng cái áo choàng không hợp, Tess à” Clare nói. Cổ áo nên cắt thấp hơn với những đồ trang sức tuyệt vời này.”

“Thế à?”

“Phải.”

Anh chỉ cho nàng cách bẻ gập cổ áo xuống, để nó trông như cổ áo của một cái váy buối tối; và khi nàng đã thực hiện điều này, mặt dây chuyền nằm lủng lẳng giữa cắn cổ trắng muốt của nàng, như nó đã được thiết kế theo cách đó, anh bước lùi lại để ngắm nàng.

“Ôi trời, em thật là xinh đẹp!” Clare cảm thán.

Như mọi người đều biết, “Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân”; một thôn nữ với bộ đồ giàn dị chỉ trông hơi xinh đối với một kẻ quan sát ngẫu nhiên sẽ bùng lên một vẻ đẹp sáng ngời nếu được ăn mặc như một phụ nữ thời thượng với những trợ giúp của nghệ thuật trang điểm; trong khi người đẹp của đám đông nửa đêm thường chỉ là nhân vật đáng thương nếu mặc bộ đồ của phụ nữ nông thôn và đứng trên cánh đồng cù cài vào một ngày ảm đạm. Chỉ tới lúc này Clare mới thật sự nhận ra vẻ đẹp tuyệt vời của Tess.

“Giá mà em xuất hiện trong một phòng dạ vũ!” anh nói. “Nhưng không, không, em yêu, tôi nghĩ tôi yêu em nhất với

cái nón rộng vành và cái áo choàng vải bông - phải, đẹp hơn so với bộ y phục này, như thể em làm tăng phẩm giá của những thứ này.”

Ý thức về ngoại hình xinh đẹp của mình khiến mặt Tess đỏ bừng lên, nhưng không phải vì hạnh phúc.

“Em sẽ tháo chúng ra,” nàng nói, “phòng khi Jonathan nhìn thấy em. Chúng không hợp với em, phải không? Em cho là nên bán chúng đi.”

“Hãy giữ nguyên chúng tại chỗ thêm vài phút. Bán chúng à? Không bao giờ. Đó sẽ là sự vi phạm niềm tin.”

Bị tác động bởi một ý nghĩ khác, nàng ngoan ngoãn phục tùng. Nàng có một điều cần nói, và những thứ này có thể có ích. Nàng ngồi xuống với những món trang sức trên người; và một lần nữa họ phỏng đoán nơi Jonathan có thể đang ở với mớ hành lý của họ. Cốc bia họ rót ra để mời ông ta khi ông ta tới đã trở nên nhạt thêch do sự chờ đợi kéo dài.

Giây lát sau họ bắt đầu bữa ăn tối, đã dọn sẵn ở một bàn bên cạnh. Trước khi họ xong bữa, làn khói lò sưởi chợt giật nhẹ, rồi tỏa ra khắp phòng, như thể một gã khổng lồ nào đó đã đặt bàn tay lên đỉnh ống khói trong khoảnh khắc. Nguyên nhân là do một cánh cửa ngoài đã được mở ra. Có tiếng chân nặng nề trên hành lang, và Angel bước ra ngoài.

“Tôi gõ cửa mãi nhưng chẳng ai nghe thấy” Jonathan Kail xin lỗi, bởi rốt cuộc ông ta cũng tới nơi. “Và vì trời bên ngoài đang mưa nên tôi đã mở cửa. Tôi mang các thứ đến, thưa ông.”

“Tôi rất vui khi nhìn thấy chúng. Nhưng ông tới quá trễ.”

“Đúng thế, thưa ông.”

Giọng nói của Jonathan Kail hơi khẽ hơn so với thời điểm trước đó trong ngày, và trên trán ông ta hằn sâu những vết nhăn ngoài những vết nhăn do tuổi tác. Ông ta nói tiếp:

“Tất cả chúng tôi ở trại đều hoảng hồn trước một tai họa kinh khủng từ khi ông và vợ ông, giờ phải gọi cô ấy như thế, từ già chúng tôi hồi chiểu nay. Có lẽ ông chưa quên tiếng gáy buồi chiểu của con gà trống?”

“Vậy sao, có chuyện gì...?”

“Người thì bảo nó có ý nghĩa thế này, người thì bảo nó có ý nghĩa thế khác; nhưng những gì xảy ra là cô gái nhỏ tội nghiệp Retty Priddle đã cố tự trầm mình.”

“Thật vậy sao! Vì sao chứ, cô ta đã chào từ già chúng tôi cùng với số còn lại...”

“Phải, thưa ông, khi ông và vợ ông - giờ nên gọi cô ấy như thế theo luật - khi hai người đã lên đường, như tôi nói, Retty cùng Marian đội nón và ra về, vì bây giờ đang Năm Mới nên không có nhiều việc, mọi người tùy ý thực hiện những gì họ nghĩ trong lòng mà không ai để ý. Họ đi tới Lew-Everard, dừng lại uống chút nước, rồi đi tiếp tới Ngã tư Dree-armed, và hình như họ chia tay nhau ở đó. Retty băng qua những cánh đồng cỏ ngập nước như thể trở về nhà, còn Marian đi tiếp tới làng bên cạnh, nơi có một cửa quán khác. Không ai nghe nói hay nhìn thấy Retty nữa, mãi cho tới khi người lái đò, trên đường về nhà, nhìn thấy thứ gì đó ở trên bờ của Hồ Lớn; đó là cái nón và khăn choàng của cô ấy, được xếp lại gọn gàng. Ông ta tìm thấy cô ấy dưới nước, và cùng một người đàn ông khác công cô ấy về nhà, cho rằng cô ấy đã chết, nhưng cô ấy dần dần tỉnh lại.”

Đột nhiên sực nhớ ra rằng Tess đang nghe lõm câu chuyện buồn thảm này, Clare đi tới đóng cánh cửa giữa hành

lang và căn phòng chờ dẫn tới căn phòng trong nơi nàng đang đứng; nhưng vợ anh, với một tấm khăn choàng quanh người, đã bước ra phòng ngoài và vừa lắng nghe lời kể của Jonathan, nàng vừa nhìn mờ hành lý và những giọt mưa lấp lánh bên trên với đôi mắt vô hồn.

“Ngoài ra, còn Marian nữa; người ta thấy cô ấy say như chết cạnh rặng liễu - một cô gái mà thiên hạ đều biết chưa bao giờ uống quá một si-ling bia; dù chắc chắn cô ấy luôn khoái ăn nhiều, như gương mặt của cô ấy cho thấy. Trông như thể mấy cô gái này đã mất trí vậy!”

“Thế còn Izz?” Tess hỏi.

“Izz quanh quẩn trong nhà như thường lệ; nhưng tôi phải nói tôi có thể đoán chuyện gì đã xảy ra; và dường như cô ấy rất buồn bã, cô gái tội nghiệp. Và ông thấy đó, thưa ông, tất cả những chuyện này đã xảy ra trong lúc chúng tôi đang chất hành lý lên xe, đó là lý do tôi tới trễ.”

“Phải. Được rồi, Jonathan, anh vác mấy cái rương lên gác giùm nhé, và uống một cốc bia, rồi quay về càng sớm càng tốt, phòng khi ông chủ trại cần tới anh.”

Tess đã quay trở lại căn phòng trong, ngồi bên ngọn lửa, dăm chiêu nhìn nó. Nàng nghe thấy tiếng chân nặng nề của Jonathan lên xuống cầu thang cho tới khi ông ta đã vác hết mớ hành lý, và nghe thấy ông ta cảm ơn cốc bia cùng khoản tiền bo của chồng nàng. Sau đó tiếng chân của ông ta nhỏ dần sau cánh cửa, và cỗ xe ngựa cột két khởi hành.

Angel hạ cái then gỗ sồi to tướng chặn cánh cửa, rồi bước tới gần nàng, áp hai tay lên đôi má của nàng từ phía sau. Anh mong nàng vui vẻ đứng lên và tháo dỡ mớ hành lý mà nàng đã rất nóng ruột chờ đợi, nhưng vì nàng vẫn im, anh ngồi xuống với nàng trong ánh lửa, những cây nến trên bàn đang ngắn dần và cháy chập chờn.

“Tôi rất tiếc vì em đã nghe câu chuyện buồn về mấy cô gái” anh nói. “Tuy nhiên, đừng để nó ảnh hưởng tới em. Đầu óc của Retty không bình thường, em biết đó.”

“Không có lý do nào cả” Tess nói. “Trong khi những kẻ biết rõ lý do thì che giấu nó và vờ như họ không biết.”

Sự cố này đã xoay chuyển suy nghĩ của nàng. Họ là những cô gái đơn giản và ngây thơ, phải gánh chịu nỗi đau của tình yêu không được đáp lại; họ xứng đáng có một số phận tốt đẹp hơn, còn nàng xứng đáng có một số phận bạc bẽo hơn, thế nhưng nàng lại là kẻ được chọn. Nàng sẽ là người xấu xa nếu nhận mọi thứ mà không trả giá. Nàng sẽ trả giá cho tới đồng xu cuối cùng; nàng sẽ kể, tại đây, ngay bây giờ. Nàng đã đi đến quyết tâm tối hậu này khi nhìn vào ngọn lửa. Clare đang cầm tay nàng.

Một ánh sáng đều đĩnh tỏa ra từ những mẩu than hồng tô sắc màu của nó lên các cạnh và phía sau lò sưởi, những cái vĩ lò bóng loáng, những cái kẹp than cũ làm bằng đồng với hai đầu không bao giờ gặp nhau. Mặt dưới của kệ lò sưởi và những cái chân bàn gần nhất ửng lên một thứ ánh sáng rực rỡ. Gương mặt và cổ của Tess cũng phản chiếu thứ sắc màu nóng ấm đó, với mỗi viên đá quý biến thành một vì sao Aldebaran hoặc một vì sao trong chòm Thiên Lang - một chòm sao tỏa ra những sắc trắng, đỏ, lục, trao đổi sắc màu của chúng với từng nhịp tim của nàng.

“Em có nhớ chúng ta đã nói gì với nhau hồi sáng này về việc kể lại những sai lầm của chúng ta hay không?” anh đột ngột hỏi, khi nhận ra nàng vẫn ngồi im bất động. “Có lẽ chúng ta đã nói rất nhẹ nhàng. Nhưng với tôi đó không phải là một lời hứa bị xem nhẹ. Tôi muốn thú nhận một lỗi lầm với em, em yêu ạ.”

Câu nói thích hợp một cách bất ngờ này đối với nàng không khác chi một sự can thiệp may mắn của số phận.

“Anh phải thú nhận một điều gì đó sao?” nàng hỏi nhanh, thậm chí với sự vui mừng và nhẹ nhõm.

“Em không ngờ tới phải không? À, em đã đánh giá tôi quá cao. Giờ hãy lắng nghe. Hãy tựa đầu vào ngực tôi, vì tôi muốn em tha thứ cho tôi, và không giận tôi vì đã không nói trước với em, như lẽ ra tôi nên nói.”

Thật lạ lùng! Cứ như thể anh là kẻ đóng thế vai cho nàng. Nàng không nói gì, và Clare tiếp tục:

“Tôi không nhắc tới nó vì e rằng sẽ làm hại tới cơ hội có em, phần thưởng lớn lao của đời tôi, em yêu ạ - cái học bổng của tôi. Các anh tôi giành được học bổng của họ ở trường đại học, còn học bổng của tôi ở trại bò sữa Talbothays. Và tôi sẽ không đánh liều làm mất nó. Tôi định nói với em hồi tháng trước, nhưng không thể; tôi nghĩ nó sẽ làm cho em sợ và xa lánh tôi. Tôi đã hoãn lại; hôm qua tôi đã nghĩ tôi sẽ nói với em, cho em ít nhất một cơ hội để thoát khỏi tôi. Nhưng tôi đã không làm. Sáng nay cũng vậy, khi em để nghị thú nhận lỗi lầm của chúng ta trên đầu cầu thang - tôi là một kẻ tội lỗi! Nhưng bây giờ, khi nhìn thấy em ngồi đó rất nghiêm trang, tôi phải nói. Tôi tự hỏi em có tha thứ cho tôi hay không.”

“Ô, có! Em chắc chắn rằng...”

“Tốt lắm, tôi hy vọng như thế. Nhưng chờ một chút. Em không biết đâu. Ta hãy bắt đầu từ đầu nhé. Dù tôi nghĩ rằng người cha tội nghiệp của tôi e rằng tôi là kẻ đã vĩnh viễn đánh mất những giáo lý của mình, dù nhiên tôi vẫn là một tín đồ có đạo đức tốt, giống như em, Tess ạ. Tôi từng mong ước trở thành một người thầy của mọi người, và đã vô cùng thất vọng khi nhận ra tôi không thể trở thành một giáo sĩ. Tôi

ngưỡng mộ đạo đức trong sạch, dù không thể khẳng định mình là người đạo đức, và ghét sự vô đạo đức, như đang ghét nó lúc này. Bất kể người ta nghĩ gì về nguồn cảm hứng tuyệt đối, người ta phải tán thành những lời sau của Thánh Paul: 'Người hãy là một tấm gương - trong lời nói, nết làm, tình thương, linh hồn, đức tin, sự thuần khiết.'⁽¹⁾ Đó là người bảo vệ duy nhất cho loài người khốn khổ chúng ta. 'Integer vitae,'⁽²⁾ một nhà thơ La Mã⁽³⁾ đã nói, ông ta đồng điệu với Thánh Paul một cách lạ lùng:

*Kẻ sống đời thẳng ngay, thoát khỏi những cảm dỗ
Không cần đến cung hay giáo của người Moor.*

Phải, một nơi chốn cụ thể được lát đường bởi những dự định tốt lành,⁽⁴⁾ và khi đã cảm thấy tất cả những điều đó, em sẽ thấy tôi ăn năn đến mức nào khi bàn thân tôi trượt ngã giữa những mục đích tốt lành đối với mọi người."

Sau đó anh kể cho nàng nghe về thời gian anh đã ám chỉ, khi bị dồn vặt giữa những hoài nghi và khó khăn ở Luân Đôn, như một cái nút bẩn trên sóng nước, anh đã chìm vào cuộc sống phóng đàng với một kẻ xa lạ trong bốn mươi tám tiếng đồng hồ.

"May là tôi đã thức tỉnh hầu như ngay lập tức và ý thức được sự diễn rõ của mình" anh nói tiếp. "Tôi không có gì để nói với cô ta nữa, và trở về nhà. Tôi không bao giờ lặp lại sai lầm đó. Nhưng tôi cảm thấy tôi muốn đổi đài với em bằng sự thẳng thắn chân thành và danh dự, tôi không thể

1. Timothy 4:12

2. Sự ngày thơ, vô tội lồ.

3. Horace, câu thơ bên dưới trích trong Odes 1:22

4. Phỏng theo thành ngữ: "The road to Hell is paved with good intentions." (Con đường tới Địa ngục được lát bởi những dự định tốt lành.) Một cách nói khác là "Hell is full of good meanings, but Heaven is full of good works." (Địa ngục đầy những ý định tốt lành, nhưng Thiên đường đầy những việc làm tốt đẹp.)

làm điều đó mà không kể lại câu chuyện này. Em có tha thứ cho tôi không?"

Nàng siết chặt bàn tay của anh thay cho câu trả lời.

"Vậy chúng ta sẽ xóa bỏ nó một lần và mãi mãi! - nó quá đau lòng - và nói một điều gì đó nhẹ nhàng hơn."

"Ô, Angel, em hầu như vui mừng, vì giờ anh có thể tha thứ cho em! Em chưa thú nhận tội lỗi của mình. Cả em cũng cần thú nhận, hãy nhớ em đã từng nói thế."

"Ô, chắc chắn rồi! Vậy em hãy nói đi, cô gái bé nho nhỏ xa xỉ."

"Có lẽ, dù anh mỉm cười, nó cũng nghiêm trọng như lỗi của anh, thậm chí còn hơn nữa."

"Hầu như nó không thể nghiêm trọng hơn, em yêu ạ."

"Nó không thể, ô, không, nó không thể!" nàng đứng bật dậy, vui sướng với niềm hy vọng. "Không, dĩ nhiên là nó không thể nghiêm trọng hơn," nàng kêu lên, "vì nó cũng hết như thế, em sẽ nói với anh ngay."

Nàng ngồi xuống lại.

Tay họ vẫn đan vào nhau. Lớp tro dưới vỉ lò được thắp sáng bởi ngọn lửa thẳng đứng, giống như cát trên một sa mạc khô cằn. Trí tưởng tượng có thể nhìn thấy một Ngày cuối cùng khủng khiếp trong thứ ánh sáng đỏ này. Nó hắt lên gương mặt và bàn tay của Clare, luồn vào mái tóc xõa quanh trán nàng và đốt cháy lớp da mịn màng bên dưới. Một cái bóng to lớn của thân hình nàng hắt lên tường và trần nhà. Nàng nghiêng người về phía trước, với cử động đó mỗi viên kim cương trên cổ nàng phát ra một nụ cười độc ác như nụ cười của một con cóc; áp trán vào thái dương của anh, nàng bắt đầu câu chuyện giữa nàng và Alec d'Urberville và những hậu quả của nó, thì thầm những lời đó không chút do dự, với đôi hàng mi hạ thấp.

PHẦN NĂM

Sự trả giá

Chương 35 - Chương 44

Chương 35

Nàng đã kể xong; ngay cả những lời khẳng nhận và giải thích cũng đã được đưa ra. Giọng của nàng hầu như không thay đổi từ khi mở đầu câu chuyện; không hề có lời nào mang tính chất bào chữa, và nàng không khóc.

Nhưng trong quá trình nàng kể, vẻ ngoài của mọi vật xung quanh dường như đã đổi thay. Ngọn lửa trong lò sưởi trông có vẻ ma quái, như thể đang cười nhạo và không màng quan tâm tới nỗi đau của nàng. Tấm lá chắn lò sưởi lười biếng nhếch mép, như thể cả nó cũng chẳng quan tâm. Ánh sáng phản chiếu từ chai nước chập chờn mờ tò. Mọi vật thể xung quanh đồng lòng bày tỏ sự vô trách nhiệm của chúng. Thế nhưng không có gì thay đổi từ khoảnh khắc anh hôn nàng; hay đúng hơn, không có gì thay đổi ở thành phần vật chất của mọi thứ. Nhưng bản chất của mọi thứ đã đổi thay.

Khi nàng dứt lời, ấn tượng của những lời thương yêu trìu mến trước đó của họ dường như vội vàng ẩn trốn vào góc xa của não, lặp lại như những tiếng vang từ một thời điểm khi sự mù quáng và ngu xuẩn ngự trị.

Clare bước tới đảo than trong lò sưởi, một hành động chẳng liên quan gì tới hiện trạng lúc này, những gì anh nghe thấy chưa thẩm tới những chiểu sâu ý thức của anh. Đảo

than xong, anh đứng thẳng người lên, lúc này anh mới hoàn toàn thấu hiểu lời thú nhận của nàng. Gương mặt anh trở nên héo hắt. Anh giảm mạnh bước chân trong lúc vừa đi tới đi lui vừa suy nghĩ. Những ý nghĩ của anh rối bời, cứ chì mờ hồ của anh thể hiện điều đó. Nàng đã biết tất cả những sắc thái trong giọng nói của anh, nhưng khi anh cất tiếng, đó là một giọng nói lạ lùng, khác thường.

“Tess!”

“Vâng, anh yêu.”

“Tôi có thể tin được điều này không? Từ cung cách của em tôi cho là nó có thật. Ô, em không thể nào mất trí! Em nên mất trí thì hơn! Thế nhưng em không... Vợ của tôi, Tess của tôi, không có gì ở em bảo đảm cho một già thuyết như thế.”

“Em không mất trí” nàng đáp.

“Thế nhưng...” anh nhìn nàng trống vắng, cố lấy lại bình tĩnh: “Vì sao trước đó em không nói với tôi? À, phải, lẽ ra em đã nói với tôi, theo một cách thức nào đó, nhưng tôi đã ngăn em lại, tôi nhớ!”

Những lời này chẳng là gì khác ngoài những lời lặp bắp qua loa trên bể mặt trong lúc những chiểu sâu vẫn còn tê liệt. Anh quay đi, và khom người trên một cái ghế. Tess đi theo anh tới giữa phòng, nơi anh đang đứng, và đứng đó nhìn anh với đôi mắt khô khốc. Sau đó nàng quỳ xuống cạnh chân anh, và từ vị trí này nàng co người lại.

“Nhân danh tình yêu của chúng ta, hãy tha thứ cho em!” nàng thì thào với đôi môi khô. “Em đã tha thứ cho anh!”

Và vì anh không trả lời, nàng lặp lại:

“Hãy tha thứ cho em như anh đã được tha thứ! Em tha thứ cho anh, Angel!”

“Em, phải, đúng là thế.”

“Nhưng anh có tha thứ cho em không?”

“Ô, Tess à, sự tha thứ không áp dụng cho trường hợp này! Em từng là một người; giờ em là một người khác. Chúa ơi, làm sao sự tha thứ có thể áp dụng cho một chuyến biển phi lý như thế!”

Anh dừng lại, suy ngẫm về định nghĩa này; rồi đột ngột cất lên một tiếng cười kinh khủng - phi tự nhiên và rùng rợn như một tiếng cười trong địa ngục.

“Đừng, đừng! Tiếng cười đó giết chết em!” nàng hét lên.
“Ô, hãy thương xót em, hãy thương xót!”

Anh không trả lời, và nàng đứng lên, tái mét.

“Angel, Angel! Ý của anh là gì khi cười như thế?” nàng bật khóc. “Anh có biết nó có nghĩa là gì với em không?”

Anh lắc đầu.

“Em đã hy vọng, mong mỏi, cầu nguyện, để mang tới cho anh hạnh phúc! Em đã nghĩ thật vui sướng biết bao khi làm được điều đó, em sẽ là một người vợ rất không xứng đáng nếu em không làm được điều đó. Đó là những gì em đã cảm thấy, Angel!”

“Tôi biết điều đó.”

“Em đã nghĩ, Angel ạ, rằng anh yêu em, em, chính bản thân em! Nếu em chính là người anh yêu, ôi, sao anh có thể nhìn và nói như thế? Nó làm em sợ! Khi bắt đầu yêu anh, em yêu anh mãi mãi, trong mọi đổi thay, mọi ô nhục, vì anh là chính anh. Em không đòi hỏi gì hơn. Vậy sao anh, chồng của em, lại không yêu em nữa?”

“Tôi lặp lại, người phụ nữ tôi đã yêu không phải là em.”

“Vậy là ai?”

“Một người phụ nữ khác trong hình dáng của em.”

Khi nghe thấy những lời này, nàng nhận ra những gì nàng tiên đoán đã trở thành sự thật. Anh nhìn nàng như nhìn một loại người lừa đảo, một phụ nữ tội lỗi giả dạng một kẻ ngây thơ. Sự khủng khiếp hiện lên trên gương mặt trắng bệch của nàng khi nàng nhìn thấy nó; má nàng cứng lại, miệng nàng há hốc. Cảm giác kinh tởm trong cách anh nhìn nàng khiến nàng lảo đảo, và anh bước tới, nghĩ rằng nàng sắp ngã.

“Ngồi xuống, ngồi xuống đi” anh dịu dàng nói. “Em đang ốm; và đó là điều tự nhiên.”

Nàng ngồi xuống, không biết mình đang ở đâu, vẻ căng thẳng vẫn còn nguyên trên gương mặt của nàng, và đôi mắt của nàng khiến anh nổi da gà.

“Vậy em không còn thuộc về anh nữa, phải không, Angel?” nàng hỏi với vẻ tuyệt vọng, và lẩm bẩm, “Anh ấy nói anh ấy đã yêu một phụ nữ khác giống như tôi chứ không phải là tôi.”

Ý nghĩ này khiến nàng tự thương hại cho mình như một người bị đối xử tàn tệ. Đôi mắt nàng rưng rệ khi nàng nghĩ xa hơn về vị trí của mình; nàng quay đi và bật khóc òa với những giọt lệ thương thân.

Clare cảm thấy nhẹ nhõm hơn với sự thay đổi này, ấn tượng của nàng với những gì đã xảy ra bắt đầu khiến anh lo lắng, chỉ kém hơn nỗi đau do chính bản thân lời thú nhận gây ra chút ít. Anh chờ đợi, nhẫn耐, thờ ơ, cho tới khi nỗi đau của nàng dịu lại, và tiếng khóc nức nở của nàng chỉ còn là một tiếng nấc ngắt quàng.

“Angel,” nàng đột ngột nói, với giọng tự nhiên, chứ không phải giọng nói kinh hoàng, điên loạn trước đó. “Angel, phải

chẳng em quá xấu xa nên chúng ta không thể sống chung với nhau nữa?”

“Tôi không thể nghĩ ra chúng ta có thể làm gì.”

“Em sẽ không yêu cầu anh cho phép em sống với anh, Angel, vì em không có cái quyền đó! Em sẽ không viết thư cho má và các em gái nói rằng chúng ta đã kết hôn, như em đã bảo sẽ viết; và em sẽ không trở thành người vợ tốt như em đã hình dung và muốn trở thành.”

“Vậy sao?”

“Không, em sẽ không làm gì cả, trừ phi anh ra lệnh cho em; và nếu anh rời xa em em sẽ không đi theo anh; nếu anh không bao giờ nói với em nữa em sẽ không hỏi vì sao, trừ phi anh nói với em là em có thể.”

“Và nếu tôi ra lệnh cho em làm bất cứ điều gì đó?”

“Em sẽ vâng lời như một nô lệ xấu xa của anh, thậm chí nếu việc đó là nằm xuống và chết.”

“Em rất tốt. Nhưng tôi ngạc nhiên vì sự khác biệt giữa tâm trạng quên mình hiện tại của em với tâm trạng tự bảo toàn trước đó của em.”

Đây là những lời cay đắng đầu tiên. Tuy nhiên, việc ném vào Tess những lời mỉa mai cay đắng cũng không khác gì ném chúng vào một con chó hay một con mèo. Nàng dường như không hiểu gì những lời cay độc đó, chỉ đón nhận chúng như những âm thanh thù địch của một kẻ đang tức giận. Nàng im lặng, không biết rằng anh đang bóp chết tình yêu của anh dành cho nàng. Nàng hầu như không nhận thấy rằng một giọt lệ đang chầm chậm lăn trên má của anh, một giọt lệ to đến độ nó phóng đại những lỗ chân lông trên vùng da mặt mà nó chảy qua, như thấu kính của cái kính hiển vi. Đồng thời anh cũng nhận ra lời thú nhận của nàng đã mang

tới một thay đổi khủng khiếp và hoàn toàn trong cuộc đời anh, trong vũ trụ của anh, và anh cố gắng một cách tuyệt vọng để thoát khỏi những tình huống mới. Cần phải có một hành động hợp lý nào đó; thế nhưng đó là gì?

“Tess à,” anh nói, cố giữ cho giọng nói ôn hòa, “tôi không thể ở trong phòng, ngay lúc này. Tôi sẽ ra ngoài đi dạo một lát.”

Anh lặng lẽ rời khỏi phòng, và hai ly rượu vang mà anh đã rót ra cho bữa ăn của họ - một cho anh, một cho nàng - vẫn còn nguyên trên bàn không ai chạm tới. Đó là kết quả của tình yêu thuần khiết của họ. Vào bữa uống trà, vài giờ trước đó, họ đã uống chung một cốc, trong tâm trạng yêu đương say đắm.

Tiếng cánh cửa khép lại, nhẹ nhàng như lúc nó được mở ra, kéo Tess ra khỏi trạng thái ngắn ngủi. Clare đã đi rồi; nàng không thể ở lại. Vội và choàng tấp áo lên người, nàng mở cửa và đi theo, thối tắt những ngọn nến như thể nàng không bao giờ quay lại. Cơn mưa đã tạnh và lúc này bầu trời đêm trở nên trong trèo.

Chẳng bao lâu nàng đã tới sát gót Clare, vì anh đi chậm và không có mục đích nào. Bóng dáng anh bên cạnh hình dáng xám nhạt của nàng trông đen đúa, độc ác và đáng sợ, và nàng cảm thấy sự va chạm của những thứ nữ trang mà nàng đã lấy làm tự hào trước đó như một sự mỉa mai. Clare quay lại khi nghe tiếng chân của nàng, nhưng thái độ của anh khi nhận ra sự hiện diện của nàng không có gì khác biệt, và anh đi tiếp qua năm cánh cổng vòm há hốc của chiếc cầu lớn ở trước mặt ngôi nhà.

Những vết chân của bò và ngựa trên con đường đều ngập nước, cơn mưa chỉ đổ đầy nước cho chúng nhưng không đủ để cuốn trôi chúng. Trong những vùng nước tí hon này, hình

ảnh phản chiếu của những vì sao lóe lên khi nàng đi ngang qua; hẳn nàng sẽ không biết chúng đang tỏa sáng trên đầu nếu không nhìn thấy chúng ở đó - những vật thể to lớn nhất của vũ trụ in bóng trong những thứ rất nhỏ nhoi.

Nơi họ đang đi hôm nay vẫn ở trong cùng một thung lũng với nông trại Talbothays, nhưng ở mé dưới dòng sông vài dặm; và quang cảnh rất thoáng đãng, nên nàng có thể dễ dàng nhìn thấy Clare. Khi qua khỏi ngôi nhà, con đường chạy ngoằn ngoèo qua những đồng cỏ, và nàng chỉ im lặng đi theo Clare, không cố bắt kịp hay thu hút sự chú ý của anh.

Tuy nhiên, cuối cùng bước chân thản thờ của nàng cũng đưa nàng tới bên cạnh Clare, và anh vẫn không nói gì. Một kẻ trung thực bị lừa dối thường rất độc ác, và đó là trường hợp của Clare khi anh phát hiện ra sự thật. Rõ ràng bầu không khí ngoài trời đã tước bỏ khói anh mọi xu hướng muốn hành động theo sự thôi thúc; nàng biết rằng anh nhìn thấy nàng một cách trần trụi, không còn tỏa sáng, rằng lúc này Thời gian đang ngâm nga cho nàng nghe khúc thánh thi mai mià:

Hãy coi chừng, khi mặt ngươi trở nên trần trụi, kẻ yêu ngươi sẽ ghét;

Gương mặt ngươi sẽ không còn xinh đẹp khi số mệnh của ngươi gấp rủi.

Và cuộc đời ngươi sẽ rụng rời như một chiếc lá và tuôn chảy như mưa;

Nỗi thống khổ sẽ là tấm khăn choàng đầu của ngươi và nỗi đau sẽ là chiếc vương miện.⁽¹⁾

1. Trích trong bài thơ *Not as with Sundering of the Earth* của nhà thơ Anh Algernon Charles Swinburne (1837 - 1909).

Clare vẫn đang trầm ngâm suy nghĩ, và sự có mặt của nàng bên cạnh lúc này không đủ để phá vỡ hay chuyển hướng dòng suy nghĩ. Sự có mặt của nàng đã trở nên yếu ớt biết bao đối với anh! Nàng không thể không lên tiếng với Clare.

“Em đã làm gì nên nỗi, em đã làm gì! Em không nói gì xen vào hay ảnh hưởng xấu tới tình yêu của em dành cho anh. Anh không nghĩ là em mong muốn điều này, đúng không? Anh tức giận thứ năm trong tâm trí của anh, Angel; nó không ở trong em. Ô, nó không ở trong em, và em không phải là một phụ nữ dối trá như anh nghĩ!”

“Phải. Không lừa dối, vợ của tôi; nhưng không còn như cũ. Không, không còn như cũ. Nhưng đừng ép tôi phải trách mắng em. Tôi đã thể không làm điều đó; và tôi sẽ làm mọi thứ để tránh điều đó.”

Nhưng nàng tiếp tục van nài trong niềm tuyệt vọng; và có lẽ đã nói những điều mà tốt hơn nên lặng im không nói.

“Angel! Angel! Em là một đứa trẻ, một đứa trẻ khi nó xảy ra! Em không biết gì về đàn ông cả.”

“Tôi thừa nhận em là nạn nhân hơn là tội nhân.”

“Vậy anh sẽ tha thứ cho em chứ?”

“Tôi tha thứ cho em, nhưng sự tha thứ không phải là tất cả.”

“Và yêu em?”

Anh không trả lời câu hỏi này.

“Ô, Angel, mà em nói rằng đôi khi nó xảy ra như thế! Bà biết nhiều trường hợp còn tệ hại hơn em, và người chồng không mấy quan tâm, ít nhất là cho qua nó. Thế nhưng người vợ đó không yêu chồng như em yêu anh!”

“Đừng Tess, đừng lý luận. Những xã hội khác nhau, những cung cách khác nhau. Em gần như ép tôi phải nói rằng em là một phụ nữ nông dân thiếu hiểu biết, kẻ chưa bao giờ được khai tâm về những tương quan xã hội. Em không biết em đang nói điều gì.”

“Em chỉ là một nông dân ở địa vị, không phải ở bản chất!”

Nàng nói với vẻ tức giận, nhưng cơn giận tan biến ngay như lúc đến.

“Em đúng là số rủi. Tôi nghĩ vị cha xứ đã phát hiện ra dòng dõi của em sẽ hành động tốt hơn nếu ông ta giữ mồm giữ miệng. Tôi không thể không liên hệ sự suy tàn của gia tộc em với một thực tế khác - sự thiếu vắng kiên quyết của em. Nhưng gia tộc suy tàn hàm chứa những ý chí suy tàn, những hành vi hư hỏng. Lạy trời, vì sao em không cho tôi một cái cớ để khinh bỉ em hơn bằng cách thông báo về dòng dõi của em! Tôi đã nghĩ em là một đứa con của tự nhiên; nhưng hóa ra em là mầm mống muộn màng của một tầng lớp quý tộc đã suy tàn!”

“Nhiều gia tộc cũng tệ như gia tộc của em ở phương diện đó! Gia tộc của Retty trước kia là những địa chủ lớn, và gia tộc của ông chủ trại Billett cũng thế, và người nhà họ Debbyhouses, những kẻ giờ là xà ích đánh xe, trước kia từng là gia tộc De Bayeux. Anh sẽ tìm thấy những gia tộc như thế ở mọi nơi; nó là một đặc tính của hạt chúng ta, và em không thể ngăn được nó.”

“Hạt này đúng là số rủi.”

Nàng lắng nghe những lời trách móc nhưng không đào sâu vào ý nghĩa của chúng; Clare không yêu nàng như từng yêu nàng trước đó, nàng không quan tâm tới tất cả những điều khác.

Họ lại đi tiếp trong im lặng. Sau đó có lời kể rằng một nông dân ở Wellbridge, đêm đó ra ngoài muộn để tìm một bác sĩ, đã bắt gặp đôi vợ chồng trên đồng cỏ, đang đi rất chậm, không trò chuyện với nhau, người này phía sau người kia, như trong một đám đưa tang, ông ta thoáng nhìn thấy trên gương mặt của họ sự lo âu và buồn bã. Sau đó khi trở về, ông ta lại đi ngang qua họ trên cùng cánh đồng, vẫn đi chậm rãi như trước, không màng tới giờ giấc và bóng đêm ảm đạm như trước. Do bận tâm tới chuyện riêng của mình và người bệnh ở nhà, ông ta không để ý tới khía cạnh lạ lùng của sự việc đó. Tuy nhiên, ông ta vẫn nhớ tới nó một thời gian khá lâu sau đó.

Trong quãng thời gian giữa lúc người nông dân tới và về, nàng đã nói chồng: “Em không tìm ra cách để dừng mang tới nhiều bất hạnh cho anh trong suốt đời anh. Dưới kia là dòng sông. Em có thể kết liễu mạng em ở đó. Em không sợ.”

“Tôi không muốn cộng thêm tội giết người vào những lỗi lầm của mình” anh đáp.

“Em sẽ để lại thứ gì đó để chứng tỏ tự em làm chuyện này - vì sự tück hổ của em. Khi đó họ sẽ không đổ lỗi cho anh.”

“Đừng nói những điều phi lý như thế, tôi không muốn nghe nữa. Thật vô lý khi có những ý nghĩ như thế trong trường hợp này, vốn đáng để cười mai mỉa hơn là trở thành bi kịch. Ít nhất em không hiểu phẩm chất của sự rủi ro. Nó nên được nhìn dưới ánh sáng của một câu chuyện cười bởi chín phần mười thiên hạ nếu người ta biết đến nó. Xin hãy làm ơn cho tôi bằng cách trở về ngôi nhà và lên giường ngủ.”

“Em sẽ làm theo lời anh” nàng ngoan ngoãn đáp.

Họ đi vòng theo một con đường dẫn tới di tích suy tàn nổi tiếng của tu viện dòng Cistercian ở phía sau nhà máy xay.

Trong nhiều thế kỷ trước, cái nhà máy xay này gắn liền với tu viện. Nhà máy vẫn còn hoạt động vì thực phẩm là nhu cầu vĩnh viễn; còn tu viện đã sụp đổ, vì giáo lý chong tàn. Người ta liên tục nhìn thấy sự chăm sóc tạm thời tồn tại lâu dài hơn sự chăm sóc vĩnh cửu.

Do đi đường vòng, họ vẫn không xa ngôi nhà, và do đi theo sự chỉ dẫn của Clare, nàng chỉ cần đi tới chiếc cầu đá to băng qua dòng sông chính và đi theo con đường thêm vài bước. Khi về tới, mọi thứ vẫn còn nguyên như khi nàng rời khỏi, ngọn lửa vẫn đang cháy. Nàng không ở dưới nhà hơn một phút mà đi lên phòng của mình, nơi hành lý đã được mang lên. Ở đó nàng ngồi xuống mép giường, lơ đãng nhìn quanh và bắt đầu thay đồ. Khi nàng dời ánh sáng về phía khung giường, những tia sáng của nó rơi lên tấm màn vải sọc trắng; bên dưới nó có treo thứ gì đó, nàng đưa cây nến lên cao để xem nó là gì. Một nhánh tăm gùi. Angel đã đặt nó ở đó; nàng lập tức biết điều đó. Đây là lời giải thích cho cái gói bí ẩn đã được đóng gói và chuyển tới một cách rất khó khăn; anh không giải thích cho nàng biết nó chứa thứ gì, chỉ nói rằng thời gian sẽ sớm chỉ cho nàng thấy mục đích của nó. Trong tâm trạng say mê và vui vẻ, anh đã treo nó ở đó. Lúc này cái nhánh tăm gùi đó trông thật ngốc nghếch và lạc lõng.

Không còn gì để sợ, hầu như không có bất cứ hy vọng nào, và không tin rằng Clare sẽ mũi lòng, nàng buồn bà nằm xuống. Khi nỗi buồn lảng đọng, giấc ngủ sẽ chiếm ưu thế. Trong số rất nhiều trạng thái vui sướng hơn vốn ngăn cản sự nghỉ ngơi, đây là một trạng thái chào mừng nó, và trong vài phút nàng Tess lè loi chìm vào giấc ngủ, xung quanh là bầu không khí thoang thoảng mùi thơm của căn phòng yên tĩnh, có lẽ từng là phòng cô dâu của tổ tiên nàng.

Muộn hơn trong đêm đó, Angel cùng quay trở về ngôi nhà. Nhẹ nhàng bước vào phòng khách, anh thắp một cây nến và với thái độ của một kè đã cân nhắc tình cảnh của mình, anh trải mấy tấm thảm lên cái trường kỷ cũ nhồi lông ngựa ở đó, biến nó thành một chỗ ngủ. Trước khi nằm xuống, anh đi chân không lên gác, đứng ở cửa phòng nàng và lắng nghe. Tiếng thở đều đều của nàng cho thấy nàng đang say giấc.

“Tạ ơn Trời!” Clare lầm bầm; thế nhưng cũng anh cảm thấy cay đắng với ý nghĩ này - khá đúng nhưng không hoàn toàn đúng - rằng sau khi chuyển gánh nặng đời nàng sang vai anh, giờ đây nàng nghỉ ngơi không chút băn khoăn.

Anh quay lại để đi xuống; rồi chợt phản vân, quay lại nhìn cửa phòng nàng lần nữa. Với cử chỉ này, anh bắt gặp bức chân dung của một trong các quý bà họ d’Urberville, ở ngay bên trên cửa phòng của Tess. Trong ánh nến, bức tranh càng tạo một ấn tượng khó chịu hơn so với ánh sáng ban ngày. Gương mặt của người phụ nữ thể hiện những toan tính hiểm ác và nỗi khát khao muốn trả thù những người khác phái - khi đó nó dường như là vậy đối với anh. Cái cổ của chiếc áo dài theo phong cách Caroline⁽¹⁾ khá thấp - hệt như cổ áo dài của Tess khi anh gấp nó vào trong để trưng bày cái vòng cổ; và một lần nữa anh cảm thấy khó chịu vì sự giống nhau giữa họ.

Việc kiểm tra đã hoàn thành. Anh quay lại và đi xuống.

Thái độ của anh bình thản và lạnh lùng, cái miệng nhở mím chặt cho thấy khả năng tự chủ của anh; gương mặt anh vẫn còn nguyên vẻ căm cỗi khùng khiếp kể từ khi nghe lời thú nhận của Tess. Nó là gương mặt của một kẻ không còn là nô

1. Giai đoạn từ khoảng 1625 - 1685 dưới triều đại của Vua Charles I và Charles II.

lệ của đam mê, thế nhưng không hề vui sướng chút nào với sự tự do của mình. Anh chỉ đơn giản suy nghĩ về những sự cố kinh khủng chi phối vận mệnh con người, sự bất ngờ của mọi thứ trên đời. Không có gì thuần khiết, ngọt ngào, trong trắng như Tess đã từng là đối với anh trong suốt quãng thời gian dài anh yêu nàng, mãi tới một giờ trước đó; nhưng

Ít hơn một chút, và thế giới ấy vô vàn xa cách!⁽¹⁾

Anh lập luận một cách sai lầm khi tự nhủ với chính mình rằng gương mặt tươi tắn trung thực của nàng không phải là một tấm gương của trái tim của nàng; nhưng Tess không có người biện hộ nào để chứng minh với anh điều ngược lại. Anh nghĩ tiếp, có lẽ nào đôi mắt với cái nhìn luôn khẳng định những gì nàng nói, lại nhìn thấy một thế giới khác ở phía sau thế giới bế ngoài của nàng, hoàn toàn khác biệt và tương phản?

Anh ngồi dựa vào cái trường kỷ trong phòng khách và thổi tắt nến. Bóng đêm ube vào xâm chiếm căn phòng, thờ ơ và lãnh đạm; cái đêm đã nuốt tươi niềm hạnh phúc của anh giờ đang tiêu hóa nó một cách hững hờ; và sẵn sàng thản nhiên nuốt tươi niềm hạnh phúc của hàng ngàn người khác.

1. Trích trong bài thơ *By the Fire Side* của nhà thơ Anh Robert Browning (1812 - 1889)

Chương 36

Clare thức giấc trong ánh sáng của một buổi bình minh
Cxám xịt, len lén xuất hiện như thể đồng lõa với tội lỗi.
Cái lò sưởi trước mặt anh chỉ còn lại những mẩu than đã tắt;
cái bàn ăn bên trên có hai ly rượu vang đầy chưa đựng tới,
giờ nhạt thêch và đóng váng; chỗ ngồi trống rỗng của Tess
và của chính anh; những món đồ nội thất khác, với vẻ ngoài
hững hờ muôn thuở của chúng, với câu hỏi không thể chịu
nỗi của chúng: giờ phải làm gì đây? Không có âm thanh nào
từ bên trên, nhưng vài phút sau có một tiếng gõ ở cửa ra vào.
Anh nghĩ hẳn đó là bà vợ của người nông dân láng giềng, kè
phục vụ cho những nhu cầu của họ trong lúc họ còn ở đây.

Sự hiện diện của một kẻ thứ ba trong nhà ngay lúc này
sẽ rất ư khó chịu, và do đã mặc sẵn quần áo, anh mở cửa sổ
ra và thông báo với bà ta rằng họ có thể tự lo cho mình sáng
hôm đó. Bà ta xách theo một thùng sữa và anh bảo bà ta cứ
để nó ở cửa. Khi bà ta đã đi khỏi, anh tìm kiếm ở khu vực
phía sau ngôi nhà để tìm chất đốt và nhanh chóng đốt một
đống lửa. Có nhiều trứng gà, bơ, bánh mì các thứ trong tủ
thức ăn và chẳng bao lâu sau đó anh đã bày bữa ăn sáng lên
bàn, những kinh nghiệm ở trại bò sữa đã mang tới cho anh
sự khéo léo trong những công việc thường nhật. Làn khói
của củi đốt tỏa lên từ ống khói bên ngoài như một cây cột có

chóp hình hoa sen; những người dân địa phương đi ngang qua nhìn thấy nó, nghĩ tới đôi vợ chồng mới cưới, ganh tị với hạnh phúc của họ.

Angel đưa mắt nhìn quanh lần cuối, rồi bước tới chân cầu thang, cất tiếng gọi với giọng thường ngày: “Bữa ăn sáng đã sẵn sàng!”

Anh mở cửa trước, và bước vài bước trong bầu không khí buổi sáng. Lát sau, khi anh quay vào nàng đã có mặt trong phòng khách, đang loay hoay bày biện lại các món ăn sáng. Nàng ăn mặc rất chỉnh tề, và quãng thời gian từ khi anh gọi nàng chỉ mới hai ba phút, hẳn nàng đã thay đồ xong xuôi hoặc gần xong trước đó. Tóc nàng được vấn thành một cục tròn sau đầu, và nàng đã thay một cái váy mới, bằng len màu xanh nhạt với điểm cổ trắng. Hai bàn tay và gương mặt của nàng có vẻ đang bị lạnh, và có lẽ nàng đã ngồi trong phòng ngủ khá lâu mà không có chút lửa nào để sưởi. Giọng nhả nhặt của Clare khi gọi nàng dường như đã khơi gợi ở nàng, trong khoảnh khắc, một tia hy vọng mới. Nhưng nó sớm lịm tắt khi nàng nhìn anh.

Đôi vợ chồng này chỉ còn là tro tàn của hai ngọn lửa trước đây, thật vậy. Sau nỗi buồn sâu thẳm của đêm hôm trước là sự nặng nề; dường như không gì có thể nhen lên ở họ cảm xúc nồng nhiệt như trước.

Anh nói với nàng rất dịu dàng, và nàng đáp lại với sự dè dặt tương đương. Cuối cùng, nàng bước tới gần anh, chăm chú nhìn vào mặt anh như một người không nghĩ tới việc bản thân mình cũng là một đối tượng của sự quan sát.

“Angel!” nàng nói, rồi dừng lại, chạm vào anh với những ngón tay, nhẹ như một làn gió, như thể nàng không tin rằng đó là da thịt của người đàn ông từng là người yêu của nàng.

Đôi mắt nàng sáng rực, gò má xanh xao của nàng vẫn tròn đầy, dù những giọt lệ đã khô nửa phần để lại trên đó những vết lấp lánh; và đôi môi thường ngày đò mọng của nàng hầu như tái nhợt không kém đôi gò má. Dù sự sống bên trong nàng vẫn rộn ràng, dưới áp lực của nỗi thống khổ tinh thần, nhịp đập ngắt quãng đến độ chỉ cần thúc ép nó thêm chút nữa, nó sẽ làm cho nàng ngã bệnh thật sự, và làm mờ đôi mắt đó, làm mờ đi đôi môi đó.

Trông nàng cực kỳ thuần khiết. Tự nhiên, với trò chơi ngẫu hứng của nó, đã đóng dấu nét trinh nữ ngày thơ lên mặt nàng khiến Clare đăm đăm nhìn nàng với vẻ mặt sững sờ.

“Tess! Hãy nói là nó không có thật! Không, nó không có thật!”

“Nó có thật.”

“Từng từ?”

“Từng từ.”

Anh nhìn nàng với vẻ van nài, như thể anh sẵn lòng đón nhận một lời nói dối từ đôi môi của nàng, biết rằng nó là một lời nói dối, và biến nó thành một sự thật không thể chối bỏ, nhờ một phương pháp nguy biện nào đó. Tuy nhiên, nàng chỉ lặp lại:

“Nó có thật.”

“Anh ta còn sống chứ?” Angel hỏi.

“Em bé đã chết.”

“Nhưng người đàn ông.”

“Anh ta còn sống.”

Một tia tuyệt vọng cuối cùng lướt qua gương mặt của Clare.

“Anh ta ở nước Anh?”

“Phải.”

Anh bước vài bước vô mục đích mà chính bản thân không để ý.

“Quan điểm của tôi là thế này” anh đột ngột nói. “Tôi nghĩ - hẳn người đàn ông nào ở hoàn cảnh như tôi cũng nghĩ thế - rằng bằng cách từ bỏ mọi tham vọng có một người vợ có địa vị xã hội, giàu có, có kiến thức, tôi sẽ tìm được sự thơ ngây cùng chắc chắn như tìm được một đôi má hồng; nhưng... Tuy nhiên, tôi không muốn trách em, và tôi sẽ không làm điều đó.”

Tess hoàn toàn cảm nhận được quan điểm của anh nên không cần nghe tiếp phần còn lại. Trong đó chỉ có phần đau buồn của nó; nàng thấy rằng anh đã mất hết mọi thứ.

“Angel, lẽ ra em không kết hôn với anh nếu em biết điều đó, nói cho cùng, có một phương cách cuối cùng để anh thoát khỏi nó, dù em hy vọng anh sẽ không bao giờ...”

Giọng nàng trở nên khàn đi.

“Một phương cách cuối cùng?”

“Ý em là để thoát khỏi em. Anh có thể thoát khỏi em.”

“Bằng cách nào?”

“Bằng cách ly hôn với em.”

“Chúa ơi, sao em có thể đơn giản như thế! Làm sao tôi có thể ly hôn với em?”

“Không được sao, khi em đã ngỏ lời với anh? Em nghĩ lời thú nhận của em sẽ cho anh lý do về điều đó.”

“Ô, Tess, em quá, quá trẻ con, non nớt, thô thiển, tôi cho là thế! Tôi không biết em là gì nữa. Em không hiểu luật - em không hiểu!”

“Sao, anh không thể ư?”

“Quả thật tôi không thể.”

Một thoảng hổ thẹn pha lẩn đau khổ xuất hiện trên gương mặt của nàng.

“Em đã nghĩ... em đã nghĩ...” nàng thì thào. “Ôi, giờ em thấy với anh em có vẻ xấu xa tới mức nào! Hãy tin em, hãy tin em. Em luôn nghĩ rằng anh có thể ly hôn với em! Em hy vọng anh không làm điều đó; thế nhưng em tin, không chút nghi ngờ, rằng anh có thể vứt bỏ em nếu anh quyết tâm, và không còn yêu em chút nào nữa!”

“Em đã lầm rồi.”

“Ô, lẽ ra lúc đó em nên làm điều đó, hoàn thành nó đêm qua! Nhưng em không đủ can đảm.”

“Đủ can đảm để làm gì?”

Vì nàng không trả lời, anh cầm lấy bàn tay của nàng.

“Em đã nghĩ tới việc thực hiện điều gì?” anh hỏi.

“Tới việc tự kết liễu đời em.”

“Hồi nào”

Nàng co người lại trước cung cách tra hỏi của anh. “Đêm qua” nàng đáp.

“Ở đâu?”

“Dưới nhánh chùm gùi của anh.”

“Ôi trời! Bằng cách nào?” anh nghiêm khắc hỏi.

“Em sẽ nói, nếu anh đừng giận em!” nàng nói, co người lại. “Em tính dùng sợi dây cột rương của em. Nhưng em không thể thực hiện việc cuối cùng! Em sợ rằng nó sẽ gieo tiếng xấu cho anh.”

Tính chất bất ngờ của lời thú nhận miền cương này khiến anh bị sốc thấy rõ. Nhưng anh vẫn nắm chặt tay nàng, và nhìn nàng từ trên xuống dưới, anh nói. “Giờ hãy nghe này. Em không được nghĩ tới một chuyện kinh khủng như thế! Làm sao em có thể! Em phải hứa với tôi, với tư cách chồng em, không được nghĩ tới chuyện đó nữa.”

“Em sẵn sàng hứa. Em đã thấy nó xấu xa thế nào.”

“Xấu xa! Tôi không còn lời để nói rằng ý tưởng đó không xứng đáng với em.”

“Nhưng, Angel à,” nàng van nài, mờ to đôi mắt nhìn anh với sự bình thản, lành đạm, “em nghĩ tới nó hoàn toàn là vì anh, để trả tự do cho anh mà không vướng phải tai tiếng về việc ly hôn mà em nghĩ anh sẽ tiến hành. Em không bao giờ nghĩ tới việc thực hiện nó vì bản thân mình. Tuy nhiên, nói cho cùng, thực hiện nó với chính bàn tay của em là quá tốt cho em. Chính anh, người chồng không may của em, là kẻ ném ra tay. Em nghĩ em sẽ yêu anh hơn, nếu điều đó là có thể, nếu anh có thể tự buộc mình làm điều đó, vì không có lối thoát nào khác cho anh. Em cảm thấy em cực kỳ vô giá trị! Đã làm phiền anh quá nhiều!”

“Suyt!”

“Thôi được, vì anh nói không, em sẽ không nghĩ tới chuyện đó nữa. Em không muốn chồng lại mong muốn của anh.”

Anh biết Tess nói thật. Sau cơn tuyệt vọng đêm qua, sự liều lĩnh của nàng đã tụt xuống mức bằng không, và không cần phải e sợ nàng làm liều lần nữa.

Tess lại cố làm cho mình bận rộn trên bàn ăn sáng với ít nhiều thành công, và họ ngồi xuống, cả hai cùng một phía, để không bắt gặp ánh mắt của nhau. Thoạt tiên họ khá lúng túng khi nghe thấy tiếng ăn uống của mỗi người, nhưng

không thể tránh được điều này; ngoài ra, cả hai đều ăn rất ít. Khi xong bữa, Clare đứng lên, nói cho nàng biết mình muốn ăn bữa trưa lúc mấy giờ, rồi đi tới nhà máy xay để theo đuổi một cách máy móc kế hoạch nghiên cứu hoạt động này, vốn là nguyên do thiết thực duy nhất của anh khi tới đây.

Khi anh đã đi khỏi, Tess tới đứng ở cửa sổ, nhìn thấy anh đang băng qua cây cầu đá lớn dẫn tới nhà máy. Anh khuất bóng sau chiếc cầu, băng qua đường ray tàu hỏa ở mé ngoài, rồi biến mất. Sau đó, với một tiếng thở dài, nàng hướng sự chú ý tới căn phòng, bắt đầu lau dọn bàn và sắp xếp mọi thứ gọn gàng trở lại.

Không lâu sau đó người phụ nữ giúp việc tới. Sự có mặt của bà ta khiến Tess khá căng thẳng vào lúc đầu, nhưng sau đó nàng thấy khuây khỏa hơn. Lúc mười hai giờ rưỡi, nàng bỏ bà ta ở lại một mình trong bếp, quay về phòng khách chờ đợi sự tái xuất hiện của Clare sau chiếc cầu.

Khoảng một giờ Clare xuất hiện. Mặt anh đỏ bừng, dù anh còn cách ngôi nhà khoảng một phần tư dặm. Nàng chạy xuống bếp để dọn bữa trưa kịp lúc anh về tới. Trước tiên anh đi tới căn phòng nơi họ đã rửa tay với nhau ngày hôm trước, và khi anh bước vào phòng khách, những cái nắp đậy thức ăn từ các món được giờ ra như thể do chính cù động của anh.

“Rất đúng giờ!” anh nói.

“Vâng, em đã nhìn thấy anh đi qua cầu” nàng đáp.

Bữa ăn trôi qua với những câu trò chuyện thông thường về những gì anh đã làm trong buổi sáng ở Cối xay Tu viện, về các phương pháp xay xát và máy móc theo kiểu cũ mà anh e rằng sẽ không mấy có ích cho anh trong việc học hỏi những phương pháp cải tiến hiện đại, một số bộ phận của nó dường như đã được sử dụng từ những ngày nó xay bột cho các giáo

sĩ ở tòa nhà tu viện sát bên - giờ chỉ là một đống đổ nát. Khoảng một tiếng sau anh lại rời khỏi nhà, trở về lúc hoàng hôn, và mải mê với những giấy tờ suốt buổi chiều tối. Nàng e rằng nàng cản trở anh, và khi người phụ nữ lớn tuổi đã ra về, nàng quay xuống bếp, cố tìm việc này việc nọ để làm trong hơn một tiếng đồng hồ.

Hình dáng của Clare xuất hiện ở cửa bếp. "Em không được làm việc như thế này" anh nói. "Em không phải là người hầu của tôi, em là vợ tôi."

Nàng ngược mắt lên, nét mặt hơi tươi hơn chút ít. "Thật thế ư, em có thể nghĩ như vậy sao?" nàng lẩm bẩm, với vẻ giễu cợt pha lẫn tự thương thân. "Ý anh là ở danh xưng! Trời, em không muốn bắt cứ thứ gì hơn thế."

"Em có thể nghĩ như vậy, Tess ạ! Em là vậy mà. Em muốn nói điều gì?"

"Em không biết" nàng nói nhanh, với nước mắt trong giọng nói. "Em đã nghĩ... vì em không đáng được tôn trọng, ý em là vậy. Em đã nói với anh em không đáng được tôn trọng từ rất lâu rồi, và vì lý do đó em không muốn lấy anh, chỉ vì... chỉ vì anh đã thúc giục em!"

Nàng bật khóc, và quay lưng về phía anh. Điều này hầu như làm cho tim của bất cứ người đàn ông nào khác phải mềm lại, ngoại trừ Angel Clare. Dù rất ôn hòa và giàu tình cảm, trong những chiều sâu khí chất thăm thẳm của anh ẩn giấu một lớp trầm tích khắc nghiệt về luận lý, giống như một tảng đá trong một khối đất sét, ngăn cản bất kỳ thứ gì cắt ngang qua nó. Nó đã chặn đứng con đường đến với giáo hội của anh; nó cũng chặn đứng con đường đến với Tess của anh. Ngoài ra, bản thân tình yêu của anh có tính chất tỏa sáng hơn là bốc lửa, và khi không còn tin tưởng một người

phụ nữ anh lập tức cắt đứt với nàng ta. Ở khía cạnh này, anh rất khác với những người đàn ông đa cảm vốn vẫn mê mẩn về mặt xác thịt kẻ mà họ khinh bi về mặt lý trí. Anh chờ cho tới khi nàng nín khóc.

“Tôi ước gì phân nửa phụ nữ ở Anh cũng đáng được tôn trọng như em” anh nói với một cảm giác cay đắng sục sôi chống lại nữ giới nói chung. “Đây không phải là vấn đề đáng kính hay không, mà là một vấn đề nguyên tắc!”

Anh nói những câu đại loại suốt một hồi lâu, vẫn còn chao đảo trong làn sóng ác cảm vốn luôn làm biến dạng những tâm hồn ngay thẳng với sự kiên trì khi họ tin chắc rằng mình đã bị lừa dối bởi những vẻ bề ngoài. Thật ra vẫn có một dòng chảy cảm thông ở bên dưới mà thông qua đó một người phụ nữ của thế giới này có thể chinh phục anh. Nhưng Tess không nghĩ tới điều này; nàng xem mọi chuyện là lẽ đương nhiên và gần như không mở miệng. Sự kiên quyết hết lòng hết dạ vì anh quả thật rất đáng thương, dù bản tính tự nhiên dễ nổi giận, nàng vẫn kiên nhẫn lắng nghe những gì Clare nói; nàng không nghĩ tới bản thân, không bức bối, nghĩ rằng cách anh đối xử với nàng không có gì xấu xa cả. Ngay lúc này, như thể nàng là hiện thân của lòng từ ái khoan dung của các tông đồ, đang quay lại một thế giới hiện đại đầy ích kỷ.

Chiều, tối hôm đó và sáng hôm sau trôi qua như ngày hôm trước. Có một lần, chỉ một lần duy nhất - con người tự do và độc lập trước đây của Tess - đã đánh liều tạo ra bất cứ thuận lợi nào. Đó là lần thứ ba anh chuẩn bị lên đường tới nhà máy xay sau bữa ăn. Khi rời bàn, anh nói “Tạm biệt,” và nàng đáp lại nguyên văn, đồng thời nghiêng đôi môi về phía anh. Anh không tận dụng cơ hội trước sự mời mọc này, vừa nói vừa vội vã quay đi:

“Tôi sẽ về nhà đúng giờ.”

Tess co rúm lại như thể vừa bị đánh. Anh từng rất nhiều lần cố chạm vào đôi môi đó trái với ý muốn của nàng - anh từng rất nhiều lần vui vẻ nói rằng miệng nàng và hơi thở của nàng có mùi vị của bơ, trứng và mật ong, những thức ăn thường xuyên chủ yếu của nàng, rằng anh đang hút dưỡng chất từ chúng, cùng những câu nực cười đại loại. Nhưng giờ anh không màng tới chúng. Anh nhận thấy cái co người đột ngột của nàng, và dịu dàng nói:

“Em biết đó, tôi phải nghĩ tới một phương cách giải quyết. Chúng ta buộc phải sống với nhau một thời gian, để tránh tai tiếng có thể xảy ra trong trường hợp chúng ta lập tức chia tay. Nhưng em phải xem đó chỉ là hình thức.”

“Vâng” Tess đáp một cách trống vắng.

Clare bước ra ngoài, và đứng lặng một lúc trên đường tới nhà máy xay, ước ao trong khoảnh khắc rằng giá như anh đáp lại một cách tử tế hơn, ít nhất là hôn nàng một cái.

Họ sống như vậy qua vài ngày tuyệt vọng; trong cùng một ngôi nhà, đúng thế; nhưng cách biệt nhau xa hơn nhiều so với trước khi họ trở thành người yêu của nhau. Nàng nhận thấy rõ ràng rằng Clare, như anh đã nói, đang sống với những hoạt động hầu như tê liệt trong nỗ lực nghĩ tới một kế hoạch xa hơn. Nàng cực kỳ kinh ngạc khi phát hiện sự cứng rắn như thế bên dưới sự mềm yếu rõ ràng. Sự kiên định của anh thật sự quá độc ác. Giờ nàng không còn mong đợi sự tha thứ. Nhiều lần nàng nghĩ tới việc bỏ đi xa trong lúc anh đang đi vắng; nhưng nàng sợ rằng thay vì có lợi cho anh, hành động này này có thể mang ý nghĩa là sự ngăn trở và làm anh bẽ mặt nhiều hơn nếu như mọi người biết được.

Trong lúc đó Clare cũng suy nghĩ rất lung. Những ý nghĩ cứ miên man ập tới và anh phát ốm vì chúng. Chúng bào mòn, rút cạn sinh lực của anh; thiêu rụi mọi cảm xúc của anh trước đó. Anh đi quanh quẩn trong phòng, tự nhủ với mình: “Phải làm gì đây, phải làm gì đây?” Tình cờ nàng nghe thấy những lời đó. Nó khiến nàng nêu ra câu hỏi về tương lai mà cho tới lúc đó họ vẫn tránh đề cập tới.

“Em cho rằng anh sẽ không sống với em lâu, phải không, Angel?” Nàng hỏi, khéo miệng nàng đanh lại, rõ ràng chỉ với nỗ lực tối đa nàng mới có thể duy trì được vẻ điềm tĩnh thiên.

“Tôi không thể khinh rẻ chính mình, và tệ hơn nữa, khinh rẻ em” anh nói. “Ý tôi là dĩ nhiên tôi không thể sống với em theo nghĩa thông thường. Hiện tại, dù tôi cảm thấy thế nào, tôi vẫn không coi thường em. Và tôi xin nói thẳng, không thì có thể em sẽ không nhìn thấy những khó khăn của tôi. Làm sao chúng ta có thể sống với nhau trong khi người đàn ông đó vẫn đang sống? - về bản chất, anh ta là chồng của em chứ không phải tôi. Nếu anh ta chết, sự tình có thể khác... Ngoài ra, đó không phải là tất cả những khó khăn; nó nằm ở một phương diện khác - dính dáng tới tương lai của những người khác ngoài chúng ta. Cứ nghĩ tới nhiều năm sắp tới, chúng ta sẽ có con cái, và quá khứ này bị phát hiện - vì nó phải bị phát hiện. Không có góc xa xôi nhất nào trên trái đất mà không có người đi kè đến. Hãy nghĩ tới việc những đứa con ruột thịt của chúng ta lớn lên dưới một vết nhơ và sẽ dần dần nhận thức rõ ràng hơn về sự ô nhục này theo năm tháng. Một sự thức tỉnh đáng sợ biết bao đối với chúng! Một viễn cảnh kinh khủng biết bao! Em có thể nói một cách trung thực “vẫn sống với nhau” sau khi suy nghĩ về trường hợp đó hay không? Em không nghĩ là tốt hơn chúng ta nên chịu đựng sự rủi ro của mình thay vì gánh thêm những rắc rối khác hay sao?”

Đôi hàng mi của nàng vẫn rũ xuống như trước đó, triu nặng u buồn.

“Em không thể nói ‘vẫn sống với nhau’” nàng đáp. “Em không thể; em không nghĩ xa đến thế.”

Tôi (tác giả) phải thừa nhận điều này, bất chấp mọi chuyện đã xảy ra, nàng vẫn níu giữ niềm hy vọng đây nữ tính rằng cuộc sống gia đình dưới một mái nhà cuối cùng sẽ phá tan sự lạnh lùng của Clare, thậm chí chống lại sự xét đoán của anh. Dù chất phác theo ý nghĩa thông thường, nàng là một phụ nữ đúng nghĩa; và nữ tính của nàng sẽ bị khiếm khuyết nếu nàng không biết một cách bản năng rằng sức mạnh nằm ở cuộc sống chung gần gũi. Nàng hiểu không gì khác có thể giúp nàng nếu nàng thất bại trong việc này. Nàng tự nhủ rằng hy vọng vào một điều mà về bản chất là mưu mô xảo trá là không đúng, thế nhưng nàng không thể dập tắt niềm hy vọng đó. Giải thích cuối cùng của Clare đã được đưa ra, và như nàng nói, nó là một cách nhìn mới. Nàng thật sự chưa bao giờ nghĩ xa đến thế, và bức tranh rõ ràng của anh về những đứa con có thể có, những kẻ sẽ khinh rẻ nàng là một bức tranh mang tới những lời kết án chết người đối với một trái tim trung thực giàu lòng nhân ái. Từ kinh nghiệm của chính mình, nàng biết rằng trong một số hoàn cảnh có điều tốt hơn là sống một cuộc đời tốt đẹp, đó là được giải thoát khỏi việc sống bất cứ cuộc sống nào. Như tất cả những ai từng gánh chịu khổ đau, nàng có thể, như lời của Sully-Prudhomme⁽¹⁾, nghe thấy một lời tuyên án, “Các người sẽ được sinh ra,” như thể dành riêng cho những đứa con có thể có của chính nàng.

1. Nhà thơ, nhà tiểu luận người Pháp (1839 - 1907), ông là người đầu tiên giành được giải Nobel văn chương năm 1901.

Thế nhưng, đó là trò đùa xảo quyết của Nàng Tự nhiên, cho tới lúc này, Tess vẫn bị che mắt bởi tình yêu dành cho Clare, không hề nghĩ tới những hậu quả có thể có, không nghĩ rằng cái mà nàng xem là vận rủi của chính nàng có thể ảnh hưởng tới những người khác.

Vì thế nàng không thể chống lại lý lẽ của anh. Nhưng với xu hướng tự chống lại chính mình của một kẻ quá nhạy cảm, một câu trả lời này sinh trong đầu của Clare, và anh gần như sợ nó. Nó dựa trên những đặc tính thuộc bản chất của Tess và nàng có thể tận dụng nó. Ngoài ra nàng có thể nói thêm rằng: “Ở một vùng cao của nước Úc, hoặc một đồng cỏ ở Texas, có ai biết hoặc quan tâm tới những rủi ro của em hay chỉ trích em hoặc anh?” Thế nhưng, giống như đại đa số phụ nữ, nàng chấp nhận nỗi e sợ vừa nảy sinh như thể nó là điều không thể tránh khỏi. Và có thể là nàng đúng. Trực giác của quả tim phụ nữ không chỉ biết nỗi cay đắng của chính nó mà cả quả tim của người chồng, thậm chí nếu không có khả năng kẻ xa lạ sẽ đưa ra những lời chỉ trích đối với nàng hay đối với Clare, chúng có thể đến tai anh từ chính bộ não khó tính của anh.

Đó là ngày thứ ba hai bên trở nên xa lạ. Có người sẽ đánh liều đưa ra một nghịch lý lạ lùng rằng giá như Clare có nhu cầu nhục dục mạnh mẽ hơn, hẳn anh sẽ là người cao thượng hơn. Tôi không nói thế. Thế nhưng chắc chắn tình yêu của Clare quá nghiêng về mặt tinh thần, quá giàu tưởng tượng vốn trái với cuộc sống đời thường. Một bản chất như thế không cần tới sự hiện diện của người yêu nhiều bằng sự vắng mặt của họ, vì sự xa cách tạo nên một hình ảnh lý tưởng, không có những khuyết điểm của con người thật sự. Tess nhận ra sự hiện diện của nàng không có nhiều tác động tới Clare như nàng dự đoán. Câu nói ẩn dụ của anh rất đúng:

nàng là một phụ nữ khác chứ không phải kẻ đã kích thích sự khao khát của anh.

“Em đã suy nghĩ kỹ về những gì anh nói” nàng nói với Clare, di chuyển ngón trỏ trên tấm khăn trải bàn, bàn tay kia, vốn mang chiếc nhẫn chế giễu cả hai người bọn họ, đang đeo trán của nàng. “Tất cả đều hoàn toàn đúng; phải làm như thế. Anh phải rời xa em.”

“Nhưng em có thể làm gì?”

“Em có thể trở về nhà.”

Clare đã không nghĩ tới điều đó.

“Em chắc chứ?” anh hỏi.

“Hoàn toàn chắc chắn. Chúng ta nên chia tay, và chúng ta nên nhanh chóng thực hiện điều này. Có lần anh đã nói rằng em thu hút đàn ông trái với lý trí của họ; nếu em thường xuyên ở trước mặt anh, em có thể khiến cho anh thay đổi những kế hoạch trái với lý trí và mong muốn của anh, rồi sau đó sự ân hận của anh và nỗi buồn của em sẽ rất kinh khủng.”

“Em muốn về nhà thật?”

“Em muốn rời khỏi anh và trở về nhà.”

“Vậy cứ như thế đi.”

Dù không ngẩng lên nhìn anh, nàng giật mình. Nàng lập tức cảm thấy có một khác biệt giữa lời đe nghị và sự cam kết.

“Em đã sợ mọi chuyện sẽ đến nước này” nàng lẩm bẩm, nét mặt nàng có vẻ bối rối lẫn phục tùng. “Em không than phiền, Angel ạ, em nghĩ đó là điều tốt nhất. Những gì anh nói hoàn toàn thuyết phục đối với em. Phải, dù sẽ không ai khác chỉ trích em nếu chúng ta vẫn sống với nhau, một lúc nào đó, vài năm nữa, anh có thể nỗi giận với em vì bất cứ chuyện bình thường nào, và do biết rõ quá khứ của em, anh

có thể nói những lời không hay, và có lẽ các con của em có thể nghe thấy chúng. Chao ôi, cái chỉ làm em tổn thương lúc này sẽ hành hạ và giết chết em khi đó! Ngày mai em sẽ đi.”

“Tôi cũng sẽ không ở lại đây. Dù tôi không thích nói ra điều này, tôi đã thấy rằng tốt nhất chúng ta nên chia tay, ít nhất là một thời gian, cho tới khi tôi có thể nhìn thấy rõ hơn những gì đã xảy ra, và có thể viết thư cho em.”

Tess len lén nhìn chồng. Anh xanh xao, thậm chí đang run rẩy; nhưng như trước đó, nàng choáng váng vì sự quyết tâm nằm ở chiều sâu của con người dịu dàng mà nàng đã kết hôn - ý chí muốn áp đảo những cảm xúc thô thiển bằng những cảm xúc tinh tế hơn, áp đảo vật chất bằng ý niệm, áp đảo xác thịt bằng tinh thần. Những khuynh hướng, thói quen, như những chiếc lá chết trong cơn gió tàn bạo của trí tưởng tượng mạnh mẽ của anh.

Có lẽ anh nhìn thấy ánh mắt của nàng, vì thế anh giải thích:

“Tôi nghĩ về mọi người tốt đẹp hơn khi ở cách xa họ” và nói thêm với vẻ mỉa mai, “Có Chúa biết, có lẽ một ngày nào đó chúng ta sẽ sống với nhau trở lại, vì mệt mỏi; hàng ngàn người đã làm như thế!”

Hôm đó anh bắt đầu thu xếp hành lý. Nàng lên gác và cũng bắt đầu thu xếp. Trong thâm tâm, cả hai đều biết rằng sáng hôm sau họ có thể chia tay mãi mãi, dù lúc này họ che đậy việc ra đi với những phỏng đoán có tính chất an ủi, bởi họ là dạng người xem bắt cứ cuộc chia tay nào có vẻ như lần chia tay cuối là một sự hành hạ. Clare biết, và Tess biết, rằng dù sự lôi cuốn của mỗi người đối với người kia - về phần nàng nó không hề phụ thuộc vào những ưu điểm của nàng - chắc chắn sẽ trở nên mạnh mẽ hơn nhiều vào những ngày

xa cách đầu tiên, thời gian sẽ bào mòn nó; những lý lẽ thiết thực chống lại việc chấp nhận nàng với tư cách một người vợ sẽ lên tiếng mạnh mẽ hơn trong ánh sáng lạnh lẽo của những ngày sắp tới. Hơn nữa, khi hai người đã có một lần chia tay - đã từ chối cuộc sống chung và môi trường chung - những mầm mống mới không thể nhận biết sẽ mọc lên để lấp đầy từng khoảng trống; những sự cố không thể lường trước sẽ ngăn trở những dự định, và các kế hoạch xưa cũ sẽ bị lãng quên.

Chương 37

Nửa đêm đến và trôi qua lặng lẽ, vì không có gì thông báo về nó ở Thung lũng sông Froom.

Không lâu sau một giờ sáng, có tiếng cọt kẹt khẽ trong ngôi nhà nông trại từng là nhà ở của dòng họ d'Urberville. Tess, vốn nằm ngủ ở căn phòng bên trên, nghe thấy nó và thức giấc. Nó đến từ bậc thanh góc của cầu thang, vốn được đóng đinh một cách lỏng lẻo như thường lệ. Nàng nhìn thấy cửa phòng ngủ của mình mở ra, và hình dáng của chồng nàng băng qua dòng ánh trăng, với bước đi cẩn thận một cách lạ lùng. Anh chỉ mặc quần dài và áo sơ mi, nét mặt ửng hồng do mừng vui của nàng nhanh chóng mất đi khi nàng nhận ra đôi mắt của anh chết sững trong cái nhìn trống rỗng. Khi đi tới giữa phòng, anh đứng im và lẩm bẩm với một giọng buồn vô tả:

“Đã chết! Đã chết! Đã chết!”

Thỉnh thoảng Clare lại bị mộng du khi chịu tác động của bất cứ sự cố ấn tượng nào, thậm chí thực hiện những hành vi lạ lùng, như anh đã từng thực hiện vào cái đêm họ trở về từ khu chợ ngay trước ngày hôn lễ, khi anh tái diễn cuộc đánh nhau với người đàn ông đã sỉ nhục nàng. Tess nhận ra tâm trạng lo buồn liên tục giờ đang đưa anh vào trạng thái mộng du đó.

Lòng trung thành và sự tin cậy đặt vào anh nắm sâu trong tim nàng đến nỗi dù thức hay ngủ, anh không gợi lên ở nàng một sự sợ hãi nào. Giả sử anh bước vào với một khẩu súng, nàng cũng vẫn tin cậy vào sự bảo vệ của anh.

Clare tới gần và cúi xuống bên trên nàng. “Đã chết, đã chết, đã chết!” anh lẩm bẩm.

Sau khi chăm chú nhìn nàng một lúc với ánh mắt buồn bã vô hồn trước đó, anh cúi xuống thấp hơn, vòng tay ôm lấy nàng, cuộn tròn nàng trong tấm vải trải giường như thể nó là một tấm vải liệm. Rồi bế nàng ra khỏi giường với sự tôn trọng mà người ta thường thể hiện với một thi thể, băng qua căn phòng và lẩm bẩm: “Tess tội nghiệp, khổn khổ của tôi, Tess thân yêu nhất của tôi! Rất đáng yêu, rất ngoan hiền, rất đúng!”

Những lời triu mến, vốn bị kìm néń một cách nghiêm khắc trong những giờ giấc anh tinh táo, ngọt ngào không thể tả đối với trái tim lè loi và khao khát của nàng. Nếu đó là sự giải thoát cho nàng khỏi cuộc sống mệt mỏi, nàng sẽ không cử động hay vùng vẫy để kết thúc tình thế mà nàng đang làm vào. Do vậy nàng nắm bắt động tuyệt đối, hầu như không dám thở, và tự hỏi anh sẽ làm gì với nàng, để mặc cho anh bế nàng tới đầu cầu thang.

“Vợ tôi - đã chết, đã chết!” anh nói.

Anh dừng lại một lúc, tựa người vào lan can cùng với nàng. Anh có ném nàng xuống hay không? Sự quan tâm tới bàn thân gần như đã tắt hẳn trong nàng, và đã biết rằng anh dự định lên đường vào ngày mai, có lẽ là mài mài, nàng nắm trong tay anh giữa tình thế mong manh này với một cảm giác sung sướng hơn là hoảng hốt. Giá như họ cùng té xuống với nhau, và cả hai tan nát thành từng mảnh, thì thật thích hợp, thật đáng ước ao.

Tuy nhiên, anh không để cho nàng rơi xuống, mà lợi dụng sự hỗ trợ của lan can để dán một nụ hôn lên môi nàng - đôi môi mà sáng nay còn bị khinh miệt. Rồi anh lại ôm chặt lấy nàng và bước xuống thang. Tiếng cột kẹt của cái cầu thang lồng lèo không đánh thức anh, và họ xuống tới tầng trệt an toàn. Buông một tay khỏi thân hình nàng trong khoảnh khắc, anh gạt then cài cửa và bước qua, và nhẹ ngón chân mang vớ vào mép cánh cửa. Nhưng đường như anh không để ý, và sau khi đã có chỗ trống trong bầu không khí ngoài trời, anh lại nhấc nàng lên vai để mang nàng đi dễ dàng hơn. Tầm vài trại giường mòng khiến gánh nặng của anh nhẹ hơn nhiều. Cứ thế anh vác nàng ra khỏi ngôi nhà, đi về hướng dòng sông cách đó vài thước.

Nàng chưa hình dung được ý định cuối cùng của anh là gì, nếu có; và nàng nhận ra mình đang phỏng đoán tình thế như một người thứ ba. Nàng giao phó toàn bộ cuộc sống của mình cho anh một cách dễ dàng đến nỗi nàng vui sướng khi nghĩ anh đang xem nàng như báu vật mà anh có thể thủ đắc nếu muốn. Dưới nỗi kinh hoàng đang treo lơ lửng của cuộc chia tay ngày mai, thật ấm lòng khi cảm thấy lúc này anh thật sự công nhận nàng là Tess vợ của anh, và không vứt bỏ nàng, thậm chí trong sự công nhận đó anh đi xa đến độ tự ban cho mình cái quyền gây tổn hại cho nàng.

Ô! Giờ thì nàng đã biết anh đang mơ thấy cái gì - cái buổi sáng Chủ nhật đó, khi anh bế nàng và các cô thợ vắt sữa khác qua vùng nước ngập; họ cũng yêu anh nhiều gần như nàng, nếu có thể, nhưng Tess hầu như không tin điều đó. Clare không băng qua cầu mà đi tiếp dọc mé bên này tới nhà máy xay kẽ bên, và cuối cùng đứng im trên bờ sông.

Khi tràn xuống những dặm đất đồng cỏ này, dòng nước thường chia nhở ra, chảy ngoằn ngoèo vô phương hướng,

khoanh tròn quanh những hòn đảo nhỏ không tên, quay trở lại và tái hóa thân chúng thành một dòng chảy lớn tiến về phía trước. Đối diện với địa điểm anh vác nàng tới là một hợp lưu như vậy, dòng sông khá rộng và sâu. Bắc ngang qua nó là một chiếc cầu đi bộ hẹp; nhưng lúc này dòng chảy mùa thu đã cuốn trôi cái lan can cầu, chỉ để lại phần ván cầu trơ trọi, nằm bên trên dòng nước chảy xiết vài phân, tạo thành một lối đi chong mặt đối với ngay cả những cái đầu vũng vàng nhất; và Tess đã nhìn thấy từ cửa sổ vào lúc ban ngày những thanh niên bước qua nó như một chiến công trong việc giữ thăng bằng. Chắc chắn chổng nàng cũng đã quan sát sự biểu diễn đó; dù sao, lúc này anh bắt đầu bước lên tấm ván và trượt một chân tới trước, dò dẫm bước qua.

Anh có nhấn chìm nàng không? Có lẽ thế. Chỗ này vắng vẻ, dòng sông đủ sâu và rộng để dễ dàng hoàn thành một mục đích như thế. Anh có thể nhấn chìm nàng nếu anh muốn; dù gì cũng tốt hơn chia tay vào ngày mai để sống những cuộc đời chia cách.

Dòng nước xiết lồng lên và xoáy tròn bên dưới họ, bắn vọt lên, biến dạng và xé đôi bóng vàng trăng. Những mảng bọt trôi qua, và rong rêu bị dồn thành đống. Nếu lúc này cả hai cùng rơi vào dòng nước, tay họ bám chặt vào nhau đến độ họ không thể nào sống sót; họ sẽ rời khỏi cõi trần ai hẫu như không đau đớn, và sẽ không còn ai chỉ trích nàng hoặc chỉ trích anh vì đã kết hôn với nàng. Nửa giờ cuối cùng với nàng sẽ là nửa giờ của yêu thương, trong khi nếu họ sống cho tới khi anh tỉnh giấc, ác cảm ban ngày của anh sẽ quay trở lại, và giờ khắc này sẽ bị xem như một giấc mộng thoảng qua.

Nhip đập trái tim rộn lên trong nàng, nhưng nàng không dám chiểu theo nó, chỉ cần một cử động cả hai sẽ rơi vào xoáy nước. Cách nàng đánh giá đời mình đã được chứng

minh; nhưng còn cuộc đời anh, nàng không có quyền can thiệp. Anh tới mé bên kia cầu với nàng một cách an toàn.

Ở đây, họ đang ở trong một đồn điền trước kia là đất của tu viện. Clare sửa lại tư thế của nàng trên vai và đi tiếp cho đến lúc họ tới chỗ dành cho ca đoàn của tu viện. Sát mí bức tường phía bắc là cái quan tài bằng đá trống rỗng của một tu viện trưởng, trong đó những du khách đã từng nằm duỗi dài để tìm cảm giác mạnh. Clare cẩn thận đặt nàng vào đó. Sau khi hôn đôi môi nàng lần thứ hai, anh thở một hơi thật sâu, như thể đã đạt được kết quả vô cùng mong muôn. Sau đó, anh nằm xuống nền đất bên cạnh, nhanh chóng rơi vào một giấc ngủ ngắn say như chết vì kiệt sức, và bất động như một khúc gỗ. Cơ phán khích tinh thần tạo nên nỗ lực giờ đã kết thúc.

Tess ngồi dậy trong cỗ quan tài. Dù đêm khô và ôn hòa trong mùa này, tiết trời đủ lạnh để Clare gặp nguy hiểm nếu nằm đó lâu trong bộ quần áo phong phanh. Nếu nàng bò mặc, rất có thể anh sẽ ở lại đó tới sáng và bị lạnh cóng cho tới chết. Nàng từng nghe nói tới những cái chết như thế sau khi bị mộng du. Nhưng làm sao nàng dám đánh thức anh, và nói cho anh biết những gì anh đã làm, khi việc phát hiện ra sự điên rồ của mình sẽ làm cho anh bẽ mặt? Tuy nhiên, Tess bước ra khỏi cái nhà tù bằng đá của mình, và khẽ lay anh, nhưng không thể đánh thức anh mà không dùng tới sức mạnh. Nhát thiết phải làm một điều gì đó, bởi nàng cũng bắt đầu run rẩy, tẩm vải chỉ là một sự bảo vệ rất sơ sài. Sự phán khích của nàng ở mức độ nào đó đã giữ ấm cho nàng trong vài phút mạo hiểm; nhưng thời gian hạnh phúc đó đã qua rồi.

Nàng đột nhiên này ra ý nghĩ thử thuyết phục, thế là nàng thì thầm vào tai anh với toàn bộ quyết tâm và sự dứt khoát mà nàng có được: “Chúng ta hãy đi tiếp, anh yêu” đồng

thời nằm lấy cánh tay anh. Nàng cảm thấy nhẹ nhõm khi anh ưng thuận không chống đối; rõ ràng những lời của nàng đã đưa anh trở lại giấc mơ mà dường như từ đó trở đi đã chuyển sang một giai đoạn mới, trong đó anh tưởng tượng nàng đã trỗi dậy như một linh hồn, và đang dẫn anh tới Thiên đàng. Cứ thế nàng dùi anh đi tới chiếc cầu đá trước cửa ở của họ, băng qua và tới trước cửa nhà. Tess không có vật gì che chở bàn chân, những hòn đá làm nàng bị thương và lạnh thấu xương, nhưng Clare có mang tất len và có vẻ như vẫn ổn.

Không còn khó khăn nào nữa. Nàng vỗ về anh nằm xuống chỗ ngủ của anh trên chiếc trường kỷ, và đắp chăn cho anh, đốt một lò sưởi tạm thời để hong khô quần áo của anh. Nàng nghĩ tiếng ồn của những hành động này có thể đánh thức anh, và thầm kín ước ao rằng chúng có thể. Nhưng tâm trí và cơ thể anh kiệt quệ đến độ anh vẫn ngủ say sưa.

Rạng đông sáng hôm sau, Tess đoán rằng Angel biết rất ít hoặc không biết gì về việc nàng có liên quan tới cuộc du ngoạn đêm đó, dù, khi nhìn lại chính mình, anh có thể biết rằng anh đã không nằm yên. Thật sự, sáng hôm đó anh đã thức giấc sau một giấc ngủ sâu; và trong những khoảnh khắc đầu tiên, bộ nào của anh, như một Samson tự đánh thức mình, cố vận dụng sức mạnh của nó, và anh có nhận thức lờ mờ về hoạt động bất thường trong đêm. Nhưng những tình huống thực tế thay phòng đoán đó bằng những vấn đề khác.

Anh chờ cho tới khi dòng suy nghĩ trở nên rõ ràng; anh biết rằng nếu bất kỳ quyết định nào đã đưa ra vào đêm hôm trước, ngay cả khi nó xuất phát từ cảm xúc, sẽ không biến mất trong ánh sáng ban ngày, nó dựa trên những lập luận của lý trí, và do đó đáng được tin cậy. Trong ánh sáng ban mai nhợt nhạt, một lần nữa anh quyết định chia tay với Tess; đây không phải là quyết định nóng vội, xuất phát từ lòng

cảm phản. Bị tước mất nhiệt tình đã đốt cháy nó, nó chỉ là bộ xương của quyết định trước đó, nhưng dù sao nó cũng là quyết định cuối cùng. Anh không còn do dự nữa.

Trong bữa ăn sáng, và trong khi họ thu xếp vài thứ đồ còn lại, anh để lộ sự mệt nhọc do nỗ lực đêm trước một cách rõ ràng đến độ suýt chút nữa Tess đã kể lại tất cả những gì đã xảy ra; nhưng ý nghĩ rằng nó sẽ làm anh nổi giận, đau khổ, cảm thấy mình lố bịch, khi biết rằng anh đã thể hiện một cách bản năng tình cảm say đắm dành cho nàng, điều mà lý trí anh không cho phép, rằng khuynh hướng của anh đã thỏa hiệp với phẩm cách của anh khi lý trí ngủ yên, lại một lần nữa ngăn cản nàng. Việc đó không khác gì cười nhạo một người đàn ông tinh táo vì những hành vi khác thường của anh ta trong lúc đang say.

Nàng cũng sức nghĩ rằng có thể anh có một ký ức mơ hồ về sự dịu dàng dành cho nàng trong một giấc mơ, và không muốn nói tới nó do niềm tin rằng nàng sẽ lợi dụng cơ hội này để nài nỉ anh đừng chia tay một lần nữa.

Anh đã gửi thư thuê một cỗ xe từ thị trấn gần nhất, và không lâu sau bữa ăn sáng nó tới nơi. Nàng nhìn thấy ở nó khởi đầu của sự kết thúc - ít nhất là một kết thúc tạm thời, vì việc anh để lộ sự quan tâm của mình trong sự cỗ đêm qua đã khơi gợi những ước mơ về một tương lai khả dĩ với anh. Hành lý được chất trên mui xe, và người xà ích chờ họ đi, ông chủ nhà máy xay và người phụ nữ giúp việc lớn tuổi có vẻ ngạc nhiên trước sự khởi hành vội vàng của họ. Clare viện lý do rằng nhà máy xay đó không phải là kiểu hiện đại mà anh muốn đầu tư, một phát biểu đúng trong chừng mực nào đó. Ngoài ra, họ không có biểu hiện gì khác để hai người kia nghĩ tới một tấn bi kịch, và cũng không bác bỏ lý do khả dĩ rằng họ cùng đi với nhau để thăm viếng bạn hữu.

Lộ trình của họ gần trại bò sữa nơi họ đã lên đường với niềm vui lớn lao trước đó vài hôm, và vì Clare muốn kết thúc công việc với ông Crick, Tess không thể tránh một chuyến thăm viếng bà Crick, nếu không họ sẽ nghi ngờ tình trạng hôn nhân hạnh phúc của nàng.

Để giữ cho chuyến thăm viếng càng kín đáo càng tốt, họ bỏ lại cỗ xe cạnh cánh cửa nhỏ dẫn từ con đường lớn tới ngôi nhà nông trại, rồi cùng sánh bước tiến vào. Luống liễu gai đã được cắt, họ có thể nhìn bên trên những gốc cây tới địa điểm nơi Clare đã đi theo nàng khi anh nài nỉ nàng đồng ý lấy anh; ở bên trái là khu vực có rào nơi nàng đã bị tiếng đàn hạc của anh mê hoặc; và xa xa, sau những cái chuồng bò, là cánh đồng cỏ nơi họ ôm nhau lần đầu. Màu vàng ruộm của bức tranh mùa hè giờ chuyển sang màu xám, màu của đất bùn màu mỡ và của dòng sông lạnh lẽo.

Ông chủ trại nhìn thấy họ qua cánh cổng sân, đi tới đón họ với nét mặt tươi vui vốn được xem là thích hợp ở Talbothays và những nơi lân cận của nó khi gặp lại đôi vợ chồng mới cưới. Sau đó bà Crick từ trong nhà bước ra, rồi nhiều người quen cũ khác của họ, dù Marian và Retty không có mặt ở đó.

Tess can đảm chịu đựng những cuộc tấn công ranh mãnh và những lời cợt đùa thân mật của họ. Chúng tác động tới nàng mạnh mẽ hơn họ nghĩ nhiều. Trong thỏa thuận ngầm giữa vợ và chồng để giữ bí mật tình trạng bất hòa của họ, họ cố cư xử một cách bình thường. Thế rồi, dù không muốn nghe thấy lời nào về tài đó, Tess buộc phải lắng nghe chi tiết câu chuyện của Retty, Marian và Retty. Retty trở về nhà của cha mình, còn Marian phải ra đi để tìm việc ở nơi khác. Mọi người e rằng cô sẽ gặp phải một nơi không tốt.

Để xua tan nỗi buồn của câu chuyện này, Tess đi ra ngoài và chào từ giã tất cả những con bò cái yêu thích của nàng, vuốt ve từng con, khi nàng và Clare đứng sát bên nhau trước lúc ra đi, như thể một thân thể và tâm hồn hợp nhất, có một cái gì đó đặc biệt khốn khổ đối với ai biết rõ sự thật; ở bê ngoài, cuộc đời của cả hai hòa thành một, tay trong tay, vạt áo của nàng chạm vào anh, cùng nhìn về một hướng, họ chào từ giã những người trong nông trại, tự xưng là “chúng tôi”, thế nhưng cách xa nhau như hai cực địa cầu. Hắn trong thái độ của họ phải có gì đó cảng thẳng, thiếu tự nhiên, và họ lúng túng khi đóng vai trò của một đôi vợ chồng yêu nhau thắm thiết, một sự lúng túng khác hẳn với vẻ e thẹn tự nhiên của những đôi vợ chồng trẻ. Thế nên khi họ đã đi khỏi, bà Crick nói với chồng:

“Anh mắt của cô ta thật khác thường, họ đứng cứ như hai hình nhân bằng sáp và nói như thể họ đang ở trong một giấc mơ! Ông có ngạc nhiên với điều đó không? Tess vẫn luôn có gì đó hơi kỳ lạ, và lúc này trông cô ta hoàn toàn không giống một cô dâu tự hào của một người đàn ông có địa vị.”

Họ trèo lên xe, được chờ đi theo những con đường dẫn tới Weatherbury và Stagfoot Lane, cho tới khi họ tới lữ quán Lane. Clare trả lại cỗ xe và người xà ích tại đó. Họ nghỉ ngơi một lúc, sau đó một cỗ xe khác được điều khiển bởi một người lạ không biết gì về quan hệ của họ tiến vào thung lũng và chờ họ về hướng nhà nàng. Ở một ngà tư vừa qua khỏi Nuttlebury, Clare bảo người xà ích dừng xe lại và nói với Tess rằng nếu nàng định trở về nhà của mẹ mình anh sẽ chia tay với nàng tại đây. Vì họ không thể nói chuyện thoải mái trước sự có mặt của người xà ích, anh để nghị nàng cùng đi bộ với anh vài bước dọc một trong những con đường nhánh. Nàng xuống xe và bảo người xà ích chờ vài phút, rồi cùng đi với anh.

“Giờ chúng ta hãy cố hiểu nhau” anh dịu dàng nói. “Giữa chúng ta không có giận hờn gì cả dù có một điều mà hiện tại tôi không thể chịu đựng được. Tôi sẽ cố đương đầu với nó. Tôi sẽ báo cho em biết nơi tôi tới ngay khi bản thân tôi biết. Và nếu tôi có thể trở nên quen thuộc với điều mà bây giờ tôi không chịu nổi - nếu cần thiết và có thể - tôi sẽ tới tìm em. Nhưng cho tới lúc đó tốt hơn em đừng nên cố tìm gặp tôi.”

Đối với Tess, mệnh lệnh nghiêm khắc này không khác chi một bản án tử hình; nàng biết rõ cách anh nhìn mình; anh không thể nhìn nàng trong ánh sáng nào khác ngoài thứ ánh sáng của một kẻ đã trắng trợn dối lừa anh. Thế nhưng ngay cả một người phụ nữ đã làm những gì nàng từng làm có đáng gánh chịu tất cả những cách đối xử này không? Nhưng nàng không thể tranh luận việc này với anh thêm nữa. Nàng chỉ đơn giản lặp lại những lời của chính anh.

“Cho tới khi anh tới gặp em em không được cố tìm gặp anh?”

“Đúng thế.”

“Em có thể viết thư cho anh không?”

“Ô, có, nếu em bị bệnh, hoặc cần bắt cứ thứ gì. Tôi hy vọng em sẽ không làm vào trường hợp đó; cũng có thể tôi sẽ viết cho em trước.”

“Em đồng ý với những điều kiện này, Angel; vì anh biết rõ nhất nên trừng phạt em như thế nào; chỉ có điều... chỉ có điều đừng thực hiện nó quá mức em có thể chịu đựng!”

Đó là tất cả những gì nàng nói về vấn đề này. Nếu Tess là người ranh ma, diễn một vở tuồng, ngất xỉu, gào khóc điên cuồng, tại đây, trên con đường vắng vẻ này, bất

chấp cơn thịnh nộ của anh, có lẽ anh sẽ không chống lại nàng. Nhưng nàng đã quen với những đau khổ kéo dài, và muốn tạo sự dễ dàng hơn cho anh - bàn thân nàng là người ủng hộ anh nhiều nhất. Cả lòng kiêu hãnh của nàng cũng nhường chỗ cho sự phục tùng, vốn có lẽ là dấu hiệu của sự chấp nhận cơ may một cách khinh suất rất hiển nhiên trong toàn bộ gia tộc d'Urberville; và những sợi dây đàn của trái tim nàng, vốn có thể tạo ra những hợp âm hiệu quả thông qua một lời cầu khẩn, đã bị bờ mặc không chạm tới.

Phần trao đổi còn lại của họ chỉ là những vấn đề thiết thực. Anh trao cho nàng một gói nhỏ chứa khoản tiền kha khá mà anh đã rút từ ngân hàng cho mục đích này. Anh khuyên nàng nên gửi ngân hàng số nữ trang và kim cương mà dường như chỉ là của Tess trong cuộc đời nàng (nếu anh hiểu mong muốn của người quá cố), và nàng dễ dàng đồng ý điều này.

Khi đã sắp xếp xong mọi việc, anh và Tess đi bộ trở lại cỗ xe, và giúp nàng trèo vào xe. Anh cũng thanh toán tiền thuê xe và nói với người xà ích nơi cần đưa nàng tới. Sau đó anh cầm lấy túi xách và cây dù của mình - những thứ duy nhất anh mang theo tới đây - rồi chào từ giã nàng. Họ chia tay tại đó và khi đó.

Cỗ xe ì ạch bò lên một sườn đồi, và Clare dõi nhìn theo nó với một hy vọng không định trước rằng Tess sẽ nhìn ra cửa sổ một lúc. Nhưng nàng không hề nghĩ tới việc thực hiện điều đó, cũng không dám đánh liều, chỉ nằm trong xe, gần như ngất xỉu. Anh chứng kiến nàng dần xa như vậy, và trong niềm đau khổ, anh đọc câu thơ của một nhà thơ, với những cải biên của chính anh:

Chúa không ở trên thiên đường:
Mọi thứ trên trần thế đều *bất ổn*!⁽¹⁾

Khi Tess đã đi qua định đồi, anh quay lại và đi tiếp con đường của mình, hâu như không biết rằng anh vẫn còn yêu nàng tha thiết.

1. Hai câu thơ này trích trong vở kịch thơ *Pippa Passes* của nhà thơ, kịch tác giả Anh Robert Browning (1812 - 1889). Nguyên văn: "God's in his heaven: All's right with the world!" Clare đã thêm từ phủ định "not" vào câu trên và thay chữ "right" trong câu dưới bằng chữ "wrong".

Chương 38

Trong lúc Tess ngồi xe đi qua Thung lũng Blackmoor, và cảnh vật thời niên thiếu của nàng bắt đầu mờ ra trước mắt, nàng tự đánh thức mình khỏi trạng thái ngẩn ngơ. Ý nghĩ đầu tiên là nàng có thể đổi mặt với cha mẹ bằng cách nào?

Nàng tới một cánh cổng ngăn trên con đường dẫn tới làng. Nó được mở rộng bởi một người lạ, không phải ông lão đã canh giữ nó suốt nhiều năm, và là người nàng biết rất rõ. Có lẽ ông cụ nghĩ việc để hưởng ngày Năm Mới, cái ngày có nhiều thay đổi. Do đạo gần đây không nhận được tin tức gì từ nhà, nàng hỏi thăm người gác cánh cổng ngăn về những tin tức mới.

“Ô, không có gì, thưa cô” ông ta đáp. “Marlott vẫn là Marlott. Có một vài người qua đời. Trong tuần này, John Durbeyfield đã tổ chức mừng lễ cưới của con gái, cô lấy một quý ông chủ nông trại; không phải từ chính ngôi nhà của John, cô biết đó; họ làm lễ cưới ở nơi khác; quý ông đó có địa vị và những người nhà của John không được xem là đủ giả để có vai trò gì trong việc đó, dường như chú rể không biết người ta đã phát hiện ra rằng bản thân John là một quý tộc lớn tuổi do dòng máu, với những bộ xương gia tộc trong hầm mộ của họ vẫn còn cho tới nay, nhưng đã suy tàn khánh kiệt vào thời của người La Mã. Tuy nhiên, ngài John, như hiện giờ

chúng tôi gọi ông ấy, vẫn gắng sức ăn mừng ngày cưới, thết đãi mọi người trong xứ đạo; và vợ của ống hát những bài ca ở quán Giọt Trong Lành cho tới quá mười một giờ.”

Khi nghe những lời này, Tess đau lòng đến nỗi nàng không dám công khai về nhà trong cỗ xe ngựa cùng với hành lý và các món đồ khác. Nàng hỏi người giữ cổng có thể giữ giúp các thứ của nàng ở nhà ông ta vài hôm không, khi ông ta đồng ý, nàng rời khỏi cỗ xe và một mình đi tiếp vào thôn theo một con đường nhỏ.

Khi nhìn thấy cái ống khói nhà mình, nàng tự hỏi làm sao nàng có thể bước vào nhà. Trong ngôi nhà tranh đó, chắc người thân của nàng cho rằng nàng đang đi hướng tuần trăng mật với một người đàn ông tương đối giàu có, kẻ selle mang tới cho nàng một cuộc sống sung túc; trong khi đó nàng ở đây, không bè bạn, len lén tới cánh cửa cũ một mình, không còn chỗ nào tốt hơn để tới trong cõi thế này.

Có người nhìn thấy nàng trước khi nàng về tới nhà. Khi đến hàng rào của khu vườn, nàng gặp một cô gái, một trong những bạn học cũ thân thiết của nàng. Sau khi hỏi thăm nàng vài câu, bạn nàng hỏi, không để ý tới nét mặt u buồn của nàng:

“Quý ông chồng của chị đâu rồi, Tess?”

Nàng vội vã giải thích rằng anh đang có công việc ở nơi xa, rồi già từ cô bạn, trèo qua hàng rào khu vườn. Khi bước trên lối mòn của khu vườn, nàng nghe thấy mẹ nàng đang hát ở cửa sau. Nàng đi tới đó và nhìn thấy bà Durbeyfield đang ngồi ở bậc cửa vắt nước một tấm vải. Làm xong việc đó bà bước vào nhà, không nhìn thấy Tess, và nàng đi theo bà.

Cái chậu giặt vẫn ở nguyên chỗ cũ trên cái thùng tô nô cũ. Mẹ nàng ném tấm vải sang một bên và sắp sửa giặt một tấm vải khác thì nhìn thấy nàng.

“Sao, Tess con gái của má. Má nghĩ con đã lấy chồng! Kết hôn thật sự lần này, má đã gửi rượu táo cho con...”

“Đúng vậy má à.”

“Sắp sửa?”

“Không, con đã kết hôn.”

“Đã kết hôn! Vậy chồng con đâu?”

“Anh đi xa một thời gian.”

“Di xa! Con lấy chồng khi nào? Vào ngày con đã nói hà?”

“Phải, hôm thứ Ba má à.”

“Và giờ mới chỉ thứ Bảy, và cậu ấy đi xa?”

“Phải, anh đã đi.”

“Điều này có nghĩa là gì? Sao lại có thứ chồng lạ lùng vậy?”

“Má à!” Tess bước tới gần mẹ, áp mặt vào ngực bà và khóc òa. “Con không biết phải nói sao với má! Má đã nói với con và viết thư cho con, rằng con không được nói với anh. Nhưng con đã nói với anh, con không thể không nói, và anh bỏ đi!”

“Ôi, con đúng con bé ngốc, đúng là con bé ngốc!” bà tạt nước vào Tess và chính mình trong cơn bối rối. “Chúa ơi! Má không nên nói như vậy nhưng má sẽ nói lần nữa, con là con bé ngốc!”

Thân hình Tess run rẩy theo tiếng khóc, rốt cuộc nàng cũng trút được sự căng thẳng của nhiều ngày.

“Con biết, con biết!” nàng thở hổn hển qua tiếng nấc. “Nhưng con không thể không nói, má ơi! Anh quá tốt và con cảm thấy việc cố che giấu anh những gì đã xảy ra thật xấu xa! Nếu phải lặp lại điều đó lần nữa, con cũng sẽ làm như thế. Con không thể, con không dám mắc lỗi lầm với anh!”

“Nhưng con cũng đã mắc lỗi khi lấy cậu ta!”

“Phải, phải, đó là sự bất hạnh của con! Nhưng con nghĩ ành có thể từ bỏ con theo luật nếu ành quyết không bỏ qua chuyện đó. Trời ơi, giá như má biết, giá như má có thể biết dù chỉ nửa phần con yêu ành thế nào - con nôn nóng có ành thế nào... và con khổ sở thế nào giữa việc rất quan tâm tới ành, mong muốn tỏ ra công bằng với ành!”

Tess run rẩy đến nỗi không thể nói tiếp và gieo người vào một cái ghế, hoàn toàn tuyệt vọng.

“Thôi được rồi. Những gì đã làm thì cũng đã làm! Má chắc chắn má không biết vì sao đám con do má đẻ ra lại toàn là những đứa ngốc hơn con của thiên hạ - không biết làm gì tốt hơn là tiết lộ một chuyện như thế trong khi lẽ ra cậu ta không thể nào phát hiện ra cho tới khi quá muộn!” Nói tới đây bà Durbeyfield cũng bắt đầu khóc vì tự thương thân. “Má không biết tí con sẽ nói gì nữa” bà nói tiếp. “Vì ống cứ nói về cái đám cưới ở quán của Rolliver và quán Giọt Trong Lành hàng ngày từ hôm đó, và về việc gia đình của ống đang lấy lại địa vị đúng của mình thông qua con - lão già ngốc nghếch đáng thương! Và giờ con làm mọi chuyện rối tung lên! Trời ơi là trời!”

Như thể để đưa vấn đề lên tới đỉnh điểm, ngay lúc ấy họ nghe thấy tiếng chân của cha Tess đang tới gần. Tuy nhiên, ông không vào nhà ngay, và bà Durbeyfield bảo rằng bà sẽ tự thông báo cái tin xấu đó cho ông, Tess nên lánh mặt vào lúc này. Sau nỗi thất vọng đầu tiên, Joan bắt đầu chấp nhận tai họa này như đã từng chấp nhận rắc rối trước kia của Tess, không khác chi bà đã chấp nhận một ngày nghỉ nhiều mưa gió hoặc sự thất thu một vụ khoai tây; bà không nghĩ tới việc họ có đáng chịu rủi ro như vậy hay không, và xem đó không phải là một bài học, mà là một cú đấm của số phận.

Tess rút lui lên gác, nhận thấy những cái giường đã bị dời chỗ, và có những sắp xếp mới. Cái giường cũ của nàng đã được chuyển cho hai đứa em. Giờ không còn chỗ cho nàng nữa.

Căn phòng bên dưới không có trần nhà nên nàng có thể nghe thấy hầu hết những gì đang diễn ra ở đó. Lúc này cha nàng đã bước vào nhà, mang theo một con gà mái còn sống. Giờ ông là một người bán đạo đi bộ sau khi buộc phải bán đi con ngựa thứ hai, và ông đi với cái giỏ trên tay. Con gà mái đã được mang đi hồi sáng này, như vẫn thường được mang đi, để chứng tỏ với thiên hạ là ông đang làm việc, dù nó đã bị đặt dưới cái bàn ở quán của Rolliver trong hơn một giờ, với đôi chân bị trói.

“Chúng tôi vừa nói nhau một câu chuyện về...” Durbeyfield mở lời, và thuật lại với vợ chi tiết của một cuộc thảo luận đã này sinh ở quán rượu về giới giáo sĩ, bắt nguồn từ sự kiện con gái ông đã trở thành con dâu của một gia đình giáo sĩ. “Trước kia họ được gọi là ‘Ngài’ giống như tổ tiên của tôi,” ông nói, “dù ngày nay danh xưng của họ, nói một cách nghiêm túc, chỉ là ‘giáo sĩ’”. Vì Tess không muốn sự kiện này được đề cập tới nhiều, ông đã không nói tới những chi tiết cụ thể. Ông hy vọng nàng sẽ sớm hủy bỏ sự ngăn cấm này. Ông đề nghị rằng đôi vợ chồng nên lấy họ đúng của Tess, d’Urberville. Nó tốt hơn họ của chồng nàng. Ông hỏi hôm nay có lá thư nào của nàng hay không.

Sau đó, bà Durbeyfield báo cho ông biết không có lá thư nào gửi tới, mà không may chính bản thân Tess đã trở về.

Khi rõ cuộc sự kiện bất ngờ đã được giải thích với ông, một cảm giác bẽ bàng, không thường xảy ra với Durbeyfield, đã áp đảo ảnh hưởng của ly rượu vui vẻ. Thế nhưng tâm hồn nhạy cảm của ông không bị tổn thương vì sự kiện đó nhiều

bằng nỗi lo đối với tác động của nó trong suy nghĩ của những kè láng giềng.

“Nghĩ mà xem, giờ đó là kết thúc của nó!” Ngài John nói. “Và tôi với một cái hầm mộ gia tộc bên dưới cái nhà thờ ở Kingsbere, to như hầm bia của điền chủ Jollard, và tổ tiên của tôi nằm ngắn ngang ở đó, có thật như bắt cứ bộ xương nào được ghi chép trong lịch sử của hạt. Giờ chắc chắn rằng mấy gã ở quán của Rolliver và quán Giọt Trong Lành sẽ nói gì đó với tôi! Họ sẽ nhìn ngang liếc dọc, và nói ‘Đây là kè ngang hàng với ông phải không; ông đang trở lại đẳng cấp thật sự của tổ tiên ông vào thời Vua người Na Uy!’ Tôi cảm thấy điều này thật quá sức chịu đựng, bà nó ạ; tôi sẽ tự vận, mặc kệ tước hiệu các thứ - tôi không thể chịu đựng nó thêm nữa!... Nhưng Tess nó có thể làm cho cậu ta giữ nó lại nếu cậu ta đã cưới nó hay không?”

“Sao, có. Nhưng nó sẽ không nghĩ tới việc đó.”

“Bà nghĩ cậu ta đã thật sự cưới nó hay không? Hay cũng giống kè đầu tiên...”

Tess đáng thương nghe thấy tới đây, và không thể nào nghe tiếp. Nhận thức rằng lời của nàng có thể bị nghi ngờ ngay ở đây, trong chính ngôi nhà của cha mẹ nàng, khiến nàng nghĩ rằng nàng không thể làm gì khác được. Những đòn tấn công của định mệnh thật bất ngờ. Và nếu cha nàng nghi ngờ chút ít, những người quen biết láng giềng có nghi ngờ nàng nhiều hơn không? Chao ôi, nàng không thể sống lâu ở nhà mình!

Do vậy, nàng chỉ có thể tự cho phép mình ở đây vài ngày, vào ngày cuối của thời gian ấy nàng nhận được một lá thư ngắn của Clare, thông báo rằng anh đã đi tới miền bắc nước Anh để xem xét một nông trại. Trong nỗi khao khát sự v

vang của tư cách làm vợ thật sự, và để che giấu cha mẹ nàng sự phân cách to lớn giữa hai vợ chồng, nàng lợi dụng lá thư này làm lý do để ra đi lần nữa, tạo cho họ ấn tượng rằng nàng sắp sửa đến với chồng nàng. Để bảo vệ Clare khỏi bất cứ sự quy chụp nào về việc đối xử không tốt với nàng, nàng lấy hai mươi lăm bảng trong số năm mươi bảng Clare đã cho nàng, trao số tiền này cho mẹ nàng, như thể vợ của một người như Angel Clare có đủ khả năng làm điều đó, bảo rằng đây là một chút bù đắp cho rắc rối và nỗi nhục mà nàng đã mang tới cho họ trong những năm qua. Với sự khẳng định về phẩm cách này, nàng chào từ giã họ; nhờ sự hào phóng của nàng, gia đình Durbeyfield sẽ có một quãng thời gian ấm no vui vẻ, mẹ nàng nói thế, và thật sự tin rằng mối bất hòa đã này sinh giữa hai vợ chồng trẻ đã tự hàn gắn do cảm giác mạnh mẽ của họ rằng họ không thể sống xa nhau.

Chương 39

Sau ngày hôn lễ ba tuần, Clare tự nhận ra mình đang đi xuống ngọn đồi dẫn tới ngôi nhà nhiều người biết của cha anh. Trong lúc anh đi xuống, tháp chuông của nhà thờ đâm vào bầu trời như một câu hỏi rằng vì sao anh tới; và đường như không có người nào trong cái thị trấn lúc nhá nhem để ý tới anh, đừng nói tới việc mong đợi anh. Anh đang tới như một bóng ma, và tiếng chân anh hầu như là một gánh nặng cản bị vất bỏ.

Bức tranh đời sống đã thay đổi đối với anh. Trước thời gian này anh chỉ biết nó qua suy đoán; giờ anh biết nó như một con người thực tế; dù có lẽ anh không mấy thực tế. Dù sao, nhân loại đứng trước anh không còn cái vẻ dịu dàng đăm chiêu của hội họa Ý, mà có những cái nhìn chòng chọc và vẻ kinh khủng của viện bảo tàng Wiertz, rồi có cái liếc mắt đếu cảng trong một bức tranh nghiên cứu của Van Beers.⁽¹⁾

Trong mấy tuần qua, những hành động của anh không theo một trình tự nào cả. Sau khi cố gắng theo đuổi một cách máy móc những kế hoạch làm nồng như thế không có gì bất thường xảy ra, theo lời khuyên của những bậc vĩ nhân

1. Viện bảo tàng Wiertz được đặt tên theo họa sĩ, điêu khắc gia người Bỉ Antoine Joseph Wiertz (1806 - 1865) và là nơi trưng bày những tác phẩm của ông; Van Beers (1852 - 1927): họa sĩ người Bỉ.

và thông thái ở mọi thời đại, anh kết luận rằng có rất nhiều người trong số đó từng đi rất xa khỏi bàn thân họ để kiểm tra tính khà thi của những lời khuyên đó. Nhà đạo đức ngoại giáo⁽¹⁾ nói: “Đây là điều chủ yếu: đừng lo sợ.” Đó cũng là quan điểm của chính anh. Nhưng anh lo sợ. Chúa Kitô bảo: “Đừng để tim con buồn phiến, cũng đừng để nó sợ sệt.” Clare cũng rất đồng ý với câu này; nhưng tim anh vẫn buồn phiến. Anh rất muốn gặp hai tư tưởng gia vĩ đại đó, và thành khẩn yêu cầu họ chỉ cho anh phương pháp của họ!

Tâm trạng của anh trở nên cực kỳ thờ ơ cho tới khi cuối cùng anh tưởng tượng rằng anh đang nhìn vào sự tồn tại của chính mình với sự thờ ơ của một kẻ ngoại cuộc.

Anh trở nên cay đắng với niềm tin rằng toàn bộ tai họa này là do Tess - một thành viên của gia tộc d'Urberville. Khi phát hiện ra nàng là dòng dõi của gia tộc lâu đời đã suy tàn đó, và không thuộc về những gia đình mới của tầng lớp bên dưới như anh tưởng, vì sao anh không từ bỏ nàng một cách khắc kỷ, để sống trung thành với những nguyên tắc của mình? Đây là cái mà anh đã nhận lệnh do bội giáo, và là hình phạt mà anh đáng phải gánh chịu.

Sau đó anh trở nên mệt mỏi lo âu, và sự lo lắng của anh ngày càng tăng. Anh tự hỏi mình có đối xử với nàng một cách bất công hay chăng. Anh ăn mà không biết rằng mình đang ăn, và uống mà không biết mình đang uống. Khi những giờ khắc đó trôi qua, khi những động cơ của mỗi hành động trong chuỗi ngày dài đã qua hiện lên rõ ràng trước mắt, anh nhận ra rằng ý nghĩ về Tess, với tư cách một người thân yêu gần gũi nhất, đã hiện diện trong mọi kế hoạch, lời nói và hành động của anh.

1. Marcus Aurelius (121 - 180): hoàng đế La Mã, triết gia khắc kỷ.

Khi đi đây đi đó anh nhìn thấy ở khu ngoại ô của một thị trấn nhỏ một tấm áp phích đỏ và xanh thông báo về những thuận lợi mà Brazil dành cho những chủ nông trại nhập cư. Đất đai ở đó được cung cấp với những điều khoản vô cùng có lợi. Brazil cuốn hút anh với tư cách một ý tưởng mới mẻ. Cuối cùng, Tess có thể đến với anh ở đó, và có lẽ ở đất nước với những cảnh vật, nhận thức và thói quen khác hẳn những quy ước khiến cho việc anh sống với nàng ở đây là bất khả thi sẽ không còn nhiều ảnh hưởng. Nói tóm lại, anh rất muốn thử tới Brazil, nhất là vì đây là thời điểm thuận lợi để đi sang đó.

Với ý tưởng này, anh trở lại Emminster để thông báo với cha mẹ anh kế hoạch của mình, và đưa ra lời giải thích tốt nhất về việc tới mà không có Tess, không để lộ lý do thật sự đã phân ly họ. Khi tới cửa, vầng trăng non rọi lên mặt anh, giống như ánh trăng cũ trong những giờ của buổi sáng hôm đó khi anh bế vợ trên tay băng qua dòng sông tới khu nghĩa trang của các giáo sĩ; nhưng mặt anh giờ gầy guộc hơn.

Clare không báo trước cho cha mẹ anh biết về chuyến thăm nhà này, và việc anh về đã khuấy động bầu không khí trong nhà vị cha xứ như cú bỗn nhào của con chim bói cá khuấy động một cái ao yên tĩnh. Cha mẹ anh đang ở trong phòng khách, nhưng không có người anh nào ở nhà lúc này. Angel bước vào, lặng lẽ khép lại cánh cửa sau lưng.

“Nhưng... vợ của con đâu, Angel thân yêu?” mẹ anh hỏi.
“Con làm chúng ta ngạc nhiên quá!”

“Nàng ở nhà của mẹ nàng, chỉ tạm thời thôi. Con về nhà hơi vội vì con đã quyết định sang Brazil.”

“Brazil! Sao chứ, chắc chắn ở đó toàn là những người theo Công giáo La Mã!”

“Vậy à? Con không nghĩ tới việc đó.”

Nhưng ngay cả thông tin mới và đau lòng về việc Angel sắp sang một vùng đất theo chủ nghĩa giáo hoàng cũng không đẩy lùi được lâu mối quan tâm tự nhiên của ông bà Clare đối với cuộc hôn nhân của con trai.

“Chúng ta đã nhận được lá thư ngắn của con hồi ba tuần trước thông báo rằng nó đã diễn ra,” bà Clare nói, “và cha con đã gửi quà của mẹ đờ đầu con cho cô ấy, như con biết đó. Dĩ nhiên tốt nhất là không ai trong chúng ta có mặt, nhất là vì con thích cưới cô ta từ trại bò sữa chứ không phải tại nhà của cô ta, bất kể nó ở đâu. Điều đó đã làm con lúng túng, và chúng ta cũng không vui. Hai anh của con rất khó chịu về việc này. Giờ nó đã xong nên chúng ta không than phiền gì nữa, nhất là nếu cô ta phù hợp với con trong công việc con đã chọn thay vì trở thành mục sư giảng Phúc âm... Thế nhưng mẹ ước gì mẹ có thể gặp cô ta trước, Angel ạ, hoặc biết thêm chút ít về cô ta. Chúng ta không gửi quà của chính chúng ta vì không biết thứ gì làm cho cô ta vui lòng nhất, nhưng con phải nghĩ là việc này chỉ được hoàn lại. Angel, cha mẹ không bức tức gì con trong vụ hôn nhân này, nhưng chúng ta đã nghĩ tốt hơn nên bảo lưu sự ưa thích của chúng ta đối với vợ con cho tới khi chúng ta có thể gặp cô ta. Và giờ con không đưa cô ta về đây. Việc này có vẻ lạ lùng quá. Đã xảy ra chuyện gì vậy?”

Anh đáp rằng họ đã nghĩ rằng hiện tại Tess nên về nhà cha mẹ là tốt nhất, trong lúc anh đến đây.

“Con không ngại nói với mẹ, mẹ yêu ạ, rằng con luôn muốn giữ nàng ở xa ngôi nhà này cho tới khi con cảm thấy nàng có thể đến thăm cha mẹ với sự tin cậy. Nhưng ý tưởng về Brazil hoàn toàn là chuyện mới đây. Nếu con đi, việc đưa nàng đi cùng trong chuyến đầu tiên khá bất tiện. Nàng sẽ ở nhà cha mẹ nàng cho tới khi con trở lại.”

“Và mẹ sẽ không gặp cô ta trước khi con lên đường?”

Anh e rằng họ sẽ không gặp được. Kế hoạch ban đầu của anh là, như anh đã nói, hoãn việc đưa Tess tới trong một thời gian ngắn - để không làm tổn thương những thành kiến, cảm giác của họ theo bất cứ cách nào, và còn vì những lý do khác. Anh sẽ về thăm nhà sau khoảng một năm, nếu anh lên đường ngay, và họ sẽ gặp nàng trước khi anh khởi hành lần thứ hai, với nàng.

Một bữa ăn chuẩn bị vội được dọn lên, và Clare trình bày chi tiết hơn những kế hoạch của mình. Mẹ anh vẫn cảm thấy thất vọng vì không được gặp cô dâu. Tình cảm nồng nhiệt của Clare đã tác động tới bà thông qua sự cảm thông của người mẹ, tuy nhiên bà đã hình dung rằng một điều tốt lành sẽ đến từ Nazareth - một phụ nữ đáng yêu từ trại bò sữa Talbothays. Bà quan sát con trai trong lúc anh đang ăn.

“Con có thể mô tả cô ta không, Angel? Mẹ chắc rằng cô ta rất xinh đẹp.”

“Không có gì phải nghi ngờ về điều đó!” anh nồng nhiệt đáp, che giấu cảm giác cay đắng.

“Và chắc chắn cô ta cũng trong trắng và đức hạnh?”

“Nàng trong trắng và đức hạnh.”

“Mẹ có thể hình dung cô ta rõ ràng. Hôm trước con nói rằng cô ta có thân hình đẹp, tròn trịa; có đôi môi đỏ như cánh cung của thần Cupid, lông mi và lông mày thăm, một mái tóc dài; cùng đôi mắt to màu đen pha xanh và tím.”

“Đúng thế, thưa mẹ.”

“Mẹ hoàn toàn hình dung được cô ta. Sống ở một nơi vắng vẻ như thế hẳn là cô ta hầu như chưa gặp bất kỳ chàng trai nào từ thế giới bên ngoài cho đến khi nhìn thấy con.”

“Hầu như chưa.”

“Con là mối tình đầu của cô ta?”

“Đĩ nhiên.”

“Có những cô vợ tệ hơn những cô gái khỏe mạnh, đơn giản, môi đò này ở nông trại. Tất nhiên mẹ có thể ước thế, phải, vì con trai của mẹ sẽ là một nhà nông, có lẽ vợ con nên quen thuộc với cuộc sống ngoài trời.”

Cha anh ít hỏi han hơn; nhưng khi tới giờ đọc một chương Kinh Thánh trước lề cầu nguyện buổi tối, vị cha xứ nói với vợ:

“Tôi nghĩ vì Clare đã tới, sẽ phù hợp hơn nếu đọc chương thứ ba mươi mốt của những câu chuyện ngụ ngôn thay vì chương mà chúng ta thường đọc?”

“Vâng, tất nhiên” bà Clare nói. “Những lời của Vua Lemuel”⁽¹⁾ (Bà có thể trích dẫn những chương sách và bài thơ không kém gì chồng mình). “Con trai yêu, cha con đã quyết định đọc cho chúng ta nghe chương trong Những câu chuyện, ca ngợi một người vợ đức hạnh. Chúng ta sẽ không cần nhắc nhở rằng những lời này được áp dụng cho người vắng mặt. Trời cao sẽ che chở cho cô ta trên mọi lối đi của cô ta!”

Cố của Claire dường như nghẹn lại. Cái buồm giảng kinh di động được kéo ra từ góc nhà và đặt ở giữa phòng, hai người giúp việc già bước vào, và cha của Angel bắt đầu đọc bài thơ thứ mươi của chương sách đã nói:

“Ai có thể tìm thấy một phụ nữ đức hạnh? Bởi giá của nàng cao hơn những viên hồng ngọc rất nhiều. Nàng thức dậy lúc trời còn tối, phát vật thực cho người trong nhà. Nàng

1. Nhân vật trong Kinh Thánh (Proverbs 31:1 và 31:4).

mạnh mẽ thắt dây lưng và củng cố sức mạnh của đôi tay. Nàng cảm thấy việc mua bán của mình luôn tốt đẹp; vào ban đêm caye nến của nàng không hề tắt. Nàng coi sóc đường lối của nhà mình, và không ăn thứ bánh mì của sự biếng nhác. Con cái của nàng thức dậy, chúc phước cho nàng; cả chồng nàng cũng vậy, và anh ta ca ngợi nàng: Nhiều cô con gái đã hành động một cách có đức hạnh, nhưng nàng nổi trội hơn hết thảy."

Khi lễ cầu nguyện kết thúc, mẹ anh nói: "Mẹ không thể không nghĩ rằng chương sách mà cha thân yêu của con đọc rất là phù hợp, ở một số chi tiết của nó, với người phụ nữ mà con đã chọn. Người phụ nữ hoàn hảo, con thấy đó, là một người phụ nữ lao động; không phải một kẻ lười biếng, không phải một tiểu thư xinh đẹp, mà là một người sử dụng đôi tay, cái đầu và trái tim của mình vì lợi ích của những người khác. 'Con cái của nàng thức dậy, chúc phước cho nàng; cả chồng nàng cũng vậy, và anh ta ca ngợi nàng: Nhiều cô con gái đã hành động một cách có đức hạnh, nhưng nàng nổi trội hơn hết thảy.' Chà, mẹ ước gì có thể gặp cô ta. Vì cô ta trong trắng và tiết hạnh, hẳn cô ta cũng là người có giáo dục."

Clare không thể chịu nổi điều này nữa. Đôi mắt anh rưng lệ, trông như những giọt chì chảy lỏng. Anh chúc những con người chân thật và đơn giản mà anh rất yêu thương ngủ ngon; họ không biết sự hành hạ của xác thịt, và ma quỷ không quấy rầy trái tim của họ; với họ đó là những thứ mơ hồ và xa cách. Anh trở về phòng của mình.

Mẹ anh đi theo anh, và gõ vào cánh cửa. Clare mở nó ra và trông thấy bà đang đứng bên ngoài, với đôi mắt lo âu.

"Angel," bà hỏi, "có gì không ổn hay sao mà con đi xa sớm thế? Mẹ hoàn toàn chắc chắn rằng con không phải là chính con nữa."

“Đúng vậy, thưa mẹ.”

“Có liên quan tới cô ta? Con trai à, mẹ biết đúng là như thế - mẹ biết nó có liên quan tới cô ta! Các con đã cãi nhau trong ba tuần đó phải không?”

“Không chính xác là bọn con cãi nhau. Nhưng bọn con có một khác biệt...”

“Angel, có phải cô ta có một tiểu sử cần được kiểm tra?”

Với bản năng của một người mẹ, bà Clare đã nhận ra sự bối rối của con trai mình.

“Nàng không có tai tiếng nào cả!” anh đáp, và cảm thấy dù lời nói dối đó khiến anh phải bị đày xuống địa ngục vĩnh viễn anh vẫn phải nói dối.

“Vậy đừng quan tâm tới những chuyện khác. Nói cho cùng, con sẽ nhận thấy một cô gái quê trong sạch cũng có những khuyết điểm. Mẹ chắc chắn rằng bất kỳ cung cách thô lỗ nào vốn có thể xúc phạm tới ý thức được giáo dục tốt hơn của con vào lúc đầu sẽ biến mất dưới ánh hường do sự gần gũi và dạy bảo của con.”

Sự mỉa mai khùng khiếp của lòng khoan dung mù quáng khiến Clare bất chợt nhận ra rằng anh đã hoàn toàn hủy hoại sự nghiệp của mình với cuộc hôn nhân này, một ý nghĩ không nằm trong số những ý nghĩ sớm hơn của anh sau lời thú nhận của nàng. Đúng, về phần mình anh rất ít quan tâm tới sự nghiệp của mình, nhưng anh đã mong muôn ít nhất đó cũng là một nghề nghiệp đáng trọng vì cha mẹ và các anh trai. Giờ đây, khi anh nhìn vào cây nến, ngọn lửa cảm lặng của nó như muốn nói với anh rằng nó được tạo nên để soi sáng những con người hiểu biết, rằng nó ghét cay ghét đắng việc soi sáng cho gương mặt của một kẻ thất bại và bị lừa bịp.

Khi nỗi lo âu của anh dịu lại, có những giây phút anh cảm thấy tức giận người vợ đáng thương của anh vì đã gây ra tình huống mà trong đó anh buộc phải nói dối cha mẹ mình. Anh nói với nàng trong cơn tức giận, như thể nàng đang có mặt trong phòng. Và khi đó trong phòng vang lên giọng nói thù thi của nàng, thở than, hờn trách, khuấy động bóng tối, đôi môi mềm mại của nàng lướt qua trán anh, và anh có thể phân biệt trong bầu không khí hơi thở ấm áp của nàng.

Cũng trong đêm nay, người phụ nữ mà anh khinh rẻ đang nghĩ chổng nàng thật tuyệt vời và tốt bụng. Nhưng bên trên cà hai treo lủng lơ một cái bóng sâu hơn cái bóng mà Clare nhận thấy, đó là cái bóng của những hạn chế của chính anh. Với toàn bộ cố gắng xét đoán một cách độc lập, chàng trai tiến bộ và có những dự định tốt đẹp này, một sản phẩm mẫu của một phần tư thế kỷ vừa qua, vẫn còn là tên nô lệ của tập quán và quy ước khi ngạc nhiên nhìn lại những gì anh đã học hỏi trước đây. Không có nhà tiên tri nào nói cho anh biết, và anh không phải là nhà tiên tri để tự nói với chính mình, rằng người vợ trẻ của anh xứng đáng với lời ca ngợi của Vua Lemuel không kém gì bất kỳ người phụ nữ nào khác vốn có ác cảm với điều xấu xa, đạo đức của nàng phải được xem xét không phải bởi những gì đã xảy ra mà bởi khuynh hướng. Ngoài ra, nhân vật ngay trước mặt chịu thiệt thòi vì không có cái bóng nào để che đậy những thiếu sót của y; trong khi những nhân vật xa xăm mơ hồ được vinh danh, vì khoàng cách của họ biến những vết nhơ của họ thành đức hạnh. Khi nghĩ rằng Tess không phải là người như anh tưởng tượng, anh đã bỏ qua bản chất thật sự của nàng, và quên rằng sự hoàn hảo không luôn luôn là thứ có giá trị nhất.

Chương 40

Để tài trong bữa ăn sáng là Brazil, và mọi nỗ lực để có một cái nhìn hy vọng đối với cuộc thử nghiệm của Clare với đất đai quốc gia này, bắt chấp những tường thuật nản lòng từ vài chủ nông trại đã di cư sang đó và hồi hương trong vòng mười hai tháng. Sau bữa ăn, Clare đi vào thị trấn nhỏ để mua sắm vài món linh tinh cần thiết, và rút toàn bộ số tiền anh có trong ngăn hàng địa phương. Trên đường về, anh chạm trán tiểu thư Mercy Chant cạnh nhà thờ, trông như thể nàng tỏa sáng trên những bức tường của nó. Nàng ôm trên tay một mớ Kinh Thánh cho lớp học của nàng, và cách nhìn cuộc đời của nàng là những sự kiện khiến kẻ khác đau đầu chỉ mang lại trên môi nàng những nụ cười thanh thản - một kết quả đáng ước ao, dù theo ý kiến của Angel, nàng đạt được nó thông qua một tinh thần hy sinh phi tự nhiên một cách lả lùng, từ lòng nhân ái trở thành chủ nghĩa thần bí.

Nàng đã biết tin anh sắp rời khỏi nước Anh, và nhận xét rằng có vẻ như đó là một kế hoạch tốt đẹp và đầy hứa hẹn.

“Phải, không ngờ gì rằng nó có khả năng là một kế hoạch tốt theo ý nghĩa kinh doanh” anh đáp. “Nhưng Mercy thân mến ạ, đây là một sự đoạn tuyệt với quá khứ. Có lẽ một cuộc sống trong tu viện thì thích hợp hơn.”

“Một cuộc sống trong tu viện, chà, Angel Clare!”

“Vâng?”

“Sao chứ, anh đúng là người xấu xa, một cuộc sống trong tu viện hàm ý một giáo sĩ, và là một giáo sĩ Công giáo La Mã. Và Công giáo La Mã thì tội lỗi, tội lỗi một cách đáng nguyễn rủa. Anh đang ở trong một tình thế bấp bênh, Angel Clare à. Tôi vinh danh đạo Tin Lành của mình!” nàng nói nghiêm túc.

Bị nỗi bất hạnh thật sự đẩy vào tâm trạng giống như bị quỷ ám, Clare bất chấp những nguyên tắc đúng đắn của mình; anh gọi nàng tới gần, và thì thầm một cách độc ác vào tai nàng những ý tưởng phi chính thống nhất anh có thể nghĩ ra. Tiếng cười ngắn ngủi của anh trước vẻ kinh hoàng trên gương mặt xinh đẹp của nàng ngừng lại khi nó hòa lẫn với sự đau đớn và lo âu cho chính bản thân.

“Mercy thân mến,” anh nói, “cô phải tha thứ cho tôi. Tôi nghĩ tôi đang nỗi điên!”

Nàng cũng nghĩ như thế; và cuộc trò chuyện kết thúc, Clare trở về nhà. Trước đó anh đã ký gửi những món trang sức ở ngân hàng địa phương cho tới khi những ngày hạnh phúc hơn sẽ đến. Anh cũng yêu cầu ngân hàng chuyển cho Tess ba mươi bảng để nàng chi tiêu trong vài tháng, vì nàng có thể cần đến nó; và viết thư gửi cho nàng khi đó đang ở nhà cha mẹ tại Thung lũng Blackmoor để thông báo với nàng những việc anh đã làm. Anh hy vọng số tiền này, cộng với số tiền anh đã đặt vào tay nàng - khoảng năm mươi bảng - sẽ chu cấp đầy đủ cho những nhu cầu hiện tại của nàng, trong trường hợp có những chi tiêu khẩn cấp, nàng có thể yêu cầu cha anh trợ giúp.

Anh cho rằng tốt nhất nên tạo điều kiện cho cha mẹ mình trao đổi thư từ với nàng bằng cách thông báo cho họ biết địa

chỉ của nàng; vì không biết điều gì đã thật sự xảy ra khiến hai vợ chồng xa rời nhau, cả mẹ lẫn cha anh đều đề nghị anh nên làm như thế. Anh muốn thực hiện nhanh chóng cho xong những gì phải hoàn tất trong ngày anh rời khỏi đó.

Bốn phần cuối cùng trước khi rời khỏi nước Anh là ghé lại cái nông trại ở Wellbridge, nơi anh đã cùng Tess trải qua ba ngày đầu trong cuộc hôn nhân của họ, để trả tiền thuê phòng và chia khóa của những căn phòng họ đã thuê, lấy những món đồ nhò khác mà anh còn bỏ lại đó. Dưới mái nhà này, cái bóng đen nặng nề nhất đập lên cuộc đời anh. Thế nhưng khi anh mở cửa căn phòng khách và nhìn vào bên trong, ký ức quay lại đầu tiên là chuyến đi hạnh phúc tới đó vào một buổi chiều tương tự, cảm giác tươi mới đầu tiên khi cùng sống chung với Tess, bữa ăn chung với nhau đầu tiên, cuộc trò chuyện bên lò sưởi với tay nắm chặt tay.

Người chủ nông trại và vợ ông đang ở ngoài đồng khi anh tới, và Clare ở trong mấy căn phòng một lúc. Lòng buồn bực với sự tái hiện của một cảm xúc bất ngờ, anh đi lên gác tới căn phòng của nàng, nơi anh chưa từng ở chung với nàng lần nào. Cái giường vẫn phẳng phiu như khi nàng rời khỏi nó sáng hôm đó. Nhánh tăm gửi vẫn treo bên dưới tấm màn như trước. Sau mấy tuần ở đó, nó đã đổi màu, những chiếc lá và những quả mọng teo nhỏ, nhăn nheo. Angel gỡ nó xuống và quẳng nó vào lò sưởi. Lâu đầu tiên, trong lúc đứng đó, anh tự hỏi mình có hành xử một cách khôn ngoan và độ lượng hay chẳng. Nhưng không phải anh đã mù quáng một cách độc ác hay sao? Trong trạng thái pha trộn nhiều cảm xúc khác nhau, anh quỳ xuống bên giường, mắt nhò lè. "Tess ơi! Phải chi em nói với tôi sớm hơn, hẳn tôi đã tha thứ cho em!" anh than thở.

Khi nghe tiếng chân bên dưới, anh đứng lên và đi tới đầu cầu thang. Ở cuối cầu thang, anh nhìn thấy một phụ

nữ đang đứng, nhận ra gương mặt xanh xao và đôi mắt đen đang ngẩng lên của nàng. Đó là Izz Huett.

“Ông Clare,” nàng nói, “tôi ghé qua thăm ông và bà Clare, và hỏi xem ông bà có khỏe hay không. Tôi đã nghĩ hai người có thể quay lại đây.”

Đây là cô gái mà bí mật của nàng anh đã đoán ra, nhưng nàng chưa đoán ra bí mật của anh; một cô gái trung thực, đã từng yêu anh, một người hẳn sẽ trở thành một người vợ tốt của một chủ nông trại, không kém chi Tess, hoặc chỉ kém nàng chút ít.

“Tôi ở đây một mình. Hiện giờ chúng tôi không sống ở đây” Clare đáp và giải thích lý do anh tới, rồi hỏi, “Cô sẽ về nhà theo đường nào vậy Izz?”

“Giờ tôi không còn ở trại bò sữa Talbothays nữa, thưa ông.”

“Vì sao?”

Izz nhìn xuống.

“Ở đó buồn quá nên tôi rời đi! Tôi đang ở mé đường này” nàng chỉ về phía ngược lại, theo hướng mà anh đã đi qua.

“Tốt, cô có tới đó liền không? Tôi có thể đưa cô tới đó nếu cô muốn qua giang.”

Nước da màu ô liu của nàng bừng sáng.

“Cám ơn ông Clare” nàng nói.

Anh sớm tìm được ông chủ nông trại, thanh toán tiền phòng và một vài khoản khác, đã được xem xét vì lý do đột ngột rời khỏi nơi trọ. Sau đó, Clare trở lại chỗ cỗ xe ngựa và Izz trèo lên ngồi cạnh anh.

“Tôi sắp rời khỏi nước Anh, Izz ạ. Tới Barzil” anh nói trong lúc họ ngồi xe.

“Bà Clare có thích ý tưởng về một chuyến đi như thế không?”

“Hiện tại cô ấy chưa đi - khoảng một năm nữa. Tôi tới đó để thăm dò trước, xem cuộc sống ở đó ra sao.”

Họ tiến về phía đông một quãng khá xa, Izz không nói gì thêm.

“Mấy cô gái khác ra sao? Retty thế nào?” anh hỏi.

“Cô ấy hơi suy nhược thần kinh khi tôi ghé thăm lần cuối; rất gầy và hốc hác, xuống dốc rất nhiều. Sẽ không ai yêu cô ấy nữa” Izz lơ đãng nói.

“Còn Marian?”

Izz hạ thấp giọng: “Marian uống rượu.”

“Vậy sao?”

“Phải. Ông chủ trại đã cho chị ấy thôi việc.”

“Còn cô?”

“Tôi không uống rượu. Và tôi không xuống dốc. Nhưng giờ tôi không còn thích ca hát trước giờ ăn sáng nữa.”

“Sao lại thế? Cô có nhớ cô thường hát bài ‘Đi tới khu vườn của Cupid’ và ‘Cái quần ống túm của ông thợ may’ vào giờ vắt sữa buổi sáng hay không?”

“Nhớ chứ! Khi ông tới lần đầu, thưa ông. Khi ông đã sống ở đó một thời gian thì không.”

“Vì sao?”

Đôi mắt đen của nàng lướt nhanh qua mặt anh giây lát thay cho câu trả lời.

“Izz! Cô thật là một người yếu đuối, chỉ vì một kẻ như tôi!” anh nói, chìm vào mơ mộng. “Vậy... già sùi như lúc trước tôi cầu hôn cô thì sao?”

“Nếu ông cầu hôn tôi sẽ đồng ý và ông sẽ lấy một phụ nữ yêu ông!”

“Thật thế à?”

“Hoàn toàn thật!” nàng khẽ nói với vẻ mặt mơ màng. “Ô, Chúa ơi! Ông vẫn không bao giờ đoán ra điều đó, cho tới tận bây giờ!”

Dần dần, họ đi tới một con đường nhánh dẫn vào một ngôi làng.

“Tôi phải xuống xe. Tôi sống ở đó” Izz đột ngột nói, nàng đã không nói thêm gì nữa sau lời thú nhận lúc nãy.

Clare ghìm cương ngựa. Anh phẫn nộ với số phận của mình, căm ghét những lề nghi xã hội; vì chúng đã đẩy anh vào ngõ cụt, không có con đường hợp pháp nào để thoát ra. Vì sao không trả thù xã hội và sống cuộc sống cá nhân theo cách của mình thay vì phải khùm núm hôn chiếc roi mõ phạm của quy ước?

“Tôi sẽ sang Brazil một mình, Izz ạ” anh nói. “Tôi đã chia tay với vợ tôi vì lý do cá nhân, không phải vì chuyến đi này. Có thể tôi không bao giờ sống với nàng nữa. Tôi không thể yêu cô; nhưng... cô có bằng lòng đi với tôi thay cho nàng hay không?”

“Ông thật sự muốn tôi cùng đi?”

“Đúng vậy. Tôi đã ước ao một cách tuyệt vọng tìm được sự an ủi. Và ít nhất cô cũng yêu tôi một cách bất vụ lợi.”

“Vâng, tôi sẽ đi” Izz nói sau một lúc im lặng.

“Cô sẽ đi? Cô có biết nó có nghĩa là gì không Izz?”

“Nó có nghĩa là tôi sẽ sống với ông trong thời gian ông ở đó. Điều đó quá tốt đẹp với tôi.”

“Xin hãy nhớ, giờ cô không cần phải tin vào đạo đức của tôi. Nhưng tôi cần nhắc nhở cô rằng nó sẽ là một hành động

sai trái trong con mắt của người đời, nghĩa là những người ở phương Tây.”

“Tôi không quan tâm tới điều đó; không phụ nữ nào quan tâm tới nó khi đã trải qua nỗi đau cực độ, và không có con đường nào khác!”

“Vậy đừng xuống xe nữa, cứ ngồi im ở đó.”

Anh đánh xe băng qua ngã tư, một dặm, hai dặm, không thể hiện bất kỳ dấu hiệu nào của tình cảm.

“Cô rất yêu tôi phải không Izz?” anh đột ngột hỏi.

“Đúng vậy. Tôi đã nói rồi! Tôi yêu ông suốt thời gian chúng ta sống chung ở trại bò sữa!”

“Nhiều hơn Tess?”

Nàng lắc đầu.

“Không, không nhiều hơn chị ấy” nàng lầm bẩm.

“Sao lại thế?”

“Vì không ai có thể yêu ông hơn Tess!... Chị ấy có thể chết vì ông. Tôi không thể làm được điều đó.”

Như nhà tiên tri trên đỉnh Peor,⁽¹⁾ với bản chất mạnh mẽ hơn, Izz Huett sẵn lòng giữ kín điều này vào một thời điểm như thế, nhưng tình cảm dành cho Tess buộc nàng phải tỏ ra trung thực.

Clare im lặng; những lời thảng thắn bất ngờ từ một cô gái đáng tin cậy khiến tim anh đập rộn lên. Trong cổ họng có cái gì đó như thể một tiếng nắc đã bị đóng cứng tại đó. Đôi tai anh lặp lại, ‘*Chị ấy có thể chết vì ông. Tôi không thể làm được điều đó.*’

“Hãy quên cuộc trò chuyện vu vơ của chúng ta nhé Izz” anh nói, đột ngột giật cương quay đầu con ngựa lại. “Tôi

1. Nhà tiên tri Balaam, nhân vật trong Kinh Thánh.

không biết mình đã nói gì nữa! Giờ tôi sẽ đưa cô quay lại chỗ ngã rẽ vào nhà cô. Cô đã nói rất trung thực về nàng! Chao ôi, làm sao tôi có thể chịu nổi, làm sao tôi có thể... làm sao tôi có thể!"

Izz Huett bật khóc, và đập tay vào trán khi nhận ra mình đã làm gì.

"Mày có hối tiếc cái hành động công bằng khốn khổ đối với một kẻ vắng mặt đó không? Ôi, Izz ơi, đừng phá hỏng nó bởi sự hối tiếc!"

Sau đó nàng dần bình tĩnh lại.

"Tốt lắm, thưa ông. Có lẽ tôi cũng không biết tôi đã nói gì... khi tôi đồng ý đi! Tôi đã mong ước một điều không thể xảy ra!"

"Vì tôi đã có một người vợ yêu."

"Phải, phải, ông đã có!"

Họ tới góc đường đã đi ngang qua nửa giờ trước, và nàng nhảy xuống.

"Izz này, xin hãy quên sự khinh suất nhất thời của tôi nhé!" anh kêu lên. "Nó quá thiếu cân nhắc, quá hổn đỗ!"

"Quên nó đi? Không bao giờ, không bao giờ! Ô, nó không phải là sự khinh suất đối với tôi!"

Anh cảm thấy mình rất đáng gánh chịu sự hờn trách mà tiếng kêu đau thương đó chuyên chở, và với một nỗi buồn khôn tả, anh nhảy xuống cầm lấy tay nàng.

"Được rồi, Izz, dù sao chúng ta cũng chia tay như hai người bạn, phải không? Cô không biết tôi đã phải gánh chịu những gì đâu!"

Nàng là một cô gái thật sự khoan dung, và không cho phép nỗi cay đắng phá hỏng lời chia tay của họ.

“Tôi tha thứ cho ông, thưa ông!” nàng nói.

“Bây giờ, Izz ạ,” anh nói, trong lúc nàng đứng bên cạnh anh tại đó, tự ép mình đóng vai trò của người cố vấn giàu kinh nghiệm mà anh không hề cảm thấy. “Tôi muốn cô nói với Marian khi cô gặp cô ấy rằng cô ấy là một phụ nữ tốt, và đừng nên hành động đại dột. Hãy hứa điều đó nhé, và nói với Retty rằng có nhiều người đàn ông xứng đáng hơn tôi trên đời này, rằng vì tôi cô ấy phải hành động một cách khôn ngoan và hợp lý - hãy nhớ những lời này - khôn ngoan và hợp lý - vì tôi. Tôi gửi lời nhắn này tới họ với tư cách một người đang hấp hối gửi cho kẻ đang hấp hối; bởi tôi sẽ không bao giờ gặp lại họ nữa. Còn cô, Izzy, cô đã cứu tôi nhờ những lời trung thực của mình về vợ tôi từ một thô thiển mãnh liệt muốn hành xử một cách điên rồ và dối trá. Những người phụ nữ có thể xấu, nhưng họ không xấu như bọn đàn ông trong những chuyện này! Về chuyện này tôi không bao giờ có thể quên được cô. Hãy luôn luôn là một cô gái tốt và chân thật mà cho tới lúc này cô đã là; và hãy nghĩ về tôi như một kẻ không xứng đáng trở thành người yêu, mà là một người bạn trung thành của cô. Hãy hứa với tôi.”

Nàng hứa.

“Cầu mong Trời cao phù hộ cho ông. Tạm biệt!”

Anh đánh xe đi tiếp; nhưng ngay khi Izz quẹo sang con đường kia và Clare đã khuất bóng, nàng ngã quỵ trên bờ đất trong nỗi niềm đau xót, và tối hôm đó nàng bước vào ngôi nhà của mẹ mình với một gương mặt căng thẳng khác thường. Không ai biết được Izz đã trải qua những giờ đèn tối giữa thời điểm Angel Clare chia tay với nàng và thời điểm nàng về tới nhà như thế nào.

Clare cũng vậy. Sau khi chào từ giã cô gái, anh chìm vào những ý nghĩ đau đớn và đôi môi của anh run bần bật. Nhưng nỗi buồn của anh không dành cho Izz. Chiều tối hôm đó, suýt chút nữa anh đã rời khỏi con đường dẫn tới nhà ga gần nhất và đánh xe băng qua con đường nằm trên sườn dốc cao của vùng South Wessex vốn chia cách anh khỏi ngôi nhà của Tess. Rốt cuộc anh không thực hiện điều đó, không phải vì coi thường nàng hay không tin vào tình yêu của nàng.

Không, đó là một cảm giác rằng, bất chấp tình yêu của nàng, như sự thú nhận của Izz đã chứng thực, những thực tế vẫn không thay đổi. Nếu vào lúc đầu anh đúng, thì bây giờ anh cũng đúng. Và tầm quan trọng của quyết định mà anh đã đưa ra giữ anh lại trên con đường đã vạch ra trước đó, trừ phi có một sức mạnh mãnh liệt bền bỉ hơn tác động lên anh vào buổi chiều đó. Anh có thể sớm trở lại với nàng. Anh bắt chuyến tàu đêm tới Luân Đôn, và năm ngày sau bắt tay từ già hai người anh trai ở cảng để lên tàu.

Chương 41

Từ những sự kiện của mùa đông trước đó, chúng ta hãy bước sang một ngày tháng Mười, hơn tám tháng sau cuộc chia tay của Clare và Tess. Chúng ta phát hiện ra rằng Tess đang ở trong những điều kiện đã đổi thay, thay vì một cô dâu với những rương hòm mà kẻ khác phải mang vác, chúng ta trông thấy một người phụ nữ lè loi, tự mang theo một cái giỏ và một bọc đồ, giống như thời gian trước đó, khi nàng chưa là cô dâu, thay vì số tiền kha khá chồng nàng đà chu cấp để nàng tiêu dùng trong giai đoạn thử thách này, nàng chỉ có một cái ví xẹp lép.

Sau khi lại rời khỏi Marlott, quê nhà nàng, Tess đã trải qua mùa xuân và mùa hè tương đối bình ổn về thể trạng, chủ yếu là làm những công việc nhẹ hàng ngày ở một trại bò sữa gần Port-Bredy, phía tây Thung lũng Blackmoor, cách xa nhà nàng và Talbothays một khoảng tương đương. Nàng thích làm việc hơn là sống dựa vào tiền trợ cấp của Clare. Về mặt tinh thần, nàng vẫn còn trong tình trạng rất tồi tệ, thế nhưng thay vì cảm thấy mệt mỏi, công việc lao động chân tay lại bồi bổ sức khỏe cho nàng. Ý thức của nàng vẫn đặt vào một trại bò sữa khác, một mùa khác, với sự hiện diện của người yêu nhân hậu, kẻ đã gấp gỡ nàng ở đó - kẻ mà vào khoảnh khắc nàng có được với tư cách chồng nàng, đã biến mất như một hình dáng trong cảnh mộng.

Công việc vắt sữa chỉ kéo dài cho tới khi sữa bắt đầu giảm đi, vì nàng không phải là thợ chính như ở Talbothays, mà chỉ là thợ phụ ở đây. Tuy nhiên, vì mùa thu hoạch đã tới, nàng chỉ đơn giản chuyển từ cỏ sang rơm để có việc làm, và tình trạng này kéo dài cho tới khi kết thúc mùa thu hoạch.

Nàng đã tiêu xài rất tằn tiện số tiền hai mươi lăm bảng còn lại từ năm mươi bảng của Clare, sau khi đã đưa cho cha mẹ nàng phân nửa để họ xoay xở. Nhưng không may là lúc này thời tiết nhiều mưa gió, và nàng buộc phải sử dụng tới những đồng bảng đó.

Nàng không đành lòng tiêu xài chúng. Angel đã đặt chúng vào tay nàng, đã rút chúng từ ngân hàng cho nàng, còn mới toanh sáng loáng; chúng đã trở thành kỷ vật vì anh từng chạm vào chúng; dường như chúng không có tiếu sử nào khác hơn là tiếu sử do anh và nàng tạo ra, và việc phân tán chúng cũng giống như cho đi những thánh tích. Nhưng nàng phải làm điều đó, và chúng lần lượt rời khỏi tay nàng.

Thỉnh thoảng, nàng buộc phải gửi địa chỉ cho mẹ nàng, nhưng nàng che giấu hoàn cảnh của mình. Khi tiền của nàng hầu như hết sạch, nàng nhận được một lá thư của mẹ. Joan viết rằng họ đang cực kỳ khó khăn; những trận mưa thu đã luồn qua mái tranh của ngôi nhà cần được sửa lại toàn bộ; nhưng không thể làm điều đó vì họ vẫn chưa thanh toán số tiền mua tranh lần trước. Cùng cần có rui mè và trần nhà mới cho căn gác. Cùng với hóa đơn trước đó, số tiền tổng cộng là hai mươi bảng. Vì chồng nàng là người khâm khá, và chắc chắn không lâu nữa sẽ trở về, nàng có thể gửi cho họ số tiền đó hay không?

Tess có ba mươi bảng mà ngân hàng của Angel vừa gửi tới, và nàng lập tức gửi hai mươi bảng được yêu cầu để gia đình nàng giải quyết tình cảnh khó khăn. Phần còn lại nàng

buộc phải chi tiêu cho quần áo mùa đông, chỉ chừa lại một khoản nhỏ cho toàn bộ mùa đông khắc nghiệt đang tới gần. Khi đồng bảng cuối cùng ra đi, nàng vẫn do dự chưa muốn thực hiện điều Clare đã dặn: khi nào cần thêm tiền thì tới gặp cha anh.

Nhưng càng nghĩ tới việc này, nàng càng lưỡng lự. Lòng kiêu hãnh, sự xấu hổ, sự tể nhị, bất cứ cái tên nào người ta có thể gọi, vì lợi ích của Clare, vốn đã khiến cho nàng phải giấu cha mẹ sự xa cách kéo dài giữa hai vợ chồng, ngăn cản nàng thú nhận với cha của anh rằng nàng đang cần khoản tiền mà anh để lại cho nàng. Có lẽ họ đã coi thường nàng từ trước; họ sẽ coi thường nàng tới đâu nữa trong tư cách của một kẻ ăn mày! Không sức mạnh nào trên đời có thể buộc cô con dâu của vị cha xứ thông báo cho ông biết tình trạng của mình.

Nàng nghĩ sự miễn cưỡng của nàng trong việc liên lạc với cha mẹ chồng sẽ giảm dần theo thời gian, nhưng với cha mẹ của chính nàng sự dè dặt vẫn không thay đổi. Khi nàng rời khỏi nhà sau chuyến viếng thăm ngắn sau hôn lễ, họ có ăn tượng rằng cuối cùng nàng cũng hòa giải với chồng; và từ đó cho tới nay nàng không hề làm điều gì để ảnh hưởng tới niềm tin của họ rằng nàng đang thoái mái chờ Clare trở về, hy vọng rằng chuyến đi Brazil của anh sẽ không kéo dài, sau đó anh sẽ tới đón nàng, hoặc sẽ viết thư để nàng tới gặp anh; trong bất cứ trường hợp nào họ sẽ sớm thể hiện một bê ngoài hòa hợp với gia đình của họ và với người đời. Nàng vẫn ấp úi niềm hy vọng này. Việc thú nhận với cha mẹ sau một đám cưới tưng bừng, vốn được cho là để khắc phục thất bại đầu tiên, rằng nàng là một cô vợ bị từ bỏ, và bây giờ, sau khi giúp đỡ họ, nàng buộc phải sống một cuộc sống phụ thuộc, dựa vào đôi tay của chính mình, là quá sức chịu đựng của nàng.

Nàng sức nhớ tới các món nữ trang. Nàng không biết Clare ký gửi chúng ở đâu, và điều đó cũng không quan trọng, nếu thật sự nàng chỉ có thể sử dụng chứ không được bán chúng. Thậm chí nếu chúng hoàn toàn là của nàng, chúng cũng chỉ thuộc về nàng theo pháp luật, về bản chất, chúng không hề là của nàng.

Trong lúc đó, cuộc sống của chồng nàng cũng không dễ dàng chút nào. Giờ này anh đang nằm lèn cơn sốt trong một vùng đất gần Curitiba ở Brazil, do nhiều lần ướt sũng dưới những trận mưa dông và do công việc nặng nhọc, cùng chung cảnh ngộ với những chủ nông trại và những người làm thuê khác, bị lừa đến đó theo lời hứa hẹn của chính phủ Brazil, và do già thuyết vô căn cứ rằng những cơ thể đó, vốn đã cày bừa gieo cấy trên những vùng đất cao ở nước Anh, đủ sức để kháng với thời tiết mà họ đã quen thuộc, cũng có thể có khả năng để kháng tương đương với mọi thời tiết mà sau đó đã khiến cho họ kinh ngạc ở những thảo nguyên của Brazil.

Xin quay lại với Tess. Khi Tess đã tiêu tới đồng bằng cuối cùng, nàng không có khoản nào khác để bù đắp vào đó, trong khi ngày càng khó tìm được việc làm trong mùa này. Không biết rằng ở nơi nào người ta cũng cần tới những người thông minh, mạnh khỏe, và có khả năng, nàng không dám tìm việc làm ở những thị trấn, những tòa nhà lớn, những người giàu có quyền thế, và có những cung cách khác với cung cách nông thôn. Số phận đen đủi đã đến từ những kẻ giàu có quyền thế đó. Xã hội có thể tốt đẹp hơn nàng nghĩ từ kinh nghiệm ít ỏi của nàng về nó. Nhưng nàng không có chứng cứ nào cho điều này, và trong mọi hoàn cảnh, bản năng của nàng là tránh những nơi đô hội.

Những trại bò sữa nhỏ ở hướng tây, mé ngoài Port-Bredy, nơi nàng đã phục vụ với tư cách thợ phụ trong mùa xuân và

mùa hè không còn cần người nữa. Có lẽ nàng tìm được một chỗ làm ở Talbothays, do sự cảm thông thật sự; nhưng dù cuộc sống ở đó dễ chịu như nàng từng biết, nàng không thể quay lại. Khó mà chịu nổi sự thay đổi vị thế này; và sự trở lại của nàng có thể mang tới những lời trách móc đối với người chồng mà nàng tôn sùng như thần tượng. Nàng không thể chịu nổi lòng thương hại và những lời xì xào với nhau của họ về tình cảnh lạ lùng của nàng; dù hầu như nàng có thể đổi mặt với việc mọi cá nhân ở đó biết rõ hoàn cảnh của nàng, miễn là câu chuyện của nàng được cách ly trong tâm trí của mỗi người. Chính những lời đồn thổi và ngồi lê đài mách mới là điều làm thương tổn sự nhạy cảm của nàng. Tess không thể lý giải về sự phân biệt này, nàng chỉ biết rằng nàng cảm nhận được nó.

Lúc này nàng đang trên đường đi tới một nông trại vùng cao ở giữa hạt, theo lời giới thiệu của một lá thư gửi tới từ Marian. Bằng cách nào đó, Marian đã nghe thấy việc Tess và chồng xa cách, có lẽ thông qua Izz Huett. Cô gái tốt bụng và giờ nghiện rượu cho rằng Tess đang khó khăn, nên vội thông báo cho cô bạn cũ rằng bản thân nàng đã tới chỗ này sau khi rời khỏi trại bò sữa, và mong gặp lại nàng ở đó, nơi vẫn còn chỗ cho những nhân công khác, nếu quả thật Tess đã làm việc trở lại như trước.

Những ngày tiếp tục ngắn dần, và mọi hy vọng nhận được sự tha thứ của chồng bắt đầu rời bỏ nàng. Như một con thú hoang bị lái đi theo bản năng, Tess vô tư dấn bước - dần dần tự tách rời mình khỏi quá khứ đầy sự cố theo từng bước chân, xóa mờ nhân thân của nàng, không màng nghĩ tới những sự kiện bất ngờ có thể tiết lộ nơi ở của nàng với những ai có ảnh hưởng quan trọng tới hạnh phúc của nàng, nếu không phải tới hạnh phúc của chính họ.

Một trong số những khó khăn do sự đơn độc của nàng gây ra là sự chú ý mà nàng khơi gợi bởi ngoại hình của nàng, và quá trình tiếp xúc với Clare đã bổ sung thêm cho sự lôi cuốn tự nhiên của nàng. Khi những y phục chuẩn bị cho cuộc hôn nhân của nàng còn mới, những cái nhìn thích thú ngẫu nhiên đó không khiến cho nàng khó chịu, nhưng từ khi nàng buộc phải khoác lên người những bộ đồ lao động giản dị, những lời lẽ thô lỗ bắt đầu hướng vào nàng, nhưng không có gì khiến cho nàng sợ hãi cho tới buổi chiều tháng Mười này.

Nàng thích vùng nông thôn ở hướng tây sông Brit hơn nông trại vùng cao mà lúc này nàng đang trên đường tới, vì nó gần nhà của cha mẹ Clare hơn; và việc thơ thẩn quanh vùng đó mà không bị nhận ra, với nhận thức rằng nàng có thể quyết định ghé thăm vị cha xứ một ngày nào đó, mang tới cho nàng niềm vui. Nhưng khi đã quyết định thử đi lên vùng đất cao hơn và khô cằn hơn, nàng quay ngược về phía đông, đi bộ tới làng Chalk-Newton, nơi nàng định ở qua đêm.

Con đường dài, đơn điệu, và do sự ngắn lại nhanh chóng của ngày, bóng tối ập đến trước khi nàng nhận thấy. Khi đi tới đỉnh một ngọn đồi mà bên dưới con đường trải dài ngoằn ngoèo của nó trong những thoảng nhìn, nàng nghe thấy tiếng chân ở sau lưng, và giây lát sau nàng bị một gã đàn ông bắt kịp. Hắn bước bên cạnh Tess và nói:

“Chào buổi tối, cô gái xinh đẹp.”

Nàng lịch sự đáp lě.

Ánh sáng vẫn còn trên bầu trời soi sáng gương mặt của nàng, dù cảnh vật xung quanh đã gần như tối hẳn. Gã đàn ông quay qua và nhìn nàng chòng chọc.

“Sao, chắc chắn đây là người hầu gái trẻ đã làm việc ở Trantridge một thời gian, bạn của điển chủ trẻ d’Urberville. Ta đã ở đó vào lúc ấy, dù giờ đây ta không sống ở đó.”

Nàng nhận ra hắn chính là cái gã thô lỗ mà Angel tặng cho một cú đấm ở lữ quán vì đã sỉ nhục nàng. Một cơn đau thắt chạy qua khắp người nàng, và nàng không trả lời hắn.

“Nè, đồ láo cá, hãy trung thực thừa nhận điều đó, và những gì ta đã nói trong thị trấn là đúng, dù bạn của cô phù nhận nó. Cô phải xin lỗi ta vì cú đấm của anh ta.”

Tess vẫn im lặng. Dường như chỉ có một cách để thoát khỏi kẻ săn đuổi linh hồn của nàng. Nàng đột ngột co chân chạy với tốc độ của một cơn gió, không nhìn lại phía sau, dọc theo con đường cho tới khi nàng đến một cánh cổng mở thẳng vào một đồn điền. Nàng lao vào đấy và không dừng lại cho tới khi ở sâu trong bóng tối an toàn của nó, tránh khỏi mọi khả năng bị phát hiện.

Lá dưới chân nàng vẫn khô, và tán của một số bụi nhựa ruồi mọc giữa những cây to rụng lá đủ rậm rạp để ngăn gió lùa. Nàng gom những lá chết lại thành một đống lớn, tạo một cái ống ở giữa, rồi bò vào đó.

Nàng ngủ chập chờn và nghĩ mình nghe thấy những tiếng động lạ lùng, nhưng tự thuyết phục rằng chúng do gió gây ra. Nàng nghĩ tới chồng nàng, có lẽ đang ở một miền ấm áp nào đó phía bên kia địa cầu, trong lúc nàng ở đây trong đêm lạnh giá. Có còn kè nào khác trên đời khổn khổ như nàng hay chăng? Tess tự hỏi; và khi nghĩ tới cuộc đời bị phí hoài của mình, nàng nói, “Tất cả đều phù phiếm.” Nàng lặp lại những từ này một cách máy móc, cho tới khi nhớ ra rằng đây là một ý tưởng rất không thích hợp với thời hiện đại. Solomon đã nghĩ như thế từ hơn hai ngàn năm trước; bàn

thân nàng, dù không đứng vào hàng ngũ của những nhà tư tưởng, đã đi xa hơn thế nhiều. Nếu tất cả chỉ là phù phiếm, ai quan tâm tới điều đó? Chao ôi, tất cả còn tệ hơn sự phù phiếm nhiều - sự bất công, sự trừng phạt, sự trả giá, cái chết. Người vợ của Angel Clare đưa tay lên trán, cảm nhận đường cong của nó và rìa của hai hốc mắt bên dưới làn da mềm mại, và nghĩ sẽ có một ngày chở đó chỉ còn là một mảnh xương. "Mình ước nó là thế ngay bây giờ" nàng nói.

Giữa những suy nghĩ rối rắm này, nàng nghe thấy một tiếng động mới lạ lùng giữa những nhánh lá. Nó có thể là gió; thế nhưng hầu như không có chút gió nào. Đôi khi nó là một tiếng tim đập mạnh, đôi khi là một tiếng vỗ cánh, đôi khi là một tiếng thở hổn hển hay tiếng nước chảy ri rì. Nàng sớm chắc chắn rằng chúng đến từ một loài thú hoang nào đó. Lạ lùng hơn nữa, khi từ những nhánh cây trên đầu, những tiếng động đó được tiếp nối bởi tiếng rơi nặng nề của một cơ thể trên mặt đất. Giá như nàng đang nắm co trong những điều kiện khác dễ chịu hơn, hẳn là nàng sẽ trở nên cảnh giác; nhưng ở cách xa con người, lúc này nàng không hề sợ hãi.

Cuối cùng ánh ngày cũng xuất hiện trên bầu trời. Một lúc sau, trong rừng cũng tràn ánh sáng.

Khi ánh sáng bình an và tè nhạt của những thời khắc sống động của thế gian đã tờ rạng, nàng bò ra khỏi cái ống lá cây, và bạo dạn nhìn quanh. Sau đó nàng nhận ra thứ gì đã quay rầy mình. Cái đồn điền mà nàng chọn làm nơi trú ẩn chạy từ chỗ này tới một đinh đồi và kết thúc ở đó, mé ngoài hàng rào là đất trống trọt. Bên dưới những tán cây nằm rải rác nhiều con gà lôi, bộ lông sắc sỡ của chúng ướt đẫm máu; một số đã chết, một số yếu ớt vẫy cánh, một số nhìn lên bầu trời, một số thở hổn hển, một số đuổi người ra - tất cả đều đang quắn quại đớn đau, ngoại trừ những con may

mắn đã thoát khỏi sự hành hạ trong đêm do không còn sức chịu đựng.

Tess đoán ngay được ý nghĩa của cảnh tượng này. Lũ chim đã bị một nhóm thợ săn nào đó lùa vào góc rừng này ngày hôm trước; trong khi có những con chết và rơi xuống ngay sau phát súng, hoặc đã chết trước khi đêm xuống, đã bị tìm thấy và mang đi, nhiều con bị thương nặng đã trốn thoát và ẩn nấp, hoặc bay lên những nhánh cây rậm rạp, đậu ở đó cho tới khi chúng kiệt sức vì mất máu trong đêm, và nàng đã nghe thấy tiếng chúng lần lượt rơi xuống đất.

Hồi còn bé, thỉnh thoảng nàng nhìn thấy những người thợ săn đang nhìn qua hàng rào, hay dò tìm qua những bụi cây, khẩu súng chĩa về phía trước. Họ ăn mặc lạ lùng và có một ánh sáng khát máu trong đôi mắt họ. Nàng từng nghe nói rằng dù ngay lúc đó trông họ có vẻ thô bạo dữ dằn, không phải trông họ cứ như thế quanh năm suốt tháng, mà thật ra hoàn toàn là những con người văn minh, ngoại trừ những tuần nhất định của mùa thu và mùa đông, khi như những cư dân của bán đảo Malay, họ trở nên điên cuồng, biến sự hủy diệt cuộc sống thành mục đích của mình - trong trường hợp này là những sinh vật lông vũ vô hại, được nuôi chỉ để thỏa mãn khuynh hướng giết chóc này. Thật là độc ác, vô nhân tính khi đối xử như thế với những người bạn yếu ớt hơn trong đại gia đình đông đúc của Tự nhiên.

Bị thôi thúc bởi lòng căm thương đối với những sinh vật khổ đau không khác chi nàng, ý nghĩ đầu tiên của Tess là giúp những con chim còn sống thoát khỏi đau đớn, và với mục đích này nàng bẽ gày cỗ càng nhiều con càng tốt, đặt chúng nằm ở nơi nàng tìm thấy cho tới khi những tay thợ săn tới để tìm chúng một lần nữa, đó là điều chắc chắn.

“Những chú chim đáng thương, tao cứ nghĩ mình là kẻ khốn khổ nhất trên đời, nhưng khi nhìn cảnh tượng này tao thấy chúng may còn bất hạnh hơn!” nàng cảm thán, nước mắt ròng ròng trong lúc giết chết những con chim. “Tao không gánh chịu sự đau đớn thể xác! Tao không bị làm cho biến dạng, không bị chảy máu, và tao có hai bàn tay để kiểm cái ăn cái mặc.” Nàng cảm thấy xấu hổ với chính mình vì những ý tưởng ám đạm đêm qua, chúng chỉ dựa vào một ý thức về số phận hẩm hiu khi đối mặt với luật pháp độc đoán của xã hội loài người, vốn không liên quan gì tới những quy luật của Tự nhiên.

Chương 42

Lúc này trời đã sáng bạch, và nàng lại lên đường, cẩn thận bước ra con đường lộ. Nhưng không cần phải cảnh giác, bởi không có một bóng người nào cả, và Tess đi tiếp với sự kiên cường. Ký ức về sự im lặng chịu đựng đau đớn suốt đêm của lũ chim có một ấn tượng mạnh mẽ đối với nàng, nàng nghĩ mọi đau khổ trên đời đều là tương đối và nàng có thể đối phó với nỗi đau nếu bắt chấp ý kiến của người đời. Nhưng điều đó là bất khả một khi nàng vẫn còn cách biệt với Clare.

Nàng tới Chalk-Newton, ăn sáng ở một lữ quán, và nhiều thanh niên buông lời khen ngợi với vẻ cợt nhả sắc đẹp của nàng. Theo cách nào đó, nàng cảm thấy hy vọng, bởi không phải chồng nàng cũng có thể nói với nàng những điều tương tự hay sao? Nàng buộc phải tự bảo trọng để chờ đợi cơ may đó, và ngăn chặn những kẻ hay tán tỉnh. Với mục đích này, nàng quyết định xóa bỏ những nguy cơ có thể này sinh do ngoại hình của mình. Ngay khi ra khỏi làng, nàng bước vào một bụi rậm và lấy ra từ giỏ một trong những cái áo lao động cũ từng mặc khi ra đồng ở Marlott. Nàng chưa bao giờ mặc lại nó, ngay cả ở trại bò sữa. Sau đó nàng lấy một cái khăn tay trong gói đồ và cột nó quanh mặt bên dưới cái mũ, che phủ cái cằm, phân nửa hai gò má và hai thái dương, như thế nàng

đang bị đau răng. Rồi với cây kéo nhỏ và tấm gương bò túi, nàng cắt trui không thương tiếc hai hàng lông mày, và sau khi đã đảm bảo sẽ không phải đối mặt với sự ngưỡng mộ tai hại nữa, nàng tiếp tục dấn bước trên con đường gập ghềnh.

“Nhìn thấy ớn!” người đàn ông nàng gặp đầu tiên trên đường thốt lên.

Nghe thấy thế, nước mắt nàng trào ra vì thấy thương cho chính mình.

“Nhưng mình không bận tâm!” nàng nói. “Ồ, phải, mình không bận tâm! Giờ mình sẽ luôn luôn xấu xí, vì Angel không có mặt ở đây, và không có ai quan tâm tới mình hết. Chồng mình đã đi xa, và sẽ không bao giờ yêu mình nữa; nhưng mình vẫn yêu anh ấy, cũng như ghét tất cả những gã đàn ông khác, và muốn họ nghĩ về mình một cách coi thường!”

Tess cứ đi như thế; một hình dáng tạo thành một phần của cảnh vật; một cô gái nông dân đơn sơ giàn dị, trong bộ y phục mùa đông; một cái mũ vải sẹc, cái khăn choàng len đỏ, cái váy cũ, bên trên là một cái áo choàng rộng thô kệch màu cháo lòng, và đôi găng tay da bò. Từng sợi chỉ của bộ y phục cũ đó đã sờn mòn, bạc màu sau những ngày dầm mưa dài nắng. Giờ ở nàng không còn dấu hiệu nào của niềm đam mê trẻ trung nữa.

Miệng của cô gái giá lạnh

....

Nếp vải này trên nếp vải kia

Cột mái đầu nàng.⁽¹⁾

1. Trích bài thơ *Frugoletta* của nhà thơ Anh Algernon Charles Swinburne (1837 - 1909).

Bên dưới lớp vỏ bể ngoài này gần như là một thứ gỗ đá không sự sống, không đáng để con mắt chú ý tới, vẫn có một sự sống mảnh liệt, mà thông qua những tháng năm của nó, đã quá tường tận sự phù du của vạn vật, sự độc ác của đam mê và sự mong manh của tình yêu.

Hôm sau thời tiết rất xấu, nhưng nàng vẫn dấn bước, sự thù địch rõ rệt thẳng thừng của tự nhiên không làm cho nàng nao núng. Mục tiêu của nàng là một công việc và một mái nhà trong mùa đông, và không còn thời gian để đánh mất. Đã có nhiều kinh nghiệm về những công việc làm thuê ngắn hạn, nàng quyết định phải tìm cho được một công việc lâu dài.

Nàng cứ đi như vậy từ nông trại này sang nông trại khác theo hướng của địa điểm mà Marian đã viết cho nàng, nơi nàng quyết định chỉ xem như một chỗ tạm dừng chân cuối cùng, vì theo lời đồn cuộc sống ở đó cũng chẳng dễ dàng gì. Trước tiên nàng sẽ xin làm những công việc nhẹ, và những công việc ít nhẹ nhàng hơn nếu bị từ chối; bắt đầu với việc vắt sữa và chăm sóc gia cầm mà nàng thích nhất, nàng kết thúc với công việc mà nàng không ưa nhất - làm việc trên đất trồng trọt, một công việc thật sự nhọc nhằn mà nàng không bao giờ tự nguyện làm.

Chiều ngày thứ hai nàng tới vùng bình nguyên đá vôi, với những ngôi mộ cổ hình bán cầu nhấp nhô, như thể nữ thần Cybele⁽¹⁾ với nhiều cặp vú đang nằm ngửa phơi ngực ở đó. Vùng đất này trải dài giữa thung lũng quê hương nàng và thung lũng nơi nàng gặp gỡ tình yêu.

1. Nữ thần trong thần thoại của vương quốc cổ đại Phrygia. Trong thần thoại Hy Lạp, nữ thần này trùng lặp với nữ thần đất Gaia; trong thần thoại La Mã bà được biết với tên gọi Magna Mater (Mẹ vĩ đại).

Không khí ở đây khô, lạnh, và gió thổi tung bụi trắng trên những con đường xe ngựa dài chỉ vài giờ sau cơn mưa. Hầu như không có cây to, những bờ rào táo gai bị cắt xén không thương tiếc bởi các tá điền, kẻ thù tự nhiên của cây cối và bụi rậm. Ở giữa khoảng xa trước mặt, nàng có thể nhìn thấy đỉnh của những ngọn đồi Bulbarrow và Nettlecombe Tout, trông chúng có vẻ thân thiện. Nhìn từ vùng cao nguyên này, chúng có vẻ thấp và khiêm tốn, dù hối nàng còn bé, nhìn từ thung lũng Blackmoor phía bên kia chúng là những thành trì sừng sững dưới bầu trời. Ở hướng nam, suốt khoảng cách nhiều dặm, và trên những dãy đồi núi chạy về phía biển, nàng có thể nhận ra một bể mặt giống như thép được mài bóng loáng. Đó là Kênh nước Anh trải dài về hướng nước Pháp.

Trước mặt nàng, trong một thung lũng nhỏ, là một ngôi làng nghèo nàn. Trên thực tế, nàng đã tới Flintcomb-Ash, nơi tạm trú của Marian. Nàng không còn lựa chọn nào khác, đường như số phận đã đưa đẩy nàng tới nơi đây. Đất đai cằn cỗi quanh nàng chứng tỏ rõ rệt rằng công việc ở đây thuộc vào loại nhọc nhằn nhất; nhưng đã đến lúc thôi tìm kiếm, và nàng quyết định ở lại, đặc biệt là vì trời lại bắt đầu mưa. Ở đầu làng có một ngôi nhà tranh với đầu hôi nhú ra con đường, và trước khi tìm chỗ trú nàng đứng dưới mái hiên của nó, quan sát buổi chiều hôm đang tới.

“Ai sẽ nghĩ mình từng là bà Angel Clare chứ!” nàng nói.

Bức tường sau lưng và vai nàng tỏa ra sự ấm áp, nàng lập tức nhận ra bên trong đầu hôi là lò sưởi của ngôi nhà, hơi nóng của nó đã xuyên qua bức tường gạch. Nàng áp tay lên đó để sưởi ấm, và cũng áp một bên má - đỏ ửng và ấm ướt vì cơn mưa bụi - lên bể mặt ấm áp của bức tường. Đường như nó là người bạn duy nhất của nàng. Nàng lưu luyến nó đến độ có thể ở đó suốt đêm nay.

Tess có thể nghe thấy sinh hoạt của những người sống trong nhà - đang tụ tập với nhau sau một ngày vất vả - tiếng trò chuyện lao xao, và tiếng lanh canh của những đĩa bát. Nhưng trên con đường làng nàng không nhìn thấy bóng người nào. Cuối cùng sự vắng vẻ bị phá vỡ bởi một hình dáng phụ nữ đang tiến tới gần. Dù buổi chiều hôm trời lạnh, người đó chỉ mặc một cái váy vài hoa mỏng và đội cái mũ mùa hè. Một cách bắn nồng, Tess nghĩ đó có thể là Marian, và khi người đó tới đủ gần để phân biệt trong bóng tối nhá nhem, có thể chắn chắn đó là nàng ta. Gương mặt của Marian thậm chí còn tròn trịa và đỏ ửng hơn lúc trước, và bộ y phục cũng tối tàn hơn trước. Ở bất cứ giai đoạn nào trước đó, hẳn Tess sẽ không muốn hâm nóng lại tình bạn cũ trong những điều kiện như thế này; nhưng nàng đang quá lè loi cô độc, và nàng dễ dàng đáp lại lời chào của Marian.

Marian rất nhã nhặn trong những lời thăm hỏi, nhưng có vẻ rất xúc động trước thực tế rằng Tess vẫn không có gì khác hơn so với ngày xưa, dù nàng cũng đã nghe thấy lờ mờ về sự chia tay.

“Tess - bà Clare - người vợ thân yêu của anh! Có thật tình cảnh tệ đến mức này không, cô bé của tôi? Vì sao cô lại che mặt như thế? Có ai đánh cô à? Không phải anh chứ?”

“Không, không! Chỉ làm như thế để không bị quấy rầy thôi, Marian.”

Với sự kinh tởm, nàng tháo cái khăn che mặt vốn có thể gợi ra những ý nghĩ không hay.

“Và cô không đeo cái cổ áo.” (Khi còn ở trại bò sữa, Tess thường đeo một cái cổ áo trắng.)

“Tôi biết điều đó, Marian.”

“Cô đã đánh mất nó trên đường à?”

“Tôi không đánh mất nó. Sự thật là tôi không còn quan tâm tới vẻ ngoài của mình, vì thế tôi không đeo nó.”

“Và cô cũng không đeo chiếc nhẫn cưới?”

“Có, nhưng tôi không đeo nó trước mắt người khác. Tôi đeo ở cổ, trên một dải ruy băng. Tôi không muốn mọi người nghĩ tôi là ai thông qua việc kết hôn, hoặc biết tôi đã kết hôn; nó sẽ rất khó xử khi tôi sống cuộc đời hiện tại.”

Marian im lặng một lúc.

“Nhưng cô là vợ của một quý ông; và có vẻ như không công bằng khi cô sống như thế này!”

“Ô, nó hoàn toàn công bằng, dù tôi rất không vui.”

“Chà, chà. Anh đã cưới cô, thế mà cô lại không vui!”

“Đôi khi những người vợ không vui, không phải vì lỗi của chồng họ mà vì lỗi của chính họ.”

“Cô không có lỗi gì cả, cô gái thân yêu, tôi chắc chắn điều đó. Và anh cũng không. Thế nên đó phải là điều gì đó xuất phát từ bên ngoài.”

“Marian thân mến, chị làm ơn đừng hỏi nữa được không? Chồng tôi đã sang nước ngoài, và tôi đã tiêu hết số tiền trợ cấp, vì thế tôi phải quay lại công việc cũ một thời gian. Đừng gọi tôi là bà Clare mà cứ gọi là Tess như trước. Ở đây họ có cần người không?”

“Ô có, họ luôn cần người, vì ít ai tới đây. Đây là một cảnh đồng chết đói. Họ chỉ trồng lúa mì và cù cài Thụy Điển. Dù bản thân mình ở đây, tôi cảm thấy thương cho một người như cô mà phải tới đây.”

“Nhưng chị cũng từng là một thợ vắt sữa giỏi như tôi.”

“Phải, nhưng tôi đã nghỉ việc từ khi uống rượu. Trời ạ, giờ đó là công việc duy nhất của tôi! Nếu cô nhận làm, cô sẽ

là thợ đào cù cài. Đó là việc tôi đang làm, nhưng cô sẽ không thích nó.”

“Ô, bất cứ việc gì! Chị sẽ nói giúp tôi nhé?”

“Tốt hơn cô nên tự nói cho mình.”

“Tốt lắm. Nè, Marian, hãy nhớ không nói gì về anh nếu tôi làm ở đây. Tôi không muốn đưa tên của anh xuống bùn.”

Marian thật sự là một cô gái đáng tin cậy dù thô lỗ hơn Tess, nàng hứa bất cứ điều gì Tess yêu cầu.

“Đêm nay là đêm họ trả tiền công,” nàng nói, “và nếu cô đi với tôi cô sẽ biết ngay mọi thứ. Tôi thật sự tiếc về việc cô không vui, nhưng đó là vì anh đi xa, tôi biết. Cô không thể không vui nếu anh ở đây, ngay cả khi anh không cho cô xu nào, ngay cả khi anh xem cô như một nô lệ.”

“Đúng thế, tôi không thể vui được!”

Họ đi với nhau tới ngôi nhà nông trại, một nơi cực kỳ ảm đạm. Không có cây cao nào trong tầm mắt; không đồng cỏ xanh tươi nào, vào mùa này. Không có gì ngoài đất hoang và cù cài ở mọi nơi, trong các cánh đồng trơ trọi với những bờ rào phân cách.

Tess chờ ngoài cửa cho tới khi những người làm thuê đã nhận tiền công, sau đó Marian giới thiệu nàng. Ông chủ trại không có nhà. Vợ ông, người thay mặt ông tối hôm đó, đồng ý thuê Tess nếu nàng ở lại cho tới Lễ truyền tin⁽¹⁾. Lao động nữ lúc này khan hiếm, và những công việc họ có thể làm dễ dàng không kém đàn ông lại rẻ hơn về chi phí.

1. Lady Day: ngày tống thiên sứ Gabriel báo tin với Đức mẹ Maria về việc Chúa Jesus giáng sinh, nhằm ngày 25/3 hàng năm. Từ năm 1752, khi nước Anh chuyển từ lịch Julian sang lịch Gregorian, ngày Lady Day phân thành hai ngày là Old Lady Day (25/3) và New Lady Day (6/4).

Sau khi ký giao kèo, Tess không còn gì khác để làm ngoài việc tìm một nơi tạm trú, và nàng tìm được một chỗ, ở ngôi nhà nơi nàng đã sưởi ấm bên bức tường ở đầu hối. Đó là một cuộc sống nhục nhằn, nhưng ít ra nó cũng cho nàng một nơi ẩn náu suốt mùa đông.

Đêm đó nàng viết thư báo cho cha mẹ biết địa chỉ mới của mình, phòng khi chồng nàng gửi thư tới Marlott. Nhưng nàng không nói gì tình cảnh khốn khổ của mình, sợ rằng họ sẽ oán trách Clare.

Chương 43

Nhận định của Marian rằng nông trại Flintcomb-Ash là một cánh đồng chết đói không hề cường điệu chút nào. Thứ duy nhất mập mạp trên vùng đất này là bàn thân Marian, nhưng nàng là người ở bên ngoài tới. Có thể chia những ngôi làng thành ba loại, loại thứ nhất do chủ đất chăm sóc, loại thứ hai tự chăm sóc cho nó, và loại thứ ba chả có ai quan tâm tới (nói cách khác, có loại làng do chủ đất ở đó khai thác, có loại làng do những người làm chủ theo hợp đồng khai thác, và có loại làng bị bỏ mặc do chủ nhân thường xuyên vắng mặt); Flintcomb-Ash là loại thứ ba.

Nhưng Tess vẫn bắt tay vào việc. Sự nhẫn nại, một phẩm chất xuất phát từ tinh thần can đảm và thể chất yếu ớt giờ là nền tảng tính cách của bà Angel Clare; và nó chống đỡ cho nàng.

Cánh đồng cù cài nơi nàng và Marian làm việc là một dải đất cù trại dài một trăm mẫu Anh, trên vùng đất cao nhất của nông trại, nằm bên trên những lớp đá nền - phần đất trồi của những mạch silic trong quá trình hình thành địa hình đá phấn, bao gồm vô số viên đá lửa trắng có hình dáng giống như cù hành và dương vật. Phần ngọn của mỗi cây cù cài đã bị súc găm mất, và công việc của hai người phụ nữ là đào phần cù bên dưới mặt đất với một thứ dụng cụ giống

như cái chĩa có đầu cong, phần cù này cũng có thể bị gãy súc ăn mòn. Vì không còn chiếc lá nào, một màu nâu xám àm đậm trùm lên toàn bộ cánh đồng, giống như một gương mặt mà từ cằm tới trán đều phẳng lì một lớp da. Bầu trời cũng giống hệt vậy nhưng với một màu sắc khác, một gương mặt trắng với những đường nét mờ mờ. Hai gương mặt bên trên và bên dưới này cứ đối diện với nhau suốt ngày dài như thế, gương mặt trắng nhìn xuống gương mặt nâu, và gương mặt nâu nhìn lên gương mặt trắng, không có gì đứng giữa chúng ngoài hai cô gái đang lom khom trên gương mặt nâu giống như hai con ruồi.

Không ai đến gần họ, và những cử động của họ đều đều, máy móc. Thân hình họ được phủ kín trong chiếc áo choàng vải bao bối - cái áo choàng có tay áo màu nâu, được cột chặt ở phía sau để không bị gió thổi bay phơ phất, cái váy ngắn để lộ đôi ống cao tới mắt cá, và đôi găng tay dài bằng da cừu màu nâu. Vẽ mặt đậm chiêu và cái mũ trùm đầu khiến mái đầu cúi xuống của họ nhắc cho người quan sát nhớ tới hình ảnh của hai Mary⁽¹⁾ được vẽ theo phong cách Ý.

Họ làm việc hết giờ này sang giờ khác, không để ý tới sự hiu quạnh của cảnh vật mà họ là một phần trong đó, không nghĩ tới việc số mệnh có công bằng với họ hay chăng. Thậm chí công việc vất vả vẫn không thể ngăn họ chìm trong mơ mộng. Vào buổi chiều, trời lại đổ mưa, và Marian bảo rằng họ không cần làm nữa. Nhưng nếu không làm việc, họ sẽ không được trả công; thế là họ lại tiếp tục làm. Cánh đồng này ở một vị trí cao đến độ mưa không có cơ hội rơi xuống đất mà bị gió cuốn đi theo chiều ngang, dính vào họ như những mảnh vụn thủy tinh cho tới khi họ ướt như chuột lột.

1. Virgin Mary (Đức mẹ Đồng trinh) và Mary Magdalene (môn đồ của Chúa Jesus).

Mãi cho tới lúc này, Tess mới biết cụm từ đó có nghĩa là gì. Có những mức độ bị ướt khác nhau, và trong đối thoại hàng ngày, cụm từ “ướt như chuột lột” có thể chỉ mức độ ướt sơ sơ. Nhưng đứng làm việc một cách chậm chạp trên cánh đồng, cảm thấy nước mưa bò trên cơ thể, trước tiên ở hai chân, hai vai, rồi sau đó tới hông, đầu, rồi sau lưng, trước ngực và hai bên sườn, mà vẫn phải làm tiếp cho tới khi ánh sáng màu chì mờ dần và báo hiệu rằng mặt trời đã lặn, đòi hỏi một sự khắc kỷ, thậm chí một sự dũng cảm.

Thế nhưng họ không cảm thấy ướt nhiều như người ta có thể nghĩ. Cả hai đều còn trẻ, họ nói về thời gian họ sống và yêu ở trại bò sữa Talbothays, vùng đất xanh hạnh phúc nơi mùa hè rất hào phóng với những tặng vật của mình. Tess không muốn nói chuyện với Marian về người chồng, nếu không phải trên thực tế, thì cũng về mặt pháp lý, của nàng; nhưng sự thú vị không thể cưỡng lại của đế tài này khiến nàng vẫn trả lời những nhận xét của Marian. Và cứ thế, như đã nói, dù tấm mạng che mặt trên mũ của họ vỗ phẩn phật vào mặt, áo choàng của họ dán chặt vào người, họ sống trọn buổi chiều này với những ý ức về Talbothays xanh tươi, làng mạn, tràn ánh nắng.

“Cô có thể nhìn thấy một ngọn đồi ở thung lũng Froom cách đây vài dặm nếu trời đẹp” Marian nói.

“Ồ, thế à” Tess đáp, tán thường giá trị mới của vùng đất này.

Như ở mọi nơi, tại đây cũng có hai lực lượng đang đối kháng nhau: niềm khao khát bản năng đối với hạnh phúc, và sự ngăn trở của hoàn cảnh. Marian có một cách tự an ủi: khi chiều tàn, nàng móc từ trong túi ra một chai rượu nút băng giè trắng và mời Tess uống. Tuy nhiên, Tess hài lòng với những mơ mộng của mình và không cần tới sự hỗ trợ của

men rượu, nén nàng chỉ nhấp một ngụm nhỏ, sau đó Marian nốc một hơi dài.

“Tôi đã quen với nó” nàng nói. “Và giờ không thể bỏ được. Nó là nguồn an ủi duy nhất của tôi. Cô thấy đó, tôi đánh mất ảnh, cô thì không. Và có lẽ cô có thể sống mà không cần tới nó.”

Tess nghĩ sự mất mát của mình cũng lớn như sự mất mát của Marian, nhưng không tranh cãi. Nói cho cùng, dù sao nàng cũng là vợ của Angel, ít ra về mặt pháp lý, và điều đó là niềm an ủi của nàng.

Tess cứ làm việc như thế, trong những màn sương giá buổi sáng và những cơn mưa buổi chiều. Khi xong việc đào cù cài, họ bắt đầu tìa chúng. Với một cái liếm, họ gọt đất và rẽ phụ ra khỏi cù cài trước khi cất chúng vào kho để sử dụng trong tương lai. Trong lúc làm việc, họ có thể trú mưa dưới một túp lều tranh; nhưng nếu có sương giá, ngay cả đôi găng tay da rất dày của họ cũng không thể ngăn được cảm giác lạnh lẽo ở những ngón tay. Tuy nhiên Tess vẫn hy vọng. Nàng có một niềm tin chắc chắn rằng sớm hay muộn gì lòng bao dung đại lượng, mà nàng vẫn xem là một đức tính chủ yếu của Clare, sẽ thúc đẩy anh quay lại với nàng.

Khi có tâm trạng vui vẻ, Marian sẽ tìm những viên đá lửa có hình dạng kỳ lạ như đã nói ở trên và cười rẽ lên, nhưng Tess không thường ứng trả vui đó. Họ thường nhìn ngang qua vùng đất này tới thung lũng Froom, dù họ không thể nhìn thấy nó, dán mắt vào màn sương mù xám, hình dung lại những ngày họ từng trải qua ở đó.

“Chà,” Marian nói, “tôi ước gì có một hai người bạn cũ của chúng ta tới đây! Khi đó chúng ta có thể mang Talbothays tới đây hàng ngày, và nói về ảnh, về thời gian vui vẻ chúng ta

từng có ở đó, và những thứ mà chúng ta từng biết, làm cho mọi thứ hồn như trở lại!" Đôi mắt của nàng dịu lại, và giọng nói của nàng mơ hồ khi những hình ảnh đó quay lại. "Tôi sẽ viết thư cho Izz Huett" nàng nói. "Giờ cô ấy đang ở không tại nhà mình, tôi biết, tôi sẽ nói với cô ấy rằng chúng ta ở đây và yêu cầu cô ấy tới; có lẽ giờ Retty cũng khá ổn rồi."

Tess không phản đối đề nghị đó, lần kế tiếp nàng nghe nói về kế hoạch đưa những niềm vui cũ ở Talbothays tới đây là vài ngày sau đó, khi Marian thông báo với nàng rằng Izz đã trả lời thư, và hứa sẽ tới nếu có thể.

Trong suốt nhiều năm, chưa có mùa đông nào như thế. Nó len lén xuất hiện và tới gần, như những nước đi có tính toán của một quân cờ. Một sáng nọ, vài cây lè loi và những cây táo gai ở hàng rào trông như thể đang khoác lên lớp da của động vật. Từng nhánh được che phủ bởi một lớp màu trắng trên lớp vỏ trong đêm, khiến chúng to lên gấp bốn lần lúc bình thường; toàn bộ bụi cây hoặc thân cây tạo thành một phác họa bằng phấn trên bầu trời và chân trời xám xịt. Những tấm mạng nhện lộ ra trên các tấm vải bạt và bức tường nơi chúng chưa từng bị phát hiện cho tới khi bầu không khí giá lạnh biến chúng thành cái mạng nhện lóng lánh như thủy tinh, treo lơ lửng như cái thòng lọng trắng từ góc nhô ra của những ngôi nhà phụ, cột nhà và cánh cổng.

Sau cái mùa ẩm ướt và đóng băng này là một đợt sương giá khô khan. Những đàn chim lạ từ Bắc Cực bắt đầu lảng lẽ xuất hiện trên vùng đất cao Flintcomb-Ash; những sinh vật gầy như bóng ma với những đôi mắt bi thảm - đôi mắt đã chứng kiến nhiều cảnh tượng kinh hoàng ở nhiều miền cực bắc khà tiếp cận, ở một mức độ mà không con người nào từng biết, trong những nhiệt độ lạnh giá mà không con người nào chịu nổi; đôi mắt đã trông thấy sự rạn nứt của

những tảng băng trôi và tuyết trượt khỏi các ngọn đồi do ánh sáng chói lòa của Bắc cực quang; đã bị mù nửa phần do lốc xoáy của những cơn bão lớn và biến đổi địa hình; và lưu giữ lại đặc điểm mà các cảnh tượng đó gây ra. Những con chim không tên này đến rất gần Tess và Marian, không nói gì về tất cả những thứ chúng đã nhìn thấy nhưng loài người sẽ không bao giờ nhìn thấy. Tham vọng kể lại chuyện mình của kẻ du hành không phải là chuyện của chúng, và với sự thụ động lặng câm, chúng xóa bỏ các kinh nghiệm mà chúng không đánh giá cao để tập trung vào sự kiện trước mắt của vùng đất cao này - cử động đào xới đất bình thường của hai cô gái, vì có thể để lộ ra thứ này thứ khác mà những vị khách phương xa này xem là thực phẩm.

Rồi vào ngày nọ, một phẩm chất đặc biệt xâm lăng bầu không khí ở vùng đất trống này. Một loại ẩm ướt không phải sự ẩm ướt của mưa, và một thứ lạnh không phải cái lạnh của sương giá. Nó làm lạnh nhăn cầu của hai cô gái, làm trán họ đau, thâm nhập vào xương họ, tác động tới bề mặt cơ thể ít hơn tới cốt lõi của nó. Họ biết nó có nghĩa là tuyết, và tuyết đến trong đêm. Vẫn tiếp tục sống trong ngôi nhà tranh cùng cái đầu hối ẩm áp hào phóng với bất cứ khách bộ hành cô độc nào dừng lại bên cạnh nó, Tess thức giấc trong đêm, và nghe thấy bên trên mái tranh những tiếng động như thể nó đã trở thành một phòng tập thể dục của tất cả những cơn gió. Khi ngồi dậy và thắp đèn lên, nàng nhận thấy tuyết đã len qua một khe hở trên khung cửa sổ, tạo thành một cột hình nón ở bên trong, và cũng rơi xuống từ ống khói, đọng trên sàn nhà, để lại những dấu giày khi nàng di chuyển. Ở bên ngoài, cơn bão lướt qua nhanh tạo thành một màn sương mù tuyết trong nhà bếp; nhưng trời bên ngoài còn quá tối để nhìn thấy bất cứ thứ gì.

Tess biết rằng không thể tiếp tục với công việc đào cù cải, và khi nàng đã ăn xong bữa sáng bên cạnh cây đèn dầu nhỏ, Marian tới để nói với nàng rằng họ sẽ tham gia với số phụ nữ còn lại để tuốt rơm trong kho thóc cho tới khi thời tiết thay đổi. Do đó, ngay khi tấm áo choàng của bóng tối bên ngoài bắt đầu chuyển thành một màu xám hỗn loạn, họ thổi tắt đèn, trùm những cái mũ có dài che tai dày nhất lên đầu, cột những cái khăn choàng len quanh cổ và ngực, rồi đi tới kho thóc. Tuyết đã theo sau lũ chim đến từ cái chậu ở vùng cực như một cột mây trắng, và không thể nhìn thấy những bông tuyết đơn lẻ. Gió mang theo mùi của băng trôi, biển vùng cực, cá voi, gấu trắng và cuốn theo tuyết nhanh đến độ tuyết chỉ lướt qua mặt đất chứ không che phủ nó. Họ lê bước với thân hình nghiêng về phía trước qua các cánh đồng, cố đi càng sát những hàng rào càng tốt. Tuy nhiên, chúng không bảo vệ họ khỏi những cơn gió mà chỉ đóng vai trò của một cái lọc. Bầu không khí chuyển thành màu trắng với vô số bông tuyết, những cơn gió xoắn và cuộn tròn chúng, biến mọi thứ thành một màu trắng hỗn loạn. Nhưng cả hai cô gái đều khá vui vẻ; thứ thời tiết đó trên một vùng đất cao không làm cho họ mất tinh thần.

“Ha ha! Lũ chim miền bắc tinh quái biết điều này sẽ tới!” Marian nói. “Chúng phụ thuộc vào nó, và bay ngay phía trước nó suốt chặng đường từ sao Bắc Đẩu tới đây. Tess thận mến, chắc chắn chồng của cô đang chịu đựng thời tiết cháy khô trong lúc này. Ôi trời, giá mà ảnh có thể nhìn thấy cô vợ xinh đẹp của mình vào lúc này! Thời tiết này không làm tổn hại vẻ đẹp của cô chút nào, thật sự nó làm cho cô trông xinh hơn.”

“Chị đừng nói về ảnh với tôi, Marian” Tess nghiêm nghị nói.

“Được, nhưng chắc chắc cô quan tâm tới ảnh, đúng không?”

Thay vì trả lời, với lè rưng khóc mắt, Tess hấp tấp quay mặt về hướng mà nàng nghĩ là hướng của Nam Mỹ, và chu môi lên, gửi một nụ hôn gió say đắm vào làn gió tuyêt.

“Chà, chà, tôi biết là cô quan tâm mà. Nhưng nói thật, đây là một cuộc sống kỳ quặc đối với một đôi đã kết hôn! Thôi, tôi sẽ không nói lời nào nữa! Còn về thời tiết, nó sẽ không làm tổn thương chúng ta trong kho thóc, nhưng tuốt rơm là một công việc đáng sợ, tệ hơn đào cù cài. Tôi có thể chịu được vì tôi béo; nhưng cô mảnh khảnh hơn tôi. Tôi không hiểu vì sao ông chủ không nhìn thấy điều này.”

Họ tới kho thóc và bước vào. Một đầu của cái nhà kho dài này đầy những bó lúa mì; ở giữa công việc tuốt rơm đang được tiến hành, trong buổi chiều hôm trước, nhiều bó lúa mì đã được đặt gán máy tuốt, và những người thợ có đủ công việc để làm trong ngày.

“Sao, Izz kia kia!” Marian nói.

Đó đúng là Izz, và nàng bước tới. Nàng đã đi bộ tới từ nhà mẹ mình chiều hôm trước, do không nghĩ quãng đường xa đến thế, nàng đã đến muộn, tuy nhiên cũng tới nơi ngay trước khi tuyêt bắt đầu rơi, và ngủ ở cửa quán. Người chủ trại đã đồng ý với mẹ nàng ở chợ sẽ nhận nàng nếu nàng tới hôm nay, và nàng đã e sê làm ông ta thất vọng vì sự trì hoãn.

Ngoài Tess, Marian và Izz, có hai phụ nữ đến từ làng bên, hai chị em to khỏe như đàn ông khiến Tess giật mình khi nhớ ra. Đó là Car Darch - Quân Đám Bích và em cô ta - Quân Đám Rô, hai người đã cố đánh nàng trong cuộc gác lúc nửa đêm ở Trantridge. Họ không có biểu hiện nào đã nhận ra nàng, và chắc chắn là không, bởi hôm đó họ đã say

mềm và chỉ là người lưu lại tạm thời ở đó cũng như ở đây. Họ làm mọi loại công việc của đàn ông, kể cả đào giếng, làm hàng rào, đào mương, đào hố, không hề biết mệt. Họ cũng là những thợ tuốt rơm giỏi, và nhìn ba người kia với ánh mắt của kẻ bể trên.

Tất cả mang găng tay vào và làm việc trong hàng trước cái máy tuốt; nó được tạo thành bởi hai cột đứng nối với nhau bởi một thanh ngang, bên dưới là những bó lúa với bông lúa nằm ở mé ngoài, thanh ngang được hỗ trợ bởi những cái răng cào và hạ thấp khi những bó lúa đã được tuốt co nhỏ lại.

Ngày đã rạng hơn, ánh sáng luôn qua cửa kho và hắt ngược lên trên từ lớp tuyết thay vì hắt xuống từ bầu trời. Các cô gái kéo hết bó này tới bó khác từ cái máy tuốt rơm; nhưng do sự có mặt của hai người lạ, Marian và Izz không thể nói về ngày tháng cũ như mong muốn. Lúc này họ nghe tiếng vó của một con ngựa. Người chủ trại cưỡi ngựa tới cửa kho thóc. Sau khi xuống ngựa, ông ta tới gần Tess, và đứng im chăm chú nhìn một phía gương mặt của nàng. Lúc đầu nàng không quay lại, nhưng cái nhìn chòng chọc đó khiến nàng nhìn lại, và nhận ra người thuê nàng là gã đàn ông từng sống ở Trantridge, kẻ mà nàng đã chạy trốn trên con đường lớn vì những lời bóng gió nhắc tới tiểu sử của nàng.

Ông ta chờ cho tới khi nàng mang những bó lúa đã tuốt tới đống rơm bên ngoài, rồi lên tiếng: "Cô là người phụ nữ trẻ đã xem nhẹ sự lịch sự của ta phải không? Ta sẽ chết đuối nếu ta không nghĩ đó có thể là cô ngay khi ta nghe nói tới việc thuê cô! Chà, cô nghĩ cô đã chiếm ưu thế vào lần đầu ở lữ quán với người trong mộng của cô, và lần thứ hai trên đường, khi cô bỏ chạy; nhưng giờ ta nghĩ ta có lợi thế hơn cô." Ông ta kết luận với một tiếng cười hô hố.

Đứng giữa hai cô gái lực lưỡng và tay chủ trại, Tess giống như một chú chim mắc lưới. Nàng không trả lời, tiếp tục làm việc. Nàng có thể đọc tính cách khá tốt, dù để biết lần này nàng không có gì phải e sợ từ thái độ lịch sự của tay chủ nông trại; ông ta tỏ ra cay đắng chỉ vì không quên được sự nhục nhã mà Clare gây ra. Nhìn chung nàng thích cảm xúc đó ở đàn ông và cảm thấy có đủ can đảm để chịu đựng nó.

“Ta cho là cô tưởng ta thích cô. Một số phụ nữ ngốc nghếch như thế đấy, xem mọi cái nhìn đều là sự nghiêm túc. Công việc trên đồng vào mùa đông sẽ tước khỏi đầu óc các cô gái những ý nghĩ phi lý đó; cô đã ký hợp đồng và đồng ý làm cho tới ngày Lễ truyền tin. Giờ cô sẽ xin lỗi ta chứ?”

“Tôi nghĩ ông nên xin lỗi tôi mới đúng.”

“Tốt lắm - như cô muốn. Nhưng chúng ta sẽ xem ai là chủ ở đây. Đó là tất cả những bó lúa mà cô tuốt được hôm nay à?”

“Vâng, thưa ông.”

“Chỉ được chút xíu. Hãy nhìn họ đã làm được gì ở đó.” (Ông ta chỉ hai cô gái lực lưỡng.) “Cả số còn lại cũng làm tốt hơn cô.”

“Tất cả bọn họ đã quen với công việc này, còn tôi thì không. Và tôi nghĩ việc đó cũng không tạo ra khác biệt nào vì nó là công việc làm khoán, và chúng tôi chỉ được trả tiền cho những gì chúng tôi đã làm.”

“Ô, có khác biệt đấy. Ta muốn dọn sạch kho thóc.”

“Tôi sẽ làm suốt buổi chiều thay vì nghỉ vào lúc hai giờ như những người khác.”

Ông ta bực tức nhìn nàng và bỏ đi. Tess cảm thấy nàng không thể nào tới một nơi tệ hơn; nhưng bất cứ phản ứng

nào cũng tốt hơn sự lịch sự. Lúc hai giờ, những thợ tuốt rơm chuyên nghiệp nốc cạn số rượu còn lại trong chai, đặt những cái móc của họ xuống, cột những bó lúa đã tuốt cuối cùng, và rời khỏi kho thóc. Lẽ ra Marian và Izz cũng ra về, nhưng khi nghe Tess bảo sẽ ở lại, để lấy những giờ dài hơn bù cho tay nghề còn kém cỏi của nàng, họ ở lại với nàng. Nhìn ra tuyết vẫn đang rơi bên ngoài, Marian cảm thán: “Giờ chỉ còn lại chúng ta.” Thế là cuối cùng cuộc chuyện trò quay sang những kinh nghiệm cũ của họ ở trại bò sữa; và, dĩ nhiên, những sự cố trong mối tình họ dành cho Angel Clare.

“Izz và Marian nè” Tess nói, với phẩm cách mà trong đó có chút gì đó vô cùng thống thiết khi nghĩ tới việc nàng có ít quyền lợi ra sao với tư cách một người vợ. “Giờ tôi không thể nói chuyện với các chị về Clare như trước kia; các chị sẽ thấy rằng tôi không thể, vì dù hiện giờ ảnh đi xa, ảnh là chồng của tôi.”

Izz, người có tính tình ngỗ ngáo và cay độc nhất trong bốn cô gái đã từng yêu Clare, lên tiếng: “Ảnh là một người tình rất tuyệt, không còn ngờ gì nữa. Nhưng tôi không nghĩ ảnh là một ông chồng yêu vợ khi sớm ra đi bò mặc chị như thế.”

“Ảnh phải đi, buộc phải đi, để xem xét đất đai ở đó!” Tess đáp.

“Lẽ ra ảnh có thể sống với chị trong mùa đông.”

“Ờ, đó là do một sự cố, một sự hiểu lầm; và chúng tôi không tranh cãi về nó” Tess đáp, giọng rưng rưng. “Có lẽ có nhiều điều phải nói hộ ảnh! Ảnh không bò đi xa mà không nói với tôi như một số người chồng khác; và tôi luôn có thể tìm ra nơi ảnh đang ở.”

Sau đó họ im lặng hồi lâu trong một trạng thái mơ màng, trong lúc tiếp tục tuốt rơm. Không có âm thanh nào khác trong kho thóc ngoài tiếng rơm sột soạt và tiếng lạo xạo của cái móc. Rồi Tess đột nhiên là đi và ngà sóng soài trên đống bông lúa ở chân nàng.

“Tôi đã biết cô không thể chịu nổi nó!” Marian kêu lên. “Công việc này đòi hỏi nhiều cơ bắp.”

Ngay lúc đó tay chủ trại bước vào. “Ô, đó là cách cô tiếp tục khi tôi vắng mặt” ông ta nói với nàng.

“Nhưng đó là tổn thất của tôi, không phải của ông” nàng đáp.

“Tôi muốn nó được hoàn thành” ông ta nói trong lúc đi ngang qua kho thóc và bước ra ngoài qua một cánh cửa khác.

“Cô đừng bạn tâm tới ống, ở đây còn có bạn của cô” Marian nói. “Tôi đã làm ở đây từ trước. Giờ cô cứ tới nằm xuống đó, tôi và Izz sẽ làm bù cho cô.”

“Tôi không muốn để cho hai chị làm điều đó. Tôi cao hơn hai người mà.”

Tuy nhiên, nàng kiệt sức đến độ phải đồng ý nằm xuống một lúc, và nghỉ ngơi trên một đống rạ - phần bò đi sau khi đã rút ra sợi rơm thẳng - ở mé kia kho thóc. Phần lớn sự xuống sức của nàng là do xúc động khi việc nàng sống xa cách chồng được khơi gợi lại và cũng do công việc nặng nhọc. Nàng nằm trong trạng thái có ý thức nhưng mệt rã, tiếng kéo rơm sột soạt và tiếng cắt bông lúa của hai cô gái kia khiến nàng hầu như đang chịu một cơn đau thể xác.

Từ góc của mình, ngoài những tiếng động này, nàng có thể nghe thấy giọng thì thầm của họ. Nàng chắc chắn rằng họ đang tiếp tục để tài đã nói, nhưng giọng của họ khẽ đến độ nàng không thể nắm bắt được từ nào. Cuối cùng, Tess

càng lúc càng nôn nóng muốn biết họ đang nói gì, rồi tự thuyết phục rằng mình đã khỏe hơn, nàng đứng dậy và tiếp tục công việc.

Sau đó Izz Huett cũng kiệt sức. Nàng đã đi bộ hơn chục dặm chiều hôm trước, đã lên giường lúc nửa đêm, và đã thức giấc lúc năm giờ. Chỉ có Marian, nhờ chai rượu và thể trạng mập mạp, chịu được sự căng thẳng ở lưng và hai cánh tay một cách dễ dàng. Tess thúc giục Izz ra về, và vì đã thấy khỏe hơn, nàng sẽ làm được một số lượng bó lúa tương đương.

Izz chấp nhận để nghị đó với vẻ biếng mệt qua cánh cửa lớn, băng qua màn tuyết để trở về chỗ ở. Như thường lệ vào giờ này mỗi chiều, sau khi nốc rượu, Marian bắt đầu cảm thấy mạch máu nóng bừng.

“Lẽ ra tôi không nên nghĩ tới anh... không bao giờ!” nàng nói với giọng mơ màng. “Và tôi cũng yêu anh! Tôi không quan tâm tới việc anh có cô. Nhưng với Izz thì thật tệ!”

Giật mình khi nghe những lời này, suýt chút nữa Tess đã cắt đứt một ngón tay với cái liếm.

“Về chồng của tôi sao?” nàng lắp bắp.

“Ồ, phải, Izz đã nói ‘Chị đừng nói với chị ấy’; nhưng tôi chắc chắn tôi không thể không nói! Đó là điều mà anh đã muốn Izz làm. Anh muốn cô ấy đi sang Brazil với anh.”

Mặt Tess trắng bệch như cảnh vật bên ngoài, và những đường cong của nó giãn ra. “Và Izz đã từ chối không đi?” nàng hỏi.

“Tôi không biết. Dù sao anh cũng đã đổi ý.”

“Phù... vậy là anh không có ý định đó! Đó chỉ là lời nói đùa của một người đàn ông.”

“Anh đã có ý định đó; vì anh đã chờ cô ấy đi một đoạn xa tới nhà ga.”

“Anh đã không đưa cô ấy đi!”

Họ tiếp tục làm trong im lặng cho tới khi Tess, không có bất cứ dấu hiệu nào báo trước, chợt khóc òa lên.

“Đó!” Marian nói. “Giờ tôi ước gì tôi đã không nói với cô.”

“Không. Chị đã làm một điều tốt! Tôi đã sống một cách buông xuôi và không nhìn thấy nó có thể dẫn tới đâu! Lê ra tôi phải thường xuyên gửi thư cho anh hơn. Anh nói tôi không thể tới tìm anh, nhưng không nói tôi đừng viết thư thường xuyên nếu tôi muốn. Tôi sẽ không lãng phí thời gian như thế này nữa! Tôi đã rất sai lầm và lơ là khi mặc cho anh làm mọi thứ!”

Ánh sáng nhè nhẹ trong kho thóc ngày càng tối hơn, và họ không thể nhìn thấy để làm việc nữa. Khi Tess về tới nhà hôm ấy, và đã bước vào căn phòng nhỏ quét vôi trắng của mình, nàng bắt đầu viết một lá thư cho Clare. Nhưng do đang rơi vào sự nghi ngờ, nàng không thể hoàn thành nó. Sau đó, nàng tháo chiếc nhẫn khỏi dài ruy băng mà nàng đã mang nó ở gần trái tim mình rồi đeo nó vào ngón tay suốt đêm, như thể để tự cung cống tinh thần với nhận thức rằng nàng thật sự là vợ của người chồng khó hiểu đó, kẻ có thể để nghị Izz cùng đi với anh ra nước ngoài sau khi chia tay với nàng chưa được bao lâu. Khi biết điều ấy, làm sao nàng có thể viết cho anh những lời cầu khẩn, hay chứng tỏ rằng nàng vẫn quan tâm tới anh được nữa?

Chương 44

Đo sự tiết lộ trong kho thóc, những ý nghĩ của Tess bị dẫn theo hướng mà chúng đã chọn nhiều lần trước đó - tới ngôi nhà cha xứ xa xôi ở Emminster. Thông qua cha mẹ của chồng, nàng có thể gửi thư cho Angel nếu muốn. Nhưng cảm giác rằng về mặt đạo đức nàng không có quyền đòi hỏi anh luôn buộc Tess phải kìm né sự thô thiển gửi những lá thư này; và đối với gia đình ở ngôi nhà cha xứ, nàng thật sự không tồn tại, cũng giống như đối với gia đình của chính nàng từ khi nàng kết hôn. Sự tự xóa mờ bản thân ở cả hai phía này hoàn toàn phù hợp với tính cách độc lập của nàng; nàng không muốn nhận ơn huệ hay lòng thương hại mà nàng không xứng đáng nếu cân nhắc một cách công bằng về hoàn cảnh túng quẫn của nàng. Nàng đã quyết tâm chỉ dựa vào chính mình và chối bỏ những quyền lợi từ mối quan hệ hôn nhân với một gia đình xa lạ; một mối quan hệ có được chỉ vì một trong những thành viên của gia đình đó, do một thô thiển nhất thời, đã viết tên anh ta vào quyển sổ hôn sự của nhà thờ bên cạnh tên nàng.

Nhưng câu chuyện của Izz đã gây cho nàng một nỗi đau sâu sắc, khả năng quên mình của nàng chỉ có giới hạn. Vì sao chồng nàng không viết thư cho nàng? Rõ ràng anh đã ngụ ý rằng ít nhất anh sẽ cho nàng biết nơi anh đã tới; nhưng anh

không gửi một dòng nào để thông báo địa chỉ của mình. Anh có thật sự thờ ơ hay không? Hay là anh bị ốm? Nàng có nên tiến trước một bước hay chăng? Chắc chắn nàng có thể gom hết can đảm, tới viếng thăm nhà cha mẹ anh để nắm bắt tin tức, và bày tỏ nỗi đau khổ trước sự im lặng của anh. Nếu cha của Angel là người tốt như đã nàng nghe kể, ông sẽ có thể hiểu tình cảnh đau lòng của nàng. Mặt khác, nàng có thể che giấu những gian khổ về mặt xã hội của mình.

Nàng không được phép rời nông trại vào một ngày làm việc trong tuần. Chủ nhật là cơ hội khả dĩ duy nhất. Flintcomb-Ash nằm ở giữa vùng cao nguyên đá phẳng, nơi chưa có đường tàu hỏa, vì thế nàng phải đi bộ. Và nàng phải dậy sớm, mất hết một ngày dài để vượt qua khoảng cách mươi lăm dặm mỗi lượt đi về.

Nửa tháng sau, khi tuyết đã ngừng rơi, và đã được nối tiếp bởi một đợt sương giá khắc nghiệt, nàng tranh thủ tình trạng của con đường để đi thử một chuyến. Bốn giờ sáng Chủ nhật hôm ấy nàng bước xuống thang và đi ra ngoài, dưới bầu trời lấp lánh sao. Thời tiết vẫn ôn hòa, mặt đất vang lên dưới chân nàng như một cái đe.

Marian và Izz rất quan tâm tới chuyến đi của nàng, biết rằng nó có liên quan tới chồng nàng. Họ ở trong một căn nhà hơi xa đường mòn một chút, nhưng họ tới và tiễn chân nàng, và lý luận rằng nàng nên mặc bộ đồ đẹp nhất để chiếm được cảm tình của cha mẹ chồng, dù nàng thờ ơ, thậm chí nghi ngờ lý lẽ đó, vì đã biết những nguyên tắc khổ hạnh theo chủ nghĩa Calvin của cụ Clare. Một năm đã trôi qua kể từ cuộc kết hôn buồn bã của nàng, nhưng nàng còn giữ gìn dù y phục; nàng có thể ăn mặc rất dễ thương như một cô thôn nữ không quan tâm tới thời trang: một chiếc áo dài xám bằng len mềm, với những nếp xếp bằng nhiều trắng nổi bật trên

màu da hồng hào ở cổ và mặt của nàng, một cái áo khoác nhung đen cùng một cái mũ.

“Thật ngàn lần đáng tiếc khi chồng chị không nhìn thấy chị lúc này, trông chị thật sự xinh đẹp!” Izz Huett vừa trồm trồm vừa ngắm nàng trong lúc nàng đứng ở ngưỡng cửa, giữa ánh sao màu thép ngoài trời và ánh nến vàng trong nhà. Izz rộng lượng quên đi hoàn cảnh của chính mình; nàng không thể làm khác được. Không người phụ nữ nào có trái tim to hơn một quả phỉ có thể tò thá độ thù địch với Tess, vì lòng tốt và sức mạnh tinh thần của nàng dễ dàng đánh bại những cảm xúc đàn bà: sự ganh tị và tức giận.

Họ kéo thẳng cái áo dài của nàng, phủi bụi trên cái áo khoác, rồi để cho nàng đi; và nàng biến mất trong màu trắng đục như ngọc trai của ánh sáng trước lúc bình minh. Họ nghe thấy tiếng chân của nàng gỗ trên con đường cứng trong lúc nàng sải bước. Ngay cả Izz cũng hy vọng Tess sẽ thành công, và dù không có bất kỳ sự tôn trọng đặc biệt nào đối với những đức tính của chính mình, nàng cảm thấy mừng rỡ rằng nàng đã không đối xử tệ với bạn mình khi nhất thời bị Clare quyến rũ.

Cùng ngày này năm trước, Clare đã kết hôn với Tess, và chỉ ít hơn một năm vài ngày, anh đã sống xa cách nàng. Tuy nhiên, sải bước mạnh mẽ trong một buổi sáng trời trong lộng gió, với một mục đích trong đầu, qua bầu không khí loáng của vùng đất đá phấn nhấp nhô này, nàng không hề buồn bã; và chắc chắn rằng mơ ước của nàng khi lên đường là chiếm được cảm tình của bà mẹ chồng, kể toàn bộ tiểu sử của nàng với quý bà đó, kéo bà đứng về phía của nàng, và từ đó có lại người chồng bò trốn.

Nàng đi tới rìa của cái dốc đứng to lớn mà trải dài bên dưới là thung lũng đất mùn Blackmoor, lúc này nằm im và

mù mịt sương. Thay cho bầu không khí không màu sắc của vùng cao nguyên, bầu không khí dưới này xanh ngát một màu. Thay vì khu đất có rào rộng lớn tới một trăm mẫu nơi nàng đã quen với công việc nặng nhọc, có rất ít cánh đồng bên dưới rộng hơn năm mẫu, chúng nhiễu đến nỗi nhìn từ độ cao này trông chúng giống như những mắt lưới của một tấm lưới. Ở đây cảnh vật có màu nâu xen lẫn trắng, dưới kia, giống như trong thung lũng Froom, luôn có một màu xanh lá. Thế nhưng trong thung lũng đó nỗi buồn của nàng đã hình thành, và nàng không yêu nó như trước. Vẻ đẹp đối với nàng, như đối với tất cả những ai từng cảm thấy, không nằm ở sự vật, mà nằm ở cái sự vật nó tượng trưng.

Với cái thung lũng bên tay phải, nàng tiếp tục đi về hướng tây; đi ngang qua bên trên Hintocks, băng thẳng qua con đường lớn chạy từ Sherton-Abbas tới Casterbridge, rồi đi men theo đồi Dogbury và đồi High-Stoy, với cái thung lũng nhò ở giữa chúng, gọi là “Nhà bếp của Quỷ”. Vẫn theo con đường đi lên, nàng tới Cross-in-Hand, nơi cây cột đá đứng lè loi và im lặng, đánh dấu cho địa điểm của một phép lạ, hoặc một vụ sát nhân, hoặc cả hai. Đi thêm ba dặm nữa nàng cắt ngang qua con đường La Mã thẳng tắp và vắng vẻ gọi là Long-Ash Lane; rời khỏi nó ngay khi vừa tới, nàng đi xuống một sườn đồi theo một con đường dẫn vào thị trấn nhỏ hoặc làng Evershead. Tới lúc này nàng đã đi được nửa chặng đường. Nàng tạm nghỉ chân ở đây, ăn sáng lần thứ hai, khá vui vẻ, không phải ở quán Sow-and-Acorn, vì nàng tránh những lữ quán, mà ở một ngôi nhà tranh cạnh nhà thờ.

Phản nửa chặng đường còn lại đi qua một vùng đất hiền hòa hơn, theo đường Benvill Lane. Nhưng khi số dặm đất giảm đi giữa nàng và đích đến, sự tự tin của Tess cũng giảm theo, mục tiêu của nàng ngày càng trở nên đáng sợ. Nàng tập

trung ý nghĩ vào mục đích và quên chú ý tới cảnh vật đến độ đôi lúc nàng suýt bị lạc đường. Tuy nhiên, khoảng giữa trưa nàng dừng lại bên cánh cổng ở rìa một vùng đất trũng trong đó là làng Emminster và ngôi nhà cha xứ của nó.

Tòa tháp vuông, mà nàng biết bên dưới nó vào lúc này vị cha xứ và giáo đoàn của ông đang tụ tập, có một vẻ nghiêm khắc trong đôi mắt của nàng. Nàng ước gì bằng cách nào đó nàng có thể tới được vào một ngày trong tuần. Một người đàn ông tốt như thế có thể có thành kiến với một phụ nữ chọn ngày Chủ nhật, không cần biết tới hoàn cảnh của nàng ta. Nhưng bốn phận của nàng hiện giờ là đi tiếp. Nàng thay đổi ủng dày đã mang suốt chặng đường bằng đôi giày da sơn mòng xinh xắn, và nhét đôi ủng vào một hàng rào cạnh cột cánh cổng nơi nàng có thể dễ dàng tìm lại chúng, rồi đi xuống đồi; mặt nàng ửng hồng do đi bộ dưới bầu không khí trong lành, nhưng càng tới gần nhà của vị cha xứ, màu hồng đó càng phai nhạt.

Tess hy vọng rằng một sự kiện nào đó có thể trợ giúp cho nàng, nhưng không có gì cả. Những cây bụi trên bãi cỏ nhà vị cha xứ xào xạc một cách không thiện trong cơn gió lạnh; dù đã mặc bộ đồ đẹp nhất, nàng không thể tưởng tượng rằng ngôi nhà này là nơi ở của bất kỳ người thân nào; thế nhưng trên thực tế khoảng cách giữa họ không lớn lắm, họ cùng có chung những nỗi đau, những niềm vui, sự chào đời, cái chết, và kiếp sau.

Nàng cố gom hết can đảm bước vào cánh cổng xoay, và giật chuông cửa. Nàng đã làm xong điều đó, không còn đường rút lui nữa. Không, việc đó vẫn chưa xong. Không ai đáp lại tiếng chuông của nàng. Phải cố hơn nữa và làm lại lần nữa. Nàng giật chuông lần thứ hai, sự bối rối cộng với sự mệt mỏi sau chặng đường đi bộ mười lăm dặm, khiến nàng phải

tự chống đỡ bằng cách đặt tay lên hông và tựa cùi chỏ vào bức tường của cổng vòm. Gió rét buốt đến độ những chiếc lá thường xuân đã khô đét lại và xám ngoét, từng chiếc lá liên tục xào xạc cọ vào chiếc lá bên cạnh, khiến cho nàng thêm lo lắng. Một mảnh giấy dính máu, trước đó đã được dùng để gói thịt, bị gió cuốn ra khỏi đống rác, nhảy lunge tung lên xuống trên con đường ở bên ngoài do quá nhẹ để nằm im, và quá nặng để có thể bay lên; một vài cọng rơm cũng làm bạn đồng hành với nó.

Hồi chuông thứ hai to hơn, nhưng cũng không có ai xuất hiện. Sau đó nàng bước ra khỏi cổng vòm, mở cổng lớn và bước qua. Và dù nàng nhìn mặt tiền ngôi nhà với vẻ hổ nghi như thể muốn quay trở lại, nàng đã đóng cánh cổng với một hơi thở nhẹ nhõm. Một cảm giác ám ảnh nàng rằng có thể nàng đã bị nhận ra (dù nàng không thể nói là bằng cách nào), và đã có lệnh không đón tiếp nàng.

Tess đi tới góc đường. Nàng đã làm tất cả những gì có thể làm; nhưng quyết định không trốn chạy sự bối rối hiện tại với cái giá của sự đau khổ tương lai, nàng quay trở lại, đi ngang qua ngôi nhà, nhìn lên tất cả những cửa sổ.

À, lời giải thích là tất cả mọi người đã đến nhà thờ. Nàng nhớ chồng nàng bảo rằng cha anh luôn nhẫn mạnh rằng cả nhà, kể cả những người giúp việc, phải đi dự lễ buổi sáng, rồi hậu quả là phải ăn thức ăn lạnh khi về nhà. Do đó, chỉ cần đợi cho tới khi buổi lễ kết thúc. Để tránh gây chú ý, nàng không chờ tại chỗ mà bắt đầu đi qua nhà thờ để tới con đường nhỏ. Nhưng khi nàng tới cổng nghĩa trang, mọi người bắt đầu ùa ra, và nàng nhận ra mình đang ở giữa bọn họ. Giáo dân Emminster nhìn nàng giống như cách cư dân của một thị trấn nhỏ trên đường từ nhà thờ trở về nhà nhìn một người phụ nữ xa lạ có vẻ ngoài nổi bật. Nàng

bước nhanh hơn và đi lên con đường lô đã đi qua lúc nãy để tìm nơi ẩn nấp giữa những hàng rào của nó cho tới khi gia đình vị cha xứ ăn trưa, và đó là lúc họ có thể đón tiếp nàng một cách thuận tiện. Chẳng bao lâu nàng đã cách xa những người đi lề, ngoại trừ hai thanh niên. Họ khoác tay nhau, sải bước phía sau nàng.

Khi họ tới gần hơn, nàng có thể nghe thấy giọng nói của họ trong một cuộc trao đổi nghiêm túc, và với sự nhạy bén tự nhiên của một phụ nữ, nàng nhận ra những giọng nói này giống như giọng của chồng mình. Hai người đi bộ này là hai anh trai của Clare. Quên hết mọi kế hoạch của mình, nàng chỉ sợ họ sẽ bắt kịp nàng lúc này, trước khi nàng chuẩn bị đón mặt với họ; bởi dù cảm thấy họ không thể biết nàng là ai, nàng vẫn sợ cái nhìn chăm chú của họ. Họ càng dần bước, nàng cũng càng dần bước. Rõ ràng họ đang có một cuộc đi dạo nhanh trước khi về nhà để ăn trưa, và để sưởi ấm từ chi đã thấm lạnh khi ngồi lâu trong nhà thờ.

Chỉ có một người đi trước Tess ở mé trên đồi, một cô gái trẻ trông giống một tiểu thư, xinh đẹp, dù có lẽ hơi cứng nhắc và kiểu cách. Tess đã gần bắt kịp cô ta thì hai người anh chồng của nàng, do đi nhanh, cũng tới sát ngay sau lưng nàng, gần đến độ nàng có thể nghe thấy từng từ của họ. Tuy nhiên, họ không nói gì khiến nàng đặc biệt quan tâm cho tới khi một trong hai người nhận ra cô gái vẫn còn cách xa phía trước và lên tiếng: “Đó là Mercy Chant. Chúng mình hãy đuổi theo cô ta.”

Tess biết cái tên này. Đó là người phụ nữ đã được cha mẹ và các anh của Clare ấn định sẽ trở thành bạn đời của anh, và có lẽ đã kết hôn với anh nếu nàng không xuất hiện. Hắn nàng sẽ biết nhiều thông tin hơn nếu chờ giây lát, vì một trong hai người anh lại lên tiếng:

“Chà! Angel đáng thương, Angel đáng thương! Mỗi khi nhìn thấy cô gái xinh đẹp đó em lại tiếc về việc nó quá hấp tấp lao vào một cô thợ vắt sữa, hoặc bất cứ dạng người nào cô ta có thể là. Rõ ràng đây là một sự việc kỳ quặc. Cô ta có gặp lại nó không thì em không biết; nhưng theo lời nó nói họ đã không gặp nhau nhiều tháng.”

“Anh không thể nói. Giờ nó không bao giờ nói với anh bất cứ điều gì. Cuộc hôn nhân thiếu cân nhắc của nó dường như đã hoàn thành sự xa cách đó với anh, vốn đã bắt đầu từ những quan điểm khác thường của nó.”

Tess cố sải bước nhanh hơn, nhưng nàng không thể đi nhanh hơn họ mà không gây chú ý. Cuối cùng họ cũng vượt qua nàng. Cô gái trẻ vẫn còn ở xa phía trước nghe thấy tiếng bước chân của họ và quay lại. Cả ba chào hỏi, bắt tay và cùng đi với nhau.

Họ sớm lên tới đình đồi và rõ ràng đã dự định đây là giới hạn của cuộc đi dạo, họ bước chậm lại và cả ba quay sang phía cánh cổng nơi Tess đã dừng lại một giờ trước để thăm dò thị trấn trước khi đi xuống. Trong lúc trò chuyện, một trong hai anh em giáo sĩ cẩn thận thăm dò cái hàng rào với cây dù của mình, và lôi vật gì đó ra ánh sáng.

“Ở đây có một đôi ủng cũ” anh ta nói. “Tôi cho là một tay lang thang nào đó đã vứt bỏ chúng.”

“Có lẽ là một kẻ lừa đảo nào đó muốn vào thị trấn bằng chân trần để gợi lòng thương hại của chúng ta” Mercy Chant nói. “Vâng, hẳn là vậy. Bởi đây là một đôi ủng còn tốt, chưa bị rách chút nào. Một việc làm quá xấu xa! Tôi sẽ mang chúng về nhà để cho một người nghèo nào đó.”

Cuthbert Clare, kẻ đã tìm ra chúng, nhặt chúng lên cho cô ta với cái móc của cây gậy; và đôi ủng của Tess bị họ cuỗm mất.

Nàng nghe thấy điều này khi bước ngang qua họ, mặt được che lại dưới lớp khăn len. Sau đó nàng quay lại, nhận thấy họ đã rời khỏi cánh cổng với đôi ủng của nàng và đi xuống đồi trở lại.

Nữ nhân vật của chúng ta đi tiếp. Những dòng nước mắt nhạt nhòa lăn xuống mặt nàng. Nàng biết rằng tất cả chỉ là cảm xúc thái quá của mình, khiến cho nàng diễn dịch cảnh tượng đó như bản án của chính nàng; dù sao đi nữa, nàng không thể vượt qua nó; nàng không thể đương đầu với tất cả những điểm rủi đó, như một kè vô phuong tự vệ. Không thể nghĩ tới chuyện trở lại ngôi nhà cha xứ. Tess cảm thấy như thể hai giáo sĩ đó đã xua nàng lên ngọn đồi như một sinh vật đáng khinh. Dù sự khinh rẻ ấy rất vô tình, quả thật không may khi nàng chạm trán hai người con trai chứ không phải người cha; bất chấp sự hẹp hòi của ông, ông không hề cứng nhắc và sắt đá như họ, và cũng rất giàu lòng trắc ẩn. Khi bắt đầu nghĩ tới đôi ủng đầy bụi lắn nữa, nàng hối như thương hại cho chúng vì sự chế giễu mà chúng phải gánh chịu, và cảm thấy cuộc đời của chủ nhân chúng cực kỳ vô vọng.

“Chao ôi!” nàng nói, thở dài với cảm giác tự thương thân. “Họ không biết rằng mình đã mang đôi ủng đó qua phần khó đi nhất của con đường để giữ gìn đôi giày đẹp mà ảnh đã mua cho mình, không, họ không biết điều đó! Và họ không biết rằng ảnh đã chọn màu cho cái áo dài đẹp của mình, không, làm sao họ có thể biết? Giá như họ biết có lẽ họ cũng chẳng quan tâm, vì họ đâu mấy quan tâm tới ảnh, chàng trai tội nghiệp!”

Thế là nàng đau khổ cho người yêu dấu, kè mà những tiêu chuẩn xét đoán theo quy ước của anh đã gây ra cho nàng tất cả những nỗi buồn dạo sau này. Nàng đi tiếp, không biết rằng rủi ro lớn nhất của đời nàng là sự đánh mất lòng can đảm

vào khoảnh khắc cuối cùng và hệ trọng này do ước đoán của nàng về người cha chồng thông qua hai người con trai của ông. Tình cảnh hiện tại của nàng chính xác là tình cảnh sẽ giành được sự đồng cảm của cụ ông và cụ bà Clare. Trái tim của họ luôn rộng mở trước các trường hợp không may cực độ, trong khi nỗi đau khổ tinh thần tế nhị của những kẻ mà hoàn cảnh của họ không thể gọi là tuyệt vọng lại không gợi ra ở ông bà sự quan tâm hay chú ý. Khi mở rộng vòng tay với những người thu thuế và các tội đồ, họ quên rằng họ có thể nói một lời tốt đẹp cho nỗi lo của những người chép thuê và người Pha-ri-si⁽¹⁾; do đó nhược điểm hay hạn chế này có thể giúp ông bà Clare xem người con dâu như một sự chọn lựa công bằng của loại người bị mất mát để họ trao tặng tình yêu.

Sau đó, nàng bắt đầu lê bước dọc theo con đường mà trên đó nàng đã tới, không còn hy vọng, nhưng có một niềm tin chắc chắn rằng một sự đổi thay trong đời nàng đang tới gần. Nhưng rõ ràng không có đổi thay nào cả; và nàng không còn gì khác để làm ngoài việc tiếp tục sống ở cái nông trại chết đói đó cho tới khi nàng có thể thu hết can đảm để đối mặt với vị cha xứ lần nữa. Tuy nhiên, nàng không tuyệt vọng đến độ không thể tháo tấm khăn che mặt trên đường về, như thể để tránh thể thấy rằng ít nhất nàng cũng có thể phơi bày một gương mặt mà Mercy Chant không thể phơi bày. Nhưng hành động này được thực hiện với một cái lắc đầu tiếc nuối. “Nó chẳng là gì cả! Nó chẳng là gì cả!” nàng nói. “Không ai yêu nó; không ai nhìn thấy nó. Có ai thèm quan tâm tới diện mạo của một kẻ bị ruồng bỏ như mình!”

Trên đường về, nàng nặng nề lê bước. Hành trình trở về này không có sự sôi nổi, không có mục đích; chỉ là những bước đi bất giác. Trên chặng đường dài tới Benvill Lane nàng

1. Xem Mathew 9:

bắt đầu thấm mệt, và nàng tựa người vào những cánh cổng hoặc dừng lại cạnh những cột chì dăm.

Tuy nhiên, nàng không bước vào ngôi nhà nào hết, ở dăm thứ bảy hoặc thứ tám, nàng đi xuống dốc của một ngọn đồi dài, bên dưới nó là làng hoặc thị trấn nhỏ Evershead, nơi lúc sáng nàng đã ăn điểm tâm với những kỳ vọng hoàn toàn trái ngược. Ngôi nhà tranh cạnh nhà thờ, nơi nàng ngồi xuống nghỉ chân, hầu như là ngôi đầu tiên ở đầu này của ngôi làng, và trong lúc bà chủ nhà lấy cho nàng một ít sữa từ trong chạn, nàng nhìn xuống con đường, nhận thấy nơi này đường như hoàn toàn vắng vẻ.

“Tôi cho là mọi người đã đi dự lễ buổi chiều?” nàng nói.

“Không, cô thân mến” bà lão nói. “Còn rất sớm cho điều đó; chuông nhà thờ chưa đổ. Tất cả đã đi tới nghe giảng đạo trong cái kho thóc đằng kia. Một diễn giả thường giảng ở đó giữa những buổi lễ. Một người Thiên Chúa giáo xuất sắc, nồng nhiệt, họ nói thế. Nhưng tôi không đến nghe ông ta giảng. Những gì xảy ra hàng ngày trước mắt tôi đã đủ nóng đối với tôi.”

Giây lát sau, Tess đi tiếp vào làng. Tiếng chân của nàng vang vọng giữa những ngôi nhà như thể đây là một nơi của cái chết. Ở gần khu vực trung tâm, những tiếng động do nàng gây ra bị quấy rầy bởi những âm thanh khác; và thấy rằng kho thóc không xa đường lộ mấy, nàng đoán đó là tiếng nói của người đang giảng đạo.

Giọng của y trở nên rõ ràng trong bầu không khí im lặng đến độ nàng có thể nghe được từng câu dù nàng đang ở bên phía khép kín của kho thóc. Bài giảng, như có thể mong đợi, thuộc vào loại cực kỳ phản giáo lý; nói về sự biện minh bởi đức tin, giống như giáo lý của Thánh Paul. Diễn giả rao giảng

ý tưởng này với sự nồng nhiệt, nhưng y trích dẫn nhiều hơn vận dụng lý lẽ, bởi rõ ràng y không có kỹ năng của một nhà biện chứng. Dù Tess không nghe đoạn đầu của bài giảng, nàng biết đoạn văn đó là gì do nó được thường xuyên lặp lại:

“Hỡi những người dân Galatia ngu xuẩn, ai đã mê hoặc các người, khiến các người không tuân theo sự thật mà Chúa Jesus đã chứng minh rõ ràng, khi bị đóng đinh câu rút giữa các người?”⁽¹⁾

Tess cảm thấy thích thú trong lúc nàng đứng lắng nghe ở phía sau, khi nhận ra lời giảng của diễn giả, dù hơi cực đoan, thể hiện quan điểm của cụ Angel, và sự chú ý của nàng tăng lên khi diễn giả bắt đầu đi vào chi tiết những trải nghiệm tinh thần của chính mình và lý do y đã đi tới những quan điểm đó. Y đã từng, y nói, là kẻ tội đồ lớn nhất. Y đã báng bổ, đã giao du với những kẻ dâm ô bất cẩn đời. Nhưng một ngày thức tỉnh đã đến, và, ở ý nghĩa tình người, nó được mang tới chủ yếu bởi ảnh hưởng của một giáo sĩ cụ thể, kẻ mà đầu tiên y đã sỉ nhục rất nhiều; nhưng những lời lẽ của ông ta đã chìm xuống tim y, và ở lại đó, cho tới khi nhờ ân sủng của Trời cao chúng đã tạo ra sự thay đổi này trong y, biến y thành kẻ mà mọi người đang nhìn thấy.

Nhưng điều khiến Tess giật mình không phải là giáo lý mà là giọng nói. Dù có vẻ như đó là điều bất khả, nó chính là giọng của Alec d'Urberville. Nét mặt nàng cứng lại vì đau đớn, nàng đi vòng tới phía trước của kho thóc, và đi ngang qua nó. Mặt trời mùa đông xuống thấp rơi thẳng tới lối vào rộng rãi ở phía này; một trong các cánh cửa để mờ, những tia sáng kéo dài qua nền nhà, tới chỗ diễn giả và thính giả của y, tất cả đều được che chắn một cách ấm cúng khỏi cơn gió bắc. Toàn bộ thính giả đều là dân trong làng, trong số đó là

1. Trích Galatians 3:1.

gã đàn ông nàng từng nhìn thấy xách theo thùng sơn đỏ để viết những câu trích dẫn Thánh Kinh. Nhưng sự chú ý của nàng tập trung vào nhân vật chính, đang đứng trên những bao lúa mì, đối diện với mọi người và cửa. Mặt trời lúc ba giờ rọi thẳng vào y, và phòng đoán lật lùng này sinh kể từ lúc nàng nghe rõ những lời của y, rằng y chính là kẻ từng quyến rũ nàng, cuối cùng đã trở thành hiện thực.

PHẦN SÁU

Kẻ cải đạo

Chương 45 - Chương 52

Chương 45

Từ khi rời khỏi Trantridge cho tới lúc này nàng không
hể nghe nói tới hay nhìn thấy d'Urberville.

Sự tái ngộ đến vào một thời khắc nặng nề, một trong
những thời khắc lẽ ra phải được tính toán để cho phép tác
động của nó có sự chấn động cảm xúc ít nhất. Nhưng ký ức
là một thứ phi lý đến độ, dù y đứng đó, rõ ràng và công khai
với tư cách một kẻ cài đạo đang ăn năn về quá khứ lầm lỗi
của mình, nàng vẫn cảm thấy sợ hãi, tê liệt hết mọi cử động
đến nỗi nàng không thể rút lui hay bước tới.

Cứ nghĩ xem gương mặt đó thể hiện điều gì khi nàng
nhìn thấy nó lần cuối, và khi nhìn nó lúc này!... Vẫn vẻ mặt
đẹp trai đến khó ưa đó, nhưng giờ đây y có một mái tóc được
cắt tia gọn gàng theo kiểu cũ, bộ ria mép đen đã biến mất;
y phục của y hơi giống như y phục của giáo sĩ, sự sửa đổi
đã làm thay đổi biểu hiện của y, dù để xóa mờ vẻ bảnh bao
ăn diện lúc trước, và trong khoảnh khắc, khiến nàng tưởng
mình đã nhìn lầm y.

Với nàng, điều cực kỳ phi lý đầu tiên là những ngôn từ
nghiêm trang trong Kinh Thánh lại phát ra từ một cái miệng
như thế. Không đầy bốn năm trước, cái giọng nói rất quen
thuộc này đã rót vào tai nàng những lời lẽ hoàn toàn khác

hắn, theo đuổi mục tiêu hoàn toàn khác, và tim nàng đau nhói khi nhận ra sự tương phản đầy mai mièn này.

Đây là một sự biến hình hơn là sự sửa đổi. Những đường cong dâm dục trước đây giờ được điều chỉnh lại thành đường nét của đam mê cống hiến. Đôi môi, như thể được tạo ra để quyến rũ, giờ thốt lên những lời cầu nguyện. Ánh hổng trên má mà ngày hôm qua có thể hiểu là biểu hiện của tính tình phóng đãng giờ là đường nét của lòng sùng đạo cuồng nhiệt; nhục cảm biến thành sự cuồng tín; kẻ ngoại giáo biến thành kẻ theo giáo lý của Thánh Paul; đôi mắt táo bạo lóe sáng với vẻ kẻ cả chủ nhân ông khi nhìn nàng ngày xưa giờ lấp lánh một sự mộ đạo gần như dữ dội. Trước kia mặt y sa sầm xuống khi những mong muốn của y không được đáp ứng; giờ là khi y muốn bêu xấu một tội đồ không thể cải sửa, ngoan cố dám mình trong vũng bùn nhơ.

Những đặc điểm đó đường như đang cất tiếng than phiền. Chúng đã bị chuyển hướng khỏi đặc điểm có tính chất gia truyền để biểu hiện những đặc tính mà Tự nhiên không dự định tạo ra cho chúng. Thật lạ lùng, bởi sự nâng cao phẩm chất của chúng không hề thích hợp, và có tính chất giả tạo rõ rệt.

Thế nhưng có đúng vậy hay không? Nàng thừa nhận sự ngờ vực như thế là không công bằng. D'Urberville không phải là người đầu tiên từ bỏ sự xấu xa để tự cứu vớt linh hồn, vậy vì sao lại nghĩ nó là phi tự nhiên với y? Có lẽ các thành kiến cũ đã khiến nàng khó chịu khi nghe thấy những lời lẽ tốt lành mới mẻ thông qua giọng nói ngọt ngào già dối trước đây của y. Tôi lỗi càng nhiều, vị thánh càng vĩ đại; không cần phải lặn sâu vào lịch sử Thiên Chúa giáo để phát hiện ra điều đó.

Những ấn tượng đó chỉ khiến nàng hơi xúc động, và không có một định nghĩa nghiêm ngặt nào dành cho chúng.

Ngay khi sự kinh ngạc khiến nàng sững người cho phép nàng cử động, nàng muốn bỏ đi khỏi tầm mắt của y. Rõ ràng y chưa nhận ra nàng vì nàng đứng xoay lưng về phía mặt trời.

Nhưng đúng lúc nàng chuyển động, y nhận ra nàng. Tác động của sự kiện này đối với y giống như một luồng điện, mạnh hơn nhiều so với tác động từ sự có mặt của y đối với nàng. Ngọn lửa nồng nhiệt của y, những lời lê lưu loát của y đường như tắt ngóm. Mỗi y run bần bật dưới những từ nằm bên trên nó; nhưng chừng nào nàng còn đối mặt với y, chúng không thể thoát ra khỏi miệng. Đôi mắt của y, sau thoảng nhìn đầu tiên đặt lên gương mặt nàng, nhìn một cách bối rối vào mọi hướng ngoại trừ hướng của nàng, nhưng quay lại với một cú nhảy tuyệt vọng sau mỗi vài giây, tuy nhiên, tình trạng tê liệt này chỉ kéo dài giây lát. Khi đã lấy lại bình tĩnh, Tess bước thật nhanh qua kho thóc và đi tiếp.

Ngay khi có thể tập trung suy nghĩ, nàng kinh hoàng với sự thay đổi này trong nền tảng tương đối của họ. Y, kẻ đã hủy hoại nàng, giờ đứng về phía của Tinh thần, trong lúc nàng vẫn chưa được soi sáng. Và, như trong truyền thuyết, kết quả từ điều này là hình ảnh quyền rũ⁽¹⁾ của nàng đã đột ngột xuất hiện trên bàn thờ của y, khiến cho ngọn lửa của kẻ cuồng tín này hầu như lui tắt.

Nàng tiếp tục đi không quay đầu lại. Đường như lưng nàng, và cả y phục của nàng, được phủ cho một sự nhạy cảm với các tia mắt, thế nên nàng tưởng như có một kẻ đang nhìn mình chòng chọc từ phía ngoài của kho thóc đó. Suốt chặng đường tới chỗ này tim nàng trỗi nặng nỗi buồn; giờ

1. Nguyên văn: "her Cyprian image". Cyprian, từ nguyên là Cyprus, chỉ nữ thần sắc đẹp Aphrodite (Lady of Cyprus - Ily Lạp) hoặc Venus (La Mã). Hiện các nhà nghiên cứu văn học vẫn chưa xác định được nguồn cụ thể của truyền thuyết mà Thomas Hardy nhắc tới trong đoạn văn trên.

tâm trạng đó có chút đổi thay. Niềm khao khát tình yêu mà nàng bị tước đoạt suốt bấy lâu giờ nhường chỗ cho một cảm giác gần như về mặt thể chất đối với quá khứ khổ đau vốn vẫn đeo bám lấy nàng. Nó biến ý thức của nàng về sự sai lầm thành một nỗi tuyệt vọng thật sự; sự cắt đứt hoàn toàn giữa cuộc sống trước đây và hiện tại của nàng, điều mà nàng từng hy vọng đã không xảy ra. Dĩ vãng sẽ không bao giờ hoàn toàn là dĩ vãng cho tới khi chính bản thân nàng trở thành dĩ vãng.

Trong lúc miên man suy nghĩ, nàng băng ngang qua phần phía bắc của con đường Long-Ash Lane, và ngay sau đó nhìn thấy trước mặt mình con đường dốc trắng xóa dẫn tới vùng cao nguyên mà rìa của nó là chặng đường còn lại của nàng. Bề mặt trắng nhợt của nó trải dài về phía trước, trên đó không hề có bóng người, xe cộ hay dấu hiệu nào, trừ một vài đống phân ngựa rải rác tô điểm cho sự khô cằn lạnh giá của nó. Trong lúc chậm chạp bước trên con đường này, Tess nghe thấy có tiếng chân ở phía sau, và khi quay lại nàng nhìn thấy nhân vật quen thuộc đó đang tiến tới gần, trong bộ y phục giống như y phục của những giáo sĩ Hội Giám lý, kè duy nhất trên đời mà cho tới chết nàng không bao giờ muốn gặp lại.

Tuy nhiên, không có nhiều thời gian để suy nghĩ hay lảng tránh, nàng đành cố chấp nhận càng bình thản càng tốt việc để cho y đuổi kịp nàng. Nàng nhận thấy y có vẻ kích động, do những cảm giác nội tâm hơn là do tốc độ đi bộ của y.

“Tess!” y gọi.

Nàng giảm tốc độ nhưng không nhìn hắn.

“Tess!” y lặp lại. “Tôi đây - Alec d’Urberville.”

Lúc này nàng mới nhìn lại y, và y bước tới.

“Tôi đã thấy” nàng lạnh nhạt nói.

“Tất cả chỉ có thể? Nhưng tôi không đáng được gì hơn! Dĩ nhiên” y nói thêm, với một tiếng cười khẽ. “Chắc là trông tôi lố bịch lắm trong mắt cô khi ăn mặc thế này. Nhưng tôi phải chấp nhận nó... tôi nghe nói cô đã đi xa; không ai biết là ở đâu. Tess, cô có tự hỏi vì sao tôi đi theo cô không?”

“Có, và tôi ước gì ông đừng làm điều đó, với cả trái tim tôi!”

“Phải, cô có quyền nói thế” y buồn bã đáp, trong lúc họ cùng leo lên dốc, nàng bước đi miهن cương. “Nhưng đừng hiểu lầm tôi; tôi cầu xin điều này vì thật sự tôi có thể làm cô hiểu lầm khi cô nhận thấy - nếu có - sự xuất hiện của cô ở đó đã khiến tôi xúc động như thế nào. Đó chỉ là một sự bối rối nhất thời; và xét tới việc cô đã từng là gì đối với tôi, điều đó khá tự nhiên. Nhưng ý chí đã giúp tôi vượt qua nó, dù có lẽ cô nghĩ tôi là kẻ bịp bợm khi nói thế. Rồi ngay sau đó tôi cảm thấy trong tất cả những ai trên đời mà với họ tôi có bốn phận và rất mong muốn cứu vớt khỏi sự phẫn nộ sẽ tới của Thượng đế - cô cứ cười khẩy nếu muốn - người phụ nữ mà tôi đã đối xử sai lầm một cách trầm trọng chính là người đó. Tôi đã tới với mục đích duy nhất đó trong đầu, không gì khác.”

Có chút khinh bỉ trong lời đáp của nàng: “Ông đã tự cứu vớt được chính mình chưa? Người ta nói lòng từ thiện bắt đầu từ nhà mình.”

“Tôi không làm xong điều gì cả!” y lãnh đạm đáp. “Như tôi từng nói với những thính giả của mình, Trời cao đã thực hiện mọi thứ. Tess ạ, không mức độ khinh miệt nào cô có thể trút lên tôi ngang bằng với những gì tôi đã tự trút lên chính mình - gã Adam cũ của những năm trước! Ô, đó là một câu chuyện lả lùng; cô tin hay không thì tùy; nhưng tôi có thể kể với cô về phương tiện mà nhờ đó tôi đã trở thành kẻ cai đao, và tôi hy vọng ít nhất cô sẽ có đủ quan tâm để

lắng nghe. Cô có từng nghe tên của vị cha xứ ở Emminster không, hẳn là cô có nghe? - ông cụ Clare; một trong những người nghiêm chỉnh nhất của giáo phái ông; một trong rất ít người sùng đạo còn lại trong Giáo hội; không quá sùng đạo như những tín đồ Thiên Chúa cực đoan mà tôi từng thuộc về, mà hoàn toàn là một ngoại lệ trong số những mục sư đã được thụ phong, vì những giáo sĩ trẻ hơn đang dần dần làm yếu đi giáo lý chân chính bởi những lời lẽ ngụy biện của họ, cho tới khi chúng chỉ còn là cái bóng của chúng trước kia. Tôi chỉ khác ông về vấn đề Giáo hội và Nhà nước - cách diễn dịch đoạn văn 'Hãy bước ra từ giữa họ và tự tách biệt người, Chúa đã nói thế' - tất cả chỉ có thể. Tôi tin chắc chắn rằng ông là một phương tiện khiêm tốn để cứu vớt nhiều linh hồn trong vùng này hơn bất cứ người nào cô từng biết. Cô có nghe nói về ông chưa?"

"Có."

"Vài năm trước, ông tới Trantridge để đại diện cho hội truyền giáo giảng đạo; và vì lúc đó còn là một kẻ xấu xa, tôi đã sỉ nhục ông. Với tinh thần bất vụ lợi, ông đã cố thuyết phục tôi và chỉ cho tôi con đường đi. Ông không bực tức hành vi của tôi, ông chỉ nói rằng một ngày nào đó tôi sẽ nhận được những quả cây đầu tiên của Tinh thần, và những kẻ chế giễu tôn giáo đôi khi vẫn cầu nguyện. Có một sự kỳ diệu lạ lùng trong những lời nói của ông. Chúng chìm vào tâm trí tôi. Nhưng cái chết của mẹ tôi đã tác động tôi nhiều nhất. Và dần dần tôi được đưa tới ánh sáng ban ngày. Kể từ đó mong muốn duy nhất của tôi là trao cách nhìn đúng cho những người khác, đó là điều tôi đang cố làm hôm nay; dù tôi chỉ mới giảng đạo quanh vùng này lúc gần đây. Những tháng hành đạo đầu tiên của tôi là ở miền Bắc nước Anh, giữa những người xa lạ, nơi tôi muốn thực hiện những nỗ lực vụng về lúc đầu, để có đủ

can đảm trước khi thực hiện sự kiểm tra nghiêm ngặt nhất về lòng chân thành của tôi, nói với những kẻ mà tôi từng biết, và từng là bạn đường của tôi trong những ngày đen tối. Tess ạ, giá như cô có thể biết thật tuyệt vời biết bao khi tự tát vào mặt của mình, tôi chắc chắn..."

"Đừng nói nữa!" nàng kêu lên, dứt khoát, trong lúc quay lưng về phía y và bước tới một bậc trèo ở vệ đường, tựa người vào đó. "Tôi không thể tin vào những thứ bất ngờ như thế! Tôi căm phẫn khi ông nói với tôi như thế, trong lúc ông biết... biết những tổn hại ông đã gây ra đối với tôi! Ông, và những kẻ như ông, tận hưởng lạc thú trần gian bằng cách biến cuộc đời của những kẻ như tôi thành bóng tối sâu thẳm đắng cay; và hay ho làm sao, khi đã dư thừa lạc thú, ông nghĩ tới việc bảo đảm nó trên thiên đàng bằng cách trở thành kẻ cai đạo! Tôi không tin ông. Tôi ghét điều này!"

Y cố nài nỉ: "Tess, đừng nói thế! Nó đã đến với tôi như một ý tưởng mới vui vẻ! Và cô không tin tôi? Cô không tin cái gì?"

"Sự cai đạo của ông. Kế hoạch truyền giáo của ông."

"Vì sao?"

Nàng hạ giọng: "Vì một người đàn ông tốt hơn ông không tin vào những điều đó."

"Đúng là lý do của đàn bà! Người đàn ông tốt hơn này là ai?"

"Tôi không thể nói với ông."

"Tốt" y tuyên bố, có vẻ đang kiểm chế một cách khó khăn sự bực tức của mình. "Chúa ngăn cấm tôi nói tôi là một người tốt - và cô biết tôi không nói bất cứ điều gì như thế. Tôi còn mới đối với điều thiện, thật vậy; nhưng những kẻ mới đến đôi khi nhìn thấy xa hơn."

“Phải” nàng buồn bã đáp. “Nhưng tôi không thể tin nổi việc ông chuyển sang một tinh thần mới. Alec, tôi e rằng những cơn bốc đồng đó sẽ không tồn tại bao lâu!”

Nói đoạn, nàng quay lại từ cái bậc trèo mà nàng đã tựa lưng, đổi mặt với y. Và đôi mắt của y, khi tình cờ rơi lên hình dáng và nét mặt quen thuộc đó, vẫn thường thức vẻ đẹp của nàng. Giờ cái bản năng đàn ông bên trong y đã trở nên lặng lẽ, nhưng chắc chắn nó vẫn còn nguyên vẹn, thậm chí chưa hoàn toàn bị kiểm chế.

“Đừng nhìn tôi như thế!” y đột ngột nói.

Hoàn toàn vô ý thức về hành động và vẻ mặt của mình, Tess lập tức hạ thấp đôi mắt to đen láy, đỏ mặt và lắp bắp nói: “Tôi xin lỗi!” và cái cảm giác đau đớn vẫn thường tới với nàng lúc trước sống lại, rằng khi ngủ cư trong cái vỏ xác thịt mà Tự nhiên đã ban cho nàng, theo cách nào đó nàng đã làm điều sai trái.

“Không, không! Đừng xin lỗi tôi. Nhưng cô đang đeo một tấm khăn che mắt gương mặt xinh đẹp của mình, vì sao cô không gỡ nó ra?”

Nàng kéo cái khăn xuống, nói vội: “Chi để ngăn gió.”

“Có thể tôi nói thế này hơi khắt khe,” y nói tiếp, “nhưng tốt hơn tôi không nên nhìn cô quá thường xuyên. Nó có thể nguy hiểm.”

“Suyt!”

“Phải, gương mặt phụ nữ có quá nhiều sức mạnh đối với tôi nên tôi phải e sợ chúng! Một tín đồ Phúc âm không nên quan tâm tới chúng; và chúng nhắc tôi nhớ tới thời gian cũ mà tôi muốn quên đi!”

Sau câu này, cuộc đối thoại chuyển thành một nhận xét ngẫu nhiên thi thoảng trong lúc họ đi tiếp. Tess thầm tự hỏi y

sẽ đi với mình bao xa, và không muốn tự đưa ra ý kiến rằng y nên trở về. Khi tới một cánh cổng hay bậc trèo họ thường tìm thấy những dòng trích dẫn Kinh Thánh viết bằng sơn đỏ hoặc xanh, và nàng hỏi y có biết ai đã bò công viết những dòng tuyên cáo đó không. Y đáp rằng người đó được chính y và những người đang làm việc với y trong huyện đó thuê, để viết những câu nhắc nhở này. Họ phải thử sử dụng bất cứ phương tiện nào có thể để tác động tới trái tim của một thế hệ xấu xa.

Cuối cùng, con đường tiếp giáp một địa điểm gọi là "Cross-in-Hand." Trong tất cả những điểm trên vùng cao nguyên trắng xóa quanh hòn này, đây là điểm vắng người nhất. Nó thiếu vẻ quyến rũ mà những họa sĩ và khách tham quan phong cảnh tìm kiếm đến độ nó đạt tới một vẻ đẹp mờ mè, một vẻ đẹp mang sắc thái bi thảm. Cái tên của địa điểm này bắt nguồn từ cây cột đá đứng ở đó, một tảng đá nguyên khối thô sơ và lạ lùng, nhô lên từ địa tầng chưa từng được biết tới trong bất kỳ mỏ đá nào, trên đó khắc một cách thô sơ bàn tay của người đàn ông. Có nhiều lý giải khác nhau về lịch sử và ý nghĩa của nó. Một số học giả nói rằng trước kia nó là một cây thập giá trọn vẹn, và di tích hiện tại chỉ là một phần; những người khác lại cho rằng nó vẫn đứng đó như thế từ đầu, và rằng nó được trồng tại đó để đánh dấu một ranh giới hoặc nơi hội họp. Dù nguồn gốc của di tích này là gì, đã và đang có một cái gì đó dữ dằn, hoặc nghiêm trang, tùy theo tâm trạng, trong cảnh vật nơi nó đứng giữa; một cái gì đó có khuynh hướng gây ấn tượng mạnh mẽ với những người đi ngang phớt tinh ăng-lê nhất.

"Tôi nghĩ giờ tôi phải từ giã cô" y nói, khi họ tới gần chỗ này. "Tôi phải giảng ở Abbot's-Cernel lúc sáu giờ chiều nay, con đường của tôi nằm cắt ngang mé tay phải từ chỗ này. Và cô cũng làm cho tôi hơi buồn nữa, Tessy à, tôi không thể và sẽ không nói

vì sao. Tôi phải đi và trở nên mạnh mẽ... Cô làm thế nào mà giờ nói lưu loát vậy? Ai đã dạy cho cô thứ tiếng Anh tốt thế?"

"Tôi đã học được nhiều thứ trong những bất hạnh của mình" nàng đáp với vẻ lảng tránh.

"Cô đã gặp những bất hạnh gì?"

Nàng nói với y bất hạnh đầu tiên - bất hạnh duy nhất có liên quan tới y.

D'Urberville im lặng sững sờ. "Cho tới giờ tôi không biết gì về việc này!" sau đó y lẩm bẩm. "Vì sao cô không viết cho tôi khi cô cảm thấy rắc rối sắp tới gần?"

Nàng không đáp; và y phá vỡ sự im lặng bằng cách nói thêm: "Được rồi, cô sẽ gặp lại tôi."

"Không" nàng đáp. "Đừng đến gần tôi nữa!"

"Tôi sẽ suy nghĩ. Nhưng trước khi chúng ta chia tay hãy đến đây" y bước tới chỗ cây cột. "Cây cột này từng là một Thánh giá Thiêng liêng. Những di tích không phải là tín ngưỡng của tôi; nhưng đôi khi tôi sợ cô - gặp nhiều lần so với cô cần sợ tôi vào lúc này; và để giảm bớt sự sợ hãi của tôi, hãy đặt tay cô lên bàn tay đá, và để rằng cô sẽ không bao giờ quyến rũ tôi, thông qua những nét đáng yêu hay những cách khác của cô."

"Chúa ơi, sao ông có thể yêu cầu một điều rất không cần thiết như thế! Tôi không hề nghĩ tới những điều đó!"

"Vâng, nhưng cứ thế đi."

Hơi sợ hãi, Tess nhượng bộ sự nài nỉ của y, đặt tay lên tảng đá và thế.

"Tôi rất tiếc cô không phải là một người tin tưởng" y nói tiếp. "Một kẻ không tin tưởng nào đó sẽ tóm được cô và quấy rầy cô. Nhưng giờ thì không. Ít nhất tôi có thể cầu nguyện

cho cô ở nhà; và tôi sẽ; ai biết được chuyện gì sẽ xảy ra? Tôi đi nhé. Tạm biệt.”

Y quay sang một cánh cổng dành cho thợ săn trên hàng rào, và không nhìn lại nàng lần nữa, y nhảy qua rào và sải bước về hướng Abbot's-Cernel. Dáng đi của y cho thấy sự bất an, và giây lát sau, như thể bị thôi thúc bởi một ý nghĩ trước đó, y rút ra từ trong túi một quyển sách nhỏ, giữa những trang sách có một lá thư gấp lại, sờn rách và lấm đấm do nhiều lần đọc lại. D'Urberville mở thư ra. Nó đã được viết từ nhiều tháng trước, và được ký bởi cha xứ Clare.

Phản đầu thư thể hiện niềm vui chân thật của người viết trước sự cải đạo của d'Urberville, và cảm ơn y vì đã tốt bụng báo cho ông biết việc đó. Ông cũng bảo đảm về việc tha thứ cho hành vi trước đó của y và thể hiện sự quan tâm đối với những kế hoạch tương lai của y. Ông rất muốn gặp y trong nhà thờ nơi ông đã cống hiến rất nhiều năm, và hứa sẽ giúp y vào một trường thần học vì mục đích này; tuy nhiên, ông không khăng khăng nhấn mạnh tầm quan trọng lớn lao của nó nếu y cảm thấy có thể hoãn lại. Mỗi người phải làm việc với khả năng cao nhất của mình theo phương pháp mà tinh thần của y chỉ định.

D'Urberville đọc đi đọc lại lá thư này, và dường như đang mỉm một nụ cười tự chế giễu mình. Y cũng đọc vài đoạn trong các bản ghi nhớ trong lúc bước đi cho tới khi nét mặt y bình thản lại, và rõ ràng hình ảnh của Tess không còn quấy rầy tâm trí y nữa.

Trong lúc đó, nàng đi dọc theo rìa của ngọn đồi, trên con đường về nhà gần nhất. Khi còn cách nông trại gần một dặm, nàng gặp một người chăn cừu đơn độc.

“Ý nghĩa của cái cột đá cũ mà tôi đã đi ngang qua là gì?” nàng hỏi anh ta. “Nó có bao giờ là cây Thánh giá Thiêng liêng chưa?”

“Thánh giá - không; nó không phải là một cây thánh giá. Nó là một điểm gờ, thưa cô. Nó được dựng lên hồi thời xưa bởi bà con của một kẻ bất lương đã bị trừng phạt ở đó bằng cách đóng đinh ông ta vào một cây cột và sau đó bị treo cổ. Xương của ông ta nằm bên dưới. Người ta nói ông ta đã bán linh hồn của mình cho quỷ dữ, và đôi khi có người nhìn thấy ông ta đang đi.”

Nàng cảm thấy tim ngừng đập trong giây lát khi nghe thấy thông tin kinh khủng bất ngờ này. Sau đó nàng vội vã rời khỏi người chăn cừu. Trời đã nhá nhem khi nàng về tới gần Flintcomb-Ash, trên con đường nhỏ ở lối vào làng, nàng tới gần một cô gái và người tình của cô ta mà không bị họ phát hiện ra. Họ đang nói với nhau những chuyện bình thường, giọng trong trẻo vô lo của cô gái khi đáp lại giọng ấm áp hơn của người đàn ông lan tỏa trong bầu không khí lạnh như một niềm an ủi trước cảnh vật vắng lặng im lìm. Hai giọng nói này khiến Tess vui lên được một lúc, cho tới khi nàng nghĩ rằng cuộc hẹn hò này cũng bắt đầu từ cùng sự thu hút đã mang tới đau khổ cho nàng. Khi nàng tới gần, cô gái thản nhiên quay lại và nhận ra nàng, người đàn ông trẻ bỏ đi với vẻ bối rối. Cô gái đó là Izz Huett, và sự quan tâm tới chuyến đi của Tess khiến nàng ta quên đi những vấn đề của mình. Tess không giải thích rõ những kết quả của nó, và Izz, vốn là một cô gái khôn khéo, bắt đầu nói về cuộc tình nhỏ của mình, một giai đoạn trong đó Tess vừa mới chứng kiến.

“Anh là Amby Seedling, anh chàng từng thỉnh thoảng tới và giúp chúng ta ở Talbothays” Izz thở ơ giải thích. “Anh đã hỏi thăm và phát hiện ra tôi đã tới đây, nên đã đi theo tôi. Anh nói anh đã yêu tôi hai năm nay. Nhưng tôi gần như không trả lời anh.”

Chương 46

Nhiều ngày đã trôi qua kể từ chuyến hành trình vô ích của Tess, và nàng đang ở trên đồng. Cơn gió đông khô lạnh vẫn thổi ào ào, nhưng một bức hàng rào bằng tranh được dựng lên trước đầu ngọn gió ngăn nó được phân nào. Ở bên phía được che chắn là một cái máy thái cù cài. Trong cảnh vật quạnh hiu vắng vẻ, màu sơn xanh sáng của cái máy dường như đang cất tiếng. Đối diện với phía trước nó là một gò đất dài hay “hầm trữ”, trong đó cù cài đã được bảo quản từ đầu mùa đông. Tess đứng ở đầu kia của cái máy, dùng liềm gọt tia đất và những rễ phụ khỏi mỗi cù cài, rồi ném nó vào máy cắt. Một người đàn ông đang quay tay quay máy, và từ cái máng nó đổ xuống những lát cù cài mỏng vừa được thái. Mùi thơm tươi mới từ những lát cù cài vàng được kèm theo bởi tiếng gió vù vù, tiếng sột soạt của những lưỡi dao, và tiếng cắt sứt sệt từ cái liềm trong bàn tay đeo găng da của Tess.

Những đường sọc nâu đậm, đã hình thành trên cánh đồng nâu rộng lớn khi số cù cài được kéo lên, dần dần mở rộng thành những dải ruy băng. Dọc theo mép của mỗi dải này có vật gì đó đang bò trên mười cái chân, di chuyển chậm chạp, đều đều xuôi ngược khắp chiều dài của cánh đồng. Nó là hai con ngựa và một người đàn ông, cái cày di chuyển giữa

họ, cày lật lớp đất đã dọn sạch để chờ một đợt gieo trồng mới vào mùa xuân.

Suốt nhiều giờ không có sự kiện nào làm giảm đi vẻ đơn điệu buồn tẻ của vạn vật. Thế rồi từ xa xa bên ngoài những đội thợ cày, họ nhìn thấy một chấm đen. Nó xuất hiện từ một góc hàng rào, nơi có một khoảng trống, và nó đang di chuyển về phía những người thợ cắt cù cài. Từ chấm nhòe đơn thuần, nó bắt đầu mang hình dạng của một con kỵ, và giây lát người ta nhận ra đó là một người đàn ông mặc đồ đen, đang tiến tới từ hướng Flintcomb-Ash. Vì không có gì khác để làm với đôi mắt của mình, người đàn ông ở chỗ đám thợ thái cù cài tiếp tục quan sát kẻ đang tới, nhưng Tess, do đang bận rộn, không nhìn thấy y cho tới khi bạn nàng báo cho nàng biết sự tiếp cận của y.

Đó không phải là Groby, ông chủ khó tính của nàng. Đó là một người mặc y phục giống như giáo sĩ, kẻ hiện giờ thế chỗ cho Alec d'Urberville tự do phóng túng một thời. Không cuồng nhiệt như lúc đang giảng đạo, giờ trông y có vẻ ít sôi nổi hơn, và dường như sự hiện diện của người thợ kia khiến cho y bối rối. Gương mặt Tess tái đi, và nàng kéo tấm mạng che của cái mũ trùm đầu xuống.

D'Urberville tới gần và lặng lẽ nói:

“Tess, tôi muốn nói chuyện với cô...”

“Ông đã khước từ yêu cầu cuối của tôi, là đừng tới gần tôi!”

“Phải, nhưng tôi có một lý do chính đáng.”

“Được, nói đi.”

“Nó nghiêm túc hơn cô có thể nghĩ.”

Y liếc quanh để xem có ai nghe hóng không. Họ đứng cách xa người đàn ông đang quay tay quay máy, và cả

chuyển động của cái máy nữa, dù để ngăn những lời của y tới tai những người khác. D'Urberville bước tới một vị trí có thể che khuất Tess khỏi người thợ kia và quay lưng về phía anh ta.

“Nó là thế này,” y nói tiếp, với vẻ ân hận, “khi suy nghĩ về cô và tôi lúc chúng ta gặp nhau lần cuối, tôi đã quên hỏi thăm về điều kiện sống của cô. Cô mặc y phục đẹp, và tôi không nghĩ tới chuyện đó. Nhưng giờ tôi thấy rằng cuộc sống của cô vất vả, vất vả hơn trước kia khi tôi biết cô, vất vả hơn mức cô đáng phải chịu. Có lẽ phần lớn điều này là do tôi!”

Nàng không đáp, y quan sát nàng với vẻ thăm dò, trong lúc nàng cúi đầu xuống, gương mặt nàng hoàn toàn bị cái mũ trùm đầu che khuất. Nàng tiếp tục công việc của mình và cảm thấy như thế sẽ dễ ngăn y ở bên ngoài những cảm xúc của mình hơn.

“Tess,” y nói thêm, với một cái thở dài bất mãn, “tình cảnh của cô là tình cảnh tệ hại nhất mà tôi từng chứng kiến! Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra cho tới khi cô nói với tôi. Tôi đúng là đồ vô lại khi làm nhơ bẩn một cuộc đời vô tội! Toàn bộ lỗi lầm là ở tôi, vì những hành xử tệ hại của tôi ở Trantridge. Cô còn là dòng dõi thật sự của họ d'Urberville, còn tôi chỉ là kẻ giả mạo, nhưng cô hoàn toàn mù mắt đối với những khả năng. Xin nói rất nghiêm chỉnh rằng thật xấu hổ cho các bậc cha mẹ khi nuôi dưỡng con gái của họ trong sự dốt nát nguy hiểm, không hề biết tới những cạm bẫy mà kẻ xấu có thể giăng ra với họ, dù động cơ của họ là tốt hoặc là kết quả của sự thờ ơ đơn giản.”

Tess vẫn im lặng lắng nghe, nàng ném hết cù cài này tới cù khác vào cái máy với động tác tự động, đều đều, giống như bất kỳ người lao động trên đồng nào.

“Nhưng tôi tới không phải vì chuyện đó” d’Urberville nói tiếp. “Hoàn cảnh của tôi là thế này. Tôi đã mất mẹ từ khi cô rời Trantridge, và ngôi nhà là của tôi. Nhưng tôi dự định bán nó, và hiến mình cho công việc truyền đạo ở châu Phi. Chắc chắn tôi sẽ làm tốt việc này. Tuy nhiên, điều tôi muốn yêu cầu cô là cô có sẵn lòng giúp tôi thực hiện bốn phận của mình không, cách sửa sai duy nhất tôi có thể làm để chuộc lỗi đã lừa cô, đó là, cô có chịu làm vợ tôi không, và đi với tôi?... Tôi đã có được tờ giấy quý báu này. Đó là ước muốn của bà mẹ hấp hối của tôi.”

Y rút ra từ trong túi một mảnh giấy da với vẻ lúng túng và bối rối.

“Đó là gì?” nàng hỏi.

“Một giấy phép kết hôn.”

“Ô không, thưa ông, không!” nàng nói nhanh, lùi lại.

“Không à? Tại sao?”

Và khi y hỏi câu này, một nỗi thất vọng không hoàn toàn là nỗi thất vọng vì không hoàn thành bốn phận hiện rõ trên gương mặt của y. Không thể nào lầm đó là dấu hiệu cho thấy rằng sự say mê trước đây đối với nàng đã sống lại; bốn phận và sự khao khát đang sát cánh bên nhau.

“Chắc chắn là có thể” y lại bắt đầu, với giọng mạnh mẽ hơn, rồi nhìn người thợ đang quay tay quay máy.

Tess cảm thấy việc tranh cãi không thể kết thúc ở đây. Sau khi thông báo với người thợ kia rằng quý ông này đã tới để thăm nàng, và nàng muốn đi dạo với ông ta một đoạn, nàng rời khỏi đó với d’Urberville, băng qua cánh đồng đầy những đường sọc như thân hình của một con ngựa vằn. Khi họ tới phần đất vừa cày xong đầu tiên, y giơ tay ra để giúp

nàng trèo qua nó; nhưng nàng bước tới trên đỉnh của những luống đất như thể không nhìn thấy y.

“Cô sẽ lấy tôi chứ Tess, và giúp tôi trở thành một người đàn ông tự trọng?” y lặp lại, ngay khi họ đã bước qua rìa đất.

“Tôi không thể.”

“Nhưng vì sao?”

“Ông biết tôi không có cảm tình với ông.”

“Nhưng có lẽ sẽ tới lúc cô cảm thấy điều đó, khi cô thật sự tha thứ cho tôi?”

“Không bao giờ!”

“Vì sao cô dứt khoát vậy?”

“Tôi yêu một người khác.”

Dường như những lời này khiến cho y kinh ngạc.

“Vậy sao?” y kêu lên. “Một người khác à? Nhưng chẳng lẽ một ý thức rằng đâu là đạo đức đúng đắn không có chút trọng lượng nào đối với cô sao?”

“Không, không - đừng nói thế!”

“Dù sao đi nữa, có thể tình yêu của cô đối với người đàn ông đó chỉ là một tình cảm nhất thời mà cô có thể vượt qua...”

“Không, không.”

“Có, có! Tại sao không?”

“Tôi không thể nói với ông.”

“Cô phải nói rõ lý do.”

“Được rồi... Tôi đã cưới anh.”

“Ó!” y kêu lên; rồi y đứng chết sững, nhìn nàng chàng chọc.

“Tôi đã không muốn nói... tôi đã không định nói!” nàng van nài. “Nó là một bí mật ở đây, hoặc ở bất cứ giá nào cũng chỉ được biết lờ mờ. Vì thế xin ông đừng hỏi gì tôi nữa. Ông phải nhớ rằng giờ chúng ta là hai người xa lạ.”

“Hai người xa lạ, thật vậy sao? Hai người xa lạ!”

Trong thoảng chốc, một nét mỉa mai xưa cũ lướt qua gương mặt y; nhưng y dứt khoát kềm nó lại.

“Có phải người đó là chồng của cô?” y hỏi một cách máy móc, chỉ về phía người thợ đang quay cỗ máy.

“Người đó!” nàng kiêu hãnh nói. “Tôi nghĩ là không!”

“Vậy ai?”

“Đừng hỏi những gì tôi không muốn nói!” nàng cầu xin, và ngẩng gương mặt với hàng mi hạ thấp lên.

D’Urberville có vẻ bức tức.

“Nhưng tôi chỉ hỏi vì cô!” y bắt bẻ. “Hời các thiên sứ trên trời! - Chúa tha thứ cho tôi câu cảm thán đó... Tôi xin thề tôi đến đây vì nghĩ tới lợi ích của cô. Tess, cô đừng nhìn tôi như thế, tôi không chịu nổi cái nhìn của cô! Chắc chắn chưa bao giờ có một đôi mắt như thế, từ trước khi có đạo Thiên Chúa hoặc kể từ đó! Tôi sẽ không đánh mất sự tinh táo của mình; tôi không dám. Tôi xin thú nhận khi nhìn thấy cô tình yêu dành cho cô, mà tôi tin đã lui tắt với tất cả những cảm giác đó, đã sống lại. Nhưng tôi nghĩ hôn nhân của chúng ta có thể giúp cả hai chúng ta trở nên thánh thiện. Người chồng không tin tưởng trở thành kẻ thánh thiện nhờ người vợ, và người vợ không tin tưởng trở thành kẻ thánh thiện nhờ người chồng, tôi đã tự nhủ như vậy. Nhưng kế hoạch của tôi đã sụp đổ; và tôi phải gánh chịu nỗi thất vọng!”

Y trầm ngâm suy nghĩ, mắt nhìn xuống đất.

“Đã kết hôn. Đã kết hôn!... Tốt, đã thế thì...” y nói, hoàn toàn bình thản, chậm rãi xé tờ giấy phép làm đói và nhét chúng vào túi áo; “Nếu tôi không thể lấy cô, tôi muốn làm điều gì có ích cho cô và chồng cô, dù anh ta là ai. Tôi có nhiều điều muốn hỏi, nhưng dĩ nhiên tôi sẽ không làm trái mong muốn của cô. Tuy nhiên, nếu tôi biết chồng của cô, tôi có thể giúp anh ta và cô dễ dàng hơn. Anh ta có ở nông trại này không?”

“Không” nàng nói khẽ. “Anh đi xa.”

“Đi xa? Bỏ cô ở lại? Anh ta là loại chồng gì vậy?”

“Ô, đừng nói xấu anh! Đó là vì ông! Anh đã phát hiện ra...”

“Ô, ra là vậy! Điều đó rất đáng buồn, Tess ạ!”

“Phải.”

“Nhưng sống xa cô, bỏ mặc cho cô lam lũ thế này!”

“Anh không bỏ mặc cho tôi lam lũ!” nàng kêu lên, quyết bảo vệ cho kẻ vắng mặt với toàn bộ nhiệt tình. “Anh không biết điều này! Đó là sắp xếp của chính tôi.”

“Vậy anh ta có viết thư không?”

“Tôi... tôi không thể nói với ông. Có những điều là chuyện riêng tư của chúng tôi.”

“Dĩ nhiên thế nghĩa là anh ta không viết. Cô là một người vợ bị ruỗng bò, Tess xinh đẹp của tôi...”

Trong cơn bốc đồng, y đột ngột quay lại để nắm tay nàng; bên trên nó là cái găng tay da, và y chỉ nắm được những ngón tay da thô cứng không thể hiện sức sống hoặc hình dáng của những ngón bên trong.

“Ông không được... ông không được!” nàng kêu lên sợ hãi, rút bàn tay ra khỏi cái găng, bỏ lại nó trong nắm tay của

y. “Ô, ông có chịu đi không, vì tôi và chồng tôi... đi đi, nhân danh đạo Thiên Chúa của chính ông!”

“Được, được, tôi sẽ đi” y đột ngột nói, và sau khi ném trả cái găng tay cho nàng, y quay lưng bỏ đi. Tuy nhiên, y ngoảnh mặt lại và nói: “Tess, vì Chúa là kè phán xét tôi, tôi không có ý định sàm sỡ khi nắm tay cô!”

Có tiếng móng ngựa gỗ trên mặt đất, nhưng họ không nhận ra vì đang để tâm vào chuyện của mình. Nó dừng lại ngay phía sau họ; và một giọng nói tới tai nàng:

“Cô làm cái quái gì đây khi bỏ bê công việc vào giờ này?”

Chủ nông trại Groby đã nhìn thấy hai dáng người từ xa, và đã tò mò phóng ngựa tới để tìm hiểu họ đang làm gì trong cánh đồng của mình.

“Đừng nói với cô ta như thế!” d’Urberville nói, mặt hằn sa sầm với một nét gì đó không giống một tín hữu chút nào.

“Thật thế ư, ông bạn! Và những giáo sĩ Hội Giám lý có liên quan gì với cô ta?”

“Người này là ai?” d’Urberville hỏi, quay sang Tess.

Nàng bước tới gần y.

“Đi đi, tôi cầu xin ông!” nàng nói.

“Giùm chứ! Và bỏ cô lại cho gà bạo ngược này sao? Tôi có thể thấy trên nét mặt rằng ông ta là loại thô lỗ thế nào.”

“Ông ta sẽ không làm tổn thương tôi. Ông ta không yêu tôi. Tôi có thể rời khỏi đây vào ngày Lễ truyền tin.”

“Được, tôi cho là tôi không có quyền gì ngoài việc tuân theo ý cô. Nhưng... thôi được, tạm biệt!”

Sau khi kè bảo vệ nàng, người nàng sợ hơn cả kè tấn công nàng, miễn cưỡng biến mất, tay chủ nông trại tiếp tục những

lời khiển trách, và Tess lạnh lùng đón nhận sự đối xử này vì nàng chỉ sợ một kiểu tấn công khác. Sự có mặt của ông chủ sắt đá này, kẻ có thể tát nàng nếu ông ta dám, hầu như là một sự nhẹ nhõm sau những trải nghiệm trước đó của nàng. Nàng lặng lẽ đi trở lại nơi đặt cổ máy, miên man suy nghĩ về chuyện vừa xảy ra đến độ hầu như không biết rằng mũi con ngựa của Groby hầu như chạm vào vai nàng.

“Nếu cô đã cam kết làm việc với tôi cho tới Lễ truyền tin, tôi sẽ xem cô hoàn thành nó thế nào” ông ta gầm gừ. “Đám đàn bà chết tiệt, hết người này lại tới người khác làm tôi bức mình. Nhưng tôi sẽ không chịu đựng chuyện này lâu hơn nữa!”

Biết rất rõ rằng ông ta không đàn áp những phụ nữ khác trong nông trại như đã đàn áp nàng vì không quên được cú đấm mà ông ta đã nhận, nàng hình dung trong khoảnh khắc kết quả sẽ xảy ra nếu nàng thoái mái chấp nhận lời đề nghị sẽ biến nàng thành người vợ giàu có của Alec. Khi đó nàng sẽ hoàn toàn thoát khỏi sự chịu đựng, không chỉ người chủ hay đàn áp của nàng hiện giờ, mà cả toàn thế giới vốn dường như luôn khinh rẻ nàng. “Nhưng không, không!” nàng nói, hụt hơi. “Mình không thể lấy ông ta! Mình thật sự không thích ông ta.”

Đêm đó nàng viết một lá thư khẩn khoản cho Clare, nói rõ hoàn cảnh cực nhọc, và bảo đảm với anh về tình cảm không dời đổi của mình. Bất cứ người nào có khả năng đọc giữa những dòng chữ sẽ thấy rằng ở phía sau tình yêu sâu sắc của nàng là một nỗi sợ lớn lao - gần như một sự tuyệt vọng - có liên quan tới những tình huống khó mà viết ra trong một lá thư. Nhưng một lần nữa nàng không hoàn thành thông điệp của mình; Clare đã đề nghị Izz cùng đi với anh, và có lẽ anh không hề quan tâm tới nàng. Nàng cất lá thư vào hộp, và tự hỏi nó có bao giờ tới tay của Clare không.

Sau sự kiện này, những công việc hàng ngày của nàng trôi qua khá nặng nề, và quay đi quay lại đã sắp tới một ngày trọng đại với những nông dân - ngày của Hội chợ Lễ rước nến. Trong hội chợ này, những giao kèo mới sẽ được cam kết cho mười hai tháng theo sau ngày Lễ truyền tin, và những thợ làm nông muốn thay đổi chỗ làm việc đều tham dự buổi hội chợ ở thị trấn của hạt. Hầu hết số người làm thuê ở nông trại Flintcomb-Ash đều dự định bỏ đi, và từ sáng sớm có một đoàn người đi về hướng thị trấn, nằm cách đó từ mười tới mười hai dặm. Dù Tess cũng định ra đi vào dịp Lễ truyền tin, nàng là một trong vài người không tới hội chợ, mơ hồ hy vọng rằng một điều gì đó sẽ xảy ra, khiến cho một giao kèo lao động ngoài đồng khác trở nên không cần thiết.

Đó là một ngày tháng Hai thanh bình, thời tiết ôn hòa dễ chịu, và người ta gần như nghĩ rằng mùa đông đã kết thúc. Nàng vừa ăn trưa xong thì thân hình của d'Urberville làm tối sầm khung cửa sổ của ngôi nhà nàng đang ở. Và hôm đó chỉ có mình nàng ở nhà.

Tess lập tức đứng lên, nhưng người khách của nàng đã gõ cửa, và nàng không thể bỏ trốn. Cách gõ cửa và sự tiếp cận cánh cửa của Alec có một tính chất nào đó khó tả, khác với cung cách của y lần trước. Dường như y cảm thấy xấu hổ vì những hành động của mình. Nàng nghĩ rằng nàng sẽ không mở cửa; nhưng không có lý do gì để làm như vậy, thế nên nàng nhấc then cửa lên và nhanh chóng lùi lại. Y bước vào, nhìn thấy nàng, và gieo người lên ghế trước khi cất tiếng.

“Tess, tôi không thể kềm lòng được!” y mở lời một cách tuyệt vọng trong lúc lau gương mặt nóng bừng, ửng đỏ vì kích động. “Tôi cảm thấy ít nhất tôi phải ghé qua để hỏi thăm xem cô thế nào rồi. Tôi đảm bảo với cô tôi không hề nghĩ

gì tới cô cho tới khi nhìn thấy cô hôm Chủ nhật đó; giờ tôi không thể xóa bỏ hình ảnh của cô dù cố gắng đến mấy! Ít khi có chuyện một phụ nữ tốt lại gây tổn hại cho một người đàn ông xấu, thế nhưng nó đúng là thế. Tess à, ước gì cô có thể cầu nguyện cho tôi!"

Sự kiềm chế nỗi bất mãn trong thái độ của y hầu như đáng thương, thế nhưng Tess không thương hại y.

"Làm sao tôi có thể cầu nguyện cho ông," nàng nói, "khi tôi bị cấm không được tin rằng Đấng quyền năng điều hành cả thế giới sẽ thay đổi những kế hoạch của Ngài vì tôi?"

"Cô thật sự nghĩ như thế à?"

"Phải, tôi đã được chữa khỏi những ý tưởng kiêu căng."

"Được chữa khỏi? Ai chữa?"

"Chồng tôi, nếu tôi phải nói."

"À, chồng cô, chồng cô! Chuyện này có vẻ quá lạ lùng! Tôi nhớ cô đã ám chỉ đôi điều về việc này hôm trước. Cô thật sự tin điều gì trong những vấn đề này vậy Tess?" y hỏi. "Hình như cô không theo tôn giáo nào cả, có lẽ là do tôi."

"Nhưng tôi có. Dù tôi không tin vào bất cứ thứ gì siêu nhiên."

D'Urberville nhìn nàng với vẻ nghi ngờ.

"Vậy cô nghĩ tôi đã chọn sai đường?"

"Phải, ít hoặc nhiều."

"Üm, thế nhưng tôi đã cảm thấy chắc chắn về nó" y nói với vẻ khó chịu.

"Tôi tin vào tinh thần của Bài giảng trên núi, và chồng thân yêu của tôi cũng thế... Nhưng tôi không tin..."

Tới đây nàng đưa ra những điều nàng phản đối.

“Sự thật là cô chấp nhận bất cứ thứ gì chồng cô tin và phản đối bất cứ thứ gì chồng cô phản đối, không hề có thắc mắc hay lập luận gì về phần của cô. Phụ nữ các cô là thế. Tâm trí của cô bị nô lệ hóa theo tâm trí của anh ta” y nói khô khan.

“À, vì anh biết hết mọi thứ!” nàng nói, có một niềm tin đơn giản đối với Angel Clare, mà trừ chồng nàng ra, người đàn ông hoàn hảo nhất cũng hầu như không xứng đáng với nó.

“Phải, nhưng cô không nên hoàn toàn tiếp nhận những ý kiến tiêu cực từ một người khác như thế. Anh ta phải tài lầm mới dạy được cho cô thái độ hoài nghi đó!”

“Anh không bao giờ buộc tôi phải xét đoán như anh! Anh không bao giờ tranh cãi về vấn đề đó với tôi! Nhưng tôi nhìn nó theo cách này: những gì anh ấy tin, sau khi đào sâu vào những giáo lý, có nhiều khả năng đúng hơn những gì tôi có thể tin, vì tôi không hề nhìn vào những giáo lý.”

“Anh ta từng nói những gì? Hắn anh ta đã nói điều gì đó?”

Nàng suy nghĩ; và nhờ trí nhớ chính xác của nàng đối với những nhận xét của Angel Clare, ngay cả khi nàng không hiểu được tinh thần của chúng, nàng nhắc lại một suy luận cứng rắn không thương xót mà nàng từng nghe anh nói, vì thỉnh thoảng anh nói to những ý tưởng của mình trong lúc nàng ngồi bên cạnh. Khi lặp lại nó, nàng cũng nói theo giọng điệu và cách nói của Clare với sự trung thành tôn kính.

“Hãy nói lại lần nữa” d’Urberville yêu cầu. Y lắng nghe rất chăm chú.

Nàng lặp lại lập luận đó, và d’Urberville trầm ngâm lẩm bẩm theo nàng những từ đó.

“Còn gì khác không?” sau đó y hỏi.

“Một lần khác ành nói thế này...” và nàng đưa ra một lập luận khác, có thể tìm thấy trong một số tác phẩm, từ cuốn *Từ điển triết học* cho tới *Những tiểu luận* của Huxley.⁽¹⁾

“Chà chà! Làm sao cô nhớ được chúng?”

“Tôi muốn tin những gì ành tin, dù ành không muốn tôi phải như thế; và tôi cố nài ành nói cho tôi nghe vài ý tưởng của ành. Tôi không thể nói tôi hoàn toàn hiểu ý tưởng đó, nhưng tôi biết nó đúng.”

“Hừm. Thật lạ lùng khi cô có thể dạy tôi thứ mà bản thân cô không biết!”

Y rơi vào suy nghĩ.

“Và thế là tôi đi theo con đường của ành” nàng nói tiếp. “Tôi không muốn nó khác đi. Những gì dù tốt cho anh cũng dù tốt cho tôi.”

“Anh ta có biết rằng cô cũng là kẻ hoài nghi như anh ta?”

“Không, nếu tôi là một kẻ hoài nghi tôi cũng không nói với ành.”

“Hay lắm Tess, nói cho cùng, hôm nay cô ở một vị trí cao hơn tôi rồi đó! Cô không tin vào tín ngưỡng của tôi, và do đó cô không cần rao giảng nó. Tôi tin rằng tôi nên rao giảng nó, nhưng như lũ quỷ sứ, tôi tin và run sợ, vì tôi đột nhiên rời bỏ việc rao giảng, và đầu hàng sự say mê mà tôi dành cho cô.”

“Như thế nào?”

“Sao nữa,” y nói khô khan, “hôm nay tôi đã đi suốt quàng đường tới đây để gặp cô! Nhưng tôi đã định tới hội chợ Casterbridge, nơi tôi sẽ rao giảng từ một cỗ xe ngựa vào lúc

1. *Dictionnaire Philosophique*: một tác phẩm của triết gia Pháp Voltaire (1694 - 1778); Aldous Huxley (1894 - 1963): triết gia Anh.

hai giờ rưỡi, và lúc này tất cả các huynh đệ đạo hữu đang mong tôi. Đây là bản thông báo.”

Y rút ra từ túi ngực một áp phích trên đó in ngày giờ và địa điểm cuộc họp, tại đó y, d’Urberville, sẽ giảng Phúc âm như đã nói.

“Nhưng làm sao ông có thể tới đó?” Tess hỏi, nhìn đồng hồ.

“Tôi không thể tới đó! Tôi đã tới đây.”

“Gi chứ, ông đã chuẩn bị để giảng, và...”

“Tôi đã chuẩn bị để giảng, và tôi sẽ không tới đó, vì niềm khao khát cháy bỏng được gặp người phụ nữ tôi từng khinh rẻ! Không, sự thật là tôi chưa bao giờ khinh rẻ cô; nếu tôi như thế thì giờ tôi sẽ không yêu cô! Lý do tôi không khinh rẻ cô là vì bất chấp những gì đã xảy ra cô vẫn không bị ô uế; cô rút lui khỏi tôi quá nhanh và dứt khoát khi cô nhìn thấy tình thế; cô đã không trở thành món đồ chơi của tôi; vì thế có một người phụ nữ trên đời mà tôi không hề coi thường, và cô là người đó. Nhưng hiện giờ cô có thể coi thường tôi! Tôi đã nghĩ tôi sẽ thờ phụng Chúa trên núi cao, nhưng tôi nhận ra mình vẫn đang phục vụ trong lùm cây! Haha!”

“Ô, Alec d’Urberville! Điều này có nghĩa là gì? Tôi đã làm gì?”

“Đã làm gì?” y nói, kèm theo một nụ cười vô hồn. “Không làm gì cố tình cả. Nhưng cô là một phuơng tiện - một phuơng tiện vô tội - của sự tái sa ngà của tôi, như họ gọi. Tôi tự hỏi, có thật tôi là một trong những ‘tôi tớ của sự đồi bại’, những kẻ mà ‘sau khi thoát khỏi những rác rưởi trần ai lại một lần nữa vướng vào cạm bẫy và thất bại’ những kẻ mà kết cục về sau lại tồi tệ hơn lúc bắt đầu?”

Y đặt tay lên vai nàng. “Tess, cô gái của tôi, ít nhất tôi đang trên đường cứu vớt mọi người cho tới khi tôi gặp lại cô!” Y vừa nói vừa lắc nhẹ vai nàng, như thể nàng là một đứa bé. “Và tại sao lúc đó cô quyến rũ tôi? Tôi vẫn vàng như một người đàn ông có thể vẫn vàng cho tới khi tôi nhìn thấy cái miệng và đôi mắt đó lần nữa. Chắc chắn chưa bao giờ có một cái miệng mê hồn như thế từ thời của Eve!” Giọng của y chìm xuống, và đôi mắt đen lóe lên. “Tess, cô là người đàn bà cám dỗ, cô là mụ phù thủy xứ Babylon khốn kiếp; tôi không thể cưỡng lại cô ngay khi tôi gặp lại cô!”

“Tôi không thể ngăn ông đừng gặp tôi nữa!” Tess nói, lùi ra xa.

“Tôi biết. Tôi lặp lại rằng tôi không trách cô. Nhưng thực tế vẫn còn đó. Khi tôi thấy cô bị lợi dụng ở nông trại hôm đó, tôi gần nỗi điên khi nghĩ rằng tôi không có quyền pháp lý để bảo vệ cô, rằng tôi không thể có nó, trong khi anh ta, kẻ đường như hoàn toàn làm ngơ cô, lại có nó!”

“Đừng nói xấu ảnh, ảnh đang vắng mặt!” nàng kêu lên. “Hãy đối xử với ảnh một cách tôn trọng, ảnh chưa bao giờ xử tệ với ông! Ô, hãy rời khỏi vợ của ảnh trước khi có bất kỳ tai tiếng nào có thể lan ra và ảnh hướng tới cái tên trung thực của ảnh!”

“Tôi sẽ, tôi sẽ!” y nói, như một kẻ thức giấc từ một giấc mơ đầy cám dỗ. “Tôi đã phá vỡ lời hứa giảng đạo cho những gã khờ say sưa tội nghiệp ở hội chợ. Đây là lần đầu tiên tôi phạm sai lầm như vậy. Một tháng trước, hẳn tôi phải kinh hoàng trước một khả năng như thế. Tôi sẽ đi... xin thế... và nếu tôi có thể, sẽ tránh xa cô.” Rồi, đột nhiên y nói: “Một Tessy. Chỉ vì tình bạn...”

“Tôi không có sự bảo vệ. Alec! Tôi đang gìn giữ danh dự của một người đàn ông tốt, hãy suy nghĩ và biết xấu hổ!”

“Ồ, vâng, phải, phải!”

Y mím chặt môi, phản nộ vì sự yếu đuối của mình. Đôi mắt của y tối sầm, niềm hy vọng đối với tình yêu và đức tin tôn giáo đều lịm tắt. Dấu vết của những đam mê cũ, vốn đã gần như bị xóa sạch sau khi y cài đạo, dường như sống lại trên gương mặt của y. Y bước ra khỏi cửa với vẻ lưỡng lự.

Dù d’Urberville đã tuyên bố rằng sự vi phạm lời hứa hôm nay là sự tái sa ngã của một tín đồ, những lời của Tess, như vang lại từ Angel Clare, có một ấn tượng sâu sắc đối với y, và vẫn tiếp tục như thế sau khi y đã rời khỏi nàng. Y lặng lẽ bước đi, như thể sức lực bị rút cạn bởi một ý nghĩ mà cho tới lúc đó chưa từng này sinh: y bắt đầu nhận ra y không thể truyền đạo nữa. Lý trí không dính dáng gì tới sự cài đạo bất ngờ của y, mà có lẽ chỉ là một sự bốc đồng của một kẻ khinh suất muốn tìm kiếm một cảm giác mới, và chịu tác động nhất thời bởi cái chết của mẹ y.

Những giọt luận lý mà Tess đã để rơi vào cái biển nhiệt tình của y làm nguội lại nhuệ khí của nó. Y tự nhủ trong lúc nghiên ngắm những cụm từ kết tinh mà nàng trao cho y: “Cái gà thông minh đó không hề nghĩ rằng, khi nói với cô ta những điều đó, anh ta có thể lát đường cho mình trở lại với cô ta.”

Chương 47

Đây là ngày đập lúa cuối cùng ở nông trại Flintcomb-Ash. Ánh bình minh tháng Ba vẫn vô càn như thường lệ, và ở chân trời hướng đông không có gì mới mẻ. Nổi lên trong ánh sáng nhè nhẹ là cái đình hình thang của đụn lúa. Nó đứng cô đơn ở đó, được rửa sạch và tẩy trắng bởi nắng gió mùa này.

Khi Izz Huett và Tess tới nơi làm việc, chỉ có một tiếng sột soạt cho thấy những người khác đã tới trước họ. Khi ánh sáng rạng dần, bóng của hai người đàn ông hiện rõ trên đỉnh đồi. Họ đang bận rộn “dờ” đụn lúa, nghĩa là lột lớp rơm che phủ ra trước khi bắt đầu ném những bó lúa xuống; trong lúc việc này được tiến hành, Izz, Tess, cùng những người thợ nữ khác, với những cái mũ bịt tai nâu trắng trên đầu, đứng chờ đợi và rùng mình vì lạnh. Chủ nông trại Groby đã yêu cầu họ phải tới đó sớm để hoàn thành công việc trước khi ngày kết thúc nếu có thể. Ngay sát bên dưới đụn lúa, có thể nhìn thấy lờ mờ một con quái vật màu đỏ mà những người phụ nữ đã tới đó phải phục vụ - một cỗ máy có bộ khung bằng gỗ, với những sợi dây và bánh xe - cái máy đập lúa, mà trong khi nó đang hoạt động, vẫn duy trì một yêu cầu chuyên chế đối với sức chịu đựng của cơ bắp và thán kinh của họ.

Cách đó không xa là một hình dáng mơ hồ khác; nó đen trùi trĩ, với tiếng rít liên tục cho thấy sức mạnh tiềm tàng chưa để lộ của nó. Cái ống khói cao chĩa lên trời bên cạnh đống tro cao nghẹu, và hơi nóng phát ra từ chỗ đó, lý giải mà không mấy cần tới ánh sáng ban ngày rằng đây là cỗ máy hoạt động với tư cách *một động cơ đầu tiên*⁽¹⁾ của cái thế giới bé nhỏ này. Đứng cạnh cỗ máy là một thân hình cao, đen sẫm, bất động, đáng sợ, bị bồ hóng phủ khắp người, và như thể đang trong một trạng thái xuất thần, với đống than chất bên cạnh: đó là người điều khiển máy. Sự lè loi về cung cách và màu sắc của ông ta khiến ông ta có vẻ ngoài của một sinh vật đến từ địa ngục; kẻ đã đi lạc vào vùng đất trong lành không khói của lúa mì vàng óng và đất đai bạc màu này, mà với nó ông ta không có điểm chung nào, để gây kinh ngạc và bối rối cho những người dân bản địa.

Ông ta cũng cảm thấy mình trông như thế nào. Ông ta ở trong thế giới nông nghiệp, nhưng không thuộc về nó. Ông ta phục dịch cho lửa và khói; còn những cư dân của đống áng này phục dịch cho thực vật, cây cối, thời tiết, sương giá và mặt trời. Ông ta du hành với cỗ máy của mình từ nông trại này sang nông trại khác, từ hạt này sang hạt khác, bởi trong khu vực này của Wessex, máy đập lúa hơi nước vẫn còn hoạt động theo kiểu lưu động. Ông ta nói giọng miễn bắc lả lùng; những ý nghĩ của ông ta hướng vào bên trong, tới chính mình, mắt dán vào cỗ máy bằng sắt của mình, hầu như không nhìn thấy những cảnh vật xung quanh, và không

1. Khái niệm được sử dụng trong thiên văn học ở các thời kỳ cổ điển, trung cổ và Phục hưng, *Primum Mobile* là hành tinh xa nhất trong hệ thống địa tâm của vũ trụ. Khái niệm này được nhà toán học, thiên văn học người Hy Lạp Ptolemy (100 - 170) đưa ra để lý giải chuyển động hàng ngày của các thiên thể xung quanh địa cầu. Lý thuyết này được giới thiệu với Tây Âu thông qua nhà thiên văn học, triết gia người Iran Avicenna (960 - 1037).

mày may quan tâm tới chúng, chỉ trao đổi với cư dân bản địa những gì cần thiết cho công việc. Như thể một thế lực cổ xưa nào đó buộc ông ta phải lưu lạc tới đây trái với ý chí của mình để phục dịch cho ông chủ Diêm Vương. Sợi dây dài chạy từ cái bánh xe truyền động của cỗ máy tới cái máy đập lúa màu đỏ bên dưới dùn thóc là sự kết nối duy nhất giữa ông ta và nghề nông.

Trong khi họ dỡ lớp rơm che các bó lúa, ông ta đứng chờ bên cạnh cỗ máy di động. Xung quanh ông, bầu không khí buổi sáng đen mù nóng bồng đang rung động. Ông không dính dáng gì tới công việc chuẩn bị. Ngọn lửa của ông đang chờ bốc lên cao, hơi nước đang ở áp suất cao, chỉ vài giây nữa ông có thể làm cho sợi dây dai dài chuyển động nhanh đến độ không thể nhìn thấy rõ. Những thứ trong môi trường nằm bên ngoài phạm vi của nó có thể là lúa mì, rơm, hoặc sự hỗn độn; tất cả đều như nhau đối với ông ta. Nếu có cư dân bản địa rồi hơi nào đó hỏi ông ta tự gọi mình là gì, ông sẽ trả lời ngắn gọn, “một kỹ sư”.

Dùn lúa được dỡ xong trước khi trời sáng tỏ; sau đó những người đàn ông về vị trí của họ, đám phụ nữ trèo lên, và công việc bắt đầu. Chủ nông trại Groby, hay “ông ta” như mọi người gọi, đã tới đó từ trước, và theo lệnh ông ta, vị trí của Tess là trên cái bệ của cỗ máy, gần người thợ trút bông lúa vào máy đập, công việc nàng làm là mờ dây cột từng bó lúa do Izz Huett, người đứng kế bên, nhưng trên dùn lúa, chuyển cho nàng, để người thợ nam có thể cầm lấy nó và rải nó lên cái trực quay. Cái trực quay này đập mọi hạt lúa văng ra trong khoảnh khắc.

Sau một hai bế tắc tạm thời trong bước chuẩn bị, vốn làm hài lòng những kẻ ghét máy móc, công việc diễn ra êm xuôi cho tới giờ ăn sáng, khi cái máy đập được ngưng hoạt

động khoảng nửa giờ, và khi bắt đầu lại sau bữa ăn, toàn bộ nguồn lực của nông trại dồn vào việc dựng những đụn rơm bên cạnh những đống thóc. Họ ăn một bữa trưa vội vàng, đứng ngay tại chỗ, sau đó vài giờ là bữa ăn chiều; cái bánh xe không biết mùi lòng tiếp tục xoay, tiếng máy ầm ầm chấn động tận xương tủy của tất cả những ai ở gần cái lồng sắt đang xoay.

Những người đàn ông lớn tuổi trên đống rơm ngày càng cao nói về thời đã qua khi họ còn quen với việc đập lúa bằng những cái néo trên sàn gỗ sồi của kho thóc; khi mọi thứ, ngay cả việc sàng sảy thóc cũng làm bằng tay. Họ nghĩ dù cách làm này chậm, nó mang lại những kết quả tốt hơn. Những người trên đống lúa cũng tham gia câu chuyện; nhưng những người đang đổ mồ hôi ở cỗ máy, bao gồm Tess, không thể làm nhẹ đi bốn phận của mình bằng cách trao đổi nhiều lời. Công việc liên miên không dứt khiến nàng mệt muối đứt hơi, và nàng ao ước giá như nàng dừng bao giờ tới Flintcomb-Ash. Những người phụ nữ trên đống lúa, đặc biệt là Marian, một trong số họ, có thể thỉnh thoảng dừng lại để uống một ngụm bia hay trà lạnh trong bình, hoặc trao đổi vài câu tán gẫu trong lúc lau mặt hay phủi rơm và trấu bám vào váy áo; nhưng Tess không có chút thời gian nào để nghỉ ngơi; bởi cái trực cứ quay liên tục nên người đàn ông tiếp bông lúa cho nó không thể dừng tay, và nàng, kẻ phải cung cấp cho ông ta những bó lúa đã tháo rời, cũng không thể dừng tay, trừ phi được Marian đổi chỗ. Thỉnh thoảng nàng cũng làm điều này mặc cho Groby phản đối rằng nàng quá chậm chạp đối với công việc đó.

Vì mục tiêu năng suất, thông thường phải chọn một phụ nữ cho công việc cụ thể này, và Groby chọn Tess vì nàng là một trong những người kết hợp tốt nhất giữa thể lực và thao

tác nhanh nhẹn, cộng thêm sự bẩn bỉ, và chọn lựa này có thể đúng. Tiếng ầm ầm của máy đập lúa, vốn át đi những tiếng nói, càng ầm ĩ hơn nữa khi nguồn cung cấp bông lúa ít hơn mức bình thường. Vì Tess và người đàn ông tiếp bông lúa cho máy không bao giờ có thể quay đầu lại, nàng không biết rằng ngay trước giờ ăn chiều một người đã lặng lẽ bước qua cổng, tiến vào cánh đồng, và đã đứng dưới dùn rơm thứ hai quan sát cảnh tượng này, đặc biệt là Tess. Y mặc một bộ đồ vải tuýt thời trang, và cầm trong tay một cây gậy chống làm bằng sợi mây.

“Đó là ai?” Izz Huett hỏi Marian. Đầu tiên nàng nói với Tess, nhưng Tess không thể nghe thấy.

“Tôi cho là người trong mộng của ai đó” Marian đáp vẫn tắt.

“Tôi cược một ghi-nê anh ta đang theo đuổi Tess.”

“Ô, không. Gần đây một mục sư giảng đạo đã lân la tiếp xúc với chị ta; không phải một gã bảnh bao như thế này.”

“Sao, đây chính là người đó.”

“Chính là người giảng đạo à? Nhưng trông anh ta hoàn toàn khác!”

“Anh ta đã rời bỏ cái áo khoác đen và cái khăn choàng cổ trắng, và đã cắt tóc; nhưng vẫn là cùng một người.”

“Cô thật sự nghĩ thế? Vậy để tôi nói với cô ta” Marian nói.

“Đừng. Chị ấy sẽ sớm tự nhìn thấy anh ta.”

“Tôi không nghĩ anh ta làm điều đúng đắn khi vừa giảng đạo vừa tán tỉnh một phụ nữ có chồng, dù chồng cô ta ở nước ngoài, và theo nghĩa nào đó cô ta là một bà góa.”

“Ô, anh ta không thể làm hại chị ấy” Izz nói khô khan. “Giờ khó có ai lay chuyển được tâm hồn của chị ấy. Nó giống như một cổ xe ngựa bị mắc lầy. Chúa yêu chị ấy, không lời tán

tinh, rao giảng nào, thậm chí sấm sét của trời cao, có thể khuấy động một phụ nữ khi tốt hơn cô ta nên được khuấy động.”

Giờ ăn tối, và cái trực quay dừng lại; khi Tess rời khỏi chỗ, đôi đầu gối của nàng run rẩy vì sự lắc lư của cỗ máy đến độ nàng hầu như không bước được.

“Cô nên uống chút nước, như tôi lúc này” Marian nói. “Lúc đó trông cô sẽ không quá trắng bệch. Sao chứ, trông mặt cô cứ như thể vừa trải qua một cơn ác mộng!”

Cô gái Marian tốt bụng chợt nảy ra ý nghĩ rằng Tess đã quá mệt. Nếu nàng phát hiện ra sự hiện diện của người khách, có thể nàng sẽ ăn mất ngon; và Marian tìm cách dụ Tess trèo xuống bằng một cái thang ở phía bên kia đống lúa khi quý ông đó bước tới và ngẩng lên.

Tess thốt lên một tiếng “Ô!” và giây lát sau nàng nói nhanh, “Tôi sẽ ăn ở đây, ngay trên đống lúa.”

Thỉnh thoảng, khi họ đi khỏi nhà rất xa, tất cả đều làm như vậy; nhưng hôm nay gió thổi khá mạnh, nên Marian và số còn lại trèo xuống, ngồi bên dưới đống rơm.

Kẻ mới tới đúng là Alec d'Urberville, tín đồ Phúc âm lúc trước, dù y đã thay đổi y phục và thái độ. Chỉ với một thoáng nhìn, rõ ràng rằng kẻ ham mê khoái lạc ban đầu đã quay lại; rằng y đã trở lại là chính mình, sau ba bốn năm kể từ khi ấy, dưới cái lốt thong dong, khinh bạc của kẻ mà lúc đầu Tess đã gọi là anh họ. Sau khi quyết định ở nguyên tại chỗ, Tess ngồi xuống giữa những bó lúa, khuất khỏi tầm nhìn từ mặt đất, và bắt đầu bữa ăn, cho tới khi nàng nghe thấy tiếng chân trên cái thang, và ngay sau đó Alec xuất hiện trên đống lúa - giờ là một cái nến dài và bằng phẳng do những bó lúa tạo thành. Y sải bước ngang qua chúng, và ngồi xuống đối diện với nàng, không nói lời nào.

Tess tiếp tục bữa ăn khiêm tốn của mình, một lát dày bánh kếp mà nàng đã mang theo. Lúc này những người thợ khác cũng đã tụ tập bên dưới đống rơm, nơi rơm tạo thành một chỗ ăn náu thoải mái.

“Tôi lại tới đây, như cô thấy” d’Urberville nói.

“Vì sao ông cứ thích quấy rầy tôi như vậy!” nàng kêu lên, vẻ trách móc lóe ra từ những đầu ngón tay của nàng.

“Tôi quấy rầy cô? Tôi nghĩ tôi có thể hỏi, vì sao cô quấy rầy tôi?”

“Chắc chắn là tôi không khi nào quấy rầy ông.”

“Cô nói cô không có? Nhưng cô có! Cô ám ảnh tôi. Chính đôi mắt với sự cay đắng mà mới vừa rồi cô hướng vào tôi, chúng đến với tôi hết như cô vừa biểu lộ lúc nãy, suốt ngày đêm! Tess, kể từ khi cô nói với tôi về đứa con đó của chúng ta, như thể những cảm giác nghiêm khắc của tôi, đang chày thành một dòng mạnh mẽ, đột nhiên tìm thấy một lối mở về hướng của cô, và lập tức cuốn cuộn xô tới đó. Cái kênh tôn giáo bị bờ khô từ đó; và chính cô là kẻ đã làm điều đó!”

Nàng im lặng nhìn y.

“Sao, ông đã hoàn toàn từ bỏ việc rao giảng à?” nàng hỏi. Dù đã tiếp nhận từ Angel một mức độ hoài nghi đối với tư tưởng hiện đại dù để coi thường sự nhiệt tình nhất thời; nhưng vì là một phụ nữ, nàng vẫn hơi sợ hãi.

D’Urberville nói tiếp với vẻ nghiêm trang:

“Hoàn toàn, tôi đã hủy bỏ mọi cam kết giảng đạo từ buổi chiều tôi định giảng cho những gà say ở hội chợ Casterbridge. Chỉ có quý sứ biết giờ này các đạo hữu đó nghĩ gì về tôi! A ha! Các đạo hữu! Chắc chắn họ đang cầu nguyện cho tôi, khóc cho tôi; vì họ là những người tốt theo cách của họ.

Nhưng tôi quan tâm làm gì chứ? Làm sao tôi có thể tiếp tục cái việc mà tôi đã đánh mất niềm tin vào nó? Đó sẽ là sự đạo đức giả tệ hại nhất! Tôi sẽ đứng giữa họ như Hymenaeus và Alexander⁽¹⁾, những kẻ bị áp giải cho Satan để họ không thể phi báng nữa. Cô đã thành công rực rỡ trong việc trả thù! Tôi đã nghĩ rằng cô ngày thơ và đã lừa dối cô. Bốn năm sau, cô gặp lại tôi với tư cách một tín đồ Thiên Chúa mộ đạo; lúc đó cô ra tay với tôi, có lẽ để hủy diệt tôi hoàn toàn. Nhưng Tess, cô em họ của tôi, như tôi từng gọi cô, đây chỉ là cách nói của tôi, và cô đừng quá bận tâm! Dù nhiên cô chẳng làm gì cả, ngoài việc duy trì gương mặt xinh đẹp và thân hình đầy đặn của mình. Tôi nhìn thấy nó trên đống lúa trước khi nhìn thấy cô - cái tạp dề và cái mũ trùm tay đó. Những cô gái làm đồng các cô không bao giờ nên đội chúng nếu muốn tránh xa nguy hiểm!" Y lặng lẽ nhìn nàng một lúc, và nói tiếp sau một tiếng cười ngắn nhạo báng: "Tôi tin rằng nếu một tông đồ độc thân, kẻ mà tôi nghĩ tôi là người đại diện, bị một gương mặt xinh đẹp như thế quyến rũ, hẳn sẽ quên bốn phận của mình giống như tôi!"

Tess cố phản đối, nhưng những lời cuối làm cho nàng không nói nên lời, và y nói tiếp không để ý tới thái độ của nàng:

"Chà, nói cho cùng cái thiên đường này mà cô cung cấp có lẽ cũng tuyệt như bất cứ cái nào khác. Nhưng nói nghiêm túc, Tess ạ" y đứng lên và tới gần hơn, nắm nghiêng người giữa đống lúa, tựa lên cùi chỏ của mình. "Từ khi tôi gặp cô lần cuối, tôi đã nghĩ về những lời chồng cô đã nói thông qua lời kể của cô. Tôi đã đi tới kết luận rằng dường như những lời răn xưa cũ đó rất phi lý; tôi không thể nghĩ ra vì sao tôi có

1. Theo Timothy 1: 18-20, hai tu sĩ Công giáo thời kỳ đầu là Hymenaeus và Alexander đã bị Thánh Paul giao cho Satan để được dạy dỗ đứng báng bổ.

thể bị nhiệt tình của ông cụ mục sư Clare thiêu đốt và đên cuồng lao vào công việc giảng đạo, thậm chí còn hăng say hơn cả ông ta! Còn về những gì cô đã nói lần trước, về trí tuệ của ông chồng tuyệt vời của cô - kẻ mà cô chưa bao giờ cho tôi biết tên - về việc anh ta có một hệ thống đạo đức không cần tới bất kỳ tín điều nào, điều đó không phù hợp với tôi.”

“Sao chứ, ít nhất ông có thể thực hành tín ngưỡng về tình yêu, lòng tốt và sự thuần khiết cho dù ông không có thứ mà như ông gọi nó, tín điều.”

“Ô không! Tôi là một dạng người khác hẳn! Nếu có ai đó nói, ‘Hãy làm điều này, và anh sẽ hưởng phước sau khi anh chết; đừng làm điều kia vì nó sẽ làm cho anh mang tội,’ tôi không chút bận tâm. Chết tiệt! Tôi không cân đo những hành động và đam mê của mình vì tôi không có trách nhiệm trả lời với bất cứ ai về vấn đề đó; và nếu tôi là cô, cô thân mến, tôi cũng sẽ suy nghĩ như thế!”

Nàng cố tranh luận, và nói với y rằng y đã trộn lẫn trong bộ não u mê của mình hai vấn đề, thần học và luân lý, mà từ thuở sơ khai của nhân loại đã hoàn toàn khác biệt nhau. Nhưng do Angel ít khi đế cập tới vấn đề này, do kiến thức hạn chế, và do con người nàng nghiêng về cảm xúc hơn lý trí, nàng không thể nói tiếp.

“Được rồi, đừng bận tâm” y nói tiếp. “Tôi ở đây, tình yêu của tôi, như những ngày tháng cũ!”

“Không như lúc đó, không bao giờ như lúc đó, nó khác!” nàng khẩn khoản. “Và tôi không bao giờ yêu ông! Ô, giá như ông vẫn còn giữ được đức tin của mình, ông đã không nói với tôi những lời như thế!”

“Vì cô đã tước đoạt nó khỏi tôi, và sự xấu xa trong cái đầu ngọt ngào của cô cũng thế! Chỗng cô không hề nghĩ rằng

những giáo huấn của anh ta sẽ phản lại anh ta! Haha... tôi rất vui mừng vì cô đã biến tôi thành một kẻ bội giáo! Tess, tôi yêu cô hơn bao giờ hết, và cả thương hại cho cô nữa. Dù cô rất kín miệng, tôi vẫn thấy được cô đang sống rất khổ sở, bị kẻ đáng lý ra phải yêu thương cô ruồng bỏ.”

Nàng không nuốt nổi miếng bánh; môi nàng khô lại, và nàng suýt mắc nghẹn. Giọng nói và tiếng cười của những người thợ đang ăn uống bên dưới đống lúa văng vẳng vọng tới tai nàng như thể họ đang cách xa nàng một phần tư dặm

“Câu nói đó thật độc ác!” nàng nói. “Làm sao ông có thể nói như thế với tôi, nếu ông quan tâm tới tôi chút xíu nào?”

“Đúng, đúng” y nói, hơi cau mày. “Tess ạ, tôi không tới để trách cô vì những hành động của cô. Tôi tới để nói rằng tôi không thích cô làm việc như thế này, và tôi tới là vì cô. Cô nói cô có một người chồng và kẻ đó không phải là tôi. Được, có lẽ đúng là thế; nhưng tôi chưa bao giờ gặp anh ta, và cô không cho tôi biết tên của anh ta; dường như anh ta hoàn toàn là một nhân vật trong thần thoại. Tuy nhiên, ngay cả khi cô có một ông chồng, tôi nghĩ tôi ở gần cô hơn anh ta. Ở bất cứ giá nào, tôi cố giúp cô thoát khỏi khó khăn, còn anh ta thì không, xin chúc phước cho gương mặt vô hình của anh ta! Những lời của nhà tiên tri nghiêm khắc Hosea mà tôi từng đọc quay lại với tôi. Cô có biết chúng không Tess? - ‘Và nàng sẽ đuổi theo người tình của mình, nhưng sẽ không bắt kịp anh ta; và nàng sẽ tìm kiếm anh ta, nhưng sẽ không tìm thấy; khi đó nàng sẽ nói, ‘Tôi sẽ quay về với người chồng đầu tiên của tôi; vì giờ đây điều đó là tốt hơn cho tôi!’⁽¹⁾... Tess ạ, cỗ xe ngựa của tôi đang chờ ở ngay bên dưới ngọn đồi... Cô biết phần còn lại, cô, tình yêu của tôi, không phải của anh ta.”

1. Hosea 2:7. Hosea là một trong mươi hai nhà tiên tri được đề cập trong Kinh Thánh.

Mặt nàng ngày càng đỏ bừng trong lúc y nói; nhưng nàng không trả lời.

“Cô là nguyên do cho sự sa ngã của tôi,” y nói tiếp, vươn tay tới eo của nàng, “cô nên sẵn lòng chia sẻ nó, và rời khỏi con lừa mà cô gọi là chồng mãi mãi.”

Một trong hai chiếc găng tay da của nàng, mà nàng đã tháo ra để ăn bánh kếp, đang nằm trên đùi nàng. Không hề có dấu hiệu cảnh báo nào, nàng ném thẳng nó vào mặt của y. Nó nặng và dày như găng tay của một chiến binh, và nó đập mạnh vào miệng y. Trí tưởng tượng có thể xem hành động này là sự tái diễn của một thủ thuật mà những tên nhân có vũ khí của nàng thường xuyên thực hành. Alec dù tự đứng lên từ tư thế nằm nghiêng. Một dòng máu đỏ tươi chấm chậm rì ra ở nơi cái găng tay đập vào, và trong chớp mắt máu bắt đầu nhò giọt từ miệng y xuống lớp rơm. Nhưng y sớm lấy lại sự tự chủ, bình tĩnh rút cái khăn mặt ra khỏi túi và chùi đôi môi rỉ máu.

Nàng đã vùng dậy, nhưng rồi ngồi xuống lại. “Hãy trừng phạt tôi đi!” nàng nói, ngược mắt lên nhìn y với vẻ thách thức tuyệt vọng của con chim sẻ trước khi kẻ bắt được vặn cổ nó. “Hãy quất tôi bằng roi, nghiến nát tôi; ông không cần để ý tới những người bên dưới! Tôi sẽ không kêu gào. Trước kia là nạn nhân, luôn luôn là nạn nhân - đó là luật!”

“Ô không, không, Tess” y ôn tồn nói. “Tôi hiểu những cảm giác của cô. Thế nhưng cô đã bắt công quên mất một điều, rằng lẽ ra tôi đã cưới cô nếu cô không tước đoạt khỏi tôi cơ hội để thực hiện điều này. Không phải tôi đã thẳng thắn để nghị lấy cô sao, ha? Hãy trả lời tôi.”

“Ông đã làm như thế.”

“Và cô không thể. Nhưng hãy nhớ một điều!” Giọng y đanh lại đầy tức giận khi nhớ lại mình đã chân thành đề nghị ra sao và giờ nàng tờ ra biết ơn y như thế nào. Y bước tới bên cạnh nàng và tóm lấy vai nàng. Nàng vùng vẩy để thoát khỏi y. “Hãy nhớ đây, quý cô của tôi, tôi từng là chủ của cô! Tôi sẽ lại là chủ của cô. Nếu cô là vợ của bất kỳ người đàn ông nào, người đó phải là tôi!”

Lúc này những người thợ bắt đầu lao xao ở bên dưới.

“Chúng ta hãy thôi tranh cãi” y nói và buông nàng ra. “Giờ tôi sẽ ra về, và chiều nay sẽ tới lần nữa để nghe câu trả lời của cô. Cô chưa biết tôi đâu! Nhưng tôi biết cô.”

Nàng im lặng, như thể vẫn còn choáng váng. D’Urberville lui lại và trèo xuống thang, trong lúc những người thợ đứng lên, duỗi tay chân để lấy lại tinh táo sau chầu bia vừa uống. Sau đó, cái máy đập lúa lại bắt đầu hoạt động; và giữa tiếng sột soạt của rơm, Tess quay lại vị trí cạnh cái trực quay như một người trong mơ, tháo hết bó lúa này tới bó khác trong chuỗi thao tác vô tận.

Chương 48

Chiều hôm đó, ông chủ trại tuyênbố phải làm cho xong đống lúa ngay đêm đó, vì trời có trăng và họ có thể làm việc dưới ánh trăng, còn người kỹ sư với cỗ máy của ông ta sẽ tới một nông trại khác vào sáng mai. Thế là tiếng ầm ầm, sột soạt, rào rào cứ tiếp diễn liên tục.

Mãi tới giờ “ăn đậm”, vào khoảng ba giờ, Tess mới ngước mắt lên và đưa mắt nhìn quanh. Nàng không mấy ngạc nhiên khi nhìn thấy Alec d’Urberville đã quay lại, và đang đứng bên dưới bờ rào cạnh cổng. Y đã nhìn thấy nàng ngẩng mặt lên, và lichen sự vẫy tay chào nàng, rồi gửi cho nàng một nụ hôn gió. Nó có nghĩa rằng cuộc tranh cãi của họ đã chấm dứt. Tess lại cúi đầu xuống, và cẩn thận không nhìn về hướng đó nữa.

Buổi chiều cứ thế trôi qua. Đống lúa thấp dần, đống rơm cao dần, và những bao thóc được chở đi. Lúc sáu giờ, đống lúa chỉ còn cao tới vai người. Nhưng dường như những bó lúa chưa đập vẫn còn vô số, bất kể số lượng đã bị cỗ máy tham lam vô độ nuốt đi. Và đống rơm bé xíu hối sáng giờ đã cao nghều nghệu, trông như chất thải của cái cỗ máy ầm ầm màu đỏ. Một vầng sáng tỏa ra từ bầu trời hướng tây sau một ngày nhiều mây, đó là những gì buổi hoàng hôn tháng Ba này có thể hỗ trợ. Ánh nắng đổ xuống gương mặt mệt mỏi, nhớp

mồ hôi của những người thợ, nhuộm nâu họ và những chiếc váy vỗ phản phản của họ với một thứ ánh sáng màu đồng; chúng dán chặt vào họ như những lưỡi lửa mờ mờ.

Mọi người quanh đống lúa đều thở hổn hển. Người đàn ông tiếp lúa cho cỗ máy đã mệt, Tess có thể thấy răng gáy của ông ta lấm tấm bụi và vỏ thóc. Nàng vẫn đứng ở vị trí của mình, bụi thóc bám đầy gương mặt đỏ bừng, đầm mồ hôi, và cái mũ trắng của nàng bị bụi thóc nhuộm nâu. Nàng là cô gái duy nhất đứng trên cỗ máy nên liên tục bị rung lắc bởi chuyển động quay của nó, đống lúa thấp dần lúc này ngăn cách nàng khỏi Marian và Izz, không cho phép họ thể chở của nàng như trước đó. Sự chấn động liên miên mà từng cơ bắp của nàng đều tham gia đưa nàng vào một trạng thái mơ màng, và đôi tay nàng cử động một cách vô ý thức. Nàng gần như không biết mình đang ở đâu, và không nghe thấy Izz Huett đang nói với nàng từ bên dưới rằng mái tóc của nàng đã bị xổ tung.

Dần dần, kẻ tươi tắn nhất trong số họ cũng bắt đầu nhợt nhạt, với đôi mắt lờ đờ. Mỗi khi ngẩng lên, Tess luôn nhìn thấy đống rơm đang lớn dần, với những người đàn ông mặc sơ mi đứng bên trên, nổi lên nền trời xám phía bắc; ở phía trước nó là cái thang dài màu đỏ giống như cái thang của Jacob⁽¹⁾, trên đó một dòng liên tục của rơm chạy ngược lên, một dòng sông vàng chảy ngược lên đồi, và bắn ra tung tóe trên đinh đun rơm.

Nàng biết rằng Alec d'Urberville vẫn còn ở đây, đang quan sát nàng từ một vị trí nào đó, dù nàng không biết ở đâu. Có một lý do cho sự nán ná của y, vì khi đống lúa cạn dần, việc săn chuột bắt đầu, thường thường những người đàn ông

1. Theo Kinh Thánh, Jacob nằm mơ thấy một cái thang dẫn từ mặt đất lên trời (Genesis 28: 10-19).

không dính dáng gì tới công việc đập lúa đều thích tham gia thú tiêu khiển đó - những quý ông với chó săn và còi, những thường dân với gậy gộc và đá.

Nhưng phải mất thêm một giờ nữa lũ chuột ở dưới đáy đụn lúa mới xuất hiện; và khi ánh hoàng hôn ở phía đối Lớn cạnh Abbot's-Cernel nhòa nhạt dần, vầng trăng tròn đực của ngày mùa nhô lên từ chân trời trải dài về phía Tu viện Middleton và Shottsford. Trong một hoặc hai giờ cuối cùng, Marian cảm thấy lo lắng cho Tess, vì không thể tới đủ gần để nói chuyện với nàng. Những người phụ nữ khác duy trì thể lực bằng cách uống bia rượu, nhưng Tess thì không; nàng sợ bia rượu do những ấn tượng đối với sự say xỉn của cha nàng hồi thời thơ ấu. Nhưng nàng vẫn tiếp tục làm, vì nếu không hoàn thành phần việc của mình nàng sẽ bị sa thải khỏi nông trại; và sự kiện mà nàng sẽ thản nhiên, thậm chí nhẹ nhõm đón nhận hồi một hai tháng trước đã trở thành một nỗi kinh hoàng vì d'Urberville đã bắt đầu lượn lờ quanh nàng.

Đụn lúa giờ đã xuống thấp đến mức những người thợ đỡ lúa và tiếp lúa vào máy có thể trò chuyện với những người đứng trên mặt đất. Tess ngạc nhiên khi chủ trại Groby tới gần và bảo rằng nếu nàng muốn gặp bạn nàng thì không cần phải làm việc nữa, ông ta sẽ cử một người khác thay thế. Nàng biết "người bạn" đó là d'Urberville, và cũng biết sự nhượng bộ này là do yêu cầu của người bạn, hoặc kẻ thù đó. Nàng lắc đầu và tiếp tục làm.

Rốt cuộc thời điểm săn chuột cũng tới, và cuộc săn bắt đầu. Lũ chuột đã dần dần rút lui xuống phía dưới cho tới khi tất cả đều chen chúc ở đáy đụn lúa, và lúc này bị dồn ra khỏi nơi trú ẩn cuối cùng của chúng. Chúng bỏ chạy tứ tán. Một tiếng hét thất thanh từ Marian lúc này đã chênh choáng hơi

men báo cho các bạn của nàng biết rằng một trong số đàn chuột đã chui vào váy của nàng. Tất cả số phụ nữ còn lại vội vã tìm cách phòng vệ trước nỗi kinh hoàng này; họ túm gọn gấu váy và tìm chỗ cao hơn để đứng. Con chuột chui vào váy Marian cuối cùng cũng vọt ra, giữa tiếng chó sủa oảng oảng, tiếng hò hét của những người đàn ông, tiếng kêu rú của những phụ nữ, tiếng chửi rủa, giậm chân, và cảnh hỗn loạn như chốn địa ngục, Tess tháo dây bó lúa cuối cùng; cái trục quay chạy chậm lại, tiếng rít nhở dần, và nàng rời khỏi cỗ máy, bước xuống đất.

Chỉ đứng nhìn cảnh tượng săn chuột, lúc này Alec bước nhanh tới cạnh nàng.

“Sao, ông vẫn còn tới đây sau cú ném sỉ nhục của tôi à!” nàng hồn hển nói. Nàng mệt đến độ không còn sức để nói to.

“Tôi sẽ là gã ngốc nếu cảm thấy bị xúc phạm bởi bất cứ điều gì cô nói hay làm” y đáp, với giọng điệu quyến rũ của những ngày ở Trantridge. “ Tay chân nhở bé của cô run rẩy hết rồi! Cô yếu như một con bê mới đẻ, cô biết đó; thế nhưng cô không cần phải làm gì nữa vì tôi đã tới. Sao cô có thể ngoan cố như thế nhỉ? Tuy nhiên, tôi đã nói với người chủ trại rằng ông ta không có quyền thuê phụ nữ làm công việc đập lúa bằng máy hơi nước. Đó không phải là công việc dành cho họ; và mọi nông trại đều chấm dứt thuê phụ nữ làm việc này, như ông ta biết rất rõ. Tôi sẽ đưa cô về nhà cô.”

“Được rồi” nàng đáp với một thái độ chán ngấy. “Cứ đi với tôi nếu muốn! Tôi vẫn nhớ rằng ông tới để cưới tôi trước khi ông biết tình trạng của tôi. Có lẽ ông tốt hơn tôi nghĩ chút ít. Tôi biết ơn về điều đó, bất kể nó là kiểu tốt bụng nào, nhưng tôi tức giận ông vì một điều khác. Đôi khi tôi không thể biết ông muốn gì.”

“Nếu tôi không thể hợp thức hóa mối quan hệ trước đây của chúng ta, tôi có thể hỗ trợ cô. Và tôi sẽ làm điều đó với sự quan tâm nhiều hơn tới những cảm giác của cô so với biểu hiện trước đây của tôi. Sự đam mê tôn giáo điên rồ của tôi, hoặc bất cứ thứ gì nó từng là, đã kết thúc. Nhưng tôi vẫn giữ được chút ít bản chất tốt đẹp; tôi hy vọng như vậy. Tess à, tôi sẽ làm những điều tốt nhất có thể giữa đàn ông và đàn bà, hãy tin tôi! Tôi có đủ và hơn cả đủ để giúp cô vượt qua những nỗi lo, cho bản thân cô, cha mẹ và các em cô nữa. Tôi có thể giúp cho tất cả họ sống thoải mái, chỉ cần cô chứng tỏ lòng tin vào tôi.”

“Gần đây ông có gặp họ không?” nàng hỏi nhanh.

“Có. Họ không biết cô ở đâu. Tôi chỉ tình cờ biết được cô ở đây.”

Vầng trăng lạnh lẽo nghiêng nhìn xuống gương mặt mệt mỏi của Tess giữa những nhánh cây của hàng rào khu vườn khi nàng dừng lại ở bên ngoài ngôi nhà tạm trú của mình. D’Urberville cũng dừng lại bên cạnh nàng.

“Đừng nhắc tới những đứa em nhò của tôi, đừng làm tôi đau lòng nữa!” nàng nói. “Nếu ông muốn giúp họ, có Chúa biết họ cần điều đó, hãy cứ làm, đừng nói với tôi. Nhưng không, không!” nàng kêu lên. “Tôi sẽ không nhận gì từ ông, dù là cho họ hay cho tôi!”

Y không đi theo nàng nữa, vì nàng sống với nhiều người khác trong nhà. Khi đã vào nhà, tắm rửa, chia sẻ bữa tối với mọi người, nàng chìm vào suy nghĩ, và rút lui tới cái bàn bên cạnh bức tường, rồi viết trong tâm trạng sôi nổi, dưới ánh sáng của ngọn đèn dầu nhò:

Chồng yêu quý của em,

*Em xin được gọi anh như thế - em phải - ngay cả khi nó
khiến anh tức giận nghĩ rằng em là một người vợ không xứng*

đáng. Em phải khóc với anh trong cơn khốn khó - em không còn ai khác! Em đang bị người ta cố tình quyến rũ, Angel. Em e ngại không muốn nói đó là ai, và em không muốn viết về điều đó chút nào. Nhưng em gắn bó với anh theo một cách mà anh không thể nghĩ tới! Anh không thể tới với em ngay lúc này sao, trước khi có bất cứ điều gì kinh khủng xảy ra? Ôi, em biết anh không thể, vì anh ở rất xa! Em nghĩ em phải chết nếu anh không sớm trở về, hoặc bảo em tới với anh. Em đáng phải chịu sự trừng phạt của anh - em biết điều đó - rất đáng - anh đúng và công bình khi tức giận em. Nhưng Angel à, xin đừng quá công bình, xin hãy tốt với em một chút, dù em không xứng đáng, và tới với em! Nếu anh tới, em có thể chết trong vòng tay của anh! Em sẽ vui lòng làm điều đó nếu nhờ thế mà anh tha thứ cho em!

Angel, em sống hoàn toàn là vì anh. Em yêu anh đến nỗi không thể nào trách anh vì đã đi xa, em biết anh cần tìm được một nông trại. Đừng nghĩ em sẽ nói một từ chua chát đắng cay. Chỉ cần tới với em. Không có anh em cô đơn lắm, anh yêu ạ, chao ôi, quá cô đơn! Em không phiền khi phải làm việc, nhưng nếu anh gửi cho em một dòng và nói rằng, "Anh sẽ sớm trở về" thì em sẽ vui mừng khôn xiết, Angel, ô, rất vui mừng!

Từ khi chúng ta kết hôn, tôn giáo của em là trung thành với anh trong từng ý nghĩ, cái nhìn. Khi một người đàn ông khen ngợi em, dường như đối với em điều đó không khác chi một sự sỉ nhục dành cho anh. Anh có bao giờ cảm thấy chút ít những gì anh từng cảm thấy khi chúng ta còn ở trại bò sữa hay không? Nếu có, làm sao anh tiếp tục sống xa em như vậy? Em vẫn là người phụ nữ đó, Angel, là người mà anh đã yêu thương; phải, chỉ là một mà thôi! - chứ không phải người mà anh ghét nhưng không bao giờ nhìn thấy. Khi em gặp anh, quá khứ có là gì đối với em? Nó hoàn toàn là một điều đã chết. Em

đã trở thành một người khác, đầy sự sống mới mẻ đón nhận từ anh. Làm sao em có thể là con người trước đó được nữa? Vì sao anh không nhìn thấy điều này? Anh yêu, chỉ cần anh để ý thêm chút nữa, và tin vào chính mình để thấy rằng anh có đủ sức mạnh để tạo nên thay đổi này ở em, có lẽ anh sẽ nghĩ tới việc về với em, người vợ đáng thương của anh.

Em thật ngốc nghếch trong niềm hạnh phúc khi nghĩ em có thể tin rằng anh luôn yêu em! Lẽ ra em nên biết điều đó không dành cho kẻ đáng thương như em. Nhưng em đau xé ruột gan, không chỉ vì quá khứ, mà cả vì tương lai. Cứ nghĩ xem, nghĩ xem tim em đau đớn thế nào khi không bao giờ nhìn thấy anh nữa! Ôi chao, giá như em có thể làm cho trái tim anh đau nhói chỉ trong một phút ngắn ngủi như trái tim em đau khói suốt cả ngày dài, nó sẽ khiến cho anh thương xót người vợ cô độc đáng thương của anh.

Mọi người vẫn nói rằng em khá xinh, Angel (đẹp là từ họ sử dụng, vì em muốn nói thật lòng). Có lẽ em đúng như họ nói. Nhưng em không đánh giá cao vẻ đẹp của em; em chỉ thích có nó vì nó thuộc về anh, anh yêu ạ, và vì ít nhất có một thứ ở em xứng đáng để anh có nó. Em cảm nhận sâu sắc điều này đến độ khi bị quấy rầy em lấy băng che mặt lại để mọi người nghĩ em là cô gái xấu xí. Ô, Angel, em nói với anh tất cả những điều này không phải để phô trương, chắc chắn anh sẽ biết em không như thế, mà chỉ để anh có thể tôi với em!

Nếu anh thật sự không thể tôi với em, hãy để em tôi với anh nhé? Như đã nói, em rất lo âu, buộc phải làm điều em không muốn làm. Em không thể nào nhượng bộ một phần, thế nhưng em kinh hoàng khi nghĩ tới một sự cố có thể xảy ra, và em hoàn toàn vô phương tự vệ trước nỗi sợ hãi của mình. Em không thể nói nhiều hơn về điều này - nó khiến em quá khốn khổ. Nhưng nếu em ngã gục do rơi vào một cái bẫy đáng sợ

nào đó, lời cuối cùng của em sẽ tệ hơn lời đầu tiên của em. Trời ơi, em không thể nghĩ tới nó! Hãy cho phép em tới ngay, hoặc tới với em ngay!

Em sẽ rất vui mừng sống với anh như một người tôi tớ, nếu không thể là vợ của anh; miễn sao em có thể được gần anh, nhìn thấy anh, và nghĩ rằng anh là chồng của em.

Ánh sáng ban ngày không có gì để khoe với em, vì anh không có mặt ở đây, em không thích nhìn thấy lù quạ và sáo đá trên đồng, vì em đau đớn khi nhớ rằng anh từng nhìn thấy chúng với em. Em cầu mong chỉ một điều trên cõi trời cao, ở thế gian này, hay ở dưới lòng đất, là được gặp anh, anh yêu của em! Hãy tới với em - tới với em, và cứu em thoát khỏi thử đe dọa em!...

Người vợ trung thành đau khổ của anh.

Tess

Chương 49

Lá thư của Tess được giao đúng lúc tới bàn ăn sáng của Ngôi nhà cha xứ yên tĩnh ở hướng tây, trong cái thung lũng với bầu không khí mềm mại và đất đai màu mỡ đến độ công việc canh tác không đòi hỏi nhiều cố gắng như ở làng Flintcomb-Ash khô cằn, nơi đối với Tess, thế giới loài người dường như rất khác (dù nó cũng tương tự thôi). Để phòng khi thư từ thất lạc, Angel đã dặn dò nàng hãy gửi thư thông qua cha của anh, vì anh luôn thông báo cho ông những thay đổi về địa chỉ trên đất nước mà anh đã tới để tạo dựng sự nghiệp với một trái tim nặng trĩu.

Cụ Clare nói với vợ khi ông đã đọc dòng chữ trên phong bì: “Nếu Angel sẽ rời Rio để về thăm nhà vào cuối tháng sau, như nó đã nói với chúng ta, nó hy vọng vậy, tôi nghĩ lá thư này có thể thúc đẩy nhanh kế hoạch của nó, vì tôi tin rằng lá thư này đến từ vợ nó.” Ông hít một hơi sâu khi nghĩ tới nàng, và lá thư được lập tức chuyển cho Angel.

“Tôi hy vọng con yêu của chúng ta sẽ về nhà an toàn” bà Clare lầm bầm. “Cho tới ngày cuối cuộc đời, tôi vẫn cảm thấy mình đã đối xử bất công với nó. Ông nên gửi nó tới Cambridge bất chấp mong muốn về đức tin của nó và cho nó cùng cơ hội như hai đứa kia. Hắn nó sẽ trưởng thành dưới

ánh hưởng tốt ở đó, và có lẽ rốt cuộc sẽ được thụ phong. Dù vào giáo hội hay không, phải công bằng hơn với nó.”

Đây là lời than thở duy nhất về đứa con trai mà bà Clare bày tỏ với chồng. Bà không thường xuyên để cập tới điều đó; vì bà là người mộ đạo và tế nhị, và biết rằng ông cũng đang nhức đầu khi nghĩ tới sự công bằng của mình về vấn đề này. Bà cũng thường nghe thấy ông thức giấc trong đêm, thở dài và cầu nguyện cho Angel. Nhưng ngay cả lúc này, vị tín đồ phái Phúc âm cứng rắn vẫn tin rằng ông không được phép trao cho con trai mình, một kẻ không tin tưởng, những thuận lợi về học thuật mà ông đã trao cho hai người con khác, khi rất có thể, nếu không chắc chắn, rằng chính những thuận lợi đó có thể được sử dụng để khước từ những tín điều mà ông đã xem là sứ mạng của đời mình và mong muốn truyền bá, cả sứ mạng tương tự của hai người con mục sư của ông. Ông cho rằng việc một tay đặt cái bệ dưới chân của hai kẻ tin tưởng, và tay kia đặt cái bệ tương tự cho kẻ không có đức tin, là hành động không nhất quán với những niềm tin chắc chắn, vị trí, cùng những hy vọng của mình. Dù sao, ông vẫn yêu người con trai bị đặt sai tên, và âm thầm đau khổ về quyết định liên quan tới đứa con của mình, giống như Abraham đã đau khổ vì Isaac bất hạnh khi họ cùng đi lên núi.⁽¹⁾ Nỗi đau khổ câm nín của ông còn cay đắng hơn những lời trách móc nghe thấy được của vợ ông.

Họ tự trách mình vì cuộc hôn nhân không may này. Nếu số phận của Angel không phải là một chủ nông trại, có lẽ anh chẳng bao giờ dính dáng tới những cô gái nông dân. Họ

1. Theo Kinh Thánh (Genesis 22), Chúa Trời bảo Abraham phải đưa Isaac, con trai của ông, lên núi Moriah để hiến tế. Tuy nhiên, sau khi Isaac bị cột vào bàn thờ, Chúa Trời cử một sứ giả tới ngăn lại, và truyền lời của Ngài rằng “Giờ là đã biết người sợ Chúa”. Lúc đó một con cừu xuất hiện và Abraham giết con cừu để hiến tế thay cho Isaac.

không biết rõ việc gì đã phân cách hai vợ chồng, hoặc ngày sự kiện đó xảy ra. Thoạt tiên họ cho rằng hẳn nguyên do là một ác cảm trầm trọng. Nhưng trong những lá thư gần đây, thỉnh thoảng Angel nhắc tới dự định về nhà để đón nàng đi; từ những biểu hiện này, họ hy vọng nguồn gốc của sự phân ly không đến độ tuyệt vọng như thế. Anh đã nói với họ rằng nàng đang sống với người nhà, và dù hoài nghi, họ quyết định không can thiệp vào một tình huống mà họ không biết cách nào để xử lý tốt hơn.

Vào lúc này, kẻ mà Tess gửi thư đang ngồi trên lưng một con lừa, đăm đăm nhìn ra vùng đất bao la trước mặt. Anh đang đi từ nội địa Nam Mỹ tới bờ biển. Những trải nghiệm của anh với vùng đất xa lạ này rất đáng buồn. Căn bệnh nặng mà anh mắc phải không lâu sau khi tới nơi không bao giờ khỏi hẳn, và dần dà anh gần như quyết định từ bỏ hy vọng lập nghiệp tại đây, nhưng anh vẫn còn giấu cha mẹ mình sự thay đổi cách nghĩ này.

Rất nhiều lao động nông nghiệp từng theo bước chân anh tới đất nước này do lóa mắt trước những biểu hiện của sự độc lập dễ dàng đã mắc bệnh và chết, hoặc ngày càng suy nhược. Anh thường nhìn thấy những bà mẹ đến từ các nông trại nước Anh lê bước với những đứa bé sơ sinh trên tay, khi đứa bé lên cơn sốt nặng và chết, người mẹ dừng lại để đào một cái hố bên đường bằng đôi tay không, lấp cái hố lại cũng với đôi tay trần truồng, rơi nước mắt, rồi lại tiếp tục lê bước.

Dự định ban đầu của anh không phải là di cư tới Brazil mà tới một nông trại miền bắc hoặc miền đông Anh quốc. Anh đã tới nơi này trong cơn tuyệt vọng, phong trào di cư sang Brazil của nông dân Anh tình cờ trùng hợp với mong muốn thoát khỏi quá khứ của anh.

Trong thời gian vắng mặt này, anh đã già đi hơn chục tuổi về mặt tinh thần. Giờ điều anh chú ý ở giá trị cuộc sống không phải là vẻ đẹp mà là tính chất bi thương của nó. Sau một thời gian dài mất lòng tin vào những hệ thống thần bí xưa cũ, giờ anh mất lòng tin vào những đánh giá đạo đức cũ. Anh nghĩ chúng cần được điều chỉnh lại. Ai là người đàn ông có đạo đức? Hơn thế, ai là người phụ nữ đức hạnh? Sự tốt đẹp hay xấu xa của một tính cách không chỉ nằm trong những thành tựu của nó mà cả trong những mục đích và động cơ của nó; tiểu sử thật sự của nó không nằm trong những điều đã thực hiện mà trong những điều mong ước.

Vậy thì Tess là người như thế nào?

Khi nhìn nàng trong những ánh sáng này, một sự hối tiếc vì phán xét vội và của mình bắt đầu đè nặng lên anh. Anh có từ bỏ nàng vĩnh viễn hay không? Anh không còn có thể nói rằng anh sẽ mãi mãi từ bỏ nàng, và giờ đã sẵn sàng chấp nhận nàng.

Tình cảm lớn dần đối với ký ức về nàng trùng với thời điểm nàng đang sống ở Flintcomb-Ash, nhưng đó là trước khi nàng cảm thấy có thể viết thư để báo cho anh biết tình cảnh hay những cảm giác của nàng. Anh vô cùng bối rối. Và dù bối rối không hiểu vì sao nàng không liên lạc thư từ, anh không hỏi. Do vậy sự ngoan ngoãn im lặng của nàng đã bị hiểu sai đi. Sự im lặng này thật sự nói lên rất nhiều điều, nếu như anh hiểu được! - rằng nàng đã hoàn toàn tuân theo những mệnh lệnh mà anh đã đưa ra và quên mất; rằng bất chấp sự sợ hãi tự nhiên của mình, nàng không thực thi quyền lợi nào của mình cả, chấp nhận sự phán xét của anh là đúng, và câm lặng cúi đầu.

Trong chuyến đi băng lùa qua miền nội địa nói trên, có một người cùng đi với anh. Bạn đường của Angel cũng là

người Anh, và có cùng đích đến như anh, dù anh ta đến từ một vùng khác của hòn đảo. Cả hai đều trong tình trạng tinh thần suy sụp và họ nói về những vấn đề ở quê nhà. Sự tin cậy làm này sinh lòng tin cậy. Với xu hướng lẩn lùng ở những người đàn ông, nhất là khi ở những vùng đất lẩn, trong việc kể lể tâm tình với người xa lạ những điều mà họ sẽ không nhắc đến với bạn bè, Angel thú nhận với người này những thực tế đáng buồn trong cuộc hôn nhân của mình khi họ đang rong ruổi.

Người này đã đi qua nhiều vùng đất và tiếp xúc với nhiều người hơn Angel; với đầu óc phóng khoáng của anh ta, những sai lệch khỏi các tiêu chí xã hội như thế, dù rất nghiêm trọng đối với đời sống riêng tư, chỉ giống như những thung lũng và rặng núi đối với toàn thể địa cầu. Anh ta nhìn sự việc bằng một con mắt hoàn toàn khác với Angel; nghĩ rằng việc Tess đã từng là ai không quan trọng bằng việc nàng sẽ là ai, và nói thẳng với Clare rằng anh đã sai khi rời bỏ nàng để đi xa.

Hôm sau, họ bị ướt sũng trong một trận mưa dông. Người bạn đường của Angel lên cơn sốt nặng và chết vào cuối tuần đó. Clare chờ vài giờ để chôn cất anh ta, rồi tiếp tục lên đường.

Nhận định qua loa của người lạ lịch duyệt đó, kẻ mà anh hoàn toàn không biết gì ngoài một cái tên chung chung, trở nên sâu sắc do cái chết của anh ta, và tác động tới Clare mạnh mẽ hơn những luân lý của các triết gia. Khi so sánh với anh ta, Clare cảm thấy xấu hổ vì sự hẹp hòi của mình, và bắt đầu nhìn thấy rõ sự mâu thuẫn của mình. Anh từng tán dương ngoại giáo của Hy Lạp, ưa thích nó hơn Thiên Chúa giáo; thế nhưng trong nết văn minh đó một phụ nữ bị làm nhục bất hợp pháp không bị coi khinh. Chắc chắn ác cảm của anh khi đó đối với tình trạng không còn trinh tiết, một cảm giác anh

đã kế thừa từ một tín điều thần bí, hầu như là một cảm giác bất công đối với một cô gái bị lừa dối. Anh cảm thấy hối hận. Anh lại nhớ tới những lời của Izz Huett, vốn luôn gờn gợn trong ký ức của anh. Anh đã hỏi Izz có yêu anh không, và nàng đã trả lời khẳng định. Nhưng khi anh hỏi nàng có yêu anh hơn Tess yêu không? Nàng đã đáp là không; Tess có thể từ bỏ cuộc sống của mình vì anh, và bản thân nàng không thể làm điều đó.

Anh nghĩ tới hình ảnh của Tess vào hôm lễ cưới. Đôi mắt nàng đã lưu luyến nhìn anh ra sao; nàng đã nuốt từng lời của anh như thể đó là lời của một vị thần thế nào. Và trong buổi chiều kinh khủng bên cạnh lò sưởi, khi nàng để lộ với anh tâm hồn đơn giản của mình, gương mặt nàng trông thật đáng thương trong ánh lửa bập bùng, khi nàng nhận ra nàng có thể đánh mất tình yêu và sự bảo vệ của anh.

Từ một kè chi trích nàng, anh đã trở thành một kẻ ủng hộ nàng như thế đó. Trước đây, anh đã tự nói với mình về nàng bằng những lời cay độc; nhưng không người đàn ông nào có thể cay độc cả đời, và anh từ bỏ chúng. Chúng đã này sinh do ảnh hưởng của những nguyên tắc chung và đã làm ngơ những đặc điểm của trường hợp cụ thể này.

Nhưng tất cả những suy nghĩ này không có gì mới mẻ. Những tình nhân và ông chồng đã từng trải qua điều này từ trước. Anh đã quá khắc nghiệt với nàng, không còn ngờ gì về điều đó. Đàn ông rất thường đối xử khắc nghiệt với người phụ nữ họ yêu hay đã từng yêu; và phụ nữ đối với đàn ông cũng thế. Thế nhưng sự khắc nghiệt này tự xoa dịu nó khi so sánh với sự khắc nghiệt chung mà từ đó chúng này sinh; sự khắc nghiệt của hoàn cảnh đối với một cá nhân, phương tiện đối với mục đích, ngày hôm nay đối với ngày hôm qua, và của ngày hôm qua đối với hôm nay.

Mỗi quan tâm tới lịch sử của gia đình nàng - dòng dõi của họ d'Urberville quý tộc - những kẻ anh từng coi thường vì sự lãng phí sức mạnh của họ, giờ lại khiến anh xúc động. Vì sao anh không phân biệt được sự khác nhau giữa các giá trị chính trị và giá trị của trí tưởng tượng? Ở khía cạnh nói sau, dòng dõi của nàng có một ý nghĩa lớn lao; dù vô giá trị đối với nền kinh tế đất nước hiện thời, nhưng nó là một thành phần hữu ích đối với kẻ mộng mơ và nhà luân lý, kẻ quan tâm tới sự suy vong và sụp đổ. Nó là một thực tế mà chẳng bao lâu nữa sẽ bị lãng quên - khác biệt nhỏ này trong dòng máu và cái họ của Tess, rồi sự lãng quên sẽ rơi xuống mỗi quan hệ huyết thống giữa nàng với những đài kỷ niệm bằng đá cẩm thạch và những bộ xương trong những cỗ quan tài bằng chì ở Kingsbere. Thời gian cũng tàn nhẫn hủy diệt những chuyện tình lãng mạn của chính nó như vậy. Khi hình dung lại gương mặt của nàng hết lần này sang lần khác, giờ anh nghĩ rằng anh có thể nhìn thấy trên đó sự lóe sáng của phẩm cách hàn đà từng in dấu trên gương mặt các phu nhân tổ tiên của nàng; hình ảnh này đánh thức trong anh một cảm giác đã có trước đó, và cũng để lại trong tim anh một nỗi đau.

Dù quá khứ của Tess có tì vết, ở nàng vẫn có phẩm chất vượt trội so với các bạn của nàng. Không phải những quả nho còn sót lại của Ephraim vẫn ngọt hơn những quả nho của Abiezer hay sao?⁽¹⁾

Tình yêu đã hồi sinh như thế, để chuẩn bị cho sự cảm thông đối với lá thư thiết tha của Tess mà anh vừa nhận được từ cha của mình. Do đường sá xa xôi, phải mất một thời gian khá lâu nó mới tới được tay anh.

Trong lúc đó, niềm hy vọng của Tess rằng Angel sẽ trở về để đáp lại lời van cầu của nàng ngày càng cạn dần và lịm tắt.

1. Trích Judges 8:1-3.

Lý do là vì những sự kiện của đời nàng vốn dẫn tới cuộc chia tay vẫn không thay đổi, không bao giờ có thể thay đổi; và nếu sự hiện diện của nàng không làm cho chúng phai nhạt, sự vắng mặt của nàng càng không thể. Dù sao đi nữa, nàng hướng suy nghĩ của mình tới vấn đề dễ chịu hơn là nàng có thể làm gì tốt nhất để anh được hài lòng nếu anh trở về. Nàng thở dài và ước giá như nàng đã chú ý hơn tới những giai điệu anh từng chơi với cây đàn hạc, giá như nàng đã tò mò hỏi anh những bài ballad mà anh yêu thích nhất là bài nào trong số những bài các cô thôn nữ thường hát. Nàng đã tìm hiểu một cách gián tiếp thông qua Amby Seedling, người đã đi theo Izz từ Talbothays, và may sao Amby nhớ rằng, trong số những khúc nhạc để dụ lũ bò cái mà họ đã nghe ở trại bò sữa, dường như Clare thích bài “Những khu vườn của Cupid”, “Tôi có những trang viên, tôi có đàn chó săn”, “Rạng đông”; và dường như không mấy quan tâm tới bài “Những cái quần của gã thợ may”, “Tôi đã trở thành một người đẹp”, dù chúng là những bài rất du dương.

Giờ ao ước phi thực tế của nàng là hát càng hay càng tốt những bài ballad. Nàng kín đáo tập luyện chúng vào những lúc rảnh rỗi, nhất là bài “Rạng đông”:

Dậy đi thôi, dậy đi nào!

Và nhanh tay hái thật nhiều hoa tươi

Những hoa đẹp nhất trán đời

Mọc trong vườn nhỏ, tặng người ta thương

Tiếng chim ríu rít trên cành

Vang trong sương sớm rạng đông tuyệt vời

Tháng Năm ngày sẽ rất dài!

Hắn một tảng đá cũng tan chảy trái tim, nếu nó có tim, khi nghe nàng hát những khúc ca ngắn ngắn này bất cứ khi nào nàng làm việc tách rời với những cô gái khác trong những ngày khô lạnh giá; nước mắt lăn tròn trên má nàng với ý nghĩa rằng rốt cuộc Clare sẽ không tới để nghe nàng hát, và những ca từ đơn giản vang lên như chế nhạo quả tim đau đớn của nàng.

Tess chìm đắm trong giấc mơ này đến độ dường như nàng không biết mùa đang chuyển biến, ngày đang dài ra, và ngày Lễ truyền tin cù sắp tới gần, ngay sau đó là ngày Lễ truyền tin, thời điểm kết thúc giao kèo làm việc của nàng tại đây.

Nhưng trước ngày Lễ truyền tin, có một sự kiện khiến Tess phải nghĩ tới những vấn đề hoàn toàn khác hẳn. Một chiều nọ, khi nàng đang ở nhà như thường lệ, ngồi ở căn phòng tầng trệt với số còn lại của gia đình, có ai đó gõ cửa và hỏi tên Tess. Qua cánh cửa nàng nhìn thấy nổi lên ánh sáng nhập nhòa hình dáng của một phụ nữ và bộ ngực của một đứa trẻ, một cô gái trẻ cao, mảnh dẻ. Nàng không nhận ra đó là ai cho tới khi cô gái đó thốt lên, “Chị Tess!”

“Sao, có phải Liza-Lu không?” Tess hỏi, ngạc nhiên. Em gái nàng, mà hơn một năm trước khi nàng rời khỏi nhà còn là một bé gái, đã lớn như thổi với vóc dáng hiện thời, và dường như Lu chưa hiểu ý nghĩa của điều này. Đôi chân gầy guộc của cô bé, hiện lên bên dưới cái váy ngày xưa là váy dài, giờ ngắn cùn do nó đã cao lên, đôi cánh tay cùng bàn tay lúng túng của nó để lộ tuổi trẻ và sự thiếu kinh nghiệm.

“Vâng, em đây. Em đã đi suốt ngày nay, chị Tess ạ” Lu nói, với vẻ nghiêm trang bình thản. “Em đã cố tìm chị, và em rất mệt.”

“Ở nhà có chuyện gì sao?”

“Má rất yếu, bác sĩ bảo má sắp chết, cả tía cũng không khỏe lắm, và ống nói rằng một người đàn ông dòng dõi cao quý như ống mà làm thứ công việc tầm thường như tôi là không đúng. Bọn em không biết phải làm gì nữa.”

Tess đứng bần thần một lúc lâu, trước khi nghĩ tới việc bảo Lu vào nhà và ngồi nghỉ. Sau đó nàng mang cho cô bé một tách trà và đi đến một quyết định. Nàng phải về nhà gấp. Tới ngày Lễ truyền tin, ngày sáu tháng Tư, giao kèo của nàng mới hết hạn, nhưng vì thời gian còn lại không dài, nàng quyết định đánh liều lên đường ngay.

Nếu đi ngay đêm đó, họ có thêm mười hai tiếng, nhưng em gái nàng đã quá mệt, không thể đi nổi chặng đường đó ngay được. Tess chạy tới nơi ở của Marian và Izz, thông báo với họ sự tình, và năn nỉ họ giúp với người chủ nông trại về tình cảnh của nàng. Khi trở về, nàng dọn thức ăn cho Lu. Sau khi đã đẩy cô bé lên giường của mình, dặn nó sẽ một mình trở về nhà sau vào sáng mai, nàng gói ghém hành lý vào một cái giỏ liều gai, và xuất phát.

Chương 50

Khi đồng hồ đổ mười giờ, Tess băng mình vào bóng đêm tối đen, lạnh lẽo, cho chuyến đi dài mười lăm dặm dưới những vì sao lấp lánh. Tess biết rằng trong những miền đất quạnh hiu, bóng đêm là một sự che chở hơn là một mối nguy hiểm đối với một khách bộ hành lặng lẽ, và nàng đi theo những con đường gần nhất mà nàng hầu như e sợ vào lúc ban ngày; trong những vùng này không có kẻ cướp, và ý nghĩ về mẹ đẩy lùi nỗi sợ ma của nàng. Nàng cứ đi như thế hết dặm này sang dặm khác, hết lên dốc lại xuống đồi cho đến khi nàng tới Bulbarrow, và vào khoảng nửa đêm, nàng nhìn từ độ cao đó xuống cái vực sâu tối mờ hỗn loạn của thung lũng mà đầu kia là nơi nàng chào đời. Sau khi đã đi khoảng năm dặm trên vùng đất cao, giờ nàng còn chừng mươi dặm nữa trên vùng đất thấp để kết thúc hành trình. Con đường xuống dốc ngoằn ngoèo mờ mờ hiện ra dưới ánh sao nhợt nhạt trong lúc nàng tiến bước, và không lâu sau đó nàng bắt đầu bước trên một mặt đất hoàn toàn tương phản với mặt đất bên trên nó, đến độ nàng có thể cảm nhận được sự khác nhau ở mùi của nó. Nó là loại đất sét nặng nề của thung lũng Blackmoor, và một phần của thung lũng là nơi những con đường lớn chưa bao giờ thâm nhập tới. Các truyền thuyết mê tín dị đoan vẫn còn nán ná lưu lại trên những vùng đất nặng

nơi này. Trước kia nơi đây là một khu rừng, vào thời điểm nhả nhem này có vẻ như nó đang sống lại từ cõi lăng quên, khoảng xa và khoảng gần trộn lẫn vào nhau, mỗi cây cối và hàng rào trông to cao hơn thực tế. Người ta từng săn hươu ở đây, những phù thủy từng bị hành hạ và trấn nước ở đây, những nàng tiên xanh óng cười nhạo bạn khi bạn bước qua đây; nơi này vẫn còn đầy niềm tin vào những điều như thế, và lúc này chúng tạo nên cả một bầy ma quỷ.

Ở Nuttlebury, nàng đi ngang qua cái lữ quán của làng. Tấm bảng hiệu kêu cọt kẹt để chào mừng những bước chân nàng, vốn chả có ma nào nghe thấy trừ nàng. Bên dưới những mái tranh, con mắt tâm hồn của nàng nhìn thấy những sợi giàn giàn ra, cơ bắp mềm nhũn, duỗi dài trong bóng tối bên dưới tấm chăn được may từ những mảnh vải đó, được giấc ngủ bù đắp lại sức lực cho công việc lao động nhọc nhằn của ngày hôm sau, ngay khi dấu hiệu của ánh rạng đông xuất hiện trên đồi Hamledon.

Lúc ba giờ, nàng quẹo qua góc cuối cái mê lộ của những con đường đã đi qua, và bước vào thôn Marlott, băng qua cánh đồng trong đó với tư cách một thành viên hội phụ nữ nàng đã gặp Angel Clare lần đầu, khi anh không khiêu vũ với nàng; cảm giác thất vọng đó vẫn còn ở lại với nàng. Ở hướng nhà mình, nàng nhìn thấy có ánh đèn. Nó phát ra từ cửa sổ phòng ngủ, phía trước nó là một nhánh cây phất phơ trong gió như thể đang nháy mắt với nàng. Ngay khi nhìn rõ đường nét chung của ngôi nhà - đã được lợp mái tranh mới từ tiền trợ giúp của nàng - toàn bộ những hình ảnh xưa cũ tràn ngập trí tưởng tượng của nàng. Đường như nó là một phần của cơ thể và đời sống của nàng; những cửa sổ dốc trên mái nhà, những đầu hồi, viên gạch vỡ trên chóp ống khói, tất cả đều có cái gì đó chung với tính cách của nàng. Nàng có

cảm giác như thể một trạng thái sững sờ đã len vào những đặc điểm này; nó có nghĩa là căn bệnh của mẹ nàng.

Nàng nhẹ nhàng mở cửa để không làm phiền những người trong nhà; căn phòng bên dưới không có ai, nhưng một người hàng xóm qua chăm sóc giúp mẹ nàng, đang đứng ở đầu cầu thang, thì thảm với nàng răng bà Durbeyfield không khỏe hơn, dù khi ấy đang say ngủ. Tess tự dọn cho mình bữa điểm tâm, rồi lên phòng của mẹ để chăm sóc cho bà.

Sáng hôm sau, nàng nhận thấy đám em đã cao lạ cao lùng; dù nàng chỉ xa nhà hơn một năm, sự tăng trưởng của chúng thật đáng kinh ngạc; và nàng nghĩ phải quên đi những bận tâm của bản thân để hết lòng chăm lo cho các nhu cầu của chúng.

Bệnh trạng của cha nàng vẫn là loại không thể xác định được như trước, và ông ngồi trong chiếc ghế của mình như thường lệ. Nhưng sau khi nàng về một hôm, ông trở nên tươi tắn khác thường. Ông tuyên bố mình có một dự án kiếm tiền rất có lý, và Tess hỏi đó là gì. “Ta đang nghĩ tới việc gửi thư tới mọi nhà buôn đồ cổ trong vùng,” ông nói, “để nghị họ quyên góp một khoản trợ cấp cho ta. Ta chắc chắn họ sẽ xem đây là một điều lăng mạn, chứng tỏ tình yêu lịch sử và đúng đắn để làm. Họ đã chi rất nhiều tiền để duy trì những di tích đổ nát, tìm kiếm những bộ xương cổ cùng các thứ đại loại; và chắc hẳn họ phải quan tâm tới những di tích sống hơn nhiều, chỉ cần họ biết về ta. Ai đó sẽ đi khắp nơi và nói cho họ biết ai đang sống giữa họ, một kẻ mà họ không hề ngờ tới! Nếu cha xứ Tringham, kẻ đã phát hiện ra ta, còn sống, ông ta sẽ làm điều đó, ta chắc chắn.”

Tess không phản đối kế hoạch lớn lao này. Nàng nghĩ trước mắt phải giải quyết những vấn đề cấp bách, vốn có vẻ chẳng mấy cải thiện bất chấp số tiền của nàng. Khi đã xử lý

ỗn thỏa phần nào những nhu cầu trong nhà, nàng hướng sự chú ý tới các việc bên ngoài. Hiện giờ là mùa trổng trọt gieo cấy; nhiều khu vườn và mảnh đất của thôn dân đã được gieo trổng cho vụ xuân; nhưng khu vườn và mảnh đất của nhà Durbeyfield vẫn chưa được động tới. Nàng thất vọng khi phát hiện ra lý do của điều này là họ đã ăn hết sạch khoai tây giống, một số suất không còn lời để nói. Nàng cố xoay xở tìm được một ít giống, và vài hôm sau cha nàng dù khỏe để chăm sóc vườn tược, sau những nỗ lực thuyết phục của nàng. Trong lúc đó, nàng tiến hành gieo trổng trên mảnh đất mà họ đã thuê trong một cánh đồng cách thôn chừng hai trăm thước.

Nàng thích công việc này sau những ngày bị giam cầm trong căn phòng bệnh nhân. Hiện tại mẹ nàng đã khỏe hơn nên không cần có người chăm sóc. Những công việc chân tay giải phóng cho đầu óc. Mảnh đất của nhà nàng là một khu đất có rào, cao, khô cằn, nằm kế bên bốn mươi hoặc năm mươi mảnh tương tự, và giờ lao động sôi nổi nhất ở đó là khi giờ làm thuê trong ngày kết thúc. Thông thường, việc cuốc đất bắt đầu vào lúc sáu giờ và kéo dài cho tới chạng vạng hoặc lúc trăng lên. Hiện thời, người ta đang đốt những đống cỏ khô trên nhiều mảnh đất, và thời tiết khô ráo ủng hộ cho công việc đốt đồng của họ.

Một ngày đẹp trời, Tess và Liza-Lu làm việc ở đó với nhiều bẹn láng giềng cho tới khi những tia nắng cuối cùng hạ xuống ngang bằng với những cái cọc trăng phân chia các mảnh đất. Khi ánh chiều chạng vạng thế chồ cho ánh hoàng hôn, những đống lửa đốt cỏ bằng và cuống cài bắp bắt đầu thắp sáng các mảnh đất, đường nét của chúng khi tờ mờ dưới làn khói mù mịt chập chờn theo cơn gió. Khi một đống lửa bùng lên, cụm khói được soi sáng lờ mờ cuốn dọc theo

mặt đất, che khuất những nhóm người đang làm việc khỏi các nhóm khác; và lúc này người ta có thể hiểu rõ ý nghĩa của cụm từ “một cột mây”⁽¹⁾.

Khi màn đêm buông xuống, một số đàn ông và phụ nữ làm vườn trở về để nghỉ ngơi, nhưng phần đông vẫn ở lại làm việc. Tess cũng ở lại, dù nàng cho phép em gái trở về nhà. Nàng làm việc trên một trong những mảnh đất đang đốt cỏ băng. Bốn cái ngạnh sáng lấp loáng của cây chia ba trong tay nàng phát ra tiếng lạch cách khi chạm vào những hòn đá và đất cứng. Đôi khi nàng hoàn toàn chìm trong màn khói của đống lửa; sau đó lại xuất hiện khi nó loãng ra, được soi sáng bởi ánh lửa màu đồng thau từ đống cỏ băng đang cháy. Đêm nay nàng ăn mặc khác với thường ngày và có vẻ ngoài rất lạ lùng, y phục của nàng là một cái áo dài bạc trắng do giặt nhiều lần, bên trên là cái áo khoác ngắn màu đen, nhắc người ta nhớ tới hôn lễ và tang lễ cùng một lúc. Những người phụ nữ đang làm ở xa xa mang tạp dề trắng, khi ánh lửa không hắt lên họ, người ta chỉ có thể nhìn thấy những tấm tạp dề và gương mặt trắng nhợt của họ.

Ở hướng tây, những nhánh cây khảng khiu của hàng rào gai, tạo thành ranh giới của cánh đồng, nổi bật lên trên màu trắng đục của nền trời thấp. Trên cao, sao Mộc tỏa ánh vàng, trông như một đóa hoa trường thọ, sáng đến độ gần như hắt bóng. Một vài ngôi sao nhỏ không tên đang hiện ra ở những nơi khác. Xa xa có tiếng chó sủa, và thỉnh thoảng có tiếng bánh xe lăn lọc cọc trên con đường khô cứng.

Những cái ngạnh chia ba tiếp tục cẩn mẫn phát ra tiếng lạch cách, vì vẫn chưa muộn lắm; và dù bầu không khí giá

1. Exodus 13:21-22: “Vào ban ngày, Chúa Trời dẫn đường cho họ bằng một cột mây và ban đêm bằng một cột khói để trao cho họ ánh sáng, để họ có thể đi vào ban ngày hoặc ban đêm.”

buốt, trong nó có tiếng thì thầm của mùa xuân khiến những người nông dân cảm thấy vui vui. Có cái gì đó ở nơi chốn này, giờ khắc này, các đống lửa đang reo này, những bí ẩn quái lạ của ánh sáng và bóng tối này, khiến Tess và những người khác thích thú vì đang có mặt ở đây. Màn đêm buông xuống trong sương giá mùa đông như một người bạn và trong hơi ấm mùa hè như một người tình, đến vào cái ngày tháng Ba này như một liều thuốc an thần.

Không ai nhìn sang người làm việc bên cạnh. Mọi con mắt đều nhìn xuống đất trong lúc bể mặt lật lên của nó được ánh lửa soi sáng. Trong lúc cào đất, Tess hát những bài ca ngắn ngớ ngắn với niềm hy vọng, giờ thật nhỏ nhoi, rằng sẽ có lúc Clare nghe thấy chúng. Suốt một lúc lâu nàng không chú ý tới người đang làm việc gần nàng nhất. Một người đàn ông khoác áo choàng nông dân mà nàng phát hiện ra đang làm việc trên cùng mảnh đất với nàng, và nàng nghĩ là cha nàng đã cùi tới để giúp cho công việc sớm hoàn thành. Nàng chú ý nhiều hơn tới anh ta khi hướng làm việc của anh ta đưa anh ta tới gần hơn. Đôi khi khói chia cách họ; rồi nó tan ra, và cả hai hiện ra trước mắt nhau nhưng tách biệt với tất cả số còn lại.

Tess không nói gì với người bạn làm chung, và anh ta cũng không nói gì với nàng. Nàng cũng không nghĩ gì nhiều về anh ta ngoài việc nhớ ra rằng anh ta không có mặt ở đó khi ánh sáng ban ngày còn tỏ, và nàng nhận thấy tướng mạo anh ta không giống như bất cứ người nông dân quen biết nào ở Marlott. Điều này cũng không có gì đáng ngạc nhiên, nàng đã thường xuyên vắng mặt lâu ngày vào những năm qua. Dần dần, anh ta tới gần nàng đến độ ánh lửa phản chiếu từ những cái ngạnh thép của anh ta cũng rõ ràng như từ những cái ngạnh của nàng. Khi tới gần đống lửa để ném một mớ cỏ

chết vào đó, nàng nhận thấy anh ta cũng đang làm việc tương tự ở mé bên kia. Ngọn lửa lóe lên, và nàng nhìn thấy gương mặt của d'Urberville.

Sự xuất hiện bất ngờ của y, ngoại hình lố bịch của y trong tấm áo choàng nông dân, loại áo choàng mà chỉ những nông dân lớn tuổi mới mặc, có một vẻ hài hước kinh khủng khiến nàng phải rùng mình. D'Urberville phát ra một tiếng cười khẽ, kéo dài.

“Nếu tôi có khiếu nói đùa, tôi sẽ nói, nơi này giống Vườn địa đàng biết mấy!” y nói và nghiêng đầu nhìn nàng.

“Ông nói gì?” nàng yếu ớt hỏi.

“Một người thích nói đùa có thể nói nơi đây giống như Vườn địa đàng. Cô là Eve, còn tôi là Một Kẻ Khác, đến để dụ dỗ cô dưới lớp ngụy trang của một con vật thấp hèn. Khi còn nghiên cứu thần học, tôi đã đọc kỹ cảnh tượng này của Milton⁽¹⁾. Chẳng hạn như:

*‘Nữ hoàng, đường đi dã săn và không xa
Chỉ ở mé ngoài hàng thường xanh kia...
... Nếu người chấp nhận
Tôi sẽ đưa Người tôi đó ngay’
‘Vậy hãy dẫn đường,’ Eve nói.*

“Vân vân. Tess thân mến của tôi, tôi chỉ đưa ra ví dụ này với cô như một điều mà cô có thể đã nghĩ hoặc đã nói hoàn toàn sai, vì cô nghĩ quá xấu về tôi.”

“Tôi chưa bao giờ nói ông là Satan, hay nghĩ như thế. Tôi không hề nghĩ về ông theo cách đó. Những ý nghĩ của tôi về

1. John Milton (1608 - 1674): nhà thơ Anh. Đoạn thơ trên trích trong trường ca *Paradise Lost* của ông (dòng 625 - 630).

ông hoàn toàn lành đạm, ngoại trừ khi ông ở trước mặt tôi. Sao, ông đến đây đào đất hoàn toàn vì tôi à?”

“Hoàn toàn. Để gặp cô, chỉ thế thôi. Cái áo choàng làm việc mà tôi trông thấy đang treo để bán, là một ý nghĩ tới sau, mà có thể tôi không để ý tới. Tôi tới để để nghị cô đừng làm việc như thế này nữa.”

“Nhưng tôi thích làm việc này. Đó là vì tía tôi.”

“Giao kèo của cô ở chỗ đó đã chấm dứt?”

“Phải.”

“Kế tiếp cô sẽ tới đâu? Tới sống chung với ông chồng yêu dấu của cô?”

Nàng không thể chịu đựng nổi sự nhắc nhở có tính chất sỉ nhục này.

“Ô, tôi không biết!” nàng cay đắng nói. “Tôi không có chồng!”

“Hoàn toàn đúng thế, theo ý nghĩa mà cô muốn nói. Nhưng cô có một người bạn, và tôi đã quyết định rằng cô sẽ sống thoái mái dù cô không muốn thế. Khi trở về nhà cô sẽ thấy tôi đã gửi tới đó cho cô cái gì.”

“Ô, Alec, tôi không hề muốn ông cho tôi bất cứ thứ gì! Tôi không thể nhận nó từ ông! Tôi không thích, điều đó không đúng!”

“Nó đúng!” y khẽ hét lên. “Tôi sẽ không đứng nhìn một phụ nữ tôi rất quan tâm gấp khó khăn mà không cố giúp đỡ cô ta.”

“Nhưng tôi sống rất ổn! Tôi chỉ khổ sở về việc... về việc... không hề vui sống chút nào!”

Nàng quay đi, và tiếp tục công việc một cách tuyệt vọng, nước mắt lăn chà rơi trên cán chìa ba và những cục đất.

“Về phần lũ trẻ, các em trai và em gái của cô, tôi cũng đã nghĩ tới chúng” y nói tiếp.

Trái tim nàng run rẩy - y đã chạm vào điểm yếu của nàng. Y đã chia sẻ nỗi lo âu lớn nhất của nàng. Từ khi trở về nhà, tâm hồn nàng dành trọn cho đám trẻ này với một tình thương tha thiết.

“Nếu mẹ cô không khỏe lại, phải có ai đó làm chút gì cho chúng; vì cha cô sẽ không thể làm được nhiều lắm, tôi cho là vậy?”

“Tía tôi có thể, với sự giúp đỡ của tôi. Ông phải làm được!”

“Và với sự giúp đỡ của tôi nữa.”

“Không, thưa ông!”

“Điều này thật là ngu xuẩn!” d’Urberville bức tức. “Sao chứ, ông ta nghĩ chúng ta là bà con với nhau; và sẽ hoàn toàn hài lòng!”

“Không đâu. Tôi sẽ khuyên can ông.”

“Vậy thì cô càng ngu ngốc thậm tệ!”

D’Urberville tức giận quay lưng đi về phía hàng rào. Ở đó y cởi cái áo choàng dài ra, cuộn nó lại và quăng vào đống lửa, rồi bỏ đi.

Tess không thể tiếp tục làm việc sau sự cố này; nàng cảm thấy sốt ruột. Nàng tự hỏi y có quay lại nhà của cha nàng hay không, và cầm cây chĩa ba rào bước về nhà.

Khi còn cách nhà chừng hai mươi thước, nàng gặp một trong những đứa em gái.

“Ô, chị Tess, chị nghĩ sao đây! Chị Liza-Lu đang khóc và có nhiều người trong nhà. Má đã khỏe hơn nhiều, nhưng họ nghĩ tía đã chết rồi!”

Đứa bé nhận thức được tầm quan trọng của tin này; nhưng chưa cảm nhận được nỗi buồn của nó, và đứng nhìn Tess với đôi mắt tròn, khi nhìn thấy tác động của tin tức đối với bà chị, nó nói: "Sao, chị Tess, chúng ta sẽ không bao giờ nói chuyện với tía nữa, phải không?"

"Nhưng tía chỉ hơi ốm tí thôi mà!" Tess cảm thán.

Liza-Lu bước ra.

"Tía vừa mới chết. Ông bác sĩ tới để thăm bệnh cho má đã bảo rằng tía không còn cơ hội, vì tim của ông quá lớn."

Phải, đôi vợ chồng Durbeyfield đã thế chỗ cho nhau; kè đang hấp hối vượt qua cơn nguy kịch, và kè chỉ ốm sơ sài lại lăn đùng ra chết. Tin tức này có nhiều ý nghĩa hơn mức người ta nghĩ. Gia đình nàng cần cha nàng, dù ông chẳng làm được gì nhiều, ở khía cạnh nói sau, có lẽ cái chết của ông không phải là một bi kịch lớn. Ông là người cuối cùng trong số ba người có cuộc sống kéo dài trong một ngôi nhà và một mảnh đất cho thuê. Và đã từ lâu, người chủ nhà kiêm chủ đất muốn lấy lại tài sản cho thuê để giao lại cho những nhân công thường xuyên của ông ta. Ngoài ra, "những kè thuê nhà sống lâu năm" trong làng cũng bị ghét không kém những chủ đất nhỏ, vì cung cách tự do của họ, và khi một hợp đồng thuê đã được thỏa thuận, nó sẽ không bao giờ tái ký kết.

Vậy là gia đình Durbeyfield, thuộc dòng dõi họ d'Urberville thuở trước, đã gánh chịu số phận mà, không ngờ gì nữa, khi tổ tiên của họ còn là những quý tộc cao sang quyền thế, đã nhiều lần gây ra, với hậu quả nghiêm trọng đối với những kè không nhà của đất đai như chính bản thân họ hiện giờ. Vật đổi sao dời, biến xanh hóa nương dâu, đó là quy luật của vạn vật bên dưới bầu trời.

Chương 51

Rốt cuộc cũng tới ngày hôm trước của Lễ truyền tin cũ, và giới làm nông sôi sục trong cơn sốt di động chỉ diễn ra vào cái ngày cụ thể này của năm. Đó là ngày mãn hạn hợp đồng; những giao kèo làm việc ngoài đồng trong năm kế tiếp, bắt đầu từ ngày Lễ rước nến, sẽ được ký kết. Những người làm nông, hoặc “tá điền”, như họ tự gọi mình từ thời xa xưa cho tới khi có một từ khác đến từ bên ngoài, không muốn ở lại chỗ làm cũ lâu hơn đang di chuyển tới những nông trại mới.

Những cuộc di cư hàng năm từ nông trại này sang nông trại khác đang diễn ra ở vùng này. Khi mẹ của Tess còn bé, phần lớn tá điền ở Marlott thường sống suốt đời ở một nông trại. Đó cũng là nhà của ông cha họ; nhưng về sau này mong muốn chuyển chỗ làm hàng năm đã tăng cao. Với những gia đình trẻ hơn, đây là một niềm phấn khích thú vị, cũng có thể là một bước tiến. Một nông trại mới, mà với một số người, giống như Ai Cập, là Miền đất hứa đối với họ, khi họ nhìn thấy nó từ xa; và tới khi họ sống ở đó, chính nó lại chuyển Ai Cập của họ tới một nơi khác. Và cứ thế họ di chuyển, di chuyển mãi.

Tuy nhiên, mọi thay đổi ngày càng rõ rệt trong đời sống nông thôn không hoàn toàn bắt nguồn từ tình trạng náo động

trong nghề nông. Một sự giảm sút dân số cũng đang diễn ra. Trước đây thôn làng bao gồm, bên cạnh những người làm nông, một tầng lớp thú vị và hiểu biết hơn, được xếp hạng bên trên những nông dân bình thường - tầng lớp mà cha mẹ của Tess thuộc về - và kể cả những thợ mộc, thợ rèn, thợ đóng giày, nhà buôn nhỏ, cùng với những dân cư khác không làm việc trong nông trại; một tập hợp người có mục tiêu bền vững nhất định, do thực tế rằng họ là người thuê đất trọn đời như cha của Tess, hoặc là người thuê theo giấy ủy quyền, hay đôi khi, những địa chủ nhỏ. Nhưng khi giao kèo dài hạn đã kết thúc, họ hiếm khi được tái ký kết, và phần lớn trở nên sa sút, nếu chủ nông trại không còn cần tới họ nữa. Những cư dân không được trực tiếp thuê đất ở nơi mình sống bị nhìn với con mắt thiếu thiện cảm, và sự trực xuất một số người có ảnh hưởng bất lợi đối với công việc làm ăn của một số khác, do đó họ buộc phải đi theo số nói trước. Những gia đình này, vốn là xương sống của đời sống thôn làng trong quá khứ, là kè giữ gìn truyền thống thôn làng, phải tìm nơi nương náu ở các trung tâm lớn hơn; quá trình này, được mệnh danh một cách vui vẻ bởi các nhà thống kê là “xu hướng tiến về những thị trấn lớn của dân cư nông thôn”, thật sự giống như xu hướng của nước chảy ngược lên đồi dưới áp lực của máy móc.

Nhà cửa ở Marlott đang trong tình trạng xuống cấp hay sụp đổ đáng kể, và các chủ nông trại cần những ngôi nhà còn đứng vững cho tá điền của họ. Kể từ sự cố đã gieo một bóng đen lên cuộc sống của Tess, gia đình Durbeyfield (dân làng không tin vào dòng dõi hiệp sĩ của họ) đã bị ngầm ngầm xem như một gia đình sẽ cuống gói ra đi khi giao kèo của họ kết thúc, ấy là nói với một cách nhìn có đạo đức. Và thật sự những người trong gia đình này không phải là tấm gương sáng chói cho sự chừng mực, điềm tĩnh hay thanh bạch. Người cha, thậm chí cả người

mẹ, vẫn lai rai say xin, đám trẻ con hiếm khi đi lễ nhà thờ, và cô con gái lớn nhất đã có những quan hệ tình cảm khác thường. Thôn làng phải duy trì sự thuần khiết ở một mức độ nào đó. Vì thế, vào cái ngày Lễ truyền tin cũ mà gia đình Durbeyfield phải cuốn gói ra đi, ngôi nhà, với khá nhiều phòng, được giao lại cho một người đánh xe ngựa với một gia đình lớn; bà góa Joan, các cô gái Tess và Liza-Lu, thằng nhóc Abraham, cùng mấy đứa trẻ nhò hơn phải tìm tới một nơi khác.

Vào buổi chiều trước khi họ chuyển đi, trời sớm tối sầm vì có một trận mưa phún làm cho bầu trời xám xịt. Vì đó là đêm cuối họ sẽ trải qua trong cái thôn từng là quê nhà và nơi chôn nhau cắt rún của họ, bà Durbeyfield, Liza-Lu, và Abraham đã ra ngoài để từ giã một số người bạn, Tess ở lại giữ nhà cho tới khi họ quay về.

Nàng đang quỳ gối trên cái ghế dài cạnh cửa sổ, áp mặt vào khung cửa. Nước mưa ở mé ngoài trượt xuống tấm kính cửa. Đôi mắt của nàng dán vào một cái mạng nhện mà có lẽ chủ nhân của nó đã chết đói từ lâu; nó nằm sai vị trí, ở một góc chưa từng có con ruồi nào bay tới, và đang run rẩy theo cơn gió luôn qua khung cửa. Tess ngẫm nghĩ về tình cảnh của gia đình và tự xem mình chính là thủ phạm. Nếu nàng không về nhà, có lẽ mẹ nàng và bầy em được cho phép ở lại với tư cách người thuê nhà phải thanh toán hàng tuần. Nhưng khi trở về nàng đã bị chú ý ngay lập tức bởi một số người đạo cao đức trọng và có ảnh hưởng lớn: họ đã nhìn thấy nàng loay hoay trong nghĩa trang, với một cái bay nhỏ, cố sửa sang lại nấm mồ hâu như không cao hơn mặt đất của con nàng. Họ nhận ra nàng đang sống trong thôn lẩn nấp; mẹ nàng bị quả trách vì đã “bao che” cho nàng; và Joan đã gay gắt bé lại, bà đã tự để nghị sẽ ra đi lập tức; bà đã giữ đúng lời của mình; và đây là kết quả.

“Lẽ ra mình không bao giờ nên về nhà” Tess cay đắng tự nhủ.

Nàng tập trung vào những suy nghĩ này đến độ hầu như không nhận ra ngay trong cái nhìn đầu tiên, một người đàn ông mặc áo mưa mà nàng đã nhìn thấy đang cưỡi ngựa trên đường. Có lẽ do nàng áp mặt vào cửa sổ nên y nhìn thấy nàng, và điều khiển con ngựa tới sát mặt tiền ngôi nhà đến nỗi vó của nó hầu như đặt trên dài đất hẹp trồng rau bên dưới bức tường. Chỉ khi y đưa chiếc roi ngựa chạm vào cửa sổ, nàng mới nhìn thấy y. Mưa đã gần tạnh, và nàng mở cánh cửa sổ theo sự ra hiệu của y.

“Cô có nhìn thấy tôi không?” d’Urberville hỏi.

“Tôi không chú ý” nàng đáp. “Tôi nghe thấy ông tới, tôi tin, dù tôi nghĩ đó là một cỗ xe ngựa. Tôi đang ở trong một giấc mơ.”

“À! Có lẽ cô từng nghe nói tới cỗ xe ngựa của họ d’Urberville. Cô biết truyền thuyết đó, phải không?”

“Không. Có lần ai đó định kể cho tôi nghe, nhưng chưa kể.”

“Nếu cô thật sự là một người họ d’Urberville, tôi cho là không nên kể cho cô nghe. Còn về phần mình, tôi là một kẻ giả mạo, nên nó không quan trọng. Nó khá là đáng thất vọng. Nó là âm thanh của một cỗ xe ma mà chỉ một người có huyết thống dòng họ d’Urberville mới có thể nghe thấy; và việc nghe thấy nó được xem là một điểm gờ. Nó liên quan tới một vụ giết người, do một người trong gia tộc này thực hiện cách đây nhiều thế kỷ.”

“Nếu ông đã bắt đầu câu chuyện thì hãy kể hết đi.”

“Được thôi. Người ta nói một người trong họ đã bắt cóc một cô gái đẹp, kẻ cỗ trốn thoát khỏi cỗ xe mà ông ta chở

nàng đi, và trong lúc giằng co ông ta đã giết nàng, hoặc nàng đã giết ông ta, tôi quên mất ai là hung phạm. Đó là một dị bản của câu chuyện... Tôi thấy rằng hành lý của cô đã được gói ghém. Cô sắp đi à?"

"Phải, ngày mai - ngày Lễ truyền tin cũ."

"Tôi đã nghe nói về chuyện này, nhưng hầu như không tin nó; nó có vẻ quá đột ngột. Vì sao vậy?"

"Tía tôi là người cuối cùng trong giao kèo, và khi nó hết hạn chúng tôi không có quyền ở lại nữa. Dù có lẽ chúng tôi có thể ở lại với tư cách người thuê trả tiền theo tuần, nếu không phải vì tôi."

"Cô thì có liên quan gì?"

"Tôi không phải là một phụ nữ đàng hoàng."

Mặt của d'Urberville đỏ bừng.

"Thật đáng xấu hổ! Những kẻ hơm mìn khốn khổ! Cầu cho linh hồn bẩn thỉu của họ bị thiêu cháy thành than!" y kêu lên với vẻ căm ghét pha lẫn mỉa mai. "Vậy đó là lý do cô sẽ ra đi? Bị đuổi à?"

"Không chính xác là bị đuổi; nhưng vì họ đã nói là chúng tôi nên đi sớm, tốt nhất là đi lúc này, khi mọi người đang di chuyển, vì sẽ có những cơ hội tốt hơn."

"Cô định đi đâu?"

"Kingsbere. Chúng tôi đã lấy phòng ở đó. Má tôi mê mẩn tổ tiên của tía tôi đến độ bà muốn đi tới đó."

"Nhưng gia tộc của mẹ cô không phù hợp với chỗ đó, và trong một thị trấn nhỏ như lò mũi như thế. Sao không tới ngôi nhà vườn của tôi ở Trantridge? Giờ ở đó hầu như không còn con gà nào, từ khi mẹ tôi chết; nhưng có ngôi nhà, như cô đã biết, và khu vườn. Có thể quét vôi lại ngôi nhà trong

một ngày, mẹ cô có thể sống ở đó hoàn toàn thoải mái; và tôi sẽ cho lũ trẻ tới học ở một ngôi trường tốt. Tôi thật sự nên làm điều gì đó cho cô!"

"Nhưng chúng tôi đã lấy phòng ở Kingsbere!" nàng tuyên bố. "Và chúng tôi có thể chờ ở đó..."

"Chờ à, chờ cái gì? Chờ ông chồng tốt đó, chắc chắn rồi. Giờ hãy nghe này, Tess, tôi biết đàn ông là gì, và khi nghĩ tới những nguyên do phân ly của cô, tôi hoàn toàn chắc chắn rằng anh ta sẽ không bao giờ làm hòa với cô. Dù tôi từng là kẻ thù của cô, giờ tôi là bạn của cô, dù cô không tin điều đó. Hãy tới ngôi nhà tranh của tôi. Chúng ta sẽ lập lại một trại gia cầm, mẹ cô có thể chăm sóc tốt cho chúng; rồi lũ trẻ có thể đến trường."

Hơi thở của Tess ngày càng gấp rút, cuối cùng nàng nói:

"Làm sao tôi biết ông có làm tất cả những điều đó hay không? Ông có thể đổi ý, và khi đó, các em và má tôi sẽ trở thành kẻ không nhà lần nữa."

"Ô, không, không... tôi sẽ bảo đảm với cô bằng văn bản nếu cần. Hãy suy nghĩ cho kỹ."

Tess lắc đầu. Nhưng d'Urberville vẫn khăng khăng; nàng ít khi thấy y quyết tâm như thế; y sẽ không chấp nhận một sự phản đối.

"Xin cứ nói với mẹ cô" y nói, với giọng nhẫn mạnh. "Phán xét là việc của bà, không phải của cô. Sáng mai tôi sẽ cho người dọn dẹp và quét vôi ngôi nhà, đốt bò những rác rến; và tới chiều nó sẽ khô, để cô có thể đi thẳng tới đó. Giờ hãy nhớ, tôi sẽ chờ cô."

Tess lại lắc đầu, cổ nàng nghẹn lại với những cảm xúc rối bời. Nàng không thể ngẩng lên nhìn y.

“Tôi nợ cô một thứ gì đó vì quá khứ, cô biết đó” y nói tiếp. “Và cô cũng đã chữa cho tôi khỏi cơn điên rồ đó, vì thế tôi vui mừng...”

“Tôi mong ông cứ tiếp tục điên rồ như thế, để duy trì sự thực hành đi cùng với nó!”

“Tôi vui mừng với cơ hội đến bù chút ít cho cô này. Mai tôi sẽ mong chờ nghe thấy tiếng tháo dỡ hành lý của mẹ cô... Hãy bắt tay tôi vì điều đó nào, Tess xinh đẹp thân yêu!”

Với câu cuối này, y đã hạ giọng xuống mức một tiếng thì thầm, và đặt tay lên khung cửa hé mở. Với đôi mắt đầy dông bão, nàng đóng sập cửa sổ lại, khiến cánh tay của y bị mắc kẹt.

“Chết tiệt, cô ác quá!” y nói, rút tay ra. “Không, không!... Tôi biết cô không cố tình làm thế. Được, tôi sẽ chờ cô, hay ít nhất là mẹ cô và lũ trẻ!”

“Tôi sẽ không tới... tôi có nhiều tiền!” nàng kêu lên.

“Ở đâu ra?”

“Ở nhà cha chồng tôi, nếu tôi yêu cầu.”

“Nếu cô yêu cầu. Nhưng cô sẽ không yêu cầu, Tess ạ. Tôi biết rõ cô; cô sẽ không bao giờ yêu cầu có nó - cô sẽ chết đói trước tiên!”

Với những lời này y phóng ngựa đi. Ngay ở góc phố, y gặp một người đàn ông với một thùng sơn. Anh ta hỏi y phải chăng y đã bò rơi các huynh đệ đạo hữu.

“Anh cút xuống địa ngục đi!” y đáp.

Tess ngồi yên tại chỗ một hồi lâu, cho tới khi một cảm giác chống đối đột ngột về sự bất công khiến mắt nàng rưng rưng những dòng lệ nóng. Chồng nàng, Angel Clare, như những người khác, đã đối xử với nàng quá khắt khe, chắc chắn là như vậy! Trước đó nàng không bao giờ chấp nhận

một ý nghĩ như thế; nhưng chắc chắn anh đã quá khắt khe! Nàng có thể thể từ tận đáy linh hồn rằng chưa bao giờ trong đời nàng có ý định làm điều sai quấy; thế nhưng những phán xét cay nghiệt đó đã tới. Bất kể tội lỗi của nàng là gì, chúng không phải là lỗi cõi tình, mà là lỗi vô ý, và vì sao nàng bị trừng phạt một cách dai dẳng như vậy?

Nàng chụp vội mảnh giấy đầu tiên đến trong tay, và ghi những dòng sau:

Ôi chao, vì sao anh đối xử với em tàn nhẫn như thế, Angel! Em không đáng bị như thế. Em đã suy nghĩ cẩn kẽ về mọi việc, và em không bao giờ, không bao giờ có thể tha thứ cho anh! Anh biết rằng em không định làm điều sai quấy với anh, vì sao anh đối xử với em tàn tệ vậy? Anh ác lầm, thật là ác lầm! Em sẽ cố quên anh. Đó là vì tất cả những bất công em đã nhận từ tay anh!

T.

Nàng chờ cho tới khi người bưu tá đi ngang, chạy tới đưa cho ông ta lá thư, rồi quay trở lại vị trí cũ cạnh cửa sổ.

Viết một lá thư dịu dàng, hay một lá thư như thế này, tất cả đều như nhau. Làm sao anh ấy có thể nhượng bộ những lời cầu khẩn? Thực tế vẫn không thay đổi; không có sự kiện gì mới mẻ để thay đổi quan niệm của anh ấy.

Trời tối hơn, ánh lửa lò sưởi tỏa sáng căn phòng. Hai đứa em lớn nhất của nàng đã ra ngoài với mẹ; bốn đứa nhỏ hơn, từ ba tuổi rưỡi tới mười một tuổi, tất cả đều mặc váy đen, đang tụ tập quanh lò sưởi bi bô những câu chuyện linh tinh của chúng. Cuối cùng Tess cũng đến bên chúng, không đốt thêm cây nến nào.

“Các em yêu, đây là đêm cuối cùng chúng ta ngủ ở đây, trong ngôi nhà chúng ta đã sinh ra” nàng nói nhanh. “Chúng ta nên nghĩ tới điều đó, phải không nào?”

Chúng trở nên lặng lẽ; với tính dễ xúc động của lứa tuổi, chúng đã sẵn sàng khóc òa trước hình ảnh chung cuộc mà nàng vừa gợi ra, dù suốt ngày hôm đó chúng rất vui vẻ khi nghĩ tới một nơi ở mới. Tess thay đổi để tài.

“Hãy hát cho chị nghe đi, các em yêu” nàng nói.

“Bạn em sẽ hát gì hả chị?”

“Bất cứ bài nào các em biết; bài nào cũng được.”

Một khoảnh khắc im lặng; rồi nó bị phá vỡ, trước tiên với một giọng khẽ ngập ngừng, rồi một giọng thứ hai cung cổ nó, rồi giọng thứ ba và thứ tư hòa vào tiếng đồng ca, với những ca từ mà chúng đã học được ở trường Chủ nhật:

Ở đây chúng ta đau đớn và khổ sở

Ở đây chúng ta gấp gáp để rồi lại chia tay

Ở trên Trời chúng ta không còn chia cách nữa.

Bốn đứa trẻ hát với sự thụ động thản nhiên, như thể vẫn để đó đã được giải quyết cho chúng từ lâu, không có sự nhầm lẫn nào về nó, và do đó không cần phải suy nghĩ gì thêm về nó nữa. Với nét mặt tập trung căng thẳng để cố phát âm thật rõ ràng, chúng không rời mắt khỏi ánh lửa bập bùng, giọng của đứa bé nhất vẫn còn âm vang khi số còn lại đã tạm dừng.

Tess rời khỏi chúng, và lại bước tới gần cửa sổ. Bóng tối đã buông ở bên ngoài, nhưng nàng áp sát mặt vào khung kính như thể cố nhìn vào màn đêm. Thật ra, nàng đang cố che giấu những giọt nước mắt của mình. Giá như nàng có thể tin vào những gì bọn trẻ đang hát; giá như nàng có thể chắc chắn, lúc này tất cả sẽ khác biết bao; nàng sẽ tự tin biết bao khi giao phó chúng cho Đáng Toàn Năng và vương quốc tương lai của chúng! Nhưng nàng không có đức tin, do vậy nàng phải làm một điều gì đó, phải trở thành Đáng Toàn Năng của chúng;

bởi với Tess, cũng như với hàng triệu người khác, những dòng thơ của thi sĩ nọ mỉa mai một cách tàn nhẫn:

Chúng ta tới (được sinh ra) không phải trong sự trân trai tuyệt đối

Mà trong những vầng mây rạng rỡ.⁽¹⁾

Với nàng và những kè giống như nàng, bàn thân sự chào đời là một thử thách đầy ô nhục mà cho tới kết cục vẫn có tính chất bất công, hoặc nếu tốt nhất chỉ có thể công bằng một phần nào đó.

Trong bóng tối của con đường ướt sũng, nàng sớm nhận ra mẹ nàng, Liza-Lu và Abraham. Bà Durbeyfield bước tới cửa, và Tess mở nó ra.

“Má thấy dấu chân của một con ngựa ở ngoài cửa số” Joan nói. “Có ai tới à?”

“Không” Tess đáp.

Bọn trẻ bên lò sưởi nghiêm trang nhìn nàng, và một đứa khẽ nói:

“Sao, chị Tess, có một quý ông cưỡi ngựa mà!”

“Ông ta không ghé vào, ông ta chỉ nói với chị khi đi ngang qua.”

“Quý ông đó là ai thế? Chồng của con à?” mẹ nàng hỏi.

“Không. Anh sẽ không bao giờ, không bao giờ tới” Tess trả lời với vẻ vô vọng.

“Vậy đó là ai?”

“Má không cần hỏi. Má đã gặp ông ta trước đó, và con cũng vậy.”

1. Trích trong bài thơ *Ode: Intimations of Mortality* của nhà thơ Anh William Wordsworth (1770 - 1860).

“À! Cậu ta đã nói gì?” Joan tò mò hỏi.

“Ngày mai, khi chúng ta đã sắp xếp xong nơi ăn chốn ở tại Kingsbere, con sẽ nói với má, từng từ một.”

Đó không phải là chồng nàng, nàng đã nói. Thế nhưng ý thức rằng theo một ý nghĩa nào đó, chỉ có người đàn ông này mới thật sự là chồng của nàng dường như càng lúc càng đè nặng lên nàng.

Chương 52

Trong những giờ ngắn ngủi của sáng hôm sau, khi trời còn tối mịt, cư dân gần đường lộ bị đánh thức bởi những tiếng ồn ào lao xao liên miên không dứt cho tới khi trời sáng - những tiếng động này lặp lại hàng năm, vào tuần đầu tiên của tháng này, hệt như tiếng gáy của chim cu vào tuần thứ ba, cũng của tháng này. Chúng mở đầu cho cuộc di chuyển lớn; các cỗ xe trống rỗng được gửi tới để chờ giùm hành lý cho những gia đình di cư; bởi theo tập quán, người chủ nông trại mới phải cho xe chờ những người muốn làm thuê cho họ. Việc chuyên chờ này phải được hoàn thành trong ngày, đó là lý do những cỗ xe phải khởi hành rất sớm sau nửa đêm. Những người đánh xe phải tới cửa của các gia đình sắp chuyển đi trước sáu giờ, và lập tức chất lên xe toàn bộ hành lý của họ.

Nhưng với gia đình của Tess, không có cỗ xe ngựa nào được gửi tới. Họ chỉ là những phụ nữ; họ không phải là nhân công thường xuyên; họ không đặc biệt cần thiết ở bất cứ nơi nào; do đó họ phải tự thuê một cỗ xe.

Tess cảm thấy nhẹ nhõm khi nhìn ra cửa sổ sáng hôm ấy và nhận thấy dù thời tiết u ám và nhiều gió, trời không mưa, và cỗ xe thuê đã tới. Một ngày Lễ truyền tin có mưa là một nỗi ám ảnh mà những gia đình di chuyển không bao giờ

quên được; đồ đặc ẩm ướt, giường chiếu ẩm ướt, y phục ẩm ướt đi kèm theo nó, và sau đó là đau ốm.

Mẹ nàng, Liza-Lu, và Abraham cũng đã thức, nhưng mẩy đứa nhỏ hơn vẫn còn say ngủ. Bốn người ăn sáng dưới ánh đèn mờ rồi bắt đầu chất đồ đặc lên xe.

Công việc này được tiến hành một cách vui vẻ, một hai người hàng xóm thân tình tới giúp một tay. Khi những món đồ lớn đã được chất vào vị trí, một cái ống tròn được tạo ra từ những tấm nệm và giường, để bà Durbeyfield và đám trẻ ngồi trong suốt hành trình. Sau khi chất đồ xong, họ phải mất một lúc lâu chờ đợi trước khi ngựa kéo xe được đưa tới. Cuối cùng, khoảng hai giờ sáng, tất cả xuất phát. Cái nồi nấu cơm đu đưa bên dưới trục xe; bà Durbeyfield và gia đình ngồi ở trên; bà đặt cái đồng hồ lên đùi, để tránh sự va đập làm hỏng nó, và cứ một lần cỗ xe lắc lư, nó lại rè rè đổ chuông báo một giờ hoặc một giờ rưỡi như thể bị đau. Tess và hai cô em kế đi bộ theo sau cho tới khi họ ra khỏi thôn.

Sáng hôm đó và chiều hôm trước họ đã ghé thăm vài người hàng xóm, và có vài người tới để tiễn chân họ, tất cả đều chúc lành cho họ, dù, trong thâm tâm, mọi người hầu như không mong đợi những phúc lành sẽ đến với gia đình này, dù họ chẳng gây hại cho ai ngoài chính bản thân họ. Chẳng bao lâu sau đó, cỗ xe bắt đầu lênh đênh, gió thổi mạnh hơn theo sự thay đổi của độ cao và địa hình.

Hôm đó là ngày sáu tháng Tư, cỗ xe chở gia đình Tess gặp nhiều cỗ xe khác với những gia đình ngồi trên các thứ đồ đặc; chúng được chất lên xe hầu như theo cùng một cách thức, có lẽ cũng đặc biệt đối với các nông dân như những hình lục giác đối với loài ong. Món đồ chủ yếu nhất là cái tủ chặn của gia đình, với những tay nắm sáng bóng, những dấu tay, và vết trầy trọa sau nhiều năm sử dụng. Nó đứng oai

nghiêm ở phía trước, bên trên đuôi của đôi ngựa, trong tư thế dựng đứng tự nhiên, như một cái hòm giao ước⁽¹⁾ mà họ buộc phải chuyên chở một cách kính trọng.

Một số gia đình vui vẻ, một số buồn rầu; một số dừng lại trước cửa những lữ quán bên đường; nơi mà vào đúng lúc, gia đình Durbeyfield cũng dừng lại cho ngựa ăn uống và người nghỉ ngơi.

Trong lúc dừng xe, đôi mắt của Tess dán vào một cái bình xanh đựng rượu được chuyển quanh một đám phụ nữ đang ngồi trên đống đồ đạc chất trên một cỗ xe cách lữ quán không xa. Nàng dõi mắt theo hành trình di chuyển của cái bình, nhận thấy nó được cầm lấy bởi một đôi tay mà chủ nhân của chúng nàng biết rất rõ. Tess đi tới cỗ xe đó.

“Marian và Izz!” nàng kêu các cô gái, bởi đó chính là họ, đang ngồi với gia đình mà họ từng sống chung. “Hai người cũng chuyển nhà hôm nay như mọi người khác hả?”

Họ đáp đúng là vậy. Cuộc sống ở Flintcomb-Ash quá nhọc nhằn, và họ đã lên đường, hầu như không báo trước, mặc cho Groby kiện họ nếu ông ta muốn. Họ nói cho Tess biết nơi họ định đến, và Tess cũng nói cho họ biết nơi nàng định đến.

Marian nghiêng người trên đống đồ đạc và hạ thấp giọng. “Cô có biết cái quý ông theo đuổi cô - cô sẽ đoán được tôi muốn nói tới ai - đã tới hỏi thăm về cô ở Flintcomb sau khi cô đã đi hay không? Chúng tôi không nói cho anh ta biết cô ở đâu vì biết cô không muốn gặp anh ta.”

“À, nhưng tôi đã gặp ông ta!” Tess lẩm bẩm. “Ông ta đã tìm ra tôi.”

1. Ark of the Covenant: cái hòm trong đó Thành Moses cất giữ hai phiến đá ghi mười điều răn của Đức Chúa Trời.

“Thế anh ta có biết cô đang đi đâu không?”

“Tôi nghĩ vậy.”

“Chồng cô có trở về không?”

“Không.”

Nàng chào tạm biệt họ, vì lúc này những người đánh xe đã ra khỏi quán, hai cỗ xe tiếp tục hành trình theo hai hướng ngược chiều nhau; cỗ xe chở Marian, Izz và gia đình người thợ cày, kẻ mà họ đã giao phó số phận của mình, được sơn màu rực rỡ, và được kéo bởi ba con ngựa khỏe mạnh với những đồ trang sức bằng đồng lấp loáng trên bộ yên cương; trong lúc cỗ xe chở gia đình bà Durbeyfield là một cỗ xe ọp ẹp, hầu như không mang nổi gánh nặng bên trên nó; một cỗ xe chưa từng biết tới mùi sơn từ khi nó được đóng, và chỉ được kéo bởi hai con ngựa. Sự tương phản rõ rệt này chứng tỏ rằng một chủ nông trại làm ăn phát đạt đã cho xe tới chở gia đình thứ nhất, còn gia đình thứ hai ra đi với tiền túi của mình và không có nơi nào chờ đợi họ.

Khoảng cách khá xa đối với cuộc hành trình trong một ngày, và vấn đề khó khăn lớn nhất nằm ở đôi ngựa kéo xe. Dù họ đã khởi hành rất sớm, khi họ quẹo sang sườn của vùng đất cao tạo thành một phần của cao nguyên Greenhill, trời đã xế chiều. Trong lúc đôi ngựa đứng nghỉ mệt, Tess nhìn quanh. Bên dưới triền đồi, ngay trước mặt họ, là cái thị trấn nhỏ ít người sinh sống, đích đến của cuộc hành hương của họ; nơi nghỉ ngơi của những bậc tiền nhân mà cha nàng đã nhắc tới và ca hát với nỗi đau: Kingsbere, địa điểm duy nhất trong tất cả mọi địa điểm trên thế giới có thể được xem là quê nhà của dòng họ d'Urberville, vì họ đã sinh sống ở đó trong suốt năm trăm năm chẵn.

Nàng có thể nhìn thấy một người đàn ông đang tiến về phía họ, và khi nhìn thấy đặc điểm của cỗ xe, anh ta bước nhanh hơn.

“Tôi cho rằng bà chính là người mà họ gọi là bà Durbeyfield, phải không?” anh ta nói với mẹ nàng. Bà đã xuống xe để đi bộ trên phần đường còn lại.

Bà gật đầu. “Nếu tôi quan tâm tới những quyền lợi của mình, tôi có thể tự xưng là quả phụ của ngài John d’Urberville quá cố, một quý tộc nghèo. Và chúng tôi đang quay về vùng đất của tổ tiên ống.”

“Ô, vậy sao? Tôi không biết gì về việc đó; nhưng nếu bà là bà Durbeyfield, tôi được cử tới để nói với bà rằng mấy căn phòng mà bà muốn đã có người thuê. Chúng tôi không biết rằng bà sẽ đến cho tới khi nhận được thư bà hồi sáng nay, khi đã quá muộn. Nhưng chắc chắn bà có thể tìm được nơi trú ngụ ở đâu đó.”

Anh ta nhận thấy gương mặt của Tess đã tái nhợt đi khi nghe tin đó. Mẹ nàng tỏ ra tuyệt vọng. “Chúng ta sẽ làm gì bây giờ, Tess?” bà cay đắng nói. “Đây là sự chào mừng đến với vùng đất của tổ tiên con! Tuy nhiên, chúng ta hãy cố tìm xa hơn.”

Họ đi tiếp vào thị trấn, và cố hết sức tìm chỗ trọ. Tess ở lại cỗ xe để coi chừng lũ trẻ trong lúc mẹ nàng và Liza-Lu đi hỏi thăm. Một giờ sau, khi Joan quay lại và báo rằng việc tìm nơi ở của họ không có kết quả nào, người đánh xe nói họ cần phải tháo dỡ đồ đặc khói xe, vì đôi ngựa đã mệt gần chết, và ông ta buộc phải quay về, ít nhất là đi được một phần đường trong đêm đó.

“Được thôi, tháo dỡ nó tại đây” Joan nói. “Mình sẽ tìm chỗ trú ở đâu đó.”

Cỗ xe được kéo tới bên dưới bức tường của nhà thờ, ở một chỗ khuất khỏi tầm nhìn, và người xà ích, rất sẵn lòng giúp, chẳng bao lâu đã đưa xuống đất đống đổ đặc nghèo nàn. Khi ông ta xong việc, Tess trả tiền công, và trong túi nàng hầu như chỉ còn lại đồng si-ling cuối cùng. Ông ta trèo lên xe và đánh xe đi, quá mừng khi không còn dính dáng gì với một gia đình như thế. Đó là một đêm khô ráo, và ông ta đoán rằng họ sẽ không gặp bất trắc gì.

Tess nhìn đống đổ đặc với ánh mắt tuyệt vọng. Ánh nắng lạnh lẽo của buổi chiều xuân hắt lên những món đồ bằng sành, những cái ấm, bó thao được khô run rẩy trong cơn gió, những tay nắm bằng đồng của cái tủ chặn, cái nôi liều gai mà tất cả chị em nàng đã từng nằm trong đó và cái vỏ đồng hồ được đánh bóng kỹ lưỡng. Tất cả những thứ này đều được cho là phải ở bên dưới một mái nhà, và giờ đây dường như chúng đang trách móc vì bị ném ra ngoài, phơi trần dưới những đổi thay của thời tiết. Xung quanh họ là những ngọn đồi và sườn đồi từng được rừng cây che phủ - lúc này bị chia thành những mảnh đất canh tác nhỏ - và các nền nhà xanh rêu của tòa dinh thự gia tộc d'Urberville khi trước; ở mé ngoài là Egdon Heath, từng thuộc về diền trang này. Cách đó không xa mấy, có thể nhìn thấy ngôi nhà nguyện bên hông cái nhà thờ có tên là Nhà nguyện d'Urberville.

“Con có toàn quyền sử dụng cái hầm mộ gia tộc của con phải không?” mẹ của Tess nói. Bà vừa quay lại sau một chuyến thăm dò nhà thờ và nghĩa trang. “Sao chứ, dĩ nhiên là phải rồi, và đó là nơi chúng ta sẽ cắm trại, các cô gái, cho tới khi nơi chốn của tổ tiên các con tìm cho chúng ta một mái nhà. Nào, Tess, Liza và Abraham, các con hãy giúp má. Chúng ta sẽ lót một cái ổ cho mấy đứa nhỏ này, sau đó chúng ta sẽ đi tìm kiếm một vòng nữa.”

Tess thản thờ giúp mẹ, mười lăm phút sau, một cái giường bốn cột được khiêng ra từ đống đồ đạc và dựng bên dưới bức tường phía nam của nhà thờ, một phần của tòa nhà được biết với tên gọi Nhà nguyện d'Urberville, bên dưới nó là những hầm mộ lớn. Bên trên tấm màn của cái giường có một ô cửa sổ kính tuyệt đẹp nhiều màu sắc, được làm từ thế kỷ mười lăm. Nó được gọi là Cửa sổ d'Urberville, ở phần bên trên có thể nhận ra những huy hiệu gia tộc giống như những huy hiệu trên con dấu và cái muỗng cũ của nhà Durbeyfield.

Joan che những tấm màn quanh cái giường, tạo thành một cái lều kín đáo, và đặt những đứa nhỏ vào trong. "Nếu tình hình tệ nhất chúng ta cũng có thể ngủ ở đó một đêm" bà nói. "Nhưng chúng ta hãy tìm thử xa hơn, và tìm cái gì đó cho các con ăn! Ôi, Tess, cái trò kết hôn với các quý ông của con có ích lợi gì chứ, nếu nó bò mặc chúng ta thế này!"

Với Liza-Lu và cậu bé, bà lại đi ngược lên con đường dốc tách rời ngôi nhà thờ khỏi thị trấn. Khi vừa bước lên con đường lộ, họ nhìn thấy một người cưỡi ngựa đang dáo dác nhìn quanh. "À, tôi đang tìm bà!" y nói, thúc ngựa tới gần họ. "Đây thật sự là một gia đình tụ họp trên mảnh đất lịch sử!"

Đó là Alec d'Urberville. "Tess đâu rồi?" y hỏi.

Về phần cá nhân, Joan không ưa Alec. Bà ra hiệu qua loa về phía nhà thờ rồi đi tiếp. D'Urberville nói rằng y sẽ gặp lại họ, trong trường hợp họ vẫn không tìm được nơi trú ẩn, điều mà y vừa nghe nói. Khi họ đã đi, y cưỡi ngựa tới lữ quán, và giây lát sau đi bộ trở ra.

Trong lúc đó, Tess ngồi với lũ trẻ bên trong cái giường, trò chuyện với chúng một lúc, cho tới khi thấy rằng không thể làm gì để chúng thoải mái hơn, nàng đi quanh quẩn trong nghĩa trang, lúc này bắt đầu được nhuộm nâu bởi bóng tối

của buổi hoàng hôn. Cánh cửa nhà thờ không bị khóa, và nàng bước vào đó lần đầu tiên trong đời.

Trong phạm vi ô cửa sổ mà phía bên dưới đặt cái giường là những ngôi mộ của gia tộc trong nhiều thế kỷ. Một số có mái vòm, một số giống như bàn thờ trong nhà thờ, và số khác khá đơn giản; những hình chạm khắc của chúng đã bị vỡ hoặc long tróc; những vật trang trí bằng đồng bị bẻ rời, các lò đinh còn lại trông như những miệng hang chim nhạn trên một vách đá. Trong số những tàn tích cho thấy gia tộc của nàng đã hoàn toàn tuyệt tận về mặt xã hội, không có thứ nào thuyết phục hơn sự cướp phá này.

Nàng tới gần một phiến đá sẫm màu, trên khắc dòng chữ:

OSTIUM SEPULCHRI ANTIQUAE FAMILIAE
D'URBERVILLE⁽¹⁾

Tess không giỏi tiếng Latin của nhà thờ như một Hồng y giáo chủ, nhưng nàng biết rằng đây là cửa hầm mộ của tổ tiên mình, rằng những hiệp sĩ cao lớn trong lời ngâm nga bên những cốc rượu của cha nàng đang nằm trong đó.

Nàng lặng lẽ quay ra, đi ngang qua một ngôi mộ xây theo kiểu bàn thờ, kiểu lâu đài nhất trong số chúng, trên đó có một hình dáng nằm nghiêng. Trong ánh sáng nhá nhem nàng không để ý tới nó trước đó, và hầu như sẽ không để ý tới nó lúc này nếu không có một cảm giác kỳ lạ rằng nó đang chuyển động. Khi tới gần nó, nàng phát hiện ngay nó là một người sống; và cú sốc khi ý thức rằng nàng không ở đó một mình chấn động đến độ nàng hoàn toàn té liệt, ngã quỵ xuống và gần như ngất đi, cho tới khi nàng nhận ra đó là Alec d'Urberville.

Y nhảy ra khỏi đó và đỡ nàng đứng lên.

1. I.đi vào mộ đá cổ của gia tộc d'Urberville.

“Tôi đã thấy cô đi vào,” y mỉm cười, “và lên nằm ở đó để không quấy rầy những suy nghĩ của cô. Một sự tụ họp gia đình, đúng không, với những vị tổ tiên già này bên dưới chúng ta?”

Y giậm mạnh gót chân lên sàn nhà; và có một tiếng vang trầm trầm phát ra từ bên dưới.

“Tôi đảm bảo điều đó khiến họ giật mình chút xíu!” y nói tiếp. “Và cô đã tưởng tôi là một bàn sao băng đá của một trong số họ. Nhưng không. Trật tự cũ đã thay đổi. Ngón tay nhỏ bé của gã d’Urberville già mạo có thể làm cho cô nhiều thứ hơn toàn thể triều đại của những người họ d’Urberville thật sự ở bên dưới... Giờ hãy ra lệnh cho tôi. Tôi phải làm gì?”

“Đi đi!” nàng nói khẽ.

“Tôi sẽ đi. Tôi sẽ tìm mẹ cô” y ôn tồn nói. Nhưng khi đi ngang qua nàng, y thì thầm: “Hãy nhớ điều này; cô sẽ phải lề độ hơn!”

Khi y đã đi khỏi, nàng cúi người trên lối vào của hầm mộ và nói: “Vì sao tôi lại ở phía sai của cánh cửa này!”

Trong lúc đó, Marian và Izz Huett đã đi tiếp với bầy đoàn thê tử của người thợ cày về phía vùng đất Canaan của họ - Ai Cập của một gia đình khác vừa rời khỏi nó sáng hôm đó. Nhưng suốt một hồi lâu hai cô gái không nghĩ gì về nơi họ sắp tới. Đề tài trò chuyện của họ là Angel Clare và Tess, và kể đã kiên trì tán tỉnh nàng. Họ đã nghe cũng như đoán được phần nào mối quan hệ của y và nàng trước đó.

“Vẫn để sê khác hoàn toàn nếu cô ấy từng biết anh ta” Marian nói. “Điều rắc rối là anh ta từng tán tỉnh cô ấy. Nếu anh ta lại dụ dỗ được cô ấy thì thật ngàn lần đáng tiếc. Có thể Clare không bao giờ là bất cứ thứ gì của chúng ta, Izz ạ; và vì

sao chúng ta phải đỗ kỵ với cô ấy thay vì cố hòa giải họ? Giá như anh ta biết cô ấy lâm vào tình cảnh khó khăn như thế nào, và chuyện gì đang diễn ra, anh ta có thể trở về để chăm sóc cho vợ của mình."

"Chúng ta có thể báo cho anh ta biết không?"

Họ suy nghĩ về việc này trên suốt chặng đường; nhưng sự bận rộn để chuẩn bị cho nơi ở mới thu hút hết mọi chú ý của họ khi đó. Một tháng sau, khi mọi thứ đã ổn định, họ nghe nói rằng Clare sắp về nước, dù họ không biết gì hơn về Tess. Một lần nữa, họ lại nôn nao vì tình yêu đối với anh, nhưng vì rất thương mến Tess, Marian mở nút lọ mực mà họ dùng chung, và cả hai cùng suy nghĩ để viết mấy dòng sau:

Ông thân mến,

Hãy chăm lo cho vợ của ông nếu ông cũng yêu cô ấy nhiều như cô ấy yêu ông. Bởi cô ấy đang bị quyến rũ một cách tàn nhẫn bởi một kẻ thù dưới hình dạng một người bạn. Thưa ông, có một kẻ nên cách xa cô ấy lại đang ở gần cô ấy. Một phụ nữ không thể cố gắng ngoài khả năng của mình, và giọt nước nhỏ liên tục sẽ bào mòn một tảng đá, không, còn hơn thế, một viên kim cương.

Từ hai kẻ mong ước điều tốt đẹp.

Lá thư ngắn này được gửi cho Angel Clare theo địa chỉ duy nhất mà họ từng nghe nói, ngôi nhà cha xứ ở Emminster. Sau đó họ tiếp tục chìm vào một trạng thái ngất ngây vì sự khoan dung của mình; nó khiến cho họ ca hát một cách điên rồ và khóc ròng trong cùng một lúc.

PHẦN BÂY

Hoàn thành

Chương 53 - Chương 59

Chương 53

Đang là buổi chiều ở ngôi nhà cha xứ Emminster. Hai cây nến đang cháy, như thường lệ, dưới những bóng râm màu xanh của kính cửa sổ trong thư phòng của vị cha xứ, nhưng ông không ngồi ở đó. Thỉnh thoảng ông bước vào, đảo ngọn lửa nhỏ vừa đủ cho tiết trời ngày càng ôn hòa của mùa xuân, rồi lại trở ra; đôi khi dừng lại ở cửa trước một lúc, đi tới phòng khách, rồi lại quay ra cửa trước.

Nó đối diện với hướng tây, và dù bóng tối đã tràn ngập bên trong, vẫn còn đủ ánh sáng ở bên ngoài để nhìn rõ mọi thứ. Bà Clare, đang ngồi trong phòng khách, đi theo ông tới đó.

“Còn nhiều thì giờ” vị cha xứ nói. “Mãi sáu giờ nó mới tới Chalk-Newton, ngay cả khi tàu hỏa chạy đúng giờ, và mười dặm đường quê, năm dặm dọc theo làng Crimercrock, con ngựa già của chúng ta sẽ không đưa nó về quá sớm.”

“Nhưng nó từng kéo chúng ta đi trong một giờ mà ông.”

“Nhiều năm trước.”

Cứ thế họ trải qua nhiều phút, mỗi người đều biết rõ có nói gì cũng vậy thôi, phải kiên nhẫn chờ đợi.

Cuối cùng có một tiếng động khẽ trên đường, và cỗ xe với con ngựa pony già xuất hiện ở phía ngoài hàng rào song

sắt. Họ nhìn thấy một người bước xuống, và nhận ra anh, dù nếu gặp anh trên đường họ sẽ không nhận ra; chỉ là vì anh bước ra từ cỗ xe của họ đúng vào lúc họ đang đợi anh.

Bà Clare chạy qua cái hành lang tối tới cửa và ông chồng chậm rãi theo sau.

Kẻ mới tới, vừa bước vào, nhìn thấy gương mặt lo âu của họ ở cửa và ánh lấp loáng trên kính đeo mắt của họ vì họ đang đối diện với những tia nắng cuối ngày; nhưng họ chỉ có thể nhìn thấy hình dáng ngược chiều ánh sáng của anh.

“Ô, cậu bé của tôi, cậu bé của tôi, cuối cùng đã về nhà!” bà Clare kêu lên. Vào khoảnh khắc đó, bà quên mất những niềm tin phi chính thống của anh, nguyên nhân của sự phân ly này, chỉ quan tâm tới lớp bụi trên quần áo của anh. Thật sự, có người phụ nữ nào, dù nằm trong số những kẻ nhiệt thành kiếm tìm chân lý nhất, tin vào những hứa hẹn và sự đe dọa của Kinh Thánh hơn tin vào con cái của chính mình, hoặc sẽ không gạt sang một bên mọi tín điều tôn giáo của mình nếu nó đi ngược với hạnh phúc của chúng hay không? Ngay khi họ vào tới căn phòng sáng ánh nến, bà nhìn vào mặt của Angel.

“Ô, đây không phải là Angel, không phải con trai tôi, cái thằng Angel đã bò đi xa!” bà buồn bà kêu lên và quay đi.

Cả cha anh cũng bị sốc khi nhìn thấy anh; thân hình đó gầy guộc hơn nhiều so với trước do lo âu và thời tiết xấu mà anh từng trải qua ở đất nước nơi anh đã vội và tìm tới để trốn chạy những sự kiện đau lòng ở quê nhà. Bạn có thể nhìn thấy bộ xương phía sau anh, và hầu như bóng ma ở phía sau bộ xương. Trông anh rất giống bức tranh *Đấng Kitô đã chết* của Crivelli.⁽¹⁾ Đôi mắt trũng sâu, không sinh khí. Những chỗ

1. Carlo Crivelli (1430 - 1495): họa sĩ phục hưng Ý.

trũng và nếp nhăn ở các tổ tiên già nua của anh đã ngự trị trên mặt anh hai mươi năm trước thời của chúng.

“Con đã bị ốm ở đó, cha mẹ biết đấy” anh nói. “Giờ con khỏe rồi.”

Tuy nhiên, như thể để phản đối khẳng định này, đôi chân của anh dường như sụm xuống, và anh đột ngột ngồi xuống để khỏi bị té. Nó chỉ là một đòn tấn công nhẹ của sự ngất xỉu, do chuyến đi mệt mỏi và sự phấn khích khi về tới nhà.

“Gần đây có lá thư nào gửi cho con không?” anh hỏi. “Con may lắm mới nhận được lá cuối do cha gửi, nó đã bị hoãn lại khá lâu; không thì con có thể về sớm hơn.”

“Ta nghĩ đó là thư của vợ con?”

“Đúng thế.”

Chỉ có một lá thư khác vừa tới gần đây. Họ không gửi cho anh vì biết anh sẽ sớm trở về.

Anh vội vã mở lá thư vừa được cha anh giao lại, và rất đau lòng khi đọc được trong nét chữ viết tay của Tess những cảm xúc mà nàng vội bày tỏ với anh lần cuối.

Ôi chao, vì sao anh đối xử với em tàn nhẫn như thế, Angel! Em không đáng bị như thế. Em đã suy nghĩ cẩn kẽ về mọi việc, và em không bao giờ, không bao giờ có thể tha thứ cho anh! Anh biết rằng em không định làm điều sai quấy với anh, vì sao anh đối xử với em tàn tệ vậy? Anh ác lắm, thật là ác lắm! Em sẽ cõi quên anh. Đó là vì tất cả những bất công em đã nhận từ tay anh!

T.

“Hoàn toàn đúng thế!” Angel nói, ném lá thư xuống. “Có lẽ nàng sẽ không bao giờ hòa giải với con.”

“Angel, đừng quá lo âu về một đứa con đơn giản của đất!” mẹ anh nói.

“Đứa con của đất! Vâng, tất cả chúng ta đều là những đứa con của đất. Con ước gì nàng là như vậy theo nghĩa mà mẹ muốn nói; nhưng hãy để con giải thích với mẹ điều con chưa bao giờ giải thích trước đây, rằng cha của nàng là hậu duệ bên họ nội của một trong những gia tộc Norman lâu đời nhất, như khá nhiều người khác, những kẻ sống cuộc đời làm nông vô danh trong làng của chúng ta, và được gán cho cái tên ‘những đứa con của đất.’”

Sau đó anh về phòng nghỉ ngơi; và sáng hôm sau, cảm thấy cực kỳ khó ở, anh nằm lại trong phòng và suy nghĩ. Khi anh nhận được lá thư dịu dàng của nàng ở nam xích đạo, dường như việc nhanh chóng trở lại với vòng tay của nàng vào khoảnh khắc anh tha thứ cho nàng là một điều dễ nhất trần đời; giờ đây khi anh đã trở về, nó không quá dễ dàng như nó có vẻ nữa. Nàng yêu rất mành liệt, và lá thư mới nhất của nàng cho thấy đánh giá của nàng về anh đã thay đổi do sự trì hoãn của anh - đã thay đổi một cách quá công bình, anh buồn rầu thừa nhận. Điều này khiến anh phải tự hỏi liệu có khôn ngoan hay không khi bất ngờ gặp mặt nàng trước sự có mặt của cha mẹ nàng. Nếu cho rằng tình yêu của nàng đã thật sự chuyển thành sự ghét bỏ trong mấy tuần xa cách cuối cùng, một cuộc gặp bất ngờ có thể dẫn tới những lời cay đắng.

Do đó Clare nghĩ tốt hơn nên chuẩn bị tinh thần cho Tess và gia đình nàng bằng cách gửi một dòng tin tới Marlott thông báo rằng anh đã trở về và bày tỏ hy vọng của anh rằng nàng vẫn còn sống với họ ở đó, như anh đã sắp xếp cho nàng khi rời khỏi nước Anh. Anh gửi thông điệp này ngay hôm đó, và trước cuối tuần, có một hồi âm ngắn từ bà Durbeyfield, và nó không giúp anh bớt bối rối chút nào, vì nó không ghi một địa chỉ nào cả, và anh ngạc nhiên khi nó không được viết từ Marlott.

Thưa ông,

Tôi viết vài dòng này để nói rằng con gái tôi hiện ở xa tôi, và tôi không chắc khi nào nó trở lại, nhưng tôi sẽ báo cho ông biết ngay khi nó trở lại. Tôi không tiện nói cho ông biết nơi nó tạm thời trú ngụ. Tôi chỉ có thể nói rằng tôi và gia đình tôi đã rời khỏi Marlott một thời gian.

Trân trọng,

J. DURBEYFIELD

Anh cảm thấy nhẹ nhõm khi biết rằng ít nhất rõ ràng là Tess vẫn ổn, thế nên sự kín đáo của mẹ nàng về nơi ở của nàng không làm cho anh buồn bã lâu. Rõ ràng họ đang giận anh. Anh sẽ chờ cho tới khi bà Durbeyfield thông báo sự trở về của Tess, mà lá thư của bà ngụ ý là sẽ sớm thôi. Anh không đáng được hơn thế. Tình yêu của anh là một tình yêu “thay đổi khi tìm được sự đổi thay”.⁽¹⁾ Anh đã trải qua một số kinh nghiệm lạ lùng ở nước ngoài; anh đã nhìn thấy một Faustina ảo trong một Cornelia đúng nghĩa, một Lucretia tinh thần trong một Phryne vật chất;⁽²⁾ anh đã nghĩ về người phụ nữ bất hạnh như một kẻ đáng bị ném đá, về vợ của Uriah⁽³⁾ được phong làm hoàng hậu; và anh tự hỏi vì sao anh đã không phán xét nàng dựa trên thế giới nội tâm

1. Trích bài Sonnet 116 của William Shakespeare.

2. Faustina, vợ của Hoàng đế La Mã Antoninus khét tiếng dâm loạn; có hai Cornelia nổi danh về đức hạnh; một là mẹ của anh em nhà Gracchi (hai chính trị gia La Mã sống vào thế kỷ thứ hai); một là vợ của Pompey (chính khách La Mã sống vào thế kỷ thứ nhất). Nàng Lucretia trinh bạch đã tự tử khi bị Tarquinius (hoàng đế cuối cùng của đế chế La Mã) cưỡng hiếp; Phryne là một cô gái diêm悍 sang người Ai Cập.

3. Bathsheba: vợ của Vua David, mẹ của Vua Solomon. Theo Kinh Thánh, Vua David đã nhìn thấy nàng tắm và yêu nàng mê mẩn. Ông đã phong nàng làm hoàng hậu.

của nàng thay vì hoàn cảnh bên ngoài, dựa trên hành động thay vì ý muốn?

Một hai ngày trôi qua trong lúc anh chờ lá thư thứ hai mà bà Durbeyfield đã hứa, và phục hồi được phần nào sức khỏe. Sau đó anh lục tìm lá thư cũ Tess đã viết ở Flintcomb-Ash và gửi tới Brazil để đọc lại. Những câu chữ giờ vẫn làm anh xúc động không khác chi lúc anh đọc chúng lần đầu:

...Em phải khóc với anh trong cơn khốn khổ của em - em không còn ai khác!... Em nghĩ em phải chết nếu anh không sớm trở về, hoặc bảo em tới với anh... xin anh, xin anh, đừng quá công bình... Nếu anh tới, em có thể chết trong vòng tay của anh! Em sẽ vui lòng làm điều đó nếu nhờ thế mà anh tha thứ cho em!... nếu anh gửi cho em một dòng ngắn ngủi bảo rằng, "Tôi sẽ sớm trở về," em sẽ cố gắng chịu đựng tiếp, Angel - Ở một cách rất vui vẻ!... cứ nghĩ tim em sẽ đau đớn thế nào nếu em không bao giờ, không bao giờ được gặp anh nữa! Ôi chao, giá như em có thể làm cho trái tim anh đau nhói chỉ trong một phút ngắn ngủi như trái tim em đau nhói suốt cả ngày dài, nó sẽ khiến cho anh thương xót người vợ cô độc đáng thương của anh... Em sẽ rất vui mừng sống với anh như một người tôi tớ, nếu không thể là vợ của anh; miễn sao em có thể được gần anh, và nhìn thấy anh, và nghĩ rằng anh là chồng của em... Em chỉ khát khao một điều trên cõi trời cao, ở thế gian này, hay ở dưới lòng đất, là được gặp anh, anh yêu của em! Hãy tới với em - tới với em, và cứu em thoát khỏi thứ đang đe dọa em!...

Clare quyết định rằng anh sẽ không tin vào cách nhìn nghiêm khắc hơn và gần đây hơn của nàng đối với anh, và sẽ lập tức lên đường tìm nàng. Anh hỏi cha anh nàng có hỏi xin bất cứ khoản tiền nào hay không trong lúc anh đi vắng. Cha anh đáp là không. Lần đầu tiên Angel mới sực nghĩ ra rằng lòng kiêu hãnh của nàng đã chặn đường nàng, và nàng

đã phải chịu nhiều thiến thốn. Từ những nhận xét của anh, lúc này cha mẹ anh bắt đầu thấu hiểu nguyên nhân thật sự của sự phân ly; và tinh thần Thiên Chúa giáo của họ khiến họ dành cho kẻ tội lỗi đó một mối quan tâm đặc biệt, một tình cảm dịu dàng mà ngay cả huyết thống, sự giàn dị, thậm chí sự nghèo khổ của nàng vẫn không khơi dậy được.

Trong lúc gói ghém một số vật dụng cho chuyến đi, anh thoảng nhìn thấy thông điệp đơn giản ngắn gọn mới vừa tới nơi - lá thư của Marian và Izz Huett, bắt đầu với câu: “Ông thân mến, hãy chăm lo cho vợ ông nếu ông cũng yêu cô ấy nhiều như cô ấy yêu ông” và chữ ký, “Từ hai kẻ mong ước điều tốt đẹp.”

Chương 54

Mười lăm phút sau, Clare rời khỏi nhà. Mẹ anh nhìn theo thân hình gầy guộc đó cho tới khi nó biến mất trên đường. Anh đã mượn con lừa già của cha mình, dù biết nó rất cần thiết đối với gia đình. Anh tới một lữ quán, thuê một cỗ xe, và hầu như không thể chờ trong lúc nó được thăng vào xe. Vài phút sau, anh ngược lên ngọn đồi mé ngoài thị trấn mà hai ba tháng trước trong năm, Tess đã đi xuống với những niềm hy vọng và đi lên với những mong ước đổ vỡ tan tành.

Không lâu sau đó, đường Benvill Lane trải ra phía trước anh, cây cối và hàng rào đỏ thắm với những nụ hoa; nhưng anh không để ý tới chúng, chỉ tự nhắc nhở mình cảnh tượng đủ để cho phép anh tiếp tục hành trình. Khoảng một tiếng rưỡi sau, anh tới vùng ngoại ô phía nam của các dien trang vùng King's Hintock và đi ngược lên về phía địa điểm Cross-in-Hand lui quanh, địa điểm của tảng đá lỗi nơi Alec d'Urberville, trong cơn say cài đao, đã ép nàng phải thế lời thề lị lùng rằng nàng sẽ không bao giờ quyến rũ y nữa. Những nhánh tẩm ma xanh nhợt và xơ xác của năm trước vẫn nằm phơi trần trên những bờ đất, và những cây tẩm ma non của hiện tại vừa nhú lên mặt đất.

Từ đó, anh đi dọc theo rìa của vùng cao nguyên bên trên những điển trang Hintock khác, và ngoặt sang mé phải, tiến vào vùng đất đá vôi Flintcomb-Ash, nơi từ đó Tess đã báo cho anh biết trong một lá thư, nơi anh cho là chỗ tạm trú mà mẹ nàng đã ám chỉ. Dĩ nhiên anh không tìm thấy nàng ở đây; và anh càng thắt vọng hơn khi phát hiện ra rằng những thôn dân hoặc chính bản thân người chủ trại chưa bao giờ nghe nói tới “ông Clare”, dù họ còn nhớ rõ tên thánh của Tess. Rõ ràng nàng chưa bao giờ sử dụng tên anh trong thời gian họ xa nhau, và sự cao thượng của nàng càng hiển nhiên hơn với sự vất vả nhọc nhằn mà nàng đã chọn (giờ anh mới biết về nó lần đầu) thay vì yêu cầu cha anh trợ cấp.

Những dân cư ở đây nói với anh rằng Tess Durbeyfield đã lên đường, không thông báo theo đúng thể thức, tới quê nhà nàng ở đầu kia thung lũng Blackmoor, và do đó anh phải tìm gặp bà Durbeyfield. Bà đã nói với anh giờ bà không còn ở Marlott, nhưng không nói rõ địa chỉ thật của mình, và cách duy nhất là tới Marlott để hỏi thăm. Người chủ trại từng đối xử rất thô lỗ với Tess giờ lại rất lễ độ với Clare, cho anh mượn một con ngựa và một người xà ích để đưa anh tới Marlott, còn cỗ xe đã chờ anh tới được gửi trả về Emminster, vì anh chỉ mượn nó trong vòng một ngày.

Clare chỉ mượn cỗ xe của người chủ trại để tới mé ngoài thung lũng; sau khi cho người xà ích quay về, anh tới nghỉ tạm ở một lữ quán, và hôm sau đi bộ vào vùng đất từng là nơi chôn nhau cắt rún của Tess thân yêu. Hãy còn quá sớm để nhiều màu sắc xuất hiện trong những khu vườn và trên các tán cây; cái gọi là mùa xuân vẫn còn là mùa đông được phủ lên một lớp áo khoác mỏng màu xanh, và những hy vọng của anh cũng thế.

Ngôi nhà nơi Tess đã trải qua những năm thơ ấu giờ có một gia đình khác trú ngụ, và họ chưa hề biết nàng. Những

người mới đang ở trong vườn, chỉ quan tâm những chi tiết liên quan tới họ như thể ngôi nhà này chưa từng gắn với lịch sử của những kẻ khác, và Clare cũng không mấy quan tâm tới lịch sử của chính họ. Họ đi lại trên lối mòn trong vườn với ý nghĩ hoàn toàn dành cho những mối quan tâm của họ, và các cử động của họ dường như xúc phạm tới những bóng ma lờ mờ sau lưng họ; họ nói năng như thế thời gian Tess sống ở đó chẳng là gì so với hiện tại. Ngay cả lũ chim mùa xuân cũng hót líu lo trên đầu họ như thể nghĩ rằng chưa từng có ai rời khỏi chốn này.

Khi hỏi thăm những con người già đơn đến độ thậm chí không nhớ tên của những kẻ đã ở đó trước mình, anh biết rằng John Durbeyfield đã qua đời; rằng người vợ góa của ông và lũ trẻ đã rời khỏi Marlott, bảo rằng họ sẽ tới sống ở Kingsbere, nhưng thay vì làm như thế đã tới một nơi khác mà họ từng nhắc tới. Tới lúc này Clare bắt đầu thấy chán ghét ngôi nhà không còn dung chứa Tess, và vội vã rời khỏi đó, không một lần ngoái lại.

Anh đi ngang qua cánh đồng nơi anh đã nhìn thấy nàng lẩn đầu trong đám thiếu nữ đang nhảy múa. Nó cũng tệ như ngôi nhà - thậm chí tệ hơn. Anh đi tiếp qua nghĩa trang. Giữa những bia mộ mới, anh nhìn thấy một tấm bia được thiết kế cầu kỳ hơn hẳn. Những chữ khắc trên đó như sau:

Tưởng nhớ John Durbeyfield, thuộc dòng dõi d'Urberville, gia tộc quyền thế một thời, và là hậu duệ dòng chính của Ngài Pagan d'Urberville, một trong số các Hiệp sĩ của Kẻ chinh phục. Mất ngày 10 tháng Ba, năm 18...

KÈ QUYỀN QUÝ ĐÃ SUY TÀN THẾ ĐÓ

Một người, rõ ràng là người kéo chuông nhà thờ, đã nhìn thấy Clare đứng đó, và bước tới gần. “Chào ông, đó là

một người không muốn nằm ở đây, mà ao ước được đưa tới Kingsbere, nơi chôn cất các tiền nhân của ông ta."

"Vì sao họ không tôn trọng ước muốn của ông ta?"

"Ô, vì không có tiền. Cầu phúc cho linh hồn của ông, thưa ông. Sao chứ, tôi không muốn nói điều này ở khắp nơi, nhưng... ngay cả tấm bia này, với mọi ngôn từ hoa mỹ bên trên nó, vẫn chưa được thanh toán."

"Ô, ai đã dựng nó lên?"

Người đó nói tên của một thợ đục đá trong thôn, và Clare rời khỏi đó, tới nhà của người thợ. Anh nhận ra phát biểu đó là đúng, và trả tiền công. Xong việc, anh đi tiếp về hướng của những kẻ di cư.

Quãng đường quá xa cho một cuộc đi bộ, nhưng Clare muốn được ở một mình đến độ thoát tiên anh không thuê xe cũng không tìm đến một nhà ga gần đó để cuối cùng tới được nơi cần tới. Tuy nhiên, khi tới Shaston, anh nhận ra mình phải thuê xe, nhưng do đường xá gập ghềnh, mãi tới khoảng bảy giờ chiều anh mới tới chỗ của Joan sau khi vượt qua khoảng cách trên hai mươi dặm từ khi rời khỏi Marlott.

Do làng này nhỏ, anh không khó khăn mấy trong việc tìm kiếm nơi thuê nhà của bà Durbeyfield. Đó là một ngôi nhà trong một khu vườn có tường bao, cách xa đường lộ, nơi bà đã cố gắng nhốt nhét càng nhiều càng tốt những đồ đặc cù kỹ của mình. Rõ ràng, vì một lý do nào đó, bà không muốn anh ghé thăm, và anh cảm thấy cuộc thăm viếng của mình giống như một sự xâm phạm. Bà bước ra cửa, và ánh sáng từ bầu trời chiếu hắt lên mặt bà.

Đây là lần đầu tiên Clare gặp bà, nhưng tâm trí anh chìm đắm vào suy nghĩ đến độ chỉ nhận thấy rằng bà vẫn còn là một phụ nữ đẹp, với y phục của một quả phụ khà

kinh. Anh buộc phải giải thích rằng anh là chồng của Tess, nói rõ mục đích của anh khi tới đây, và anh khá lúng túng khi thực hiện điều này. “Tôi muốn gặp cô ấy ngay” anh nói thêm. “Bà đã nói bà sẽ viết thư cho tôi lần nữa, nhưng bà chưa làm việc đó.”

“Vì nó không về nhà” Joan đáp.

“Bà có biết cô ấy sống ổn hay không?”

“Tôi không biết. Nhưng ông phải biết, thưa ông” bà nói.

“Tôi thừa nhận điều đó. Giờ cô ấy đang ở đâu?”

Từ đầu cuộc trò chuyện, Joan đã để lộ sự lúng túng của mình bằng cách áp bàn tay lên gò má.

“Tôi... không biết đích xác nó đang ở đâu” bà đáp. “Nó... nhưng...”

“Cô ấy ở đâu?”

“Giờ nó không ở đó.”

Bà lại im lặng, lảng tránh câu trả lời, lúc này những đứa trẻ đã len lén tới cửa. Và đứa bé nhất vừa kéo váy của bà vừa thì thầm: “Đây có phải là quý ông sẽ cưới chị Tess không má?”

“Ông ta đã cưới nó” Joan khẽ đáp. “Vào trong nhà đi.”

Clare nhìn thấy những cỗ gắng che giấu của bà, và hỏi:

“Bà có nghĩ Tess sẽ muốn tôi cỗ gắng tìm cô ấy không? Nếu không, tất nhiên...”

“Tôi không nghĩ thế.”

“Bà chắc chứ?”

“Tôi chắc chắn nó sẽ không.”

Anh đã quay đi; rồi anh nghĩ tới lá thư dịu dàng của Tess.

“Tôi chắc chắn cô ấy muốn!” anh hăng hái phản đối. “Tôi hiểu cô ấy rõ hơn bà.”

“Cũng có thể là thế, thưa ông; vì tôi chưa bao giờ thật sự hiểu nó.”

“Xin hãy cho tôi biết địa chỉ của cô ấy, bà Durbeyfield, với lòng tốt dành cho một kẻ khốn khổ!” mẹ nàng lại đưa tay chà xát lên gò má, và cuối cùng, khi nhìn thấy vẻ đau khổ của anh, bà nói khẽ:

“Nó ở Sandbourne.”

“Ô, ở nơi nào tại đó? Sandbourne đã trở thành một thị trấn lớn, họ bảo thế.”

“Tôi không biết cụ thể hơn mức tôi đã nói - Sandbourne. Vì bản thân tôi chưa bao giờ tới đó.”

Rõ ràng Joan đã nói thật, và anh không ép bà thêm nữa.

“Bà có cần bất cứ thứ gì không?” anh ôn tồn hỏi.

“Không, thưa ông. Chúng tôi đã được cung cấp khá đầy đủ.”

Clare quay đi, chưa hề bước vào ngôi nhà. Có một nhà ga cách đó ba dặm. Sau khi đã trả tiền công cho người xà ích, anh đi bộ về hướng đó. Chuyến tàu tới Sandbourne rời ga sau đó không lâu, mang theo Clare trên những bánh xe của nó.

Chương 55

Vào mươi một giờ đêm đó, sau khi đã đặt phòng ở một khách sạn và lập tức đánh điện cho cha anh thông báo địa điểm đã tới, anh đi xuống phố. Đã quá khuya để hỏi thăm bất cứ một ai, và anh miễn cưỡng tạm hoãn mục đích của mình cho tới sáng. Nhưng anh vẫn chưa thể quay về để nghỉ ngơi.

Cái thị trấn duyên hải tân thời này, với những nhà ga ở phía đông và phía tây, những cầu tàu, những cụm rừng thông, những nơi chốn để dạo chơi, và những khu vườn có tường bao, đối với Angel, giống như một nơi chốn thần tiên được bắt ngờ tạo ra bởi một cái vẩy của chiếc đũa thần, và cho phép nó giữ lại chút ít vẻ xưa cũ. Một con đường dẫn tới vùng trảng Egdon bao la ở hướng đông gần ngay đó, thế nhưng ngay ở mép rìa của vùng đất cổ xưa đó, một thị trấn mới mè lấp lánh đã chọn để mọc lên. Trong phạm vi một dặm từ các ngoại ô của nó, mỗi mô đất đều thuộc về thời tiền sử, mỗi con kênh là một thùy lô yên tĩnh; không một lớp đất nào bị lật lên từ thời của các hoàng đế La Mã. Thế nhưng sự ngoại lai đã mọc lên ở đây, đột ngột như dây bầu của nhà tiên tri;⁽¹⁾ và đã thu hút Tess tới đây.

1. Chỉ Jonah, một nhân vật trong Kinh Thánh. Ông được Chúa Trời cho một dây bầu, nhưng nó mọc lên và chết đi chỉ trong một ngày đêm. Xem Jonah 4: 6-10.

Dưới ánh đèn đường, anh rào bước trên những con đường quanh quẹo của cái thế giới mới bên trong một thế giới cũ này, có thể nhìn thấy giữa những hàng cây và trên nền trời sao những mái nhà cao ngất, những ống khói, vọng lâu, và tòa tháp của vô số nhà cửa tuyệt vời mà nơi này chưa đựng. Nó là một thành phố của những tòa nhà biệt lập; một nơi chốn dạo chơi thời Trung cổ bên trên Kênh nước Anh; và trong bóng đêm, đường như nó tuyệt vời hơn so với ban ngày.

Biển ở ngay bên cạnh, nhưng không ồn ào; nó rì rầm, anh nghĩ đó là âm thanh của những hàng thông, những hàng thông rì rào với chính xác cùng một giọng; và anh nghĩ chúng là biển cả.

Tess có thể ở nơi nào, một cô gái quê, người vợ trẻ của anh, giữa tất cả những cảnh tượng giàu sang thời thượng này? Càng ngẫm nghĩ, anh càng bối rối. Làm gì có con bò nào để vắt sữa ở đây? Tất nhiên cũng không có ruộng đồng để canh tác. Chắc chắn nàng đã được thuê làm công việc gì đó ở một trong những ngôi nhà to lớn này. Anh đi thơ thẩn, nhìn những cửa sổ phòng và ánh đèn phát ra từ bên trong, rồi tự hỏi đâu là cửa sổ phòng nàng.

Phỏng đoán chỉ là vô ích. Sau mười hai giờ, anh bước vào phòng và lên giường. Trước khi tắt đèn, anh đọc lại lá thư thiết tha của Tess. Tuy nhiên anh không ngủ được - quá gần nàng, nhưng lại quá xa nàng - và anh liên tục nhắc tấm màn che cửa sổ lên, nhìn những ngôi nhà đối diện, tự hỏi lúc này nàng đang say ngủ sau khung cửa kính nào.

Anh thao thức gần như suốt đêm, ngồi dậy lúc bảy giờ, và sau đó không lâu bước ra ngoài, đi về hướng tòa bưu điện chính. Ở cửa, anh gặp một viên bưu tá đang bước ra với những lá thư để giao trong buổi sáng.

“Ông có biết địa chỉ của một bà Clare hay chẳng?” anh hỏi. Người bưu tá lắc đầu.

Sau đó, nhớ rằng có thể nàng tiếp tục sử dụng cái tên thời con gái của mình, anh nói: “Hoặc của một cô Durbeyfield?”

“Durbeyfield?”

Cái tên này cũng xa lạ đối với viên bưu tá.

“Những du khách tới và đi hàng ngày như ông biết, thưa ông” ông ta nói. “Và nếu không có tên của ngôi nhà thì không thể tìm được họ.”

Ngay lúc đó, một trong các đồng nghiệp của ông ta vội vã bước ra, và cái tên được lặp lại với người này.

“Tôi không biết ai tên là Durbeyfield; nhưng có cái tên d’Urberville ở chỗ Những Con Diệc” người thứ hai nói.

“Đúng rồi!” Clare kêu lên, hài lòng khi nàng đã đổi lại cái họ thật sự. “Những Con Diệc là gì?”

“Một tòa nhà có phòng cho thuê thời thượng. Ở đây toàn là những tòa nhà có phòng cho thuê, chúc ông may mắn.”

Clare lắng nghe lời hướng dẫn để tìm ngôi nhà, vội vã đi tới đó, và tới nơi cùng một người giao sữa. Tòa nhà Những Con Diệc, dù là một biệt thự thông thường, tọa lạc trong đất riêng của nó, và dĩ nhiên là nơi cuối cùng mà người ta mong đợi tìm được một phòng cho thuê. Nó có vẻ ngoài rất riêng tư. Nếu Tess tội nghiệp là người hầu ở đây, như anh nghĩ, nàng sẽ đi tới cửa sau để gặp người giao sữa, và anh toan cùng đi với ông ta tới đó. Tuy nhiên, không biết sao anh lại trở ra cửa trước và giật chuông.

Lúc đó hay còn sớm, bà chủ nhà đích thân ra mở cửa. Clare hỏi tìm Teresa d’Urberville hoặc Durbeyfield.

“Bà d’Urberville?”

“Vâng.”

Vậy là Tess đã tự xưng với tư cách một phụ nữ đã có chồng, và anh cảm thấy vui mừng, dù nàng không theo họ của anh.

“Xin bà vui lòng nói với cô ấy rằng một người bà con đang nóng ruột muốn gặp cô ấy.”

“Hãy còn khá sớm. Tôi sẽ báo tên gì, thưa ông?”

“Angel.”

“Ông Angel?”

“Không, chỉ Angel. Đó là tên thánh của tôi. Cô ấy sẽ hiểu.”

“Tôi sẽ thử xem bà ấy đã thức dậy chưa.”

Anh được đưa tới căn phòng phía trước - phòng ăn. Anh đứng nhìn ra bãi cỏ nhỏ bên ngoài qua những tấm màn cửa sổ, những bụi đồ quê và bụi cây khác bên trên nó. Rõ ràng địa vị của nàng không tệ như anh đã e ngại, và anh chợt nghĩ rằng hẳn là bằng cách nào đó nàng đã yêu cầu và bán số nữ trang để đạt được vị trí này. Anh không hề trách nàng chút nào. Không lâu sau đó, đôi tai thính của anh phát hiện tiếng chân trên gác, và tim anh đập mạnh đến độ anh hầu như không đứng vững. “Ôi trời! Nàng sẽ nghĩ gì về mình, mình đã thay đổi quá nhiều!” anh tự nhủ; và cánh cửa mở ra.

Tess xuất hiện trên ngưỡng cửa - không hề giống như anh mong đợi. Thật sự khác hẳn đến mức gây choáng váng. Vẻ đẹp tự nhiên của nàng, nếu không hơn trước, rõ ràng đã được tôn lên nhờ y phục. Nàng mặc một cái áo ngủ bằng vài len màu trắng xám, với những đường thêu đen nhạt, và mang một đôi dép cùng màu. Bên dưới cổ nàng là những đường diềm xếp nếp, mái tóc nâu sẫm đáng nhớ của nàng được cuộn lên thành búi sau gáy một phần và xõa xuống vai nàng một phần - kết quả rõ ràng của sự hấp tấp.

Anh đã dang rộng vòng tay, nhưng chúng rơi xuống hông anh trở lại; bởi nàng không bước tới, vẫn đứng im ở cửa. Giờ anh chỉ là một bộ xương vàng vụt, anh cảm thấy sự tương phản giữa họ, và nghĩ ngoại hình của anh làm cho nàng khó chịu.

“Tess!” anh nói khàn khàn. “Em có thể tha thứ cho tôi vì đã đi xa hay không? Em có thể... tới với tôi không? Làm sao em trở thành... như thế này?”

“Đã quá muộn” nàng nói. Giọng nàng vang lên khô khan qua căn phòng, đôi mắt nàng long lanh một cách khác thường.

“Tôi đã không nghĩ đúng về em... Tôi đã không nhìn thấy em như em là!” anh tiếp tục van nài. “Tôi đã hiểu được kể từ lúc đó, Tess thân yêu nhất của tôi!”

“Quá muộn, quá muộn!” nàng nói, vẩy tay với sự nôn nóng của một kè mà những đòn tra tấn biến từng khoảnh khắc thành một giờ dài dằng dặc. “Đừng đến gần em, Angel! Không, anh không được. Hãy đứng xa ra.”

“Nhưng phải chăng em không yêu tôi, vợ yêu của tôi, vì tôi đã xuống dốc thê thảm do bệnh tật? Em không thay đổi như thế... tôi đến tìm em là có mục đích... giờ cha mẹ tôi sẽ chào đón em!”

“Phải, ô, phải, phải! Nhưng em nói, em nói rằng đã quá muộn rồi.”

Dường như nàng cảm thấy giống như một kè chạy trốn trong một giấc mơ, muốn bỏ chạy nhưng không thể. “Anh không biết gì sao... anh không biết hay sao? Thế nhưng làm sao anh tới đây được nếu anh không biết?”

“Tôi đã hỏi thăm khắp nơi, và tìm được đường tới đây.”

“Em đã chờ anh, chờ anh mãi” nàng nói tiếp, giọng của nàng đột nhiên có lại vẻ xúc động bi ai. “Nhưng anh đã không tới! Và em đã viết cho anh, anh vẫn không tới! Ông ta cứ nói rằng anh sẽ không bao giờ tới nữa, rằng em là một kẻ ngu ngốc. Ông ta rất tốt với em, má em, và tất cả chúng em từ khi tía chết. Ông ta...”

“Tôi không hiểu.”

“Ông ta đã có lại em.”

Clare nhìn nàng chăm chú, rồi khi hiểu ra ý nàng muốn nói, anh run lấy bẩy như một người lên cơn sốt, và ánh mắt anh chìm xuống; nó rơi xuống đôi bàn tay của nàng, trước kia đỏ hồng, giờ trắng muốt và càng thanh mảnh.

Nàng nói tiếp:

“Ông ta ở trên gác. Giờ em ghét ông ta, vì ông ta đã lừa dối em - rằng anh sẽ không tới nữa; và anh đã tới! Nhưng y phục này là thứ ông ta đã đặt lên người em: em không quan tâm tới những gì ông ta đã làm với em! Nhưng anh hãy đi đi, Angel, xin anh, và đừng bao giờ đến nữa!”

Họ đứng sững sờ bất động, nhìn nhau với ánh mắt bi thương. Dường như cả hai đang cầu khẩn có thứ gì đó che chở họ khỏi thực tại.

“Trời, đó là lỗi của tôi!” Clare nói.

Nhưng anh không thể nói tiếp. Lời nói không diễn đạt nhiều bằng sự im lặng. Nhưng anh lờ mờ nhận ra một điều, dù nó rất mơ hồ với anh cho tới lúc này; rằng vẻ mặt tinh thần Tess ngày xưa của anh đã thôi công nhận thân thể đứng trước anh là của nàng - cho phép nó trôi dạt, như một xác chết trên dòng nước, theo một hướng ngược với ý muốn của nó trong khi còn sống.

Vài phút trôi qua, và anh nhận ra Tess đã đi khỏi đó. Mặt anh càng lúc càng lạnh và teo quắt lại trong lúc anh đứng trầm ngâm, và giây lát sau, anh nhận thấy mình đang ở trên đường, với những bước chân không biết về đâu.

Chương 56

Bà Brooks, chủ nhân của tòa nhà *Những Con Diệc* và tất cả những món đồ nội thất xinh đẹp không phải là loại người quá hiếu kỳ. Buộc phải phục vụ cho con quỷ Lợi nhuận và Tổn thất đầy tính toán đó quá lâu, bà ta, người phụ nữ tội nghiệp đó, đã lún quá sâu vào những vấn đề vật chất và chỉ quan tâm tới chúng, ngoài những túi tiền của khách thuê phòng. Dù sao chuyến thăm viếng của Angel Clare dành cho khách thuê sập của bà, ông và bà d'Urberville, như bà nghĩ, khác thường về thời điểm cùng cách thức đến mức nó đủ sức khôi phục óc mò mò nữ giới vốn đã bị dập tắt từ lâu như một thứ vô dụng, vì không phục vụ cho công việc làm ăn.

Tess đã nói chuyện với chồng từ cửa, không bước vào phòng ăn, và bà Brooks, lúc đó đứng bên trong cánh cửa mở hé của phòng khách của chính bà ở phía sau hành lang, có thể nghe loáng thoảng cuộc đối thoại của họ, nếu có thể gọi đó là đối thoại. Bà nghe thấy Tess bước trở lên cầu thang tới tầng thứ nhất, sự rời khỏi của Clare, và tiếng đóng lại của cánh cửa trước sau lưng anh. Khi đó cánh cửa của căn phòng bên trên cũng được đóng lại, và bà biết rằng Tess đã bước vào phòng. Vì quý cô trẻ tuổi chưa mặc y phục ra đường, bà biết rằng nàng sẽ không xuất hiện trong một lúc.

Sau đó, bà nhẹ nhàng bước lên cầu thang và đứng ở cửa của căn phòng phía trước, một phòng khách, nối liền với căn phòng phía sau nó (một căn phòng ngủ) bởi những cánh cửa xếp theo lối thông thường. Tầng thứ nhất này, bao gồm những căn hộ tốt nhất của bà Brooks, đã được vợ chồng d'Urberville thuê cả tuần nay. Lúc này căn phòng phía sau lặng im; nhưng có những âm thanh đến từ phòng khách.

Thoạt tiên những gì bà có thể nghe rõ là một âm tiết, liên tục lặp lại với giọng than vãn khe khẽ, như thể nó đến từ một linh hồn bị cột vào cái bánh xe của Ixion:⁽¹⁾ “Ôi... Ôi... Ôi!”

Sau đó là sự im lặng, rồi một tiếng thở dài nặng nề, rồi lại “Ôi... Ôi... Ôi!”

Bà chủ nhà nhìn qua lỗ khóa. Chỉ có thể thấy được một khoảng không gian nhỏ trong phòng, nhưng trong khoảng không gian đó có một góc của cái bàn điểm tâm, với bữa sáng đã dọn ra, và một cái ghế ở bên cạnh. Mặt của Tess cúi gầm trên chỗ ngồi của ghế, đáng diệu của nàng cho thấy nàng đang quỳ phía trước cái ghế; hai tay nàng ôm chặt đầu, phần dưới của chiếc váy ngủ, và phần gấu váy thêu trải ra trên sàn phía sau nàng, đôi bàn chân trần của nàng, vì đôi dép đã tuột khỏi chúng, thò ra bên trên tấm thảm. Từ môi nàng phát ra tiếng thì thầm của nỗi tuyệt vọng không thể nói thành lời.

Rồi giọng của một người đàn ông từ căn phòng ngủ phía sau:

“Có chuyện gì thế?”

Nàng không đáp, và tiếp tục, với một giọng có tính chất độc thoại hơn là cảm thán, và có tính chất bi ca hơn là độc thoại. Bà Brooks chỉ nghe được một phần của nó:

1. Theo thần thoại Hy Lạp, Ixion là vua của một nước nhỏ. Ông phạm lỗi với thần Zeus và bị cột vào một chiếc bánh xe có cánh luôn quay liên tục.

“Thế là chồng yêu dấu của tôi đã về và đến tìm tôi... và tôi không hề biết!... Ông đã lợi dụng tôi với lời thuyết phục tàn ác... ông đã không ngừng sử dụng nó - không - ông đã không ngừng! Những nhu cầu của đàn em nhỏ dại của tôi và của má tôi... đó là thứ mà ông đã sử dụng để lung lạc tôi... và ông đã nói chồng tôi sẽ không bao giờ quay lại... không bao giờ; ông đã mắng nhiếc tôi, bảo rằng tôi là một đứa ngú đắn khi cứ mong đợi anh ấy!... Và cuối cùng tôi đã tin ông và đầu hàng!... Thế rồi anh ấy trở về! Giờ anh ấy đã đi. Đi lần thứ hai, và giờ tôi đã đánh mất anh ấy mãi mãi... Anh ấy sẽ không yêu tôi chút nào nữa, chỉ có ghét tôi!... Ô, phải, giờ tôi đã đánh mất anh ấy - một lần nữa, vì ông!”

Trong lúc quắn quại, với đầu đặt trên ghế, nàng quay mặt về phía cửa, và bà Brooks có thể thấy nỗi đau trên đó, cũng như đôi môi đang chảy máu của nàng vì nàng đã cắn vào chúng, và đôi hàng mi dài của nàng ướt đầm nước mắt. Nàng nói tiếp: “Và anh ấy sắp chết - trông anh ấy như thể đang sắp chết!... Tôi lỗi của tôi sẽ giết chết anh ấy chứ không giết chết tôi! Ôi, ông đã xé tan rời tôi thành từng mảnh... biến tôi trở thành thứ mà tôi đã cầu khẩn ông hãy thương xót đừng biến tôi thành lần nữa!... Người chồng thật sự của tôi sẽ không bao giờ, không bao giờ... Trời ơi, tôi không thể chịu đựng nổi điều này!... Tôi không thể!”

Có những lời gay gắt hơn từ người đàn ông; rồi một tiếng sột soạt đột ngột; Tess đã đứng lên. Nghĩ rằng nàng sẽ chạy ra khỏi cửa, bà Brooks vội vã rút lui trở xuống.

Tuy nhiên, bà không cần làm điều đó, bởi cánh cửa phòng khách không mở ra. Nhưng bà cảm thấy sẽ không an toàn nếu quan sát ở đầu cầu thang lần nữa, và bước vào phòng của chính mình ở bên dưới.

Bà không thể nghe thấy gì qua sàn nhà, dù chăm chú lắng nghe, và sau đó tới nhà bếp để ăn nốt bữa điểm tâm bị gián đoạn. Sau đó, bà đi tới căn phòng trước của tầng trệt và may vá chút chút, chờ những người khách giật chuông để bà có thể lên dọn dẹp bữa điểm tâm, một việc bà muốn tự làm, để khám phá chuyện gì đã xảy ra nếu có thể. Trong lúc đang ngồi, bà có thể nghe thấy sàn nhà bằng ván kêu cọt kẹt khe khẽ, như thể ai đó đang đi lại, ngay sau đó tiếng động này được giải thích bởi tiếng y phục sột soạt cọ vào lan can cầu thang, tiếng mở và đóng của cánh cửa trước, và hình dáng của Tess đang bước tới cổng trên đường đi ra phố. Lúc này nàng đã thay đồ, với bộ y phục đi dạo mát của một quý bà trẻ tuổi giàu có mà nàng từng mặc khi tới đây, chỉ có một bổ sung vào cái mũ cầm lông chim của nàng, đó là một tấm mạng che mặt trùm kín bên trên nó.

Bà Brooks không nghe thấy bất cứ lời chào nào, tạm thời hay vĩnh viễn, giữa hai vị khách của mình ở cánh cửa bên trên. Có thể họ đã cài nhau hoặc có thể d'Urberville vẫn còn ngủ, vì ông ta không phải là dạng người dậy sớm.

Bà đi tới căn phòng phía sau của mình, và tiếp tục may ở đó. Quý bà thuê phòng không trở lại, và quý ông cũng không giật chuông. Bà Brooks ngầm nghĩ về sự trì hoãn này, và về mối quan hệ khà dì giữa người khách lạ đã tới rất sớm với đôi vợ chồng trên gác. Bà ngã lưng vào ghế trong lúc suy nghĩ.

Khi làm như thế, mắt bà ngẫu nhiên nhìn lên trần nhà cho tới khi chúng phát hiện ra một đốm ở giữa bể mặt trắng toát của nó mà bà chưa từng nhìn thấy trước đó. Nó có kích thước của một cái bánh xốp khi bà nhìn thấy nó lần đầu, nhưng nó nhanh chóng to ra bằng lòng bàn tay của bà, và sau đó bà có thể thấy rằng nó có màu đỏ. Cái trần nhà dài,

với đốm đỏ này ở giữa, trông giống như một lá bài ách cơ khổng lồ.

Bà Brooks có một nỗi lo âu nghi ngại lạ lùng. Bà trèo lên bàn và đưa ngón tay sờ vào cái đốm trên trần nhà. Nó ẩm ướt, và bà nghĩ rằng nó là vết máu.

Bà trèo trờ xuống, rời phòng và đi lên gác, dự định vào căn phòng trên đầu, vốn là phòng ngủ ở phía sau phòng khách. Nhưng, chợt trờ nên run sợ, bà không thể cố chạm vào tay nắm cửa. Bà lắng nghe. Sự im lặng chết chóc bên trong chỉ bị phá vỡ bởi một tiếng động khẽ đều đều.

Tóc, tóc, tóc.

Bà vội vã đi xuống, mở cửa trước và chạy lên đường. Một người đàn ông bà biết, một trong những người thợ đang làm thuê ở biệt thự kế bên, đang đi ngang qua, bà năn nỉ ông ta vào nhà và lên gác với mình; bà sợ rằng đã có chuyện xảy ra với một trong hai vị khách. Người thợ đồng ý và theo bà đi lên gác.

Bà mở cửa phòng khách, và đứng lùi lại cho ông ta đi qua, rồi theo sau ông ta. Căn phòng trống rỗng; bữa điểm tâm - một bữa ăn thịnh soạn với cà phê, trứng và một miếng thịt giăm bông lạnh - vẫn còn nguyên trên bàn, như khi bà đã dọn nó lên, ngoại trừ con dao ăn không còn ở đó. Bà yêu cầu người đàn ông đi qua mấy cánh cửa xếp vào căn phòng phía sau.

Ông ta mở cửa, bước vào một hai bước, và lui trở ra hâu như lập tức với một gương mặt kinh hãi. "Lạy Chúa tôi, quý ông trên giường đã chết! Tôi nghĩ ông ta đã bị đâm bằng dao. Rất nhiều máu đã chảy xuống sàn!"

Sự việc sớm được báo cảnh sát, và ngôi nhà mới đó rất yên tĩnh giờ ồn ào tiếng chân lui tới, trong số đó có một bác

sĩ giải phẫu. Vết thương nhò, nhưng mũi dao đã chạm phải tim của nạn nhân. Ông ta nằm ngửa, trắng bệch, bất động, đã chết, như thể ông ta hầu như không cử động sau nhát đâm. Mười lăm phút sau, tin tức rằng một quý ông, một du khách tạm thời, bị đâm chết trên giường của mình, đã lan qua từng con phố và biệt thự của thành phố duyên hải nổi tiếng này.

Chương 57

Trong lúc đó, Angel Clare tự động đi theo con đường trước đó anh đã đi qua, vào khách sạn của mình, ngồi bên bàn điểm tâm, với đôi mắt nhìn xa vắng. Anh tiếp tục ăn uống một cách vô ý thức cho tới khi anh đột ngột yêu cầu hóa đơn; sau khi thanh toán, anh cầm lấy cái túi xách đựng quần áo, món hành lý mang theo duy nhất, và bước ra ngoài.

Ngay lúc đó, anh được trao cho một bức điện tín - vài câu từ mẹ anh, bảo rằng họ vui mừng được biết địa chỉ của anh, rồi thông báo rằng anh trai Cuthbert của anh đã cầu hôn Mercy Chant và nàng đã nhận lời.

Clare vò nát tờ giấy rồi đi theo con lộ tới nhà ga. Khi tới đó, anh nhận thấy sẽ không có chuyến tàu nào trong một giờ hoặc hơn. Anh ngồi xuống để đợi. Mười lăm phút sau anh cảm thấy không thể đợi được nữa. Với quả tim tan vỡ và lạnh cứng, anh không có gì phải vội; nhưng anh muốn rời khỏi cái thị trấn từng là bối cảnh cho một trải nghiệm đớn đau, đi bộ tới nhà ga đầu tiên trên đường, và lên tàu ở đó.

Con đường lớn anh đi theo rất trống trải, và chạy xuống một thung lũng ở một quãng xa phía trước, có thể nhìn thấy nó trải ngang từ đầu này tới đầu kia. Anh đã đi qua một phần lớn vùng đất quạnh hiu này, và đang trèo lên sườn dốc ở phía

tây. Khi dừng lại để thở, anh bất giác nhìn lại. Anh không thể nói vì sao mình làm điều đó, nhưng đường như có gì đó thôi thúc anh phải làm như vậy. Bề mặt giống như sợi dây của con đường sau lưng anh dần thu nhỏ cho đến hết tầm mắt, và anh nhìn chăm chú vào một chấm nhỏ đang di chuyển, phá vỡ toàn cảnh trắng xóa vắng vẻ của con đường.

Đó là hình dáng của một người đang chạy. Clare chờ đợi, với cảm giác mơ hồ rằng có ai đó đang cố đuổi kịp mình.

Hình dáng đang di chuyển xuống dốc là hình dáng của một phụ nữ, thế nhưng do hoàn toàn không ngờ tới việc vợ anh đi theo anh, nên khi nàng tới gần hơn anh vẫn không nhận ra nàng bên dưới bộ y phục hoàn toàn thay đổi. Chỉ khi nàng tới rất gần anh mới có thể tin rằng nàng chính là Tess.

“Em đã nhìn thấy anh quay đi từ nhà ga, ngay trước khi em tới đó, và em đã đi theo anh suốt chặng đường này!”

Nàng thở hổn hển, xanh xao, run rẩy từng cơ bắp, đến độ anh không hỏi nàng một câu nào, chỉ nắm lấy bàn tay của nàng, và kéo nó vào cánh tay mình, anh dùu nàng đi. Để tránh gấp bất cứ khách bộ hành nào, anh rời đường lớn và đi theo một lối mòn bên dưới hàng cây linh sam. Khi họ đã ở giữa những tán cây đang than vãn, anh dừng lại và nhìn nàng với ánh mắt dò hỏi.

“Angel,” nàng nói, như thể đang chờ đợi điều này, “anh có biết em chạy theo anh để làm gì không? Để nói với anh rằng em đã giết ông ta!” Một nụ cười đáng thương thấp sáng gương mặt nàng trong lúc nàng nói.

“Cái gì!” anh kêu lên, nghĩ rằng nàng đang trong một cơn mê sảng do cung cách lạ lùng của nàng.

“Em đã làm điều đó - em không biết bằng cách nào” nàng nói tiếp. “Tuy nhiên, em cảm ơn anh vì điều đó, và tự cảm

ơn mình, Angel. Từ lâu, khi ném cái găng tay vào mặt ông ta, em đã sợ rằng một ngày nào đó em sẽ làm chuyện này vì cái bẫy ông ta giăng ra đối với em khi em còn trẻ tuổi ngây ngô, và cách hành xử xấu xa của ông ta đối với anh thông qua em. Ông ta đã xuất hiện giữa chúng ta và hủy hoại chúng ta, và giờ ông ta không bao giờ có thể làm điều đó được nữa. Em chưa bao giờ yêu ông ta như em đã yêu anh, Angel ạ. Anh biết điều đó mà, phải không? Anh đã không vể với em, và em buộc phải quay lại với ông ta. Vì sao anh ra đi, vì sao vậy, khi em yêu anh đến thế! Em không thể hiểu vì sao anh làm điều đó. Nhưng em không trách anh; anh sẽ tha thứ cho tội lỗi của em, khi em đã giết ông ta chứ, Angel? Em đã nghĩ trong lúc bỏ chạy rằng giờ chắc chắn anh sẽ tha thứ cho em khi em đã làm điều đó. Ý nghĩ rằng em sẽ có lại anh theo cách đó đến với em như một ánh sáng huy hoàng. Em không thể chịu được việc đánh mất anh thêm lần nữa - anh không biết rằng em hoàn toàn không chịu nổi việc anh không yêu em! Giờ hãy nói anh yêu em đi, chồng thân yêu, rất thân yêu, nói là anh yêu em, khi em đã giết ông ta!"

"Anh rất yêu em, Tess, ô anh rất yêu em, tất cả đã quay lại!" anh nói, siết chặt vòng tay quanh thân hình của nàng với tình yêu tha thiết. "Nhưng ý của em là gì - em đã giết ông ta?"

"Em muốn nói là em đã làm điều đó" nàng mơ màng lẩm bẩm.

"Về mặt thể chất sao? Ông ta đã chết?"

"Phải. Ông ta đã nghe em khóc than về anh, và nhiec móc em thậm tệ; và gọi anh bằng một danh xưng xấu xa; thế rồi em đã làm điều đó. Tim em không thể chịu nổi nó. Ông ta đã cắn nhăn em về anh trước đó. Rồi em thay đồ và chạy đi tìm anh."

Dần dần, anh tin rằng ít nhất nàng đã nỗ lực một cách yếu ớt điều nàng bảo nàng đã thực hiện, và nỗi kinh hoàng trước sự bốc đồng của nàng trộn lẫn với sự kinh ngạc trước sức mạnh tình yêu nàng dành cho anh, và tính chất lạ lùng của nó, vốn rõ ràng đã dập tắt hoàn toàn ý thức đạo đức của nàng. Không thể nhận ra tính chất nghiêm trọng của hành vi đó, nàng có vẻ hài lòng; và anh nhìn nàng trong lúc nàng tựa vào vai anh, khóc òa trong niềm hạnh phúc, tự hỏi khuynh hướng tối tăm nào trong dòng máu d'Urberville đã dẫn tới sự loạn trí này - nếu nó là một sự loạn trí. Trong khoảnh khắc, một ý nghĩ lóe lên trong đầu anh rằng hắn truyền thống gia tộc về cỗ xe và vụ sát nhân đã nổi lên vì người ta biết rằng dòng họ này đã từng thực hiện những điều đó. Trong chừng mực đầu óc rối bời và kích động của anh có thể lập luận, anh cho rằng trong khoảnh khắc thống khổ điên cuồng mà nàng đã nói, tâm trí nàng đã bị mất cân bằng, và đẩy nàng vào vực thẳm này.

Điều này rất khủng khiếp nếu nó là sự thật; còn nếu nó là một ảo giác tạm thời thì thật đáng buồn. Nhưng, dù sao đi nữa, đây là người vợ bị bỏ rơi của anh, người phụ nữ yêu một cách đắm say này, kẻ đang bám chặt lấy anh, không chút hổ nghi về việc anh là sẽ là người bảo vệ cho nàng. Anh thấy rằng mình không thể phụ lòng nàng, trong phạm vi những gì anh có thể làm. Cuối cùng, tình cảm dịu dàng hoàn toàn xâm chiếm hồn anh. Anh hôn nàng không dứt với đôi môi tráng bệch của mình, cầm tay nàng, và nói:

“Tôi sẽ không bỏ mặc em! Tôi sẽ bảo vệ em bằng bất cứ phương tiện nào trong khả năng của mình, tình yêu của tôi ạ, bất kể những gì em có thể đã làm hoặc chưa làm!”

Sau đó họ đi tiếp dưới những hàng cây. Thỉnh thoảng, Tess quay đầu lại để nhìn anh. Dù anh đã trở nên tàn tạ, xấu

xí, rõ ràng nàng không nhận ra nét xấu xí nhò nhát nào trên mặt anh. Với nàng, anh là, như trước kia, tất cả những gì hoàn hảo nhất, về thể chất và tinh thần. Anh vẫn là Antinous, thậm chí là Apollo⁽¹⁾ của nàng; gương mặt bệnh hoạn của anh vẫn đẹp như buổi sớm mai trước ánh mắt yêu thương của nàng hôm nay, không kém chi ngày nàng nhìn thấy anh lần đầu; bởi đó chẳng phải là gương mặt của người đàn ông duy nhất trên đời đã yêu nàng một cách trinh khiết, và đã tin rằng nàng là sự trinh khiết hay sao!

Với cảm giác bàn nồng về những sự cố có thể xảy ra, lúc này anh không thực hiện dự định trước đó, là tới nhà ga đầu tiên ở bên ngoài thị trấn, mà vẫn đi tiếp bên dưới hàng linh sam trải dài suốt nhiều dặm. Họ dìu nhau qua những thảm lá khô, chìm trong một trạng thái say sưa mơ hồ với ý thức rằng cuối cùng họ đã có nhau, và không có ai khác xen giữa họ, làm ngơ việc đã có một xác chết. Cứ thế họ đi tiếp nhiều dặm cho tới khi Tess sực tỉnh nhìn quanh, và rụt rè nói:

“Chúng ta có đi tới nơi nào cụ thể không?”

“Tôi không biết em yêu. Sao vậy?”

“Em không biết.”

“Ồ, chúng ta có thể đi thêm vài dặm, và khi trời tối tìm chỗ trọ ở đâu đó, có lẽ ở một ngôi nhà tranh đơn độc. Em vẫn đi tiếp được chứ, Tess?”

“Ồ, được! Em có thể đi mãi với cánh tay anh vòng quanh người em!”

Nói chung, đây là một điều tốt để làm. Do đó, họ dần bước nhanh hơn, tránh những con lô lớn, đi theo những lối

1. Antinous (111 - 130): một thanh niên Hy Lạp, là sủng thần của Hoàng đế La Mã Hadrian (117 - 138); Apollo: nhân vật trong thần thoại Hy Lạp, thần của mặt trời và âm nhạc. Cả hai đều được xem là biểu tượng của vẻ đẹp nam giới.

mòn vô danh ít nhiều dần về hướng bắc. Nhưng suốt ngày hôm đó họ đã hành động một cách khinh suất; dường như không ai trong hai người cân nhắc tới việc bò trốn, thay đổi y phục hoặc tìm nơi ẩn náu một thời gian. Mỗi ý tưởng của họ đều có tính chất tạm bợ, như những kế hoạch của hai đứa trẻ.

Vào giữa trưa họ tới gần một lữ quán ven đường, và Tess muốn vào đó với anh để tìm thứ gì đó ăn. Nhưng anh thuyết phục nàng cứ ở lại giữa đám cây cối bụi rậm của vùng đất nửa rừng, nửa trảng này cho tới khi anh trở lại. Y phục của nàng được may theo thời trang gần đây; thậm chí cây dù cán ngà voi mà nàng cầm theo cũng có hình dáng khác lạ đối với cư dân vùng này, và những điểm này có thể gây chú ý khi bước vào một quán rượu. Anh sớm trở lại, với thức ăn đủ cho nửa tá người và hai chai rượu vang - dù để nuôi sống họ một ngày hoặc hơn, nếu có gì bất trắc xảy ra.

Họ ngồi trên những cành khô rơi xuống đất và chia sẻ bữa ăn. Khoảng một giờ rưỡi, họ gói ghém số còn lại và đi tiếp.

“Em cảm thấy đủ khỏe để đi bất cứ khoảng cách nào” nàng nói.

“Tôi nghĩ chúng ta có thể đi sâu vào nội địa, nơi chúng ta có thể trốn một thời gian, và ít có khả năng bị tìm kiếm hơn so với những nơi gần bờ biển” Clare nhận xét. “Sau đó, khi họ đã quên chúng ta, chúng ta có thể tới một hải cảng nào đó.”

Nàng không đáp, chỉ nắm chặt tay anh hơn, và họ đi thẳng vào nội địa. Dù đang là tháng Năm ở nước Anh, bầu trời khá quang đãng và trong suốt buổi chiều, nhiệt độ hoàn toàn ấm áp. Con đường mòn họ đi dẫn họ qua những dặm cuối cùng rồi tiến vào chiều sâu của Khu Rừng Mới, cho tới chiều, khi quẹo qua một chỗ ngoặt, họ nhìn thấy ở phía sau một dòng suối và cây cầu có một tấm bảng lớn trên đó viết

bằng sơn trắng những chữ “Tòa nhà đáng ao ước này đang chờ trang bị lại nội thất”; bên dưới là những chi tiết, cùng hướng dẫn để liên hệ với một số đại diện ở Luân Đôn. Khi đi qua cổng họ có thể nhìn thấy ngôi nhà, một tòa nhà gạch cũ thiết kế theo lối thông thường và những căn phòng rộng.

“Tôi biết nó” Clare nói. “Nó là Bramshurst Court. Em có thể thấy nó đang bị đóng cửa, và cò đang mọc trên lối dành cho xe ngựa.”

“Một số cửa sổ vẫn để mở” Tess nói.

“Chỉ để làm thông thoáng những căn phòng, tôi nghĩ vậy.”

“Tất cả những căn phòng này còn trống, và chúng ta không có mái nhà nào trên đầu!”

“Em đang bắt đầu mệt đó, Tess của tôi!” anh nói. “Chúng ta sẽ sớm dừng chân.” Và sau khi hôn nàng, anh lại dẫn nàng đi tiếp.

Anh cũng đang thấm mệt, vì họ đã đi khoảng mười hai hoặc mười lăm dặm, và đã tới lúc cảm giác tới nơi nghỉ ngơi. Họ nhìn từ xa những ngôi nhà tranh hiu quạnh và những lữ quán nhỏ, và đã định tới gần một trong số đó nhưng lại đổi ý rồi quẹo sang hướng khác. Họ lê bước một cách khó khăn và cuối cùng dừng lại.

“Chúng ta có thể ngủ bên dưới những cây này không?” nàng hỏi.

Clare nghĩ thời tiết mùa này không cho phép điều đó.

“Tôi đang nghĩ tới tòa nhà bỏ trống mà chúng ta đã đi ngang” anh nói. “Chúng ta hãy quay lại đó.”

Họ quay lại, nhưng phải mất nửa tiếng họ mới tới cổng của tòa nhà như trước đó. Clare yêu cầu Tess ở nguyên tại chỗ trong lúc anh vào xem có ai ở trong đó hay không.

Nàng ngồi xuống giữa những bụi rậm bên trong cánh cổng, và Clare len lén đi về phía ngoài nhà. Anh vắng mặt một lúc lâu, và khi anh quay lại, Tess đang lo lắng phát điên, không phải cho nàng, mà cho anh. Anh đã phát hiện ra từ một cậu bé rằng chỉ có một bà lão làm nhiệm vụ trông coi ngôi nhà, và bà chỉ tới đó vào những ngày trời đẹp, từ cái thôn nhò gần đó, để mở và đóng những cánh cửa sổ. Bà sẽ tới để đóng chúng lại vào lúc xế chiều. “Giờ chúng ta có thể vào nhà qua một trong những cửa sổ thấp hơn, và nghỉ ngơi ở đó” anh nói.

Với sự hộ tống của anh, nàng chậm chạp đi về phía mặt tiền chính. Các cửa sổ có cửa chớp của nó, giống như những nhàn cầu không nhìn thấy, loại trừ khả năng có nhiều kẻ quan sát. Thêm vài bước nữa, họ tới cửa, và một trong những cửa sổ bên cạnh nó để mở. Clare trèo vào, rồi kéo Tess vào theo.

Ngoại trừ đại sảnh, tất cả những căn phòng đều chìm trong bóng tối, và họ đi lên cầu thang. Ở đó, những cánh cửa chớp được đóng chặt, việc thông khí được thực hiện một cách hoàn hảo, ít ra là trong ngày hôm đó, bằng cách mở cửa sổ đại sảnh ở phía trước và một cửa sổ bên trên ở phía sau. Clare tháo then cửa của một căn phòng lớn, dò dẫm băng qua nó, và mở hé những cánh cửa chớp ra khoảng năm sáu phân. Một luồng ánh sáng mặt trời chói chang ập vào căn phòng, để lộ rõ nội thất kiểu cũ nặng nề, những tấm màn cửa đờ tươi, và một cái giường bốn cột to tướng, dọc theo đầu giường chạm những nhàn vật đang chạy, rõ ràng là một cuộc đi săn của Atalanta⁽¹⁾.

“Rốt cuộc cũng được nghỉ ngơi!” anh nói, đặt cái túi xách và gói thức ăn xuống.

1. Một nhàn vật trong thần thoại Hy Lạp, là một nữ thần săn đong trinh.

Họ duy trì sự im lặng cho tới khi người trông coi tòa nhà tới để đóng những cánh cửa sổ. Để phòng ngừa trước, họ tự ẩn mình trong bóng tối hoàn toàn bằng cách đóng những cánh cửa chớp như trước đó, e rằng bà lão sẽ mở cửa phòng của họ vì một nguyên do ngẫu nhiên nào đó. Bà đến vào giữa sáu và bảy giờ, nhưng không tới gần phía nhà họ đang ở. Họ nghe tiếng bà đóng những cửa sổ, cài then, khóa cửa và đi về. Sau đó Clare lại lấy chút ánh sáng từ cửa sổ và họ cùng ăn một bữa khác, cho tới khi họ dần dần bị bao trùm bởi bóng đêm mà họ không có cây nến nào để xua tan.

Chương 58

Đêm vẫn trang nghiêm và tĩnh lặng lạ lùng. Trong những giờ ngắn ngủi đó, nàng thì thầm với anh toàn bộ câu chuyện về việc anh đã mộng du và bế nàng trên tay băng qua dòng suối Froom với nguy cơ cả hai đều mất mạng, và đã đặt nàng vào cỗ quan tài đá ở cái tu viện đồ nát ra sao. Anh chưa bao giờ biết về nó cho tới lúc này.

“Vì sao hôm sau em không nói với tôi?” anh nói. “Có thể nó đã ngăn ngừa được nhiều hiểu lầm và đau khổ.”

“Đừng nghĩ tới những gì đã qua!” nàng đáp. “Em sẽ không suy nghĩ gì khác ngoài hiện tại. Vì sao phải thế chứ! Ai biết ngày mai chưa đựng điều gì?”

Nhưng rõ ràng nó không có nỗi buồn. Buổi sớm mai ướt át và nhiều sương mù. Biết rằng bà lão trông coi tòa nhà chỉ mở những cửa sổ vào những ngày đẹp trời, Clare đánh bạo ra khỏi phòng và đi tìm hiểu ngôi nhà, để cho Tess ngủ tiếp. Trong nhà không có thức ăn, nhưng có nước, và anh lợi dụng sương mù để rời khỏi tòa nhà, mang về trà, bánh mì và bơ từ một cửa tiệm cách đó hai dặm, cả một cái ấm thiếc nhỏ và một cái đèn cồn, để họ có thể đốt đèn mà không tạo khói. Tiếng động khi anh trở về phòng đã đánh thức nàng, và họ cùng ăn sáng với những thứ anh mang về.

Họ không muốn mạo hiểm ra ngoài, và ngày hôm đó trôi qua, kế tiếp là đêm, và ngày đêm kế tiếp, kế tiếp; trước khi họ nhận ra, năm ngày đã qua vèo trong tình trạng tách biệt hoàn toàn. Không một bóng dáng hay âm thanh của con người quấy rầy sự bình an của họ. Những thay đổi thời tiết là những sự kiện duy nhất của họ, lũ chim trong Rừng Mới là những người bạn duy nhất của họ. Họ ngầm thỏa thuận với nhau không nhắc tới bất cứ sự kiện quá khứ nào xảy ra sau ngày cưới. Quãng thời gian u ám đó dường như đã rơi vào sự hỗn loạn, hiện tại và thời gian trước đó đã khép lại bên trên nó như thể nó chưa từng hiện hữu. Bất cứ lúc nào anh để nghị rời khỏi nơi ẩn náu để đi tiếp tới Southampton hoặc Luân Đôn, nàng đều biểu lộ một thái độ không sẵn lòng ra đi rất lạ lùng.

“Vì sao chúng ta phải kết thúc tất cả những ngọt ngào và đáng yêu như thế!” nàng phản đối. “Việc gì phải đến sẽ đến.” Và nhìn qua khe hở của cánh cửa chớp, nàng nói tiếp. “Mọi rắc rối đều ở ngoài kia; bên trong này là niềm hạnh phúc.”

Anh cũng nhìn ra. Nàng nói hoàn toàn đúng; trong này là tình yêu, sự đoàn tụ, sự tha thứ; ngoài kia là số phận không thể chuyển dời.

“Và... và...” nàng nói áp má vào má của anh. “Em e rằng điều anh nghĩ về em lúc này có thể không kéo dài. Em không muốn sống lâu hơn cảm giác hiện tại của anh đối với em. Phải, em không muốn. Em thà là chết và đã được chôn khi tới lúc nào đó anh khinh rẻ em, để em không bao giờ biết rằng anh đã khinh rẻ em.”

“Tôi không bao giờ có thể khinh rẻ em.”

“Em cũng hy vọng thế. Nhưng khi xét lại cuộc đời mình, em thấy rằng sớm muộn gì bất cứ người đàn ông nào cũng

sẽ có thể khinh rẻ em... Em đã điên rồ xấu xa biết bao! Thế nhưng trước đây em không lòng dạ nào làm tổn thương một con ruồi hay một con sâu, và cảnh tượng một con chim bị nhốt trong lồng thường làm cho em rơi nước mắt."

Họ ở lại thêm một ngày nữa. Đêm đó, bầu trời quang đãng, và kết quả là bà lão trông coi tòa nhà thức dậy sớm. Ánh bình minh rạng rỡ khiến bà trở nên nhanh nhẹn một cách khác thường; bà quyết định sẽ lập tức mở cửa tòa nhà, để làm cho nó hoàn toàn thông thoáng trong một ngày trời đẹp như thế. Và sự tình là sau khi tới nơi, mở cửa những căn phòng phía dưới trước sáu giờ, bà đi lên các phòng ngủ, sắp sửa vặn tay nắm của căn phòng họ đang nằm ngủ. Ngay lúc ấy, bà tưởng như bà có thể nghe thấy tiếng người thở bên trong. Tuổi già và đôi dép giúp bà di chuyển rất lặng lẽ, và bà lập tức rút lui; sau đó, cho rằng lỗ tai có thể đánh lừa mình, bà quay lại cánh cửa lần nữa và khẽ khàng thử cái tay nắm cửa. Cửa không bị khóa, nhưng một món đồ nội thất nào đó đã được dời tới để chặn cánh cửa nên bà chỉ mở được khoảng hai ba phân. Một dòng ánh sáng ban mai qua khe hở trên cánh cửa chớp rơi trên gương mặt của đôi vợ chồng đang say ngủ. Đôi môi của Tess hé mở như một nụ hoa chớm nở gần cổ của Clare. Bà lão kinh ngạc trước vẻ ngoài vô tội của họ, và trước sự thanh nhã của chiếc áo dài mà Tess vắt ngang một cái ghế, bên cạnh là đôi tất lụa, caye dù xinh xắn, và những món trang sức lặt vặt khác của nàng, đến độ lòng phẫn nộ lúc đầu của bà đối với sự trơ tráo của những kẻ lang thang lêu lổng nhường chỗ cho một tình cảm nhất thời dành cho đôi nam nữ quý phái đang bỏ trốn này, như nó có vẻ vậy. Bà khép cửa, nhẹ nhàng rút lui như khi đã tới, để tham khảo ý kiến của những bạn láng giềng về phát hiện lạ lùng này.

Không đầy một phút sau khi bà rút lui, Tess thức giấc, sau đó là Clare. Cả hai đều cảm thấy có gì đó đã xảy ra, dù họ không thể nói đó là gì; và cảm giác khó chịu mà nó mang tới ngày càng mạnh mẽ hơn. Sau khi thay quần áo, anh len lén quan sát bà cò qua khe hở của cánh cửa chớp.

“Tôi nghĩ chúng ta nên đi ngay” anh nói. “Hôm nay trời đẹp. Và tôi có cảm giác như có ai đó đang ở gần ngôi nhà. Ở bất cứ giá nào, chắc chắn hôm nay bà lão sẽ đến.”

Nàng thụ động chấp thuận. Sau khi dọn dẹp phòng, họ cảm lấy những vật dụng của mình và lặng lẽ rời khỏi đó. Khi họ đã vào tới khu rừng, nàng quay lại nhìn tòa nhà lần cuối.

“Ôi, ngôi nhà hạnh phúc... tạm biệt!” nàng nói. “Đời em có thể chỉ kéo dài thêm vài tuần nữa. Vì sao chúng ta không ở lại đó?”

“Đừng nói thế, Tess! Chúng ta sẽ sớm hoàn toàn rời khỏi huyện này, và tiếp tục hành trình như đã bắt đầu, đi thẳng về hướng bắc. Sẽ không có ai nghĩ tới việc tìm chúng ta ở đó. Nếu chúng ta có bị tìm kiếm, thì đó là ở những cảng của Wessex. Khi đã tới miền bắc, chúng ta sẽ tới một hải cảng và đi xa.”

Sau khi anh đã thuyết phục được nàng, họ lại theo đuổi kế hoạch, đi theo một đường chim bay về hướng bắc. Thời gian nghỉ ngơi lâu ở tòa nhà đã cung cấp cho họ sức lực để đi, và tới giữa trưa họ nhận thấy mình đang tới gần thị trấn nhiều tháp chuông Melchester, vốn nằm ngay trên đường đi của họ. Anh quyết định để cho nàng nghỉ trong một cụm cây to suốt buổi chiều, và sẽ đi tiếp dưới sự che chở của bóng đêm. Khi trời sụp tối, Clare đi mua thức ăn như thường lệ, và cuộc đi bộ ban đêm của họ bắt đầu. Họ băng qua ranh giới giữa Upper và Mid-Wessex vào khoảng tám giờ.

Tess đã quen với việc đi bộ qua những vùng đất quê, và nàng đã chứng tỏ được khả năng chịu đựng của mình. Họ buộc phải băng qua thị trấn cổ Melchester để tận dụng chiếc cầu vắt ngang một con sông lớn chắn đường của họ. Vào khoảng nửa đêm, họ đi trên những đường phố vắng, được chiếu sáng nhờ vài ngọn đèn, tránh các vỉa hè để tiếng chân không vang động. Những kiến trúc nhà thờ xinh đẹp mờ mờ nổi lên bên phía tay trái của họ, nhưng lúc này họ không thể nhìn thấy chúng. Khi ra khỏi thị trấn, họ đi theo một con đường lớn đâm vào một thao nguyên sau vài dặm.

Dù bầu trời dày đặc mây, ánh sáng nhờ nhờ từ một góc vắng trăng giúp họ nhìn thấy đường đi. Nhưng lúc này trăng đã lặn, những đám mây dường như tụ lại ngay trên đầu họ, và bóng tối quanh lại như trong một cái hang. Tuy nhiên, họ tìm được đường đi, cố đi trên mặt cỏ càng nhiều càng tốt để không tạo ra tiếng động, một điều dễ thực hiện, vì không có hàng rào hay bờ giậu nào cả. Quanh họ, chỉ có một không gian quanh quẽ, tối đen, với một cơn gió vi vu lướt qua tai họ.

Họ cứ đi dò dẫm như vậy thêm hai ba dặm nữa thì đột nhiên Clare nhận thấy có một công trình to lớn nào đó ở trước mặt mình, dựng thẳng đứng từ mặt cỏ. Họ gần như va vào nó.

“Đây là chỗ quái quỷ nào không biết?” Angel nói.

“Nó kêu vi vu” nàng nói. “Hãy lắng nghe xem!”

Anh lắng nghe. Cơn gió, đang đùa giỡn trên cái công trình kiến trúc đó, tạo ra một giai điệu trầm trầm, như âm thanh của cây đàn hạc một dây khổng lồ nào đó. Không có âm thanh nào khác phát ra từ đó, và khi giơ một tay lên, bước thêm một hai bước, Clare chạm phải bề mặt thẳng đứng của một cấu trúc. Hình như nó là đá khối, không có chỗ nối hoặc

đường gờ. Khi đưa những ngón tay tới phía trước, anh nhận ra rằng thứ mà anh đang tiếp xúc là một cây cột hình chữ nhật khổng lồ; và khi duỗi thẳng tay trái, anh có thể cảm thấy một cột đá tương tự ở kế bên. Ở một độ cao không xác định trên đầu, có thứ gì đó khiến bầu trời đen càng thêm tối sầm. Nó có vẻ ngoài của một thanh dầm đầu cột khổng lồ nối liền hai cây cột theo chiều ngang. Họ thận trọng bước vào bên dưới và giữa chúng; những bể mặt đá vang dội lại tiếng sột soạt khẽ khàng của họ; nhưng đường như họ vẫn còn ở bên ngoài cửa. Chỗ này không có mái. Tess thở hồn hển với vẻ sợ hãi, và Angel tỏ ra bối rối: “Nó có thể là thứ gì nhỉ?”

Khi sờ soạng các phía, họ đụng phải một cây cột to như tòa tháp khác, sừng sững như cây cột đầu tiên; ở mé ngoài nó là một cây cột khác, rồi lại một cây cột khác. Nơi này toàn những cửa và cột, một số được nối lại bên trên bởi những thanh dầm.

“Một ngôi đền của gió” Clare nói.

Cây cột kế tiếp đứng đơn độc; những cột khác tạo thành một “trilithon”;⁽¹⁾ một số khác nằm úp xuống, sườn của chúng tạo thành một con đường dốc cao dù cho một cỗ xe ngựa đi qua; và họ sớm nhận ra chúng tạo thành một khu rừng những tảng đá nguyên khối đứng thành từng nhóm trên mặt cỏ trải rộng của thảo nguyên. Họ đi tiếp vào túp lều của đêm này cho tới khi đứng ở giữa nó.

“Nó là Stonehenge!”⁽²⁾ Clare nói.

-
1. Kiến trúc đá gồm hai tảng đá dựng đứng đỡ một tảng đá nằm ngang.
 2. Stonehenge là một công trình kỷ niệm thời tiền sử ở hạt Wiltshire, Anh quốc, cách thị trấn Amesbury hai dặm về phía tây. Nó bao gồm một vòng đá tảng nguyên khối dựng đứng, mỗi tảng đá cao khoảng 4 mét, rộng khoảng 2,1 mét và nặng khoảng 25 tấn, và nhiều trilithon (xem chú thích 1 bên trên).

“Ý của anh là ngôi đền ngoại đạo?”

“Phải. Lâu đời hơn hàng trăm năm; lâu đời hơn gia tộc d’Urberville! Giờ chúng ta sẽ làm gì đây, em yêu? Chúng ta có thể tìm thấy chỗ trú ẩn xa hơn.”

Nhưng tới lúc này, Tess đã thật sự mệt nhoài. Nàng nằm lăn ra trên một phiến đá dài sát bên cạnh, được chắn gió bởi một cột đá khác. Do tác động của ánh nắng trong ngày hôm trước, phiến đá ẩm và khô, hoàn toàn trái ngược với mặt cỏ thô ráp, lạnh lẽo xung quanh, vốn đã làm ướt đầm váy và giày của nàng.

“Em không muốn đi xa hơn nữa, Angel” nàng nói, giơ tay ra nắm lấy tay anh. “Chúng ta có thể ở lại đây không?”

“Tôi e là không. Chỗ này có thể nhìn thấy từ nhiều dặm vào ban ngày, dù lúc này trông nó có vẻ không như vậy.”

“Một trong những bà con bên ngoại của em là một người chăn cừu ở vùng này, giờ em mới nghĩ tới chuyện đó. Và anh từng nói hồi ở Talbothays rằng em là một kẻ ngoại đạo. Vậy là em đang ở quê nhà.”

Anh quỳ xuống bên cạnh thân hình duỗi dài của nàng, đặt môi anh lên môi nàng.

“Em buồn ngủ phải không, em yêu? Tôi nghĩ em đang nằm trên một cái bàn thờ.”

“Em rất thích được ở đây” nàng lẩm bẩm. “Nó thật trang nghiêm và hiu quạnh - sau hạnh phúc to lớn của em - và không có gì khác ngoài bầu trời bên trên mặt em. Như thể không có ai trên đời trừ hai đứa chúng ta; và em ước sẽ không có ai, ngoại trừ Liza-Lu.”

Clare nghĩ nàng có thể tạm nghỉ ở đây cho tới khi trời sáng hơn một chút; và anh trùm cái áo choàng lên người nàng, rồi nằm xuống bên cạnh nàng.

“Angel, nếu có chuyện gì xảy ra với em, anh sẽ chăm sóc Liza-Lu vì em nhé?” nàng nói, khi họ đã lắng nghe hồi lâu tiếng gió giữa những cột đá.

“Tôi sẽ.”

“Nó rất ngoan, đơn giản và trong trắng. Ô, Angel - em ước gì anh sẽ cưới nó nếu anh mất em, vì anh sẽ sớm mất em. Ôi chao, ước gì anh sẽ làm điều đó!”

“Nếu mất em tôi mất tất cả! Và cô ấy là em vợ của tôi.”

“Điều đó chẳng có nghĩa lý gì, anh yêu ạ. Mọi người ở Marlott vẫn thường xuyên cưới những cô em vợ; Liza-Lu rất dịu hiền, đáng yêu, và nó đang trở nên rất xinh đẹp. Ô, em có thể chia sẻ anh với nó một cách sẵn lòng khi chúng ta là những linh hồn! Ước gì anh sẽ kèm cặp, dạy dỗ nó, Angel, và nuôi dưỡng nó vì chính mình!... Nó có tất cả những gì tốt đẹp nhất của em nhưng không có những gì xấu của em; và nếu nó trở thành vợ anh, dường như cái chết không chia lìa được chúng ta... Vâng, em đã nói xong rồi. Em sẽ không nhắc lại nữa.”

Nàng im lặng, và anh rơi vào suy nghĩ. Trên bầu trời xa xăm ở hướng đông bắc, anh có thể nhìn thấy giữa những cây cột một dải ánh sáng. Cái vòm mây đen đà tự nhắc nó lên như một cái nắp nồi, cho phép ngày đang tới len vào mép rìa trái đất. Những tảng đá nguyên khối bắt đầu nổi lên đen kịt dưới bầu trời.

“Họ đã hiến tế cho Thượng đế ở đây phải không?” nàng hỏi.

“Không.”

“Vậy cho ai?”

“Tôi tin là cho mặt trời. Khối đá to lớn đó tự nằm theo hướng của mặt trời mà lúc này đang nhô lên từ phía sau nó.”

“Điều này nhắc cho em nhớ, anh yêu” nàng nói. “Anh có nhớ anh không bao giờ can thiệp vào bất cứ niềm tin nào của em trước khi chúng ta cưới nhau không? Nhưng em biết những suy nghĩ của anh và em đã nghĩ như anh nghĩ - không từ bất cứ lý lẽ nào của chính em, mà vì anh đã nghĩ như vậy. Hãy nói với em ngay, Angel, anh có nghĩ chúng ta sẽ gặp lại sau khi chúng ta chết hay không? Em muốn biết.”

Anh hôn nàng để tránh câu trả lời vào thời điểm thế này.

“Ô, Angel - em e rằng hành động đó có nghĩa là không!” nàng nói, với một tiếng nắc kìm nén. “Và em rất muốn được gặp lại anh - rất nhiều, rất nhiều! Chẳng lẽ ngay cả anh và em, Angel, hai kẻ rất yêu nhau, cũng sẽ không gặp lại nhau sao?”

Như một kẻ vĩ đại hơn anh,⁽¹⁾ anh không trả lời một câu hỏi hệ trọng vào thời điểm hệ trọng này; và họ lại im lặng. Một hai phút sau, hơi thở của nàng trở nên đều hơn, bàn tay đang nắm lấy tay anh của nàng lỏng ra, và nàng ngủ thiếp đi. Trong ánh sáng màu bạc nhợt nhạt đến từ chân trời hướng đông, những phần xa xôi của thảo nguyên rộng lớn dường như sầm lại và gần hơn; toàn bộ phong cảnh kỳ vĩ này mang tới ấn tượng về sự kín đáo, lâm lì và do dự của giờ khắc rạng đông. Những cột đá và thanh dâm ở phía đông, tảng đá Mặt trời có hình dáng ngọn lửa ở mé ngoài, và phiến đá Hiến tế ở giữa, tất cả nổi lên đen kịt trên nền ánh sáng. Lúc này cơn gió đêm đã lịm tắt, và các vùng nước nhỏ chao động trong những chỗ trũng giống như cái cốc của các tảng đá nằm im bất động. Đồng thời, dường như có gì đó đang di chuyển trên mép của chân trời hướng đông - một chấm nhỏ đơn thuần. Nó là đầu của một người đàn ông đang tới gần họ từ vùng đất trũng ở mé ngoài tảng đá Mặt trời. Clare ước gì họ

1. Chỉ Chúa Jesus. Xem Mathew 62-63

đã đi tiếp, nhưng trước tình huống này anh quyết định lặng lẽ nằm im. Nhân vật đó đi thẳng về phía vòng tròn các cột đá nơi họ đang trú ẩn.

Anh nghe thấy tiếng động gì đó sau lưng, tiếng bàn chân lướt qua cỏ. Khi quay lại, anh nhìn thấy trên những tảng đá nằm úp một nhân vật khác; rồi trước khi anh nhận biết, một người khác ở mé tay phải tới sát bên, bên dưới một trilithon, và một người khác ở bên trái. Anh bình minh tòa sáng mặt trước của người ở hướng tây, và Clare có thể nhận thấy ông ta cao lớn, bước đi với dáng điệu của một kẻ đã được huấn luyện. Tất cả họ tiến tới với một mục đích rõ ràng. Lời tiên đoán của nàng là đúng! Anh đứng bật dậy, nhìn quanh để tìm một thứ vũ khí, một hòn đá, một phương tiện tẩu thoát, bất cứ thứ gì. Lúc này người gần nhất đã tới sát bên anh.

“Không ích gì đâu, thưa ông” ông ta nói. “Trên thảo nguyên có mười sáu người chúng tôi, và toàn vùng này ở phía sau.”

“Hãy để cho cô ấy ngủ trọn giấc!” anh khẽ van nài với những người đó khi họ tụ lại xung quanh.

Khi đã nhìn thấy nơi nàng nằm, họ không có dấu hiệu phản đối nào, và đứng quan sát nàng, bất động như những cột đá xung quanh. Clare đi tới phiến đá và cúi người bên trên nàng, cầm một bàn tay nhỏ bé đáng thương; hơi thở của nàng lúc này nhanh và khẽ, như tiếng thở của một sinh vật nhỏ nhoi nào đó. Tất cả chờ đợi trong ánh sáng rạng dần, gương mặt và đôi tay của họ trông như thể được dát bạc, phần còn lại của thân hình họ tối sầm, những tảng đá lấp lánh màu xanh xám, còn thảo nguyên vẫn là một khối đen. Chẳng bao lâu ánh sáng đã đủ mạnh, một tia sáng rọi lên thân hình nàng, luồn qua hai mí mắt của nàng và đánh thức nàng.

“Gì thế, Angel?” nàng hỏi, giật mình. “Họ đã tới bắt em à?”

“Phải, em yêu. Họ đã tới.”

“Nó nên là thế” nàng lẩm bẩm. “Angel, em hầu như vui mừng - phải, vui mừng! Niềm hạnh phúc này không thể kéo dài. Nó là quá nhiều. Em đã có đủ; và giờ em sẽ không sống để anh khinh rẻ em nữa!”

Nàng đứng lên, duỗi người, và bước tới; không ai trong số những người đàn ông cử động.

“Tôi đã sẵn sàng” nàng lặng lẽ nói.

Chương 59

Thành phố Wintoncester, cái thành phố xinh đẹp lâu đời đó, thuở trước là thủ phủ của Wessex, nằm ở giữa những vùng đất đồi lũng nhấp nhô trong ánh sáng huy hoàng ấm áp của một sáng tháng Bảy. Những ngôi nhà mái ngói, tường gạch hay đá đẽo, đã gần như hong khô lớp da bằng rêu của chúng; những dòng suối trong các cánh đồng cỏ khô cạn dần, và trên con đường dốc High Street, từ West Gateway tới cái ngà tư thời trung cổ, và từ ngà tư thời trung cổ tới chiếc cầu, công việc quét dọn nhàn hạ đang diễn ra, chuẩn bị cho một phiên chợ theo phong cách cũ.

Từ cánh cổng phía tây đã nói, con lộ lớn, như mọi cư dân Wintoncester đều biết, chạy ngược lên dốc một dặm đúng, dần dần bò lại những ngôi nhà ở phía sau. Hai người đang ra khỏi thành phố và bước nhanh theo con đường này dường như không để ý tới độ dốc của nó; do tập trung suy nghĩ chứ không phải do vui tươi hăng hái. Họ xuất hiện trên con đường này thông qua một cánh cửa hép trên một bức tường cao ở mé dưới gần đó. Đường như họ nôn nóng thoát khỏi tầm mắt của những ngôi nhà và đồng loại của mình, và con đường này xuất hiện để cung cấp phương tiện nhanh nhất cho mục đích đó. Dù còn trẻ, họ cúi gầm đầu trong lúc bước, dưới những tia nắng đang mỉm cười tàn nhẫn trước dáng vẻ đau buồn của họ.

Một trong hai người này là Angel Clare, người kia là một cô gái cao ở lứa tuổi dậy thì, lứa tuổi nửa con gái, nửa đàn bà, một Tess của thời trinh nữ; thanh mảnh hơn nàng, nhưng vẫn cùng một đôi mắt đẹp. Đó là Liza-Lu, em vợ của Clare. Gương mặt nhợt nhạt của họ dường như teo nhỏ lại bằng phân nửa kích thước tự nhiên của chúng. Họ đi tay trong tay, không hề nói lời nào, mái đầu cúi gầm của họ trông giống như trong bức tranh *Hai Tông đồ* của Giotto.⁽¹⁾

Khi họ lên gần tới đỉnh của ngọn đồi lớn West Hill, những cái đồng hồ trong thành phố điểm tám giờ. Họ giật mình khi nghe tiếng chuông, và, chỉ bước thêm vài bước, họ tới cột mốc dăm đầu tiên, nổi lên trắng xóa trên nền cỏ xanh, vì ở đây con đường tiếp giáp với cánh đồng và không có hàng rào phân cách. Họ bước lên bãi cỏ, và dưới áp lực của một sức mạnh dường như khống chế ý chí của họ, họ đột nhiên quay ra, đứng yên bất động, chờ đợi trong trạng thái tê liệt bên cạnh cây cột mốc bằng đá.

Tầm nhìn từ đỉnh đồi này hầu như vô hạn. Trong thung lũng bên dưới là thành phố mà họ vừa rời khỏi, những tòa nhà cao của nó hiện ra như một bức tranh cùng kích thước - ở giữa chúng là tháp giáo đường rộng lớn, với các ô cửa sổ kiểu Norman, cùng những gian cánh và gian giữa rất dài, các chóp tháp của nhà thờ St Thomas, tòa tháp chọc trời của trường đại học, ở mé phải là tòa tháp cùng đầu hồi của ngôi nhà cổ nơi khách đi đường có thể ghé nghỉ ngơi, tới tận ngày nay kè hành hương vẫn có thể nhận phần bánh mì và bia của mình. Phía sau thành phố là ngọn đồi St Catherine's Hill; và xa hơn, đồi này tiếp nối đồi kia, cho tới khi chân trời biến mất dưới ánh sáng rực rỡ của vầng thái dương bên trên nó.

1. Giotto (1266 - 1337): họa sĩ, điêu khắc gia người Ý.

Nổi bật trên cảnh quan chung của vùng này, ở phía trước những tòa nhà có tường bao khác của thành phố, là một tòa nhà gạch lớn, với mái bằng màu xám, và hàng cửa sổ có chấn song ngắn, biểu tượng của sự giam cầm. Toàn bộ vẻ ngoài của tòa nhà này hoàn toàn tương phản với phong cách kiến trúc Gô-tích. Những cây thông đỏ và sồi thường xanh che khuất nó phần nào trước tầm mắt của một người đi ngang qua nó trên đường, nhưng có thể nhìn thấy nó khá rõ từ đây. Cánh cửa xép mà từ đó Clare và Liza-Lu vừa đi qua lúc nay nằm trên bức tường của tòa nhà này. Từ giữa tòa nhà, một tòa tháp có chóp mái bằng hình lục giác xấu xí vươn cao khỏi chân trời ở hướng đông, khi nhìn từ chỗ này tới mé có bóng râm và ngược sáng của nó, trông có vẻ như nó là một vết nhơ trên vẻ đẹp của thành phố. Thế nhưng hai kè đang nhìn chăm chú chỉ quan tâm tới vết nhơ này chứ không phải là vẻ đẹp.

Trên gờ tường đắp nổi của tòa tháp gắn một cây sào dài. Ánh mắt đăm đăm của họ dồn vào đó. Vài phút sau khi đồng hồ điểm giờ, một vật gì đó chậm chạp di chuyển lên cây sào, và tự trôi rộng nó ra trong gió. Nó là một lá cờ đen.

“Công lý” đã được thực hiện, Đấng Chủ tể của Các Thần linh, theo cách nói của Aeschylus,⁽¹⁾ đã kết thúc trò chơi của ngài với Tess. Và các vị hiệp sĩ, phu nhân của dòng họ d’Urberville đang ngủ yên trong mộ không biết điều này. Hai kè quan sát không lời quỳ rạp xuống đất, như thể đang cầu nguyện, và giữ nguyên tư thế đó một lúc lâu, hoàn toàn bất động: lá cờ vẫn lặng lẽ bay phơ phất. Ngay khi họ đã có đủ sức, họ đứng lên và đi tiếp, tay lại trong tay.

1. Aeschylus (523 - 456 TCN): kịch tác gia Hy Lạp, được xem là cha đẻ của bi kịch.

VỀ TÁC GIẢ

Thomas Hardy (2/6/1840 - 11/1/1928) - tiểu thuyết gia, nhà thơ và nhà soạn kịch nổi tiếng người Anh - chào đời tại làng Higher Bockhampton, một trong những làng quê xa xôi hẻo lánh nhất của hạt Dorset, Anh quốc. Ông là con cả trong số bốn người con của Thomas Hardy, một thợ xây, và Jemima, một thôn nữ có học thức. Ông lớn lên trong một ngôi nhà tranh nằm biệt lập ở rìa một cánh đồng thạch nam. Những trải nghiệm đầu đời của ông về đời sống nông thôn, với nhịp điệu theo mùa và nền văn hóa dân gian truyền khẩu, là nền tảng cho phần lớn các tác phẩm sau này của ông. Ông được mẹ dạy học tại nhà cho tới năm tám tuổi; sau một năm học ở trường làng, ông chuyển tới trường học ở Dorchester, một thị trấn gần đó. Tại đây, ông đã tiếp thu được một nền tảng vững chắc về toán học và tiếng Latin. Năm 1856, ông trở thành người học việc của John Hicks, một kiến trúc sư địa phương; năm 1862, ông chuyển tới Luân Đôn và trở thành chuyên viên bản vẽ kỹ thuật trong văn phòng của Arthur Blomfield, một kiến trúc sư nổi tiếng. Do sức khỏe kém, năm 1867 ông trở về Dorset, lại làm việc cho Hicks và sau đó cho kiến trúc sư G.R. Crickmay ở thị trấn Weymouth.



Dù nghề kiến trúc mang lại cho Hardy sự thăng tiến ở cả hai mặt kinh tế và xã hội, giữa những năm 1860, sự thiếu thốn tài chính và sự sụt giảm niềm tin tôn giáo buộc ông phải từ bỏ khát vọng học đại học và trở thành một linh mục. Ông bắt đầu tập trung vào sáng tác thơ, nhưng do các tác phẩm này bị từ chối xuất bản, ông miễn cưỡng quay sang sáng tác văn xuôi.

Trong hai năm 1867 - 1868, ông viết tiểu thuyết đầu tay *Gã nhà nghèo và nàng tiểu thư* (The Poor Man and the Lady). Dù được ba nhà xuất bản ở Luân Đôn xem xét với sự cám thông, tác phẩm này không bao giờ được xuất bản và bị thất lạc từ đó. Sau đấy, theo lời khuyên của George Meredith, một người điểm sách của nhà xuất bản, ông viết *Các liệu pháp tuyệt vọng* (Desperate Remedies - 1871), một tác phẩm chịu ảnh hưởng bởi dòng tiểu thuyết “cảm giác” của Wilkie Collins. Tuy nhiên, trong tác phẩm tiếp theo, *Dưới tán cây xanh* (Under the Greenwood Tree - 1872), Hardy đã tìm thấy giọng điệu riêng biệt của chính mình.

Tháng 3/1870, Hardy được cử đến để trùng tu ngôi nhà thờ St. Juliot đổ nát ở Cornwall. Ông đã gặp Emma Lavinia Gifford, người trở thành vợ của ông bốn năm sau đó. Bà đã tích cực khuyến khích và hỗ trợ ông trong những nỗ lực văn chương, và cuốn tiểu thuyết kế tiếp của ông, *Mắt biếc* (A Pair of Blue Eyes - 1873), được viết dựa trên chính những trải nghiệm lãng mạn trong mối tình giữa ông và Emma.

Mùa hè năm 1872, Hardy dứt khoát từ bỏ sự nghiệp kiến trúc và toàn tâm theo đuổi văn chương khi tạp chí Tinsley ký kết hợp đồng sử dụng *Mắt biếc* trong 11 kỳ đăng mỗi tháng. Sau đó, Cornhill, tạp chí có uy tín hơn nhiều mời ông cung cấp một tác phẩm đăng nhiều kỳ. Kết quả là tác phẩm *Xa đám đông điên loạn* (Far From the Madding Crowd - 1874)

ra đời, giới thiệu cái tên Wessex lần đầu. Và cũng từ đây trở đi, hầu hết các tác phẩm của ông, đều có bối cảnh nền là Wessex, vốn là một vương quốc của người Anglo-Saxon ở miền nam đảo Great Britain từ năm 519 cho tới đầu thế kỷ 10, khi vua Æthelstan của người Anglo-Saxon thống nhất nước Anh; với Hardy, địa danh Wessex bao gồm các hạt ở vùng tây nam Anh quốc hiện nay.

Tháng 9/1874, Hardy kết hôn với Emma Gifford, bất chấp sự phản đối của gia đình cả hai bên. Trong thời gian đầu, họ liên tục di chuyển, khi sống ở Luân Đôn, khi ở Dorset. Trong thời gian này, ông viết tiểu thuyết *Bàn tay của Ethelberta* (The Hand of Ethelberta - 1876); tác phẩm này được đón nhận khá thờ ơ và không phổ biến mấy. Bù lại, tiểu thuyết *Trở lại cố hương* (The Return of the Native - 1878)⁽¹⁾ ngày càng được nhiều người hâm mộ do bối cảnh nổi bật của Egdon Heath, dựa trên vùng hoang địa ảm đạm và khắc nghiệt mà ông từng biết hồi thời thơ ấu.

Cái chết của đột ngột của Emma vào năm 1912 kết thúc hai mươi năm sống chung với nhau trong tình trạng xa lạ, nhưng nó cũng khơi gợi lại những tháng ngày tươi đẹp trong mối tình của họ, và là nguồn cảm hứng để ông hoàn thành một số tác phẩm thơ xuất sắc. Năm 1914, Hardy kết hôn với Florence Emily Dugdale, trẻ hơn ông 38 tuổi. Dù đôi khi người vợ thứ hai này gặp khó khăn, vì Hardy quá nặng lòng với những hoài niệm về người vợ cũ, bà vẫn toàn tâm chăm sóc sức khỏe tuổi già của ông cho tới lúc ông qua đời vào tháng 11/1928. Trong cốt của ông được đặt trong “Góc của các nhà thơ” (Poets’ Corner) tại Tu viện Westminster, còn quả tim được chôn cất chung một nấm mộ với Emma tại nghĩa trang giáo xứ Stinsford.

1. Nguyễn Thành Nhân dịch, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2018.

Trọn đời văn nghiệp, Thomas Hardy đã sáng tác tổng cộng 14 tiểu thuyết (các tác phẩm nổi bật nhất là *Far From the Madding Crowd*, *The Return of the Native*, *The Mayor of Casterbridge*, *Tess of the d'Urbervilles*, và *Jude the Obscure*), hàng trăm truyện ngắn, hai vở kịch, và chín tập thơ. Ông được công nhận rộng rãi là một nhà văn lớn của thế kỷ 19 và nhà thơ lớn của thế kỷ 20. Năm 1910, ông được tặng thưởng Huân chương Công trạng (Order of Merit)⁽¹⁾. Ngoài ra, ông được vinh hạnh đề cử cho giải Nobel Văn chương nhiều lần (1910 - 1914, 1920, 1923 - 1927)⁽²⁾.

Nhiều tác phẩm của ông được chuyển thể thành phim như *Tess of the d'Urbervilles* (1913; 1979; 1998, 2008), *The Return of the Native* (1994), *Jude the Obscure* (1996), *The Mayor of Casterbridge* (2000; 2003), *Under the Greenwood Tree* (2005), *Far From the Madding Crowd* (2015).

Nhiều nhà văn trẻ hơn, bao gồm D. H. Lawrence, John Cowper Powys, và Virginia Woolf rất hâm mộ các tác phẩm của ông. Một số nhà soạn nhạc nổi tiếng, bao gồm Gerald Finzi, Benjamin Britten, và Gustav Holst đã lấy thơ của ông để phổ nhạc. Holst cũng soạn bản giao hưởng dựa trên chủ đề của tiểu thuyết *The Return of the Native* nhan đề *Egdon Heath: A Homage to Thomas Hardy* vào năm 1927.

-
1. Danh hiệu cao quý do người đứng đầu Hoàng gia nước Anh tặng thưởng cho những người có đóng góp nổi bật trong các lĩnh vực văn hóa, khoa học, quân sự, nghệ thuật, văn chương và công nghệ. Người được ban tặng danh hiệu này được kèm theo sau tên của mình hai chữ viết tắt OM.
 2. Nguồn: https://www.nobelprize.org/nomination/archive/show_people.php?id=3892

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU 5

Phần một Trinh nữ

• Chương 1	10
• Chương 2	17
• Chương 3	27
• Chương 4	36
• Chương 5	50
• Chương 6	63
• Chương 7	70
• Chương 8	77
• Chương 9	84
• Chương 10	92
• Chương 11	105

Phần hai Không còn là trinh nữ

• Chương 12	116
• Chương 13	128
• Chương 14	134
• Chương 15	151

**Phân ba
Hồi phục**

- Chương 16 158
- Chương 17 166
- Chương 18 177
- Chương 19 188
- Chương 20 200
- Chương 21 206
- Chương 22 215
- Chương 23 220
- Chương 24 230

**Phân bốn
Hậu quả**

- Chương 25 238
- Chương 26 251
- Chương 27 260
- Chương 28 269
- Chương 29 277
- Chương 30 286
- Chương 31 296
- Chương 32 309
- Chương 33 319
- Chương 34 332

**Phân năm
Sự trả giá**

- Chương 35 348
- Chương 36 361
- Chương 37 377

• Chương 38	389
• Chương 39	396
• Chương 40	405
• Chương 41	415
• Chương 42	425
• Chương 43	433
• Chương 44	447

**Phần sáu
Kẻ cải đạo**

• Chương 45	462
• Chương 46	474
• Chương 47	490
• Chương 48	502
• Chương 49	510
• Chương 50	520
• Chương 51	530
• Chương 52	541

**Phần bảy
Hoàn thành**

• Chương 53	552
• Chương 54	559
• Chương 55	565
• Chương 56	572
• Chương 57	578
• Chương 58	587
• Chương 59	598
Về tác giả	601